

**Quán Vô Lượng Thọ Phật
Kinh Số Sao
Diễn Nghĩa**

**觀無量壽佛經
疏鈔演義**

**Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo chánh: Minh Tiến, Đức Phong và Huệ Trang**

Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

觀無量壽佛經疏鈔演義

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Thời gian: Khởi giảng từ ngày 01 tháng 12 năm 1990

Địa điểm: Hoa Tạng Đồ Thư Quán, huyện Cảnh Mỹ, Đài Loan

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảng chánh: Minh Tiến, Đức Phong và Huệ Trang

Mục Lục

Tập 1.....3	Tập 15.....147
Tập 2.....14	Tập 16.....158
Tập 3.....24	Tập 17.....170
Tập 4.....34	Tập 18.....183
Tập 5.....45	Tập 19.....198
Tập 6.....55	Tập 20.....211
Tập 7.....66	Tập 21.....223
Tập 8.....76	Tập 22.....234
Tập 9.....86	Tập 23.....252
Tập 10.....96	Tập 24.....264
Tập 11.....106	Tập 25.....279
Tập 12.....116	Tập 26.....294
Tập 13.....127	Tập 27.....310
Tập 14.....137	Tập 28.....324

Tập 1

Xin chú ý mở phần Lời Tựa trong sách Số Sao Diễn Nghĩa, cũng là trang thứ nhất theo cách đánh số bằng chữ số Ả Rập¹ ở cuối trang, mở trang thứ nhất, tức trang thứ nhất sau phần Khoa Phán.

Lần này tôi được Diệp cư sĩ khai thỉnh, giảng bộ Quán Kinh Diệu Tông Sao. Chúng tôi đang in Số Sao², có thể sẽ gởi tới ngày hôm nay. Sau khi nhận được sách, sẽ chia ra biếu tặng các vị đồng tu. Số Sao không chỉ phân lượng lớn, lại còn có mức độ khá tinh vi, sâu thẳm, trong kỳ hạn một tuần ngắn ngủi rất khó giảng xong! Khóa giảng này, chúng tôi chọn bộ Số Sao Diễn Nghĩa. [Có danh xưng] Diễn Nghĩa là do lão pháp sư Đệ Nhàn đã viết một bản tinh giản cho bộ Diệu Tông Sao, tức là chọn lọc những phần trọng yếu và tinh hoa. Vì thế, sách Diễn Nghĩa chính là tinh hoa của Số Sao. Lần này, chúng tôi cùng chú ý chung sức nghiên cứu, cũng dùng phương thức tinh giản, ngõ hầu trong khoảng thời gian ngắn ngủi chú ý có thể nhận biết khái lược lý luận, cách tu học, nhân quả, và thành tựu của Tịnh Tông, như vậy thì mục đích của khóa giảng này đã đạt được! Do đó, tôi cũng chẳng bỏ qua lời tựa của lão pháp sư, vì Ngài viết lời tựa rất hay; những điểm trọng yếu trong lời tựa cũng cần phải đề cập.

Chúng ta xem lời tựa, “*Quán Kinh Số Sao Diễn Nghĩa tựa*”, trước hết, hãy đọc đoạn ấy một lượt: “*Di Đà kinh dĩ tín nguyện lực trì Phật danh hiệu, vi chí trực tiếp, chí viên đốn, tối cực ổn đáng, tối dị thành tựu, thị Thế Tôn triệt để bi tâm, phổ linh nghiệp trọng chúng sanh hoành siêu tam giới, đời nghiệp vãng sanh, cố xưng dị thắng phương tiện chi pháp môn dã*” (Kinh Di Đà dùng sức tín nguyện để trì danh hiệu Phật, là [cách tu] thẳng chóng nhất, viên đốn nhất, ổn thỏa, thích đáng tốt bậc nhất, dễ thành tựu nhất, đó là bi tâm triệt để của đức Thế Tôn, khiến cho khắp các chúng sanh vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, đời nghiệp vãng sanh, nên được gọi là “pháp môn có phương tiện thù thắng lạ thường”).

Ba bộ kinh trọng yếu nhất trong Tịnh Độ Tông là kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà và kinh này, được gọi là Tịnh Độ Tam Kinh. Kinh Vô Lượng Thọ là khái luận của Tịnh Độ Tông, giới thiệu viên mãn y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương, nên là một bộ kinh điển trọng yếu nhất trong Tịnh Độ Tông. Kinh Di Đà là tinh yếu của kinh Vô Lượng Thọ, điểm đặc sắc trong kinh ấy là khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hành. Những điểm đặc sắc của kinh Di Đà đã được nêu rõ bởi mấy câu này [của pháp sư Đệ Nhàn], xác thực là “*dị thắng*

¹ Chữ số Ả Rập (Arabic Numerals) chính là những chữ số thường dùng trong hiện thời; đôi khi còn gọi là Hindu-Arabic Numerals hoặc Indo-Arabic Numerals. Theo các nhà nghiên cứu, chúng được hình thành bởi các nhà toán học cổ Ấn Độ, và được các nhà toán học Hồi Giáo sử dụng. Về sau, những con số ấy được truyền vào châu Âu vào thế kỷ thứ mười bởi những cư dân Bắc Phi, nên có danh xưng như vậy nhằm phân biệt với chữ số La Mã được sử dụng thông dụng tại Âu Tây thời đó.

² Số Sao được nói ở đây chính là cách gọi tắt của bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Số Diệu Tông Sao, xin đừng lầm với bộ A Di Đà Kinh Số Sao của Liên Trì đại sư.

phương tiện”, “*dị*” (異) là lạ lùng, chẳng giống với những kinh điển và pháp môn khác, “*thắng*” (勝) là thù thắng. [*“Dị thắng phương tiện”*] là pháp môn thù thắng lạ lùng, thuận tiện khôn sánh. Cũng có thể nói là [trong khi] bất cứ phương pháp nào cũng đều chẳng độ được, [vì] nghiệp chướng và tập khí của các chúng sanh ấy quá nặng, đều độ không được, thì pháp môn này có thể độ. Do đó, pháp môn này đích xác là pháp môn thù thắng bậc nhất!

Chúng ta nhìn lại kinh này, [kinh này] thiên trọng lý luận và phương pháp của Tịnh Tông. Phương pháp là mười sáu phép Quán, bao gồm Quán Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, và Trì Danh Niệm Phật, các phương pháp niệm Phật đều có trong bộ kinh này. Đồng thời, kinh lại còn giảng rõ nhân quả của bốn cõi và chín phẩm trong Tịnh Độ rõ ràng, cặn kẽ hơn Tam Bối Vãng Sanh (ba bậc vãng sanh) trong kinh Vô Lượng Thọ. Vì thế, đối với người tu Tịnh Độ, nói thực tại, phải hợp ba kinh lại để xem thì mới có thể liễu giải và nhận thức triệt để Tịnh Tông, tin tâm mới có thể sanh khởi. Về sau, các vị đại đức như cư sĩ Ngụy Nguyên đã ghép phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh nguyện vào sau ba kinh, trở thành Tịnh Độ Tứ Kinh; lão pháp sư Ấn Quang là một vị tổ sư cận đại của Tịnh Tông lại ghép chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm vào sau bốn kinh, trở thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Chúng ta suy nghĩ, có còn cần phải ghép thêm một kinh nào nữa để thành Tịnh Độ Lục Kinh hay không? Nói thật ra, đến năm kinh là đã thật sự viên mãn trọn đủ, chẳng cần đến sáu kinh, chẳng cần thêm nữa, đã đạt đến viên mãn rồi! Vì thế, tu hành trong Tịnh Tông, năm bộ kinh ấy là viên cực, tức là đã đạt đến viên mãn tốt bậc, mà cũng là đốn cực (nhanh chóng tốt bậc). Đó là người trong thời đại chúng ta có phước, kinh điển hoàn bị đã xuất hiện trong thời này!

Chúng ta lại xem đoạn kê tiếp: “*Cổ đức vân: Nhược nhân đản niệm A Di Đà, thị danh Vô Thượng Thâm Diệu Thiên*”. (Cổ đức nói: “Nếu ai chỉ niệm A Di Đà, bèn gọi là Vô Thượng Thâm Diệu Thiên”). Nói rõ Niệm Phật là Thiên học vô thượng thậm thâm vi diệu. Không chỉ là Thiên, một câu A Di Đà Phật còn là vô thượng thần chú, từ kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy được điều này. Mật Tông trong cõi này do Kim Cang Tát Đỏa Bồ Tát truyền dạy. Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva) là người sáng lập Mật Tông, là tổ sư khai sơn đời thứ nhất của Mật Tông; vị Bồ Tát ấy là hóa thân của Phổ Hiền Bồ Tát. Trong hội Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát đề xướng Tịnh Độ đầu tiên, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, nên một câu A Di Đà Phật là vô thượng thần chú của Mật Tông. Quý vị niệm câu A Di Đà Phật, không chỉ là Giáo, mà còn bao gồm Thiên, lại còn bao quát Mật, cũng bao gồm giới luật, tất cả hết thảy các pháp môn đều được bao gồm chẳng sót! Pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn; trước hết, chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này.

Kể đó, lời tựa viết: “*Ngô nhân quả năng y giáo tu hành, dĩ chân tín, thiết nguyện, đản niệm Di Đà, tắc vô luận thời chi cửu cận*” (Chúng ta thật sự có thể tu hành đúng như lời dạy, dùng lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, chỉ niệm Di Đà, ắt chẳng cần bàn tới thời gian [niệm Phật] đã lâu hay mới đây). “*Cửu*” (久) là quý vị niệm Phật trong một thời gian dài. “*Cận*” (近) là quý vị niệm Phật trong

một thời gian ngắn, thậm chí khi lâm chung mới bắt đầu niệm Phật vẫn chẳng trễ. “*Công chi thiên thâm*” (Công phu sâu hay cạn), “*công*” (功) là nói tới công phu. Công phu là nói về mức độ khuất phục phiền não, tâm địa thanh tịnh. “*Lâm mạng chung thời, quyết định vãng sanh. vô khả nghi giả*” (Lúc lâm chung, chắc chắn vãng sanh, chẳng thể nghi ngờ). Đến đây là một đoạn, đều nhằm khuyên chúng ta phải nghiêm túc tu học pháp môn này.

Hai dòng tiếp theo rất trọng yếu: “*Như kỳ tín bất chân, nguyện bất thiết, niệm bất chuyên giả, bất danh đản niệm*” (Nếu tín chẳng chân thật, nguyện chẳng thiết tha, niệm chẳng chuyên thì chẳng gọi là “chỉ niệm”). Đó chẳng gọi là “*đản niệm*” (但念). “*Đản niệm*” là chuyên niệm. Kinh Vô Lượng Thọ nói “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Câu “*chuyên niệm*” trong kinh Vô Lượng Thọ chính là “*đản niệm*” được nói ở đây. Như thế sẽ không gọi là “*nhất hướng chuyên niệm*”. “*Nãi danh tạp niệm*” (Mà gọi là tạp niệm); chẳng phải là chuyên niệm, mà là tạp niệm. “*Tuy kháng niệm Phật, nan trăn thật ích*” (Tuy chịu niệm Phật, khó đạt được lợi ích thật sự). Tuy niệm Phật, không dễ gì đạt được lợi ích chân thật do niệm Phật. Lợi ích chân thật là gì? Vãng sanh trong đời này, đó là lợi ích chân chánh. Đời này chẳng thể vãng sanh, sẽ chẳng đạt lợi ích chân thật. “*Sở dĩ niệm Phật nhân đa, vãng sanh giả thiếu nhi*” (Do đó, người niệm Phật đông, người vãng sanh ít ỏi). Đạo lý ở ngay chỗ này. Ở đây, đại sư đã giảng rất rõ ràng, minh bạch.

Lão pháp sư tuy là tổ sư bên Thiên Thai Tông, nhưng Ngài niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Trong hội của Ngài, người niệm Phật vãng sanh, biết trước lúc mất rất nhiều. Trước kia, chúng ta đã nghe lão pháp sư Đàm Hư kể: Ngài Đế Nhân có một học trò, tức là đồ đệ, không biết chữ, chưa từng nghe kinh, chưa hề nghe Phật pháp. Ông ta theo lão nhân gia xuất gia, Sư dạy ông ta một câu Nam-mô A Di Đà Phật. Sư bảo: “*Ông cứ niệm mãi một câu Phật hiệu ấy. Hễ niệm đã mệt bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe rồi bèn niệm tiếp, tương lai nhất định có lợi*”. Nói thật ra, người học trò ấy hết sức thật thà, tuân theo lời thầy dạy một trăm phần trăm. Ông ta niệm như vậy, hễ niệm đã mệt bèn nghỉ ngơi. Nghỉ ngơi khỏe khoắn xong lại niệm tiếp. Niệm ba năm, biết trước lúc mất, đứng vãng sanh. Sau khi vãng sanh, còn đứng vững suốt ba ngày, chờ sư phụ đến lo liệu hậu sự cho mình. Chuyện này chẳng dễ dàng, sau khi vãng sanh còn đứng suốt ba ngày! Vị này là học trò của lão pháp sư Đế Nhân. Vì lẽ đó, chuyện này ngàn vạn phần chân xác. Bản chú giải này của lão hòa thượng là công phu tu chứng chân thật của Ngài, tuyệt đối chẳng có một câu nào là vọng ngữ, chúng ta hãy nên y giáo phụng hành.

Đối với phần còn lại của lời tựa, quý vị tự xem, tôi chỉ đề cập những chỗ trọng yếu với quý vị. Chúng ta xem trang thứ hai, số trang đều được ghi ở cuối trang. Xem từ ba chữ cuối của dòng thứ tư: “*Phật thuyết tam chủng Tịnh nghiệp, đáp bỉ tư duy, thuyết thập lục diệu quán, thù kỳ Chánh Thọ*” (Đức Phật nói ba thứ Tịnh nghiệp để đáp câu hỏi của bà ta về cách tư duy, nói ra mười sáu phép Quán màu nhiệm để trả lời câu hỏi về Chánh Thọ). Chữ Bỉ (彼) chỉ phu nhân Vi Đề Hy. Bà ta gặp hoàn cảnh xấu hèn, nói theo cách bây giờ, con trai của bà ta làm chánh biến (đạo chánh) đoạt quyền, cha ông ta là quốc vương. Ông ta đoạt quyền của

cha, giết cha, hại mẹ. Trong tình huống như vậy, bà ta phát tâm chẳng muốn ở trong thế gian này, mong cầu sanh Tịnh Độ, mong đức Phật dạy cho biết có nơi nào tốt đẹp để bà ta sanh về đó hay không! Thích Ca Mâu Ni Phật dùng thần lực, biến hiện hết thảy các cõi Phật trước mặt phu nhân Vi Đề Hy để bà ta tự xem, tự mình chọn lựa. Sau khi xem xong, bà ta thưa rõ với Thích Ca Mâu Ni Phật, mong mỗi được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. [Ý nguyện] cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới do chính phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa, chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu. Phật độ chúng sanh, phương pháp rất dân chủ, chẳng phải là chuyên chế, chẳng khuyên quý vị đến đâu, mà cho quý vị thấy toàn thể các cõi Phật để quý vị tự do chọn lựa. Đương nhiên, bà ta chọn lựa cõi tốt nhất, điểm này đáng cho chúng ta chú ý. Sau khi đã chọn lựa, bà ta liền thỉnh giáo Thích Ca Mâu Ni: “Làm thế nào thì mới có thể sanh về đó?” Do vậy, ở đây, đức Phật mới nói ra hai phương pháp quan trọng:

- Một là ba thứ Tịnh nghiệp,
- Hai là mười sáu phép Quán mẫu nhiệm.

Đây là dạy cho bà ta phương pháp trọng yếu để tu Tịnh Độ.

Trong đoạn này, cụ Đề Nhàn đã nói rõ: “*Tiền thập nhị Quán, vị thượng căn nhân, giáo Quán Tướng Niệm Phật*” (Mười hai phép Quán đầu để dạy người thượng căn tu Quán Tướng Niệm Phật). Người thượng căn như vừa mới nói chính là người phiền não nhẹ, căn tánh ấy là thượng căn. Phép Quán thứ mười ba là Quán Tướng Niệm Phật (mười hai phép Quán trước đó là Quán Tướng Niệm Phật) để dạy kẻ trung căn. Trung căn thì phiền não nặng hơn một chút, mười hai phương pháp trước đó chẳng thích hợp. Phép Quán cuối cùng, tức phép Quán thứ mười sáu dành cho kẻ hạ căn, hạ căn là ai? Kẻ ác nghiệp nặng nề.

Quý vị xem trang thứ hai, dòng thứ tư từ dưới đếm lên: “*Duy tối hậu nhất Quán, vị tối hạ căn nghiệp trọng ác nhân, lâm chung ngục cảnh hiện tiền chi thời, thiện hữu giáo linh xưng Phật danh hiệu, tức đắc vãng sanh*” (Chỉ có phép Quán cuối cùng là vì kẻ ác, căn cơ thấp nhất, nghiệp nặng nề, lúc lâm chung cảnh địa ngục hiện tiền, bạn lành dạy người ấy xưng niệm danh hiệu Phật, liền được vãng sanh). Đây là kẻ tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác, nghiệp chướng vô cùng nặng nề. Chúng ta hãy nghĩ xem nghiệp chướng của chính mình có nặng nề hay không? Có người nói: “Tôi chẳng phải là thượng căn, cũng coi như là trung căn, còn chưa đến mức hạ căn”. Thật ra, quý vị đọc kinh này kỹ càng, [sẽ thấy] chúng ta đích xác là kẻ hạ hạ căn. Chúng ta tạo ác nghiệp, ác nghiệp cực nặng, nhưng chính mình không biết, chính mình chẳng giác ngộ! Hy vọng trong một tuần này, sau khi quý vị nghe xong, có thể tự mình biết bản thân nghiệp chướng, tập khí nặng nề thì quý vị đến tham gia pháp hội lần này sẽ có thu hoạch! [Đối với] người tội nghiệp cực nặng, [sử dụng] phương pháp gì sẽ có thể độ được? Trì danh niệm Phật có thể độ. Tập khí nghiệp chướng, tội nghiệp nặng nề, đừng sợ! Sợ là sợ chính mình không biết, chẳng biết quay đầu, chẳng biết niệm Phật thì chẳng còn có cách nào cả! Tội nghiệp cực nặng, nhưng tự biết chính mình nghiệp chướng nặng nề, biết niệm Phật, biết cầu sanh Tịnh Độ, vậy thì có thể cứu được, chẳng

phải là không thể cứu. Vì thế, pháp môn này thật sự là một pháp môn chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng ta lại xem dòng thứ sáu nơi trang thứ ba kể đó, đọc câu cuối cùng: “*Kinh vân, trì thị kinh giả, tức thị trì Vô Lượng Thọ Phật danh, tức chứng trì kinh, trì danh, vô nhị trí dã. Tu trì Trì Danh nhất pháp, pháp nhĩ viên cụ Tam Quán diệu hạnh, sở vị ngô nhân nhật dụng tự bất tri nhĩ*” (Kinh dạy: “Trì kinh này chính là trì danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật”. Đủ chứng tỏ trì kinh và trì danh chẳng hai. Cần biết rằng: Một pháp Trì Danh vốn sẵn trọn đủ diệu hạnh Tam Quán, đó gọi là “bọn chúng ta sử dụng hằng ngày mà chẳng hay biết”). Mấy câu này rất trọng yếu, khai thị minh bạch: Niệm Phật và niệm kinh như nhau. Đúng như trong chương Viên Thông, Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: “*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật*”. Vì nghiệp chướng tập khí của chính mình rất nặng, trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc nhở chư vị đồng tu điều này, nghiệp chướng là gì? Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất rõ ràng, vọng tưởng và chấp trước là nghiệp chướng. Trong phẩm [Nhu Lai] Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất rõ rệt, Ngài nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng và chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Vọng tưởng là Sở Tri Chướng, chấp trước là Phiền Não Chướng. Quý vị có hai thứ ấy tồn tại, nên chẳng thể thấy Phật, chẳng thể minh tâm kiến tánh. Tu học trong Phật pháp là trừ hai chướng mà thôi, dùng phương pháp là Giới, Định, Huệ. Những điều được gọi là Giới chính là “*lấy độc trị độc*”, dạy quý vị nghiêm trì giới luật. “*Tri*” (持) là chấp trước, dùng phương pháp chấp trước để phá chấp trước, lấy độc trị độc mà! Chúng ta phải hiểu điều này!

Mục đích của Giới là ở chỗ nào? Mục đích là đắc Định. Trì giới luật đâu tốt đẹp cách mấy, nhưng tâm chẳng thanh tịnh thì Giới ấy liền biến thành phước báo hữu lậu, biến thành một thứ thiện hạnh trong thế tục. Điều thiện trong thế tục chẳng phải là chân thiện, mà là phước báo hữu lậu, nhất định phải đắc Định! Giống như chúng ta lên cầu thang, giới luật giống như cầu thang, nhằm mục đích nào? Phải tiến lên tầng lầu bên trên, chẳng thể ngừng tại cầu thang, chẳng tiến lên! [Ngừng tại đó] là sai lầm! Trèo lên thang lầu để tiến lên tầng trên, ắt cần phải bỏ tầng dưới thì mới có thể lên được tầng trên. Vì thế, nói là “*xả đắc*” (có bỏ thì mới đạt được), quý vị có thể bỏ phía dưới thì mới có thể lên được tầng trên. Do đó, có cần giới luật hay không? Cần! Phải nghiêm trì giới luật. Do vậy, cổ đức khuyên chúng ta trì giới niệm Phật. Trong kinh Vô Lượng Thọ, từ chương ba mươi ba đến chương ba mươi bảy là giới luật. Vì lẽ đó, trong công khóa sáng của các đồng tu tại [Hoa Tạng] Đồ Thư Quán, chúng ta niệm bốn mươi tám nguyện; khóa tối bèn niệm từ chương ba mươi ba đến chương ba mươi bảy. Đó là trì giới niệm Phật. Mục đích của chúng tôi là hy vọng tâm nguyện và giải hạnh của chúng ta tương ứng với A Di Đà Phật, giống như A Di Đà Phật; như vậy thì mới có thể quyết định vãng sanh. Đó là giảng rõ: Công đức đọc kinh và trì danh hoàn toàn giống nhau.

Niệm Phật nhằm mục tiêu nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn chẳng dễ cầu được! Vì thế, khuyên các đồng tu trước hết hãy niệm kinh Vô Lượng Thọ. Trước hết là niệm kinh nhuần nhuyễn, niệm đến mức có thể thuộc lòng, có thể niệm rất thuộc là bước công phu đầu tiên. Vì sau đã khi niệm rất thuộc, phải tu tâm thanh tịnh, tức là nói đến công phu. Công phu là gì? Trong bộ kinh ấy, [niệm] từ đầu đến cuối chẳng dấy một vọng tưởng, đó là công phu. Nếu niệm được một nửa bèn dấy vọng tưởng, chẳng tính, lại niệm từ đầu. Lại niệm đến một nửa bèn dấy vọng tưởng, vẫn chẳng tính, lại bắt đầu niệm từ đầu. Đó là công phu! Công phu cạn là trong một bộ kinh chẳng có vọng tưởng; công phu sâu là ba bộ hay năm bộ cũng chẳng có một vọng tưởng. Sâu hơn nữa, trong khi niệm mười bộ, hay niệm mười hai bộ, đều chẳng có một vọng tưởng nào, đó là thành tựu. Công phu cạn hay sâu là nói từ chỗ này!

Vì sao tôi không nói tới Phật hiệu? Chúng ta tội nghiệp sâu nặng, Phật hiệu chưa được! Vừa niệm Phật hiệu, vừa dấy vọng tưởng. Do đó, chẳng có cách nào, công phu sâu hay cạn dựa vào Phật hiệu, quả thật nhìn không ra, nhưng niệm kinh sẽ nhìn ra! Khi niệm kinh, hễ có vọng tưởng, liền biết ta niệm sai, hễ sai bèn niệm lại từ đầu. Do đó, công phu cạn hay sâu rất dễ dàng cảm nhận qua việc niệm kinh. Niệm đến mức công phu của chính mình xác thực thành tựu thì ta niệm mười bộ cũng chẳng dấy lên một vọng niệm. Khi đó, chẳng cần niệm kinh mà chuyên niệm Phật hiệu, đó chính là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Tôi dạy chư vị phương pháp này, quý vị hành theo phương pháp này, trong một đời này, chắc chắn vãng sanh. Chương ngại kết thành cả khối là vì đâu? Kết thành cả khối vì trong tâm chúng ta vướng mắc quá nhiều chuyện, thị phi, nhân ngã quá nhiều. Quý vị chẳng buông những thứ ấy xuống được, không được rồi! Do đó, tham, sân, si, mạn, thị phi, ta người, thảy đều phải buông xuống.

Đối với chuyện tốt thì chuyện tốt chẳng bằng vô sự, nay chúng ta muốn gì? Muốn vô sự, chớ nên mong chuyện tốt! Đến khi công phu của quý vị thật sự thành tựu, hy vọng quý vị sẽ làm nhiều chuyện tốt. Hiện thời, vì sao chẳng thể làm chuyện tốt? Quý vị chẳng có công phu; hễ làm chuyện tốt sẽ hỏng, sẽ đọa lạc, vì chưa thể đoạn vọng tưởng, chấp trước được! Vì thế, chẳng cần làm chuyện tốt, kẻ khác chê ta là Tiểu Thừa, tiêu cực, cứ mặc cho họ nói. Ta công phu chẳng đủ! Giống như thấy có người ngã xuống nước chết chìm, [người khác thúc giục]: “Người là kẻ chẳng có tâm từ bi, người chẳng nhảy xuống cứu người ấy”. Tôi không biết bơi, nhảy xuống sẽ chết uống một mạng! Tôi phải ngay lập tức đi học bơi. Người ta nói quý vị là Tiểu Thừa, là kẻ chỉ lo giải thoát riêng mình, [hãy đáp]: “Tôi đang học bản lãnh, hiện thời chẳng có bản lãnh cứu người khác!” Vì thế, chẳng mong mỗi quý vị phải làm chuyện tốt. Chẳng phải là tôi khuyên chư vị tiêu cực, mà do tôi thấy mọi người thiếu bản lãnh ấy. Quý vị chẳng có năng lực làm chuyện tốt, nên tôi nói lời thật cùng quý vị!

Tôi chỉ giới thiệu lời tựa với mọi người đến đây, nay chúng ta sẽ xem nội dung chính nơi trang thứ năm. Quán Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa quyển thượng, chúng ta xem đề mục trong hàng thứ nhất: “*Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ Diệu Tông Sao*”. “*Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh*” là

tựa đề của kinh này. “Sớ” (疏) có nghĩa là khai thông. Kinh quá sâu, chúng ta là kẻ sơ học không hiểu. Sớ là chú giải, giải thích, khai thông những nghĩa lý, nên gọi là Sớ. Chú giải có rất nhiều danh xưng. Luận là chú giải, mà Sớ cũng là chú giải. Dùng những chữ ấy có gì sai khác? Bồ Tát chú giải kinh, như Đại Trí Độ Luận là chú giải của kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật. Chúng ta thấy Lý Trường Giả Lý Thông Huyền chú giải kinh Hoa Nghiêm, đặt tên là Hoa Nghiêm Hợp Luận, dùng chữ Luận, không dùng chữ Sớ, chẳng dùng chữ Sao. Chư vị phải biết, dùng chữ Luận nhằm nói rõ bản chú giải của vị ấy quyết định không sai, chẳng khác gì đức Phật đã nói, người đời sau chẳng thể sửa đổi, ngữ khí vô cùng khẳng định. Bồ Tát đại đức chú giải kinh bèn dùng chữ ấy. Về sau, các vị tổ sư đại đức khiêm hư, chẳng dùng chữ Luận, mà dùng chữ Sớ. “Sớ” là có thể trong đó còn có chỗ chẳng đúng, xin quý vị hãy sửa đổi cho đúng hơn. Luận là chẳng thể sửa đổi, lời tôi chú giải chẳng khác lời Phật giảng, chẳng thể sửa đổi. Vì thế, dùng chữ Sớ hoặc Sao thì khiêm hư hơn. Người hiện thời càng khiêm hư hơn, dùng chữ Giảng Nghĩa (講義), Thiển Thích (淺釋: giải thích nông cạn), những chữ ấy càng khiêm hư hơn, ngay cả những chữ Sớ và Sao đều chẳng dám dùng, càng ngày càng khiêm hư hơn.

Nói thực tại, bộ Sớ này là Luận, nhưng đại sư khiêm hư. Sớ là giải thích kinh, Sao (鈔) nhằm giải thích Sớ, [vì] Sớ vẫn còn rất sâu, kẻ sơ học vẫn chẳng dễ gì hiểu được! Tôn giả Tứ Minh là hậu duệ của tông Thiên Thai, kế tục Trí Giả đại sư. Bộ Sớ này do Trí Giả đại sư soạn, [ngài Tứ Minh] lại tiếp tục giải thích thêm lời Sớ của Trí Giả đại sư, nên gọi là Sao. Sớ Sao là được rồi, vì sao đặt tên là Diệu Tông Sao (妙宗鈔)? Trong phần giải thích dưới đây có giảng, chúng ta hãy xem dòng thứ hai đếm từ dưới lên trong trang này, câu cuối cùng: “Sao danh Diệu Tông giả”, [nghĩa là] tác phẩm Sao này có tựa đề là Diệu Tông Sao. “Nãi thủ Sớ thích kinh đề đại ý” (Do lấy từ đại ý trong phần Sớ giải thích tựa đề kinh). Chữ Diệu Tông ngụ ý dựa theo các ý nghĩa chánh yếu trong phần giải thích tựa đề kinh của Trí Giả đại sư, tức là trong phần Huyền Nghĩa, [chọn lấy] đoạn Huyền Nghĩa giải thích tựa đề kinh thuộc Ngũ Trùng Huyền Nghĩa. Trí Giả đại sư dùng “viên diệu Tam Quán” để giải thích Năng Quán, tức là giải thích chữ Quán trong Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật. Thiên Thai đại sư (Trí Giả đại sư) dùng Không, Giả, Trung Tam Quán để giải thích chữ Quán ấy. Quán xét theo phương diện Năng Quán là Viên Diệu Tam Quán, đức Phật được quán (Sở Quán) là Vô Lượng Thọ Phật, nên Năng Quán (chủ thể thực hiện sự quán tưởng) và Sở Quán (đối tượng được quán tưởng) đều là viên diệu tột bậc. Đối với đối tượng của sự Quán ấy, [tức là đối tượng của sự] Quán trong Năng Quán gồm Tam Quán Không, Giả, Trung, chúng ta lãnh hội chẳng khó; [bởi lẽ] cảnh được quán gồm có [các cảnh tượng được giới thiệu trong] mười sáu phép Quán. Đã là mười sáu phép Quán, vì sao chỉ nói “Quán Vô Lượng Thọ Phật”? Vì sao đức Phật chẳng nói là Nhật Quán (quán mặt trời [sấp lặn]), Thủy Quán (quán nước [đóng băng] giống như đất lưu ly), hoặc Thụ Quán (quán cây báu)? Vì sao Ngài không nói những điều ấy, mà nói [quán] Vô Lượng Thọ Phật? Chư vị phải hiểu: Mười sáu phép Quán lấy Phật làm chủ. Nói Vô Lượng Thọ Phật thì y báo và chánh báo trang

nghiêm đều được bao gồm. Ví như chúng ta nói Nhật Quán, Nhật Quán chẳng thể bao gồm Vô Lượng Thọ Phật. Nói Phật sẽ bao gồm hết thảy; nói những thứ khác, chẳng thể bao gồm hết thảy. Phép Quán thứ tám là Quán Thân Tướng, tức là quán Tây Phương Tam Thánh; phép Quán thứ chín là quán Vô Lượng Thọ Phật, nên Ngài chọn phép Quán thứ chín. Điều được quán trong tựa đề kinh chính là phép Quán thứ chín, tức là quán Vô Lượng Thọ Phật.

“*Phật ký tổng nhiếp dư thập ngũ cảnh*” ([nói tới] Phật đã gồm chung mười lăm cảnh kia), bao gồm toàn bộ mười sáu phép Quán. “*Cổ tri nhất nhất giai thị viên diệu Tam Đé Tam Quán dã*” (Cho nên biết: Mỗi một [phép Quán] đều là Tam Đé, Tam Quán viên diệu), đó là cảnh giới của đối tượng được Quán (Sở Quán). Năng Quán là Trí, Sở Quán là Lý. “*Thị kinh ký dĩ diệu quán vi Tông*” (Kinh này đã lấy Diệu Quán làm Tông), trong bộ kinh này, Tông (宗) là phương pháp, tông chỉ tu học. [Kinh này] lấy Quán làm phương pháp tu học. “*Học giả ung đương chú trọng Diệu Tông*” (Người học hãy nên chú trọng Diệu Tông), hãy đặc biệt chú trọng. Niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật cũng là Quán, [phép Quán này] được xếp thành phép Quán thứ mười sáu. Nếu nói “trong Trì Danh chẳng có Tam Chỉ Tam Quán³”, tức là chẳng phù hợp với giáo nghĩa trong kinh! Rất nhiều người niệm Phật chẳng biết đạo lý này. Không biết, nhưng nếu người ấy có thể thật thà niệm Phật thì cũng chẳng quan trọng, vì sao? Diệu quán ở ngay trong thật thà! Nói thật ra, lũ bình phàm chúng ta chẳng thật thà. Thật thà thì tốt đẹp rồi, ai là người thật thà? Pháp sư Đế Nhân nói người đồ đệ ấy của Ngài (tức vị tăng không biết chữ xuất thân là thợ vá nồi) mới là người thật thà. Trong ngàn vạn người, khó tìm được một người thật thà! Người thật thà phục tùng lời thầy răn dạy một trăm phần trăm, chẳng hoài nghi. Một câu Phật hiệu thật sự niệm đến mức chẳng hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp, đó là thật thà. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật hiệu, nhưng lại tưởng Đông, nghĩ Tây, lại nghĩ trước, nhớ sau, thật thà ở chỗ nào? Đó chẳng phải là thật thà! Có thể thấy thật thà đúng là chẳng dễ dàng.

Kế tiếp, phần đánh cách⁴ là nguyên văn [trong lời Sớ], “*Thiên Thai Trí Giả đại sư thuyết*” (Thiên Thai Trí Giả đại sư nói), “*thuyết*” là “*thuyết Sớ*”, vì phần Sớ do Trí Giả đại sư soạn. “*Tứ Minh Pháp Trí đại sư sao*”, Sao là chú giải Sớ, do tôn giả Tứ Minh, tức pháp sư Tri Lễ (知禮) [soạn lời Sao]. Tứ Minh (四明) là danh xưng của một địa phương, tức là núi Thiên Thai ở huyện Tứ Minh, tỉnh

³ Tam Chỉ là:

- Thẻ Chân Chỉ: Thẻ niệm lý Chân Như, ngưng dứt hết thảy vọng tưởng phan duyên.
- Phương Tiện Tùy Duyên Chỉ (còn gọi là Duyên Thủ Cảnh Chỉ): An trụ nơi lý “các pháp đều là huyền hóa”, biết Không chẳng phải là Không, phân biệt dựa theo từng bệnh (phiền não) mà tùy duyên phân biệt các cảnh, an trụ trong Giả Đé, bất động.
- Tứ Nhị Biên Phân Biệt Chỉ (còn gọi là Chế Tâm Chỉ): Biết loại Chỉ thứ nhất lệch về Chân, loại Chỉ thứ hai lệch về Giả, ngưng dứt hai bên Chân và Giả, an trụ trong Trung Đé.

⁴ “*Đánh cách*” (頂格) là cách viết trang trọng trong văn bản cổ. Dòng chữ viết theo lối Đánh Cách sẽ cao hơn các cột chữ xung quanh một chữ. Văn bản cổ thường dùng lối Đánh Cách để biểu thị sự tôn trọng, nhất là khi trích dẫn chánh kinh.

Chiết Giang. Hai vị đại sư này, ngài Thiên Thai Trí Giả sống vào cuối đời Tùy đầu đời Đường, Tri Lễ đại sư là người thời Tống, là hậu duệ của ngài Thiên Thai, có rất nhiều công hiến đối với tông Thiên Thai, có thể nói Ngài là “*Thiên Thai trung hưng đại sư*”. Ngài trước tác rất nhiều, chúng ta thường tôn xưng Ngài là “*tôn giả Tứ Minh*”, lời Sao do Ngài viết. Chúng tôi tinh lược truyện ký của hai vị này, quý vị có thể tự đọc trong Cao Tăng Truyện. Ở đây, pháp sư Đê Nhân tinh lược tiểu sử của Trí Giả đại sư, viết đại lược tiểu truyện của tôn giả Tứ Minh, chúng ta có thể không cần đọc phần này.

Chúng ta xem phần lời tựa của Ngài trong trang thứ tám, xem phần đánh cách. “*Phù lạc bang chi dữ khổ vực, kim bảo chi dữ nê sa, thai ngục chi vọng hoa trì, cửc lâm chi tử quỳnh thụ*” (Ồ! Lạc bang so với khổ vực, vàng và chất báu sánh với bùn cát, thai ngục trông ngóng ao hoa, rừng gai góc đem so cây quỳnh), bốn câu này so sánh hai thế giới. “*Lạc bang*” là thế giới Cực Lạc, “*khổ vực*” (cõi khổ sở) là thế giới Sa Bà của chúng ta. Trước hết, nhìn từ hoàn cảnh sống trong hai thế giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng hơn cõi này quá nhiều! Tôi chỉ nói đại ý, phần giải thích chư vị tự đọc. Câu thứ hai, “*kim bảo chi dữ nê sa*” là nói đến hoàn cảnh vật chất. Trong thế giới này, nhìn đâu cũng thấy là bùn, cát, khắp mặt đất là bùn, cát. Tây Phương Cực Lạc thế giới là bảy báu. Kinh dạy: Đất đai trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là lưu ly, lưu ly (琉璃) là vật gì? Người Hoa gọi lưu ly là Phi Thúy (翡翠). Phi Thúy là một loại ngọc màu xanh, là loại ngọc tốt nhất, trân quý nhất, trong suốt; trong Phật pháp loại ngọc ấy được gọi là “*lưu ly*”. Đại địa của Tây Phương thế giới do phi thúy tạo thành, chẳng phải là bùn, cát. Đất ấy kiên cố, chất đất trong suốt, thấy rõ ràng phía dưới mặt đất. Kinh nói là “*hoàng kim vi địa*”, vàng ròng lót đường. Chất đất bằng phi thúy, là đất lưu ly. Trên mặt đất lưu ly, vàng ròng lót thành đường, giống như trong cõi này dùng nhựa đường và xi-măng để trải đường. [Từ đó] quý vị chỉ biết nơi ấy sản vật phong phú, hai thế giới chẳng thể so sánh! Người trong thế giới này lấy những thứ bảy báu ấy làm thành đồ trang sức, đeo trên thân [cảm thấy] rất đẹp đẽ. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, những thứ báu ấy giống như bùn đất, là vật liệu để lót đường, ai ham những thứ ấy? Quý vị bèn hiểu kết cấu vật chất của hai thế giới chẳng giống nhau.

Nay chúng ta biết: Dưới sự phân tích hóa học, bảy báu và bùn cát như nhau, chẳng khác gì! Phân tích đến cuối cùng đều là nguyên tử, điện tử, nhưng công thức cấu tạo khác nhau! Thật ra, hết thảy vật chất đều do một loại vật chất cơ bản biến hiện. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã giảng về hiện tượng vật lý ấy, các khoa học gia trong thế gian mãi đến gần đây mới phát hiện, nhưng từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã giảng rõ ràng. Kinh Kim Cang giảng điều gì? “*Nhất hợp tướng*”, nay chúng ta gọi “*nhất*” là vật chất cơ bản. Tất cả hết thảy các nguyên tố đều do một vật chất ấy hòa hợp, kết thành, hiện thời chúng ta nói là do công thức cấu tạo khác nhau mà tạo thành [những loại vật chất khác nhau]. Các công thức ấy được sắp xếp như thế nào? Thừa cùng quý vị, do tâm ý thức biến hiện. “*Duy thức sở biến*”, thức là gì? Là suy tưởng. Tâm chúng ta nghĩ đến chuyện ác, nó sẽ kết hợp chẳng tốt đẹp, nên kết quả sẽ chẳng tốt đẹp, biến thành bùn, cát.

Tâm chúng ta rất thanh tịnh, suy nghĩ những điều thuận thiện, kết cấu của nó liền biến hóa, biến thành đẹp đẽ nhất. Vì thế, thế giới tịnh hay uế, hoàn cảnh nhân sinh thiện hay ác đều do tâm chúng ta biến hiện.

Tâm người hiện thời so với tâm người trong quá khứ, nói thật thà thì xấu xa hơn rất nhiều, chẳng được thuận hậu như người thuở trước. Vì thế, hiện thời toàn cầu bị ô nhiễm nghiêm trọng. Sự ô nhiễm ấy gần như khiến cho nhân loại trên thế giới chẳng có cách nào sống sót, nên nói là “hoàn cảnh ô nhiễm”. Hoàn cảnh ô nhiễm từ đâu tạo thành? Tâm lý ô nhiễm, tinh thần ô nhiễm, đó mới là căn bản! Nếu chúng ta chẳng thể tịnh hóa từ tâm địa, tịnh hóa nơi tinh thần, mà muốn cải thiện sự ô nhiễm nơi hoàn cảnh, sẽ là chuyện chẳng thể nào thực hiện được! Vì sao? Đó là chuyện đặng ngọn. Tâm địa là gốc, phải đổ công dốc sức nơi tâm địa, đó là “trị tận gốc”. Dầu nỗ lực làm chuyện bên ngoài thế nào đi nữa, đều là “trị đặng ngọn”, chẳng có cách nào thật sự cứu vãn triệt để được! Câu thứ hai là nói về hoàn cảnh vật chất.

Câu thứ ba nói về hoàn cảnh nhân sự. Trong thế giới này, chúng ta là thai sanh, thai, noãn, thấp, hóa, thai sanh bèn có nỗi khổ của thai sanh. Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh. “*Hoa trì*” (華池) ý nói “hóa sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu”. Làm sao có thể so sánh cho được? Thai sanh có những nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử; hóa sanh chẳng có. Vãng sanh thế giới Cực Lạc, đức Phật đến đón tiếp chúng ta, liên hoa hóa sanh, thân tướng do hóa sanh hoàn toàn giống như A Di Đà Phật, cũng chẳng thấp hơn A Di Đà Phật chút nào, mà cũng chẳng xấu hơn A Di Đà Phật chút nào, chẳng thể! A Di Đà Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng đều có vô lượng hảo, hóa thân của quý vị giống như Phật. Vì vậy, thế giới Tây Phương là thế giới bình đẳng, chuyện này được chép trong kinh Vô Lượng Thọ. Không chỉ là kinh Vô Lượng Thọ, mà trong bốn mươi tám nguyện, A Di Đà Phật đích thân nói ra. Do đó, người trong thế giới Tây Phương diện mạo hoàn toàn giống nhau, vóc dáng cũng giống nhau, màu da cũng như nhau, thọ mạng cũng giống nhau, đều là vô lượng thọ. Chẳng thể nói “hóa sanh trong hoa sen là một đứa bé, dần dần trưởng thành”; nếu vậy thì có gì khác với thế giới này của chúng ta? Chỉ cần có biến hóa thì sẽ còn có sanh tử. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có biến hóa, chẳng có trẻ nhỏ, người lớn, cũng chẳng có già chết! Phật vô lượng thọ, tất cả hết thảy những người vãng sanh cũng đều vô lượng thọ, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Trong cõi này, chúng ta luôn biến hóa trong từng sát-na, nên thế gian này nói “*vạn pháp vô thường*”. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có biến hóa, hết thảy các pháp là chân thường. Hễ có biến hóa, sẽ chẳng thật. Chẳng có biến hóa mới là thật, kinh Vô Lượng Thọ đã giảng điều này hết sức cặn kẽ.

Câu cuối cùng nói đến sự thụ dụng. Cuộc sống trong cõi chúng ta gian nan, giống như ở trong rừng gai góc, cây cối có gai, hết sức khó đi lại. Con người từ lúc sanh ra cho đến khi chết già, con đường ấy rất khổ! [Dùng “rừng gai góc”] để tỷ dụ chuyện này. Tây Phương Cực Lạc thế giới “*quỳnh lâm, ngọc thụ*” (瓊林玉樹: rừng quỳnh, cây ngọc), hoàn toàn là hưởng thụ, du sơn ngoạn thủy, sự hưởng thụ ấy chẳng thể sánh tày. Do đó, bốn câu này là trình bày đơn giản về sự khác biệt giữa hai thế giới. Về mặt Sự, chúng ta hiểu rõ: Vì sao bất đồng? Phải nói tới

nguyên nhân nào, đoạn kế tiếp sẽ nêu ra. Trên thực tế, chúng tôi vừa mới đề cập cùng chư vị đại lược nguyên nhân ấy.

Chúng ta đọc đoạn văn ấy dòng thứ tư từ dưới đếm lên trong trang thứ chín: *“Thành do tâm phân cấu tịnh, kiến lưỡng độ chi thắng trầm, hạnh khai thiện ác, đồ nhị phương chi thô diệu”* (Đúng là do tâm chia ra cấu hay tịnh, mà thấy hai cõi thắng trầm; do hạnh phân thành thiện, ác, mà thấy hai phương thô hay diệu). Trong lời Sao, tôn giả Tứ Minh đã giảng: *“Báo chi tịnh uế, thật tòng tâm hạnh nhị nhân sở trí”* (Quả báo là tịnh hay uế, thật sự do hai cái nhân là tâm và hạnh gây nên). Quả báo trong hai thế giới khác nhau; vì sao khác nhau? Do lòng người trong hai thế giới khác nhau, hành vi cũng khác nhau. Ngài nói ra nguyên do ấy. Tâm là gì? Một đằng là mê, một đằng là ngộ, *“liễu”* (了) là giác ngộ. Lòng người trong thế giới Sa Bà mê hoặc, điên đảo; tâm người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thông đạt, hiểu rõ hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Trong hành vi [của người trong thế giới Sa Bà] có thiện hay ác, còn hành vi của họ (người trong cõi Cực Lạc) hoàn toàn tương ứng với Chân Như bản tánh. Đó là thuận, là thiện. Hành vi của chúng ta hoàn toàn trái nghịch Chân Như bản tánh, đó là ác. Đây là nói rõ vì sao quả báo trong hai thế giới khác nhau: Vì nhân của họ khác nhau. Bộ kinh này nhằm đặc biệt nói rõ, nhằm nói tường tận nhân quả với chúng ta. Nếu chúng ta muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chư vị đồng tu phải biết: Tâm chúng ta phải tịnh, hạnh của chúng ta phải thiện. Tâm chẳng thanh tịnh, hạnh bất thiện, niệm A Di Đà Phật cũng chẳng có tác dụng! Cổ nhân bảo là *“mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, rách toạc cổ họng vẫn uổng công”*. Chỉ có thể nói là gieo một chút thiện căn, chẳng thể vãng sanh trong một đời này! Vì thế, người thật sự cầu vãng sanh, phải chú trọng tu trì nơi tâm hạnh. Có cần nghỉ giải lao hay không? Được rồi, chúng ta nghỉ mấy phút.

Tập 2

Xin mở quyển kinh, trang thứ mười, dòng thứ ba đếm từ dưới lên:

“*Dụ hình đoan tắc ảnh trực, nguyên trước tắc lưu hôn*” (Ví như hình thể ngay ngắn thì hình ảnh ngay thẳng; nguồn đã như bản thì dòng chảy đục ngầu). “*Hình đoan*” (形端): “*Đoan*” là đoan chánh, tỷ dụ tịnh nhân, thiện hạnh; “*ảnh trực*” (影直) là tỷ dụ quả báo. Nhân quả trong Tây Phương thù thắng là do chỗ này. Nhìn lại thế giới Sa Bà, “*nguyên trước*” (源濁), “*nguyên*” là nói tới “*tâm nguyên*” (心源: nguồn tâm). Tâm chúng ta nhiễm đắm, nói theo cách hiện thời là “ô nhiễm”. Kinh thường hình dung thế giới của chúng ta là “*ngũ trước ác thế*” (đời ác năm trước). “*Trước*” (濁) là ô nhiễm, [“*ngũ trước*”] là năm thứ ô nhiễm nghiêm trọng. Tâm không thanh tịnh, nên hành vi sẽ bất thiện, hành vi tạo nghiệp Thập Ác, hạnh bèn bất thiện. Do đó, sẽ là “*lưu hôn*” (dòng chảy đục ngầu). “*Lưu*” (流) là giống như nước chảy, tự nhiên sẽ chẳng sạch sẽ. Nước ấy “*hôn*” (昏: đục ngầu), [chữ “*lưu hôn*”] chỉ thế giới này của chúng ta. Đó là dùng tỷ dụ để nói về nhân và quả báo trong hai thế giới.

Trong đoạn văn tiếp theo, “*tự tịnh thị tu*” (dạy cách tu hành để đạt được tịnh), [hãy xem] dòng thứ tư nơi trang mười một: “*Cổ tri dục sanh Cực Lạc quốc độ, tất tu thập lục diệu quán, nguyện kiến Di Đà Thế Tôn, yếu hành tam chủng Tịnh nghiệp*” (Vì thế, biết là muốn sanh về Cực Lạc, ắt phải tu mười sáu phép Quán niệm màu, nguyện thấy Di Đà Thế Tôn, phải hành ba thứ Tịnh nghiệp). Ở đây, đại sư đã vì chúng ta thiết tha khai thị: Muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thể không biết mười sáu môn diệu quán. Tu thành công bất cứ một phép Quán nào trong mười sáu môn diệu quán, đều có thể vãng sanh Tây Phương thế giới. Từ phép Quán thứ nhất là Nhật Quán đến phép Quán cuối cùng là Trì Danh, thành tựu bất cứ phép Quán nào cũng đều được. Tu hai ba phép Quán trong ấy cũng được; tu trọn mười sáu phép Quán cũng được. Bất luận là bao nhiêu, chỉ cần quý vị có thể tu thành công; như thế nào thì mới được gọi là “thành”? Đoạn kinh văn tiếp đó đã giảng rõ: Mười sáu phép Quán ấy đều là diệu quán, vì sao? Bất cứ phép Quán nào cũng đều là tu trọn vẹn Không - Giả - Trung Tam Quán, Nhất Tâm Tam Quán. Mười sáu phép Quán ấy đều là Nhất Tâm Tam Quán, kể cả niệm Phật. Đó là chánh tu, là thiện nhất trong các điều thiện. “*Nguyện kiến Di Đà Thế Tôn, yếu hành tam chủng Tịnh nghiệp*” (Nguyện thấy Di Đà Thế Tôn, phải hành ba thứ Tịnh nghiệp). Ba thứ Tịnh nghiệp vô cùng quan trọng; khi giảng Di Đà Kinh Sớ Sao, tôi đã nói cạn kẽ cùng quý vị. Ở đây, vẫn phải giảng chi tiết cùng mọi người, vì có những đồng tu chưa nghe Di Đà Kinh Sớ Sao, điều này có quan hệ quá lớn đối với sự tu Tịnh nghiệp của chúng ta. Trong phần sau, chúng ta sẽ xem đến ba thứ Tịnh nghiệp, sẽ đọc thấy [những điều ấy] khi xem đến phần kinh văn [trung ứng]. Chúng ta lại xem phần kế tiếp của lời tựa nơi trang mười hai, dòng thứ hai.

“*Nhiên hóa nhân sự tiêm, giáo tạ duyên hưng, thị dĩ Xà Vương sát nghịch, Vi Đề ai thỉnh*” (Nhưng nhân duyên giáo hóa phải do Sự mà dần dần hình thành, giáo cấy vào duyên để hưng khởi. Kinh này là do vua A Xà Thế phạm tội nghịch

giết cha, bà Vi Đề Hy buồn bã thỉnh cầu). Đoạn này nói đến nguyên do của pháp hội. Vì sao có pháp hội như thế này? Vì hành vi phản nghịch của vua A Xà Thế (Ajātasatru), khiến cho mẹ ông ta vô cùng đau thương. Phu nhân Vi Đề Hy (Vaidehi) là mẹ của A Xà Thế, bèn khai thỉnh đức Thế Tôn, hy vọng vãng sanh một cõi Tịnh Độ an lạc. Pháp hội do đó mà có, đó cũng là duyên do giáo học của bộ kinh này được hưng khởi như thế đó. “*Đại thánh thù Từ, thừa cơ diễn pháp*” (Đức đại thánh rủ lòng Từ, thừa dịp diễn nói pháp), chúng ta hãy xem câu văn được in theo lối đánh cách trong lời Tựa. “*Đại thánh*” là Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong hết thấy thánh hiền, Phật đã chứng đắc quả vị rốt ráo viên mãn, chẳng có ai cao hơn Ngài, nên chúng ta tôn xưng Ngài là Đại Thánh. “*Thừa cơ diễn pháp*” là dựa vào cơ duyên này để diễn giảng pháp môn này. “*Điều ngọc tướng dĩ lưu thái, tủng kim đài nhi hiển thụ, tuy quảng thị trân vực, nhi tông quy An Dưỡng*” (Tướng ngọc chói ngời tuôn hào quang nhiều màu, đài vàng cao chói vót hiện điềm lành, tuy chỉ bày rộng rãi cõi quý báu, nhưng đề cao, quy kết An Dưỡng). Mấy câu này nhằm nhắc đến câu chuyện đức Thế Tôn phóng quang, hiện tướng lành, phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong phần trước, tôi đã nhắc sơ qua: Thích Ca Mâu Ni Phật triển hiện hết thấy các cõi Phật trước mặt phu nhân để bà ta tự tuyển chọn. Sau khi xem xong, bà ta chọn lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới. Câu cuối cùng trong lời Sao, tức là từ hàng thứ ba trong trang mười ba, bà ta nói: “*Ngã kim nhạo sanh Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật sở*” (Nay con thích sanh về thế giới Cực Lạc là chỗ của A Di Đà Phật), phu nhân tự mình chọn lựa.

Lại xem lời tựa: “*Sử mạt tục hữu duyên, tuân tư diệu quán*” (Khiến cho kẻ tục hữu duyên trong đời Mạt Pháp, sẽ tuân hành pháp Quán màu nhiệm này). Nói thật ra, phu nhân Vi Đề Hy và vua A Xà Thế đều là Bồ Tát hóa thân, giống như hát tuồng, diễn trò cho chúng ta xem, há có phải là ác nghịch thật sự? Không gì chẳng nhằm dùng phương pháp này để khuyên chúng ta chọn lựa pháp môn vô thượng, viên đốn, thù thắng bậc nhất, khiến cho hết thấy chúng sanh tội ác sẽ được thành tựu trong một đời. Đúng là bi tâm triệt để của chư Phật, Bồ Tát, nhất là trong thời kỳ Mạt Pháp. “*Mạt tục*” (末俗) là chúng sanh thế tục hữu duyên trong thời Mạt Pháp, những ai hữu duyên? Giống như các đồng tu đang hiện diện đều có duyên. Duyên có sâu hay cạn khác nhau! Duyên sâu, vừa tiếp xúc liền tin tưởng, liền nghiêm túc tu hành. Duyên cạn thì có thể tin, nhưng vẫn chẳng thể buông xuống được, tức là như trong phần trước đã nói, chẳng thể chuyên tu, mà là tạp tu. Đó là duyên cạn. Chuyên tu là duyên sâu, duyên sâu quyết định thành tựu trong một đời này. Duyên cạn bèn kết pháp duyên, trong đời này, rất khó thành tựu! Cổ đức bảo chúng ta: Tạp tu thì trong một vạn người chỉ có thể đấm ba người vãng sanh. Thiện Đạo đại sư nói người chuyên tu thì trăm người tu, trăm người vãng sanh, ngàn người tu, ngàn người vãng sanh, chẳng sót một ai! Vạn người tu, vạn người đến! Nói thực tại, pháp môn này khó tin, đúng là khó tin!

Chúng ta thấy tổ sư đại đức từ xưa, thường là đến tuổi già mới tin tưởng. Tổ sư của Tịnh Tông cũng chẳng phải là ngoại lệ. Các vị Liên Trì và Ngẫu Ích đều là lúc tuổi già. Liên Trì đại sư đến tuổi xế chiều, chúng ta biết Ngài thật sự

triệt để giác ngộ, nên mới nói: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ, bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dư tha nhân hành*” (Tam Tạng, mười hai bộ, nhượng cho người khác ngộ. Tám vạn bốn ngàn hạnh, để cho kẻ khác hành). Lúc tuổi già, sau khi triệt để giác ngộ, bèn một bộ kinh Di Đà, một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, những thứ khác thầy đều bỏ sạch. Chư vị phải biết: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh, hãy tra duyệt, điều kiện [vãng sanh] là Tín, Nguyện, Hạnh. Tín là thật sự tin tưởng, tuyệt đối chẳng hoài nghi. Nguyện là có nguyện vọng khẩn thiết, ta muốn sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn thấy A Di Đà Phật. Hạnh là một câu Phật hiệu trong mười hai thời chẳng gián đoạn, không xen tạp, đó là Hạnh. Chúng ta xem lời khai thị của Ngẫu Ích đại sư về niệm Phật: Một người niệm Phật vừa muốn hành trì giới, vừa muốn đắp y, đi trì bát (khất thực), vừa muốn tụng kinh, vừa muốn làm pháp hội, vừa muốn bái sám, đó là tạp tu! Quả báo là một chút si phước trong thế gian mà thôi, chẳng thể thành tựu, đã hoàn toàn phá hoại chuyên tu!

Chúng ta nghĩ tới Liên Trì đại sư vào lúc tuổi già: Một câu A Di Đà Phật bốn chữ. Quý vị đọc Trúc Song Tuy Bút sẽ thấy: Người khác thỉnh giáo lão nhân gia: “Lão nhân gia dạy người khác tu hành theo cách nào?” Ngài đáp: “Tôi dạy người khác niệm sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật”. Người ta hỏi: “Chính lão nhân gia tu hành thì sao?” Ngài bảo: “Bản thân tôi tu hành niệm bốn chữ A Di Đà Phật”. Người khác bèn hỏi Ngài: “Do duyên có nào?” Ngài đáp: “*Tôi nhất tâm nhất ý trong một đời này, quyết định phải thấy A Di Đà Phật. Kinh dạy ‘chấp trì danh hiệu’ mà danh hiệu chỉ có bốn chữ, Nam-mô chẳng phải là danh hiệu*”. Vì thế, thật sự mong vãng sanh, hết thầy những thứ khách sáo đều chẳng cần, đều chẳng cần thiết. Ngài nói: “*Tôi khuyên người khác, người khác chưa chắc đã bằng lòng vãng sanh, nên thêm chữ Nam-mô rất thích hợp. Nam-mô nghĩa là cung kính, quy y*”. Tức là quy y, cung kính A Di Đà Phật, nhưng chưa chắc muốn vãng sanh. Thật sự mong vãng sanh thì hết thầy những thứ cố kỵ đều chẳng có.

Cổ đức giảng về pháp môn này rất rõ ràng: Là cảnh giới Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là cảnh giới gì? Hoa Nghiêm là cảnh giới Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, chẳng có chướng ngại. Nói cách khác, chẳng có hết thầy kỳ hủ. Tượng A Di Đà Phật có thể thờ trong phòng ngủ. Quý vị nói người trì giới [thờ như vậy] đâu có được, thiếu cung kính! Được rồi, sự cung kính ấy khiến cho công phu của quý vị gián đoạn, xen tạp, chẳng thể vãng sanh! Hiện thời, nếu muốn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng bàn tới những chuyện ấy, điều khẩn yếu là gì? Ở bất cứ chỗ nào, ta đều có thể trông thấy tượng của A Di Đà Phật, ta luôn có thể khởi lên “A Di Đà Phật”. Đó là đúng, chẳng sai tí nào! Đối với kẻ chẳng muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì phải cung kính, phòng ngủ của quý vị là căn phòng thông thường⁵, chớ nên thờ tượng Phật. Người thật sự muốn vãng sanh, nghi ngại gì cũng đều chẳng có, chư vị phải biết chuyện này. Vì sao? Mục đích là khiến cho trong mười hai thời, thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình, quyết

⁵ Ý nói chỉ là phòng đơn, chẳng phải là loại phòng ngăn ra làm hai gian, gian ngoài để tiếp khách đến chơi.

định chớ nên quên mất lần nào. Chúng ta nghe âm thanh niệm Phật nhắc nhở chính mình, nhìn tượng Phật để nhắc nhở chính mình, chuyện này trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác! Nghi ngại gì cũng đều chẳng cần kiêng kỵ! Pháp môn này là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Do đó, pháp môn này thù thắng, viên đốn đến tột bậc, vô ngại tột bậc. Cổ nhân bảo: “*Chuyên trung chi chuyên, đốn trung chi đốn, viên trung chi viên*” (Chuyên nhất trong các pháp chuyên, đốn nhất trong các pháp đốn, viên nhất trong các pháp viên). Nếu còn có những chướng ngại ấy, làm sao có thể gọi là Viên cho được? Nếu [còn có chướng ngại như vậy] sẽ chẳng viên. Cái này chẳng thể, cái kia chẳng thể, tức là có chướng ngại, chẳng phải là vô chướng ngại. Chư vị đồng tu nhất định phải ghi nhớ điều này.

Chúng ta chỉ có một niềm hy vọng; nói thật thà, hy vọng duy nhất của A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật là mong sao chúng ta thành Phật trong một đời này, hy vọng chúng ta suốt một đời này một câu A Di Đà Phật chẳng gián đoạn. Trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, tuyệt đối chẳng có vọng niệm thứ hai. Hễ có một vọng niệm là trật rồi, vọng niệm ấy liền biến thành xen tạp, gián đoạn. [Chư Phật, Bồ Tát, chư vị tổ sư đại đức] dạy chúng ta công phu chẳng xen tạp, không gián đoạn như thế nào thì nhất định phải tuân thủ. Đó gọi là duyên sâu, duyên chín muồi, quyết định vãng sanh trong một đời này. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định thành Phật trong một đời này, quý vị nghĩ xem: Duyên ấy hy hữu lắm! Vì lẽ đó, cư sĩ Bành Tế Thanh đã viết trong Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận như sau: “*Đây là một ngày hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”, đúng vậy, chẳng giả!

Lại xem hai câu kế tiếp: “*Lạc nhật huyền cổ, dụng tiêu tống tượng chi phương*” ([quán tưởng] Mặt trời lặn giống như cái trống treo nhằm nêu rõ nơi chốn sẽ đặt tâm tưởng vào đó). Đây là nói đến mười sáu phép Quán trong kinh này. Phép Quán thứ nhất trong mười sáu phép Quán là Nhật Quán, [tức là] quán mặt trời lặn, cũng nhằm dạy chúng ta nghĩ tới Tây Phương. Trong phép Quán mặt trời lặn, có hai ý nghĩa:

- Thứ nhất là khiến cho tâm chẳng rong ruổi, tâm chẳng tán loạn.
- Thứ hai là niệm niệm nghĩ tưởng Tây Phương.

Đó là thật sự giác ngộ, triệt để giác ngộ, vì sao? Chúng ta đời đời kiếp kiếp đều phải luân hồi trong lục đạo, quá khổ! Trong đời quá khứ, chúng ta có tu Tịnh Độ hay không? Đã tu! Không chỉ đã tu, mà còn là đời đời kiếp kiếp đều tu tập! Vì sao đời đời kiếp kiếp tu tập mà vẫn chẳng thể vãng sanh, đều chẳng vãng sanh thành công? Do chúng ta tu hành chẳng đúng pháp, công phu không đắc lực, làm lạc! Thế nào là không đúng pháp? Tạp tu! Chẳng phải là chuyên tu. Trong đời này, nếu phạm phải bệnh cũ; nói cách khác, đời này vẫn chẳng thể thành tựu, vẫn phải đợi đến đời sau. Thật sự giác ngộ trong một đời này, từ nay về sau, chúng ta chuyên tu, quyết định chẳng tạp tu.

Chuyên tu thì phải hỏi: Ta phải tu bao lâu thì mới có thể thành tựu? Chuyện này phụ thuộc công phu của bản thân quý vị là siêng năng hay lười nhác. Nếu quý vị tinh tấn, thời gian ắt chẳng rất dài. Nếu quý vị giải đãi, phải mất mấy năm công phu. Vẫn phải là tùy thuộc thiện căn của chính mình dày hay mỏng, thiện căn là

gì? Chân tín, chân nguyện là thiện căn. Phước đức là gì? Chuyên niệm là có phước, là phước đức, câu danh hiệu này được gọi là “*vạn đức hồng danh*”. Chuyên niệm bèn có phước; tạp niệm, phước mỏng hơn một chút. Chuyên niệm, phước dày nhất. Ngẫu Ích đại sư khuyên chúng ta chuyên trì Phật hiệu, buông xuống hết thầy, vì sao? Trong một câu Phật hiệu, không chỉ bao quát hết thầy các pháp môn và hết thầy các phương pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong một đời, mà ngay cả vô lượng vô biên pháp môn do hết thầy chư Phật, chư Bồ Tát trong mười phương vô lượng vô biên thế giới đã nói, cũng chẳng vượt ra ngoài một câu Phật hiệu này. Câu Phật hiệu này là pháp môn đại tổng trì, quý vị chẳng niệm câu này thì niệm gì đây? Niệm những thứ khác, tu những thứ khác chỉ là một bộ phận, niệm câu A Di Đà Phật là toàn thể. Phải biết điều này, công đức chẳng thể sánh tày!

Câu kệ tiếp là: “*Đại thủy kết băng, thật biểu lưu ly chi địa*” (Đại thủy đóng băng, quả thật biểu thị đất lưu ly). Đây là phép Quán thứ hai, tức Thủy Quán. Đối với loại quán tưởng này, kinh Hoa Nghiêm đã nêu ra lý luận. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói: “*Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Hãy nên quán tánh của pháp giới, hết thầy chỉ do tâm tạo). Kinh Lăng Nghiêm giảng: “*Nhược năng chuyển cảnh, tức đồng Như Lai*” (Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai). Do vậy có thể biết, hết thầy “vật cảnh” (hoàn cảnh vật chất) đều do phân biệt, tướng tượng biến hiện. Kinh Kim Cang đã dạy: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (Hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới sanh từ tâm tướng. Tâm tịnh, biến hiện cảnh giới Tịnh Độ. Tâm uế, cảnh được biến hiện sẽ là uế độ. Nếu chúng ta hiểu rõ đạo lý này, không chỉ là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà còn trong một đời này, khi thọ mạng vẫn chưa hết, sống trên thế gian này, đối với khổ, lạc, họa, phước trong thế gian, chính mình đều có thể làm chủ tể. Chỉ cần hiểu rõ đạo lý này, chính mình có thể làm chủ, xác thực là trong một đời này, chính mình có thể hưởng thụ viên mãn nhất, sung sướng nhất, cuộc đời hạnh phúc nhất. Thừa cùng quý vị, đó gọi là hoa báo, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là quả báo.

Đời người hạnh phúc mỹ mãn, không nhất định là rất có tiền, không nhất định là rất có địa vị! Nói thật thà, có tiền, có địa vị, chưa chắc đã có hạnh phúc. Hạnh phúc thật sự là gì? Là trong tâm chẳng vướng mắc, chẳng có ưu lự, đó là hạnh phúc thật sự. Trong tâm chuyện gì cũng đều chẳng có, tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh, thế giới bèn thanh tịnh. Thế giới là cảnh chuyển theo tâm, thế giới bèn thanh tịnh. Đó là hạnh phúc thật sự. Trong tâm có ưu lự, có vướng mắc, tâm sẽ không thanh tịnh, sẽ có phiền não, sẽ có nghiệp chướng. Trong tâm thanh tịnh, lấy đâu ra chướng ngại? Chẳng có chướng ngại. Vì thế, nếu chư vị muốn biết khi nào nghiệp chướng của chính mình tiêu trừ ư? Khi nào trong tâm quý vị chẳng có vọng niệm, chẳng có ưu lự, vướng mắc, nghiệp chướng liền tiêu trừ. Khi ấy, quý vị sẽ cảm ứng đạo giao cùng Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, trao đổi tin tức với Ngài, gửi điện báo qua lại, chính mình nắm chắc vãng sanh, đã có tín tâm, đó là vui sướng! Trong thế gian này, giống như

chư Phật, Bồ Tát thị hiện, du hý thần thông, du ngoạn khắp nơi, đến thế giới Sa Bà để văn cảnh, đến để du lịch. Đó mới là hạnh phúc thật sự, viên mãn thật sự.

Lại xem hai câu tiếp theo: “*Phong ngâm bảo điệp, cộng thiên nhạc nhi đồng phồn. Ba động kim cừ, tương khế kinh nhi hợp hưởng*” (Gió lùa cây báu vang tiếng ngân nga, hòa điệu cùng nhạc trời rộn rã. Sóng gợn khe ngòi vàng, hòa tiếng cùng khế kinh vang vọng). Hai câu này, câu trước là Bảo Thụ Quán, câu sau là Bảo Trì Quán, đến phần sau chúng ta sẽ đọc tới ao sen bảy báu. “*Quán nhục kế⁶ nhi chiêm thị giả, niệm sắc tướng nhi đồ Như Lai*” (Quán nhục kế để chiêm ngưỡng hai vị thị giả, nghĩ nhớ sắc tướng để thấy Như Lai), câu trước là quán tướng Quán Âm và Thế Chí, câu sau là quán Vô Lượng Thọ Phật. Trong thế giới Tây Phương, sắc tướng của Phật và Bồ Tát giống nhau. Chỗ sai biệt giữa Phật và Bồ Tát là đỉnh đầu nơi thân tướng của các Ngài khác nhau. Đỉnh đầu Phật là tướng nhục kế, còn Bồ Tát đội mào. Trên thực tế, nếu Bồ Tát bỏ mào ra, sẽ hoàn toàn giống như Phật, hoàn toàn chẳng có sai biệt. Ngài đội mào thì mào còn có sai biệt. Chính giữa mào của Quán Âm Bồ Tát là tượng đứng của A Di Đà Phật, chính giữa mào của Đại Thế Chí Bồ Tát là một bình báu. Đây là điểm sai biệt để chúng ta phân biệt vị nào là Quán Âm, vị nào là Đại Thế Chí. Nếu chẳng có tướng ấy, sẽ chẳng có sai biệt, hoàn toàn giống nhau. Đến phần kinh văn, chúng ta sẽ đọc thấy [chuyện này].

“*Cập kỳ minh mục cáo chung, thượng trân đài nhi cao dũng. Văn thành ấn hoại, tọa kim liên nhi hóa sanh*” (Tới khi nhắm mắt qua đời, ngự đài báu bay vọt lên cao; nét khắc đã in thành, ấn liền tan nát, ngòi sen vàng để hóa sanh), đây là nói tới ba bậc chín phẩm vãng sanh. Trong phần giải thích, tôn giả Tú Minh đã giảng rất rõ ràng. Chư vị đồng tu cần phải biết: Phẩm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là vãng sanh trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh, chư vị phải ghi nhớ điều này. Pháp môn này thật sự là pháp môn bất tử. Phẩm vị [vãng sanh] cao, biết trước lúc mất, thấy Phật đến tiếp dẫn, từ biệt mọi người: “Nay tôi theo A Di Đà Phật ra đi”, người ấy mới vãng sanh, vãng sanh trong khi còn sống! Hạ phẩm vãng sanh, nghiệp chướng sâu nặng, đức Phật vẫn đến tiếp dẫn, chẳng phải là không đến tiếp dẫn. Do người ấy nghiệp chướng nặng nề, cũng thấy Phật đến tiếp dẫn, muốn kể với mọi người, môi mấp máy, nhưng chẳng phát ra tiếng, chẳng có khí lực. Hạ hạ phẩm vãng sanh vẫn là vãng sanh trong khi còn sống, tuyệt đối chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh, chẳng có đạo lý ấy!

Rất nhiều vị tổ sư đại đức nói: Con người sau khi đã chết, trong vòng tám tiếng sau khi người ấy đã tắt hơi, đừng nên động đến, hãy trợ niệm cho người ấy.

⁶ Nhục kế (Uṣṇīṣa) là một trong ba mươi hai tướng hảo của Phật, còn gọi là Kế (髻), Đảnh Kế, Đảnh Thượng Nhục Kế v.v... hoặc gọi theo âm Phạn là Ô Sắt Ni Sa hoặc Úc Sắt Ni Sa. Đây là tướng xương đầu vուն cao lên, nhìn như búi tóc giữa đỉnh đầu. Kinh Vô Thượng Y giảng: “*Úc Sắt Ni Sa là xương đỉnh đầu cao trội lên, tự nhiên thành hình như búi tóc*”. Kinh Vô Thượng Y còn giảng Nhục Kế là do trong đời quá khứ Phật đã nhiều kiếp tự hành Thập Thiện, lại còn khuyên lơn, hướng dẫn người khác tu hành, thấy người khác tu hành bèn hoan hỷ, tán thán, cúng dường, dìu dắt họ luôn theo đúng chánh pháp.

Nói thật ra, trợ niệm tám tiếng đồng hồ, người ấy chẳng vãng sanh. Người ấy vãng sanh thì đã ra đi khi chưa tắt hơi, đi rồi mới tắt hơi, đó là vãng sanh thật sự. Nhưng đã tắt hơi, thì [trợ niệm] trong tám giờ là vì sợ gì? Sợ rằng người ấy chẳng vãng sanh. Chưa vãng sanh, nhưng khi ấy, thần thức của người đó chưa rời đi, chúng ta niệm Phật để nhắc nhở người ấy. Nếu lúc đó, người ấy bỗng nhớ tới Phật hiệu, tự cầu vãng sanh, thì vẫn có thể vãng sanh. Đây là thời khắc then chốt. Chuyện này được gọi là “*độ Trung Âm*”, độ Trung Âm là trong thời khắc then chốt ấy. Qua khỏi thời khắc ấy, hết sức khó khăn, chẳng dễ dàng! Tuy chẳng vãng sanh, nhưng trợ niệm cho người ấy trong lúc đó, nói thật ra là tăng phước, giảm thiểu sự đau khổ cho người ấy, giúp người ấy vãng sanh trong thiện đạo, chẳng đến nỗi đọa trong ác đạo, mục đích ở chỗ này. Vì thế, cầu nguyện vãng sanh tốt nhất là dựa vào chính mình, đừng ỷ vào người khác trợ niệm. Lỡ vạn nhất khi đó chẳng có duyên phận ấy, chẳng có ai trợ niệm thì làm sao đây? Cho nên nhất định phải dựa vào chính mình.

Quý vị thầy trong Niệm Phật Luận, lão pháp sư Đàm Hư đã kể chuyện nữ cư sĩ họ Trương thuộc Niệm Phật Hội chùa Trạm Sơn tại Thanh Đảo. Người ta vãng sanh chẳng cần kẻ khác trợ niệm, biết trước lúc mất. Người ấy sống rất kham khổ, chồng kéo xe tại bến tàu, một nhà bốn người, ngày nào chẳng làm việc, ngày ấy chẳng có tiền tiêu. Chính bà ta cũng không biết chữ, tham dự Niệm Phật Hội để niệm Phật với người khác, làm việc lật vật trong nhà bếp, giúp người khác rửa chén đĩa. Bà ta nghiêm nhiên niệm Phật hiệu giỏi như vậy; lúc ra đi tỉnh táo, sáng suốt. Lúc bà ta mất là vào buổi sáng, chẳng cần ai trợ niệm, biết sẽ đi lúc nào. Do đó, đây là thật sự hiện thân thuyết pháp, nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Người bị bệnh đau khổ, thật thà niệm Phật, niệm kinh Vô Lượng Thọ, chẳng thể nghĩ bàn. Lần đầu tiên tôi đến Bắc Kinh gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lão cư sĩ bảo tôi: Cụ có mười mấy học trò theo học với cụ. Học trò cụ cho biết họ ngã bệnh chẳng đi bác sĩ, không uống thuốc, cả nhà niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật, một mực niệm đến lành bệnh. Các học trò cũng bảo tôi: “Chúng tôi thật sự làm như vậy”. Kinh này công đức chẳng thể nghĩ bàn! Do đó, nếu chúng ta mắc bệnh, có chương ngại, có nghiệp chướng, quý vị niệm kinh này nhất định có thể tiêu trừ.

Tiếp theo đó, sách viết: “*Tùy tam bối nhi hoành tiệt, việt ngũ khổ nhi trường vụ*” (Nuông theo ba bậc để cắt ngang [dòng sanh tử], vượt năm khổ để mãi xa lìa [chón Sa Bà]). Hai câu này nói đến ba bậc vãng sanh, từ thượng thượng phẩm cho đến hạ hạ phẩm, trong một đời này vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. “*Hoành tiệt*” (橫截) là hoành siêu, đây là chỗ thù thắng của pháp môn này. Tu những pháp môn khác chẳng có hoành siêu; chẳng có hoành siêu sẽ rất khó, vì sao? Người ấy phải tu Tứ Thiên, Bát Định. [Đắc] Tứ Thiên sanh trong Sắc Giới Thiên; thành tựu Bát Định, sanh trong Vô Sắc Giới Thiên, lại phải tu Đệ Cửu Định mới vượt thoát luân hồi, người bình phàm chẳng thể làm được! Trong kinh Tiểu Thừa, đức Phật dạy: Hàng Tiểu Thừa đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, chứng đắc quả Tu Đà Hoàn, tính từ ngày hôm ấy, qua lại trong cõi trời và cõi người bảy lần mới có thể đoạn sạch tám mươi một phẩm Tư Hoặc, tu thành tựu

Đệ Cửu Định vượt thoát luân hồi. Qua lại bảy lần trọng cõi trời và cõi người phải mất thời gian bao lâu? Tuổi thọ trong nhân gian ngắn ngủi, thọ mạng cõi trời lâu dài, có thể thấy cách này khó khăn lắm! Những pháp môn Đại Thừa khác cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, cũng phải là đoạn Kiến Tư phiền não thì mới có thể thành tựu.

Chỉ riêng Tịnh Tông chẳng cần đoạn; tuy chẳng cần đoạn, nhưng phải khuát phục. Khuát phục, chứ chưa đoạn, cổ nhân sánh ví “khuát phục” giống như đá đè cỏ, chẳng trừ tận gốc. Đè như thế nào? Đè nén chẳng cho nó dấy lên hiện hành. Đá là gì? Cỏ ví như phiền não, vọng tưởng, chấp trước, sánh ví những điều ấy; đá là một câu Phật hiệu A Di Đà Phật. Dùng câu Phật hiệu ấy để đè nén vọng tưởng, chấp trước, phân biệt, chẳng cho chúng dấy lên hiện hành. Những thứ ấy quả thật chưa đoạn, chỉ cần chúng chẳng dấy lên hiện hành là được rồi, hữu dụng, có thể vãng sanh. Nhưng phải đè nén; nếu chẳng đè nén được, sẽ chẳng thể vãng sanh. Hễ đè nén được, bèn gọi là “công phu đặc lực”. Do đó, chúng ta niệm câu Phật hiệu này, chẳng dấy phiền não, chẳng có vọng niệm; đó là công phu đặc lực. Niệm câu Phật hiệu này mà vẫn dấy lên vọng niệm, vẫn sanh phiền não, công phu chẳng đặc lực! Phải đặc biệt chú ý điều này.

“*Khả vị vi hành diệu quán, chỉ đạo yếu thuật giả tai*” (Có thể nói: Cách hành trì vi diệu và các phép quán màu nhiệm chính là thuật trọng yếu nhằm đạt tới đạo tốt bậc vậy). Đây là lời tổng kết cho đoạn này. “*Vi*” (微) là vi diệu, vi diệu tốt bậc, tu hành là nói tới ba thứ Tịnh nghiệp. “*Diệu quán*” (妙觀) là mười sáu phép Quán. “*Đạo*” (道) là đạo thành Phật. “*Chỉ*” (至) là đạt tới chỗ tốt cùng, đạo thành Phật không chi hơn được cách này! “*Thuật*” (術) là phương pháp. Phương pháp quan trọng nhất là ba thứ Tịnh nghiệp và mười sáu diệu quán. Trong phần trước, tôi đã thừa cùng quý vị, đối với mười sáu diệu quán, chỉ cần nắm được một phép Quán bèn thành tựu. Phật Thế Tôn cùng chư Phật, các vị tổ sư đại đức dạy chúng ta chọn pháp Quán thứ mười sáu, chọn lựa phương pháp Trì Danh Niệm Phật. Quý vị thấy trong Tịnh Độ Tam Kinh, phương pháp này được kinh Vô Lượng Thọ đề xướng, kinh A Di Đà cũng đề xướng, nên biết hết thầy chư Phật, Bồ Tát, chẳng có vị nào không đề xướng pháp môn này. Ngay như lão pháp sư Đệ Nhàn giảng giải Diệu Tông Sao bằng tác phẩm Giảng Nghĩa này, qua đoạn mở đầu trong lời tựa, [chúng ta thấy rõ] Ngài cũng đề xướng Trì Danh Niệm Phật. Có thể thấy Trì Danh thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta lại lật qua xem trang thứ mười sáu.

“*Thử kinh tâm quán vi Tông, Thật Tướng vi Thế*” (Kinh này lấy tâm quán làm Tông, lấy Thật Tướng làm Thế), nêu bày phần Minh Tông Biện Thế của bộ kinh này. “*Kinh dĩ Quán Phật vi đề, Sớ dĩ tâm quán làm Tông*” (Kinh dùng chuyện quán Phật để làm tựa đề, Sớ dùng tâm quán làm Tông). Vừa khởi đầu, tôn giả Tứ Minh đã dặn dò rõ ràng, rành rẽ. [Bàn luận] tỉ mỉ, trọng yếu [nhận định này] thì khi nói đến phần kinh văn, tôi sẽ lại thưa trình cùng quý vị. Nay ở đây, chúng ta hiểu điều quan trọng nhất là ba thứ Tịnh nghiệp và mười sáu diệu quán. Ba thứ Tịnh nghiệp rất khó làm được, nhưng lại chẳng thể không làm, vì sao? Chẳng làm được, sẽ chẳng thể vãng sanh! Chẳng làm, sẽ chẳng thể vượt thoát luân hồi, nhất

định phải làm được! Điều này khẩn yếu hơn bất cứ điều gì khác! Nguyên lý của nó là như kinh này đã dạy: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật). Tâm năng niệm là Thi Giác, đức Phật được niệm là Bồn Giác. Vì thế, khởi tâm niệm Phật là Thi Giác hợp với Bồn Giác. Thi Giác và Bồn Giác bất nhị là Cứu Cánh Giác. Do đó, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Niệm Bồ Tát thành Bồ Tát, niệm Thanh Văn thành Thanh Văn, niệm thiên liên sanh thiên, niệm người được thân người, niệm tham, sân, si, niệm ngũ dục, lục trần, sẽ là ba ác đạo, tùy thuộc quý vị niệm điều gì.

Trong phần chú giải, chúng ta xem dòng thứ năm trong trang mười sáu, xem câu cuối trong dòng thứ năm: “*Kim quán Di Đà y chánh vi duyên*” (Nay dùng quán y báo và chánh báo của Phật Di Đà làm duyên). Vì sao kinh thường nói Quán, chẳng nói Niệm? Vì sao chẳng nói Tướng, mà phải nói Quán? Chữ này có quan hệ rất lớn! Nếu nói Niệm hoặc Tướng, [người nghe] sẽ dễ sanh tình chấp, “*tình chấp*” (情執) là chấp trước theo phương diện cảm tình, chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát tam giới. Quý vị nói “nay ta không mến chuộng thế giới này, ta yêu mến A Di Đà Phật”, như vậy thì chẳng thể vãng sanh, [vì vẫn là tình chấp]! Quán là lý tánh, chẳng phải là cảm tình, nó là lý trí, giống như trong Thiền Tông nói Quán Chiếu, Chiếu Trụ và Chiếu Kiến, sử dụng những công phu đó. Niệm Phật cũng là niệm niệm chẳng lìa công phu quán chiếu. Quán chiếu thuộc về lý tánh, chẳng thuộc về cảm tình. Do đó, dùng chữ Quán, chẳng dùng chữ Niệm, chẳng dùng chữ Tướng!

“*Kim quán Di Đà y chánh vi duyên, huân hồ tâm tánh, tâm tánh sở cụ Cực Lạc y chánh, do huân phát sanh, tâm cụ nhi sanh, bất ly tâm tánh, toàn tâm thị Phật, toàn Phật thị tâm, chung nhật quán tâm, chung nhật quán Phật*” (Nay quán y báo và chánh báo của Phật để làm duyên, huân tập tâm tánh. Y báo và chánh báo cõi Cực Lạc sẵn có trong tâm tánh sẽ do huân tập mà phát sanh. Do tâm đã sẵn có, nên sanh khởi. Chẳng lìa tâm tánh, toàn thể tâm là Phật, toàn thể Phật là tâm. Suốt ngày quán tâm là suốt ngày quán Phật). Phải biết mấy câu này là bí quyết niệm Phật! Có biết thì quý vị mới chịu niệm, niệm thành công. Thế giới Cực Lạc là thế giới gì? Là “*duy tâm Tịnh Độ*”. A Di Đà Phật là ai? Là “*tự tánh Di Đà*”. Có lẽ sẽ có người hỏi, duy tâm Tịnh Độ và Tịnh Độ của A Di Đà Phật là một hay là khác, là một hay là hai? Tự tánh Di Đà và A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có mối quan hệ gì? Thừa cùng quý vị, Tây Phương Cực Lạc thế giới do tự tánh biến hiện, A Di Đà Phật cũng do tự tánh biến hiện. Không riêng gì Cực Lạc và Phật Di Đà do tự tánh biến hiện, mà tất cả hết thảy đông đảo chúng sanh nơi cõi Sa Bà trong hiện tiền vẫn do tự tánh biến hiện. Đó là tự tánh biến hiện uế độ. Tây Phương Cực Lạc thế giới là tự tánh của quý vị biến hiện Tịnh Độ, vì sao? Vì tâm quý vị thanh tịnh liền biến thành Tịnh Độ. Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, Tịnh Độ chẳng biến hiện. Duy tâm Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ là một, không hai, chẳng có biên giới; tự tánh Di Đà và ngài Pháp Tạng tu thành Phật Di Đà cũng là một, không hai. Đó là nguyên lý chân thật.

Các triết gia trong thế gian nói đến bản thể của vạn hữu trong vũ trụ, bản thể là tâm tánh. Thiền gia đòi hỏi tu hành phải tu từ căn bản, trọn chẳng biết sự

tu hành của Tịnh Tông mới là căn bản của các căn bản, trỗi vượt Thiền Tông quá nhiều. Do đó, suốt ngày niệm Phật là suốt ngày quán tâm, nhất định phải niệm đến mức “*toàn thể tâm là Phật, toàn thể Phật là tâm*”, công phu niệm Phật của quý vị mới thật sự đạt tới tột bậc, đạt tới đỉnh cao nhất. Đến khi ấy, chúng ta thấy hết thấy mọi người đều là Phật, thấy hết thấy vật cũng là Phật, thấy hết thấy sự vẫn là Phật, [chúng ta] bèn thành Phật. Mắt Phật thấy hết thấy đều là Phật, phàm phu thấy Phật, Bồ Tát cũng là phàm phu. Do vậy có thể biết, xác thực là cảnh chuyển theo tâm. “*Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai*”, chẳng sai tí nào!

Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này. Buổi chiều chúng tôi sẽ nói đến đề mục của kinh.

Tập 3

Xin xem dòng thứ tư trong trang mười bảy:

“Sở ngôn Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật giả, Phật thị sở quán thắng cảnh. Cử chánh báo dĩ thâu y quả, thuật hóa chủ dĩ bao đồ chúng. Quán tuy thập lục, ngôn Phật tiện châu; cố vân Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật” (Nói “Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật” vì Phật là cảnh thù thắng để quán. Nêu chánh báo để gồm thâu y báo, thuật hóa chủ để bao gồm đồ chúng. Tuy có mười sáu phép Quán, nhưng nói đến Phật liền trọn đủ. Vì thế nói là “Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật”). Tựa đề kinh có Thông và Biệt. Cái được gọi là Biệt Đề chính là chỗ khác biệt với những kinh khác. Thông Đề thì hết thấy các kinh đều giống nhau. Chữ Kinh tiếp đó chính là Thông Đề, còn Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật trước đó là Biệt Đề. Ở đây nói “Phật thị sở quán thắng cảnh” (Phật là cảnh thù thắng để quán), “Phật” ở đây là Vô Lượng Thọ Phật, “cảnh” (境) là cảnh giới, “thắng cảnh” (勝境) là cảnh thù thắng nhất. Trong phần trước, chúng ta đã biết nguyên do quán Phật và công đức quán Phật. “Chánh báo” (正報) là thân Phật. Chúng ta quán Vô Lượng Thọ Phật tức là đã bao gồm thế giới và hoàn cảnh sống của Vô Lượng Thọ Phật. “Hóa chủ” (化主) là giáo chủ, cũng là thầy. Nhắc tới thầy, đương nhiên cũng bao gồm các học trò của Ngài. Thế giới Cực Lạc giống một ngôi trường đại học, Vô Lượng Thọ Phật là hiệu trưởng, những người khác đều có thể nói là học trò của Ngài. Các pháp Quán tuy nói đến mười sáu loại, nhưng hễ nói “Phật” thì mười sáu phép Quán đều được bao gồm. “Châu” (周) là trọn hết, toàn bộ đều được bao gồm. Do đó, tựa đề của kinh này là Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. “Kinh giả, huân pháp, huân thường, do thánh nhân kim khẩu, cố vân Kinh dã” (Kinh là dạy về pháp, dạy về lẽ thường, xuất phát từ miệng vàng của thánh nhân, nên gọi là Kinh). Đạo tràng của chúng ta giảng kinh quanh năm không gián đoạn, những phần giống như Thông Đề có thể tinh lược, có thể chắt lọc cần nói!

Chúng ta lại xem đoạn văn tiếp theo: “Thử kinh nghĩa sớ, nhân hy tịnh báo, cố thuyết thính giả đa hỹ” (Sớ giải ý nghĩa kinh này, do người ta mong mỏi tịnh báo, nên người nói, kẻ nghe đông đảo). Đối với kinh này, Nghĩa Sớ là chú giải do Trí Giả đại sư soạn, vì người tu hành đều mong cầu sanh về Tịnh Độ, nên bản chú giải này là bộ sách vô cùng quan trọng để tu Tịnh Độ. Vì thế, người giảng nhiều, người nghe cũng đông. Kinh này giảng cặn kẽ y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương; vì nêu không nói tỉ mỉ, chúng ta chẳng thể nào quán tưởng được, ắt cần phải nói rõ ràng, tường tận, tỉ mỉ phương pháp tu hành. Vì thế, người thật sự phát nguyện, mong cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một đời này, nói thật ra, chẳng thể nào không biết đến. Mấy câu này nhằm nói rõ vì sao phải viết chú giải. Tiếp đó: “Sở bảm Bảo Vân sư thủ chế ký văn, tương duyên chí kim, trước thuật bất tuyệt, giai tông Trí Giả” (Nhờ có thầy Bảo Vân ghi chép đầu tiên, truyền mãi đến nay, trước thuật chẳng ngừng, đều noi theo ý chỉ của ngài Trí Giả). Câu này nói về sự thừa; nếu chẳng có sự thừa, chẳng thể khiến cho kẻ khác tin tưởng. Trung Quốc và Ấn Độ hết sức coi trọng sự thừa.

Những gì quý vị đã học là do học với ai? Điều này rất trọng yếu. Không như hiện tại, người hiện thời chẳng coi trọng sư thừa cho mấy! Mỗi người đều có thể tự lập một trường phái, thời cổ chẳng có chuyện ấy!

Chúng ta đọc Đản Kinh sẽ thấy chuyện thiền sư Vĩnh Gia. Ngài Vĩnh Gia là một người vô cùng thông minh, gặp gỡ ngài Huyền Sách. Ngài Huyền Sách nhận biết Sư là một nhân tài, khuyên Sư phải tìm một bậc cao minh để ấn chứng, tức là chứng minh cho Sư. Người chứng minh cho Sư sẽ là thầy. Nếu không có ai chứng minh, nói chính mình học thành công, ngài Huyền Sách nói: “*Nói theo Phật pháp, trước thời Oai Âm Vương thì có thể. Sau Oai Âm Vương Phật, nếu chẳng có sư thừa, đều là thiên nhiên ngoại đạo*”. Chư vị hãy nghĩ xem, chuyện này rất nghiêm trọng! Vì thế, Ngài bèn khuyên Sư đến Tào Khê thân cận Lục Tổ, bái Lục Tổ làm thầy, tức là có truyền thừa. Ngài Vĩnh Gia thật sự thông minh, đến gặp Lục Tổ nói mấy câu liền khế nhập cảnh giới. Đã được tổ sư ấn chứng, Ngài chuẩn bị rời khỏi. Lục Tổ đại sư nói: “Ông chẳng cần đi gấp như vậy, hãy nghỉ lại một đêm. Ngày mai hãy đi thi hơn”. Vì thế, đêm Sư ở lại Tào Khê được gọi là Nhất Túc Giác (giác ngộ trong một đêm), “*nhất túc*” (一宿) là trong một buổi tối, Ngài liền khai ngộ, liền giác ngộ, cũng là chứng tỏ lời cổ nhân đã nói: “*Nhất nhật vi sư, chung thân vi phụ*” (Một ngày là thầy, suốt đời là cha). Vì thế, sư thừa chẳng nhất định là phải ở cùng thầy bao lâu, được thầy chỉ điểm, chính mình thật sự giác ngộ, triệt để giác ngộ, vậy là đủ rồi!

Sư thừa của bản chú giải này là từ ngài Bảo Vân. Trong chú giải có nói ngài Tứ Minh được bảm thụ pháp từ pháp sư Bảo Vân⁷. Ngài Bảo Vân là người xứ Cao Ly, tức là người Đại Hàn, khai ngộ trong hội của Trí Giả đại sư. Ngài đến Trung Quốc du học, sau khi đã ngộ, muốn trở về, quay về nước mình để hoằng pháp, nhưng về sau bị các đồng tu bên Trung Hoa giữ lại. Ngài nói Phật pháp chẳng có giới hạn chủng tộc, mà cũng chẳng có giới hạn quốc gia, ở đâu có duyên thì đến đó hoằng dương, cần gì cứ phải nhất định trở về nước mình! Do đó, Ngài

⁷ Ngài Bảo Vân là tổ sư đời thứ mười sáu của tông Thiên Thai, pháp hựu Nghĩa Thông, pháp tự Duy Viễn; do về già Ngài trụ tại chùa Bảo Vân nên thường gọi là Bảo Vân Sư. Ngài người xứ Cao Ly, họ Y. Tướng mạo trang nghiêm dị thường, đỉnh đầu có nhục kế, giữa hai mày có tướng bạch hào, nếu kéo duỗi ra sẽ dài đến năm sáu tấc. Lúc nhỏ, Sư xuất gia tại Quy Sơn Viện, sau khi thọ Cụ Túc, bèn học Hoa Nghiêm và Khởi Tín Luận, được cả nước Cao Ly tôn kính, ngưỡng mộ. Sau đó, Sư sang Trung Quốc tham học với ngài Vân Cư (Thiền Quốc Sư) có chỗ khế ngộ. Sau đây, lại tham yết ngài Loa Khê nghe yếu chỉ Nhất Tâm Tam Quán bèn than: “*Cái học viên đốn ắt phải thấu triệt ở nơi đây*”, bèn ở lại theo học. Lâu sau, danh tiếng vang lừng khắp nơi. Khi sắp hồi hương, Sư nghỉ lại Tứ Minh, sắp xuống thuyền, Quận Thủ Tiền Duy Trị nghênh đón xin hỏi tâm yếu, xin thọ Bồ Tát giới. Đạo tục hướng về quy ngưỡng đông đảo, Quận Thủ tha thiết thỉnh cầu, nên Ngài ở lại Trung Quốc. Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ tư (979), ngài Pháp Trí (tôn giả Tứ Minh) theo học với Sư, lúc đó Sư đã năm mươi ba, còn Pháp Trí mới hai mươi. Ngôi chùa nơi Sư ở, thoát đầu gọi là Truyền Giáo Viện, mãi đến năm Thái Bình Hưng Quốc thứ bảy (982), mới được vua ban biển ngạch là Bảo Vân Tự. Đến năm Ung Hy nguyên niên (984), ngài Từ Vân mới theo học với Sư (lúc đó Sư đã năm mươi tám tuổi, Từ Vân hai mươi hai). Sư thường nói Tịnh Độ là quê cũ. Năm Đoan Cung nguyên niên (988), vào ngày Mười Một tháng Mười, Sư nằm bên hông hữu, an tường nhập diệt.

ở lại. Ngài Bảo Vân có hai đệ tử; hai người đệ tử ấy đều hết sức nổi tiếng trong Phật giáo sử Trung Quốc, một là tôn giả Tứ Minh, vị kia là Từ Vân Tuân Thức đại sư. Đối với tông Thiên Thai sau này, có thể nói là các Ngài là những vị đại pháp sư chủ yếu phục hưng tông Thiên Thai. Chúng tôi cũng tinh lược truyện ký các Ngài.

Lại xem đoạn kế tiếp là “trước thuật dụng ý”, [hãy đọc] dòng cuối cùng trong trang mười chín: “*Khởi hữu bất tri tu tâm diệu quán, cảm tứ Tịnh Độ văn nghĩa giả da?*” (Há có lẽ nào chẳng biết tu tâm diệu quán, mà cảm bốn cõi Tịnh Độ ư?). Trước hết, Ngài đặt ngược vấn đề. Há có lẽ nào mà có kẻ chẳng biết tu tâm, chẳng biết tu diệu quán, lại có thể vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ? Tây Phương có bốn loại Tịnh Độ: Thường Tịch Quang Tịnh Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ và Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Câu nói này đã nêu khái quát: Bốn loại Tịnh Độ đều phải tu diệu quán. Cùng tu diệu quán như nhau, vì sao sanh trong các cõi khác nhau? Do công phu diệu quán của quý vị có cạn hay sâu khác biệt. Vì thế, bất luận tu phương pháp nào, công phu [đều có] cạn hay sâu. Nói theo kinh điển Tịnh Tông, sẽ là công phu thành phiền, Sự nhất tâm bất loạn, và Lý nhất tâm bất loạn. Đó là phân chia đại lược. Nếu chia tỉ mỉ, trong mỗi loại lại có nhiều loại nhỏ khác biệt, nên mới [nói tổng quát là phẩm vị vãng sanh] có ba bậc chín phẩm.

Đoạn kế đó là Chánh Thị (正示), tức là giảng rõ ý nghĩa. “*Lương dĩ mãn vật tình thâm*” (Do lòng thương xót chúng sanh sâu đậm), “*vật*” (物) là tiếng gọi chung chúng sanh. Nếu nói “*người*”, sẽ chẳng bao gồm chư thiên, chẳng bao gồm súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Vì thế, dùng chữ *Vật* để bao quát tất cả hữu tình chúng sanh trong lục đạo. Đức Phật mở ra pháp môn này, không chỉ nhằm độ chúng ta, mà còn muốn độ chư thiên, cũng muốn độ ba ác đạo. Dầu là chúng sanh trong địa ngục, nhưng nếu họ có thể tin tưởng, có thể y giáo phụng hành, đều có thể vãng sanh. Có thể thấy pháp môn này xác thực là rộng lớn vô biên, chẳng thể nghĩ bàn. Đó là các vị tổ sư đại đức đầy lòng bi mẫn đối với hết thảy chúng sanh. “*Thích thời trí xảo, cố đa đàm sự tướng, thiếu thị Quán môn, vụ tại hạ phạm, phổ triêm duyên chủng*” (Trí xảo diệu nhằm thích ứng thời cơ, nên bàn nhiều về sự tướng, ít chỉ dạy quán tướng, chú trọng bọn phạm phu hạ căn, khiến cho họ được gieo duyên trọn khắp). Đây là nói về chuyện giảng kinh, thuyết pháp thông thường. Nhằm khế cơ, căn cơ của chúng sanh hèn kém, tầm nhìn ngắn ngủi, tham cầu lợi ích trước mắt, vẫn chẳng mong vãng sanh Tịnh Độ, vậy thì tạo pháp duyên cho họ là được rồi, chẳng cần phải nói sâu. Đó là “*đa đàm sự tướng, thiếu thị Quán môn*”. Giới thiệu Phật pháp với người khác, xác thực là có phương tiện thiện xảo. Trước hết, phải làm cho chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, bằng lòng nghe, bằng lòng tiếp nhận, chẳng đến nỗi nghe một lần, lần sau chẳng tới nữa. Vì thế, phải dùng phương tiện thiện xảo để tiếp dẫn họ. Đợi đến khi họ nhập môn, đã có một chút căn cơ rồi, lại nói lời thật với họ. Nếu trước tiên, vừa mở đầu, quý vị bảo họ niệm Phật vãng sanh chẳng dễ dàng, lần sau họ cũng chẳng đến nữa, [vì họ nghĩ]: “*Pháp môn này vô dụng, ta niệm suốt đời chẳng thể thành tựu, ta còn đến đây làm chi?*” Vì thế, trước hết, phải bảo họ [pháp môn này] rất dễ dàng, đến

khi họ cảm thấy dễ dàng, sau khi đã học được vài năm, lại bảo họ: “Pháp môn này cũng chẳng dễ dàng như quý vị tưởng tượng”. Nói lời thật với quý vị!

Do đó, chúng ta dạy người khác, quý vị thấy đó: Dạy quý vị thọ trì kinh pháp, chấp trì danh hiệu, trước tiên dạy quý vị niệm nhuần nhuyễn; đó là công phu bước đầu. Đã thấu triệt nhuần nhuyễn, lại dạy quý vị dùng phương pháp khuất phục phiền não, cũng tức là dùng phương pháp này khiến cho vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ưu lự của chúng ta thấy đều bị khuất phục. Có thể khuất phục [các phiền não], sẽ quyết định vãng sanh, [sanh vào] cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Khi đạt đến công phu ấy, lại bảo quý vị: “Vì sao quý vị chẳng muốn tiến thêm một bước nữa?” Tiến thêm một bước là Sự nhất tâm bất loạn, đoạn sạch phiền não, công phu càng thù thắng, phải nói tới Quán môn. Do đó, tu học và tu hành có thứ tự, tuy pháp môn này là đại pháp viên đốn, nó vẫn có thứ tự. Đúng như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Hành bố chẳng ngại viên dung, viên dung chẳng ngại hành bố*”, Hành Bồ (行布) là [tu tập] theo thứ tự.

“*Phương kim gia vận, thịnh diễn viên thừa, mộ học chi đồ, giai dục đắc chỉ nhi tu chứng hỹ*” (Nay gặp vận tốt lành, sôi nổi diễn giảng giáo pháp viên đốn, những đồ đệ ham học đều muốn nắm được ý chỉ để tu chứng), đoạn này cho biết nhân duyên đã chín muồi. Nhân duyên chẳng chín muồi, sẽ chẳng thể nói; hễ chín muồi bèn có thể nói. “*Gia vận*” (嘉運) là một hội tốt đẹp, đây là một pháp hội thù thắng nhất. “*Viên thừa*” (圓乘) là viên đốn Nhất Thừa. Kinh này và kinh Vô Lượng Thọ đồng loại, cổ đức tán thán kinh Vô Lượng Thọ là “*viên nhất trong các pháp viên, đốn nhất trong các pháp đốn, là Đại Thừa của các pháp Đại Thừa, là Viên Giáo của Viên Giáo*”. Tán thán tới tột bậc! Kinh này đã là đồng loại với kinh ấy, đương nhiên cũng là pháp Nhất Thừa viên đốn. Có thể hâm mộ, mong tu học pháp môn này thì chẳng phải là căn khí tầm thường! Đúng như trong Yêu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói, căn khí gì vậy? Cơ duyên thành Phật đã chín muồi, người này sẽ thành Phật trong một đời này, lỗi lạc thay! Trong hết thấy các căn khí, thành Phật là bậc nhất, còn cao hơn thành Bồ Tát. Người này muốn thành Phật trong một đời này, phải thành Phật thì mới có thể cảm động chư Phật, Bồ Tát vì chúng ta nói pháp môn này; do đó gọi là “*gia vận*”.

Trong lời chú giải có mấy câu viết rất hay. Ngài viết “*viên đốn sơ tâm*”, “*viên đốn*” là nói về căn tánh, xác thực là người căn tánh viên mãn đốn siêu, đó là căn tánh Bồ Tát. “*Hỷ văn viên nghĩa*” (Thích nghe giáo nghĩa viên đốn), người ấy nghe kinh, đọc kinh, thích đọc kinh điển Viên Giáo Đại Thừa, người ấy mới có thể thỏa mãn. “*Ngưỡng mộ Diệu Tông*”, vô cùng hâm mộ phương pháp tu học vi diệu thù thắng này. Thời tiết, nhân duyên chín muồi, tuyệt đối chẳng phải là ngẫu nhiên! Chúng ta nhìn từ chỗ này, chư Phật, Bồ Tát thương xót chúng sanh xác thực là chẳng có cách nào tưởng tượng được, chẳng biết còn vượt quá bao nhiêu lần tình cha mẹ yêu mến con cái. Lúc càng khổ nạn, càng dễ thấy. Chẳng phải là trong lúc khổ nạn thì cơ duyên chẳng chín muồi, mọi người vẫn tỉnh tỉnh mê mê, chẳng mong tiến cao hơn, nên Phật, Bồ Tát chẳng đến. Trong lúc đại kiếp nạn, khổ nạn xảy đến, người ta liền cảm nhận cuộc đời và kiếp người hết sức đau

khổ, mong mỗi giải thoát, mong mỗi rời khỏi hoàn cảnh này; khi ấy, cơ duyên chín muồi, Phật, Bồ Tát liền đến.

Trong toàn thể Phật pháp, Tịnh Tông là pháp môn thù thắng nhất. Nói thật ra, không chỉ là Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong cõi đời, mà hết thầy chư Phật đều xuất hiện trong cõi đời. Nếu quý vị hỏi các Ngài, các Ngài đến thế gian này để làm gì? [Các Ngài sẽ đồng thanh trả lời]: Độ chúng sanh thành Phật đạo. Các Ngài dùng phương pháp gì? Chẳng có vị nào không dùng phương pháp Niệm Phật, đều dùng phương pháp này; nên đây là pháp môn bậc nhất. Vì sao nói các pháp khác, nói kinh điển nhiều như vậy? Đó là vì thiện căn của chúng sanh chưa chín muồi, chưa thể tiếp nhận pháp môn này, nên mới giảng những pháp môn khác nhằm bồi dưỡng căn tánh của họ, khuyên dụ họ trở về pháp môn Niệm Phật; đó là Như Lai đã buốt lòng rất miệng lập bày phương cách. Nếu chư vị thâm nhập kinh tạng, sẽ có thể nhìn ra. Người Hoa có duyên với Phật pháp rất sâu, chư Phật, Bồ Tát hóa thân ở Trung Quốc hết sức nhiều; trong những nơi khác trên thế giới chưa hề nghe nói [có tình hình giống như vậy]. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát có lòng thiên vị, Phật, Bồ Tát chẳng hề thiên vị, mà là chúng sanh ở nơi ấy duyên đã chín muồi, các Ngài bèn thị hiện. Nhân duyên chưa chín muồi, hãy thông thả chờ đợi.

Trong thời đại này, so trong lịch sử Trung Quốc, thậm chí trong lịch sử cả thế giới, là thời kỳ thống khổ nhất, trong quá khứ chẳng hề gặp đại kiếp nạn như trong hiện tại, nên Phật, Bồ Tát cũng xuất hiện trong thời cận đại rất nhiều. Chúng ta biết tổ sư Ấn Quang là Tây Phương thế giới Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, chúng ta biết điều này. Tổ Ấn Quang tán thán sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, Ngài nói: “*Dẫu cổ Phật tái lai viết bản chú giải kinh Di Đà khác, cũng chẳng thể hay hơn được*”. Ngẫu Ích đại sư là hạng người nào mà được Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán dường ấy? Nếu Ngài chẳng phải là A Di Đà Phật tái lai, tôi tin tưởng Ngài quyết định là Quán Âm Bồ Tát tái lai. Từ lời tán thán ấy, chúng ta có thể suy đoán đôi chút tin tức. Thời cận đại là lúc gặp kiếp nạn lớn nhất, Tịnh Tông chẳng dễ được kẻ khác tiếp nhận nhất! Không chỉ là người Hoa trong thời hiện đại chẳng chịu tiếp nhận, mà người ngoại quốc lại càng khó nói nữa. Do đó, cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện. Hạ lão cư sĩ là vị nào tái lai? Không ai biết! Quan sát từ nhiều dấu tích và phương diện, chúng tôi đoán vị này chẳng phải là Phật tái lai, cũng là bậc Bồ Tát từ Đẳng Giác trở lên, tuyệt đối chẳng phải là phàm nhân. Ngài xuất hiện trong thế gian này để làm gì? Chính lý kinh Vô Lượng Thọ một lần nữa, hồng khiến cho trọn khắp chúng sanh trên thế giới đều hoan hỷ tiếp nhận, Ngài đến làm chuyện này. Cũng là vì kinh này được lưu thông tại Trung Quốc, bao nhiêu lần phiên dịch đều chẳng viên mãn cho lắm, chẳng có một bản nào viên mãn! Đây là Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là người tầm thường!

Tôi đã hai lần nói với Hoàng lão cư sĩ, mong cụ viết truyện ký của thầy Hạ để chúng tôi lưu thông. Lần này, lão nhân gia bảo tôi: “Chưa được! Chưa đến lúc. Vì sao? Sợ là viết ra sẽ bị kẻ khác hủy báng”. Tôi ở Đại Lục quan sát đôi chút, quả đúng là thời tiết nhân duyên chưa chín muồi; nhưng bản kinh do thầy Hạ hội tập thịnh hành ở Đài Loan như vậy, cũng là chuyện tôi không ngờ đến. Chúng tôi

đề xướng kinh này mới ba, bốn năm, nghiêm nhiên hiện thời tại Đài Loan, từ Nam đến Bắc, người đọc tụng bộ kinh này đông ngàn ấy, người diễn giảng cũng nhiều, người ấn hành cũng lắm, đúng là hy hữu khó gặp! Đó là thời tiết nhân duyên chín muồi, rất khó thấy. Vì thế, Đài Loan là đảo báu, là phước địa, được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên gia trì, nơi này sẽ chẳng có tai nạn. Tục ngữ có nói “*hữu kinh vô hiểm*” tức là chẳng có đại kiếp nạn!

Kể đó là “*thuật sao sớ dĩ*” (nguyên do viết lời Sao), nêu rõ ý nghĩa Ngài viết chú giải lần này. “*Cổ kiệt bỉ tư, sao sớ thiên ngôn*” (Do đó, dốc cạn tâm tư thô lậu, viết lời Sao gồm mấy ngàn chữ), hai câu này là tôn giả Tứ Minh khiêm hư. Nói thật ra, tôn giả là bậc thông gia trong Phật môn, thông Tông, thông Giáo, vì chúng ta giảng kinh này, há còn tôn tâm tư gì? Chẳng tốn sức! Ở đây, Ngài nói “*cổ kiệt bỉ tư, sao sớ thiên ngôn*” là nói khách sáo. “*Thượng thuận diệu tông, lược tiêu thử sớ*” (Kính vâng theo tông chỉ mầu nhiệm, giải thích đại lược ý nghĩa trong bản sớ giải này), tùy thuận tông chỉ tu học vi diệu để giải thích bộ Sớ của Trí Giả đại sư. “*Thích thời chi xảo, phi ngã sở năng*” ([đó là do] Thời cơ khéo phù hợp, chẳng phải là sức tôi [có thể tạo thành như vậy]), càng khiêm hư hơn nữa! Có nghĩa là Ngài nói, thời tiết, nhân duyên phù hợp khéo léo, Tam Bảo gia trì, [nên bản Sớ Sao này được ra đời], chứ chẳng phải là năng lực của chính tôi. Lời này là nói khiêm tốn, nhưng thật ra cũng là lời thật. Nay chúng ta có thể nói, có thể nghe, hoan hỷ tin nhận, đều do thiện căn từ quá khứ hiện hành, nay được Tam Bảo gia trì, đúng là như vậy!

Kể đó là dụng ý thật sự của Ngài: “*Nguyện cộng hữu tình, tức tâm niệm Phật, nãi thử Sao sớ dĩ tác dã*” (Nguyện cùng các hữu tình dùng ngay cái tâm niệm Phật, đây chính là lý do viết lời Sao này). Dụng ý soạn bộ Sớ Sao này để lại cho thời ấy và mai sau của Ngài đã được nêu ra trong hai câu này. Bản thân Ngài đạt được lợi ích chân thật nơi bộ kinh này, sau khi đã đạt được, bèn hy vọng mọi người chúng ta ai nấy đều có thể đạt được. Nguyện cùng các hữu tình, ta cùng hết thảy hữu tình chúng sanh, dùng ngay cái tâm này để niệm Phật. Hãy chú ý! Chẳng phải là miệng niệm, chẳng phải là bảo quý vị niệm Phật đặng miệng, mà là niệm Phật bằng chính cái tâm. Miệng niệm Phật, trong tâm chẳng có Phật, vô dụng! Trong tâm có Phật, miệng chẳng niệm, vẫn hữu dụng, vẫn là hữu ích. Vì thế, khẩu yếu là nơi tâm, tâm mới là Diệu Tông, tu từ tâm là tu nơi căn bản. Chư vị phải biết, trong vọng tâm chẳng có Phật, trong vọng tâm có gì? Trong vọng tâm có ma. Ma là gì? Vui đập! Vọng tâm khổ lắm, quý vị dùng vọng tâm, chịu hết mọi nỗi đày đọa. Nếu quý vị dùng chân tâm, thanh tịnh tự tại. Bởi lẽ, chân tâm là Phật, tâm chúng ta niệm Phật là chân tâm; khởi tâm niệm Phật, tâm ấy là chân tâm. Ta khởi tâm niệm Bồ Tát, niệm La Hán, những tâm ấy chẳng phải là chân tâm, chẳng phải thuần chân. Đặc biệt là trong hết thảy chư Phật, khởi tâm niệm A Di Đà Phật chính là thuần đến mức tột bậc. Vì sao? Vì A Di Đà Phật là Bản Giác của chính chúng ta, là đại giác viên mãn rốt ráo. Tâm ấy và Phật hoàn toàn tương ứng, công đức lợi ích ấy bất luận pháp môn nào cũng đều chẳng có cách nào sánh bằng!

Đồng tu niệm Phật rất nhiều, nhưng người biết chân tướng sự thật chẳng nhiều! Nếu quý vị thật sự biết chân tướng sự thật này, sẽ rất hoan hỷ niệm Phật,

sẽ niệm Phật chẳng gián đoạn. Vì sao? Quả thật là “*một niệm tương ứng một niệm Phật*”. Trong khi quý vị niệm Phật, tâm là Phật, miệng là Phật, hạnh là Phật, ba nghiệp đã khế nhập cảnh giới nơi quả địa Như Lai, người ấy có thể chẳng niệm u? Do đó, “*niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, chẳng niệm gì khác, những thứ khác, người ấy đều chẳng cần niệm. Vì sao? Niệm Phật, tất cả vô lượng vô biên pháp môn khác thay đều thành tựu. Kinh Hoa Nghiêm nói “*một tức là nhiều, nhiều chính là một*”, “nhiều” là vô lượng vô biên pháp môn, “một” là A Di Đà Phật, vô lượng vô biên pháp môn đều quy vào A Di Đà Phật, nên vô lượng chính là một. Niệm một câu A Di Đà Phật, hết thấy các pháp môn đều tu học viên mãn; niệm đến mức nhất tâm bất loạn, tất cả hết thấy các pháp môn đều viên tu, viên chứng, [do đó], một chính là vô lượng.

Cổ đức đã so sánh các giáo pháp trong một đời đức Thế Tôn. Các Ngài nói hết thấy các kinh, nay chúng ta gọi “hết thấy các kinh” là Đại Tạng Kinh, tức là đem toàn bộ kinh điển do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm so sánh một phen, Hoa Nghiêm là bậc nhất. Cao tăng đại đức trong ngoài nước đều thừa nhận điều này. So sánh kinh Hoa Nghiêm và kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ bậc nhất. Vì sao? Nếu kinh Hoa Nghiêm chẳng đến cuối cùng “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, Hoa Nghiêm sẽ chẳng viên mãn, quy về Cực Lạc mới viên mãn. Kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối từng câu, từng chữ đều giảng về thế giới Cực Lạc, là chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm, đương nhiên kinh Vô Lượng Thọ là bậc nhất. Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư đã chia kinh thành bốn mươi tám chương. Trong bốn mươi tám chương ấy, chương nào bậc nhất? Chương thứ sáu là bậc nhất. Chương thứ sáu là bốn mươi tám nguyện, do chính A Di Đà Phật tự nói. Kinh Vô Lượng Thọ do hai vị Phật thuyết pháp, phần kinh văn ấy do chính A Di Đà Phật tự nói. Bốn mươi tám nguyện là bậc nhất. Bốn mươi tám nguyện còn có bốn mươi tám điều, điều nào là bậc nhất? Các vị tổ sư đại đức cũng công nhận như sau: Nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Nguyện thứ mười tám là gì? “*Mười niệm ắt vãng sanh*”, tức là quy vào một câu Phật hiệu. Vì lẽ đó, đến cuối cùng quý vị mới hiểu: Nguyên lai A Di Đà Phật là bậc nhất.

Nếu quý vị hỏi: A Di Đà Phật nghĩa là gì? Một bộ kinh Vô Lượng Thọ nhằm giải thích ý nghĩa A Di Đà Phật. Một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là chú giải của kinh Vô Lượng Thọ, mà cũng là thuyết minh cận kề về A Di Đà Phật. Nếu nói chi tiết hơn một chút, sẽ là Đại Tạng Kinh; toàn bộ Đại Tạng Kinh nhằm giảng điều gì? Giảng về A Di Đà Phật, quý vị phải hiểu cho rõ! Nếu chưa hiểu rõ điều này, đúng là sẽ coi rẻ A Di Đà Phật. Vì thế, cổ đức so sánh từng tầng một, dần dần so sánh đến cuối cùng, mới phát hiện chót núi tột cùng vốn là A Di Đà Phật, thống nhiếp vô lượng vô biên pháp môn. Vì vậy, năng niệm và sở niệm đều chẳng thể nghĩ bàn!

Trong lời Sao của ngài Tứ Minh, câu cuối cùng trong trang hai mươi mốt là: “*Phàm hữu tâm giả, giai đương tác Phật, tức tâm tức Phật, niệm Phật niệm tâm, tâm Phật bốn tự bất nhị, nãi sở dĩ tác thử sao dã*” (Phàm những ai có tâm sẽ đều làm Phật. Tâm chính là Phật, Phật chính là tâm, niệm Phật là niệm tâm.

Tâm và Phật vốn tự chẳng hai. Đấy chính là lý do soạn bộ Sao này vậy). Mấy câu này của tôn giả Tứ Minh có thể nói là giải thích vô cùng thấu triệt. Trí Giả đại sư soạn Sớ, nhằm mục đích dạy chúng ta “*tức tâm niệm Phật*” (dùng ngay chính cái tâm này để niệm Phật), tâm là Phật, Phật là tâm. Hãy ghi nhớ: Cái tâm ấy là chân tâm, là cái tâm chẳng có vọng niệm. Tông chỉ tu hành của Thiền gia chẳng khác những điều đang được nói ở đây. Trong Ngũ Lục, hòa thượng Đại Châu vừa mở đầu liền nói “*người khéo tu thì tu từ căn bản*”. Căn bản là gì? Tâm là căn bản, cho nên phải dốc sức từ tâm địa; đó gọi là “*tu từ căn bản*”; nhưng phải dùng chân tâm, chớ nên dùng vọng tâm, đấy mới là tu hành thật sự. Vì vậy, phương pháp tu hành trong Thiền Tông là tham cứu, chẳng gọi là nghiên cứu. Hiện thời chúng ta thường nói: “Quý vị hãy nghiên cứu kỹ càng chuyện gì đó”, Thiền gia bảo quý vị hãy tham cứu, chẳng bảo hãy nghiên cứu! Vì sao? Nghiên cứu dùng suy nghĩ, xét đoán, mà suy nghĩ, xét đoán là thức thứ sáu, tức ý thức. Tham cứu chẳng cần suy nghĩ, xét đoán, không dùng tâm ý thức. Thức thứ sáu tức ý thức là phân biệt, thức thứ bảy tức Mạt Na là chấp trước, thức thứ tám tức A Lại Da là lưu lại ấn tượng. Chẳng cần tới ba thức ấy! Nói cách khác, chẳng phân biệt, không chấp trước, không lưu lại ấn tượng, mới gọi là tham cứu; tham cứu dùng chân tâm. Người thế gian dùng cái tâm phân biệt, dùng cái tâm chấp trước, ắt giữ lại ấn tượng, họ sử dụng tâm ý thức, [tức là] dùng vọng tâm, chẳng phải là chân tâm.

Đại Thừa Phật pháp đều dùng chân tâm. Tông Môn dùng chân tâm, Giáo Hạ cũng chẳng phải là ngoại lệ. Đối với Giáo Hạ, quý vị thấy trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã dạy chúng ta nguyên tắc tu học. Ngài dạy chúng ta, bất luận là đọc kinh hay nghe giảng, “*ly ngôn thuyết tướng*”, chẳng phân biệt, chẳng dùng thức thứ sáu, tức ý thức; “*ly danh tự tướng*” tức là chẳng chấp trước, chẳng dùng thức thứ bảy; “*ly tâm duyên tướng*”, tức là đừng khởi vọng niệm, đừng suy nghĩ loạn xạ, cũng chẳng cần suy tưởng ý nghĩa trong kinh, quyết định chớ nên nghiên cứu, đừng dùng thức thứ tám. Vì thế, Giáo Hạ cũng là lìa tâm ý thức thì mới có thể đại khai viên giải. Trong Tịnh Độ Tông, nếu quý vị chẳng lìa tâm ý thức, cứ dùng tâm ý thức hoặc vọng tâm để niệm, vẫn được! Còn có thể vãng sanh. Chuyện này lạ lùng, đúng là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng giống các pháp môn khác. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư đều là dùng tám thức để niệm Phật vãng sanh, còn cõi Thật Báo Trang Nghiêm và cõi Thường Tịch Quang là lìa tâm ý thức để niệm Phật vãng sanh, nên khác nhau! Vì thế, Tịnh Tông còn có cái hay: “Chẳng biết dùng chân tâm, vẫn có thể vãng sanh”; đó là lý do khiến cho chư Phật, Bồ Tát đặc biệt tán thán. Chính vì như thế, pháp môn này có thể phổ độ hết thảy chúng sanh, chúng sanh căn tánh thượng, trung, hạ đều đắc độ. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, lại lìa tâm ý thức, như vậy thì sẽ thuận tiện hơn, an toàn hơn, vì sao? Chẳng phải luân hồi trong lục đạo nữa, pháp môn này đặc biệt thuận tiện!

Phần lời tựa tới đây là kết thúc, đã giới thiệu viên mãn. Kế tiếp là “*nhập văn*” (入文), tức là [bước vào phần] chánh văn của Diệu Tông Sao. Chánh văn được mở đầu bằng năm tầng huyền nghĩa của tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai giảng kinh hay chú giải đều tuân thủ nguyên tắc sau đây: Trước hết, dùng năm

điều đại cương để giới thiệu đại ý của toàn bộ bản kinh; giới thiệu đại ý của cả bản kinh xong rồi mới giảng kinh văn. Do đó, phần Huyền Nghĩa hết sức quan trọng. Phương thức này xét theo Phật pháp, nói thật ra, chú giải Phật pháp có hai loại, tức là Luận gồm có hai loại lớn: Một loại là Tông Kinh Luận (宗經論), loại kia là Thích Kinh Luận (釋經論). Tông Kinh Luận là căn cứ trên kinh nghĩa (giáo nghĩa hoặc ý nghĩa chánh yếu trong kinh) để xiển dương, nêu tỏ, chẳng phải là giải thích kinh văn từng câu một. Bộ phận Huyền Nghĩa thuộc loại Tông Kinh Luận. Đến khi bước vào phần chánh kinh để giải thích, giải thích từng câu kinh văn một thì là Thích Kinh Luận.

Trong các bộ đại luận của kinh Phật, Du Già Sư Địa Luận thuộc loại Tông Kinh Luận, chẳng phải là giải thích kinh văn từng câu một. Đại Trí Độ Luận là Thích Kinh Luận, giải thích kinh văn từng câu một. Tông Thiên Thai kết hợp hai loại ấy thành một, Tông Kinh Luận và Thích Kinh Luận đều có. Phần Huyền Nghĩa thuộc loại Tông Kinh Luận. “*Thích kinh ngũ nghĩa, Danh, Thể, Tông, Dụng, Giáo Tướng, vân vân*” (Giải thích năm nghĩa trong kinh là Danh, Thể, Tông, Dụng và Giáo Tướng v.v...). Nay chúng ta nói “*vân vân*” là v.v... Ngài dùng năm hạng mục ấy, tức là dùng năm khoa để giới thiệu đại ý của cả bộ kinh. Chúng ta đem đọc lời Sao dưới đó một lượt. “*Sao vân*” (Sao rằng), Sao là lời giải thích của tôn giả Tứ Minh, Trí Giả đại sư giải thích rất đơn giản. “*Ngôn vân vân giả, linh y chư bộ, minh u thông thích ngũ chương chi nghĩa*” (Nói “*vân vân*” là dựa theo [thể lệ được sử dụng] trong các bộ [sách của ngài Thiên Thai Trí Giả], nói rõ: Sẽ giải thích ý nghĩa theo thể lệ thông thường gồm năm chương): Theo thể loại Ngũ Chương, tức là chia [phần Huyền Nghĩa] thành năm chương để giới thiệu đại ý của toàn thể bản kinh. “*Diệu Huyền vân*” (sách Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa có nói); Diệu là kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Huyền là Huyền Nghĩa, [tác phẩm] Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa [của tổ Trí Giả] giải thích kinh Pháp Hoa, [trong phần giảng giải Huyền Nghĩa, đã chia thành năm phần] là Kinh Đề, Biện Thể, Minh Tông, Luận Dụng và Giáo Tướng. Trí Giả đại sư giảng [phần Huyền Nghĩa phải mất] chín mươi ngày, đó là “*cửu tuần đàm diệu*” nổi tiếng của tông Thiên Thai. Điển cố ấy phát xuất từ chuyện này. Xét về kích thước, trong Đồ Thư Quán của chúng ta có [tác phẩm ấy], bản in bìa cứng dày như vậy, đại khái [bộ sách ấy] gồm có ba quyển giống như bộ Diệu Tông Sao quý vị đồng tu đang cầm trên tay. Ba quyển ấy nói gì vậy? Năm tạng Huyền Nghĩa của kinh Pháp Hoa, vẫn chưa giảng vào kinh văn. [Những điều do] Trí Giả đại sư giảng giải trong chín mươi ngày, được ghi lại thành ba quyển dày dường ấy. Đó là sách Diệu Huyền, là một bộ lớn trong Thiên Thai Tam Đại Bộ.

Bộ phận lớn thứ hai [trong Thiên Thai Tam Đại Bộ] là giảng kinh văn, kinh văn [được giảng giải] trong bộ Pháp Hoa Kinh Văn Cú. Vì thế, trong hai bộ phận lớn trên đây, bộ phận lớn phía trước, tức Diệu Huyền là Tông Kinh Luận của kinh Pháp Hoa, Văn Cú là Thích Kinh Luận của kinh Pháp Hoa; bộ còn lại là phương pháp tu hành trong tông Thiên Thai, tức Ma Ha Chỉ Quán. Trước đây, người học Thiên Thai nhất định phải đọc thuộc lòng ba bộ sách lớn ấy. Chẳng thể đọc thuộc lòng, chẳng thể vào giảng đường của tông Thiên Thai! Nghe kinh trong giảng

đường Thiên Thai, ba bộ sách lớn ấy đều rất thuộc thì mới có tư cách bước vào giảng đường nghe giảng. Vì thế, trình độ học Phật xưa kia cao hơn chúng ta trong hiện thời rất nhiều. Hiện thời, mỗi người chúng ta đều cầm kinh bản, chiếu theo kinh bản để giảng. Trước kia, người ta chẳng có kinh bản như vậy, kinh sách chẳng có nhiều như vậy, thuật ấn loát chưa phát triển. Nhất là như trong thời đại Đường - Tống, chưa phát minh ra kỹ thuật ấn loát, sách đều là chép tay, há có nhiều như vậy? Tất cả mọi người đều học thuộc lòng, người giảng kinh rất thuộc, chẳng cần dùng kinh bản, người nghe kinh cũng học rất thuộc, cũng chẳng dùng kinh bản, [ai nấy] đều chẳng cần dùng kinh bản. Hiện thời, kỹ thuật ấn loát phát triển, ấn hành rất thuận tiện, mỗi cá nhân đều có thể có kinh bản, cầm kinh bản để nghe giảng. Nói thật ra, xét theo mức công phu chân chánh, chẳng bằng cổ nhân! Cổ nhân đều là đọc thuộc lòng, đều nhớ năm lòng. Được rồi, chúng ta nghỉ mấy phút.

Tập 4

Xin mở kinh bốn, xem trang hai mươi hai.

Trong phần Sao, chúng ta thấy “*thất phiên cộng giải*” (七番共解) của tông Thiên Thai. Đây là phương thức giảng kinh của họ. “*Thất phiên*” (七番) là bảy tiêu đề mục, mỗi tiêu đề mục đều rất rõ ràng: Một là tiêu chương (標章), hai là dẫn chứng (引證), ba là sanh khởi (生起), bốn là khai hợp (開合), năm là liệu giản (料簡), sáu là quán tâm (觀心), bảy là hội dị (會異)⁸. Bảy tiêu đề (đề mục nhỏ) này, thứ nhất là “*tiêu chương, linh dị ức trì, khởi niệm tâm cố*” (nêu tên gọi của một chương để [người đọc] dễ nghĩ nhớ, nhằm dấy lên niệm tâm vậy), mục đích ở chỗ này. “*Tiêu*” là tiêu thị (標示: nêu bày), “*chương*” là chương đề (章題: tựa đề của một chương, tức là chủ đề chánh yếu, hay còn gọi là tông chỉ của một chương). “*Dẫn chứng, cứ Phật ngữ, khởi tín tâm cố*” (Dẫn chứng: Nêu ra chứng cứ bằng lời Phật dạy hòng khởi tín tâm). Nêu rõ tông chỉ của một chương thì nhất định phải có chứng cứ, phải có căn cứ, chẳng phải là nói tùy tiện; nhất định là căn cứ trên kinh điển, tín tâm của chúng ta mới có thể phát sanh. “*Sanh khởi, sử bất tạp loạn, khởi định tâm cố*” (Sanh khởi là khiến cho chẳng tạp loạn, định tâm được sanh ra). “*Dư tam*” (Ba điều còn lại), tức là các điều thứ tư, thứ năm, thứ bảy. Điều thứ tư là Khai Hợp, điều thứ năm là Liệu Giản, điều thứ bảy là Hội Dị, có mục đích là “*khởi huệ tâm cố*” (khiến cho huệ tâm sanh khởi). [Điều thứ sáu là] “*Quán tâm, tức văn tức hành, khởi tấn tâm cố*” (Quán tâm là vừa nghe liền hành, khởi tâm tinh tấn), đây là tâm tinh tấn. Trong bảy tiêu khoa ấy, có năm thứ tâm là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Vì thế, Ngài kết luận: “*Cố ngũ tâm lập, thành ngũ căn, bài ngũ chướng, thành ngũ lực, nãi chí nhập tam giải thoát, kim sớ từng lược, cố chú vân vân*” (Do đó, năm tâm được lập để thành tựu năm căn, trừ năm chướng hòng thành tựu năm lực, cho đến nhập ba môn giải thoát. Nay lời sớ tỉnh

⁸ Chúng tôi xin trích dẫn lời giảng đại lược của tự điển Bách Độ về ý nghĩa của từng khoa như sau:

1. Thị Chương (Tiêu Chương): Khiến cho tầng lớp được phân minh, ngõ hầu người nghiên cứu dễ ghi nhớ, chẳng quên. Phần này giống như nêu ra một chủ đề chính, một ý kiến chánh yếu hoặc một quan điểm sẽ được thảo luận.
2. Dẫn Chứng: Phần dẫn kinh văn, đại luận, hoặc trước tác, ngữ lục của tổ sư đại đức để chứng minh quan điểm vừa nêu trong phần Tiêu Chương là xác thực, không phải là ức đoán hay bịa đặt.
3. Sanh Khởi: Phần dẫn dắt, giải thích thêm, khiến cho người đọc chẳng rối loạn, hiểu rõ thứ tự trong lý luận.
4. Khai Hợp: Nói rộng ra hoặc thu gọn lại những luận điểm hay giáo nghĩa nhằm thích hợp với căn tánh của chúng sanh.
5. Liệu Giản: Lập ra những phần vấn đáp giả định nhằm trừ nghi, phá chấp.
6. Quán Tâm: Chỉ ra cách tu hành, quán tâm. Phần này tương ứng với phần Xứng Tánh thường dùng trong bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao của ngài Liên Trì.
7. Hội Dị: Giảng giải những ưu điểm, nêu rõ tự tâm, khiến cho người đọc, kẻ nghe tín tâm kiên cố, nắm được ý chỉ của Thật Tướng. Phần này cũng tương ứng với Xứng Tánh trong A Di Đà Kinh Sớ Sao.

lược, nên [trong lời Sao] phải chú giải những điều như thế). Hiện thời, từ bản Đại Sớ⁹, quý vị sẽ thấy tường tận những điều ấy; ở đây, những khoa mục tỉ mỉ đều tinh lược, nhưng chúng ta phải hiểu: Mục đích [lập ra bảy điều như thế] của Ngài (tổ Trí Giả) là nhằm bồi dưỡng năm căn Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, hy vọng năm căn có thể tăng trưởng thành năm lực thì mới có thể tiêu nghiệp chướng. Đây là nêu lên mục tiêu của Ngài.

Chúng ta xem phần kế tiếp là phần giải thích tầng thứ nhất trong năm tầng Huyền Nghĩa. “*Đệ nhất Thích Danh giả*” (thứ nhất là giải thích tên kinh). Tông Thiên Thai vừa mở đầu liền giảng tựa đề kinh. “*Nhất thiết chúng kinh, giai hữu thông biệt nhị danh, Thông tắc Kinh chi nhất tự, Biệt tắc hữu thất, hoặc đơn nhân, pháp, thí, hoặc phức, hoặc cụ*” (Hết thấy các kinh đều có Thông Đề và Biệt Đề. Thông là một chữ Kinh, Biệt thì có bảy loại [đặt tên] hoặc là đơn nhân, đơn pháp, đơn thí dụ, hoặc phức (ghép hai loại một), hoặc có đủ cả ba loại nhân, pháp, thí). Đây là quy nạp các đề mục lại. Hết thấy các kinh không ngoài việc lấy nhân (người) để đặt tên kinh, hoặc dùng pháp để đặt tên kinh, hoặc dùng tỷ dụ để đặt tên kinh, đó gọi là “*tam đơn*” (ba cách đặt tên chỉ dùng một loại). “*Tam phức*” là trong tựa đề một kinh có hai loại, hoặc là nhân pháp, hoặc là nhân dụ, hoặc là pháp dụ. Loại thứ bảy được gọi là “*cụ túc lập đề*”, tức là nhân, pháp, dụ thấy đều có. Đề mục kinh Phật rất nhiều, nhưng chẳng ra ngoài bảy nguyên tắc ấy, nên gọi là “*thất lệ lập đề*” (bảy quy tắc đặt tên kinh), điều này cũng thuộc loại kiến thức thông thường trong Phật học.

Đối với kinh này, phần kế tiếp, nơi trang hai mươi bốn, đã giới thiệu: “*Kim kinh tòng năng thuyết, sở thuyết nhân dĩ lập danh, tức giáo biệt*” (Nay kinh này dựa trên người nói và người được nói để đặt tên, đó chính là tên riêng của giáo pháp này). Trong bộ kinh này, “*Phật Thuyết*” là Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật nói, đó là người “*năng thuyết*”. “*Vô Lượng Thọ Phật*” là giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là tên người, [đó là sở thuyết (người được nói đến)]. Vì vậy, trong đề mục này, dùng người nói và người được nói, [tức là] dùng Nhân để đặt tên kinh, thuộc quy cách “*chỉ dùng Nhân để đặt tên*”, đúng như Tiểu Bản A Di Đà Kinh vậy. “*Phật Thuyết*” là Thích Ca Mâu Ni Phật, “*A Di Đà*” là Vô Lượng Thọ Phật. Trong tựa đề kinh này, chẳng có pháp, mà cũng chẳng có tỷ dụ, chỉ dùng Nhân để đặt tên. Đó là “*giáo biệt*”, tức Biệt Đề, danh xưng chẳng giống các kinh khác. “*Đồng danh vi Kinh, tức giáo thông*” (Cùng gọi là Kinh, đó là chỗ giống nhau giữa các giáo). Như kinh Kim Cang, kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa đều gọi là Kinh, danh xưng Kinh ấy được gọi là Thông Đề, điều này được gọi là “*giáo thông*”. “*Vị hạnh bất đồng, tòng nhất chí vô lượng, tức Hạnh Biệt. Hội đồng thường lạc, tức Hạnh Thông. Lý tuy vô danh, tương môn danh lý, lý tùy u môn, tứ tứ thập lục, tức danh Lý Biệt. Môn tùy u Lý, tức danh Lý Thông. Thử ước nhất hóa, dĩ minh Thông, Biệt*” (Do hạnh khác nhau, từ một đến vô lượng, nên Hạnh Biệt (hạnh khác nhau). [Tuy khác nhau, nhưng đều] cùng có thể

⁹ Nguyên văn là “*đại bốn tử*”. Những câu do ngài Tứ Minh vừa dẫn trên đây trích từ Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa, nên gọi là “*đại bốn tử*”, chúng tôi tạm dịch là Đại Sớ.

[khiến cho người tu tập] hưởng sự thường lạc, nên là Hạnh Thông (chỗ giống nhau giữa các hạnh). Tuy lý chẳng có tên, nhưng dùng Môn (pháp môn) để đặt tên cho Lý. Lý tùy thuộc từng môn, bốn lần bốn thành mười sáu, nên gọi là Lý Biệt. Do môn tùy thuộc Lý, nên gọi là Lý Thông. Đây là dựa theo giáo pháp trong một đời của đức Phật để giảng rõ ý nghĩa Thông và Biệt). Đối với những ý nghĩa này, nếu chưa từng biết về giáo nghĩa Thiên Thai, đều chẳng dễ hiểu cho lắm, vì trong ấy có khá nhiều thuật ngữ của Thiên Thai Tông, kẻ sơ học rất khó hiểu chúng có nghĩa là gì!

Ở đây, phải nói rõ cùng quý vị về “*tứ tứ thập lục*”. Tông Thiên Thai chia Lý và Sự thành bốn môn, bốn môn là Không, Có, Cũng Không Cũng Có, Chẳng Có Chẳng Không, chia thành bốn môn ấy. Trong bốn giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên thì Tạng Giáo có bốn môn, Thông Giáo cũng có bốn môn, Biệt Giáo và Viên Giáo cũng lại như thế, nên bốn giáo nhân với bốn môn thành mười sáu. Lý được nói ra sẽ là bất đồng, [người nghe cảm thấy] Lý bất đồng là [do tùy theo căn cơ của người nghe mà Phật, Bồ Tát, tổ sư nói ra Lý ấy] cạn hay sâu sai khác, chẳng phải là Lý có những điểm sai biệt nào khác, chỉ là được nói ra cạn hay sâu khác nhau! Hết thấy các pháp do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm đều chẳng lìa nguyên lý này, nên đức Phật đã dựa trên Chân Đế và Tục Đế để thuyết pháp. Nói đơn giản, Tục Đế (俗諦) là thuận theo kiến thức thông thường của chúng ta. Tùy thuận kiến thức thông thường của chúng ta, chúng ta nghe xong sẽ lý giải rất dễ dàng. Chân Đế (真諦) là cảnh giới của Như Lai, Ngài nói ra, chúng ta thường chẳng dễ gì hiểu được, chẳng dễ lãnh hội! Ất phải là tâm địa thanh tịnh đến một mức độ kha khá, chúng ta chẳng có chướng ngại thì đức Phật nói, chúng ta bèn có thể thông hiểu và lý giải được.

Vì lẽ đó, đối với Phật pháp, chư vị hãy nhớ một nguyên tắc: Phật pháp lưu lộ từ Chân Như bản tánh. Cái tâm mà lũ phàm phu chúng ta sử dụng hằng ngày là tám thức, năm mươi một Tâm Sở. Những gì chúng ta có thể tưởng tượng và lý giải đều thuộc phạm vi của tám thức, chẳng có cách nào thấu hiểu tâm tánh. Do vậy, đối với những đạo lý do đức Phật giảng, chúng ta nghe không hiểu. Thật sự học Phật thì tu từ đâu? Dốc sức nơi Định, chẳng dốc sức nơi Giáo, trước hết là tu Định. Vì thế, vào thời cổ, bất luận là xuất gia hay tại gia, hễ học Phật bèn là năm năm học giới. “*Năm năm học giới*” chẳng phải học Luật Tạng trong Kinh, Luật, Luận, chẳng phải là học giới luật, mà là tuân thủ lời thầy răn dạy. Thầy dạy quý vị những gì? Dạy quý vị buông tất cả hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng xuống. Dùng phương pháp nào? Không nhất định! Thiên Tông dạy quý vị tham Thiền, dạy quý vị tĩnh tọa. Khi tĩnh tọa, chẳng cần nghĩ thiện, mà cũng chẳng nghĩ ác. Không nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, khiến cho tâm định. Nếu quý vị có thắc mắc đến hỏi thầy, vừa mới nêu lên câu hỏi, thầy đã quơ hương bản đập liền, vì sao? “Dạy người đừng khởi vọng niệm, sao người lại khởi vọng niệm?” Thầy thấy quý vị thường chẳng hỏi, khi chẳng có vọng niệm, hương bản lại giáng xuống, vì sao? Vô minh! “Người chẳng phải là vọng tưởng, bèn là vô minh”. Vọng tưởng thì phải đánh, mà vô minh cũng phải đánh. Do đó, cách giáo học của

Thiền Tông có lúc thấy [dường như] hết sức phi lý! Vô duyên vô cớ đánh đập người ta! [Thật ra] họ muốn xóa sạch vọng tưởng cũng như vô minh của quý vị.

Giáo Hạ quá nửa là dùng đọc tụng, giống như Tiểu Học thuở trước ở Trung Hoa, bảo quý vị học thuộc sách, chẳng cần giảng giải, cứ học thuộc sách. Mỗi ngày phải đọc thuộc sách bao nhiêu lần, giống như tông Thiên Thai học thuộc kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa phân lượng khá nhiều; mỗi ngày niệm một lần, năm năm niệm hơn một ngàn lần. Chẳng cần cầu giải hiểu nghĩa của kinh, niệm sao cho tâm định. Sau khi đã định, lại nghe kinh bèn khai ngộ. Quý vị thấy Đản Kinh có chép chuyện thiền sư Pháp Đạt. Sư Pháp Đạt niệm kinh Pháp Hoa, lúc gặp Lục Tổ, lễ bái chẳng khấu đầu sát đất, Lục Tổ trông thấy: Lễ bái mà đầu chẳng chạm đất, ngạo mạn! Do đó, Lục Tổ hỏi Sư: “Ông có chuyện gì đáng để ngạo mạn?” Nay ta nói là “đáng kiêu ngạo”, người có gì đáng để kiêu ngạo? Sư rất thật thà thưa: “Con đã niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa”, đáng kiêu ngạo lắm chứ! Niệm ba ngàn bộ Pháp Hoa mà! Kết quả là bị Lục Tổ hỏi một câu, [Sư cứng họng]. Kinh Pháp Hoa niệm khá như vậy, niệm nhiều như vậy, nhưng chẳng hiểu, chẳng lãnh hội ý nghĩa! Sư giác ngộ, cung kính hướng về Lục Tổ đại sư thỉnh giáo. Lục Tổ giảng một chút, Sư bèn thông đạt, khai ngộ.

Nay chúng ta cũng đọc đoạn khai thị của Tổ dành cho sư Pháp Đạt, vì sao chúng ta chẳng khai ngộ? Sư nghe giảng mấy câu bèn khai ngộ, chúng ta đọc những lời ấy một trăm lần, một ngàn lần, vẫn chẳng khai ngộ. Vấn đề ở chỗ nào? Tâm người ta thanh tịnh đã nhiều năm ngàn ấy, đó là công phu, tâm chúng ta loạn cào cào! Bởi lẽ, tâm tán loạn chẳng thể nào khai ngộ, tâm tán loạn chẳng thể hiểu những ý nghĩa do đức Phật đã nói. Bài kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Ất phải là tâm địa thanh tịnh, thanh tịnh đến một mức độ nhất định thì mới có thể hiểu ý Phật trong kinh điển. Do đó, người thật sự học Phật, thiện tri thức thật sự, luôn dạy quý vị giảm thiểu phiền não, phiền não ngày càng giảm ít, thực hiện từ chỗ này!

Hiện thời, học Phật rất khó khăn, rất khó gặp thiện tri thức. Như tôi theo thầy Lý, thầy Lý đặt ra ba điều kiện theo biện pháp của cổ nhân, nhưng biện pháp của thầy khoan dung hơn cổ nhân rất nhiều:

1) Tôi tôn cụ làm thầy, điều kiện thứ nhất là từ nay về sau, chỉ có thể nghe một mình cụ giảng kinh. Bất cứ pháp sư, đại đức, cư sĩ nào giảng kinh, đều nhất loạt chẳng cho phép nghe. Đây là chặn lấp, cắt đứt vọng tưởng muốn nghe kinh, chớ nên nghe!

2) Điều thứ hai là xem sách, chúng tôi có chút chữ nghĩa, ưa đọc sách. Bất luận xem sách nào, kinh Phật cũng thế, mà chẳng phải là kinh Phật cũng thế, phải được cụ đồng ý. Sách nào cụ chẳng đồng ý, nhất loạt chẳng được phép đọc. Cũng là ngăn lấp chuyện xem sách, chẳng cho phép quý vị xem.

3) Điều kiện thứ ba là “những gì anh đã học trước kia, tôi chẳng thừa nhận, nhất loạt coi như những thứ bỏ đi. Từ nay trở đi, bắt đầu học [những điều tôi dạy]”.

Chúng tôi nghe thầy Lý giảng có những điều chẳng giống như người khác đã giảng trước kia. Có khi tôi muốn đến hỏi thầy: “Trước kia, con nghe nói là như

vậy”. [Thầy bảo]: “Trước kia chẳng tính, coi như lời bậy bạ, ngay cả một câu cũng chẳng được nhắc tới!” Kể ra cũng khá lắm, thầy có lập kỳ hạn, năm năm [tuần thủ ba điều kiện ấy]. Trong năm năm ấy, nói thực tại là mong cho tâm quý vị an tĩnh. Phương pháp ấy nói thật ra là phương pháp “tẩy não” của đảng Cộng Sản: Trước hết, quét sạch sành sanh những thứ loạn cào cào trong đầu óc quý vị, sau đó [đầu óc quý vị rỗng rang] mới tiếp nhận Phật pháp. Đó gọi là “năm năm học giới”, quý vị mới có thụ dụng đôi chút. Tâm chẳng thanh tịnh, gặp vị thầy giỏi, dẫn Phật, Bồ Tát đích thân thuyết pháp cho quý vị, cũng đều uổng công, [quý vị] chẳng phải là pháp khí, chẳng có năng lực tiếp nhận! Năng lực là gì? Tâm thanh tịnh là năng lực.

Chúng tôi giới thiệu đơn giản đoạn này đến đây, lại xem đoạn kế tiếp, xem hàng thứ nhất nơi trang hai mươi sáu. Phía trước là nói theo phương diện “nhất hóa” (一化), tức là nói theo cái được gọi “nhất đại thời giáo” (giáo pháp suốt một đời đức Phật) trong sự giáo hóa chúng sanh của Thích Ca Mâu Ni Phật, còn ở đây là nói theo bộ kinh này. “Cánh ước nhất đề” (Lại dựa theo tựa đề của một bản kinh), [tức là] nói theo tựa đề kinh này. “Phật Thuyết” là Giáo, “Quán” là hạnh, tức là phương pháp tu hành, “Vô Lượng Thọ Phật tức thị Lý, Giáo, Hạnh, Lý tức” (Vô Lượng Thọ Phật chính là Lý. Giáo, Hạnh và Lý đều đầy đủ), “túc” (足) là đầy đủ. “Nhậm vận hữu thông biệt ý” (Tự nhiên có ý nghĩa Thông và Biệt), “nhậm vận” (任運) là tự nhiên nó vừa có Thông Ý, mà cũng có Biệt Ý. Trong một Thể, chúng ta thấy có Giáo, có Hạnh, có Lý; Lý là lý luận để làm căn cứ. “Cánh tựu nhất tự Thuyết giả, Thích Luận vân, sở hành như sở thuyết. Thuyết tức thị Giáo, như tức thị Lý, hành tức thị Hạnh” (Lại nói theo một chữ Thuyết thì Thích Luận có nói: “Việc làm đúng như lời nói”. Thuyết chính là Giáo, Như chính là Lý, Hành chính là Hạnh). Ý nghĩa được bao hàm trong một chữ Thuyết của tựa đề kinh cũng vô cùng rộng lớn. Thông thường, trong hết thảy kinh luận, chúng ta thấy chữ này được giải thích rất nông cạn, dễ hiểu: “Thuyết thị duyệt sở hoài dã” (Thuyết là thỏa thích những điều được ấp ủ trong tâm). Đức Phật thấy cơ duyên của chúng sanh chín muồi, Ngài lấy độ chúng sanh làm bản hoài, nay cơ duyên đặc độ của chúng sanh đã chín muồi, đương nhiên phải dạy cho chúng sanh phương pháp lìa khổ được vui, chuyển phàm thành thánh. Vì thế, Thuyết là hoan hỷ vì chúng sanh mà thuyết pháp. Ở đây là nói theo Lý, cách giảng trong phần trên là nói theo Sự.

“Sở hành như sở thuyết”: Giải và Hạnh hoàn toàn nhất trí. Nếu lời đức Phật nói và điều Ngài làm khác nhau, tức là chẳng tương ứng. Từ câu này, chúng ta biết, trong kinh này, đức Phật khuyên chúng ta niệm Phật, Ngài có niệm Phật hay không? Sở hành đúng như sở thuyết, đương nhiên đức Phật niệm Phật! Nếu đức Phật chẳng niệm Phật, làm sao có thể khuyên chúng ta niệm Phật? Xác thực là quý vị đọc những kinh điển được dẫn chứng trong tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, [sẽ thấy] không riêng Thích Ca Mâu Ni Phật niệm Phật thành Phật, mà hết thảy chư Phật Như Lai chẳng có vị nào không niệm Phật thành Phật. Chúng ta thấy kinh Hoa Nghiêm đã nói: “Thập Địa Bồ Tát từ đầu tới cuối chẳng lìa niệm Phật”, Thập Địa là từ Sơ Địa đến Đẳng Giác. Do

vậy có thể biết, đạo thành Phật chỉ là niệm Phật, đó là “*sở hành như sở thuyết*”. Thuyết là Giáo, Như là Lý, ý nghĩa Bất Nhị như thế hoàn toàn nhất trí, tâm và hạnh là một, tâm là hạnh, hạnh là tâm. Nay chúng ta tu học pháp môn Tịnh Tông, đề xướng kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là giáo nghĩa viên mãn, là căn cứ rõ rệt, chân thật nhất của Tịnh Tông, có thể nói là khái luận của Tịnh Độ. Bất luận tánh, tướng, lý, sự, nhân, quả thấy đều được nói đến. Do đó, tôi khuyên mọi người nương theo bộ kinh này, hoàn toàn thực hiện những lý luận, phương pháp, và cảnh giới đã nói trong bộ kinh này, biến chúng thành tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, và hành vi của chính mình. Chúng ta và Phật đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh, há lẽ nào chẳng vãng sanh? Quyết định vãng sanh! Vì lẽ đó, thọ trì kinh điển và Phật hiệu nhằm mục đích này.

Đoạn tiếp theo nói: “*Phật tức Pháp Thân, Quán tức Bát Nhã, Vô Lượng Thọ tức Giải Thoát*” (Phật chính là Pháp Thân, Quán là Bát Nhã, Vô Lượng Thọ là Giải Thoát), đây là phối hợp với ba đức Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát để nói. Chư vị phải biết cách phối hợp này, nói thật ra là sống động, hoạt bát. Phối hợp như thế nào đều là viên dung, đều nói hợp lý. Quý vị nói Phật là Bát Nhã, Quán là Giải Thoát, Vô Lượng Thọ là Pháp Thân, nói cũng hợp lý. Vì sao? Một mà ba, ba mà một, trong một pháp đầy đủ hết thấy các pháp, hết thấy các pháp là một pháp. Vì thế, mọi người đừng chấp chết cứng nơi câu văn, [chấp chết cứng] là sai mất rồi. Phối hợp kiểu nào cũng đều hợp lý! Tiếp theo đó là nói: “*Tức nhất đạt tam, tức tam đạt nhất, nhất trung giải vô lượng, vô lượng trung giải nhất*” (Do một mà đạt ba, do ba mà đạt một, trong một hiệu vô lượng, từ vô lượng hiệu một). Một chữ mà nghĩa lý vô cùng, huông gì một bộ kinh này, huông hồ giáo pháp trong Đại Tạng! Cuối cùng, Ngài nói: “*Nhược bất như thượng giải giả, an hoạch vô hạn công đức da?*” (Nếu chẳng hiểu như trên đây, há có thể đạt được vô hạn công đức ư?). Đây là do cổ nhân đã nói: Một người có thể nghe tựa đề của một bộ kinh sẽ đạt được công đức chẳng thể nghĩ bàn. Lời ấy là thật, mà cũng chưa chắc là thật. Nói “thật” là như thế nào? Quý vị thật sự thông đạt nghĩa lý, một chính là vô lượng, vô lượng chính là một thì đó là thật! Trong tựa đề của một bộ kinh sẽ có vô lượng vô biên công đức. Nếu quý vị chẳng hiểu, sẽ chẳng đạt được lợi ích. Do vậy có thể biết, quý vị có hiểu rõ lý hay không? Chẳng hiểu rõ lý, sẽ không đạt được công đức!

Quý vị nói chúng ta niệm A Di Đà Phật, chúng ta đối với Lý và Sự của A Di Đà Phật đều thông đạt, hiểu rõ, [sẽ là] một niệm tương ứng một niệm Phật. Nếu chẳng hiểu rõ Sự và Lý của A Di Đà Phật, sẽ biến câu Phật hiệu thành ca hát. Hiện thời, chúng ta nghe cái gọi là Ngũ Hội Niệm Phật, ca xướng đấy! Ca xướng hết sức êm tai, có ý nghĩa gì hay không? Chẳng biết nữa! Vậy là vô dụng, chỉ có thể nói là gieo một tí thiện căn, khẩu thiện! Thầy Lý thường nói là “tốt hơn chữ người khác”, đạt được một chút lợi ích ấy! Nhất định phải biết danh hiệu trọn đủ công đức, quý vị niệm Phật mới tương ứng. Một câu A Di Đà Phật viên mãn đầy đủ hết thấy Tánh Đức và Tu Đức, nên công đức của Phật hiệu lại chẳng thể nghĩ bàn. Nói thật thà, ba kinh đều chủ trương trì danh, mười lăm phép Quán trước trong Thập Lục Quán Kinh chẳng phải là trì danh, phép Quán cuối cùng là

trì danh. Quý vị đừng thấy là phép Quán sau cùng mà nói là nó chỉ dành cho kẻ hạ căn. Hạ căn là gì? Người bệnh nặng nhất. Người bệnh nặng nhất mà uống thuốc này liền khỏi bệnh thì người bệnh nhẹ còn nói năng gì nữa? Càng dễ lành bệnh!

Cách sắp đặt theo thứ tự thuận trong Phật pháp có dụng ý rất sâu, tương tự như pháp thế gian tại Trung Quốc: Thứ tốt nhất xếp cuối cùng, giống như trong hát tuồng, màn diễn hay nhất được gọi là “áp trục hý” (壓軸戲: Màn diễn cuối, kết thúc tuồng hát). Trì danh niệm Phật đặt ở cuối cùng chính là áp trục hý. Chúng ta đọc kinh Lăng Nghiêm, phần hai mươi lăm pháp Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm là pháp môn tu học của hai mươi lăm vị Bồ Tát, những pháp được xếp theo thứ tự là những pháp thông thường. Pháp nào không xếp theo thứ tự thuận mà xếp vào cuối cùng thì pháp cuối cùng ấy là thù thắng nhất. Chương Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Âm Bồ Tát thù thắng nhất. Nếu pháp của Quán Âm Bồ Tát được xếp theo thứ tự thuận thì phải ở vị trí thứ hai. Trong lục căn, pháp của Ngài là Nhĩ Căn Viên Thông, thứ nhất là Nhãn Căn, thứ hai là Nhĩ Căn. Lục Căn, Lục Trần, Lục Thức, Thất Đại, đó là xếp theo thứ tự thuận, pháp của Ngài chẳng được xếp theo thứ tự thuận, mà xếp vào cuối cùng!

Trong hai mươi lăm chương ấy, pháp môn đặc biệt chẳng phải là một mình Ngài, mà là hai vị, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương cũng là đặc biệt. Nếu dựa theo thứ tự thuận, Đại Thế Chí là Căn Đại. Trong Thất Đại, theo thứ tự thuận là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức. Do Đại Thế Chí Bồ Tát thuộc Kiến Đại, nên [pháp môn của Ngài] lẽ ra phải xếp trước Thức. Thức là Di Lặc Bồ Tát, Ngài học Duy Thức. Di Lặc Bồ Tát là Thức Đại, nên Đại Thế Chí Bồ Tát phải xếp trước Di Lặc Bồ Tát. Kết quả là quý vị thấy trong kinh Lăng Nghiêm, Ngài được xếp sau Di Lặc Bồ Tát. Vì thế, xét theo thứ tự thuận, có hai pháp môn đặc biệt trong hai mươi lăm pháp môn, chẳng phải là [chỉ có] một pháp môn đặc biệt. Nói như vậy, [ắt có người bắt bẻ] vì sao không xếp Niệm Phật Viên Thông Chương cuối cùng, mà xếp Nhĩ Căn Viên Thông Chương cuối cùng? Dụng ý trong ấy rất sâu, Niệm Phật Viên Thông phù hợp căn cơ của hết thảy chúng sanh trong tận hư không khắp pháp giới, quá lớn! Nhĩ Căn Viên Thông Chương chỉ thích hợp với người trên địa cầu; do thuyết pháp trên địa cầu, nhằm thích hợp trình độ của quý vị, nên đặc biệt đưa ra pháp này. Nếu không thuyết pháp ở đây, Quán Âm Bồ Tát vẫn dựa theo thứ tự thuận để sắp vào vị trí thứ hai, chẳng xếp cuối cùng, nhưng Đại Thế Chí Bồ Tát sẽ được xếp cuối cùng, đó là điều quyết định, chẳng bị bất cứ ảnh hưởng nào. Đọc kinh Lăng Nghiêm phải lưu ý điều này: Chẳng theo đúng thứ tự thuận, ý nghĩa sẽ khác hẳn!

Do đó, trong Tịnh Tu Tiệp Yếu, cư sĩ Hạ Liên Cư đã viết: “Tịnh Tông Sơ Tổ Đại Thế Chí Bồ Tát”, tôi xem đến câu ấy cũng giật mình, nhưng suy nghĩ kỹ, thấy cụ nói chẳng sai, cụ nói rất chính xác, trước kia tôi không nghĩ đến. Đề xướng chuyên tu Tịnh Tông, chuyên học pháp môn Niệm Phật trong tận hư không, khắp pháp giới là Đại Thế Chí Bồ Tát, nên Đại Thế Chí Bồ Tát là Tịnh Tông Sơ Tổ trong tận hư không, khắp pháp giới. Từ Ngài, chúng tôi lại liên tưởng trong thế giới Sa Bà, Phổ Hiền Bồ Tát là Tịnh Tông Sơ Tổ. Thích Ca Mâu Ni

Phật thị hiện thành Phật, giảng bộ kinh đầu tiên là kinh Hoa Nghiêm. Trong hội Hoa Nghiêm, người đề xướng pháp môn Niệm Phật là Phổ Hiền Bồ Tát, nên Phổ Hiền Bồ Tát là Sơ Tổ trong thế giới Sa Bà. Tại Trung Quốc, Huệ Viễn đại sư đề xướng đầu tiên, nên Viễn Công đại sư là Sơ Tổ [của Tịnh Độ Tông] tại Trung Quốc. Sau này, hễ nói tới Tịnh Tông Sơ Tổ, phải hỏi vị Sơ Tổ nào? Cả ba vị đều là Sơ Tổ, nhưng phạm vi giáo hóa khác biệt rất lớn, chúng ta phải biết điều này.

Lại xem phần tiếp theo, đại sư dùng Lục Tức của tông Thiên Thai để giải thích chữ Phật. “*Sơ thích Phật giả*” (Đầu tiên là giải thích chữ Phật), giới thiệu từng chữ trong tựa đề kinh, trước hết giải thích chữ Phật. “*Phật thị giác nghĩa*” (Phật nghĩa là giác), chữ Phật là tiếng Phạn dịch âm, có nghĩa là Giác, giác chứ không mê. “*Hữu lục chủng tức*” (Có sáu loại Tức), nói theo hiện tại thì “*tức*” có nghĩa là “chính là”. “*Niết Bàn kinh vân, nhất thiết chúng sanh tức thị Phật*” (Kinh Niết Bàn nói: “Hết thảy chúng sanh chính là Phật”), kinh Hoa Nghiêm cũng nói “*hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Kinh Viên Giác cũng có câu “*hết thảy chúng sanh vốn thành Phật*”. Đây là nói theo Chân Như bản tánh, vì sao? Hết thảy chúng sanh đều có chân tánh, nói theo chân tánh, chúng sanh và Phật chẳng sai biệt, hoàn toàn như nhau, nên hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. [Tánh ấy nơi] hữu tình chúng sanh được gọi là Phật Tánh, nơi vô tình chúng sanh gọi là Pháp Tánh. Thực vật và khoáng vật có tánh, tánh là bản thể, tức là thể tánh của nó. Pháp Tánh và Phật Tánh là một tánh, chẳng phải là hai tánh, nên kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình dữ vô tình, đồng viên Chung Trí*” (Hữu tình và vô tình, cùng viên mãn Chung Trí). Thân tâm của hữu tình do Chân Như bản tánh biến hiện; vô tình như đất, gỗ, đá cũng do Chân Như bản tánh biến hiện; nên xét theo bản thể, chúng là một. Các nhà Duy Thức Học đã giảng chuyện này rất rõ ràng.

Một niệm vô minh dấy lên trong bản tánh, bèn có ba tế tướng (tướng vi tế) là Nghiệp Tướng, Chuyên Tướng, và Cảnh Giới Tướng. Nghiệp Tướng là vọng động, nghiệp là động. Hễ động, đức dụng của bản tánh bị mất đi; hễ động bèn biến thành tám thức. Vì vậy, chân tâm hễ động bèn biến thành vọng tâm. Khôi phục chân tâm bằng cách nào? Quý vị phải học sao cho chẳng động tâm, chân tâm liền khôi phục. Trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy tôn giả Tu Bồ Đề: “*Bát thủ u tướng, như như bất động*” (Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động), đó là đứng, chân tánh của quý vị liền khởi tác dụng. “*Bát thủ u tướng*” là bên ngoài chẳng chấp tướng, “*như như bất động*” là bên trong chẳng động tâm. Tổ Đạt Ma truyền Thiên sang Trung Quốc, Lục Tổ hoàng dương Thiên rạng rỡ là do hai câu sau đây trong kinh Kim Cang: “*Ngoại bất trước tướng, nội bất động tâm*” (Ngoài chẳng chấp tướng, trong không động tâm). Bên ngoài chấp tướng, bên trong động tâm, đó là phạm phu.

Vì thế, quan sát từ thể tánh: “*Nhất thiết chúng sanh giai Như đã*” (Hết thảy chúng sanh đều là Như). Những gì đại sư đã viết trong lời Sớ đều dẫn từ những lời kinh dạy, hết thảy chúng sanh đều như trong kinh Duy Ma và kinh Bảo Khiếp¹⁰

¹⁰ Kinh này có tên gọi đầy đủ là Đại Phương Quảng Bảo Khiếp Kinh hoặc còn gọi là Văn Thù Sư Lợi Hiện Bảo Khiếp Kinh, gồm có ba quyển, do ngài Cầu Na Bạt Đà La dịch vào đời Lưu

đã nói: “*Phật giới, chúng sanh giới, nhất giới, vô biệt giới*” (Phật giới, chúng sanh giới là một giới, chẳng có giới nào khác). Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là vật được biến hiện bởi tự tánh, giống như quý vị tối ngủ nằm mộng, mộng thấy Phật, Bồ Tát cũng là do tự tánh của quý vị biến hiện; mộng thấy ngạ quỷ, địa ngục cũng là do tự tánh của quý vị biến hiện. Toàn bộ giấc mộng chính là tâm, toàn thể tâm chính là mộng, giấc mộng đẹp là tâm này, mà ác mộng vẫn là tâm này! Ác mộng hay mộng đẹp đều là một tâm, nhất tâm, vô nhị tâm. Do vậy, tốt và xấu đều chẳng có, đạt tới bình đẳng thật sự. Vì vậy, đối với y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, người đã kiến tánh thấy là pháp giới bình đẳng, là Nhất Chân pháp giới, vì sao? Hoàn toàn là chân thật, chẳng có gì là giả.

Quý vị phải suy nghĩ kỹ càng cảnh giới ấy, nếu quý vị hiểu ý nghĩa này, thụ dụng vô cùng, sẽ có ích to lớn cho sự tu hành của quý vị, giúp quý vị đoạn phiền não, giúp quý vị xa lìa hết thảy phân biệt, chấp trước. Chúng sanh sở dĩ làm chúng sanh, bị thua thiệt là vì phân biệt, chấp trước. Phật pháp chẳng có gì khác, phá chấp trước [mà thôi]. Chấp trước Nhân và Ngã đã phá, bèn chúng quả A La Hán. Pháp Chấp đã phá bèn thành Phật. Hai chương ấy nói thật ra là hai thứ chấp trước, Ngã Chấp và Pháp Chấp, đó là sự thiệt thòi to lớn, vĩnh viễn chẳng có cách nào hiểu biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Càng là chân thật thì càng chẳng thể liễu giải, càng là chân thật thì vừa nghe bèn càng chẳng thể tiếp nhận. Từ vô thi kiếp tới nay, phân biệt và chấp trước đã biến thành thói quen, thói quen ấy chẳng dễ gì bỏ ngay được! Chính vì chúng ta chẳng thể bỏ ngay được, nên đức Phật mới nói pháp phương tiện. Pháp phương tiện là thuận theo sự chấp trước của quý vị mà chấp trước, thuận theo sự phân biệt của quý vị để phân biệt; quý vị bèn có thể nghe hiểu, tiếp nhận, lại dần dần thông thả khuyến dụ, hướng dẫn quý vị tiếp cận pháp chân thật.

Đoạn tiếp theo có mấy câu rất quan trọng, nhưng lý trong ấy khá sâu. Nơi trang hai mươi chín, dòng thứ tư: “*Thử thị viên trí*” (Đây là viên trí), tức trí huệ viên mãn; chính là nói “*hết thảy chúng sanh là Phật*”, đây là trí huệ viên mãn, là cảnh giới Phật. “*Viên giác chư pháp*” nghĩa là giác ngộ viên mãn hết thảy các pháp. Hết thảy các pháp bao gồm pháp thế gian và xuất thế gian, bao gồm mười pháp giới, bao gồm pháp hữu tình và pháp vô tình, thảy đều được bao gồm trong đó, giác ngộ viên mãn các pháp. “*Biến nhất thiết xứ, vô bất minh liễu*” (Trọn khắp hết thảy các nơi, không gì chẳng hiểu rõ). Viên giác là gì? Viên giác là tâm của quý vị. Tâm quý vị vốn giác ngộ viên mãn. Rất đáng tiếc, nay quý vị mê cái tâm này, do đã mê nên bất giác. Mê là như thế nào? Là như đức Phật nói vọng tưởng, chấp trước, đó là mê. Vọng tưởng là ô nhiễm, là vô minh, thứ gì cũng đều không biết. Chấp trước là phiền não, chư vị hãy nghĩ xem, tất cả hết thảy phiền não, hết thảy đúng sai, hết thảy ta người, đều sanh từ chấp trước. Quý vị chẳng

Tổng. Kinh này ghi lại cuộc vấn đáp giữa Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát và tôn giả Tu Bồ Đề; đồng thời, các vị tôn giả như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v... đều tán thán trí huệ sâu thẳm của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Bảo Khiếp (寶篋) có nghĩa là cái tráp báu.

chấp trước, lấy đâu ra phiền não? Vì lẽ đó, cội rễ của Phiền Não Chương là chấp trước, cội rễ của vô minh là vọng tưởng.

Trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na đã hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thỉnh giáo, vô minh do đâu mà có? Khi nào có vô minh? Đức Phật giải đáp. Lời giải đáp ấy hay tuyệt! Đức Phật nói: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (Từ nơi tri kiến mà lập ra một cái biết nữa, đó là cội gốc của vô minh). “*Tri kiến lập tri*” là vô minh. “*Tri kiến*” là gì? Là những hiểu biết quý vị vốn sẵn có [trong chân tánh], ở đây gọi là Viên Giác. Quý vị vốn là giác ngộ viên mãn, thế mà trong sự giác ngộ viên mãn ấy, quý vị lại tạo lập một tri kiến nữa, hỏng rồi, hễ thêm vào liền biến thành vô minh. Lời giải đáp ấy đơn giản, dễ hiểu, một câu đã nói toạc ra, chẳng phải là bậc đại học vấn chân chánh thật sự thông đạt sẽ không thể thốt ra được! Chúng ta vốn hiểu rõ hết thấy các pháp, rất đáng tiếc là hiện thời cái tâm này bị ô nhiễm, tâm hiện thời đang phập phồng, chao động bất định, giống như sóng cuộn, luôn động, chẳng thể tĩnh. Vì thế, tu học trong Phật pháp, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, bất luận tông phái nào, bất luận pháp môn nào, đều tu điều gì? Tu Định, nhằm xóa bỏ ô nhiễm trong tâm, khiến cho cái tâm dao động, chấp chờn của quý vị được an định.

Vì lẽ đó, chúng ta cúng Phật, những thứ khác có thể không cần cúng, nhất định phải cúng một chén nước, nước biểu thị điều gì? Biểu thị tâm. Tâm ta phải thanh tịnh như nước, phải bất động như nước. Nước phẳng lặng, tâm mới có thể soi rõ ràng, rành mạch hết thấy vạn pháp trong vũ trụ. Tâm trọn khắp hết thấy các nơi, không gì chẳng hiểu rõ! Quá khứ, hiện tại, vị lai, cõi này, phương khác, tận hư không khắp pháp giới, thấy đều hiểu rõ. Vì sao? Đều ở trong tâm, chiếu rành rẽ, rõ ràng. Tâm này hễ nổi sóng gió, hễ nó bị ô nhiễm thì điều gì cũng không biết, dẫu bày ở ngay trước mặt vẫn chẳng thể cảm nhận, thật đáng thương! Do đó, học Phật là học chẳng động tâm, học sao cho chẳng bị ô nhiễm, đó gọi là công phu, là bản lãnh. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, do không chấp tướng, nên chẳng thể ô nhiễm; do không động tâm, tâm liền định, chẳng nổi sóng gió, chúng ta bèn thành tựu. Ngàn kinh vạn luận đều nhằm giảng một nguyên tắc như vậy.

Nếu quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ thì tiếp đó, [lời Sớ] viết: “*Tuy Ngũ Vô Gian*” (Tuy là Ngũ Vô Gian), Ngũ Vô Gian là địa ngục, quý vị sẽ thấy Ngũ Vô Gian “*giai giải thoát tướng, hôn mê, đảo hoặc, kỳ lý tồn yên*” (đều là tướng giải thoát, hôn mê, điên đảo, phiền não, lý ấy sao còn?) Quý vị thấy chúng sanh mê hoặc, điên đảo; trong mắt Phật, Phật tánh của họ chẳng điên đảo. Phật Tánh của họ tồn tại hay không tồn tại? Tồn tại! Phật Tánh của họ có khởi tác dụng hay không? Khởi tác dụng. Trong khi khởi tác dụng, họ lại thêm đôi chút vào tác dụng ấy, làm lạc ở chỗ này. Ví như nói mắt chúng ta thấy sắc tướng bên ngoài, nó thấy rõ ràng, rành rẽ, nhưng [chúng ta] cứ khăng khăng tròng thêm một cặp kính đen thui, đã đeo cặp kính đen, sẽ thấy bên ngoài đều đen thui lù! Đeo cặp kính xanh, sẽ thấy bên ngoài đều xanh, bên ngoài có phải là xanh hay chẳng? Chẳng phải là xanh, mắt kính xanh! Hiện thời chúng ta đều đeo kính, có dùng mắt hay không? Vẫn dùng mắt, dùng mắt nhưng kèm thêm cặp kính. Đức Phật bảo quý vị bỏ nó đi, diện mục vốn có sẽ khôi phục. Kính đeo mắt là gì? Kính đeo mắt chính là vọng

tưởng, chấp trước. Vọng tưởng và chấp trước là cặp kính khoác lên trên mắt, [khiến cho mắt] nhìn tướng bên ngoài đều sai. Tuy thấy sai, nhưng đức Phật nói quý vị vẫn dùng mắt của chính mình để thấy, chẳng phải là mắt kính thấy, vẫn do con mắt thấy, bắt quá mắt có chướng ngại mà thôi. Chướng ngại ấy lại chẳng thật, mà cũng chẳng phải là vốn có, do quý vị đeo lên, hễ bỏ ra, nó bèn chẳng còn nữa! Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói: “*Bốn Giác vốn có, Bất Giác vốn không*”. Bất Giác là cặp kính màu, vốn chẳng có. Do đó, đức Phật thấy chúng sanh đều là Phật, Phật trọn chẳng nghĩ khi quý vị đeo cặp kính sẽ chẳng gọi là Phật, vẫn là Phật! Mắt Phật thấy chẳng sai, nói thực tại thì sai lầm ở nơi bản thân chúng ta. “*Tư lý chước nhiên, thế gian thường trụ, hữu Phật bất năng ích, vô Phật bất năng tổn, đắc chi bất vi cao, thất chi bất vi hạ. Cố ngôn chúng sanh tức thị Phật, Lý Phật dã*” (Lý ấy rạng ngời, thế gian thường trụ, có Phật chẳng thể tăng thêm, chẳng có Phật cũng chẳng thể tổn giảm. Được chẳng coi là cao, mất chẳng coi là thấp. Vì thế nói “chúng sanh chính là Phật”, đó là Lý Tức Phật). Do đó, nói theo Lý Thể, nói theo bản tánh, hết thấy chúng sanh đều là Phật. Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật là quan sát từ góc độ này, quan sát từ bản thể.

Đoạn này là căn cứ quan trọng nhất để bọn phàm phu chúng ta học Phật thành Phật, tín tâm của chúng ta được tạo lập trên lý luận này. Vì sao? Ta vốn sẵn là Phật, lẽ đâu chẳng thành Phật? Vốn sẵn là Phật, nay ta lại muốn học Phật, đương nhiên có thể thành Phật. Nếu vốn chẳng phải là Phật, mà nếu nay muốn học Phật, chưa chắc đã có thể thành tựu, chẳng nhất định có thể thành tựu! Vốn sẵn là Phật, nay lại học Phật, quyết định thành Phật. Vì thế, tín tâm tu hành, tín tâm thanh tịnh, tín tâm kiên cố được kiến lập từ chỗ này. Điều thứ nhất trong “*Lục Tức Phật*” là lý luận, năm điều sau là tu hành. Từ Danh Tự, Quán Hạnh, Phần Chứng cho đến Cứu Cánh đều là nói về thứ tự tu hành, thuộc loại Tu Đức, điều đầu tiên là Tánh Đức. Chúng ta phải hiểu rõ điểm này. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 5

Xin mở kinh bốn, trang ba mươi, dòng thứ tư từ dưới đếm lên:

“*Nhị Danh Tự Tức, thử chí Cứu Cánh, giai Tu Đức dã, tu luận tổn ích, cập dĩ cao hạ. Thử vị thị Tu Đức chi thí*” (Hai là Danh Tự Tức. Từ địa vị này cho đến Cứu Cánh Tức Phật đều thuộc về Tu Đức, cần phải luận định về sự tổn, ích, và cao thấp. Địa vị này là khởi đầu của Tu Đức). Đoạn trước nói về Lý [Tức Phật] trong Lục Tức Phật, chúng ta đã hiểu rõ đạo lý ấy. Nói thật ra, đạo lý là chân tướng sự thật: Mỗi người vốn sẵn trọn đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai. Nói cách khác, chúng ta vốn sẵn có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, vô lượng phước báo. Vốn sẵn có, nhưng hiện tại chẳng có, chúng đi đâu mất rồi? Đức Phật dạy: Chúng vốn sẵn có, trọn chẳng mất đi, vẫn ở trên thân chính mình, nơi nhục thân này của chúng ta thấy đều trọn đủ. Trọn đủ, nhưng chẳng thể hiện tiền, chẳng thể thụ dụng được. Điều này được gọi là “*mê mất chính mình*”. Giống như trong nhà chúng ta có kho báu, nhưng chính mình quên băng, oan uổng chịu khổ báo nghèo túng! Đức Phật xuất hiện trên thế gian, nhằm mục đích dạy cho chúng ta biết: Những gì bản thân chúng ta vốn sẵn có chẳng khác gì chư Phật Như Lai!

Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, đọc kinh A Di Đà, biết sự phú quý, trí huệ, và sự tự tại của A Di Đà Phật, chúng ta đọc xong, rất hâm mộ, nhưng không biết chính mình và A Di Đà Phật chẳng khác gì nhau! Trí huệ và đức năng của A Di Đà Phật khởi tác dụng, [những tác dụng ấy] đều được Ngài vận dụng trong cuộc sống, còn trí huệ, đức năng và phước báo của chúng ta giấu kín trong nhà, chẳng lấy ra, vấn đề ở ngay chỗ này! Hiện thời phải làm như thế nào để hiển lộ trí huệ và đức năng vốn có trong bản tánh hồng khởi tác dụng giống như chư Phật Như Lai? Cần phải cậy vào tu, cần phải nhờ vào Tu Đức. Đối với Tu Đức, chúng ta sanh khởi tín tâm toàn vẹn, tín tâm được kiến lập từ chỗ nào? Kiến lập từ Lý. Giống như trong Khởi Tín Luận đã nói: “*Bốn Giác vốn có*”. Ngài Thiên Thai nói Lục Tức Phật thì chúng ta vốn sẵn có Lý Tức Phật. Lý là Chân Như bản tánh, hết thảy chúng sanh ai nấy đều trọn đủ, nên hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Dựa trên Lý ấy, chúng ta sanh khởi tín tâm trọn vẹn đối với Tu Đức. Hôm nay, tôi nói về Danh Tự Tức Phật; đây chính là bắt đầu tu hành, bắt đầu có tổn và có ích. Nói theo cách hiện thời, điều đó có nghĩa là công phu tu hành của chúng ta có tiến, có thoái. Tiến, thoái là một hiện tượng rất bình thường, đừng nên trong lúc lụi sụi mà tự mình chán nản, nguội lạnh tâm lòng, đánh mất tín tâm. Có tiến, có thoái, chúng ta phải biết tiến thoái là một hiện tượng bình thường. Chúng ta đọc phần chánh văn của Ngài nơi dòng thứ hai trong trang ba mươi một.

“*Như tư chi lý, Phật nhược bất thuyết, vô năng tri giả*” (Nếu đức Phật chẳng nói Lý như vậy, không ai có thể biết). Câu này nhằm chuyển tiếp [ý nghĩa] từ đoạn Lý Tức Phật trong phần trước, Lý ấy là chân lý. Nếu đức Phật chẳng giảng rõ ràng, minh bạch, làm sao chúng ta có thể biết được? Đức Phật xuất hiện trên thế gian, ân đức lớn nhất đối với chúng ta là đã dạy cho chúng ta biết chân tướng sự thật. Tiếp đó, Ngài trích dẫn kinh Pháp Hoa: “*Pháp Hoa vân, nhất bách*

bát thập kiếp, không quá vô hữu Phật. Thế Tôn vị xuất thời, thập phương thường ám minh” (Kinh Pháp Hoa nói: “Một trăm tám mươi kiếp, luông qua chẳng có Phật, Thế Tôn chưa xuất thế, mười phương thường tối tăm”). Đây là nói về lúc thế gian chưa có Phật xuất hiện, chúng ta vĩnh viễn chẳng hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Trong thế gian tuy có rất nhiều khoa học gia, triết học gia, tôn giáo gia, kể ra họ cũng rất giỏi giảng, giải thích vũ trụ và nhân sinh đủ mọi lẽ; nhưng rất nhiều cách giải thích chẳng viên mãn, mà cũng chẳng rốt ráo. Nói theo Phật pháp thì là “*kẻ mù sờ voi*”. Mò trúng cái đuôi, [hỏi họ] voi giống như gì? [Họ quả quyết] voi giống hệt như cây cột. Mò nhầm cái tai, [quả quyết] voi giống như thế nào? [Họ quả quyết] voi giống như chiếc quạt. Đó là cách giải thích vũ trụ và nhân sinh của các khoa học gia, triết học gia, tôn giáo gia xưa nay, trong ngoài nước trên cả thế giới. Có thể nói đều là lụn vụn, chẳng phải là toàn thể, tuyệt đối chẳng phải là chân tướng sự thật!

Nếu nói là “*kẻ mù sờ voi*” thì thừa cùng quý vị, coi như hãy còn mò trúng, kể ra vẫn còn khá lắm, tuy chưa thấy toàn thể, nhưng đã thấy một phần. Thật ra, ngay cả “*kẻ mù sờ voi*” vẫn còn chưa bằng, vì sao? Mò nhầm tảng đá, ngỡ là con voi to, chẳng phải là lầm lẫn quá đỗi to lớn ư? Thật đấy, xác thực là như thế! Dùng tri kiến của phàm phu để suy đoán chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, chắc chắn chẳng thể thấu đạt! Vì vậy, nếu đức Phật chẳng xuất thế, đích xác là chúng ta vĩnh viễn ở trong thời đại tối tăm! Hiện thời, thế giới hỗn loạn dường ấy, có phương pháp nào khiến cho thế giới khôi phục trật tự bình thường hay chẳng? Nhìn vào hiện tượng trước mắt, thế giới này khổ nạn tối thiểu phải là ba mươi, hoặc năm mươi năm, và còn có khổ nạn to lớn, vì sao? Không trải qua cơn khổ nạn rất lớn, con người sẽ chẳng thể lắng lòng nghiêm túc phản tỉnh. Vì thế, còn phải bị đả kích to lớn, nặng nề, họ mới nghiêm túc phản tỉnh một phen. Sau khi thật sự phản tỉnh, nếu chẳng đọc sách của Khổng lão phu tử, chẳng học Đại Thừa Phật pháp, thế giới này chẳng có cuộc sống an ninh, chẳng thể nào khôi phục trật tự bình thường. Trật tự bình thường là gì? Là Ngũ Luân, Thập Nghĩa như Khổng lão phu tử đã dạy. Cách nói này, nói thật thà là bất cứ quốc gia hay dân tộc nào trên cả thế giới đều có thể tiếp nhận, đều hoan hỷ tiếp nhận, đáng tiếc là chẳng ai nói với họ, nên họ không biết.

Phật pháp càng triệt để, càng rốt ráo, càng viên mãn hơn, đáng tiếc là họ suốt đời chẳng được nghe nói đến. Đại Thừa Phật pháp, đặc biệt là kinh Vô Lượng Thọ. Có thể nói kinh Vô Lượng Thọ là tinh hoa và là đại biểu của Đại Thừa Phật pháp. Tôi thật sự chẳng ngờ, trong hai ba năm mà [kinh ấy] có thể phổ cập như vậy tại Đài Loan, đó là một hiện tượng tốt đẹp. Nhìn từ điều này, có rất nhiều kẻ tiên đoán Đài Loan là đảo báu, là phước địa, chúng tôi tin tưởng! Nhìn vào hiện tượng, Đài Loan chẳng giống một nơi phước địa, chẳng giống một đảo báu, nhưng hiện thời trông thấy mọi người nghiêm túc đọc kinh, tu hành như vậy, đó là khởi đầu của một hiện tượng tốt đẹp. Nói cách khác, mọi người đã biết căn bệnh, đã biết chính mình đang mắc bệnh, phải dùng thuốc gì để trị. Hiện thời, toa thuốc cũng đã tìm được rồi. Tuy đã tìm được toa thuốc, nhưng còn chưa uống thuốc. Chưa uống thuốc, bệnh vẫn chẳng thể lành. Đã tìm được toa thuốc, phải chiếu

theo toa thuốc để uống thì mới có thể đối trị. Có được toa thuốc ấy chẳng dễ dàng! Sau khi đã có thì phải nghĩ cách đối trị, nhưng để đối trị, lấy thuốc ra, chúng ta còn phải sắc thuốc, còn phải cô đặc thuốc đã sắc, vẫn phải mất một khoảng thời gian, chẳng thể uống thuốc ngay được, đó chưa phải là thuốc đã chế thành.

Vì lẽ đó, tôi dạy các đồng tu, trước hết phải niệm kinh cho nhuần, phải niệm thuộc, phải thật sự thuộc nằm lòng. Thuộc lòng là gì? Là sắc thuốc, là cô đặc thuốc, nhưng còn chưa uống thuốc. Đừng nghĩ ta đã niệm nhiều lượt ngàn ấy, rất khá! Quý vị còn chưa uống thuốc, bắt quá là đã sắc thuốc, cô thuốc. Đã sắc, đã cô khá lắm, đã sắc, đã cô đặc xong xuôi; uống vào thì mới có thể trị lành bệnh, chứ sắc và cô thuốc chẳng trị được bệnh! Bệnh là gì? Là vọng tưởng, chấp trước, phiền não, những thứ ấy. Đến khi nào mới bắt đầu chữa bệnh? Sau khi quý vị đã sắc thuốc xong, bèn có thể uống vào, có thể chữa bệnh. Vì vậy, sau khi học thuộc lòng, bèn thật tu, tức là mới bắt đầu thật sự tu hành. Niệm kinh này từ đầu đến cuối một lượt, chẳng có vọng niệm nào, đó là chữa bệnh. Nếu trong khi niệm kinh này một lượt mà dấy lên vọng tưởng, chẳng tính! Lại niệm từ đầu. Phải niệm sao cho kinh này niệm từ đầu đến cuối chẳng khởi một vọng niệm, đó gọi là “uống thuốc”, là “chữa bệnh”. Sau đó, mỗi ngày niệm năm lần, hoặc niệm mười lần đều chẳng khởi một vọng tưởng nào. Niệm như vậy hai ba năm, xác thực là vô minh và chấp trước của quý vị sẽ dần dần thật sự giảm thiểu, công phu đã đắc lực. Đến khi đó, có thể chẳng niệm kinh, một câu Phật hiệu là được rồi, một câu Phật hiệu có thể tương ứng với Phật. Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Vì sao nay chúng ta niệm Phật chẳng tương ứng? Do vô minh phiền não quá nặng, chướng ngại công đức niệm Phật, nên niệm Phật chẳng có hiệu quả. Nay chúng ta dùng phương pháp đọc kinh, bắt đầu đoạn phiền não. Dùng phương pháp này để phá Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng, tiêu Nhị Chướng là tiêu trừ những thứ ấy, công phu mới có thể đắc lực. Người cao tuổi niệm kinh khó khăn, khó niệm thuộc lòng, nhưng cũng có thể dùng phương pháp sau đây: Chuyên tâm chấp trì danh hiệu là được rồi, sẽ có thành tựu giống hệt. Phải giảm thiểu ưu lự, vướng mắc, phải buông xuống, sẽ có thể niệm đến mức đắc Niệm Phật tam-muội giống y hệt [như niệm kinh]; nhưng người trẻ tuổi thì vẫn phải đặt vững căn cơ nơi cơ sở. Con đường này hết sức ôn hòa, thích đáng, ngàn muôn phần chớ nên xem nhẹ!

Danh Tự Tức Phật chỉ là biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, biết như thế nào? Chưa bắt đầu làm; nhưng đã biết thì sẽ khởi sự tu hành. Nếu không biết, đâu có muốn tu cũng chẳng biết bắt đầu tu từ chỗ nào! Sau khi đã biết, bèn biết chúng ta tu từ chỗ nào. Chúng ta hãy đọc đoạn văn này một lượt. Tiếp đó, Ngài trích dẫn một đoạn từ kinh Niết Bàn. “*Niết Bàn vân, ư vô lượng thế, diệc bất văn hữu Như Lai xuất thế, Đại Thừa kinh danh*” (Kinh Niết Bàn dạy: “Trong vô lượng đời vẫn chẳng được nghe chuyện Như Lai xuất thế và tên gọi của kinh Đại Thừa”). Đó là khi chẳng có Phật, chẳng biết danh hiệu Phật, mà cũng chẳng biết danh xưng của kinh điển. Danh xưng của kinh điển Đại Thừa chưa biết, còn nói chi kinh văn và kinh nghĩa, đương nhiên càng không biết. “*Nhược Phật xuất thế, phương năng xiển trí huệ nhật, thức Tam Bảo chi quang minh, khai cam lộ môn,*

tri thập hiệu chi diệu vị, nhân thuyết sanh giải, u bảo thích duyệt” (Nếu Phật xuất hiện trong thế gian thì mặt trời trí huệ mới được xiển dương, [chúng sanh] biết đến quang minh của Tam Bảo, mở cửa cam lộ, biết vị nhiệm màu của mười hiệu. Do thuyết pháp mà sanh hiểu biết, sanh lòng vui thích, coi như của báu). Đức Phật xuất hiện trên thế gian, vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp, chúng ta mới biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, mới biết chính mình có Phật tánh, mới biết chính mình có vô lượng trí huệ và đức năng. Chư Phật Như Lai đều có mười thông hiệu (hiệu chung), mười thông hiệu ấy hiển thị các đức năng vốn sẵn có trong bản tánh. Phật có, mỗi người chúng ta đều có, chỉ là Phật thụ dụng, nhưng chúng ta chẳng thể thụ dụng. Tuy chẳng thể thụ dụng, nhưng nghe nói chính mình cũng có, nên vô cùng hoan hỷ. Đó gọi là Danh Tự Tức Phật. Có thể nói: Danh Tự Tức Phật rất phổ biến! Phạm là người tu học Đại Thừa Phật pháp đều thuộc địa vị này. Lúc mới tu, giống như chúng ta nay đang thuộc địa vị này, nay chúng ta được gọi là Danh Tự Tức Phật, tức là biết được một chút đạo lý Phật pháp, nhưng đã bắt đầu tu hay chưa? Chưa! Vẫn chưa tu! Chỉ là biết có chuyện như thế.

Đoạn tiếp theo là bắt đầu tu. Đoạn dưới đây là Quán Hạnh Tức, chúng ta đọc phần thứ ba, tức là dòng thứ tư đếm từ dưới lên nơi trang ba mươi hai. “*Tam Quán Hạnh Tức, thử trung Quán pháp, trực quán tâm tánh, cố thác tha Phật, nhi vì sở duyên. Kim minh đối trần, tức thành quán Phật, kỳ trung niệm niệm giác tri chi tâm, danh Quán Hạnh Phật*” (Ba là Quán Hạnh Tức. Trong pháp Quán này, quán thẳng vào tâm tánh, nên nhờ vào một đức Phật để làm cái được duyên (đối tượng của sự quán tưởng). Nay nói rõ: Đối trước trần liền trở thành quán Phật. Cái tâm niệm niệm giác tri trong khi ấy được gọi là Quán Hạnh Phật). Đoạn này giải thích ý nghĩa được bao hàm trong ba chữ Quán Hạnh Phật. Quán Hạnh mới là thật sự tu. Quán (觀) là quán chiếu (觀照), như tôi vừa mới thưa cùng quý vị: Dùng phương pháp niệm kinh để quán chiếu. Niệm trọn một bộ kinh mà chẳng có một vọng niệm nào, thì mới gọi là Quán Hạnh, mới thật sự được gọi là Quán Hạnh. Có thể thấy: Nay chúng ta niệm kinh đã mấy ngàn lượt, nhưng trong ấy còn có vọng tưởng thì vẫn chẳng thể coi là thật sự dụng công, vẫn thuộc vào Danh Tự Tức, thuộc vào giai đoạn thứ nhất. Giai đoạn thứ hai là đã thật sự dụng công. Dụng công là phải thật sự đoạn phiền não, phải thật sự phá vô minh. Thật sự vận dụng công phu thì mới gọi là Quán Hạnh. Quán Hạnh là công phu đặc lực. Nói theo Tịnh Độ, Quán Hạnh Tức chính là công phu thành phiến. Có công phu như vậy thì mới có thể vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong thế giới Tây Phương. Do đó, chớ nên xem nhẹ nó, công phu ấy tuy là vừa mới đặc lực, nhưng trong pháp môn Tịnh Độ, nó khởi tác dụng rất lớn. Trong các pháp môn khác thì chưa được, vì sao? Không thoát khỏi tam giới, sẽ chẳng thể liễu sanh tử, thoát tam giới. Để liễu sanh tử thoát tam giới [trong các pháp môn khác], phải thuộc vào giai đoạn kế tiếp là Tương Tự Tức Phật thì mới được. Trong Tịnh Độ Tông, Tương Tự Tức Phật là Sự nhất tâm bất loạn, vãng sanh cõi Phương Tiện Hữu Dư của Tây Phương Tịnh Độ, chẳng phải là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Điều ấy chẳng dễ thành tựu cho lắm, còn điều này dễ thành tựu. Quán Hạnh thành tựu dễ dàng, chúng ta phải đặc biệt lưu ý chuyện này.

Trong quán pháp Quán Hạnh này, Quán là tu hành. Kinh này có mười sáu phép Quán, tức là mười sáu loại phương pháp để chúng ta tu tập. Mười sáu phương pháp ấy đúng là có khó và dễ, trong kinh đã giảng rất rõ ràng. Mười sáu phương pháp ấy, chỉ cần quý vị thành tựu một thứ là được, chẳng phải là cả mười sáu pháp đều phải thành tựu, chẳng phải vậy! Thành tựu một thứ là được rồi, đã có thể vượt thoát tam giới, vãng sanh Tịnh Độ. Trong mười sáu loại, khó nhất là quán Phật. Tựa đề kinh này là Quán Vô Lượng Thọ Phật; nói thật thà, quán Vô Lượng Thọ Phật là khó nhất. Chẳng cần nói là quán Phật, chúng ta muốn tưởng một người, Quán là quán tưởng, nghĩ tưởng một người [nào đó]: Tưởng vẻ mặt, ánh mắt, lông mi, mũi của người ấy, phải tưởng người ấy đang ở trước mặt chúng ta, chẳng dễ dàng! Vẻ mặt đức Phật phi phàm, đức Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, chúng ta tưởng từ chỗ nào? Vì vậy, trong mười sáu phép Quán, quán Phật tướng là khó nhất. Cũng có [phép Quán] dễ dàng nhất, dễ dàng nhất là gì? Là niệm A Di Đà Phật, đó là chấp trì danh hiệu. Chấp trì danh hiệu thuộc trong mười sáu phép Quán, là một loại trong mười sáu phép Quán, dễ dàng nhất. Khó nhất là quán Phật, dễ dàng nhất là niệm danh hiệu Phật. Vì thế, quý vị thấy kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà đều cùng đề xướng chấp trì danh hiệu.

Chư vị phải biết: Chấp trì danh hiệu là một trong mười sáu phép Quán. Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật là tu Quán Hạnh. Quý vị quán Vô Lượng Thọ Phật, quán Nhật Quán hay Thủy Quán cũng là Quán Hạnh. Vì vậy, Quán Hạnh bao gồm mười sáu loại, chúng ta chọn lấy một loại là được rồi. Trên thực tế, chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức, đối với mười sáu loại Quán Hạnh này, đã chọn ổn thỏa giùm chúng ta pháp Trì Danh Niệm Phật. Nếu chúng ta thật sự có thể tuân thủ sự chọn lựa do Phật, Bồ Tát dành cho chúng ta, chắc chắn chẳng phạm sai lầm! Chư vị phải biết: Mười sáu phép Quán, bao gồm phép Trì Danh trong ấy, đều là “*trực quán tâm tánh*” (quán thẳng vào tâm tánh), thông thường là chẳng có mấy người niệm Phật biết đến đạo lý ấy! Quý vị hiểu đạo lý ấy, mới biết đúng như cô nhân đã nói: Khởi tâm niệm Phật là Thi Giác, đức Phật được niệm là A Di Đà Phật, chính là Bản Giác. Khởi tâm niệm Phật là Thi Giác hợp với Bản Giác, đó là trực quán tâm tánh. Đối chiếu lời tổ sư đại đức đã nói với kinh, chẳng sai! Vì thế, công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Rất nhiều người chẳng biết công đức niệm Phật chân thật này, nên chẳng niệm, chẳng thể dấy lên hứng thú niệm Phật! Nói cách khác, chẳng biết cái hay của việc niệm Phật! Ở đây, chúng ta đã biết cái hay của niệm Phật.

Phương pháp của Ngài là phía trước thêm chữ Quán, sau chữ Quán là chữ Pháp, tức Quán Pháp. “*Pháp*” là nói tới phương pháp. Phương pháp rất xảo diệu là “*thác tha Phật, nhi vi sở duyên*” (nhờ vào đức Phật khác để làm cái được duyên). “*Tha Phật*” là gì? Chúng ta tạo một bức tượng Phật, tượng A Di Đà Phật, đó là Tha Phật. Từ Tha Phật dẫn khởi Tự Phật, niệm Phật thì phải niệm theo cách ấy. Nhờ vào Tây Phương A Di Đà Phật để niệm cho ra Tự Tánh A Di Đà của chúng ta. Sau khi đã niệm ra thì Tự và Tha bất nhị, bèn thành công. Nguyên lý trong phương pháp tu hành được kiến lập từ chỗ này; trong ấy chẳng có mê tín, xác thực là có căn cứ lý luận. Do đó, chúng ta thường ngắm tượng Phật, thường

niệm danh hiệu Phật, niệm danh hiệu Phật vẫn chưa đủ để hàng phục vọng niệm. Kinh Kim Cang chép: “*Vân hà hàng phục kỳ tâm?*” (Hàng phục cái tâm như thế nào?), cái tâm ấy là vọng niệm. Niệm Phật hiệu mà vẫn chưa thể hàng phục vọng niệm thì có thể thêm vào quán tưởng. Quán tưởng là quán gì? Nghĩ tới tượng Phật. Nghĩ tới tượng Phật, các vị đồng tu phải ghi nhớ, tốt nhất là tưởng một bức tượng Phật, sẽ dễ nhiếp tâm. Tưởng rất nhiều hình tượng Phật, sẽ chẳng có cách nào nhiếp tâm. Nói cách khác, chẳng thể không chế vọng tưởng! Suốt một đời, tâm tưởng một tượng Phật, đó là phương pháp tốt nhất. Chúng ta ưa thích một bức tượng Phật nào thì suốt một đời ta thờ phượng bức tượng Phật ấy.

Hiện thời rất thuận tiện. Trước kia, mang theo một bức tượng Phật rất khó. Thuở sinh tiền, Tô Đông Pha đã vẽ một bức tranh Phật, vẽ xong, bôi¹¹ [bức vẽ ấy] thành một cuộn tranh. Ông ta đi đến đâu đều mang theo, đến chỗ nào cũng đều treo lên để [tu tập] Quán Tưởng Niệm Phật. Ông ta tự nói: “*Đây là Tây Phương công cứ của ta*”, chữ “*Tây Phương công cứ*” (西方公據) do Tô Đông Pha nói ra; nhưng tập khí trong một đời của Tô Đông Pha quá nặng, chẳng thể vãng sanh. Tuy niệm Phật suốt đời, ông ta vẫn chẳng thể vãng sanh. Nguyên nhân khiến cho ông ta chẳng thể vãng sanh là do tập khí văn nhân, chuộng làm thơ, ưa soạn từ, thích viết văn chương, thích làm những chuyện đó, khiến cho sự nghiệp vãng sanh Tây Phương của chính mình bị lỡ làng! Vì lẽ đó, khi tôi học Phật ở Đài Trung, vừa mới thân cận thầy Lý, còn chưa xuất gia, thầy Lý đã cảnh cáo tôi, vì tôi cũng rất thích đọc sách, thầy liền cảnh cáo: “*Cổ nhân đừng học theo Tô Đông Pha, người thời nay chớ học theo Lương Khải Siêu*”. Trong Phật pháp, hai người ấy đều rất có tiếng tăm, nhưng đều chẳng có thành tựu, do chẳng đoạn tập khí phiền não. Khi đó, thầy Lý đề nghị, thầy bảo: “*Tốt nhất là anh hãy học theo pháp sư Ấn Quang*”. Vì vậy, chúng ta học Phật phải có tấm gương, phải có khuôn mẫu, ta phải học theo các Ngài. Quý vị thấy Ngẫu Ích đại sư noi gương Liên Trì đại sư, học theo tổ Liên Trì. Do đó, cổ nhân khéo học, biết tìm một tấm gương, học giống hệt như vị ấy. Nếu chúng ta không muốn noi gương phạm nhân, A Di Đà Phật là tấm gương tốt nhất. Cách học theo A Di Đà Phật là như thế nào? Kinh Vô Lượng Thọ do A Di Đà Phật giới thiệu. Quý vị chiếu theo kinh Vô Lượng Thọ để y giáo phụng hành, tức là trực tiếp học theo A Di Đà Phật.

Vì lẽ đó, tôi khuyên các đồng tu: Khóa sáng niệm bốn mươi tám nguyện. Niệm bốn mươi tám nguyện là học theo A Di Đà Phật, đồng tâm, đồng nguyện với A Di Đà Phật. Khóa tối niệm kinh Vô Lượng Thọ từ chương ba mươi ba đến chương ba mươi bảy, tuân thủ giáo huấn của A Di Đà Phật, sửa đổi hành vi sai lầm của bản thân chúng ta, khiến cho sự hành trì của chúng ta giống như A Di Đà Phật. Đó là trực tiếp học theo A Di Đà Phật, lấy A Di Đà Phật làm gương tu hành cho chính mình, đó là tốt nhất. Do tượng Phật đúc chẳng dễ mang theo, nhưng hiện thời kỹ thuật ấn loát rất phát triển, ở đây, chúng ta có in rất nhiều hình Phật.

¹¹ “*Bôi*” ở đây là dán bức vẽ lên một tờ giấy khác dày hơn, to hơn, thường là dán thêm một lớp vải hoặc lụa tạo thành khung bao quanh bức vẽ, hai đầu gắn trục gỗ để dễ cuộn lại, hoặc khi treo lên, trục gỗ sẽ kéo căng bức tranh ra.

Hình đức Phật này cũng có in, tượng ở bên kia chúng tôi đã thờ mười năm, chúng tôi cũng in hình tượng ấy. Tôi có ấn tượng hết sức sâu đậm đối với tượng Phật đó, nay tôi tự đem sang ngoại quốc, tức là đem hình chụp, tôi cảm thấy hình chụp còn đẹp hơn tượng thật. Do lẽ đó, thật sự là lúc nào chúng ta cũng có thể đem theo [hình Phật] bên người, thường ngắm nhìn bức tượng Phật ấy, trong tương lai chúng ta vãng sanh, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, bèn hiện tượng ấy. Phật chẳng có tướng, tùy duyên hiện tướng, tâm chúng ta ưa thích tướng nào, đức Phật liền hiện tướng ấy. Tôi suốt đời ngắm tượng ấy, nghĩ đến tướng ấy, tương lai A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, nhất định hiện tướng ấy, chắc chắn chẳng sai. Rất quen thuộc, mỗi ngày ngắm Ngài, ngắm bao nhiêu năm, khi đức Phật thật sự hiện đến, trước kia là ngắm ảnh chụp, nay người thật hiện đến, nên đặc biệt thân thiết. Vì vậy, chúng ta thờ tượng Phật đừng nên tùy tiện thay đổi, chọn bức tượng nào chính mình ưa thích, suốt đời thờ phượng bức tượng ấy, Quán Hạnh sẽ dễ dàng đắc lực.

Chúng ta xem phần chánh văn, dòng cuối cùng nơi trang ba mươi hai: “*Quán Hạnh Phật giả, quán Phật tướng hảo*” (Quán Hạnh Phật là quán tướng hảo của Phật), đó là thường xuyên tưởng Phật. Chúng ta tưởng Phật sẽ chẳng dấy vọng tưởng. Tâm phàm phu có thể tưởng, nếu quý vị chẳng tưởng Phật, sẽ suy nghĩ loạn cao cao. Tưởng những chuyện khác sẽ tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo; tưởng A Di Đà Phật là tạo tịnh nghiệp vãng sanh Tây Phương, quan hệ quá lớn! Vì thế, chúng ta chẳng tưởng Phật thì tưởng ai đây? Đối với tượng Phật, câu tiếp theo ghi là “*như chú kim tượng*” (như tượng đúc bằng vàng), “*chú*” là “*chú tạo*” (鑄造: đúc). Tượng vàng: Vào thời cổ, tượng Phật đẹp để được làm theo lối “*lưu kim*” (鑒金: mạ vàng)¹², tức là [tượng được đúc bằng] hợp kim, “*hợp kim*” là vàng, bạc, đồng, sắt, thiếc hòa lẫn, đúc thành tượng Phật; sau khi đúc xong, mặt ngoài tượng lại được thếp vàng. Nói thật ra, đối với tượng như vậy, điều khăn yếu là chúng ta tu Quán Tượng, tu Quán Tượng thì chẳng cần thờ những tượng quý báu như vậy. Vì sao? Trong xã hội xưa kia thì được, xã hội an định, lòng người hồn hậu. Hiện thời, trong nhà quý vị cất chứa bảo vật, phùng trộm vật hoặc bọn cướp lớn đều chú ý, đâm ra chuốc lấy rất nhiều nỗi phiền phức. Chính mình bận tâm lo lắng, sự tu hành bị trở ngại. Nay chúng ta thờ phượng tượng Phật, thờ tượng bằng tranh in màu; hề quý vị cần, sẽ tặng cho quý vị một bức, chúng tôi có nhiều lắm. Vì vậy nói là “*chẳng cần phải bận lòng*”. Cũng chớ nên tích trữ những thứ đồ cổ, rất phiền phức, đem lại cho chính mình rất nhiều nỗi lo nghĩ! Tượng Phật thì nhất định phải chọn tượng chính mình ưa thích, chứ người khác ưa thích, ta không ưa thích, ta ưa thích, người khác chưa chắc đã ưa thích. Chọn bức nào chính mình ưa thích để thờ, đó là điều tốt đẹp.

¹² “*Lưu kim*” còn gọi là Phi Kim (飛金), hoặc Kim Tích (金錫), tức là cách thếp vàng trên tượng đúc bằng hợp kim trong truyền thống tạo hình mỹ thuật thuở trước, trong khi đó “*thiếp kim*” có ý nghĩa rộng hơn. Thiếp kim là mạ vàng trên bất cứ vật liệu nào. Tượng được “*thiếp kim*” (貼金: thếp vàng) có thể bằng gỗ, đá, hoặc ngọc quý. Để mạ tượng kim loại, trước hết mặt tượng phải được tẩy sạch những chỗ oxide hóa, các chất bẩn v.v... Hòa vàng và thủy ngân theo tỷ lệ 1:7 để trở thành một dung dịch lỏng, gọi là “*hỗn hống*” (混汞). Bôi đều chất lỏng ấy lên mặt tượng rồi nung khói nhẹ để thủy ngân bay hơi, chỉ còn lại vàng. Sau đó là đánh bóng.

“*Tâm duyên diệu sắc, dữ nhãn tác đối*” (Tâm duyên sắc tướng màu nhiệm, mắt thường ngắm nhìn), dạy quý vị hãy thường ngắm. So ra, người hiện thời có chỗ thuận tiện hơn cổ nhân, mà cũng có chỗ chẳng bằng cổ nhân. Chỗ không bằng là đạo đức trong xã hội suy vi, xã hội chẳng an định, đó là chỗ thua kém cổ nhân. Khoa học kỹ thuật phát triển, đem lại rất nhiều tiện lợi, đó là chỗ cổ nhân chẳng bằng người hiện thời. Chẳng hạn như nói đến kinh bốn, cổ nhân có được một quyển kinh chẳng dễ dàng, quá khó khăn! Chúng ta ở Đài Loan, về phương diện này quả thật là đang hưởng phước mà chẳng biết chính mình có phước. Chúng ta chẳng coi trọng kinh bốn. Nếu quý vị qua Đại Lục, người học Phật tại Đại Lục thấy có được một quyển kinh sách giống như có được vật quý nhất! Vì sao? Chẳng có được! Chúng tôi đem Đại Tạng Kinh sang Đại Lục, tôi chẳng chính mắt thấy, nhưng xem từ ảnh chụp, họ nghênh tiếp ra sao? Mặc áo dài, đắp y, quỳ sát đất, đội Đại Tạng Kinh trên đầu. Nghênh tiếp như vậy đó, chúng tôi thấy vậy thật sự cảm động. Ở đây, chúng ta bỏ Đại Tạng Kinh lẫn lóc, khiến cho người Đại Lục trông thấy trong tâm rất khó chịu! Đó là gì? Họ chẳng có được. Chúng ta có được quá thuận tiện, có được quá dễ dàng. Nay chúng ta gửi kinh sách sang Đại Lục, người ta đều coi như bảo bối. Người ở Đại Lục quá đông, sách quá ít. Tuy những năm qua, chúng ta gửi tặng ba bốn chục vạn quyển sách, [tuy là] ba bốn chục vạn quyển sách, nhưng đến tay họ bèn chẳng thấm vào đâu, chẳng thấy đâu nữa! Cuộc đất quá lớn, người quá đông, vật hiếm hoi bèn [trở thành] quý báu!

Ở Đài Loan, chúng ta in rất nhiều hình Phật tại đây. Quý vị thỉnh mười tám, hai mươi tám, chỗ chúng tôi đều có. Trong nhà quý vị, mỗi phòng đều có thể treo hình Phật, mỗi phòng đều có thể thấy Phật, giúp cho quý vị quán tưởng, nhắc nhở quý vị niệm niệm tưởng Phật. Người tu Tịnh Độ thật sự chẳng có gì kỳ hựu, trong phòng ngủ cũng có thể treo hình Phật, vì sao? Khiến cho ta suốt ngày từ sáng đến tối trong mười hai giờ đều chẳng rời Phật. Vì thế, chẳng cần nói khách sáo, chẳng cần nói tới chuyện cung kính, chẳng cần nói tới chuyện kỳ hựu, thấy đều chẳng có. Giữa cha và con còn có kỳ hựu chi nữa? Chẳng có kỳ hựu! Giữa thầy và trò chẳng có kỳ hựu. Không mong vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì phải tôn trọng, phải khách sáo, phòng ngủ là chỗ chẳng sạch sẽ, chớ nên treo [hình Phật]. Thật sự mong vãng sanh Tây Phương thì chẳng cần phải nói tới, vì sao? Ta phải đạt được mục đích của chính mình, trong niệm niệm, ta chẳng rời Phật.

Vì thế, giữa một người cầu sanh Tây Phương và kẻ chẳng cầu sanh Tây Phương, cách thờ phượng tượng Phật khác nhau, chư vị đồng tu phải nhớ điều này. Có rất nhiều người nói “có chỗ nào đó chẳng nên thờ tượng Phật”, nói kiểu đó cũng đúng. Vì sao? Kẻ ấy chẳng sanh về Tây Phương, chẳng mong cầu sanh về Tây Phương, chẳng niệm A Di Đà Phật, [kẻ ấy nói như vậy] là đúng. Phải cung kính, lễ phép đối với tượng Phật. Thật sự mong vãng sanh Tây Phương, sẽ giống như con thơ nương cậy cha mẹ, một bước cũng chẳng chịu rời, kiêng kỵ gì cũng đều chẳng có. Chúng ta và A Di Đà Phật cũng là một bước chẳng rời, chúng ta giống như trẻ nít, phải cậy vào cha mẹ, chẳng thể rời một bước, chẳng trông thấy sẽ không được! Hễ không thấy liền khóc lóc, nên nơi nào cũng đều có thể thờ, Lý

Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, chư vị đồng tu phải ghi nhớ điều này! Đối với người khác, chúng ta cũng phải nói với họ như vậy: Họ chẳng niệm Phật, chẳng cầu về Tây Phương Tịnh Độ, họ tu những pháp môn khác, hãy nên thờ tượng trong Phật đường, hoặc thờ tại phòng khách trong nhà, chớ nên thờ tùy tiện. Nếu người ấy trong một đời này thật sự mong cầu sanh về Tây Phương, quý vị liền bảo người ấy: Chỗ nào cũng có thể thờ, trừ phòng vệ sinh hoặc nhà xí là chỗ chẳng sạch sẽ, chớ nên thờ tượng Phật ra, chỗ nào cũng đều có thể thờ được!

“*Khai nhãn bế mục, nhược minh, nhược ám, thường đắc bất ly kiến Phật Thế Tôn*” (Nhắm mắt, mở mắt, dù sáng, hay tối, thường chẳng rời thấy Phật Thế Tôn). Mở mắt, nhắm mắt, ban ngày, buổi tối, thời thời khắc khắc chẳng lìa A Di Đà Phật. Vì sao? Nếu chẳng tưởng A Di Đà Phật, nhất định sẽ suy nghĩ loạn xạ; chúng ta dùng phương pháp này để xóa sạch hết thảy vọng tưởng, chấp trước. Do đó, đây là một phương pháp để khôi phục tự tánh thanh tịnh tâm. Trong tất cả các pháp môn, phương pháp này thù thắng nhất, xảo diệu nhất. Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, cổ nhân chẳng có cách nào hưởng thụ chuyện này: Dùng băng thâu âm để niệm Phật hiệu, đó là một phương pháp. Vì thế, người thật sự niệm Phật, trong gia đình quý vị hoặc trong đạo tràng, một câu A Di Đà Phật trong mười hai thời chẳng gián đoạn. Ngày đêm chẳng thể gián đoạn, chẳng thể nói là buổi tối đi ngủ liền gián đoạn, chẳng được! Trong quá khứ, đạo tràng Tịnh Độ Tông là Niệm Phật Đường. Trong Niệm Phật Đường, Phật hiệu quyết định chẳng bị gián đoạn; hề gián đoạn, sẽ chẳng gọi là đạo tràng niệm Phật. Ban đêm thì làm như thế nào? Ban đêm bèn luân lưu niệm, bốn người một ban, luân phiên niệm. Vì thế, ban đêm Phật hiệu cũng chẳng gián đoạn. Suốt một năm từ đầu năm cho đến cuối năm đều chẳng gián đoạn. Họ chia thành ban, ban nào trực thì nhất định phải niệm. Chẳng thuộc ban đến phiên trực, nhưng nếu quý vị ngủ ít bèn có thể tùy hỷ niệm, quý vị có thể cùng niệm với họ, nhưng người trực ban nhất định phải niệm. Dùng phương pháp ấy để niệm Phật hiệu không ngừng.

Nay chúng ta ít người, chẳng có cách nào luân phiên, chúng ta có thể dùng băng thâu âm. Nhất là hiện thời có máy niệm Phật quá tiện, chẳng cần dùng băng, niệm suốt ngày đêm chẳng bị hư. Quý vị chẳng ngại gì thử coi một cái máy niệm Phật dùng được bao lâu? Sau khi mở máy lên, chẳng cần tắt đi, để máy niệm suốt ngày đêm. Âm thanh chớ nên mở quá lớn. Quá lớn sẽ quấy rầy người khác làm việc. Âm thanh khe khẽ, dường như có, dường như không, hề tâm tĩnh lặng, liền ngay lập tức nghe thấy Phật hiệu. Trong khi quý vị đang có chuyện gì [phải làm hay phải suy nghĩ, tiếng niệm Phật] cũng chẳng gây trở ngại, như vậy là tốt đẹp, gia đình là đạo tràng. Đó là lợi dụng phương tiện khoa học kỹ thuật hiện tại [để niệm Phật không gián đoạn].

Kể đó, sách viết: “*Tùng đại tướng hải, lưu xuất tiểu tướng, hạo hạo dạng dạng như đại kiếp thủy, châu mâu biến lãn, vô phi Phật giới*” (Từ biển cả có tướng to lớn, lưu xuất tướng nhỏ, mênh mông, bát ngát như nước ngập khi đại kiếp (thủy tai), mắt nhìn trọn khắp, không gì chẳng phải là Phật giới). “*Đại tướng*” (大相) là Báo Thân của Phật. Trong kệ tán Phật, chúng ta đã ca ngợi A Di Đà Phật: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trùng thanh tứ đại hải*”,

đó là “đại tượng” (tượng to lớn). Từ Phật tượng, tôi vừa mới nói Phật có vô lượng tượng, mỗi tượng có vô lượng hảo, bạch hào phóng vô lượng quang, trong quang minh lại hóa ra vô lượng Phật, Hóa Phật liền lưu xuất tiểu tượng, tận hư không khắp pháp giới đều là A Di Đà Phật. Như tượng Phật chúng ta đang thờ, trong Phật đường chúng ta thờ một tượng A Di Đà Phật to, trong mỗi góc bày một tượng A Di Đà nhỏ. Chúng ta cũng in ra rất nhiều hình A Di Đà nhỏ, để bất cứ chỗ nào, bất cứ lúc nào, cũng đều có thể thờ phượng. Chung quanh bốn phía của một Niệm Phật Đường thật sự đều bày tượng A Di Đà Phật, bất luận quý vị chuyên đến phương hướng nào, mắt quý vị đều thấy A Di Đà Phật, đó là đúng. Niệm Phật Đường xưa kia vì dùng tượng đắp, chỉ đắp một tượng thờ tại đó, chẳng có cách nào khiến cho khắp mọi nơi đều trông thấy. Hiện thời, chúng ta dùng phương pháp in ảnh chụp nên có thể làm cho mỗi góc đều có hình Phật, bất luận chuyên đến chỗ nào cũng đều có thể trông thấy A Di Đà Phật.

Đối với hoàn cảnh chung quanh, trong sân, chúng ta chẳng có nhiều tượng Phật như vậy. Hiện thời chúng ta có in danh hiệu Phật, in những tấm dán (sticker) ghi “*Nam-mô A Di Đà Phật*”. Đối với phạm vi chung quanh, bốn phía đều có thể dán, bất luận đi đến đâu đều trông thấy A Di Đà Phật. Đài Loan là một đại hoàn cảnh, quý vị thấy ở Đài Loan đi đến đâu, quý vị đều thấy trụ điện hay vách tường nào cũng đều dán Nam-mô A Di Đà Phật. Hiện thời, tôi thấy xe taxi, xe hơi của tư nhân cũng có không ít chiếc đằng trước lẫn đằng sau đều dán A Di Đà Phật, giúp cho Quán Hạnh chúng ta. Chuyện này thật sự đáng đề xướng, nhưng ở ngoại quốc, dán lung tung khắp nơi thì không được, phạm pháp! Tại Đài Loan, dán A Di Đà Phật, ngay cả cảnh sát cũng hoan nghênh, Đài Loan đúng là Phật quốc. Hy vọng là ở Đài Loan, mỗi góc, mỗi con đường, chúng ta đều có thể thấy tượng và danh hiệu A Di Đà Phật. Dán danh hiệu A Di Đà Phật rất phổ biến, nhưng dán hình A Di Đà Phật vẫn chưa có ai đề xướng. Hy vọng các đồng tu trong hội này đều nỗ lực đề xướng, in loại hình A Di Đà Phật có thể dán được, sẽ càng tốt hơn, càng dễ dàng thuận tiện đối với Quán Hạnh, thật sự thực hiện “mắt thấy trọn khắp”. Mắt chúng ta thấy trọn khắp, không đâu chẳng phải là cõi Phật! “*Niệm nhất Phật, dữ thập phương Phật đẳng. Niệm hiện tại Phật, dữ tam thế Phật đẳng, nhất thân, nhất trí huệ, lực vô úy diệc nhiên. Niệm sắc thân, niệm pháp môn, niệm Thật Tướng*” (Niệm một vị Phật giống như niệm mười phương Phật. Niệm vị Phật hiện tại giống như niệm tam thế Phật. Một thân, một trí huệ, lực, vô úy cũng vậy. Niệm sắc thân, niệm pháp môn, niệm Thật Tướng). Đó là lúc thật sự dụng công tu hành đắc lực. À! Chúng ta tạm nghỉ, nghỉ mấy phút.

Tập 6

Trong đoạn này, mấy câu cuối cùng rất trọng yếu. Sau khi chúng ta đã hiểu rõ, liền biết công phu của chính mình có đặc lực hay không? Có đúng pháp hay không? Trong đoạn văn này, nơi dòng thứ hai đếm từ dưới lên trong trang ba mươi bốn có nói: *“Thường vận niệm vô bất niệm thời, niệm niệm giai giác, thị danh Quán Hạnh Tức Phật dã”* (Khi thường vận dụng “niệm mà chẳng niệm” thì niệm nào cũng đều là giác, đó gọi là Quán Hạnh Tức Phật). Câu trước dễ hiểu, đó là chẳng gián đoạn. *“Niệm nào cũng đều là giác”* là chẳng xen tạp. Hễ xen tạp thì chẳng giác, xen tạp là mê. Khi chúng ta niệm Phật, xen tạp vọng tưởng, đó là bất giác. Ất phải là niệm niệm đều chẳng xen tạp, niệm niệm đều rõ ràng, đó là giác. Chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi, niệm Phật hoặc niệm kinh như vậy đều thuộc về Quán Hạnh Tức Phật. Ất cần phải biết chuyện này! Nếu quý vị không biết, sẽ niệm chẳng đúng pháp, chẳng đạt được hiệu quả.

Lại xem đoạn thứ tư tiếp theo là Tương Tự Tức Phật, Tương Tự tiên cao hơn [giai đoạn] trước một bậc. Phần trước là Quán Hạnh, vẫn chưa giống. Tuy Tương Tự chưa phải là Phật thật sự, nhưng đã hơi giống, có thể thấy là công phu đã tiến một bước lớn. Quán Hạnh là chế phục phiền não, nhưng chưa đoạn. Tương Tự là đoạn Kiến Tư phiền não, cảnh giới ấy là cảnh giới của Tiểu Thừa A La Hán, Bích Chi Phật, hoặc Thất Tín Bồ Tát trở lên trong Đại Thừa Viên Giác, đều là Tương Tự Tức Phật. *“Tương Tự Phật giả, niệm Phật tướng hảo, thân đắc tương tự, tương ứng. Niệm Phật pháp môn, thân đắc tương tự, tương ứng. Niệm Phật Thật Tướng, thân đắc tương tự, tương ứng”* (Tương Tự Phật là niệm tướng hảo của Phật, thân được tương tự, tương ứng. Niệm pháp môn của Phật, thân được tương tự, tương ứng. Niệm Thật Tướng của Phật, thân được tương tự, tương ứng). Đây là nói đến Tam Thân; trước hết nói về Tam Thân. Kế đó, giải thích chữ Tương Tự. *“Tương tự giả, nhị vật tương loại”* (Tương Tự là hai vật giống như nhau), hai vật giống nhau, cùng loại, rất gần gũi. *“Như châu tự kim”* (Như vàng thô giống như vàng), *“thâu”* (鑰) là vàng còn trong quặng, chưa được nung luyện. Trong quặng vàng có rất nhiều vàng, nhưng xen lẫn rất nhiều tạp chất trong ấy, so với vàng thì hai thứ rất giống nhau. Đó là Tương Tự. *“Như qua tỷ hồ”* (Như dưa so với bầu), cũng rất giống nhau. Dưa và bầu¹³ rất gần gũi, hình dáng cũng chẳng khác nhau cho mấy. *“Do hỏa tiên noãn”* (Ví như đối trước lửa bèn ấm), lửa tuy còn xa, nhưng chúng ta đã cảm nhận được sức nóng. Tuy chưa tiếp cận lửa, nhưng đã cảm nhận được hơi nóng, đó là Tương Tự. *“Thiếp hải sơ bình”* (Vào biển, thoát đầu sẽ là chỗ cạn), giống như chúng ta vào biển cả: Vào chỗ biển rất to, trước hết bãi biển rất nông, rất phẳng, chúng ta có thể đi trên đó được, nhưng càng đi tới, sẽ càng sâu. Nông cạn là Tương Tự, sâu là biển cả. Từ những tỷ dụ ấy, khiến cho chúng ta thấu hiểu Tương Tự là như thế nào.

“Thủy tánh chí lãn, ẩm giả nãi tri. Khát bất quật tỉnh, thính thuyết hà vi?” (Tánh nước rất lạnh, người uống vào mới biết [nước lạnh như thế nào]. Khát

¹³ Theo ngụ ý, có lẽ là đại sư muốn so sánh giữa bí và bầu, vì bí được gọi là Đông Qua.

mà chẳng đào giếng, chỉ nghe nói thì làm sao được?). Mấy câu này nhằm khuyên chúng ta phải tu học, phải nghiêm túc tu học. Nếu chẳng nghiêm túc tu học, nghe Phật pháp sẽ chẳng có tác dụng gì! Nghe Phật pháp, nhưng chính mình chẳng chịu nghiêm túc tu tập, chắc chắn chẳng đạt được lợi ích. Mấy câu tiếp theo là nói đến chuyện chánh yếu: “*Lược cử kỳ yếu, như Pháp Hoa trung*” (Nêu đại lược những điểm trọng yếu thì như trong kinh Pháp Hoa), như trong kinh Pháp Hoa đã nói: “*Lục căn thanh tịnh, tức thị kỳ tướng, danh Tương Tự Phật dã*” (Sáu căn thanh tịnh chính là tướng của nó, gọi là Tương Tự Phật), nêu ra tiêu chuẩn. Phật là thân tâm thanh tịnh, thanh tịnh đã đạt đến tột bậc. Nếu sáu căn của chúng ta thanh tịnh, sẽ giống Phật đôi chút. Vì sao sáu căn chẳng thanh tịnh? Có phiền não thì sẽ chẳng thanh tịnh, đoạn hết phiền não bèn thanh tịnh. Phiền não là ô nhiễm. Nói cách khác, A La Hán đoạn Kiến Tư phiền não, Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín trong Viên Giáo đoạn Kiến Tư phiền não, Thất Trụ Bồ Tát trong Biệt Giáo đoạn Kiến Tư phiền não, đều gọi là Tương Tự Tức Phật. Trong Tịnh Độ Tông, nếu công phu niệm Phật đạt tới Sự nhất tâm bất loạn bèn thuộc vào địa vị Tương Tự, đạt đến Sự nhất tâm bất loạn bèn giống như A Di Đà Phật.

Rốt cuộc, chúng ta phải thực hiện từ chỗ nào? Chư vị phải nhớ, trong buổi học trước, chúng tôi đã nói một phương pháp quan trọng. Phương pháp ấy là một phương pháp đoạn phiền não rất đặc lực. Kế đó là y giáo tu hành, chúng ta biến những đạo lý đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ, đương nhiên chẳng dễ gì hiểu ngay lập tức được. Không hiểu rõ chẳng sao cả, quý vị đọc nhiều, nghe nhiều, sẽ dần dần hiểu rõ, phải hiểu rõ lý. Sau khi đã hiểu rõ, chúng liền biến thành tư tưởng và kiến giải của chính mình. Kinh đã ban cho chúng ta rất nhiều giáo huấn về cách xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống. Chúng ta thực hiện từng điều một, sẽ rất giống Phật. Như vậy thì cũng có thể nhập địa vị Tương Tự. So với những cách tu hành thông thường phải thật sự đoạn phiền não để nhập địa vị Tương Tự thì cách này dễ dàng hơn quá nhiều! Phương pháp này quả thật mỗi người chúng ta đều có thể làm được!

Nói đến sự sai khác giữa chín phẩm, trong [khi giảng] kinh Vô Lượng Thọ, chúng tôi cũng đã thừa cùng chư vị đồng tu, chỉ là tùy thuộc chúng ta thật sự thực hiện kinh Vô Lượng Thọ đến mức nào! Nếu có thể hoàn toàn làm được, sẽ là Thượng Thượng Phẩm. Chưa thể hoàn toàn làm được, nhưng có thể làm được chín mươi phần trăm, sẽ là Thượng Trung Phẩm. Có thể làm đến tám mươi phần trăm, sẽ là Thượng Hạ Phẩm. [Lần lượt] hạ thấp như vậy, Hạ Hạ Phẩm cũng phải làm được hai mươi phần trăm, tức là làm được hai phần [trong mười phần]. Hai phần cũng chẳng làm được thì chỉ có thể lui xuống, lui sụt đến Danh Tự Tức Phật trong phân trước. Có thể làm được hai phần trở lên, có thể nói là Quán Hạnh Tức Phật. Làm được năm phần trở lên, gần như là Tương Tự Tức Phật, đã nhập địa vị ấy. Thật sự tu học, phải nghiêm túc nỗ lực thực hiện, phải hiểu. Sau khi đã hiểu, phải hành. Chỉ hiểu mà không hành thì vẫn còn trong địa vị Danh Tự.

Chúng ta lại lật qua xem trang ba mươi sáu, dòng thứ năm, Phần Chứng Tức. Đây là Phật thật sự, chẳng phải là giả, chẳng phải là Tương Tự, mà là thật. [Tuy là] chân Phật, nhưng vẫn chưa viên mãn. Ở đây, trước hết, tôi nói một tỷ dụ.

Cổ nhân thường dùng mặt trăng làm tỷ dụ. Vàng trắng trên trời là thật, trong nước cũng có bóng trắng, chẳng phải là thật. Vàng trắng trong nước là Tương Tự, chẳng thật. Mặt trăng thật sự chỉ có một, có Phần Chứng và có Viên Mãn. Phần Chứng là vẫn chưa tròn đầy. Quý vị thấy mông Ba, mông Bốn đầu tháng có trăng non, đó có phải là mặt trăng thật sự hay chẳng? Thật sự, chẳng giả! Trăng Mười Ba, Mười Bốn rất to, đó là thật, chẳng giả. Nhất định phải đến Rằm trăng mới viên mãn. Vàng trắng Rằm ví như Cứu Cánh Tức Phật. Từ trăng lưỡi liềm Mông Hai, Mông Ba đầu tháng cho đến trăng Mười Bốn đều gọi là Phần Chứng Tức, [quả vị Phật] ấy là thật, chẳng giả! Có thể thấy Tương Tự trong phần trước chẳng phải là thật sự, rất giống, nhưng chưa phải là thật, giống như bóng trắng trong nước, chẳng phải là mặt trăng thật sự trên bầu trời.

Bản tánh bị nhiễm vô minh, chẳng thể khử sạch vô minh trong một lúc được, giống như vàng trắng, ánh sáng mỗi ngày một tỏ rạng hơn, chẳng phải là bất thành linh từ trong đêm đen bỗng biến thành vàng trắng tròn trịa, chẳng phải là biến đổi theo kiểu ấy! Đức Phật dạy vô minh trong bản tánh của chúng ta tổng cộng có bốn mươi một phẩm. Đoạn bốn mươi một phẩm dần dần: Đoạn được một phẩm, quang minh bèn lớn hơn một phần, đó là quang minh trong bốn tánh. Vì thế, kể từ Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, vị ấy là Phần Chứng Phật. Vị ấy là Phật thật sự, chẳng phải là giả Phật, [chỉ] mới phá một phẩm vô minh mà thôi! Phá một phẩm vô minh, dụng tâm của vị ấy và dụng tâm của chư Phật Như Lai là một tâm, tức là chân tâm, sử dụng chân tâm. Từ Tương Tự trở xuống, dùng cái tâm tám thức, dùng tám thức và năm mươi một Tâm Sở, coi đó là tâm, hoàn toàn chẳng biết dùng chân tâm, cũng tức là chân tâm chẳng khởi tác dụng. Đạt đến Phần Chứng Tức bèn dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm, nên tư tưởng, kiến giải, và hành trì của vị ấy hoàn toàn giống với Như Lai, chỉ có thể nói là năng lực lớn hay nhỏ khác nhau. Tánh chánh xác, tánh chân thật của vị ấy và tánh của chư Phật Như Lai chẳng sai khác, chỉ là lớn hay nhỏ khác nhau.

Chúng ta xem lời giải thích kể đó: “*Tức tâm quán Phật, thác cảnh hiển tánh, tuy đắc Tương Tự, thượng thuộc duyên tu*” (Dùng ngay cái tâm này để quán Phật, nhờ vào cảnh để hiển lộ tánh, tuy đạt được địa vị Tương Tự, nhưng vẫn là tu tập theo pháp duyên khởi). Câu này nhằm tiếp nối ý nghĩa trong phần trước. Trong phần trước, xét theo địa vị Tương Tự, thành tựu trong địa vị Tương Tự chẳng phải là chân thật, vẫn thuộc loại “*duyên tu*”, [nghĩa là] tu theo duyên khởi, chưa phải là “*từ tánh khởi tu*”. Phần Chứng là từ tánh khởi tu, chẳng phải là tu từ duyên khởi, căn cứ để tu hành cũng hoàn toàn chẳng giống nhau. Nói cách khác, một đàng dùng vọng tâm, một đàng dùng chân tâm. Dùng vọng tâm, tu đến cảnh giới cao nhất là Tương Tự Tức Phật, chẳng có cách nào minh tâm kiến tánh. Đạt đến minh tâm kiến tánh, quyết định chẳng thể dùng vọng tâm, cũng là phải “bỏ Thức, dùng Căn”, chuyển Thức thành Trí. Thiền gia nói lia tâm ý thức thì mới có thể đạt tới Phần Chứng. Chúng ta niệm Phật cũng giống như thế, lia tâm ý thức thì mới có thể đạt tới Lý nhất tâm bất loạn, đó là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. “*Kim tắc thân chứng*” (Nay thì [Phần Chứng] là đích thân chứng), đích thân

chúng Pháp Thân, đích thân thấy bản tánh, “*thuộc u chân tu*” (thuộc loại chân tu). Do đó, đến khi nào là chân tu? Sau khi minh tâm kiến tánh mới là chân tu, trước khi minh tâm kiến tánh là tương tự tu. Hiện thời, chúng ta nói thật thà thì ngay cả tương tự tu cũng chưa nói được, nay chúng ta thuộc địa vị Danh Tự, hữu danh vô thực, vẫn chưa bắt đầu tu. Nếu quý vị nghĩ lời tôi nói chẳng đáng tin cho lắm, chính quý vị hãy suy nghĩ, có ngày nào quý vị nghiêm túc đoạn phiền não hay chẳng? Quý vị niệm Phật, lạy Phật, nhưng chẳng nghĩ phải đoạn phiền não, có thể thấy là quý vị chẳng phải là chân tu! Chân tu là đoạn phiền não, đoạn tập khí, đó mới là bắt đầu tu thật sự. Sự thật tu ấy vẫn là “*duyên tu*”, chẳng phải là “*thật*” như đang được nói ở đây, kể như quý vị đã bắt đầu tu hành. Trong địa vị Quán Hạnh và địa vị Tương Tự, đều là dùng tâm ý thức. Đến đây (địa vị Phần Chứng Túc), chẳng dùng tâm ý thức, mà là lìa tâm ý thức.

Vì vậy, nghe kinh, chúng tôi cũng thường nói; tuy nói, có lẽ quý vị nghe vẫn có thể hiểu, nhưng chưa biết dùng. Người chân tu nghe kinh, sẽ đúng như Khởi Tín Luận đã nói: “*Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên*”. Người ấy là chân tu, là đích thân chứng. Người giảng, tức là người giảng kinh dùng cái tâm ý thức, nhưng người nghe kinh lìa tâm ý thức, sẽ đắc quả báo như thế nào? Người giảng kinh chưa khai ngộ, người nghe kinh khai ngộ, người giảng kinh chẳng chứng quả, người nghe kinh chứng quả. Do đó, có thể biết: Tu hành đúng là do cá nhân, cũng chẳng liên can gì đến thầy!

Trong kinh Phật có một công án (公案), chúng ta thường gọi công án là “*cổ sự*” (故事: câu chuyện), chuyện này cũng là chuyện thật. Công án ấy xuất phát từ kinh nào, tôi quên mất, nhưng có [chuyện ấy]. Thuở đức Phật tại thế, có một người tu hành mong chứng quả A La Hán, bèn sắp đặt cúng dường trọng hậu, hòng cầu một vị tu hành xuất gia khai thị cho mình. Kẻ [xuất gia] tu hành kia tuy chính mình chưa chứng quả, nhưng tham đồ cúng dường, bèn bảo người đó: “Ta đã chứng đắc quả A La Hán. Ngươi hãy đến cúng dường ta”, tham muốn đồ cúng dường mà! Người ấy cung kính, kiên thành thật sự đối đãi với kẻ [tu hành mạo nhận] ấy như một vị A La Hán, cúng dường gã đó. Gã đó tiếp nhận xong, người ấy thỉnh giáo gã: “Ngài hãy dạy cho tôi tu hành như thế nào để chứng quả”. Gã đó chẳng có cách nào, đành phải lừa người ấy, bảo: “Được rồi! Ta ngồi ở ngay đây, ngươi hãy nghe lời ta nói”. Gã cầm trái banh, bảo người ấy ngồi xỏm ở góc tường, ném banh vào người ấy, bảo: “Ngươi đã chứng đắc quả Tu Đà Hoàn”. Người ấy đáp: “Đúng vậy, tôi đã chứng đắc quả Tu Đà Hoàn”, thật sự chứng đắc. Lại chuyển sang góc khác, lại ném banh vào người ấy: “Ngươi đã chứng quả Tu Đà Hàm”. Chuyển đến góc thứ tư: “Ngươi đã chứng quả A La Hán”. Mỗi lần, người ấy đều gật đầu nói: “Tôi đã chứng đắc”. Chuyện xong bốn góc, người ấy đập đầu đánh lễ gã đó. Gã đó nói: “Ta lừa gạt ngươi”. Người ấy nói: “Đâu có! Tôi thật sự chứng đắc”. Chuyện này là xác thực, vì sao? Người ấy dùng tâm chí thành cung kính để cầu pháp. Tuy [gã đó] dối gạt người ấy, nói lời giả dối, nhưng người ta thật sự chứng đắc. Đó là kẻ thuyết pháp chẳng nói lời tốt lành, nhưng người khéo nghe sẽ đạt được lợi ích chân thật; do đó, biết nói chẳng bằng biết nghe, biết nghe quan trọng lắm!

Ở đây, nhằm dạy chúng ta phải dùng chân tâm, chân tâm là chí thành tâm. Chí thành tâm là trong tâm chẳng có một vọng tưởng, chẳng có một vọng niệm, đây là chân tâm. Chí thành cung kính bèn có thể đạt được lợi ích chân thật. Xưa kia, có người hỏi pháp sư Ấn Quang: “Phải làm như thế nào thì mới có thể đạt được lợi ích chân thật trong Phật pháp? Có bí quyết gì hay không?” Tổ Ấn Quang bảo người ấy hai chữ: “Thành kính”. Ngài nói đó là chìa khóa bí mật để nhập Phật môn: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Người nói có chứng, có học, có tu hay không, đều chẳng quan trọng, vấn đề là ở thái độ cầu học nơi bản thân chúng ta. Chính vì như thế, xưa nay chúng ta thường thấy trò vượt trời thầy, màu xanh xuất phát từ màu chàm mà trời vượt màu chàm; do nguyên nhân nào? Học trò dụng tâm chân thành hơn thầy, nên trò vượt trời thầy. Đối với Sự và Lý đều có căn cứ. Chúng ta đọc đoạn văn tiếp theo: “*Hoặc phần phần phá*”, Hoặc (惑) là vô minh, [“*Hoặc phần phần phá*”] là trừ khử vô minh từng phần một. “*Tánh phần phần hiển*” [nghĩa là] chân tâm bản tánh của chính mình sẽ [do vô minh phá từng phần] mà thấu lộ ra ngoài từng phần. “*Tùng sở chứng thuyết, danh vi Phần Chân*” (Nói theo điều được chứng đắc, nên gọi là Phần Chân), sở chứng của người ấy là Chân Như bản tánh, mỗi phần đều chân thật. “*Tùng năng hiển ngôn, danh Phần Chứng đã*” (Nói theo chủ thể của sự hiển lộ (chứng đắc), bèn gọi là Phần Chứng), sáng tỏ từng phần một. Đoạn văn này cũng được chia thành hai đoạn, đoạn thứ nhất là “*ước phát tâm minh tức Phật*” (xét theo sự phát tâm để giảng ý nghĩa Tức Phật). Chúng ta xem kinh văn.

“*Phần Chứng Phật giả, Sơ Phát Tâm Trụ*” (Phần Chứng Phật là Sơ Phát Tâm Trụ). Đây là nói theo Viên Giáo, địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo được gọi là Phát Tâm Trụ, phát tâm gì? Phát Bồ Đề tâm. Do đó, chư vị đồng tu nên biết: Hễ phát Bồ Đề tâm bèn là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, vượt trời A La Hán quá nhiều! A La Hán tương đương địa vị Thất Tín, quý vị thấy trên đó còn có Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín, Sơ Trụ, còn có bốn tầng cấp. Hễ phát Bồ Đề tâm, liền nhập địa vị Phần Chứng. Bồ Đề tâm là tâm gì? Chân tâm, chân thành, chân thành tốt bậc! Chúng ta học Phật phải dùng cái tâm chân thành; xử sự, đãi người, tiếp vật cũng đều phải dùng cái tâm chân thành. Trong xã hội này, có rất nhiều người có những điều kiêng dè, sự kiêng dè ấy là vọng tưởng, phân biệt. Ta dùng tâm chân thành đối với người khác, vậy là ta bị thua thiệt! Kẻ khác đều dối gạt ta, làm sao ta có thể dùng chân tâm đối đãi kẻ khác? Sai lầm to lớn quá rồi! Nếu quý vị dùng cái tâm chân thành để đãi người, tiếp vật, chắc chắn chẳng bị thua thiệt. Trước mắt có thể chịu thua thiệt đôi chút, nhưng mai sau sẽ đạt được đại tiện nghi, quả báo chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, chẳng sợ bị người khác lừa, chẳng sợ bị lừa! Bị người ta lừa gạt, bị gạt gẫm, đúng là tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng thấy đều tiêu trừ, vô lượng vô biên trí huệ và phước đức tự nhiên hiện tiền, hiện thời bị lừa gạt có đáng sợ chi! Mai sau sẽ có những điều tốt đẹp to tát, được lợi ích to lớn, phước báo to tát, đó là công đức chân thật. Thông thường, người thế gian chỉ thấy chuyện trước mắt, sơ sót chuyện tương lai, đó là tầm nhìn hẹp hòi, nông cạn, chẳng biết tu phước.

Thừa cùng quý vị đồng tu, đối với phước báo thật sự thì lúc tuổi già hưởng phước sẽ là có phước thật sự. Hiện thời quý vị trẻ tuổi, hưởng hết sạch phước báo, lúc tuổi già nghèo túng, lúc xế bóng chịu khổ, đó mới là thật sự khổ sở! Lúc tuổi già chẳng có thể lực, khổ nạn xảy đến, hứng chịu không nổi. Tuổi trẻ chịu khổ đôi chút, thấm vào đâu! Có thể lực, có tinh thần, sẽ có thể chịu đựng được! Vì vậy, có phước báo đừng hưởng hưởng trẻ tuổi, hãy dành lại để hưởng lúc tuổi già. Có của cải thì hiện thời cũng chẳng cần. Trong mạng quý vị có của cải thì có vứt đi cũng không được! Của cải đưa đến, ta đem bố thí hết sạch, ta đều chẳng cần tới, tuổi già sẽ có của cải đưa tới, mới có thể sống thoải mái. Trong cuộc đời một người, nếu quý vị đi xem bói, thầy bói sẽ bảo quý vị: Vận mạng cứ năm năm chuyên biến một lần. Vận mạng của con người cứ năm năm chuyên biến một lượt. Trong một đời, sẽ có năm năm tốt nhất, mà cũng có năm năm xấu nhất. Nếu như năm năm tốt nhất nhằm lúc tuổi trẻ, năm năm tệ nhất nhằm lúc tuổi già, mạng đó không tốt. Năm năm tốt nhất rớt vào tuổi già, năm năm xấu nhất nhằm lúc trẻ trung, mạng ấy tốt đẹp. Nếu vận tốt của chúng ta nhằm lúc tuổi trẻ, vận xấu nhằm hưởng già cả, làm như thế nào? Người thông minh gặp lúc vận tốt bèn chẳng nhận lãnh. Chẳng nhận lãnh thì nó sẽ kéo dài đến hưởng già nua, kéo dài đến mai sau. Hiện thời phát tài, ta tán tài, ta phân tán nó, căn bản là chớ thụ dụng, đến khi tuổi già, của cải sẽ nhóm lại. Đó là có trí huệ, có tầm nhìn sâu xa, người ấy mới có thể chuyên dời vận mạng. Đó là phương pháp sửa đổi vận mạng của chính mình.

Nếu quý vị thật sự tin tưởng thì sẽ có thể sửa đổi, vận mạng do chính mình điều khiển. Quý vị phải đọc Liễu Phàm Tứ Huấn cho nhiều. Do vậy, tôi thường bảo mọi người hãy một mực đọc Liễu Phàm Tứ Huấn ba trăm lần, vì sao? Chẳng đọc ba trăm lần, quý vị chẳng thể đọc đến mức giác ngộ được! Đọc một, đôi lượt, xem xong liền quên bẵng, vẫn chẳng thể chuyên vận mạng được! Niệm tới ba trăm lần, ấn tượng sâu đậm, thật sự tin tưởng, biết cách làm như thế nào, xác thực là có thể sửa đổi vận mạng. Thọ mạng ngắn ngủi có thể trường thọ, nghèo hèn có thể trở thành phú quý. Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng. Do đó, quý vị phải hiểu lý luận, phương pháp, đúng lý, đúng pháp mà cầu, chẳng có điều gì không đạt được! Quý vị đạt được, không chỉ là vì trong mạng của quý vị có, mà còn là trong Chân Như bản tánh của quý vị vốn sẵn đủ, há có thứ gì chẳng thể đạt được? Chỉ là đúng lý, đúng pháp khai thác mà thôi! Nay chúng ta khai thác, nhưng khai thác chẳng thích đáng, nơi này có quặng vàng, quý vị biết chỗ, bèn đào bới lên. Quý vị điều chỉnh phương hướng, đến chỗ nọ khai thác, chỗ đó chẳng có [quặng vàng], khai thác cách nào cũng chẳng thể được! Vì thế nói là phương hướng đã sai lầm, nơi chốn đã sai lạc! Nhất định phải biết tu học phước điền chân thật như thế nào. Xử sự, đãi người, tiếp vật bằng cái tâm chân thành, chắc chắn chẳng bị thiệt thòi. Đó là nói tới chuyện phát tâm.

“*Nhất phát, nhất thiết phát*” (Một thứ đã phát thì hết thấy đều phát), câu này quan trọng! Chớ nên đối với Phật, Bồ Tát bằng chân tâm, đối với Phật Giáo đồ bằng chân tâm, nhưng đối với phàm nhân trong thế gian bèn dùng giả tâm, chớ có nên! Như vậy là quý vị vẫn dùng nhị tâm, chẳng dùng nhất tâm. Đối với Phật, Bồ Tát dùng tâm gì, thì đối với hết thấy chúng sanh cũng là cái tâm ấy. Tức là vì

Phật, Bồ Tát mà chúng ta dấy lên cái tâm ấy, sau khi đã phát khởi, trong cuộc sống, xử sự, đãi người, tiếp vật đều phải dùng cái tâm ấy, đó mới là đúng. Hễ phát khởi bèn có tác dụng, chẳng thể nào đã phát mà chẳng khởi tác dụng. Vì thế, phải đối xử với hết thảy chúng sanh giống như đối với Phật, Bồ Tát. “*Phát nhất thiết công đức, phát nhất thiết trí huệ, phát nhất thiết cảnh giới, bất tiền, bất hậu, diệc bất nhất thời*” (Phát hết thảy công đức, phát hết thảy trí huệ, phát hết thảy cảnh giới, chẳng trước, chẳng sau, mà cũng chẳng phải là cùng một thời). Trước và sau thuộc về cùng một thời, “chẳng phải là một thời” chính là “một thời”. [Đoạn này] có ý nghĩa dạy chúng ta: Trong khi ứng dụng bèn tùy duyên tự tại, chớ nên chấp trước. Nhất thời là chấp trước, “bất nhất thời” cũng là chấp trước, đều rớt vào vọng tưởng, chấp trước. Vì thế, câu này nhằm dạy chúng ta bỏ lìa hết thảy vọng tưởng, chấp trước, đó là đúng.

“*Tam trí nhất tâm trung đắc*” (Do nhất tâm mà đắc ba trí): Ba Trí là Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, và Nhất Thiết Chứng Trí. Nhất Thiết Trí là chứng đắc của A La Hán, Đạo Chứng Trí là chứng đắc của Bồ Tát, Nhất Thiết Chứng Trí là sự chứng đắc nơi quả địa Như Lai. Nhất Thiết Trí là biết bản thể của hết thảy các pháp. Đạo Chứng Trí là biết Tánh và Tướng của hết thảy vạn pháp. Nhất Thiết Chứng Trí là không gì chẳng biết, không gì chẳng thể, đó là trí huệ rốt ráo viên mãn, học từ nơi đâu? Do từ nhất tâm mà đạt được! Câu này quan trọng lắm! Vì mục tiêu tu hành của Tịnh Độ Tông là nhất tâm, nhất tâm bất loạn. Bắt đầu là nhất tâm, cuối cùng đắc nhất tâm, khởi đầu bèn dạy quý vị điều gì? Nhất tâm niệm Phật. Do đó, trực tiếp dùng nhất tâm, dùng nhất tâm thì mới có thể chứng nhất tâm. Khởi đầu dùng nhất tâm là tâm ý thức, chẳng phải là chân tâm, mà là vọng tâm, tức tâm ý thức. Tâm ý thức vọng niệm rất nhiều, vọng tưởng rất nhiều, nay ta chuyên tâm nơi một Phật hiệu, dùng một Phật hiệu để thay thế tất cả hết thảy vọng niệm, tức là dùng một niệm thay thế hết thảy vọng niệm, quy hết thảy vọng niệm vào một niệm, điều này được gọi là “nhất tâm”, dùng phương pháp này để tu. Đến khi tất cả hết thảy vọng niệm đều chẳng còn, bèn chứng đắc nhất tâm. Nhất tâm là chân tâm, đã chứng đắc. Phương pháp tu học này thẳng thừng, thỏa đáng, chẳng giống các pháp môn khác phải đi vòng vèo, chẳng biết phải đi vòng vo đến khi nào thì mới có thể đạt đến. Pháp môn này là trực tiếp, đạt được ngay lập tức.

Vì vậy, chư vị đồng tu phải thật tu, thật sự tu tập. Quý vị phải nhớ, thật sự hiểu rõ đạo lý ấy, hiểu rõ chân tướng sự thật thì mới biết tu. Người biết tu “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”, từ sáng đến tối, khóa tụng chuyên ròng. Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã dạy chúng ta. Công khóa của Ngài đơn giản, công khóa trong mười hai thời đều hết như nhau. Một biến kinh A Di Đà, ba biến chú Vãng Sanh, một ngàn câu Phật hiệu, đó là công khóa mỗi lần. Khóa sáng là như vậy, mà khóa tối cũng giống như vậy, tuyệt đối chớ nên xen tạp những thứ khác. Đối với khóa tụng ở nơi đây tôi vẫn chưa biết, tôi không ở nơi đây. Đêm qua, tôi nghỉ lại nơi đây, nghe chúng ta tụng khóa sáng ở đây. Khóa sáng ấy xen tạp, chẳng phải là “một mực chuyên niệm”. Vẫn xen tạp những thứ như mười tiểu chú trong ấy, tức là đối với Sự và Lý của Tịnh Tông

vẫn chưa hiểu rõ. Nếu thật sự hiểu rõ, sẽ chẳng phải là như vậy. Tổ sư đại đức Tịnh Tông thường là kinh cũng chẳng niệm, mà là niệm Phật hiệu, mỗi ngày mười vạn câu Phật hiệu. Các Ngài cũng chẳng có khóa sáng hay khóa tối chi cả, một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, quyết định vãng sanh.

[Khóa tụng] do Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã dạy là chuyên tu. Vì sao trước hết bảo quý vị niệm một biến kinh, niệm ba biến chú Vãng Sanh? Nhằm thâm hồi cái tâm, nhiếp tâm, chế phục vọng niệm. Chế phục vọng niệm thì Phật hiệu mới có công đức, mới tương ứng, nên bảo quý vị niệm một ngàn câu Phật hiệu. Trong cây hương thứ hai cũng làm như vậy, cách niệm đại khái là như vậy. Niệm một ngàn câu Phật hiệu gần như là hai tiếng đồng hồ. Nếu muốn thực hiện Tinh Tấn Phật Nhất thì một ngày một đêm là mười hai cây hương, khóa trình hoàn toàn giống nhau. Một ngày là mười hai biến kinh Vô Lượng Thọ, mỗi lượt đều là ba biến chú Vãng Sanh, một ngàn câu Phật hiệu. Một ngày một đêm là một vạn hai ngàn tiếng Phật hiệu, nếu có thừa thời gian bèn lạy Phật. Phương pháp này đặc lực. Do đó, đáng kỵ nhất là xen tạp. Chúng tôi chỉ có thể khuyên lơn ở nơi đây, hiện thời con cái chẳng nghe lời cha mẹ, đồ đệ cũng chẳng nghe lời thầy, đó là hiện tượng rất bình thường. Vì thế nói: Mỗi người mỗi tu, thành tựu của quý vị chẳng có liên can gì với tôi, mà thành tựu của tôi cũng chẳng thể cho quý vị hưởng ké được! Nhưng tôi chẳng thể không nói cho quý vị biết. Không nói cho quý vị biết tức là có lỗi với quý vị. Đã bảo ban mà quý vị chẳng làm, đó là chuyện của chính quý vị, quý vị chẳng thể trách tôi! Vì thế, Tam Trí do nhất tâm mà đắc.

Giống như trong Thiên Tông, tọa hương trong Thiên Đường, thứ gì cũng đều chẳng có. Trong mười hai thời, bảo quý vị tĩnh tọa. Ngồi đến khi tê chân thì chạy hương, [đó là] vận động. Sau khi chạy xong, lại tĩnh tọa, khiến cho quý vị đoạn hết vọng tưởng, do nhất tâm mà đắc. Bất luận pháp môn nào cũng đều do nhất tâm mà đắc, tuyệt đối chẳng thể nói là do tạp tâm mà sẽ đạt được, chẳng có đạo lý ấy. Tra duyệt khắp Đại Tạng Kinh, có kinh nào nói do hai tâm hay ba tâm mà đạt được hay không? Chẳng có! Chúng ta mong thật sự đạt được thành tựu trong một đời này thì chớ nên không biết điều này!

Kế đó là nói “*đắc Như Lai diệu sắc thân, trạch nhiên ứng nhất thiết, khai bí mật tạng, dĩ bất trụ pháp, tức trụ kỳ trung*” (đạt được sắc thân màu nhiệm của Như Lai, bình lặng ứng với hết thảy, mở tạng bí mật, do chẳng trụ pháp mà liền trụ trong ấy). Tu hành thì bắt đầu tu từ nhất tâm, đạt được quả báo là tam trí [thì cũng] do từ nhất tâm mà đạt được. Tam Thân, tức Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân; Tam Đức là Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát, tất cả đều vốn sẵn có trong nhất tâm. Vì nhất tâm là chân tâm, nhất tâm là bản tánh, vốn sẵn trọn đủ. Chúng ta xem lời giải thích cuối cùng nơi trang ba mươi bảy, dòng thứ tư đếm từ dưới lên, xem từ câu cuối cùng: “*Tam Thân, Tam Đức, thể ly tung hoành*”. “*Tung*” (縱) là nói theo chiều dọc, nói đến [thứ tự] trước sau; “*hoành*” (橫) là nói theo chiều ngang, nay chúng ta gọi [“*tung hoành*”] là thời gian và không gian. “*Ly*” (離) là vượt thoát. [Câu ấy có nghĩa là] Tam Thân và Tam Đức đều vượt thoát thời gian và không gian. Dùng thuật ngữ hiện đại để nói khiến cho mọi người dễ hiểu hơn: [“*Thể ly tung hoành*”] là vượt thoát thời gian và không gian. Trước kia

chẳng hiểu, “*kim thi phát minh*” (nay mới phát hiện, hiểu rõ), “*phát*” (發) là phát hiện, đến nay mới phát hiện; “*minh*” (明) là hiểu rõ. Tới nay mới phát hiện, hiện nay mới hiểu rõ! “*Danh khai bí tạng*” (Gọi là mở kho tàng bí mật): Từ vô thủy kiếp đến nay, nó được cất giấu ở chỗ này, trước nay chưa bị phát hiện, dường như là bí mật, nay đã mở toang ra. “*Nhập Lý Bát Nhã danh vi Trụ*” (Do nhập Lý Bát Nhã, nên gọi là Trụ), Lý Bát Nhã là gì? Là Căn Bản Trí. Kinh Bát Nhã nói: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”, vô tri là tâm thanh tịnh, vô tri là Định. Định là Thể, Huệ là Dụng. Huệ là Thể, Định là Dụng. Định và Huệ có thể làm Thể và Dụng cho lẫn nhau. Có thể dùng làm Thể và Dụng của lẫn nhau thì mới lần lượt tiến cao hơn. Đó gọi là Trụ, chính như kinh Kim Cang đã nói “*vân hà ưng trụ*” (nên trụ như thế nào).

Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy tôn giả Tu Bồ Đề, tôn giả Tu Bồ Đề hỏi: “Nên trụ như thế nào?” Đức Phật bèn nói, nói thẳng thừng: Trụ theo cách giống như vậy là đúng. Thích Ca Mâu Ni Phật trụ nơi đâu? Quý vị đọc kinh Kim Cang có tìm ra hay không? Thật sự tìm chẳng ra, trong kinh Kim Cang có hai câu đã nói rõ ràng: “*Vô trụ Niết Bàn*”, chẳng trụ trong sanh tử, chẳng trụ Niết Bàn, đó là “*Phật trụ*”. Nói thật ra, chúng ta vẫn chưa học được, nay chúng ta có thể học được [bằng cách] trụ cái tâm nơi Phật hiệu A Di Đà Phật, trụ nơi Phật tướng của A Di Đà Phật, cách này hay lắm! Trụ nơi danh hiệu của A Di Đà Phật, hay trụ nơi thân tướng của Ngài cũng là nhập Lý Bát Nhã, vì sao? Nếu quý vị chẳng có trí huệ như vậy, sẽ chẳng thể an trụ cái tâm ở nơi ấy. “*Thử trụ vô trụ, trụ bí tạng trung*” (Trụ nơi vô trụ chính là trụ trong kho tàng bí mật), đó là cảnh giới của kinh Kim Cang, chẳng phải là cảnh giới như tôi vừa mới nói. Nhưng trong cảnh giới như chúng tôi vừa mới nói, hễ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới liền tiến nhập “*trụ bí tạng trung*”. Tuy vậy, an trụ cái tâm nơi danh hiệu hoặc thân tướng của A Di Đà Phật là chuyện chúng ta có thể làm được trong hiện tại.

Đoạn kế tiếp là “*ước bị vật minh Phật dụng*” (dựa trên những chúng sanh được Phật hóa độ để nói về tác dụng của Phật), đây là nói đến tác dụng. Chúng ta đọc đoạn văn này một lượt: “*Dĩ phổ hiện sắc thân, tác chúng sắc tướng*” (Nhằm hiện trọn khắp các sắc thân [ứng với mọi loài chúng sanh] mà hiện ra các thứ sắc tướng). Đây là nói đến chuyện “*tùy loại hóa thân*” (hóa thân tương ứng với từng loài). Chư vị phải biết trong chương Quán Thế Âm Bồ Tát Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, Ngài có địa vị là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác. Sơ Trụ Bồ Tát cũng có ba mươi hai ứng thân, xét thấy nên dùng thân Phật khiến cho chúng sanh đắc độ, Ngài bèn thị hiện tám tướng thành đạo, dùng thân phật Phật để độ họ. Phần Chứng Phật còn có năng lực hiện ra các thứ thân, có thể hiện thân Phật. Thân Phật mà còn có thể hiện, những thân khác chẳng cần phải nói nữa, đương nhiên có thể hiện những thân khác. Kinh Pháp Hoa nói Quán Âm Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, kinh Hoa Nghiêm nói Quán Âm Bồ Tát là Đệ Thất Hồi Hướng Bồ Tát. Quý vị thấy: Đều cùng nói về Quán Thế Âm Bồ Tát, nhưng trong mỗi bộ kinh, trong mỗi pháp hội, Ngài thị hiện thân phật và địa vị khác nhau, đọc kinh phải biết điều này. Phần Chứng Túc đang được nói ở đây đều là nói theo phía Sơ Trụ của Viên Giác. Sơ Trụ Bồ Tát đã là như vậy, những địa vị cao hơn càng chẳng

cần phải nói nữa, trí huệ, đức năng, và thần thông của các Ngài càng ngày càng thù thắng hơn. “*Phổ hiện sắc thân, tác chúng sắc tướng*” giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát.

“*Nhất âm tùy loại, báo đáp chư thanh*” (Một âm thanh mà tùy theo từng loại biến thành các thứ âm thanh nhằm trả lời [ứng với ngôn ngữ của từng loại chúng sanh]), đây là nói về chuyện thuyết pháp. “*Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải*” (Phật dùng một âm để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo từng loại đều hiểu). Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân sẽ làm được, sẽ có năng lực ấy. Ngài thuyết pháp cho hết thảy chúng sanh chẳng cần phiên dịch. Người Trung Quốc nghe thành tiếng Trung Quốc, người Nhật Bản đang hiện diện cùng nghe, thấy [đức Phật] đang nói bằng tiếng Nhật. Chẳng cần phiên dịch, mỗi người đều nghe khác nhau, đều [nghe thành] ngôn ngữ của chính mình, đều có thể nghe hiểu, đều có thể tiếp nhận, rất chẳng thể nghĩ bàn! Năng lực ấy có thật hay không? Các khoa học gia hiện thời tin tưởng [chuyện ấy], vì các nhà khoa học lợi dụng computer, computer có thể sanh ra năng lực ấy. Trong tương lai, sang du lịch ngoại quốc, sau khi loại computer ấy đã được thật sự phát minh, chẳng cần phiên dịch, computer có thể dịch được. Có thể thấy chuyện này là thật, chẳng giả, là đức năng vốn sẵn có trong bản tánh.

“*Bất động Chân Tế, quần tình đẳng duyệt*” (Chân Tế chẳng động, mọi loài đều vui sướng). Chân Tế (真際) là chân tánh, chân tánh bất động, chân thân chẳng động, chúng sanh hữu duyên trong mười phương pháp giới đều là pháp hỷ sung mãn. Có thể nói là trong mỗi phút, mỗi giây, A Di Đà Phật đều ở trong mười phương thế giới tiếp dẫn vô lượng vô biên chúng sanh vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta [nghe như vậy bèn] nói “A Di Đà Phật bận bịu chết luôn!” Thật ra, A Di Đà Phật có động hay chẳng? Chẳng động, Ngài ngồi chễm chệ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng động! Chẳng động thì đến [mười phương thế giới] bằng cách nào? Hóa thân đến. Thân Phật có vô lượng quang minh, trong quang minh có vô lượng vô biên Hóa Phật đến mười phương thế giới tiếp dẫn. Chẳng động, mà [người niệm Phật vãng sanh trong] mười phương thế giới đều thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn họ. Chẳng động Chân Tế, mà muôn loài đều hoan hỷ. “*Ung dĩ tam luân độ giả*” (Đối với kẻ nên dùng tam luân để độ), “*tam luân*” (三輪) là thân, miệng, ý. “*Năng bát tướng thành đạo cụ Phật oai nghi, dĩ Phật âm thanh, phương tiện nhi độ thoát chi, hướng cứu pháp giới tam luân da? Sơ Trụ thượng nhĩ, hướng Đẳng Giác da? Thị danh Phân Chứng Tứ Phật dã*” (Có thể hiện tám tướng thành đạo, đầy đủ các oai nghi của Phật, dùng âm thanh và phương tiện của Phật để độ thoát, hướng hồ tam luân của [các chúng sanh] trong chín pháp giới [mà Ngài chẳng thể biến hiện] ư? Sơ Trụ Bồ Tát còn [có năng lực] như thế, huống là Đẳng Giác? Đó gọi là Phân Chứng Tứ Phật vậy). Giảng rất rõ ràng! Nhưng sợ chư vị chẳng hiểu rõ chữ Tam Luân trong đoạn ấy cho lắm, nên trong chú giải có [giải thích]. Lời chú giải thuộc trang ba mươi tám, tức là dòng thứ ba đếm từ dưới lên trong trang ấy, xem từ câu cuối cùng. “*Oai nghi thuộc thân, âm thanh thuộc khẩu, phương tiện thuộc ý*”, đó là tam luân. Tam Luân là nói tới thân, khẩu, ý. Phật độ chúng sanh, cả ba thứ ấy đều phải dùng.

Phải dùng thân tướng, phải dùng ngôn ngữ, phải dùng các thứ phương pháp phương tiện quyền xảo. “*Ung dĩ Phật độ, tức hiện Phật tam*” [nghĩa là] đáng nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân, khẩu, ý của Phật; đáng nên dùng thân phật Bồ Tát để độ, bèn dùng thân, khẩu, ý của Bồ Tát; đó là “*tam luân*”. Câu cuối cùng là: “*Lương do vị vị Thủ Giác, Bốn Giác, nhất hợp câu vong, trí sử Thế Dụng cao quảng nhược thứ*” (Ấy là vì trong từng địa vị [của Pháp Thân Bồ Tát], Thủ Giác hợp với Bốn Giác, hễ hợp lại thì những tướng đối đãi đều mất sạch, khiến cho Thế và Dụng cao rộng dường ấy). Có nghĩa là: Đạt đến địa vị Phân Chứng Tức, sử dụng chân tâm, nên li hết thấy các tướng, giống như kinh Kim Cang đã dạy: “*Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”, nên Ngài có tác dụng rộng lớn vô biên. À! Chúng tôi giảng đến đây!

Tập 7

Xin mở tới trang ba mươi chín trong kinh bốn, xem hàng thứ hai, [phần nói về] Cứu Cánh Túc:

“*Cứu Cánh Phật giả, đạo cùng Diệu Giác, vị cực u Trà. Cổ duy Phật dữ Phật nãi năng cứu cánh chư pháp Thật Tướng, biên tế trí mãn, Chứng Giác đốn viên. Vô Thượng Sĩ giả, danh Vô Sở Đoạn. Vô Thượng Sĩ giả, cánh vô quá giả*” (Cứu Cánh Phật là đạo cùng tột Diệu Giác, địa vị vượt trời tột bậc, nên chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu thấu rõ ráo Thật Tướng của các pháp, trí huệ viên mãn tột cùng bờ mé, mau chóng viên mãn Chứng Giác. Vô Thượng Sĩ còn gọi là Vô Sở Đoạn (không có gì để đoạn). Vô Thượng Sĩ là không có ai hơn được), đến đây là một đoạn. Đoạn kế đó là tỷ dụ: “*Như thập ngũ nhật nguyệt, viên mãn cụ túc, chúng tinh trung vương, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc tôn, thị danh Cứu Cánh Phật nghĩa*” (Như trăng rằm, tròn đầy vẹn toàn, là vua của các ngôi sao, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc biệt tôn quý, đó là ý nghĩa của từ ngữ Cứu Cánh Phật). Cứu Cánh Phật là quả vị viên mãn trong Viên Giáo, địa vị cao hơn Đẳng Giác, đã đoạn sạch bốn mươi một phẩm vô minh; khi đó, chúng ta gọi Ngài là Diệu Giác. Chữ Trà (茶) trong câu “*vị cực u Trà*” chính là [chữ Trà] trong Phạn văn của Ấn Độ. [Phạn văn] giống như Anh Văn, do từng chữ cái ghép lại tạo thành âm; có tất cả bốn mươi hai chữ cái, Trà (kṣa: 𑀅𑀲) là chữ cái cuối cùng. So với bốn mươi một quả vị trước đó, [quả vị] bốn mươi hai là rõ ráo viên mãn thành Phật, tỷ dụ như vậy. Chữ Trà là tiếng Phạn dịch âm, [“*vị cực u Trà*”] tức là bốn mươi hai chữ cái đã đến cuối cùng, sau đó chẳng còn gì nữa, tỷ dụ quả vị đã đạt tới chỗ tột cùng. “*Duy Phật dữ Phật*”: Chỉ có bậc đã chứng cực quả mới có thể hiểu rõ triệt để viên mãn chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Đẳng Giác Bồ Tát tuy hiểu rõ, vẫn chưa thể nói là rõ ráo hiểu rõ. Phải đạt đến quả vị Như Lai thì mới thật sự hoàn toàn hiểu rõ, phá sạch vô minh.

Vì thế, nói đến chuyện tu hành; nói chung, phải đặc biệt chú ý, phương pháp tu hành rất nhiều, thường nói là “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*”, hoặc “*vô lượng pháp môn*”, chúng ta dùng các pháp môn ấy chẳng có hiệu quả, chớ nên không biết điều này! Thật giống như ngã bệnh phải uống thuốc, sau khi uống thuốc, bệnh trạng có khá hơn hay không? Tôi tin mỗi người bị bệnh đều biết chuyện này. Nếu uống thuốc vào mà bệnh chẳng chuyển biến khá hơn, nhất định là phải tìm tòi lần nữa, hoặc lại đi khám bệnh lần nữa. Nếu uống thuốc chẳng đúng với chứng bệnh, uống vào không chỉ chẳng khá hơn, mà uống vào bệnh ngày càng nguy ngập hơn, đáng sợ quá! Phật pháp giống như thuốc. Hiện thời, mọi người cũng chẳng đi khám bác sĩ, cũng chẳng có kiến thức thông thường về y học, cứ uống thuốc loạn xạ, đáng sợ thay! Tu hành chẳng có thành tựu thì vẫn còn chưa đáng ngại, chớ trong tương lai đoạn mất Pháp Thân huệ mạng, vấn đề sẽ nghiêm trọng, nhất định phải chú ý điều này!

Căn bệnh nặng của chúng ta, nói thật ra, trừ phiền não ra, sẽ là vô minh. Vô minh là gì? Tà tri tà kiến; tà tri tà kiến là vô minh. Kinh Lăng Nghiêm có nói: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (Từ trên tri kiến lại lập ra một cái biết nữa, đó

là cội gốc của vô minh), trên tri kiến lại lập thêm một cái tri kiến, đó là tà tri tà kiến. Cách nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm, đó là bệnh nặng. Nguyên tắc trị liệu là trước hết dạy chúng ta điều gì cũng đều không nghĩ tới, cách nghĩ và cách nhìn thấy đều ngưng dứt, khiến cho cái tâm khôi phục sự thanh tịnh, điều này được gọi là “*tu Định*”. Bất luận pháp môn nào, hễ nói đến công phu thật sự đều là tu Định. Đầu tiên là tu tâm thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh thì niệm Phật cũng vô dụng, cũng chẳng thể tương ứng. Đẳng Giác Bồ Tát vì còn có một phẩm vô minh chưa đoạn, nói cách khác, nếu so với Phật, tâm Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thanh tịnh. So với chúng ta, tâm Ngài đúng là thanh tịnh tột bậc, nhưng so với Phật thì chẳng bằng! Do đó, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn đời nghiệp, nhưng Ngài mang theo nghiệp ít nhất. Vì còn có chút chướng ngại, Ngài vẫn chưa thể rốt ráo triệt để hiểu rõ Thất Tướng của các pháp. Chẳng hạn như nói đến y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới và công đức thù thắng do niệm Phật vãng sanh, Đẳng Giác Bồ Tát chưa thể hoàn toàn hiểu rõ, Ngài còn có chút chướng ngại như thế. Do đó, người thật sự tu hành phải luôn biết mình đang tu gì? Trừ bỏ hết thấy những sai lầm, khôi phục chánh tri chánh kiến, đó là đúng. Kinh Pháp Hoa nói rất hay: “*Khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến*”. Tri kiến của Phật là chánh tri chánh kiến, như vậy thì mới có thể đạt đến Cứu Cánh Giác.

“*Biên tế trí mãn*” (Trí huệ viên mãn tột cùng ngần mé): Trí huệ viên mãn. “*Biên tế*” (邊際: bờ mé) là nói “*thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương*” (theo chiều dọc trọn khắp ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương). Tận hư không khắp pháp giới không gì chẳng biết, trí huệ ấy mới được coi là viên mãn. “*Chủng Giác đốn viên*”: Chủng (種) là Nhất Thiết Chủng Trí, khi ấy, đã viên mãn, nên Ngài được gọi là Vô Thượng Sĩ, chẳng có ai cao hơn Ngài được! “*Danh Vô Sở Đoạn*” (gọi là Không Có Gì Để Đoạn). Đẳng Giác Bồ Tát còn có cái phải đoạn, [tức là] còn phải đoạn một phẩm sanh tướng vô minh. Đạt đến địa vị Phật thì Phật chẳng có gì phải đoạn, những gì đáng nên đoạn đều đã đoạn hết, chẳng còn gì để đoạn nữa, [nên gọi là] Vô Sở Đoạn. “*Vô Thượng Sĩ giả, cánh vô quá giả*” (Vô Thượng Sĩ là không có ai cao hơn được), chẳng còn có ai vượt trội Ngài. Trong mười pháp giới, Ngài là chí cao vô thượng. Kế đó là tỷ dụ, giống như vàng trắng Rằm, viên mãn trọn đủ. Vàng trắng Mười Bốn tuy tròn, vẫn còn thiếu khuyết một chút. Kinh thường sánh ví trắng Mười Bốn như Đẳng Giác Bồ Tát, sánh ví trắng Rằm với Phật quả. Đó là Cứu Cánh Giác. Do Ngài là tối thượng, tối thù thắng, “*oai đức đặc tôn*” (oai đức đặc biệt tôn quý), nên gọi là Cứu Cánh Phật.

Chúng ta xem đoạn kế tiếp: “*Phật hữu vô lượng đức, ưng hữu vô lượng hiệu*” (Phật có vô lượng đức, nên phải có vô lượng hiệu), đúng vậy! Danh hiệu của Phật là vô lượng vô biên, vì sao? Một đức hiệu chẳng thể biểu thị sự vô lượng, chẳng thể hiển thị sự vô lượng. Chẳng cần nói tới Phật, người thế gian chúng ta có lắm kẻ rất thông minh, có trí huệ, rất giỏi giang, lắm tài, nhiều nghề. Mở danh thiếp của họ ra xem, quý vị thấy ghi mười mấy tước hiệu. Nếu quý vị hỏi kẻ đó, một tước hiệu có được hay không? Một [tước hiệu] thì sẽ chẳng thể tiêu biểu thân phận và địa vị của người đó. Đức năng trong Chân Như bản tánh chẳng thể nói trọn, nên quý vị thấy trong kinh Phật có một bốn kinh là Vạn Phật Danh Kinh.

Danh hiệu của một vạn vị Phật chính là danh hiệu của một vị Phật, Ngài có danh hiệu nhiều ngàn ấy, vẫn chỉ là nói đại lược đó thôi! Phàm các danh hiệu Phật đều nhằm nói tới Tánh Đức vốn sẵn trọn đủ trong Chân Như bản tánh, danh hiệu của Bồ Tát gọi là Tu Đức. Tánh Đức có bao nhiêu thì Tu Đức cũng nhiều ngàn ấy. Phật pháp tuyệt đối chẳng phải là một loại đa thần giáo, tuyệt đối chẳng phải là phiếm thần giáo. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Một chính là nhiều, nhiều chính là một*”. Ngài là một người lắm tài, nhiều nghề, nên mới có nhiều danh hiệu dường ấy, tỏ lộ trí huệ và đức năng của Ngài là vô lượng vô biên, mang ý nghĩa này.

“*Cử nhất tế chư*” (Nêu ra một thì những điều khác bị khuất lấp). Danh hiệu nhiều [là vì] chỉ nêu ra một [danh hiệu] thì [chỉ có một Tánh Đức được tỏ lộ], những điều khác chẳng được hiển lộ. Đó là nguyên nhân vì sao phải có lắm danh hiệu như thế! Danh hiệu quá nhiều cũng phiền, cũng chẳng rõ ràng. Vì thế, quy nạp vô lượng danh hiệu của Phật thành mười hiệu, các kinh thường nói tổng quát là đức Phật có mười hiệu, đó là các danh hiệu chúng ta thường thấy. “*Hoa Nghiêm hữu thập vạn hiệu*” (kinh Hoa Nghiêm nói [đức Phật] có mười vạn hiệu), bản in ở đây bị sót một chữ, quý vị hãy thêm vào, [tức là] “*hữu thập vạn hiệu*” [thay vì “*hữu thập hiệu*”], kinh Hoa Nghiêm nói Phật có mười vạn hiệu. “*Hựu kinh hữu vạn hiệu, tam thế chư Phật thông hữu thập hiệu*” (Lại có kinh nói Phật có một vạn danh hiệu, ba đời chư Phật có mười hiệu chung). Mười hiệu ấy là vô lượng vô biên danh hiệu được quy nạp, quy nạp lại giống như cương lĩnh, có mười hiệu. “*Tịnh Danh tam hiệu, dĩ kiếp thọ thuyết, bất năng linh tận, hà huống chư hiệu da?*” (Đối với ba hiệu trong kinh Tịnh Danh, dùng tuổi thọ dài bằng cả kiếp để nói [các ý nghĩa được bao hàm trong ấy] vẫn chưa thể nói hết, huống là các danh hiệu ư?). Tịnh Danh là kinh Duy Ma. Ba hiệu được nói trong kinh Duy Ma, nói thật ra là ba hiệu trong mười hiệu. Câu này nằm trong trang bốn mươi, dòng thứ năm đếm từ dưới lên, quý vị hãy xem trong dòng ấy. “*Tịnh Danh kinh vân, Chánh Biến Tri, Như Lai cập Phật*” (kinh Tịnh Danh nói [ba hiệu] là Chánh Biến Tri, Như Lai và Phật). Ba hiệu ấy chính là ba hiệu trong mười hiệu. Ba hiệu ấy, “*thử tam cú nghĩa, đại thiên chúng sanh*” (đối với ý nghĩa của ba câu ấy, chúng sanh trong cõi đại thiên), [ý nói] chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới, “*giai như A Nan đa văn đệ nhất*” (đều là bậc đa văn hạng nhất như ngài A Nan), thông minh, có trí huệ giống như tôn giả A Nan đa văn bậc nhất. “*Dĩ kiếp chi thọ*” (Dùng tuổi thọ dài bằng cả kiếp), thọ mạng lâu cỡ nào? Thọ mạng dài đến một đại kiếp, [dùng tuổi thọ dài lâu như vậy để] giải nói ý nghĩa của ba danh hiệu ấy đều nói chẳng trọn, huống hồ mười danh hiệu! Huống hồ vô lượng danh hiệu! Những ý nghĩa được bao hàm trong mỗi danh hiệu đều là rộng lớn vô biên, chẳng thể nói trọn hết.

Đến chỗ này mới coi như đã giới thiệu xong chữ Phật trong tựa đề Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Kinh, giảng xong một chữ. Dưới đây là chữ thứ hai, tức Thuyết trong Phật Thuyết.

“*Thuyết giả, duyệt sở hoài dã*” (Thuyết là thỏa thích bồn hoài), chúng ta thường thấy cách giải thích này trong [chú giải của] hết thảy các kinh. Tiếp đó, sách viết: “*Tức thập nhị bộ kinh*” (Tức là mười hai thể loại được sử dụng trong

kinh Phật). Thập Nhị Bộ Kinh là toàn thể kinh Phật. Nếu nói theo cách hiện thời, kinh Phật có tổng cộng mười hai loại thể tài (genre) khác nhau. Do đó, nói đến mười hai loại thể tài ấy sẽ bao gồm toàn thể Phật pháp. “*Bát vạn pháp tạng*” (Tám vạn pháp tạng), nói tới phương pháp và đường lối tu học. “*Lục Độ, Tứ đẳng*” (Lục Độ, Tứ Tất Đàn v.v...): Lục Độ là sáu Ba La Mật, tức là cương lĩnh tu hành của Bồ Tát; “*Tứ*” là nói đến Tứ Tất Đàn. “*Nhất thiết pháp môn, hựu ư nhất pháp trung, tác tứ môn phân biệt. Ư nhất nhất môn, xảo tác Tứ Tất Đàn lợi ích, văn giả hoan hỷ, tán tụng, thọ hành, Thí, Giới, Tấn, Niệm, nhi đắc khai phát. Tham, khuể, ngu si, hoát nhĩ băng tiêu, cách phạm thành thánh, nhập pháp lưu thủy, hoặc nhị tam nhất ích. Nhược đô vô ích, tắc thị mặc nhiên*” (Trong mỗi pháp thuộc hết thảy các pháp môn lại phân biệt thành bốn môn. Trong mỗi môn, khéo tạo lợi ích Tứ Tất Đàn. Người nghe hoan hỷ, khen ngợi tán tụng [của Phật pháp], tiếp nhận, hành trì. Thí, Giới, Tinh Tấn, Niệm bèn được khai phát. Tham, sân, ngu si bỗng dung tiêu tan. Thoát phạm thành thánh, dự vào dòng pháp, hoặc [người nghe] sẽ đạt được hai, ba hoặc một điều lợi ích. Nếu [những pháp muốn nói ấy] đều vô ích [cho người nghe], đức Phật bèn thị hiện im lặng). Đoạn này giải thích chữ Thuyết. Không chỉ giải thích chữ Thuyết, mà một đoạn lớn sau đó, tức là cả một đoạn lớn từ sau chữ “*thập nhị bộ*” trở đi mà chúng ta vừa đọc là nói về những điều do đức Phật đã giảng. Trong phần nói về “sở thuyết” (những pháp đã được nói), đã nêu ra một nguyên tắc: Đức Phật thuyết pháp chắc chắn có lợi ích cho chúng sanh. Lợi ích nhiều hay ít, sâu hay cạn khác nhau. Nếu chẳng có lợi ích, đức Phật sẽ chẳng nói. Ở đây viết là “*nhược đô vô ích, tắc thị mặc nhiên*” (nếu đều là vô ích, thì Ngài thị hiện im lặng), đức Phật sẽ chẳng nói.

“*Nhược nhất cơ khẩu thánh, ư nhất môn thí Tứ Ích giả*” (Nếu một căn cơ cảm thánh tâm, Ngài sẽ ban bố bốn món lợi ích trong một môn). “*Nhất môn*” là một loại pháp môn, Tứ Ích là Tứ Tất Đàn. “*Dư tam môn diệc như thị, vị nhất duyên thuyết nhất pháp ký nhĩ, chư duyên chư pháp diệc như thị*” (Ba môn kia cũng giống như thế, vì một duyên mà thuyết một pháp đã là như thế, thì các duyên, các pháp cũng giống như thế). Đoạn này có nghĩa là: Hễ có kẻ nào có nghi vấn, hướng về đức Phật thỉnh giáo, đức Phật thuyết pháp cho kẻ ấy, chẳng lìa khỏi Tứ Tất Đàn. Nếu là rất nhiều người, đức Phật thuyết pháp cho đại chúng cũng chẳng lìa khỏi nguyên tắc này. Đây là nói về nguyên tắc thuyết pháp. Chúng ta xem chú giải, dòng thứ nhất trong phần chú giải, hãy xem từ nửa đoạn sau: “*Nhược tữ bốn kinh, tức thị Như Lai cứu tu cứu chứng Niệm Phật tam-muội, uẩn chi tại hoại*” (Nếu xét theo kinh này, sẽ là Như Lai tu chứng Niệm Phật tam-muội đã lâu, áp ủ trong lòng). Câu này quan trọng, [nêu rõ kinh này] nói chẳng khác gì kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà. Đức Phật thành Phật như thế nào? Trong Yêu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Chư Phật do niệm Phật mà thành Phật*”. Chư Phật đạt được tam-muội rất sâu có tên là Niệm Phật tam-muội. Trong tác phẩm chú giải kinh Di Đà, Ngẫu Ích đại sư đã nói như vậy. Từ kinh Vô Lượng Thọ, quả thật chúng ta đã thấy [điều đó]. Vì vậy, “*tin sâu nhân quả*” trong Tam Phước của Quán Kinh chính là “*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”.

Đức Phật thấy cơ duyên thành Phật của chúng sanh đã chín muồi. Cơ duyên thành Phật đã chín muồi thì nếu đức Phật giảng pháp Bồ Tát hay nói pháp thành A La Hán cho họ, sẽ có lỗi với họ! Đức Phật thuyết pháp bèn ứng theo căn cơ mà ban bố giáo pháp. Ngài xét thấy kẻ ấy vẫn chưa có phần thành Phật trong một đời này, chỉ có thể thành Bồ Tát, đức Phật liền giảng pháp Bồ Tát, chắc chắn chẳng giảng pháp thành Phật cho kẻ ấy. Vì sao? Kẻ ấy chẳng có phước báo đó, có giảng thì kẻ ấy cũng trọn chẳng tin tưởng, nói uổng công! Vì lẽ đó, đức Phật thuyết pháp khế cơ, khế lý! Thấy cơ duyên thành Phật đã chín muồi, nói cách khác, đem pháp môn thành Phật này nói với kẻ ấy, kẻ ấy có thể tin tưởng, có thể lý giải, có thể nghiêm túc học tập, quyết định thành Phật trong một đời này. Đó là pháp môn gì? Pháp môn Niệm Phật. Ba kinh Tịnh Độ đều nhằm dạy chúng sanh thành Phật, chẳng phải là nói với những kẻ bình phàm. Pháp môn này, đức Phật áp ủ trong lòng đã lâu, tìm chẳng thấy đối tượng, lần này tìm được đối tượng, Ngài hoan hỷ lắm, hoan hỷ hơn [khi nói] bất cứ pháp môn nào khác. Độ chúng sanh thì trong một đời, quý vị có thể độ mấy chúng sanh thành Phật? Lần này gặp được kẻ sẽ nhanh chóng thành Phật, tuyệt diệu quá, chẳng thể bỏ lỡ cơ hội! Vì lẽ đó, đức Phật nói pháp môn Tịnh Tông, tỏ lộ niềm hoan hỷ khôn sánh, từ Đại Kinh chúng ta thấy được chuyện này. “*Kim cơ khẩu phát thuyết chi*” (Nay do căn cơ tương ứng phát khởi, bèn nói [pháp môn này]). Chữ “*cơ*” (機) chỉ phu nhân Vi Đề Hy. [Đức Phật] gặp được vị này, thiện căn, phước đức, nhân duyên của bà ta trong vô lượng kiếp đến nay đã chín muồi, đức Phật bèn truyền dạy bà ta pháp môn này, bà ta sẽ thành Phật trong hiện thời. “*Nãi sướng tích chi sở hoài dã*” (Bèn thỏa thích nỗi niềm áp ủ từ trước). Điều áp ủ trong tâm rất muốn nói, nhưng chẳng tìm thấy đối tượng, lần này đã gặp được. Chúng ta phải chú ý mấy câu này.

Tiếp theo đây, chúng ta lại lật qua trang bốn mươi hai. Trong trang bốn mươi hai có một khuôn mẫu thuyết pháp. Bất luận đồng tu tại gia hay xuất gia, trong tương lai muốn phát tâm thuyết pháp cho kẻ khác, phải nhớ nguyên tắc này. Quý vị không hiểu nguyên tắc này, sẽ không phải là giảng Phật pháp! Phải hiểu nguyên tắc này! Trong trang bốn mươi hai, dòng thứ hai, xem từ dòng ấy. “*Thú cử nhất pháp*”, [nghĩa là] tùy tiện chọn lấy một pháp, “*tu khai tứ môn*” (cần phải mở ra bốn môn), [nghĩa là] nhất định phải hiểu Tứ Tất Đàn. Tất Đàn (Siddhanta) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Biến Thí (遍施), [có nghĩa là] phổ biến dùng Phật pháp bố thí hết thảy chúng sanh. Trong đó bốn loại, nên chúng ta gọi là Tứ Tất Đàn. “*Cơ sanh thực cố*” (Do căn cơ có sống và chín), Cơ (機) là đối tượng để thuyết pháp. Quý vị nói với kẻ đó, cơ duyên của kẻ đó đã chín muồi hay chưa? Chín muồi đến mức độ nào? [Mỗi người] có mức độ sống chín khác nhau, quý vị thuyết pháp cho họ sẽ khác nhau, “*Tứ Tất bị chi*” (mà Tứ Tất Đàn sẽ tương ứng). Dưới đây sẽ giảng rõ.

“*Vi vị chủng giả, tác thế giới thuyết*” (Đối với kẻ chưa gieo [thiện căn nơi Phật pháp], bèn nói pháp theo kiểu Thế Giới Tất Đàn): Đây là điều thứ nhất trong Tứ Tất Đàn, tức Thế Giới Tất Đàn, nói với hạng người nào? Nói với người chưa gieo thiện căn, cũng là nói với kẻ bình phàm trong xã hội. Mục tiêu thuyết pháp là đâu? Nhằm vào mục đích khiến cho họ nhận biết Phật giáo. Khi nghe Phật giáo,

tâm người ấy hoan hỷ, nhưng vẫn không nhất định tiếp nhận, vẫn chưa muốn học Phật; chỉ nhằm dạy cho kẻ ấy nhận biết Phật giáo, đừng nầy sanh hiểu lầm đối với Phật giáo, mục đích ở chỗ này. Đó là khiến cho kẻ ấy hoan hỷ. Nói theo thực tế sẽ là “*linh kỳ nhạo dục, tán dụng, thọ hành*” (khiến cho kẻ ấy ưa thích, khen ngợi hữu dụng, chấp nhận), nhằm đến mục đích này, hy vọng người ấy sẽ hoan hỷ, chẳng đến nỗi hiểu lầm Phật pháp, tán thán Phật pháp, biết Phật pháp còn có chỗ hữu dụng đối với xã hội, chẳng có hại; kiến lập một quan niệm chánh xác cho người ấy. Đó là một cách nói. Chúng ta thường gọi chuyện này là “tuyên truyền”. Hiện thời, người tuyên truyền rất nhiều, nhưng nội dung tôi không biết rõ cho lắm. Tôi thường thấy báo chí, thậm chí truyền hình đều có quảng cáo vị pháp sư nào đó giảng kinh, thuyết pháp ở chỗ nào đó, người nghe đều là mấy ngàn người, mấy vạn người. Chuyện này hơi giống Phật giáo biểu diễn, diễn trò. Mục tiêu của họ chỉ có thể đạt được trong giai đoạn này.

Loại thứ hai: “*Vị dĩ chủng giả, dụng trung nhị tất*” (Vì người đã gieo [thiện căn và phước đức], bèn vận dụng hai loại Tất Đàn trong ấy). Đối với người đã có thiện căn, bèn dùng hai loại trong bốn loại Tất Đàn, tức là Vị Nhân và Đối Trị, dùng hai loại ấy. Đã gieo thiện căn, phải xét xem thiện căn của người ấy sâu hay cạn. “*Thiện căn vị phát giả*” (Người thiện căn chưa phát), kẻ ấy có thiện căn, nhưng thiện căn vẫn chưa phát lộ. Đích xác là có thiện căn, nhưng thiện căn vẫn chưa phát lộ. Vậy thì phải thuyết pháp như thế nào? “*Tác vị nhân thuyết*” (Dùng cách nói vì người khác), [cách này] có ý nghĩa sâu hơn cách trước. Mục đích của cách thuyết pháp này là “*linh khởi túc thiện Tín, Giới, Tấn, Niệm*”, [nghĩa là] khiến cho người ấy có thể phát lộ thiện căn, Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ [từ đời trước]. Người ấy nghe Phật pháp, bèn có thể sanh khởi [những thiện căn ấy]. Đó là người đã gieo thiện căn, nhưng thiện căn trọn chẳng rất sâu dày, bèn khích động cho thiện căn của người ấy phát khởi, nay chúng ta nói là “*đạo tâm*”, đạo tâm và thiện căn có ý nghĩa giống nhau. Đây là kích phát đạo tâm, kích phát thiện căn của kẻ đó.

Loại thứ ba là “*ác vị phá giả*” (đối với kẻ chưa phá ác), thiện căn đã có, thiện căn cũng đã phát hiện. Tuy thiện căn đã phát hiện, nhưng tập khí phiền não chưa đoạn. Trong giới Phật giáo chúng ta, hai loại tình hình này, bất luận tại gia hay xuất gia đều có rất nhiều. Chúng ta chẳng thể nói họ không có thiện căn, nhưng chẳng đoạn tập khí phiền não. Tập khí phiền não chẳng đoạn thì nói cách khác là tu hành bị chướng ngại, tu hành quyết định chẳng thể thành tựu, vì quý vị có chướng ngại tồn tại, niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh. Để thuyết pháp cho loại người ấy, chúng ta phải dùng cách Đối Trị. Đối Trị là “*linh kỳ tam độc hốt hoát nhĩ băng tiêu*” (khiến cho tam độc của người ấy bỗng dưng nhanh chóng tiêu tan). Tam Độc là tham, sân, si. Nói tới tham, sân, si, đương nhiên sẽ là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, bao gồm toàn bộ các phiền não. Đối với kẻ chẳng đoạn các phiền não ấy, [bèn vì kẻ ấy] thuyết pháp với mục đích giúp cho kẻ ấy đoạn phiền não. Có thể đoạn phiền não, có thể trừ tập khí, công phu sẽ có thể đắc lực, thật sự có thành tựu trong Phật pháp, pháp hỷ sung mãn.

Xưa kia, chưa đoạn tập khí phiền não, chắc chắn là chẳng thể rời khỏi thiện tri thức. Kể ấy theo học với một vị thiện tri thức nào đó, chẳng thể rời khỏi vì chưa có năng lực lìa khỏi thầy. Giống như đứa trẻ rất bé, chưa thể tự mình độc lập, chẳng thể rời khỏi cha mẹ, phải thường được cha mẹ chăm sóc thì mới được an toàn. Chưa đoạn tập khí phiền não, nếu lìa khỏi thiện hữu, muốn đi ra ngoài, nguy hiểm to lắm! Kể từ xưa kia, chẳng phải là nói trong hiện thời, vào thời cổ đã có [những gương như vậy]. Khi chưa đi ra ngoài, tu hành trong tự viện của chính mình thì tốt đẹp lắm! Thật sự có đạo tâm, đáng cho người khác tôn kính; nhưng vừa ra ngoài giảng kinh, thuyết pháp, lại tìm một tự viện để làm trụ trì lãnh chúng, tín đồ quy y cũng đông, tiền bạc cũng lắm, thì cũng phách lối lắm, trở nên kiêu căng, ngã mạn, phiền não đều dấy lên hiện hành! Vì sao? Rớt trong tiếng tăm, lợi dưỡng, đọa lạc trong ngũ dục, lục trần, quả báo trong tương lai là sanh trong ba ác đạo.

Nếu quý vị đọc bộ Trúc Song Tùy Bút của Liên Trì đại sư, chẳng nhớ trong trang nào, Liên Trì đại sư từng phê bình một vị đại đức. Vị đại đức ấy trước kia ở trong núi, cũng rất có tiếng tăm, mọi người hết sức bội phục đạo đức, học thức, và sự hàm dưỡng của Sư, vô cùng tôn trọng. Sau này, Sư làm Trụ Trì một ngôi chùa tại đô thị, đạo tâm thầy đều mất sạch. Tổ đến bái phỏng, nói: “Trước đây có một người nọ, tu hành trên núi tốt đẹp cỡ nào, tôi bội phục lắm! Về sau, vị ấy đọa lạc”. Vị pháp sư ấy hỏi: “Ai vậy?” Tổ đáp: “Chính là lão huynh chứ ai nữa!” Coi như vẫn còn khá, vì Sư còn có thể gặp Liên Trì đại sư chỉ điểm, cảnh tỉnh thẳng thừng. Con người hiện thời khi bị đọa lạc, đâu có cảnh tỉnh cũng chẳng tỉnh, vẫn ngỡ chính mình là đúng! Người hiện thời tu hành khó khăn hơn thuở xưa! Con người xưa kia tâm địa hòn hậu, tôn sư trọng đạo, có thể nghe lời thầy, chứ người hiện thời chẳng nghe. Thấy người khác nổi tiếng lừng lẫy, cũng nghĩ trọn đủ mọi phương pháp hòng đập đổ tiếng tăm của người khác, chỉ sợ chính mình ở sau kẻ khác. Thấy người ta phước báo to hơn mình, trong tâm kẻ ấy rất khó chịu, cũng nghĩ trọn hết mọi phương pháp sao cho phước báo của chính mình vượt hơn người ta. Tâm đặt nơi đâu? Tâm chuyên môn cầu tiếng tăm lợi dưỡng, cầu ngũ dục, lục trần. Chẳng biết tu hành là tu tâm thanh tịnh, chẳng biết tu hành là phải đoạn sạch tập khí phiền não!

Các vị tổ sư đại đức từ xưa tới nay, ngay cả tại gia cư sĩ, hoàng pháp lợi sanh cũng đều là do kẻ khác thỉnh pháp, há có ai tự tìm chỗ để thuyết pháp? Chẳng có đạo lý ấy. Người ta đến thỉnh, chính mình vẫn rất khiêm hư: “Chỉ sợ tôi không được, tôi nói chẳng khế cơ!” Há có chuyện chính mình tìm đủ mọi phương pháp để kiếm chốn giảng kinh? Chẳng có đạo lý ấy. Trong quá khứ, khi chúng tôi học giáo ở Đài Trung, luyện tập giảng kinh là một môn học vô cùng quan trọng. Đến chỗ nào để giảng? Đến nhà các đồng tu: “Xin quý vị từ bi, tôi giảng cho quý vị nghe. Quý vị hãy sửa sai cho tôi”. Đó là đến thỉnh giáo: “Tôi giảng quý vị nghe có vừa ý hay chẳng? Có nghi vấn hay chẳng? Hãy cho tôi biết để tôi sửa cho tốt đẹp hơn”. Người nghe là dăm ba người, mỗi tuần một ngày đến giảng tại nhà đồng tu. Đó là gì? Cầu được chỉ dạy! Người giảng là tôi chính là học trò, người nghe là thầy, là giám học của tôi. Chúng tôi học như vậy.

Khi chúng tôi học Phật tại Đài Trung, mỗi tối đều có pháp hội giảng kinh, hôm nay ở nhà vị cư sĩ này, ngày mai tại nhà vị cư sĩ nọ, vì đồng học đồng đạo. Hôm nay vị đồng học này giảng, chúng tôi đều là bạn học cùng học giảng kinh, nhất định phải đến tham gia, vì sửa sai cho người ấy cũng là sửa sai cho chính mình. Cho đến khi thầy nghe xong, gật đầu đồng ý, chẳng có sai lầm gì thì mới có thể lên tòa giảng [cho công chúng]. Lên bục giảng vẫn là luyện tập. Điều khó có của Đài Trung là có hai giảng đài để luyện tập giảng kinh, một ở tại Liên Xã, hai là ở chùa Linh Sơn. Liên Xã, tức Đài Trung Liên Xã, là chỗ để nữ chúng luyện tập giảng kinh, chùa Linh Sơn dành cho nam chúng. Đến nghe kinh ủng hộ có bảy, tám mươi người, đương nhiên các vị thính giả ấy đều rất khách sáo. Quý vị hướng về họ thỉnh giáo, họ sẽ chẳng phê bình; nhưng chúng tôi luyện tập giảng kinh, thầy Lý nhất định phải đến. Thầy Lý ngồi ở hàng cuối cùng, ngồi trong góc. Vì sao? Chúng tôi giảng kinh chẳng có máy phóng thanh, ắt phải giảng sao cho thầy nghe rõ ràng. Nếu thầy nghe không rõ ràng thì không được, âm lượng của quý vị chẳng đủ! Sau khi giảng xong, thầy tập hợp các bạn học lại, tiến hành phê bình nghiêm ngặt, chỗ nào phải sửa lại. Lần giảng kế tiếp phải sửa đổi. Trải qua huấn luyện nghiêm ngặt như vậy chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Hiện thời, ở Mỹ, đạo tràng của chúng tôi là một đạo tràng nhỏ, có mấy vị đồng tu. Tuy số người ít ỏi, năm sáu người, cũng là một lớp học nhỏ. Đối với phương pháp học tập, tôi kể cho họ biết cách tôi học ở Đài Trung trước kia, nương theo phương pháp của thầy để học, học ba năm. Vì họ có trình độ cao, hoàn cảnh thù thắng, chẳng bị quấy nhiễu, nên ba năm nhất định sẽ có thành tựu.

Đó là đối với người đã sanh khởi thiện căn, phải giúp họ thật sự tu tập, thật sự đoạn phiền não. Trong các đồng tu chúng ta, có người thuộc về giai đoạn trước, tức là thiện căn đã phát hiện, nhưng tập khí phiền não chưa đoạn. Hiện thời, phải bắt đầu nghiêm túc đoạn, chẳng đoạn sẽ không được, vấn đề sẽ to lớn, nhất định phải đoạn phiền não.

Loại cuối cùng “*vị dĩ thực giả*” (vì người đã thuần thực), “*dĩ thực*” là gì? “*Dĩ thực*” (已熟) là nói cơ duyên thành Phật đã đến, đó mới gọi là Thực. Trong một đời này, người ấy vẫn chưa thể thành Phật, tức là cơ duyên của kẻ ấy vẫn chưa chín muồi. Cơ duyên thành Phật đã đến, vô cùng hiếm có, đức Phật phải dạy họ phương pháp thành Phật, cũng có nghĩa là dạy họ phương pháp niệm Phật. Nay chúng ta có được pháp môn này, chúng tôi cũng hoằng dương pháp môn này ở nhiều nơi. Tuy vậy, [bất luận] giảng kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà hay Quán Kinh, cho đến Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, chúng tôi giảng theo cách nào? Thừa cùng quý vị, làm theo cách giảng thứ nhất và thứ hai. Vì sao không thực hiện cách giảng thứ ba và thứ tư? Đối với cách thứ ba và thứ tư, tôi thấy cơ duyên vẫn chưa chín muồi. Nếu nay tôi đặc biệt nhấn mạnh mọi người phải đoạn phiền não, hôm sau họ sẽ không đến nghe nữa. Vì lẽ đó, trong hiện tại phải nói lời ngọt ngào với mọi người, [khiến cho họ] nghe rất hoan hỷ, ngày mai họ còn tới. Nếu tôi nói phải đoạn phiền não, mà cũng chẳng dùng lời lẽ ngọt ngào, họ nghe sẽ cảm thấy rất khó chịu: “Vị pháp sư này chửi tôi, ngày mai tôi không tới cho ông ta chửi bới nữa”, chẳng đến nữa! Khi nói, tuy là cùng một bộ kinh,

nhưng phương pháp giảng khác nhau, mục tiêu mà chúng tôi hy vọng đạt tới cũng khác nhau.

Đó là nói tới bốn loại lớn, tức bốn loại phương pháp lớn, trong mỗi loại còn có nhiều phương tiện thiện xảo. Cùng một bộ kinh, có thể giảng sâu hay cạn, có thể giảng dài hay ngắn. Hôm qua, bên Tân Gia Ba có gởi cho chúng tôi một bản fax, mời tôi năm tới sang đó giảng Di Đà Kinh Sớ Sao. Di Đà Kinh Sớ Sao to ngàn ấy, họ thỉnh tôi sang đó ở một tháng để giảng xong bộ Di Đà Kinh Sớ Sao. Thật ra thì có thể giảng, giảng nông cạn, giảng ngắn gọn, bất quá kinh văn Sớ Sao vẫn quá dài, đọc một biến còn phải tốn một khoảng thời gian khá dài. Chuyện đó để sang năm rồi mới nói, tôi vẫn chưa trả lời thư của họ.

Tiếp đó nói “*vị dĩ thực giả*” là nói tới người thiện căn đã chín muồi. Người ấy phước báo rất lớn, sắp thành Phật. Đức Phật có thần thông có thể quan sát căn cơ, người này thiện căn đã chín muồi! “*Thiện căn*” chính là thiện căn do vô lượng kiếp tu thành, thiện căn ấy đã chín muồi. Sau khi đã chín muồi, nhất định phải dạy cho người ấy phương pháp thành Phật. “*Tác Đệ Nhất Nghĩa Thuyết, linh đặc khế chân, cách phàm thành thánh*” (Vì người ấy nói Đệ Nhất Nghĩa, khiến cho người ấy khế nhập lẽ chân, vượt phàm, thành thánh). “*Cách phàm thành thánh*” (華凡成聖) là siêu phàm nhập thánh. Siêu phàm nhập thánh, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển thì chỉ có một con đường là niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Pháp môn này thật sự là siêu phàm nhập thánh, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, thành Phật trong một đời. Gặp được người ấy, nếu đức Phật chẳng nói, sẽ có lỗi với người ấy. Nói thật ra, tại Đài Loan trong giai đoạn này, chúng sanh căn cơ chín muồi rất nhiều. Chúng ta biết trong bốn mươi năm qua, cho đến hiện thời, dân số Đài Loan mới là hai ngàn vạn, trước kia chẳng nhiều như vậy. Bốn mươi năm trước chỉ có sáu trăm vạn người. Đối với người niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta chẳng thống kê tỉ mỉ, nhưng ước đoán dè dặt nhất phải là từ bốn trăm đến năm trăm người, tuyệt diệu thay! Nhiều người ngàn ấy thành Phật, lỗi lạc thay! Nơi này được gọi là “*đảo báu*”, danh phù hợp thật, có nơi nào trên thế giới này trong vòng bốn mươi năm có nhiều người ngàn ấy thành Phật? Chẳng dễ dàng! Người niệm Phật rất đông, có tới mấy chục vạn, mấy trăm vạn, nhưng thật sự vãng sanh, trong bốn mươi năm có bốn, năm trăm người, khá quá! Chúng ta hãy nghĩ lại, chúng ta có thuộc trong số đó hay không? Nếu thật sự mong mỗi chính mình thuộc trong danh sách ấy thì phải thật tu! Có thể nói là nhân duyên không thiếu, tại Đài Loan chẳng thiếu duyên. Nếu thiếu là do thiện căn và phước đức của chính mình vẫn chưa đủ, pháp môn này cần nhiều thiện căn, nhiều phước đức. Thiện căn nhiều và ít là sao? Trong vài lần trước, khi giảng Di Đà Sớ Sao, chúng tôi đã thưa trình tỉ mỉ cùng quý vị.

“*Phật trí giám cơ, thuyết chỉ tất trúng, tri bất nhập lý, linh đặc tam ích*” (Phật trí soi xét căn cơ, hề nói ắt trúng, biết [người nghe] chưa thể nhập lý, bèn khiến cho họ đạt được ba món lợi ích). “*Tam ích*” là ba thứ lợi ích đầu tiên, vì sao? Trong một đời này, người ấy vẫn chưa thể thành Phật, vẫn chưa thể vãng sanh, nên đạt được ba lợi ích trước đó (thế giới, vị nhân và đối trị). “*Tri bất phá ác, linh đặc nhị ích*” (Biết kẻ ấy chưa thể phá ác, nên khiến cho kẻ ấy đạt được

hai món lợi ích): Biết người ấy chẳng thể sửa đổi tập khí phiền não, nên giảng kinh, thuyết pháp khiến cho người ấy đạt được hai món lợi ích đầu (thế giới và vị nhân). Đoạn phiền não, sửa đổi tập khí thì chính mình phải phát tâm nghiêm túc thực hiện, người khác chẳng thể ép uống được! “*Vô thiện khả phát, tác thế giới thuyết dẫn sanh hoan hỷ. Nhược toàn vô ích, Phật tắc bất thuyết*” (Chẳng thể phát khởi điều thiện, bèn thuyết pháp theo kiểu Thế Giới Tất Đàn khiến cho kẻ ấy sanh tâm hoan hỷ. Nếu hoàn toàn vô ích, Phật sẽ chẳng nói). Quý vị giảng cho kẻ ấy, kẻ ấy có nghe cũng như chẳng nghe, cũng chẳng tin tưởng, thậm chí phản đối, bài bác, nên chẳng nói! “*Cố vân mặc nhiên*” (Nên nói là “lặng thinh”), đức Phật sẽ không nói. Chúng ta phải ghi nhớ những nguyên tắc và khuôn phép này. Thuyết pháp xác thực là như thế. Cùng một bộ kinh, người biết thuyết phải hiểu nguyên tắc này, thấy người như thế nào bèn thuyết pháp như thế ấy, thiên biến vạn hóa, chẳng có gì nói nhất định.

Bởi lẽ đó, chẳng có pháp nhất định để có thể nói, pháp là sống động, hoạt bát. Trên giảng đài, phải có năng lực quán cơ, [tức là] nhìn thính chúng dưới đài, nhìn gương mặt và vẻ biểu lộ của họ, liền biết họ thuộc trình độ nào, ta phải biết nên thuyết pháp như thế nào? Chẳng phải là lên giảng đài, đem những thứ bài giảng ta đã soạn sẵn đọc cho mọi người nghe. Đó chẳng phải là thuyết pháp, mà là giống như thầy thuốc chữa bệnh: Trước hết, kê toa xong xuôi rồi mới chữa bệnh cho quý vị. Khám bệnh xong, đem toa thuốc ấy cho quý vị uống. Uống xong chết ngắc, [bèn bào chữa]: “Chẳng phải là toa thuốc của tôi không đúng, mà là quý vị chẳng mắc đúng bệnh, chẳng bị bệnh đúng với toa thuốc của tôi”. Đó là sai lầm. Do vậy có thể biết: Giảng kinh khó hơn giảng bất cứ điều gì khác, đây là chuyện rất khó khăn. Vì thế, đồng tu học giảng kinh phải trống lòng, phải thời thời khắc khắc hướng về thính chúng thỉnh giáo thì mới có thể đạt được lợi ích.

Tập 8

Xin xem trang bốn mươi ba, dòng thứ năm:

“*Quán giả quán dã, hữu Thứ Đệ Tam Quán, Nhất Tâm Tam Quán*” (Quán là quan sát, có Thứ Đệ Tam Quán và Nhất Tâm Tam Quán). Đây là giải thích chữ thứ ba trong tựa đề kinh, chữ này là cương lĩnh tu hành. Đại Thừa Phật pháp chẳng rời khỏi nguyên tắc này, trong nhà Thiền nói là Quán Chiếu, Chiếu Trụ, và Chiếu Kiến, công phu cũng là ba tầng cấp. Chúng ta đọc Tâm Kinh, “*Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”, đó là tầng cấp tu hành cao nhất. Tầng cấp thấp nhất là Quán Chiếu, chúng tôi bàn từ chỗ này. Ba tầng cấp này trong các tông có danh xưng khác nhau, nhưng cảnh giới như nhau. Chiếu Kiến trong Thiền Tông tương đương với Lý nhất tâm bất loạn trong Tịnh Độ Tông. Họ nói Chiếu Trụ thì tương đương với Sự nhất tâm bất loạn của chúng ta. Họ nói Quán Chiếu thì tương đương với công phu thành phiền của chúng ta. Do vậy có thể biết, trong Tịnh Tông nói danh từ khác biệt, nhưng cảnh giới như nhau, phải nên hiểu điều này. Trong Phật môn thường nói “*pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, cảnh giới công phu đều giống nhau, chỉ là sử dụng phương pháp và phương thức khác nhau. So với các tông khác, phương pháp và phương thức trong Tịnh Tông thật sự dễ dàng hơn, ổn thỏa, thích đáng hơn. Đó là cái hay của Tịnh Tông.

Chúng ta thấy trong lời Sớ, [Trí Giả] đại sư đã giảng rõ hai thứ Tam Quán ấy. Xin hãy xem dòng đầu trong trang bốn mươi bốn: “*Tùng Giả nhập Không Quán, diệt danh Nhị Đế Quán. Tùng Không nhập Giả Quán, diệt danh Bình Đẳng Quán. Nhị Không Quán vi phương tiện, đắc nhập Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế Quán, tâm tâm tịch diệt, tự nhiên lưu nhập Tát Bà Nhã hải, thử danh xuất Anh Lạc Kinh*” (Tùng Giả nhập Không Quán, còn gọi là Nhị Đế Quán. Tùng Không nhập Giả Quán, còn gọi là Bình Đẳng Quán. Nhị Không Quán làm phương tiện để nhập Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế Quán. Tâm tâm tịch diệt, tự nhiên lưu nhập biển Nhất Thiết Chứng Trí. Danh xưng này xuất phát từ kinh Anh Lạc¹⁴). Những gì đại sư nói đều có kinh điển làm căn cứ, chẳng phải là nói tùy tiện. Nhị Đế là Chân Đế và Tục Đế; Tam Quán là Không Quán, Giả Quán, và Trung Quán, những phép Quán này do Thiên Thai đại sư thành lập. [Những điều này] sẽ nói cặn kẽ [trong phần sau], chúng ta đọc lời giải thích của Ngài nơi dòng hai từ dưới đếm lên trong trang bốn mươi bốn: “*Kim thích kỳ ý*” (Nay giải thích ý ấy), giải thích những ý nghĩa được bao hàm trong các danh từ ấy. “*Giả thị hư vọng, Tục Đế dã. Không thị thâm thật, Chân Đế dã*” (Giả là hư vọng, là Tục Đế. Không là suy xét lẽ chân thật, là Chân Đế). “*Thẩm*” (審) là thẩm tra, xem xét nó là thật, là thực tại. Không là thực tại, Giả là hư vọng. Không là gì? Giả là gì? Ở chỗ này,

¹⁴ Kinh này có tên gọi đầy đủ là Bồ Tát Anh Lạc Kinh, còn gọi là Bồ Tát Anh Lạc Bồ Nhị Nghiệp Kinh, có mười bốn quyển, do ngài Trúc Phật Niệm dịch dưới đời Hậu Tần (Diêu Tần). Kinh giảng về các địa vị Bồ Tát và nhân hạnh như Tam Tự Tịnh Nghiệp v.v... Kinh được chia thành tám phẩm như Tập Tự, Hiền Thánh Danh Tự, Hiền Thánh Học Quán... sử dụng rất nhiều danh nghĩa giống như kinh Hoa Nghiêm, nên cũng được tông Hoa Nghiêm rất coi trọng.

phải nói đơn giản cùng quý vị. Giả là nói theo Tướng, Không là nói theo Tánh. Vì sao Tướng là giả? Tướng là pháp sanh bởi nhân duyên; nói cách khác, nó có sanh và diệt. Phàm những gì có sanh diệt thảy đều là giả, chẳng thật. Thân thể này của chúng ta, kể cả tất cả động vật, những tế bào trong thân thể đổi mới, thay cũ, sanh diệt trong từng sát-na, không chỉ là sanh, lão, bệnh, tử. Vì thế, theo cách quan sát trong Phật pháp, chúng đều là giả, chẳng thật. Thứ thật sự, thật sự bất sanh bất diệt, đó là thật. Vì thế, thân là giả, tâm cũng là giả, niệm này khởi lên, niệm kia diệt, tâm ấy là tâm gì? Tâm sanh diệt. Tâm sanh diệt là tám thức, năm mươi một Tâm Sở, chúng ta gọi nó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm, mà là vọng tâm. Chân tâm bất sanh bất diệt. Chân tâm là Pháp Thân, cũng là bất sanh bất diệt.

Chúng ta hãy suy nghĩ và quan sát kỹ càng, tất cả hết thảy các pháp trong thế gian này, thứ nào là bất sanh bất diệt? Chẳng tìm được thứ nào! Địa cầu có thành, trụ, hoại, không, vẫn là một pháp sanh diệt. Mặt trời sẽ có ngày tiêu mất độ sáng. Toàn thể đại vũ trụ là pháp sanh diệt, chẳng có gì là bất sanh bất diệt. Do đó, Phật pháp quy nạp hết thảy các pháp, quy nạp đến mức đơn giản nhất, dễ dàng nhất để dạy kẻ sơ học, tức là quy nạp thành một trăm pháp. Một trăm pháp là hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Quy nạp thành một trăm pháp sẽ giảng giải khá dễ dàng. Trong một trăm pháp ấy, chín mươi bốn pháp trước đều là pháp sanh diệt, đều là giả, đều chẳng thật. Chín mươi bốn pháp bao gồm tám thức, tám thức là tâm, [nên tám thức] là tâm pháp, năm mươi một pháp là Tâm Sở pháp, tức là tác dụng tâm lý, Sắc pháp là nói đến vật chất, lục căn, lục trần. Trong lục căn, Ý Căn là tâm pháp, nó chính là Mạt Na Thức. Do đó, trong lục căn có năm căn thuộc Sắc pháp, lục trần là Sắc pháp, sáu [trần] cộng với năm sắc pháp [của Ngũ Căn] thành mười một loại. Nay chúng ta gọi mười một loại ấy là vật chất.

Còn có một loại gọi là Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp (Citta-viprayukta-samskāra)¹⁵, chúng chẳng phải là Tâm pháp, cũng chẳng phải là Tâm Sở pháp, mà cũng chẳng phải là Sắc pháp, nhưng hư vọng sanh từ ba thứ pháp ấy (tức là sanh từ Tâm pháp, Tâm Sở pháp và Sắc pháp). Người hiện thời gọi chúng là gì? Nói thật ra, chúng là vọng tưởng, thuật ngữ hiện thời gọi chúng là một thứ khái niệm. Chúng có thật hay không? Chẳng có thật, nhưng có chuyện như thế, trọn chẳng có thật; đó là Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp. Các pháp ấy toàn là giả, toàn bộ chẳng phải là thật. Nói thật ra, Bất Tương Ứng Hành Pháp là quan niệm sai lầm, là cảm nhận sai lầm! Pháp chân thật có sáu thứ, gọi là Lục Vô Vi Pháp.

¹⁵ Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp gồm có hai mươi bốn pháp. Các kinh luận giải thích danh tướng của Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp khác nhau đôi chút, nếu xét theo Bách Pháp Minh Môn Luận thì Bất Tương Ứng Hành Pháp là Đắc, Mạng Căn, Chúng Đồng Phận, Di Sanh Tánh, Vô Tướng Định, Diệt Tận Định, Vô Tướng Báo, Danh Thân, Cú Thân, Văn Thân, Sanh, Trụ, Lão, Vô Thường, Lưu Chuyển, Định Di, Tương Ứng, Thế Túc, Thứ Đệ, Thời, Phương, Số, Hòa Hợp Tánh, Bất Hòa Hợp Tánh.

Trong sáu pháp vô vi¹⁶, năm món đầu gọi là Tương Tự Vô Vi, chẳng phải là Chân Vô Vi. Vì sao gọi chúng là Vô Vi? Vì chúng chẳng có sanh diệt. Chẳng hạn như hư không; do chẳng thấy hư không sanh diệt, nên hư không là pháp vô vi. Nó chẳng phải là pháp vô vi thật sự; vì sao chẳng phải là pháp vô vi thật sự? Nếu quý vị thật sự chứng quả, hư không cũng là bất khả đắc. Có thể thấy là trước khi quý vị thật sự khai ngộ chứng quả, nó vĩnh viễn có hình trạng như vậy. Sau khi đã thật sự chứng quả, sẽ khác hẳn. Quý vị thấy trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói: “*Giác hậu không không vô đại thiên*” (Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). “*Giác*” là đại triệt đại ngộ, đại thiên thế giới cũng chẳng có. Vì vậy, giống như thời gian và không gian là những khái niệm sanh từ sự nhận biết sai lầm của chúng ta, chúng cũng chẳng phải là chân thật.

Hết thấy các pháp hữu vi là giả, phải nhận thức điều này. Sau khi đã thật sự nhận thức, sẽ có lợi ích rất to. Vì sao? Quý vị sẽ chẳng sanh phiền não, giả mà! Quý vị sẽ chẳng coi chúng là thật. Phàm phu ngỡ giả là thật, rồi khởi phân biệt, chấp trước trong ấy. Hết thấy đấu tranh, phiền não đều khởi từ đây, tạo nghiệp, chịu báo. Nếu quý vị hiểu chúng là giả, sẽ chẳng chấp trước, cũng chẳng tranh giành, quý vị mới có thể buông xuống vạn duyên. Những gì là thật? Tánh là thật. “*Không*” là nói đến Tánh. Đừng hiểu Không là chẳng có gì hết, nó có. Đã có, vì sao nói là Không? Mắt chẳng thấy, tai cũng chẳng nghe, tay cũng chẳng sờ được, nhưng nó thật sự có, chỉ đành phải dùng Không để đại diện cho nó. Chẳng hạn như trong kiến thức thông thường hiện thời, chúng ta biết có điện, điện có tồn tại hay không? Tồn tại! Ở chỗ nào? Căn phòng này chỗ nào cũng đều có điện. Nếu quý vị không tin, quý vị lấy radio loại sử dụng transistor đặt trong đó, vừa mở máy liền có tiếng vang ra, cho thấy điện tồn tại. Mắt chúng ta chẳng thấy, tai cũng chẳng nghe thấy, tay cũng chẳng sờ trúng, nhưng nó tồn tại, đành phải gọi nó là Không. Vì thế, đừng nên nói Không có nghĩa là Vô!

Tâm Kinh dạy chúng ta: “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”. Sắc là giả sắc. Sắc ở đây là nói tới Giả, Không ở đây là nói tới Chân. Không là tánh Không, Giả do đâu mà có? Từ trong Không biến hiện, từ tánh Không biến hiện giả tướng. Vì bản tánh của nó là Không, nên tuy biến hiện giả tướng, mà giả tướng ấy “*đương thể tức Không, liễu bất khả đắc*” (Ngay nơi bản thể chính là Không, trọn chẳng thể đạt được); đó là chân tướng, là thật. Ở đây, Trí Giả đại sư bảo: “*Kim dục khứ Tục quy Chân*” (Nay muốn bỏ Tục trở về với Chân). Mục tiêu của người học Phật là phải bỏ Tục Đê, cũng tức là phải bỏ giả tướng để chứng đắc chân tánh. Không chỉ là Thiền Tông phải minh tâm kiến tánh, mà bất cứ tông nào hay pháp môn nào, mục tiêu cuối cùng đều là minh tâm kiến tánh. Người niệm Phật chúng ta niệm Phật chưa kiến tánh, được gọi là “*đói nghiệp vãng sanh*”, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn là minh tâm kiến tánh, chẳng có ngoại lệ. “*Cố ngôn tòng Giả nhập Không Quán, Giả thị nhập Không chi thuyên, tiên tu quán Giả*” (Vì thế nói từ Giả nhập

¹⁶ Sáu pháp Vô Vi là Hư Không Vô Vi, Trạch Diệt Vô Vi, Phi Trạch Diệt Vô Vi, Bất Động Vô Vi, Tướng Thọ Diệt Vô Vi và Chân Như Vô Vi.

Không Quán, Giả là phương tiện để nhập Không, nên trước hết cần phải quán Giả). Trong Phật môn, Giả được gọi là “Phật sự”. Phật sự nương vào Giả để kiến lập, vì Chân chẳng có hình tượng, chẳng có dấu tích, nên chẳng thể kiến lập. Phật thị hiện thân tướng, thị hiện đạo tràng, thị hiện giảng kinh, thuyết pháp, đều là sự tướng, điều đó được gọi là “*tạ giả tu chân*” (nhờ vào giả để tu chân), quý vị ắt phải ngộ chân tánh từ giả tướng, đó là đúng. Nếu quý vị chấp trước giả tướng ấy thì sai mất rồi! Chớ nên chấp trước giả tướng, phải ngộ chân tánh từ giả tướng. Nói cách khác, ngộ Phật Tánh bất sanh bất diệt từ trong pháp sanh diệt, nó cũng là tự tánh. Ngộ tự tánh bất sanh bất diệt, đó là chánh xác. Do đó, phương pháp tu hành trong tông Thiên Thai là thực hiện từ chỗ này, trước hết cần phải quán Giả.

“*Tri Giả hư vọng, nhi đắc hội Chân*” (Biết Giả là hư vọng bèn thấu hiểu Chân). “*Biết*” là trí huệ, là Quán. Quán là Huệ, chẳng phải là cảm tình, chẳng phải là phân biệt, chấp trước. Nếu dùng phân biệt, chấp trước, dùng thức thứ sáu tức ý thức để nghiên cứu, sẽ chẳng gọi là Quán. Người ấy dùng Quán, chẳng dùng nghiên cứu, tức là dạy quý vị quyết định chẳng rơi vào phạm vi ý thức. Phải dùng trí huệ để quan sát, dùng tâm thanh tịnh để chiếu kiến, như vậy thì mới có thể hiểu chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Chân tướng là gì? “*Tướng giả, Tánh chân*” (Tướng là giả, Tánh là thật). Đó là chân tướng. Tướng thiên sai vạn biệt, nhưng Tánh là một. Có thể khế hội chân tướng sự thật này, cách nghĩ, cách nhìn (cách nhìn là kiến giải), và cách làm của người ấy sẽ tự nhiên giống như Phật, tự nhiên làm được cái gọi là “*đại từ đại bi phổ độ chúng sanh*”. Vì sao? Tình và vô tình vốn có cùng một Thể với chính mình. Tâm từ bi lưu lộ gọi là “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*”. “*Vô duyên*” là chẳng có điều kiện, công đức trong bản tánh mới có thể hiển lộ. “*Cố ngôn Nhị Đế Quán, thử Quán nhược thành, tức chứng Nhất Thiết Trí dã*” (Nên nói là Nhị Đế Quán. Nếu phép Quán ấy thành, liền chứng Nhất Thiết Trí). Nếu tu thành phép Quán ấy, sẽ hiểu rõ ràng, rành rẽ bản thể của vạn hữu trong vũ trụ, thật sự tìm được bản thể luận như các triết gia đã nói. A La Hán và Bích Chi Phật của Tiểu Thừa đều nhập cảnh giới này!

Lại xem đoạn thứ hai, “*Thích Giả Quán*” (Giải thích về Giả Quán). “*Tùng Không nhập Giả Quán giả, nhược trụ ư Không, dữ Nhị Thừa hà dị, bất thành Phật pháp, bất ích chúng sanh. Thị cố quán Không, bất trụ ư Không, nhi nhập ư Giả*” (Từ Không nhập Giả Quán là nếu trụ nơi Không thì có khác gì Tiểu Thừa, chẳng thành Phật pháp, chẳng lợi ích chúng sanh. Vì thế, quán Không, nhưng chẳng trụ nơi Không, bèn nhập Giả). Trong phần trước là Không Quán. Không Quán đã thành tựu, biết vạn pháp như một, vạn pháp là một Thể, chẳng sanh chấp trước đối với hết thảy các pháp, chỉ nhập cảnh giới ấy. Nếu trụ trong cảnh giới ấy, sẽ là Tiểu Thừa. Nếu Bồ Tát tu Quán mà trụ trong cảnh giới ấy, chẳng khác gì Tiểu Thừa, chúng ta thường nói là “*nhập Thiên Chân Niết Bàn*”. Thiên (偏) là lệch vào một bên, bên nào? Bên Không, lệch sang bên Không, trụ trong Không. Trụ trong Không, sẽ chẳng có lợi ích gì cho chúng sanh. Vị ấy chẳng độ chúng sanh, nên cũng chẳng thành Phật pháp. Phật pháp là pháp giác ngộ, lệch vào một bên thì giác ở chỗ nào? Đối với hàng Tiểu Thừa, Phật pháp miễn cưỡng nói ra một thứ Chánh Giác. So với kẻ bình phàm như chúng ta, các vị ấy đã thấy một ít

chân lý, nhưng chỉ gọi là Chánh Giác, chẳng thể gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác. Đẳng (等) là bằng với Phật, họ (người Tiểu Thừa) chẳng bằng Phật. Phật thì như thế nào? Phật biết Không, nhưng chẳng trụ Không, còn Tiểu Thừa trụ Không. Phật đại từ đại bi, lợi ích hết thảy chúng sanh; họ chẳng lợi ích chúng sanh. Do họ chẳng lợi ích chúng sanh, nên chẳng thành Phật pháp. Chư Phật Như Lai chẳng khen ngợi, chẳng cổ vũ, khích lệ người Tiểu Thừa, mà cổ vũ khích lệ họ hồi Tiểu hướng Đại, từ Không nhập Giả. Đã chứng đắc Không, từ trong Không bèn quay lại, lại quay trở vào thế gian. Chẳng vứt bỏ những giả tướng, mà lợi dụng các giả tướng ấy để giúp đỡ vô lượng vô biên chúng sanh còn đang chấp trước, giúp họ giác ngộ, đó gọi là “*phổ độ chúng sanh*”. Nói theo sự thật, một đấng là bản thể, tánh thể, một đấng là hiện tượng. Hiện tượng là Giả Hữu, Tánh Thể là Chân Không.

Hết thảy chúng sanh, nếu chẳng phải là mê bên này, bèn mê bên kia. Lục đạo phàm phu mê nơi giả tướng, ngộ giả tướng là thật sự có, tâm luôn trụ nơi giả tướng. Do trụ nơi giả tướng, nên phải luân hồi trong lục đạo. Lục đạo luân hồi là giả tướng. Những vị A La Hán và Bích Chi Phật của Tiểu Thừa biết những tướng ấy là giả, nên chẳng cần đến chúng. Chẳng cần đến chúng thì sao? Trụ bên Không, trụ bên tánh Không. Trong tánh Không, thứ gì cũng chẳng có, tác dụng gì cũng chẳng có, nên [Tiểu Thừa chỉ trụ trong tánh Không] được gọi là “*tự liễu hán*” (自了漢: Kẻ chỉ lo giải thoát cho riêng mình). Tuy trụ bên tánh Không, nhưng họ có thấu hiểu tánh Không rốt ráo hay chẳng? Vẫn chưa thể hiểu, nên gọi là Thiên Chân Niết Bàn (Niết Bàn lệch về phía Chân Đế). Phật và các vị đại Bồ Tát rất cao minh, các Ngài chẳng trụ vào hai bên, mà cũng chẳng chấp trước Không, cũng chẳng chấp trước Có, hai bên Không và Có đều chẳng trụ. Vì vậy, bất đắc dĩ đặt cho điều đó một danh từ là Trung Đạo. Chẳng lệch về bên nào, đây mới là thật sự đạt được tác dụng to lớn của Không và Giả. Không có tác dụng của Không, Giả có tác dụng của Giả, nên mới có thể phát huy Không và Giả là đức dụng của Thể và Tướng đến mức độ cao nhất. Chúng ta nói là đối với sự hưởng thụ, hạnh phúc, tự tại, người ấy đều đạt được viên mãn, chứ thiên lệch thì sẽ chẳng đạt được.

Chúng ta đọc đoạn văn kế tiếp: “*Thị cố quán Không, bất trụ ư Không, nhi nhập ư Giả, tri bệnh thức dược, ứng bệnh thọ dược, linh đắc phục hành*” (Do vậy, quán Không mà chẳng trụ vào Không, mà nhập Giả. Biết bệnh, biết thuốc. Ứng theo căn bệnh để cho thuốc, khiến cho [người bị bệnh] uống theo, hành theo). Ba câu này vô cùng khó khăn! Biết bệnh, biết thuốc là Huệ, [tức là] biết căn bệnh của chính mình, biết căn bệnh của chúng sanh, biết dùng phương pháp gì để đối trị, đó là trí huệ. Phương pháp gì có thể trị bệnh của chính mình, phương pháp gì có thể trị bệnh của chúng sanh, đó gọi là “*biết bệnh, biết thuốc*”. Căn bệnh của chúng ta đã được hiển lộ chẳng sót qua đức hiệu của Thích Ca Mâu Ni Phật. Căn bệnh thứ nhất là chẳng có chút xíu tâm từ bi nào, tự tư tự lợi, đó là cái gốc bệnh của chúng ta. Thứ hai là suy nghĩ loạn xạ. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật dùng danh hiệu [để đối trị], Thích Ca dịch sang nghĩa tiếng Hán là Nhân Từ. Đó là loại thuốc một vị, nhằm đối ứng điều gì? Đối trị căn bệnh thiếu tâm từ bi của chúng ta, trị căn bệnh ấy. Mâu Ni dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịch Diệt, có nghĩa là

thanh tịnh, nhằm đối trị căn bệnh suy nghĩ loạn xạ của chúng ta. Phật, Bồ Tát chẳng có danh hiệu, vì chúng sanh bị bệnh mà [chư Phật, Bồ Tát] kiến lập danh hiệu. Danh hiệu của các Ngài là thuốc. Quý vị niệm danh hiệu ấy sẽ giống như uống thuốc, sẽ có thể trị lành bệnh. Nhưng quý vị phải biết đức dụng của danh hiệu ấy! Niệm Thích Ca Mâu Ni Phật nhằm niệm cho ra tâm từ bi và tâm thanh tịnh của chính mình, bệnh của chúng ta liền được chữa khỏi. Nếu chẳng hiểu tác dụng của danh hiệu, hằng ngày niệm Nam-mô Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn vô dụng, vẫn là suy nghĩ loạn xạ, vẫn là tự tư tự lợi y hệt, như vậy là vô dụng! Vì thế, danh hiệu của hết thầy chư Phật, Bồ Tát đều là những phương thuốc nhằm đối trị căn bệnh của chúng sanh.

“*Ứng bệnh thọ dược*” (Ứng theo căn bệnh mà cho thuốc) là quán cơ, [tức là] quan sát thấy căn cơ mỗi cá nhân khác nhau, chúng ta phải dùng phương pháp gì để đối trị. Đây chính là Đối Trị Tất Đàn trong Tứ Tất Đàn. Chúng ta biết căn bệnh của chính mình, cũng biết rất nhiều Phật pháp, nhưng học Phật pháp nhiều năm ngàn ấy mà vẫn chẳng dùng được. Căn bệnh của chúng ta chẳng nhẹ đi, phiền não chẳng giảm thiểu, trí huệ chẳng tăng trưởng, vẫn u mê, hồ đồ, đúng, sai, thiện, ác, tà, chánh đều chẳng hiểu rõ ràng. Phương pháp nhiều ngàn ấy, uống theo đúng toa thuốc mà chẳng thấy công hiệu, vấn đề này hết sức nghiêm trọng. Xét kỹ những lời dạy răn của cổ đức, suy nghĩ vẫn thấy các Ngài nói rất có lý: Bản thân chúng ta đã suy tưởng sai lầm! Cổ nhân dạy chúng ta tu hành, phải thực hiện từ phước huệ. Tu phước là tu như thế nào? Vì đại chúng mà làm việc. “*Làm việc*” trong Phật pháp chính là làm những việc nặng nhọc nhằm phục vụ đại chúng, làm việc cho mọi người. Quý vị nghĩ xem: Lục Tổ ở núi Hoàng Mai tám tháng, giã gạo, bửa củi trong xưởng xay xát, đó là tu phước. Làm việc thay cho thường trụ, thay cho mọi người, chẳng ngại cực khổ, tu phước đấy nhé! Đồng thời, Ngài tu Huệ, Huệ là huệ gì vậy? Huệ là Căn Bản Trí, Căn Bản Trí là vô tri, Bát Nhã vô tri. Vô tri là Căn Bản Trí, tức là tất cả hết thầy cách nghĩ, cách nhìn thấy đều buông xuống, khôi phục sự thanh tịnh trong tâm địa. Lục Tổ nói: “*Vốn chẳng có một vật, nào sợ nhuộm bụi trần*”, đó là Căn Bản Trí, khôi phục cái tâm thanh tịnh. Bất luận tại gia hay xuất gia, bất luận tu học tông phái hay pháp môn nào đều nên thực hiện từ chỗ này.

Đối với Tịnh Tông, đức Phật rất từ bi, đặc biệt dạy rõ cho chúng ta biết, Ngài nói Tam Phước. Tam Phước là cơ sở tu hành. Tam Phước là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp*”, tổng cộng gồm mười một câu được kiến lập trên cơ sở “*hiếu thân, tôn sư*” (hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy). Nói cách khác, học bắt đầu từ đâu? Học từ hiếu thân tôn sư. Hiếu thân tôn sư chẳng làm được thì từ tâm và mười thiện nghiệp cũng chẳng có, chẳng thể nào có được. Vì từ tâm, tu mười thiện nghiệp được kiến lập trên cơ sở hiếu thân tôn sư, làm sao quý vị có thể thành tựu cho được? Chẳng hiếu thuận cha mẹ, không nghe lời sư trưởng răn dạy, chẳng thể nào có thành tựu! Bất quá, trước kia có sư đạo, hiện thời rất khó, hiện thời tìm đâu ra thầy? Tìm thầy chẳng thấy! Thầy cũng chẳng tìm thấy học trò. Học trò chẳng nghe lời; chẳng nghe lời thì chẳng thể coi là học trò! Học trò phục tùng thầy một trăm phần trăm thì gọi là

học trò. Chẳng nghe lời thầy, chẳng thể coi là học trò. Vì thế, hiện thời chẳng có sư đạo, đó là điều đáng đau buồn cho người trong thế hệ chúng ta. Chẳng có sư đạo thì hiểu đạo cũng chẳng có. Vì trong sự giáo học xưa kia, dạy quý vị tôn sư, nghe lời thầy răn dạy là trách nhiệm của cha mẹ. Cha mẹ dạy quý vị tôn sư trọng đạo, thầy dạy quý vị hiếu thuận cha mẹ, đôi bên giúp nhau dạy dỗ. Nói chung, cha mẹ chẳng thể nói: “Mày là con tao, phải biết hiếu thuận với tao”. Con hỏi: “Vì sao con phải hiếu thuận với cha mẹ?” Nghẹn họng luôn! Thầy cũng chẳng thể nói: “Ta là thầy của các trò, các trò phải tôn trọng ta”, lời ấy cũng chẳng thể thốt ra được! Vì thế, [những điều ấy] đều phải do bên thứ ba nói. Cha mẹ hiện thời chẳng dạy quý vị tôn sư trọng đạo, thầy cũng chẳng dạy quý vị hiếu thuận cha mẹ, toàn thể cơ sở đã mất tiêu rồi, bị hủy hoại rồi. Đó là chỗ bi ai của người trong thế hệ này. Nói cách khác, đó là nguồn gốc căn bệnh!

Đã tìm được gốc bệnh thì mới biết đúng bệnh, làm thế nào để cứu chữa? Chúng ta làm bên thứ ba, chúng ta khuyên họ hiếu thuận cha mẹ, khuyên họ tôn sư trọng đạo: Quý vị học với vị thầy nào, hãy nghe lời vị thầy ấy. Trong một đời này, quý vị theo một vị thầy chẳng thể ít hơn năm năm. Nói thật ra, hạn độ thấp nhất phải nên là mười năm. Mười năm theo một thầy sẽ có thành tựu, nghe một vị thầy chỉ dạy. Quý vị nghe hai người dạy dỗ, sẽ có hai ý kiến, [trở thành] hai con đường. Quý vị thân cận ba vị thầy sẽ là đường ngã ba. Thân cận bốn vị thầy là ngã tư, chẳng biết học điều gì mới nên! Vị thầy này nói phương pháp này tốt, vị thầy kia nói phương pháp nọ hay, khiến cho quý vị chẳng biết theo đường lối nào, chẳng có cách nào tu tập! Do đó, theo một vị thầy là theo một đường lối. Vì sao chúng ta thân cận thiện tri thức? Thiện tri thức nhất định dạy: “Quý vị chỉ có thể nghe theo ta. Ngoài ta ra, bất luận kẻ nào cũng chẳng thể nghe!” [Nói như vậy] nhằm ban cho quý vị một đường lối để noi theo. Quý vị lại nghe người khác giảng, sẽ là hai con đường! Không chỉ là hai con đường, mà sợ rằng người khác giảng khác với thầy, quý vị quay về vặn vẹo thầy: “Thưa thầy! Thầy nói như thế này, người kia nói như thế nọ?” Vẫn là trò cùng thầy hai bên ồn ào, ầm ĩ, thành ra thể thống gì nữa?

Vì lẽ đó, từ xưa tới nay, quý vị đọc Cao Tăng Truyện hay Cư Sĩ Truyện, thấy người ta học Phật hoặc học pháp thế gian đều theo một vị thầy. Học theo lời lẽ của một nhà, đó gọi là sư thừa! Đó là “*ứng bệnh thọ dược*” (thuận theo đúng bệnh mà cho thuốc), bảo cho kẻ ấy biết phương pháp. Tiếp đó là nói “*linh đắc phục hành*”, nghĩa là phải cố vũ, khích lệ khiến cho kẻ ấy nghiêm túc làm theo thì mới có thể đạt được hiệu quả, mới có thể thành tựu. “*Thị cố tòng Không nhập Giả Quán, nhi ngôn bình đẳng giả, vọng tiền xưng bình đẳng, tiền phá Giả dụng Không, kim phá Không dụng Giả. Phá dụng ký quân, cố ngôn Bình Đẳng Quán. Thử Quán thành thời, chứng Đạo Chứng Trí*” (Vì thế, từ Không nhập Giả Quán, nhưng nói là “bình đẳng” là do đối ứng với những điều trước đó mà nói là “bình đẳng”. Trong phần trước, để phá Giả bèn dùng Không, nay để phá Không bèn dùng Giả. Phá và dùng đã quân bằng, nên nói là Bình Đẳng Quán. Khi phép Quán này thành tựu, bèn chứng Đạo Chứng Trí). Đạo Chứng Trí là sở chứng của Đại Thừa Bồ Tát. Điều quan trọng nhất trong đoạn này là “*tri bệnh thức dược, ứng*

bệnh thọ dược, linh đặc phục hành” (biết bệnh, biết thuốc, ứng theo căn bệnh mà cho thuốc, khiến cho người ấy uống vào, hành theo). Ba câu ấy vô cùng trọng yếu! Trong lời chú giải của tôn giả Tứ Minh cũng có nói tí mĩ, chư vị tự đọc sẽ biết.

Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo trong trang bốn mươi sáu. Xem phần Thích Trung Quán (giải thích về Trung Quán). “*Nhị Không vi phương tiện giả, sơ quán Không sanh tử, thứ quán Không Niết Bàn*” (Nhị Không làm phương tiện: Trước hết là quán Không sanh tử, rồi quán Không Niết Bàn). Hai loại Quán này có công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Phép Quán đầu tiên là quán Giả, có thể liễu sanh tử, biết sanh tử trọn chẳng thể được. Kế đó là Quán Không, Niết Bàn vốn cũng trọn chẳng thể được. Niết Bàn là do sanh tử mà kiến lập, chẳng có sanh tử thì lấy đâu ra Niết Bàn? Hai thứ ấy được kiến lập tương đối, chẳng có bên này thì bên kia cũng chẳng có. Đây là giảng rõ vì sao Phật và Bồ Tát chẳng trụ trong sanh tử, chẳng trụ trong Niết Bàn, đôi bên đều chẳng có! “*Thử chi Nhị Không, vi song giá chi phương tiện*” (Hai thứ Không ấy chính là phương tiện nhằm ngăn dứt quan niệm có hai bên), có thể thấy đây là phương tiện môn. “*Thử chi nhị dụng, vi song chiếu chi phương tiện*” (Hai tác dụng ấy chính là phương tiện để cùng chiếu cả hai bên). “*Song giá*” (雙遮) là hai bên đều rời khỏi, hai bên sanh tử và Niết Bàn đều chẳng trụ. “*Song chiếu*” (雙照) là hai bên sanh tử và Niết Bàn đều cùng dùng, ta đồng thời đều dùng. Giống như trong kinh Phật đã nói: “*Độ vô lượng vô biên chúng sanh*”, đó là dùng Giả. “*Nhi thật vô chúng sanh đặc độ giả*” (Nhưng thật sự chẳng có chúng sanh đặc độ), đó là dùng Không. Các Ngài dùng cả hai bên, nên mới thành tựu công đức viên mãn chẳng thể nghĩ bàn. Đó là phương tiện Song Chiếu. “*Tâm tâm quy thú nhập Tát Bà Nhã hải*” (Tâm luôn quy hướng về biển Nhất Thiết Chủng Trí), Tát Bà Nhã (Sarvajñā) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Nhất Thiết Chủng Trí. Quả đức Như Lai trí huệ viên mãn, sánh ví như biển cả, dùng chữ Biển nhằm hình dung sự sâu rộng. “*Song chiếu Nhị Đế đã, thử quán thành thời, chứng Nhất Thiết Chủng Trí, thị vi Thứ Đệ Tam Quán đã*” (Cùng chiếu cả Chân Đế và Tục Đế. Khi phép Quán này thành tựu, bên chứng Nhất Thiết Chủng Trí, đó là Thứ Đệ Tam Quán). Đó là sở chứng nơi quả địa của Phật. Đây là giảng về Không Quán.

Trong chú giải có mấy câu, chúng ta đọc một lượt. Nơi trang bốn mươi bảy, dòng thứ nhất, chúng ta xem từ đó. “*Trung Đạo chi quán, đế quán bất nhị*” (Phép quán Trung Đạo, quán bất nhị chắc thật), Đế là Đế Thật (諦實), tức là nghiêm túc tu học. “*Hoặc Trí nhất như*” (Hoặc và Trí giống như nhau). Hoặc (惑) là vô minh, phiền não; Trí là trí huệ Bát Nhã. Tương khác nhau! Tương của phiền não và Bồ Đề khác nhau, tương của ngu si và thông minh khác nhau, nhưng Thể giống nhau. Thể đã là giống nhau, trên thực tế chúng là một, nhưng một đẳng là giác, một đẳng là mê. Nói thật ra, giác và mê cũng trọn chẳng thể được. Ý nghĩa này càng giảng càng sâu, càng giảng càng huyền, chẳng dễ hiểu cho lắm, nhưng đó là chân tướng sự thật. “*Tam Quán viên dung, thị vô tác hạnh, cố đắc tự nhiên nhập Tát Bà Nhã. Thử Quán chi quả, danh Nhất Thiết Chủng Trí, vị tại Sơ Địa*” (Tam Quán viên dung, là hạnh vô tác, nên tự nhiên nhập vào Tát Bà Nhã. Quả

của phép Quán này được gọi là Nhất Thiết Chủng Trí, thuộc vào địa vị Sơ Địa). Sơ Địa của Biệt Giáo và Sơ Trụ của Viên Giáo. Kể từ các địa vị ấy, Đại Thừa Phật pháp gọi sự tu hành của họ là “*vô công dụng đạo*”. Vì sao? Hoàn toàn chẳng dùng tâm ý thức, lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm đều chẳng có. Từ đó về sau, bốn mươi một phẩm vô minh tự nhiên đoạn trừ, chẳng còn khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là phiền não. Do đó, địa vị này là Niệm Bất Thoái, địa vị kể từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên.

Những điều vừa nói trên đây đều là Thứ Đệ Tam Quán. Loại sau đó là đối với người căn tánh hết sức nhạy bén, chẳng cần theo thứ tự, nhất tâm bèn tam quán, thành tựu nhanh chóng. “*Nhất Tâm Tam Quán, tư nãi xứng tánh nhi quán, tuyệt đãi nhi chiếu, cái nhất thiết pháp, vô phi tam đức, như Y tự tam điểm*” (Nhất Tâm Tam Quán chính là xứng tánh để quán, dứt bật đối đãi mà chiếu soi, bởi lẽ hết thấy các pháp, không gì chẳng phải là ba đức, như ba chấm trong chữ Y). Đây là một chữ cái trong tiếng Phạn Ấn Độ, cách viết chữ cái ấy là ba chấm (◉), phát âm là Y, là một trong bốn mươi hai chữ cái của tiếng Phạn. “*Tam bất cô lập, nhất nhất viên cụ, cử nhất tức tam, nãi dĩ Tam Đức nhi vi Tam Đế*” (Ba điều ấy chẳng cô lập, mỗi một điều đều đầy đủ trọn vẹn. Nêu lên một điều chính là ba, tức là dùng Tam Đức để thành Tam Đế). Chúng ta chỉ xem mấy câu này. Vì sao có Nhất Tâm Tam Quán? Nhất Tâm Tam Quán được kiến lập trên lý luận như thế nào? Nói thật ra, tự tánh là viên dung, trong tự tánh chẳng có giới hạn. Chúng ta chia nó thành từng tầng cấp là vì chúng ta mê quá sâu, do mê mà phân chia. Nói theo tự tánh, há có tầng cấp nào để noi theo? Đó là căn cứ lý luận của Nhất Tâm Tam Quán. Vì vậy, Nhất Tâm Tam Quán là xứng tánh khởi tu, toàn thể tu là tánh. Ở đây, đã giải thích là “*xứng tánh để quán*”.

“*Tuyệt đãi nhi chiếu*” (Dứt bật đối đãi để chiếu), “*đối đãi*” (對待) tức là tương đối. Phàm phu chúng ta mê muội đã lâu, tập khí quá sâu, khởi tâm động niệm đều vướng nơi tương đối. Ông Ái Nhân Tư Thản (Albert Einstein) lập ra thuyết Tương Đối Luận (general theory of relativity), chúng ta sống trong không gian tương đối, trong một thế giới tương đối, chỉ cần khởi lên một ý niệm, nhất định sẽ có một ý niệm khác đối nghịch. Chúng ta nghĩ đến cái lớn thì tương phản với cái lớn là một cái bé. Nghĩ đến dài sẽ có cái tương phản với dài là ngắn. Nghĩ đến ta sẽ có cái đối lập với ta là người khác, luôn luôn là tương đối! “*Tuyệt đãi*” là lìa khỏi tương đối. Do lìa khỏi tương đối, nên bất đắc dĩ miễn cưỡng gọi là “*nhất tâm*”. Nói thật ra, hề là “nhất” thì đối lập với một sẽ là nhiều, nên thật sự là bất đắc dĩ mới nói [như vậy]. Nếu nói lời thật với quý vị sẽ là “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt*”, “*mở miệng liền trật, động niệm đã sai*”, đạt tới tuyệt đãi! Tuyệt đãi thì không chỉ là chẳng thể mở miệng, mà dấy lên ý niệm cũng chẳng được! Thật sự đạt đến cảnh giới ấy, quý vị nghĩ xem: Tâm thanh tịnh, trong tâm chẳng sanh một niệm. Cái tâm “một niệm chẳng sanh” là thanh tịnh, tâm là định, tự nhiên có thể chiếu khắp hư không pháp giới, tự nhiên có thể chiếu quá khứ lẫn vị lai. Chúng ta nói là “*thần thông*”, thật ra đó là bản năng, tức năng lực vốn sẵn có. Quá khứ, hiện tại, cõi này, phương khác, chẳng có gì không hiểu rõ. Chỉ cần quý vị có thể ngưng dứt hết thấy phân biệt, chấp trước và khởi tâm động niệm,

năng lực ấy liền hiện tiền. Chuyện này phải luyện tập, công phu ấy là phải làm như thế nào để ngưng dứt tập khí từ vô thủy kiếp tới nay.

“*Cái nhất thiết pháp, vô phi Tam Đức*” (Ấy là vì hết thấy các pháp, không gì chẳng phải là ba đức): Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, không gì chẳng phải là Pháp Thân, không gì chẳng phải là Bát Nhã, không gì chẳng phải là Giải Thoát. Nay chúng ta gọi Giải Thoát là “*tự do tự tại, chẳng bị ràng buộc*”, đúng là pháp nào cũng đều là như vậy. Tiếp đó, nêu tỷ dụ. Đại sư dùng ba chấm [trong chữ Y của tiếng Phạn] để tỷ dụ Tam Đức. Hễ nói tới Pháp Thân, tất nhiên có Bát Nhã và Giải Thoát. Nói tới Bát Nhã, nhất định có Pháp Thân và Giải Thoát. Một chính là ba, ba chính là một. Chẳng thể nói trợ trợ một đức nào trong Tam Đức, chẳng thể nào! Hễ có một, sẽ nhất định có cả ba. Do đó nói: “*Nhất nhất viên cụ*” (Mỗi một điều đều đầy đủ trọn vẹn), Viên (圓) là viên mãn, Cụ (具) là trọn đủ. Pháp Thân trọn đủ viên mãn Bát Nhã và Giải Thoát. Giải Thoát trọn đủ viên mãn Pháp Thân và Bát Nhã. Nêu lên một, bèn chính là ba. Đây chính là dùng Tam Đức để làm Tam Đế. Tam Đế (Không, Giả, Trung) là cảnh giới được quán bởi chúng ta. Tiếp theo đó, sách viết: “*Tức u nhất tâm, nhi tu Tam Quán, thứ chi quán pháp, Năng Sở song tuyệt*” (Liên từ ngay trong nhất tâm mà tu Tam Quán. Trong pháp quán này, Năng và Sở cùng mất). Nay chúng ta dùng phương pháp gì để tu pháp Quán này? Thừa cùng quý vị, Đại Kinh đã nói: “*Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”, nói thật ra, đó là Nhất Tâm Tam Quán. Khi đó, tùy thuộc quý vị dùng cái tâm nào? Nếu tâm quý vị thật sự chuyên nhất, khi ta niệm một câu Phật hiệu, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Niệm câu Phật hiệu rành mạch, từng chữ phân minh, từ trong tâm sanh ra, niệm ra đặng miệng, nghe lọt vào tai, đó là Nhất Tâm Tam Quán. Nếu khởi tâm động niệm, ta niệm Phật thì hôm nay phải niệm một vạn câu hay hôm nay ta phải niệm năm ngàn câu, đó là Thứ Đệ Tam Quán, vì sao? Quý vị đã khởi tâm động niệm. Thứ Đệ và Nhất Tâm, chính mình phải phân biệt thật rõ ràng!

Người tu Nhất Tâm Tam Quán trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, đều phải học chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, vĩnh viễn gìn giữ tâm địa thanh tịnh quang minh. Khi người khác đến, chúng ta đối đãi với người ấy bèn thuận theo sự chấp trước của người ấy mà chấp trước, thuận theo sự phân biệt của người ấy mà phân biệt. Đó là Thế Dụng như như. Trong tự tánh chẳng có phân biệt, chấp trước, đó là dùng Không. Chính mình dùng Không, nhưng đối với người khác, để đối đãi với họ bèn dùng Giả. Hai bên Không và Giả đều dùng, song chiếu, song giá ngay trong một niệm. Vì lẽ đó, Quán Kinh đã giảng rõ tỉ mỉ lý luận và phương pháp niệm Phật. À! Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 9

Xin mở kinh bốn, trang bốn mươi tám, dòng thứ hai. Đây là dựa theo Đại Trí Độ Luận để giải thích Nhất Tâm Tam Quán:

“Nhất Tâm Tam Quán giả, thử xuất Thích Luận. Luận vân, Tam Trí thật tại nhất tâm trung đắc. Chỉ nhất quán nhi tam quán, quán u Nhất Đế nhi Tam Đế. Cố danh Nhất Tâm Tam Quán, loại như nhất tâm, nhi hữu sanh, trụ, diệt, như thử tam tướng, tại nhất tâm trung. Thử quán thành thời, chứng nhất tâm tam trí, diệt danh Nhất Thiết Chứng Trí, tịch diệt tướng, chứng chứng hành, loại, tướng mạo, giai tri dã. Tịch diệt tướng giả, thị song vong chi lực. Chứng chứng hành loại tướng mạo giai tri giả, song chiếu chi lực dã” (Nhất Tâm Tam Quán xuất phát từ Thích Luận. Luận dạy: “Thật ra, Tam Trí do từ nhất tâm mà đắc. Chỉ là một phép Quán mà thành Tam Quán, quán nơi một Đế mà trọn Tam Đế. Vì vậy, gọi là Nhất Tâm Tam Quán”. Giống như nhất tâm mà có ba tướng là sanh, trụ, diệt như thế trong nhất tâm. Khi phép Quán này thành, sẽ chứng nhất tâm tam trí, còn gọi là Nhất Thiết Chứng Trí, tướng tịch diệt, các thứ hạnh loại, tướng mạo đều biết. Tướng tịch diệt là do sức song vong. Các thứ hành loại, tướng mạo đều biết là do sức của song chiếu vậy). Đoạn văn này do Long Thọ Bồ Tát giảng trong Đại Trí Độ Luận. Nhất Tâm Tam Quán là pháp môn cũng như phương pháp tu học thù thắng nhất; nhưng trước hết, phải biết Thật Tướng của vũ trụ và nhân sinh thì mới có thể khởi lên Nhất Tâm Tam Quán. Trong đoạn này, cuối cùng đã nói rất rõ ràng, cũng là nhằm giải thích vì sao người ấy có thể thành tựu ba trí. [Ba trí] là Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, và Nhất Thiết Chứng Trí. Nói cách khác, trí huệ Bát Nhã trong bản tánh đã thấu lộ viên mãn. Vì tâm pháp và sắc pháp, nay chúng ta gọi là tinh thần và vật chất, cho đến toàn thể hư không pháp giới, đều từ nhất tâm biến hiện. Đó là sự thật, mà cũng là căn cứ lý luận của Nhất Tâm Tam Quán. Nói thật ra, tâm chỉ là một, há có tam tâm, nhị ý? Tam tâm, nhị ý là hư vọng. Cớ sao biến thành hư vọng? Do có phân biệt, chấp trước. Hễ khởi lên phân biệt, chấp trước, sẽ biến thành vô lượng vô biên. Lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, tâm ấy là nhất tâm. Nhất tâm trọn đủ hết thấy các pháp; Tam Đế và Tam Quán là hết thấy các pháp được cô đọng lại.

Tam Quán (Không Quán, Giả Quán, Trung Quán) là Năng Quán (chủ thể thực hiện sự quán tưởng), Tam Đế (Chân Đế, Tục Đế và Đế Nhất Nghĩa Đế) là Sở Quán (đối tượng được quán), Năng và Sở là một, không hai. Nói đơn giản, tâm Năng Quán là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là tướng tịch diệt, có tác dụng Chiếu Kiến. Đoạn văn này đã giảng ý nghĩa ấy rất viên mãn, nói rất hay, nhưng kinh văn rất ngắn. *“Tịch diệt tướng giả, thị song vong chi lực”* (Tướng tịch diệt là do sức của song vong), “vong” (亡) là lìa khỏi, mà cũng là *“chân tâm lý thể chẳng lập một pháp”*. Lục Tổ nói *“vốn chẳng có một vật”*, đó là chân tâm. Chân tâm là nhất tâm. Hễ có một vật, sẽ chẳng phải là chân tâm, mà biến thành vọng tâm. Vì vậy, trong chân tâm chẳng thể có mảy may vật gì trong ấy. Chân, giả, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác đều là Nhị. Nay chúng ta nói “song” (雙) là tương đối. Nếu triệt để lìa khỏi [tương đối] thì sau đó, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế

gian không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Điều này được diễn tả là “*chúng chúng hành, loại, tướng mạo giai tri*” (các thứ hành, loại, tướng mạo¹⁷ đều biết). Vì sao đều biết? Do tâm thanh tịnh khởi tác dụng giác chiếu, đó là Chiếu Kiến. Điều này nhằm phân biệt rõ: Chẳng phải là tình kiến, mà là Chiếu Kiến.

Thật ra, Nhất Tâm Tam Quán là pháp tu của bậc thượng thượng căn, kẻ bình phàm chẳng có cách nào tu tập pháp này được. Kẻ bình phàm chỉ đành nương theo Thứ Đệ Tam Quán để tu tập; [Nhất Tâm Tam Quán] dành cho bậc thượng thượng căn. Trong pháp môn Tịnh Tông, Đại Kinh dạy “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”; thừa cùng quý vị, “*một mực xưng niệm*” là Nhất Tâm Tam Quán. Vì sao? Vì cái tâm năng niệm là Thủ Giác, Phật hiệu được niệm là Bản Giác; Thủ Giác và Bản Giác đều trọn đủ viên mãn Tam Đế và Tam Quán, những kẻ niệm Phật bình phàm như chúng ta chẳng biết chuyện này! Vì lẽ đó, không riêng gì các vị tổ sư đại đức từ xưa đã tán thán Trì Danh niệm Phật, mà chư Phật, Bồ Tát cũng đều tán thán. Ai cũng đều có thể tu, nhưng chẳng biết pháp được tu ấy chính là pháp môn viên mãn rốt ráo. Dẫu hoàn toàn chẳng thông đạt giáo lý, chỉ cần có thể thật thà niệm Phật, niệm đến lúc kha khá sẽ đắc Định. Niệm đến khi phiền não chẳng thể dấy lên hiện hành, sẽ thành tựu Niệm Phật tam-muội; bất tri bất giác tự nhiên thành tựu tam-muội, chẳng cần quyết ý tu tập. Đó gọi là “*nước chảy thành khe suối*”, tự nhiên thành tựu. Sau khi thành tựu tam-muội, vẫn tiếp tục niệm, niệm đến một mức độ kha khá, sẽ hoát nhiên khai ngộ, giống như Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy: “*Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (Chẳng nhờ vào phương tiện mà tâm được mở mang). Tâm khai bèn kiến tánh, Nhất Tâm Tam Quán liền đạt được, liền viên mãn. Vì vậy, pháp môn này đúng là chẳng thể nghĩ bàn, vượt trội hết thảy các pháp môn. Tu tập dễ, thành công cao! Nói thông thường, Nhất Tâm Tam Quán là sự chứng đắc viên đốn của Bồ Tát và Phật, nào ngờ lũ phàm phu chúng ta cũng có thể tu pháp môn viên mãn, rốt ráo dường ấy. Vì lẽ đó, sau khi chư vị đọc bộ kinh này, biết chân tướng sự thật này, chúng ta mới chịu khăng khăng một mực thật thà niệm Phật. Đối với người tu Tịnh Độ chúng ta, bản kinh này có công hiển lớn nhất, dạy chúng ta hãy khăng khăng thật thà niệm Phật.

Chúng ta lại lật qua xem trang năm mươi, dòng thứ ba đếm từ dưới lên: “*Thử Quán vi diệu, tức nhất nhi tam, tức tam nhi nhất. Nhất quán, nhất thiết quán. Nhất thiết quán, nhất quán. Phi nhất, phi nhất thiết. Như thử chi quán, nhiếp nhất thiết quán dã*” (Phép Quán này vi diệu, một chính là ba, tuy ba mà một. Quán một là quán hết thảy, quán hết thảy chính là quán một. Chẳng phải là một, chẳng phải là hết thảy. Phép Quán như thế gồm trọn hết thảy các phép Quán). Nói thật ra, câu này đã nói theo kinh Hoa Nghiêm, “*một chính là hết thảy, hết thảy chính là một, một chính là vô lượng, vô lượng chính là một*”, có ý nghĩa ấy. Vì lẽ đó, cổ đức xưng tụng một câu Di Đà là “*vạn đức hồng danh*”. Vạn là hết

¹⁷ “Hành, loại, tướng mạo” là cách phân chia chúng sanh trên hai phương diện tâm thức và sắc thân theo cách diễn giảng trong Đại Trí Độ Luận. Hành là ý hành (có thể hiểu thô thiển là tâm tư, ý tưởng, quan niệm, yêu ghét, ý niệm... của chúng sanh). Loại là chủng loại, “tướng mạo” là hình dáng.

thầy, là vô lượng, bốn chữ A Di Đà Phật là một. Trong một có vô lượng, vô lượng là một, toàn bộ đều kết quy vào danh hiệu. Nếu xét theo ý nghĩa rõ rệt của kinh này thì “*một*” là nói đến Nhất Tâm Tam Quán, “*hết thầy*” là mười sáu phép Quán được giảng trong kinh này. Mỗi phép Quán trọn đủ mười sáu phép Quán, mười sáu phép Quán có thể dung nhiếp trong một phép Quán. Bất cứ phép Quán nào trong mười sáu phép Quán đều trọn đủ mười lăm phép Quán kia, chẳng có điều nào là ngoại lệ! Trong mười sáu phép Quán, thực hiện dễ dàng nhất là phép Quán thứ mười sáu dạy về Trì Danh niệm Phật, nói chung, chúng ta [tu tập trì danh niệm Phật] chẳng gặp vấn đề gì! Mỗi phép Quán đều nhiếp trọn vẹn mười lăm phép Quán kia. Vì vậy, quý vị quán Vô Lượng Thọ Phật thì cũng nhiếp mười lăm phép Quán kia. Quý vị quán Nhật Quán, quán Thủy Quán, cũng nhiếp mười lăm phép Quán kia, nhưng các phương pháp Quán ấy rất khó thành tựu, vì cảnh vi tế, tâm chúng ta thô lậu, quán chẳng thành tựu. Đối với phương pháp Trì Danh này, tâm thô cũng chẳng sao cả, vẫn có thể dụng công, vẫn có thể đắc lực, vẫn đầy đủ mười lăm phép Quán kia y hệt. Đó gọi là “*một tu, hết thầy tu; hết thầy tu, một tu*”.

Chúng ta đã hiểu rõ ràng đạo lý này, chẳng còn nghi hoặc. Vì thế, [trong pháp môn] niệm Phật thường nói: “*Chẳng hoài nghi, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp*”. Đối với chuyện chẳng hoài nghi thì do chẳng hiểu rõ bèn có hoài nghi. Tự nói “*chẳng hoài nghi*”, nhưng nói thật ra, chính mình thật sự hoài nghi, chưa hiểu rõ ràng. Nếu thật sự chẳng hoài nghi, bản thân người ấy nhất định sẽ khẳng khái một mực tu tập, hành trì. Nếu chính kẻ ấy vẫn chẳng chịu hành, có thể thấy là kẻ ấy vẫn chưa hiểu rõ, chắc chắn là hoài nghi! Đối với chuyện này, học theo cách nói ngoài miệng của kẻ khác dễ dàng, nhưng nếu muốn lý giải nghĩa chân thật trong ngôn ngữ sẽ chẳng dễ! Kinh điển toàn là lời lẽ của Phật, chúng ta niệm niệm học hiểu những lời lẽ ấy, nhưng trong bài kệ Khai Kinh có câu “*nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa*”, mấy ai biết nghĩa chân thật ấy? Khó lắm! Ý nghĩa của tôi quý vị chẳng biết, ý nghĩa của quý vị tôi chẳng biết, làm sao biết ý nghĩa chân thật của Như Lai? Nhưng kinh dạy chúng ta nguyên tắc sau đây, [nương theo nguyên tắc ấy], chúng ta có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, mà cũng biết tâm ý của hết thầy chúng sanh. Chỉ cần tâm quý vị thanh tịnh thì sẽ biết. Vì hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian đều sanh từ tâm thanh tịnh. Tâm sanh thì mọi pháp sanh. Nếu quý vị tìm được chân tâm, chân tâm khởi tác dụng, tận hư không khắp pháp giới quý vị đều biết. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ nói người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều có năng lực sau đây: Hết thầy chúng sanh trong mười phương thế giới trong tâm nghĩ tưởng điều gì họ đều biết. Phàm phu chúng ta thấy [năng lực ấy] là thần thông, thần thông ấy do đâu mà có? Từ tâm thanh tịnh mà có. Vì thế, chư vị đồng tu phải biết: Toàn thể cương lĩnh và nguyên tắc tu hành được giảng trong Phật pháp là tâm thanh tịnh; không đồ công dộc sức nơi đó thì trật mất rồi!

Tiếp theo đó là giải thích chữ Vô Lượng Thọ. Đây là đoạn chủ yếu nhất trong đề mục bộ kinh này, [hãy xem] trang năm mươi một, dòng thứ năm từ dưới đếm lên. “*Tứ thích Vô Lượng Thọ, chánh thị Tam Quán sở quán cảnh dã. Tiên*

minh Tam Quán, thả dĩ Tam Đức, Tam Nhân, nhi vị để cảnh. Cái thị sở quán dung tức, dụng hiển năng quán tuyệt diệu. Tu tri tánh trung Tam Đức, Thể thị chư Phật tam thân, tức thử Tam Đức tam thân, vi ngã Nhất Tâm Tam Quán, diệc khả Di Đà tam thân, dĩ vi Pháp Thân, ngã chi Tam Quán, dĩ vi Bát Nhã. Quán thành kiến Phật, tức thị Giải Thoát” (Bốn là giải thích từ ngữ Vô Lượng Thọ, đó chính là cảnh được quán bởi Tam Quán. Tam Quán như đã được nói trong phần trước, lại còn lấy Tam Đức và Tam Nhân làm cảnh để quán chắc thật. Ấy là vì cảnh được quán dung thông, chính là lẫn nhau, dùng điều đó để hiển thị sự tuyệt diệt của Năng Quán. Cần phải biết Thể của Tam Đức trong Tánh là ba thân của chư Phật, dùng ngay Tam Đức và Tam Thân làm Nhất Tâm Tam Quán của ta. Cũng có thể lấy ba thân của Phật Di Đà làm Pháp Thân, lấy Tam Quán của ta làm Bát Nhã. Quán thành tựu sẽ thấy Phật, đó chính là Giải Thoát). Chúng ta chỉ xem đoạn này. Phần trước đã nói nhiều như vậy, nhằm giảng rõ Năng Quán và Sở Quán là gì. Phải hiểu rõ ý nghĩa của Năng Quán và Sở Quán, cảnh giới vô cùng nhiều, chúng ta quán cảnh giới nào là tốt nhất? Trong mười sáu phép Quán, A Di Đà Phật là chủ, nói A Di Đà Phật thì y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương đều được bao gồm. Vì thế, tựa đề kinh này đã lấy phép trọng yếu nhất trong mười sáu phép Quán là [quán tưởng] Vô Lượng Thọ Phật. Ngài chẳng nói Phật Thuyết Quán Nhật Quán Kinh, quý vị nói như vậy cũng được; mà Phật Thuyết Quán Thủy Quán Kinh hoặc trong mười sáu phép Quán tùy tiện chọn lấy một phép Quán nào [để đặt tên kinh] cũng đều được! Ngài chẳng dùng mười lăm tên gọi kia, mà lấy phép Quán thứ chín, phép Quán thứ chín là quán Vô Lượng Thọ Phật, nên tựa đề kinh là Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Chư vị phải biết: Mười sáu phép Quán tùy tiện chọn lấy một pháp nào [để tu tập] đều được; tuy vậy, trong mười sáu phép ấy, A Di Đà Phật là chủ, là trọng yếu nhất. Thế nhưng chư vị phải hiểu: Trong mười sáu phép Quán, quán A Di Đà Phật khó nhất, chẳng dễ dàng nhất. Vì thế, đề mục kinh nêu ra điều này, trên thực tế là để khuyên chúng ta trì danh, niệm danh hiệu A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là Vô Lượng Thọ Phật. Niệm danh hiệu Ngài, chẳng cần phải tưởng tượng hảo và quang minh của Ngài. Chúng ta chẳng thể tưởng tượng hảo và quang minh của Ngài được, tưởng thế nào cũng tưởng chẳng ra. Ý nghĩa là ở chỗ này!

Điều quan trọng trong câu này là “*Di Đà tam thân*”, tức là Pháp Thân, Báo Thân, và Ứng Thân của A Di Đà Phật. Nói thật ra, ba thân là một thân, một mà ba, tuy ba mà một, nên mới nói “*dĩ vi Pháp Thân*” (dùng làm Pháp Thân), tức là Pháp Thân Lý Thể của chính chúng ta. Nay đối với Tam Quán, chúng tôi vừa thừa cùng quý vị: Cái tâm Năng Niệm trong niệm Phật là Nhất Tâm Tam Quán, đức Phật được niệm là Nhất Tâm Tam Đức. Tam Quán của chúng ta là Bát Nhã, những điều được nói ở đây đều tương ứng với lời dạy của cổ đức. Cổ nhân nói: Tâm năng niệm là Thi Giác, đức Phật được niệm là Bản Giác. Thi Giác và Bản Giác đều là Bát Nhã. “*Quán thành kiến Phật*” (Quán thành tựu sẽ thấy Phật): Công phu thành tựu sẽ đạt được Giải Thoát, Giải Thoát là tự tại, trong tự tại bao gồm cả thần thông. Mắt chúng ta chẳng thể thấy khắp pháp giới, tai ở nơi đây chẳng thể nghe thấu âm thanh thuyết pháp của Tây Phương Cực Lạc thế giới A

Di Đà Phật thì chưa thể coi là giải thoát. Lục Thông trọn đủ mới là tự tại. Trong tâm quý vị khởi tâm động niệm, tôi đều biết, đó là Giải Thoát. Nói cách khác, bản năng (năng lực sẵn có) trong tự tánh hoàn toàn khôi phục; đó là Giải Thoát.

Tiếp đó, lời Sở giải thích [danh hiệu] Vô Lượng Thọ nơi hàng thứ hai trong trang năm mươi hai. Vô Lượng Thọ là gì? “*Vô Lượng Thọ giả, Thiên Trúc xưng A Di Đà*” (Vô Lượng Thọ được người Thiên Trúc gọi là A Di Đà). Thiên Trúc (Sindhu) là nói tới người Ấn Độ. Tiếng Phạn là A Di Đà, dịch sang tiếng Hán thành Vô Lượng Thọ. Nếu thật sự chiếu theo tiếng Phạn để dịch, thì A là Vô, có nghĩa là không có, Di Đà là Lượng. A Di Đà có ý nghĩa thật sự là Vô Lượng. Trong Vô Lượng, bao hàm ý nghĩa vô cùng sâu rộng, chỉ nêu đơn giản mấy thí dụ để nói: Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, vô lượng phước báo, vô lượng thọ mạng, thứ gì cũng đều là vô lượng, đúng là vô lượng vô biên. Trong hết thảy các thứ vô lượng, điều gì quan trọng nhất? Thọ mạng quan trọng nhất. Nếu chẳng có thọ mạng, tất cả những thứ vô lượng khác đều rỗng tuếch! Ví dụ như nói quý vị có vô lượng của cải, báu vật, nhưng chẳng có thọ mạng, tiền tài, báu vật để cho người khác dùng, bản thân quý vị chẳng sử dụng được! Vì lẽ đó, trong hết thảy các thứ vô lượng, khẩn yếu nhất là vô lượng thọ. Do có vô lượng thọ, chính mình mới có thể thật sự hưởng thụ hết thảy các thứ vô lượng. Chẳng có vô lượng thọ, những thứ vô lượng khác hoàn toàn vô ích, đều chẳng phải là vô lượng thật sự! Vì thế, A Di Đà được dịch thành ý nghĩa chủ yếu là Vô Lượng Thọ. [Danh hiệu] A Di Đà tuyệt đối chẳng phải là chỉ có một ý nghĩa là Vô Lượng Thọ, chớ vị phải biết: Ý nghĩa của danh hiệu ấy chẳng thể nói trọn hết, trọn hết kiếp vẫn nói chẳng tận.

Tiếp theo đó, nêu ra chân tướng: “*Phật bốn vô thân, vô thọ, diệt vô lượng*” (Phật vốn chẳng có thân, chẳng có thọ mạng, mà cũng chẳng có số lượng). Thân thể, thọ mạng, số lượng thảy đều chẳng nói được. Trước hết, phải hiểu Phật là gì? Nay chúng ta vừa thấy chữ Phật đã nghĩ đến một người; người thì lẽ nào chẳng có thân thể? Chẳng có thân thể, làm sao có thể gọi là người? Chớ vị phải biết: Phật có nghĩa là Giác. Giác tánh chẳng có thân thể, mà cũng chẳng có thọ mạng, cũng chẳng thuộc vào phạm vi số lượng. Giác tánh là gì? Giác tánh là bản tánh của chính chúng ta, được gọi là Chân Như bản tánh; [trong Chân Như bản tánh], những thứ ấy (thân thể, thọ mạng, số lượng) đều chẳng có. Chân Như bản tánh to cỡ nào? Chẳng có cách nào nghĩ bàn! Tận hư không khắp pháp giới đều do Chân Như bản thể biến hiện. Bản tánh là cái có thể biến (năng biến), hư không pháp giới là cái được biến (sở biến). Nếu quý vị hỏi nó lấy gì làm thân ư? Chỉ là chẳng có thân thì nó mới có thể biến ra hư không pháp giới; nếu có thân, làm sao nó biến được? Nó bất sanh bất diệt; do bất sanh bất diệt, nên chẳng có thọ mạng. Không gì lớn mà ở ngoài nó, không gì nhỏ mà ở trong nó, tuyệt đối chẳng rơi vào số lượng!

Lũ phàm phu chúng ta rất đáng thương. Là phàm phu thì quý vị tìm một thầy bói cao minh, ông ta có thể đoán vận mạng cả đời quý vị chẳng trật tí nào! Vận mạng cá nhân, vận mạng gia đình, vận mạng quốc gia, vận mạng thế giới đều có thể tiên đoán rất chuẩn xác. Vì sao? Rơi vào số lượng, nên mới có thể tính

toán. Vì sao có số lượng? Vì quý vị có phân biệt, chấp trước; hễ có phân biệt, chấp trước, bèn rớt trong số lượng. Ngày nào quý vị chẳng phân biệt, chẳng chấp trước hết thấy các pháp, sẽ vượt khỏi số lượng, ai đoán mạng cho quý vị cũng chẳng chuẩn xác. Vì sao? Đã vượt thoát! “Vượt thoát” là trong hết thấy các pháp chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn vượt thoát. Hễ tâm vừa động niệm thì còn có số lượng, không động niệm thì chẳng có số lượng. Vì vậy, chân tâm ly niệm, [tức là] trong chân tâm chẳng có niệm, nên nó chẳng có thân, chẳng có tuổi thọ, mà cũng chẳng có hạn lượng. Tận hư không khắp pháp giới và chính mình là một. Lời lẽ này nói ra đúng là rất khó hiểu, đó là chân tướng, là sự thật, là Thật Tướng của các pháp. Chân tướng của hết thấy các pháp là như thế.

Vì rất khó thấu hiểu, chẳng phải là kiến thức thông thường đối với lũ bình phàm chúng ta. Chúng ta không chỉ chẳng thấy, mà còn chưa nghe nói tới, ngay cả mơ thì cũng chưa mộng thấy, nên chư Phật, Bồ Tát thường dùng tỷ dụ, khiến cho chúng ta từ tỷ dụ mà thấu hiểu. Tỷ dụ thường được dùng là “*mộng, huyền, bọt, bóng*”. Ví như nằm mộng thì mỗi người chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng. Mộng do đâu mà có? Chẳng thể nói mộng không có, nó xác thực là có, có chuyện ấy. Mộng là thật ư? Chúng ta biết mộng chẳng thật! Nếu mộng đã là chẳng thật, còn có những người nằm mộng, đến ngày hôm sau, hoặc ngày hôm sau nữa đến tìm tôi, hỏi: “Giác mộng ấy rốt cuộc có ý nghĩa gì?” Mộng chẳng phải là thật, há còn có ý nghĩa gì? Ngay cả giấc mộng hư vọng mà còn chấp trước, còn muốn coi nó là thật, đó là nguyên cớ gây nên mê hoặc vậy! Mộng do tâm biến hiện, trong Phật pháp thường nói: “*Chân Như bất thủ tự tánh*” (Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh). Tự tánh là thanh tịnh, chẳng thanh tịnh bèn bị động. Tâm đã động, tức là chân tâm hễ động liền hiện hư không pháp giới. Quý vị đêm ngủ không yên, vọng tâm dấy động, bèn nằm mộng, nên người có công phu định lực chẳng nằm mộng. Người có công phu định lực lúc ngủ tâm vẫn thanh tịnh, tâm người ấy chẳng động sẽ chẳng nằm mộng!

Khi Phật Giáo chưa truyền đến Trung Quốc, cổ nhân Trung Quốc đã nói: “*Trí nhân vô mộng*” (Người trí chẳng nằm mộng). Người trí tâm địa thanh tịnh, tâm địa chân thành, chẳng có chút hư giả, hạng người ấy rất ít mộng, không dễ gì nằm mộng. Nằm mộng nhiều là do suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, người ấy cũng rất dễ nằm mộng. Lại còn mộng thấy những giấc mơ lộn xộn, do suy nghĩ loạn xạ đó mà! Từ chỗ này, chứng tỏ: Cái tâm của quý vị, chúng tôi không nói đến chân tâm, mà nói tới vọng tâm. Quý vị thấy vừa mở đầu kinh Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật gọi tôn giả A Nan hỏi tâm tôn giả ở chỗ nào? Trọn chẳng hỏi Ngài là chân tâm hay vọng tâm. Bất luận chân tâm hay vọng tâm, tâm ở nơi đâu? Nay chúng ta đang nói đến vọng tâm, chúng ta thường nói vọng tâm là thức thứ sáu, tức ý thức, thức thứ bảy và thức thứ tám, những thức ấy ở đâu? Đến đêm nằm mộng, chúng sẽ hiện hiện. Vì sao? Vọng tâm hiện tướng. Nếu nó chẳng hiện tướng, chúng ta chẳng tìm thấy nó, chẳng biết nó ở chỗ nào! Nó vừa hiện tướng, chúng ta liền nắm bắt nó, cảnh trong mộng chính là [hiện tướng của nó]. Giả sử cái tâm có thể nằm mộng là chân tâm thì mộng cảnh được biến hiện [bởi cái tâm ấy] là vọng tướng. Toàn thể chân chính là vọng, chân tâm của

quý vị liền biến thành vọng cảnh. Toàn bộ vọng chính là chân, toàn thể mộng cảnh là vọng tâm của quý vị.

Nếu trong cảnh giới đó, chúng ta hỏi: Ai là chính mình? Nằm mộng nhất định có chính mình! Có ai nằm mộng mà chẳng có chính mình trong mộng? Có ai trong quý vị [nằm mơ mà thấy] trong mộng chẳng có chính mình? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Nhất định là có chính mình, còn có người khác, còn có núi, sông, đại địa, còn có nhiều thứ nữa! Nếu quý vị thật sự hiểu rõ những thứ ấy đều do tự tánh biến hiện, trong mộng có thứ gì chẳng phải là chính mình? Nguyên lai, thứ gì cũng đều chính mình. Từ những sự tướng nông cạn, gần gũi này mà thấu hiểu sâu xa hơn, toàn thể hư không pháp giới hiện thời từ đâu mà có? Do Chân Như tự tánh chẳng giữ lấy tự tánh mà biến hiện ra. Hư không pháp giới, núi, sông, đại địa, chúng sanh đông đảo, toàn là tự tánh của chính mình. Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm, tự tánh của chúng ta ở chỗ nào? Quý vị mắt thấy, tai nghe, thân thể tiếp xúc đều là tự tánh. Ngày nào quý vị thật sự khẳng định hết thấy cảnh giới hoàn toàn là chính mình, bèn chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh. Nếu quý vị nói đó chẳng phải là ta, kẻ khác và ta chẳng có liên can gì! Đó là mê mất tự tánh.

Đức Phật giảng rất rõ ràng, chúng ta hiểu rõ, có phải là thật sự hiểu rõ hay không? Vẫn mê hoặc, điên đảo. Vì sao? Ta chẳng phải là kẻ khác, kẻ khác vẫn chẳng phải là ta, chẳng có cách nào phá vỡ vọng tưởng chấp trước kiên cố ấy. Nếu phá vỡ vọng tưởng, chấp trước ấy, xin chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật. Khi nào sẽ phá vỡ vọng tưởng kiên cố ấy? Mức độ thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo. Chỉ cần quý vị phá vỡ, khẳng định hư không pháp giới do một mình ta biến hiện, quý vị chứng đắc quả vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Khi ấy, tâm địa quý vị thanh tịnh, bình đẳng, lòng từ bi được kiến lập trên tâm thanh tịnh, bình đẳng, đại từ đại bi. Quý vị đối đãi Phật, đối đãi hết thấy chúng sanh, quyết định chẳng có cách nhìn nào khác, chúng sanh và Phật bình đẳng. Cung kính bình đẳng, tán thán thanh tịnh, lúc đó, quý vị đang tu hành mười đại nguyện vương của Phổ Hiền. Mười đại nguyện vương, người bình phàm chẳng làm được; trong Tịnh Độ, sau khi đã đắc Lý nhất tâm bất loạn thì mới có thể tu. Nói thông thường, hạng người ấy chính là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, tu hành khi đó chính là Phổ Hiền Hạnh. Chưa đạt đến cảnh giới ấy, chẳng có cách nào tu hạnh Phổ Hiền. Vì tâm của ngài Phổ Hiền là thanh tịnh, bình đẳng, tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, bất bình đẳng, chẳng biết hết thấy vạn pháp là chính mình. Trong [nội tâm] của quý vị có chướng ngại, có giới hạn, sẽ chẳng phải là Phổ Hiền Hạnh. Phổ Hiền Hạnh chắc chắn chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có giới hạn, là một Thể với vạn pháp.

Đây là nói tới Pháp Thân. Pháp Thân là tận hư không khắp pháp giới và chính mình là một, lấy vạn pháp làm tự thân, giống như nằm mộng: Mộng cảnh, [tức là] toàn thể cảnh giới trong mộng là một thân tướng. Chẳng phải là nói thân tướng của một thân, mà là tận hư không khắp pháp giới là chính mình, nó hiện thành tướng ấy, tướng ấy được gọi là Pháp Thân. Pháp Thân cũng chẳng có thân,

chẳng có thọ mạng, cũng vượt ngoài số lượng. Vì vậy, Pháp Thân bất sanh bất diệt.

Tiếp đó, sách viết: “*Tùy thuận thế gian, nhi luận tam thân*” (Do tùy thuận thế gian, nên luận định Tam Thân), đó là cách nói quyền xảo phương tiện trong Phật pháp. Mục đích của phương tiện quyền xảo là khiến cho chúng ta ngộ nhập cảnh giới chân thật. Do vậy, ngàn vạn phần chớ nên chấp trước hết thảy các phương tiện do đức Phật đã nói. Nếu chấp trước, quý vị chẳng thể ngộ nhập, điều này vô cùng quan trọng! Do tùy thuận thế gian mà luận định ba thân. “*Diệc tùy thuận thế gian, nhi luận tam thọ*” (Cũng do tùy thuận thế giới mà luận ba thứ thọ lượng). “*Tam thọ*” là Pháp Thân thọ, Báo Thân thọ, và Ứng Hóa Thân thọ. “*Diệc tùy thuận thế gian, nhi luận tam lượng*” (Cũng tùy thuận thế gian mà luận tam lượng). Có thể thấy đức Phật nói đến thân, thọ mạng và số lượng đều vì tùy thuận người thế gian mà nói. Trong tri kiến của Phật, chắc chắn chẳng có những điều ấy. Tâm Phật thanh tịnh chẳng lập một pháp. Quý vị đọc Đàn Kinh thấy pháp sư Ấn Tông lúc mới gặp Lục Tổ, bèn hướng về Lục Tổ thỉnh giáo chuyện ngài Hoàng Mai, Hoàng Mai là Ngũ Tổ. [Sur Ấn Tông hỏi]: “Bình thường Ngũ Tổ có răn dạy người khác về Bát Nhã và Giải Thoát hay không? Ngài giảng Bát Nhã và Giải Thoát theo cách nào?” Lục Tổ trả lời vô cùng khéo léo: “*Bát Nhã và Giải Thoát là hai pháp. Hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp môn Bát Nhị*”. Chẳng nói với Sur rằng Tổ (Ngũ Tổ) đã giảng Bát Nhã là gì, Giải Thoát là gì, một câu nói ấy liền chặn lập sặc [mọi tri kiến, đối đãi]. Có nghĩa là quý vị vẫn còn ở trong Phật pháp mà chấp trước và so đo những danh tướng ấy, sai mất rồi, phải lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên! Tâm duyên là gì? Khởi tâm động niệm nơi danh tướng của Phật; đó là tướng “tâm duyên”. Quý vị thấy đều lìa khỏi những thứ ấy, tâm thanh tịnh hiện tiền, đó là Phật pháp. Phật pháp là tâm thanh tịnh; trong Phật pháp, thứ gì cũng đều chẳng có, đó là Phật pháp.

Nhưng chư vị phải nghe cho rõ ràng! Nếu quý vị nghe nói “Phật pháp thứ gì cũng đều chẳng có”, [bèn tâm niệm]: “Được lắm! Ý niệm gì cũng đều đoạn sạch”, bèn biến thành Vô Tướng Định. Quý vị tu thành tựu, nhưng cũng chẳng thành Phật, mà sanh làm chư thiên trong Tứ Thiên Thiên hoặc Vô Tướng Thiên; khi thọ mạng đã hết, vẫn phải đọa trong tam ác đạo. Vì sao Vô Tướng cũng chẳng phải là Phật pháp? Chư vị hãy suy nghĩ, trong tâm thanh tịnh có vô tướng, tức là vẫn có một cái Vô tồn tại, cho nên Vô Tướng cũng chẳng thể có. Có vô tướng thì đối lập của nó là hữu tướng, nên vẫn là hai pháp. Pháp Bát Nhị là gì? Pháp Bát Nhị là trong tâm xác thực chớ nên có Tướng, mà Vô Tướng cũng chẳng nên có. Từ hữu tướng và vô tướng lại biến thành “*cũng có hữu tướng, cũng có vô tướng*”. “*Cũng có hữu tướng và cũng có vô tướng*” cũng là trật, “*chẳng phải là hữu tướng, chẳng phải là vô tướng*” cũng là trật. Đúng là “*mở miệng liền trật, động niệm liền sai*”, hãy từ những chỗ này mà thấu hiểu. Vì lẽ đó, đức Phật nói chớ nên chấp trước hết thảy các pháp; hễ quý vị chấp trước bèn sai, đó là nẩy sanh tác dụng phụ đáng sợ nhất.

Tiếp theo là “*Pháp Thân giả, sư quỹ Pháp Tánh, hoàn dĩ Pháp Tánh vi thân*” (Pháp Thân là tuân thủ, vâng theo Pháp Tánh, lại còn lấy Pháp Tánh làm thân). Câu này nói hết sức hay. Pháp Thân là gì? Pháp Thân là Pháp Tánh, Pháp Tánh là Lý Thể, tức là nguyên lý có thể biến ra vạn pháp. Hiện thời, các nhà khoa học, triết học đều đang thăm dò vũ trụ từ đâu mà có? Sinh vật do đâu mà có? Con người do đâu mà có? Những câu hỏi ấy chẳng sai, có câu trả lời hay không? Thưa cùng chư vị, vĩnh viễn chẳng có câu trả lời! Từ xưa đến nay, các nhà khoa học, triết gia, kể cả các nhà tôn giáo xưa, nay, trong, ngoài nước mãi cho đến hiện thời đều chẳng tìm được câu trả lời. Câu trả lời rất nhiều, học thuyết cũng lắm, nhưng đều chẳng thể khiến cho kẻ khác tâm phục khẩu phục. Câu trả lời thật sự nằm trong Đại Thừa Phật pháp, tức là Pháp Tánh. Vì sao họ chẳng tìm thấy câu trả lời? Họ dùng đầu óc để suy nghĩ, khảo cứu. Suy nghĩ, khảo cứu là rớt vào tâm ý thức, là suy tưởng loạn xạ; vọng tưởng thì làm sao có thể tìm được câu trả lời? Chẳng thể nào! Khi nào câu trả lời sẽ hiện tiền? Đoạn hết vọng tưởng, câu trả lời bèn liền hiện tiền, thấy đều hiểu rõ. Vì thế, Phật pháp sử dụng phương pháp khiến cho quý vị đoạn hết suy xét.

Nhưng căn tánh của người thế gian không giống nhau, có người chẳng thích suy xét, sợ suy nghĩ sẽ đau đầu nhức óc. Đối với loại chúng sanh này, đức Phật dạy họ tu Thiền. Thiền chẳng dùng suy xét. Có người chuộng suy xét, thích suy xét thì đức Phật dạy họ học Duy Thức. Duy Thức dạy họ suy xét hằng ngày, đó lại là một phương pháp. Lý luận Duy Thức gọi điều đó là “*tư tận hoàn nguyên*” (suy nghĩ đến tột cùng sẽ trở về nguồn), họ sẽ quay đầu. Quay đầu bèn thấy chân tánh. Vì thế, chẳng suy tưởng có thể kiến tánh, mà khi suy tưởng đến tột cùng bèn quay đầu thì cũng có thể kiến tánh. Phương pháp của đức Phật rất xảo diệu, rất nhiều. Phương pháp Niệm Phật này cũng chẳng cần suy tưởng, cũng là chẳng dùng đến sự suy xét, có nguyên lý giống như Thiền và Mật, chỉ là phương pháp và cách thức khác nhau. Thiền nhất định là chẳng thể có thứ gì, còn Tịnh có A Di Đà Phật. Vì thế, Tịnh thuận tiện và dễ dàng hơn Thiền.

Ở đây nói “*sư quỹ Pháp Tánh*” (師軌法性), câu nói ấy có nghĩa là gì? Trong chú giải có giải thích, nơi trang năm mươi ba, trong câu cuối cùng thuộc dòng thứ ba: “*Ngôn sư quỹ Pháp Tánh*” (Nói “sư quỹ Pháp Tánh”), “*sư quỹ Pháp Tánh*” là gì? “*Thị xả Thông tòng Biệt. Thông tắc sanh Phật câu quỹ Pháp Tánh. Nhiên cứu giới tuy quỹ nhi vi, như nhân y sư, bất thuận sư giáo. Duy hữu chư Phật, tòng Sơ Phát Tâm quỹ pháp nhi tu, kim năng cứu cánh minh hợp Pháp Tánh*” (Là bỏ Thông theo Biệt. Thông thì chúng sanh và Phật đều noi theo Pháp Tánh; nhưng chín pháp giới tuy noi theo, vẫn trái nghịch, giống như người nương tựa thầy, nhưng chẳng tuân theo lời thầy dạy. Chỉ có chư Phật kể từ Sơ Phát Tâm đều tuân theo pháp đề tu, nên nay có thể rốt ráo ngầm phù hợp Pháp Tánh). Pháp Tánh là có thể hiện, có thể biến (năng hiện, năng biến). Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng nguồn gốc của vạn pháp trong vũ trụ: “*Duy tâm sở hiện*”, “tâm” ở đây là chân tâm; “*duy thức sở biến*”, “thức” là vọng tâm. Cảnh giới được hiện bởi chân tâm là cảnh giới bình đẳng, tức Nhất Chân pháp giới. Vì sao Nhất Chân pháp giới biến thành mười pháp giới? Do thức biến. Tuy thức biến Nhất Chân pháp

giới thành mười pháp giới, chư vị phải biết: Chẳng phải là thật sự bị biến, cái thật sự biến bèn trái nghịch bản tánh, tức là biến thành hư vọng, chẳng phải là chân thật. Tuy hư vọng, tức là nói “cảm nhận sai lầm”, nhưng sự cảm nhận sai lầm ấy trọn chẳng biến đổi sự thật, chỉ là sự thụ dụng khác hẳn. Ví như kinh đã nói “*chưng sa tác phạn*” (nấu cát làm cơm): Để nấu cơm, chúng ta dùng gạo, nhưng kẻ đó hiểu lầm, ngỡ cát có thể nấu thành cơm, đó là nhận biết sai lầm. Cát vẫn là cát, gạo vẫn là gạo, tuyệt đối chẳng phải vì quý vị nhận biết sai lầm mà cát biến thành gạo, chẳng có đạo lý ấy! Đây là nói rõ Nhất Chân pháp giới vĩnh viễn là Nhất Chân pháp giới, quý vị mong biến nó thành mười pháp giới, [điều ấy] trọn chẳng phải là sự thật. Sự thật, nó vẫn là Nhất Chân pháp giới; nhưng quý vị suy nghĩ sai lầm, nên thụ dụng cũng sai lầm, sự hưởng thụ cũng sai lầm, trong ấy có khổ và lạc khác biệt. Mười pháp giới có khổ và lạc khác biệt. Trong Nhất Chân pháp giới, chẳng có khổ mà cũng chẳng có lạc, nên gọi là “lạc chân chánh”. Khổ là khổ, lạc vẫn là khổ, lạc trọn chẳng phải là lạc thật sự, tuy là lạc mà vẫn là khổ.

Vì lẽ đó, mười pháp giới thấy đều “*sur quy Pháp Tánh*” (vâng theo, tuân thủ Pháp Tánh), đều từ Chân Như bản tánh biến hiện. “*Quy*” là gì? Quy (軌) là có quy tắc, chẳng rối loạn. Người thế gian thấy vũ trụ có trật tự, có quy tắc như vậy, giống như các tinh cầu vận hành trong vũ trụ đều có một quỹ đạo nhất định. Người thế gian chẳng hiểu đạo lý ấy, bèn nghĩ: Nhất định phải có người an bài, có ai đó lập hoạch định, trừ tính! Người sắp đặt, trừ tính là ai? Đại khái là Thượng Đế! Thượng Đế do đâu mà có? Là kẻ được biến hiện từ tưởng tượng; do như vậy mà có. Có phải là do Thượng Đế trừ tính hay không? Tuyệt đối chẳng phải vậy, đó là nhận thức sai lầm, là hiểu lầm! Vì nó có trình tự nhất định, tuân theo trình tự chẳng sai chút nào, có thứ lớp, chẳng lộn xộn, nên gọi là Quy. “*Quy*” là quỹ đạo, chẳng rối loạn, do Pháp Tánh biến hiện. Chúng sanh trong chín pháp giới tuy “*sur quy Pháp Tánh*”, nhưng mê muội, nên nay chúng ta chẳng noi theo họ, mà noi theo Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát “*sur quy Pháp Tánh*”, đã ngộ, chẳng mê, nên Tha Thụ Dụng của các Ngài hoàn toàn khác hẳn phàm phu. Chúng ta tạm ngưng, nghỉ ngơi mấy phút.

Tập 10

Chúng ta xem trang năm mươi ba.

Trong đoạn trên đây, tự thể của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian là Pháp Tánh. Hết thảy các pháp quyết định chẳng thể lìa khỏi tự thể, hễ lìa khỏi tự thể, sẽ chẳng thể tồn tại. Vấn đề hiện tại là một đàng thuận tánh, một đàng nghịch tánh, nghĩa là: Thuận tánh là giác, nghịch tánh là mê, then chốt ở ngay chỗ này! Rốt cuộc thuận là gì? Nghịch là gì? Cũng có thể nói: Giác là gì? Mê là gì? Kinh luận thường dạy một nguyên tắc, chỉ cần quý vị nắm được nguyên tắc, vấn đề này sẽ trọn chẳng khó hiểu, mà cũng chẳng khó tu. Đức Phật thường dạy chúng ta: “*Giác tâm bất động*”. Nói cách khác, trong hết thảy cảnh giới, bất luận là hoàn cảnh nhân sự hay hoàn cảnh vật chất, chỉ cần chúng ta chẳng động tâm bởi cảnh giới thì sẽ thuận tánh. Vì tánh là bất động, chúng ta có thể chẳng động tâm thì sẽ tương ứng với tánh. Pháp Tánh và Phật Tánh là một tánh. Một tánh, chẳng phải là hai tánh! Cái gọi là “*chẳng tuân thủ tự tánh*” chính là quý vị khởi tâm động niệm trong cảnh giới, khởi tâm động niệm là trái nghịch tánh. Trái nghịch tánh, nhưng vẫn chẳng lìa khỏi tánh, nên có khổ nạn. Vì lẽ đó, hết thảy khổ nạn do đâu mà có? Do chính mình chuốc lấy!

Con người chúng ta thường nói là rất khổ, rất đau khổ, nhưng đều chẳng chịu quay lại suy nghĩ. Nếu thật sự quay đầu, nỗi khổ ấy ở chỗ nào? Quý vị hãy tìm xem, khổ ở chỗ nào? Quý vị thật sự quay đầu lại tìm, chẳng tìm thấy! Tìm không thấy, có thể thấy nó là giả, chẳng thật! Hễ là thật, nhất định là phải ở một nơi nào đó. Quý vị giải phẫu từng tế bào trong toàn thân, cũng chẳng tìm thấy khổ trong đó. Khổ và lạc đều là giả, đều là chẳng thật, có gì phải so đo nó? Có gì phải khát khe? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trái nghịch Pháp Tánh, nên là phạm phu. Trong hết thảy cảnh giới, chư Phật, Bồ Tát tuyệt đối chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, nên vĩnh viễn là thanh tịnh vô nhiễm, giống như hư không. Trong hư không, hiện ra hết thảy vạn pháp, nhưng hư không trước nay chưa hề dính mắc! Bản tánh, hoặc là Pháp Tánh như đang nói ở đây, có thể hiện hết thảy vạn pháp thế gian và xuất thế gian, nhưng hết thảy vạn pháp trọn chẳng hoen ố bản tánh, bản tánh vẫn là một mực thanh tịnh. Không chỉ chẳng bị hoen ố, mà còn chẳng bị trở ngại, đúng như kinh Hoa Nghiêm đã nói “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”, xác thực là chẳng bị trở ngại. Hết thảy ô nhiễm và trở ngại đều do quan niệm sai lầm tạo thành, đều do cảm nhận sai lầm tạo thành, trái nghịch Pháp Tánh. Kinh này nói là “*cửu giới tuy quý nhi vi*” (chín pháp giới tuy nương theo nhưng trái nghịch [Pháp Tánh]). Không chỉ là lục đạo phạm phu, ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát cũng trái nghịch. Các Ngài trái nghịch ít vì mê cạn. Do trái nghịch ít, nên chúng ta thoát nhìn, sẽ thấy dường như các Ngài rất tự tại. Chư Phật Như Lai hoàn toàn chẳng trái nghịch, nên đắc đại tự tại.

Tiếp theo đó là nêu tỷ dụ, tỷ dụ ấy cũng rất hay. “*Như nhân y sư*” (Như người nương tựa thầy), giống như học trò theo học với thầy. Sánh ví thầy như Pháp Tánh, học trò ví như chúng sanh. Nương tựa thầy, nếu có thể thuận theo sự răn dạy của thầy, đó là tùy thuận Pháp Tánh, giống như trong phần trước đã nói

là “*sư quĩ Pháp Tánh*”. Nếu tuy theo thầy, mà chẳng nghe theo sự răn dạy của thầy, “*theo thầy*” là quý vị chẳng rời Pháp Tánh; tuy chẳng rời khỏi Pháp Tánh, nhưng quý vị trái nghịch Pháp Tánh. Hai người cùng theo thầy, một người nghe lời thầy, một người chẳng nghe lời thầy, hai người ấy đều gọi là học trò của thầy. Đây là nói rõ chúng sanh trong chín pháp giới thế gian và xuất thế gian, kể cả Phật pháp giới thì là mười pháp giới, tứ thánh lục phàm đều noi theo Pháp Tánh, nhưng có kẻ nương theo và tuân thuận, có kẻ chẳng tuân thuận. Nói nghiêm ngặt, chín pháp giới đều chẳng tuân thuận, thật sự tuân thuận chỉ là Phật [pháp giới]. Nếu nói lỏng tiêu chuẩn một chút để nói thì lục phàm hoàn toàn trái nghịch, tứ thánh thuận theo Pháp Tánh. Chúng ta biết ý nghĩa trái nghịch và tuân thuận là như vậy.

Tiếp đó là nói: “*Tùng Sơ Phát Tâm, quĩ pháp nhi tu*” (Từ Sơ Phát Tâm đã vãng theo pháp đề tu), đó là nói “*duy hữu chư Phật*” (chỉ có chư Phật), “*kim năng cứu cánh minh hợp Pháp Tánh*” (nay có thể rốt ráo ngầm phù hợp Pháp Tánh). “*Chỉ có chư Phật*” thì Phật mà vẫn còn phải tu hành ư? Phải tu hành! Phật được nói ở đây chẳng phải là Cứu Cánh Phật, mà là Phàn Chứng Phật. Từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên đều gọi là “*chư Phật*”. Nếu quý vị đọc bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông, [sẽ thấy] ông ta giải thích chữ “*chư Phật*” là từ Sơ Trụ của Viên Giáo cho đến quả vị viên mãn rốt ráo, gồm bốn mươi hai địa vị. Bốn mươi một địa vị là từ [Sơ Trụ] Bồ Tát cho đến Đẳng Giác, địa vị bốn mươi hai là Phật. Bốn mươi hai địa vị ấy đều là Phật, cho nên gọi là “*chư Phật*”. “*Chư Phật*” chỉ bốn mươi hai địa vị ấy. Đến địa vị cuối cùng, chẳng phải tu nữa, chứ bốn mươi một địa vị trước đó đều phải tu, vì sao? Chưa viên mãn, nhưng hoàn toàn là tu thuận tánh, nên mới nói là “*từ Sơ Phát Tâm*”.

Sơ Trụ có tên là Phát Tâm Trụ, thật sự phát tâm tu hành là địa vị Sơ Trụ, tức Sơ Trụ trong Viên Giáo. Chúng ta đều chưa phát tâm [Bồ Đề], nhưng đã phát tâm gì? Phát tâm tham, sân, si, mạn, phải biết điều này! Nhưng chúng ta đang thuộc địa vị phàm phu, thật sự là đáng thương! Nếu phàm phu thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, vừa phát tâm, tuy công đức chẳng bằng Sơ Trụ Bồ Tát, thần thông và đạo lực cũng thua kém Sơ Trụ Bồ Tát, nhưng thừa cùng chư vị, xét theo trí huệ và nhân quả, tuyệt đối chẳng thua Sơ Trụ Bồ Tát! Sơ Trụ Bồ Tát cũng là Tín, Nguyện, Hạnh vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, chúng ta cũng là Tín, Nguyện, Hạnh vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, nên nói theo cơ duyên, nhân quả, sẽ chẳng hai, chẳng khác với hàng đại Bồ Tát! Nhưng mọi người phải hiểu rõ, trong vô lượng pháp môn, chỉ có một môn này đặc biệt, những môn khác chẳng được! Xét theo các môn khác, thứ gì cũng đều chẳng bằng, chẳng thể so sánh! Tu Tịnh Độ, phát tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là đặc biệt, chẳng thể sánh cùng những pháp thông thường để bàn luận được!

Phải thật sự phát tâm, quyết định vãng sanh! Có thể sanh về thế giới Tây Phương [hay không], tùy thuộc cái tâm của quý vị có kiên cố hay không! Quý vị nói “tôi đã phát tâm, tôi rất mong vãng sanh”, nhưng có thể vãng sanh hay không, vẫn chưa nắm chắc. Tôi đã gặp rất nhiều người đến hỏi tôi, họ nói: “Thưa pháp sư! Tôi có thể vãng sanh Tịnh Độ hay không?” Tôi liền bảo người ấy: “Không

thể! Chắc chắn là quý vị không thể!” Người ấy hỏi vì sao? Quý vị chẳng có tín tâm, vẫn còn hoài nghi, đánh dấu hỏi, làm sao có thể vãng sanh cho được? Nếu quý vị đến hỏi tôi: “Tôi quyết định phải vãng sanh, tôi chẳng vãng sanh sẽ không được, nhất định phải vãng sanh”, đến hỏi tôi [như thế], tôi nói quý vị nhất định sẽ vãng sanh, vì sao? Tâm quý vị rất kiên quyết, lẽ đâu chẳng vãng sanh? Vì thế, chớ nên hoài nghi chuyện này, hễ hoài nghi thì chính mình bị thiệt thòi to lớn. Quyền vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới do chính mình nắm giữ, chẳng do người khác thao túng. Hiểu giáo nghĩa hay không là chuyện thứ yếu, vấn đề là quý vị có tín tâm kiên định hay không? Then chốt ở chỗ này! Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, có thể vãng sanh hay không là do có tín nguyện hay không quyết định! Sanh về thế giới Tây Phương, phẩm vị vãng sanh cao hay thấp được quyết định bởi công phu sâu hay cạn. Công phu là gì? Phục đoạn¹⁸ phiền não là công phu. Ngài chẳng nói niệm Phật nhiều hay ít! Niệm Phật nhiều hay ít chẳng liên quan gì hết! Mỗi ngày niệm một câu A Di Đà Phật và mỗi ngày niệm mười vạn tiếng A Di Đà Phật chẳng phải là chuyện khẩn yếu, không sao cả! Người ta niệm một tiếng A Di Đà Phật bèn hàng phục phiền não, quý vị niệm mười vạn câu A Di Đà Phật nhưng chẳng thể hàng phục phiền não thì mười vạn câu chẳng bằng người ta niệm một tiếng! Do đó, có thể chế phục phiền não hay không, có thể đoạn sạch phiền não hay không, đó là công phu. Chế phục phiền não là công phu nông cạn, đoạn trừ phiền não là công phu sâu xa. Chế phục phiền não là công phu thành phiến, đoạn trừ phiền não là nhất tâm bất loạn. Điều này quyết định phẩm vị vãng sanh Tây Phương thế giới, chớ nên không biết chuyện này.

Thật thà niệm Phật là thuận theo Pháp Tánh, chẳng thật thà niệm Phật là trái nghịch Pháp Tánh. Quý vị thấy đối với người niệm Phật chúng ta mà nói, rất nhiều giáo nghĩa rất sâu, rất khó lý giải, nhưng giảng theo Tịnh Độ thì rất dễ dàng, chẳng khó hiểu. Ngay như kinh Kim Cang là một bộ kinh điển rất sâu, tôn giả Tu Bồ Đề hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thưa hỏi hai vấn đề, một là “*nên trụ như thế nào?*” và điều kia là “*nên hàng phục cái tâm như thế nào?*”, hai vấn đề to lớn ấy. Vấn đề lớn thứ nhất là tâm phải an trụ nơi đâu? Ngài Tu Bồ Đề hướng về đức Thế Tôn nêu ra câu hỏi ấy. Ở Trung Quốc, Huệ Khả đại sư cũng hỏi Đạt Ma tổ sư câu sau đây: “*Tâm con bất an, phải an cái tâm bằng cách nào? Phải an trụ nơi đâu?*” Gần như rất giống với câu hỏi của ngài Tu Bồ Đề. Hàng phục cái tâm như thế nào? Tâm ấy là vọng niệm; vọng niệm rất nhiều, dùng phương pháp gì để hàng phục? Một bộ kinh Kim Cang là lời giải đáp của Thích Ca Mâu Ni Phật cho ngài Tu Bồ Đề về hai vấn đề ấy.

Người Hoa niệm kinh Kim Cang rất đông, người học Phật đều từng niệm kinh Kim Cang. Sau khi đã niệm, quý vị có biết an trụ cái tâm ở đâu hay không? Quý vị có biết hàng phục vọng niệm như thế nào hay chẳng? Đức Phật nói nhiều ngàn ấy, chúng ta vẫn không hiểu, vẫn chẳng thể thụ dụng. Nếu là người tu Tịnh Độ thì dễ thực hiện lắm, hãy nên trụ như thế nào ư? [Trụ nơi] A Di Đà Phật, trụ nơi A Di Đà Phật là được rồi. Hàng phục cái tâm như thế nào ư? [Trụ tâm nơi] A

¹⁸ Phục đoạn: Chế ngự không cho phiền não dấy lên, nhưng chưa hoàn toàn đoạn trừ.

Di Đà Phật, tâm liền bị hàng phục. Hễ vọng niệm dấy lên, ngay lập tức [niệm] A Di Đà Phật để xóa bỏ vọng niệm. Cần gì phải phiền phức dường ấy? Một câu A Di Đà Phật thấy đều giải quyết, quý vị mới biết câu A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn, vấn đề là quý vị có biết sử dụng hay không? Nếu quý vị biết dùng, sẽ cao minh hơn phương pháp trong kinh Kim Cang rất nhiều. Nói thật thà, phương pháp trong kinh Kim Cang chỉ có hàng Đại Bồ Tát kiến tánh mới dùng được, mới hữu hiệu. Đối với cùng một vấn đề, chúng ta dùng [danh hiệu] A Di Đà Phật cũng có hiệu quả giống hệt. Chúng sanh Ngũ Nghịch Thập Ác dùng phương pháp này đều có hiệu quả, đều có thể đạt tới cùng một mục tiêu giống như hàng Pháp Thân đại sĩ, thu được hiệu quả giống hệt. Do vậy mới biết pháp môn này thù thắng.

Tiếp đó, dẫn kinh Đại Thừa để giải thích Pháp Thân. *“Đại kinh vân, dĩ pháp thường cố, chư Phật diệc thường. Thuận Pháp Tánh cố, danh pháp vi sư. Thật phi sở sư dữ năng thể biệt, cố tức sở sư pháp, nhi vi kỳ thân. Tuy danh vi thân, dĩ xuất Ngũ Âm, cố phi sắc chất tâm trí”* (Kinh Đại Thừa nói: “Do pháp là thường, nên chư Phật cũng là thường”. Do thuận theo Pháp Tánh, nên gọi pháp là thầy. Thật ra, chẳng phải là Thể của cái được tôn làm thầy và Thể của chủ thể [thực hiện hành động tôn đối tượng ấy làm thầy] có khác biệt. Vì lẽ đó, lấy pháp được tôn làm thầy để làm thân. Tuy gọi là thân, [thân ấy] đã thoát khỏi Ngũ Âm, nên chẳng phải là sắc chất hay tâm trí”). Đoạn này giải thích rất hay. Phải biết: Pháp Thân là Lý Thể, Sự nhất định nương theo Lý mà có, cũng có nghĩa là hiện tượng chính là cái được biến hiện. Pháp Thân là cái Thể có thể biến [ra các hiện tượng]. Tất cả muôn pháp do đâu mà có? Nhất định là có nguồn gốc, trong Phật pháp gọi nguồn gốc ấy là Pháp Thân. Pháp Thân chẳng phải là vật chất, chẳng phải là sắc chất, mà cũng chẳng phải là tâm trí, nay chúng ta gọi “tâm trí” là “tri thức”. Pháp Thân chẳng phải là tri thức, mà cũng chẳng phải là vật chất, nhưng tâm pháp và sắc pháp thấy đều do nó biến hiện, nhưng chính nó thì thứ gì cũng chẳng phải! Do đó, nhìn từ phương diện vật chất, chẳng tìm thấy nó, nhìn từ tâm trí cũng chẳng tìm thấy nó! Các khoa học gia và triết học gia hiện thời vận dụng hết sạch tâm trí cũng tìm chẳng được nó, vì nó chẳng phải là tâm trí. Ất phải bỏ sạch cả hai thứ ấy (vật chất và tâm trí) thì sẽ tìm được nó, nó bèn hiện tiền. Ở chỗ nào? Chẳng có một pháp nào không phải là nó, pháp nào cũng đều là nó, pháp nào cũng đều như, chẳng có một pháp nào chẳng phải [là nó], chẳng có một pháp nào chẳng như! Sắc lẫn tâm ắt đều phải lìa khỏi. Có như vậy thì mới có thể thấy cái bản thể năng biến trong sắc và tâm. Ngài sử dụng văn tự chẳng nhiều, nhưng nói khá tường tận.

Pháp Thân được giới thiệu tới đây [mà thôi]. Tiếp đó, chúng ta lại xem Báo Thân trong dòng in theo lối “đánh cách” trong trang năm mươi tư. Pháp Thân là Lý. Nó vốn sẵn tồn tại, bất sanh, bất diệt: *“Báo Thân giả, tu hành sở cảm”* (Báo Thân là do tu hành mà cảm được). Báo Thân và Ứng Hóa Thân là tướng, tướng là sở biến (cái được biến). Pháp Thân là Lý, nó có thể biến (năng biến). Do có thể biến, nên nó chẳng có thân, mà cũng chẳng có thọ mạng, cũng chẳng có số lượng, thấy đều chẳng thể nói được; nhưng Báo Thân và Ứng Thân có thân, có thọ mạng, mà cũng có số lượng, vì chúng là cái được biến. *“Pháp Hoa vân, cứu tu nghiệp”*

sở đắc. Niết Bàn vân: - Đại Bát Niết Bàn, tu đạo đắc cố” (Kinh Pháp Hoa nói: “[Báo Thân] do tu nghiệp đã lâu mà đạt được”. Kinh Niết Bàn nói: “Đại Bát Niết Bàn là do tu đạo mà đạt được”). Pháp Thân là gì? Pháp Thân là trí huệ, nên gọi là Trí Thân. “Nhu Như Trí chiếu như như cảnh, Bồ Đề trí huệ, dữ Pháp Tánh tương ứng, tương minh. Tương ứng, như hàm cái tương ứng. Tương minh giả, như thủy nhũ tương minh” (Trí như như chiếu cảnh như như, trí huệ Bồ Đề tương ứng và ngầm hợp Pháp Tánh. Tương ứng là như rương và nắp rương khớp nhau. Ngầm hợp là như nước và sữa ngầm hòa hợp); đó là Báo Thân. Kinh giảng Báo Thân có hai loại: Một loại là Tự Thụ Dụng Báo Thân, loại kia là Tha Thụ Dụng Báo Thân. Tự Thụ Dụng Báo Thân có khởi đầu, chẳng có kết thúc; cũng có thể nói là “có sanh, chẳng có diệt”, cũng là ý nghĩa bất sanh, bất diệt. Sau khi đã hiện ra, vĩnh viễn chẳng bị diệt. Tha Thụ Dụng Báo Thân có sanh, có diệt, vì sao? Nhằm hiện ra cho người khác. Kinh thường nói như thế này: Đáng nên dùng thân Phật để đắc độ, bèn thị hiện thân Phật. Trong các thân Phật, nên lấy Báo Thân để độ, bèn hiện Báo Thân; nên dùng Ứng Thân để độ, liền hiện Ứng Thân. Vì vậy, Tha Thụ Dụng Thân có thân, có thọ mạng, có hạn lượng, còn Tự Thụ Dụng Thân thì chẳng có thọ lượng.

Đây là nói đến Trí. Như Như Trí là chân trí. Trong Phật pháp nói Như (如, Tathā) thì Như là gì? “Như” là chân tướng sự thật đúng như vậy, chẳng phải do tạo tác, nên gọi là Như. Nếu là tạo tác, sẽ chẳng được gọi là Như. Vì vậy, Như là một thứ tự nhiên, vốn sẵn là như vậy. Kinh điển nhà Phật vừa mở đầu liền nói: “Nhu thị ngã văn”. “Nhu thị”: Đức Phật muốn nói với chúng ta, Ngài nói với chúng ta điều gì? Trạng huống vốn sẵn có của vũ trụ và nhân sinh, tuyệt đối chẳng phải là tạo tác, mà cũng chẳng phải là do Ngài tưởng tượng. Trạng huống ấy được gọi là Như. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng cho chúng ta những gì? Giảng những điều như thế đó! Nếu quý vị hiểu hai chữ Như Thị, sẽ chẳng cần phải đọc kinh Phật, vì đã hiểu toàn bộ, nhất định là đã hoàn toàn thông đạt pháp thế gian và xuất thế gian. Vì vậy, hết thấy các kinh được mở đầu bằng hai chữ này, nhằm nêu rõ tiêu chuẩn của lời Phật dạy ở ngay chỗ đó, tuyệt đối chẳng nói lung tung một câu nào!

Nhu Như Trí là trí huệ như thế, chiếu cảnh giới như thế. Trí là Năng Chiếu, cảnh là Sở Chiếu. Trước kia, tiên sinh Âu Dương Cảnh Vô đã nói: “Phật pháp chẳng phải là tôn giáo, mà cũng chẳng phải là triết học”. “Chẳng phải là tôn giáo” thì dễ hiểu, vì sao “chẳng phải là triết học?” Trong triết học, có Năng và Sở (chủ thể và khách thể, chủ quan và khách quan v.v...). Trong Phật pháp, cũng nói có Năng và Sở, Trí là Năng Chiếu, cảnh là Sở Chiếu. Có Năng và Sở, nhưng Năng và Sở được nói trong Phật môn khác với Năng và Sở trong triết học. Năng và Sở trong triết học là đối lập, còn Năng và Sở của Phật pháp là một, chẳng phải là đối lập; nên nó chẳng phải là triết học. Trong triết học chẳng nói Năng và Sở là một, còn Năng và Sở trong Phật pháp là một. Kế đó, sách nói “Bồ Đề trí huệ” chính là Như Như Trí, là trí huệ vốn sẵn có trong bản tánh, chẳng phải do tu được, mà là vốn có, tương ứng với Pháp Tánh, tương ứng với cảnh giới được biến hiện bởi Pháp Tánh. Như Như Trí là một phần của Pháp Tánh, cảnh giới Như Như cũng

là một phần của Pháp Tánh, Thể của chúng là một. Thể đã là một, nên Sự có thể dung thông. Vì vậy, nó có thể tương ứng và ngầm hợp cùng Pháp Tánh, vì chúng là một Thể. Tiếp đó, sách nêu tỷ dụ, tương ứng là gì? Như cái rương và nắp rương tương ứng. Giống như ở đây có chén trà, chén trà có nắp đây, đúng là cái nắp ấy đây vừa khít. “Rương và nắp rương” có ý nghĩa như vậy. Thế nào là “ngầm hợp”? Chúng ta nói nước và sữa hòa lẫn vào nhau. Chúng ta hòa lẫn sữa vào nước, nước và sữa hợp thành một thể, chẳng thể phân ra giới hạn. Năng và Sở là một, chẳng hai; đó là điều khác biệt giữa Phật pháp và học thuật hay triết học. Do đó, chư vị phải hiểu: Tận hư không khắp pháp giới là một Thể.

Cuối đoạn chú giải này là: “*Cảnh ngoại vô trí, trí ngoại vô cảnh*” (Ngoài cảnh chẳng có trí, ngoài trí chẳng có cảnh). Chúng ta nói “mắt thấy” thì mắt có năng lực to cỡ nào? Chỗ quý vị có thể thấy được đều là [năng lực] của tánh Thấy. Nếu chẳng có tánh Thấy, làm sao quý vị có thể thấy được? Tánh Thấy to cỡ nào? Tận hư không, khắp pháp giới! Tánh Thấy là như vậy, mà tánh Nghe, tánh Cảm Nhận, tánh Nếm, không gì chẳng phải là như vậy. Vì thế, người trong thế giới Tây Phương “*Thiên Nhãn đồng thị, Thiên Nhĩ triệt thính, Tha Tâm biến tri*” (Thiên Nhãn thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thông suốt, Tha Tâm biết trọn khắp), chẳng có chút gì hiểm hoi, lạ lùng! Đó là trí và cảnh tương ứng, ngầm hợp, năng lực hoàn toàn khôi phục. Nay chúng ta nhìn thì cách tường bèn chẳng thấy, vì sao chẳng thấy? Do vì quý vị có phân biệt, chấp trước: “Ồ đây có vách tường, đương nhiên chúng ta chẳng thấy”, cho nên quý vị chẳng thấy. Nếu ngày nào đoạn sạch ý niệm ấy, “vách tường ấy chẳng ngại Sự, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”, tình hình bên kia tường ra sao, quý vị đều trông thấy. Vì thế, chướng ngại ấy là chướng ngại trong tâm lý, chẳng phải là chướng ngại nơi hình tướng của sự vật. Tất cả hết thấy chướng ngại thấy đều ở trong tâm. “*Tâm sanh tắc chủng chủng pháp sanh, tâm diệt tắc chủng chủng pháp diệt*” (Tâm sanh ắt các pháp sanh, tâm diệt ắt các pháp diệt). “Các thứ pháp diệt” chẳng phải là pháp chẳng còn nữa, mà là chẳng có chướng ngại, bèn nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, mới biết hết thấy chướng ngại sanh từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta, đều chẳng phải là sự thật. Tuy chẳng phải là sự thật, nhưng nó khởi tác dụng, đem lại cho chúng ta rất nhiều đau khổ.

Trước kia, thầy Lý giảng kinh đến chỗ này, thầy dạy chúng tôi làm thí nghiệm. Để thí nghiệm thì thí nghiệm trên sự tương rất khó, thầy bèn nói: Nếu các anh nằm mộng, thầy tạo một ấn tượng cho chúng tôi. Trong khi nằm mộng, có khi tự mình biết là đang nằm mộng; trong khi quý vị biết chính mình đang nằm mộng, quý vị nói cảnh giới trong mộng đều là giả, ta nhất định đi xuyên qua vách tường kia thì nhất định sẽ đi xuyên qua được, chẳng gặp chướng ngại. Có một lần, một bạn học của chúng tôi là ông Châu Gia Lân, Châu Gia Lân nay đang giảng kinh Hoa Nghiêm vào mỗi thứ Tư tại Từ Quang Đồ Thư Quán. Sau khi thầy Lý vãng sanh, ông Châu thay thầy giảng kinh Hoa Nghiêm. Châu Gia Lân kể với chúng tôi: Có một hôm, ông ta nằm mộng, đã nghĩ thầy nói “mộng là giả, vách tường cũng là giả”, ta nhất định có thể xuyên qua, bèn thử xem. Kết quả là

đi qua được, chẳng bị chướng ngại. Châu Gia Lân đã làm thí nghiệm, xác thực là như vậy.

Chúng ta lại xem bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh. Trong lời Tựa, Ngài có kể một câu chuyện là chuyện của chính Ngài. Có một hôm, Ngài tỉnh tọa trong liêu phòng, bỗng nhớ có chuyện cần phải làm, bèn bước khỏi chỗ ngồi đi ra ngoài. Sau khi ra khỏi phòng, Ngài chợt nghĩ: “Cửa phòng đã đóng, chưa mở, làm sao đi ra được?” Sau khi đã trở ra, quay lại đẩy cửa thì đã gài then bên trong. Trong một niệm ấy, Ngài chẳng nghĩ cửa ấy đã đóng, liền đi ra được. Niệm thứ hai, [nghĩ là] cửa đã đóng, trở lại đẩy cửa, chẳng vào được, phải tìm người lấy chìa khóa mở cửa mới có thể vào phòng. Một niệm quên bẵng, bèn đi qua được; do vậy, tất cả chướng ngại đều do vọng niệm tạo thành.

Quý vị lại đọc Hư Vân Lão Hòa Thượng Niên Phổ, trong đó có chép câu chuyện, chuyện ấy là sự thật. Có một lần, lão hòa thượng xuống núi, chẳng biết đi đến nơi đâu. Ngài đi đường, tâm thanh tịnh, cũng trụ trong Định. Trên đường, gặp mấy người cũng là người xuất gia, cầm đèn lồng. Trên đường, họ đụng phải lão hòa thượng Hư Vân, bèn hỏi: “Thưa lão hòa thượng! Trời đã tối thế này, Ngài đi đường một mình sao chẳng có đèn đuốc gì?” Lão hòa thượng vừa nghe câu ấy, ngay lập tức trời tối đen. Khi Ngài còn chưa nghe lời ấy thì trời sáng ngời, chẳng tối tăm. Ngài ra đi lúc ba giờ, vĩnh viễn trụ trong ba giờ, nên bầu trời một mực sáng ngời. Kết quả là người ta vừa nhắc nhở “trời đã tối”, Ngài nghe nói vậy, ngay lập tức trời đen kịt. Hết thầy duy tâm tạo! Những vị ấy đều là người trong hiện thời, cách chúng ta chẳng xa cho mấy, đã chứng minh cho chúng ta: “Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là nhân tố căn bản”; đó là điều đức Phật dạy trong kinh Hoa Nghiêm, những người tu hành trong hiện thời cũng đã chứng tỏ cho chúng ta.

Trong đoạn tiếp theo, chúng ta xem tới Ứng Thân, xem dòng thứ hai đếm từ dưới lên trong trang năm mươi lăm. Đoạn văn này là lời Sớ, chẳng phải là Sao, ở chỗ này bị in lầm, in thấp xuống một chữ, phải in theo lối đánh cách thì mới đúng. “*Ứng Thân giả, ứng đồng vạn vật vi thân dã, ứng đồng liên trì vi thọ dã, ứng đồng trường đoản vi lượng dã*” (Ứng Thân là ứng hiện thân giống như muôn vật, ứng hiện ngay cả có cùng thọ mạng, ứng hiện có thân lượng cao hay thấp giống như họ), cho đến đây là lời Sớ, chẳng phải là chú giải. Kế đó là “*như cổ đáp hưởng, đại tiểu tùy thân*” (như cái trống phát ra tiếng [khi bị gõ], tùy thuộc thân trống [lớn hay nhỏ mà tiếng trống phát ra] to hay nhỏ), đó là lời chú giải. Ứng Thân là do cảm ứng đạo giao cùng chúng sanh mà hiện. Chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát có ứng, nên Ứng Thân cũng giống như Hóa Thân; nhưng Ứng và Hóa vẫn khác nhau. Ứng Thân là gì? Giống như người ấy cũng đầu thai, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đến thế gian này, thị hiện hoàn toàn giống như loài người chúng ta, sống trên thế gian này tám mươi năm, đó là Ứng Thân. Hóa Thân là bỗng dung hiện tiền, sau khi làm xong chuyện bèn chẳng còn nữa, đó là Hóa Thân. Như xưa kia phu nhân Châu Bang Đạo gặp Địa Tạng Bồ Tát, đó là Hóa Thân, bà ta gặp Ngài ở Nam Kinh. Lần này, tôi đến Nam Kinh, có đến viếng căn nhà cũ của bà. Căn nhà bà đã ở rất lớn, hiện thời hơn một nửa được dùng làm nhà

trẻ (ấu trĩ viên, kindergarten), [phần đất dùng làm] nhà trẻ ấy chẳng thể trả lại cho bà ta. Con trai lớn của bà ta nay còn đang sống ở Nam Kinh, họ trả lại cho con bà một phần ba căn nhà ấy, sân cũng rất lớn.

Bà ta đang ở trong nhà, bỗng dưng có một người xuất gia đến hóa duyên, nói là từ Cửu Hoa Sơn đến. Thuở ấy, Châu phu nhân còn chưa tin Phật, chẳng cho, chẳng tặng vật phẩm hóa duyên cho vị ấy, người xuất gia đó bèn bỏ đi. Sau khi vị ấy đi rồi, bà mới nghĩ: Từ cửa lớn còn phải qua tầng cửa thứ hai, tầng cửa thứ ba, cả ba tầng cửa, cửa đều chẳng mở, sao vị ấy có thể bước vào được? Sau khi bước ra, cũng chẳng có ai mở cửa cho vị ấy, làm sao vị ấy đi ra được? Ngờ vực chẳng giải quyết được! Câu hỏi ấy mãi cho đến khi sang Đài Loan, gặp thầy Lý tại Đài Trung, bà ta đem chuyện ấy kể với thầy Lý. Thầy Lý bảo: “Địa Tạng Bồ Tát đến hóa duyên với bà, đó chẳng phải là phàm nhân, mà là Hóa Thân”. Bà ta mới hiểu, nên mới niệm kinh Địa Tạng, mỗi ngày thờ phượng Địa Tạng Bồ Tát. Bà có viết bài Ngộ Địa Tạng Bồ Tát Ký kể câu chuyện ở Nam Kinh ấy. Đó gọi là Hóa Thân, nói thật ra cũng là đến độ bà ta. Tuy khi ấy chẳng độ, bà ta đến Đài Loan mới học Phật, nhưng đó là cái nhân. Nếu chẳng có chuyện ấy, đến Đài Loan, bà ta cũng chưa chắc chịu học Phật. Gặp chuyện như thế, chuyện này rất rõ ràng. [Trong cuộc gặp gỡ ấy, bà ta cùng vị tăng đó] hỏi đáp, trò chuyện, nói rất nhiều câu, tuyệt đối chẳng phải là nằm mộng, tuyệt đối chẳng phải là giả, nên [bà ta có] ấn tượng hết sức sâu đậm. Nghĩ đến chuyện này mới biết Phật, Bồ Tát trong Phật pháp là thật, chẳng phải là giả. Bà ta vô cùng hối hận: “Khi đó, Bồ Tát chỉ hóa duyên mấy cân dầu mè, nhưng chúng tôi chẳng biếu tặng”.

Đó là nói về Ứng và Hóa. Ứng và Hóa sai biệt ở chỗ này. Ứng Thân còn có thọ lượng, giống như ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật đã xuất hiện trong thế gian, đó là Ứng Thân. Ngài trụ trong thế gian này tám mươi năm bèn nhập diệt. Đó là thọ lượng của Ngài, thọ lượng của Ngài là tám mươi tuổi. “*Ứng đồng trường đoản*” (Ứng hiện cao hay thấp giống như nhau). Theo kinh điển ghi chép, Thích Ca Mâu Ni Phật thân cao trượng sáu, tức là một trượng sáu thước, đó là thân thể cao lớn; nhưng chư vị phải hiểu, chẳng phải là tính theo thước hiện thời. Theo thước tắc hiện thời, một trượng sáu thì kinh khủng quá, quá cao! Thước thuở ấy ngắn hơn thước hiện thời rất nhiều, đại khái một thước [thuở đó] còn chưa đến sáu tắc hiện thời, dài hơn năm tắc một chút. Nhìn từ chỗ này, chúng ta sẽ chẳng cảm thấy rất kỳ quái, vóc dáng Phật tuy cao, vẫn chẳng phải là rất cao. Thước thuở ấy khác với thước hiện tại. Nói đến Ứng Thân bèn có thân tướng, thọ mạng, vóc dáng cao thấp, những thứ ấy đều có. Giới thiệu đơn giản cùng chư vị ba thân đến chỗ này.

Chúng ta lại xem đoạn văn kế tiếp, trong trang năm mươi sáu, dòng thứ năm từ dưới đếm lên. “*Năng vi thân, phi thân*” (Có thể làm thân hoặc chẳng phải là thân), chữ Năng phải đọc liên tiếp một mạch, tức là “*năng vi thân, năng vi phi thân*”. “*Năng vi thường thọ, năng vi vô thường thọ. Năng vi vô lượng, năng vi hữu lượng*” (Có thể có thọ mạng thường hằng, hoặc tuổi thọ chẳng thường hằng. Có thể là vô lượng hoặc là có hạn lượng). Đây là nói Pháp Thân có thể tùy ý tự tại thị hiện, nhưng “tùy ý” chẳng phải là thuận theo ý của chính mình, vì chính

nó chẳng có ý. Nếu chính mình có ý, sẽ biến thành phàm phu, hữu ý sẽ chẳng tự tại. Tùy ý là tùy theo ý của chúng sanh. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ*”. Đó là chánh xác. Hiện thời, chúng ta chẳng thể tự tại biến hóa giống như Phật, Bồ Tát là vì chúng ta hữu ý. Hễ hữu ý sẽ chẳng có cách nào, chẳng thể hiện. Khi nào đạt đến vô ý, bèn có thể tùy thuận chúng sanh, chứ hữu ý thì chẳng có cách nào!

Pháp Thân đại sĩ chẳng dùng tâm ý thức; không chỉ chẳng có ý, mà cũng chẳng có tâm. Tâm ý thức đều chẳng có, sử dụng Chân Như bản tánh, nên có thể tùy loại hóa thân, có thể “*thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng tiếp nhận của họ*”. Chúng ta gặp phiền phức vì có tâm ý thức, tâm ý thức là pháp hữu vi. Theo cách liệt kê danh mục trong Bách Pháp, khoa mục đầu tiên trong pháp hữu vi là tám thức, tám thức là tâm ý thức. Tâm ý thức là giả, chẳng thật. Tương ứng với tám thức, nay chúng ta nói là “tác dụng tâm lý”, hoặc “hiện tượng tâm lý”, là năm mươi một Tâm Sở, những thứ này đều gọi là pháp hữu vi. Trong Bách Pháp, chỉ có sáu pháp cuối cùng là pháp vô vi. Những pháp trước đó như Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp, tổng cộng chia thành chín mươi bốn loại, toàn là pháp hữu vi. Kinh Kim Cang đã nói: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Nay phàm phu chúng ta coi những pháp hữu vi ấy đều là thật, phân biệt, chấp trước, so đo trong ấy, khổ khôn xiết kể! Phật thấy chúng sanh làm như vậy, gọi họ là “kẻ đáng thương xót”, vì sao là “đáng thương xót?” Vốn chẳng có, mà cứ tự mình khăng khăng biến thành có. Chẳng khổ mà chính họ khổ sở ngàn ấy, nên mới nói là “đáng thương”. Nếu thật sự có khổ, Phật sẽ chẳng gọi quý vị là “đáng thương”. Chẳng có khổ mà chính mình tìm khổ, đó là “đáng thương”. Vốn chẳng có khổ mà chính mình khư khư tìm khổ; ngộ giả là thật, đáng thương thay! Vì thế, các pháp hữu vi là giả, chẳng thật!

Vì lẽ đó, quý vị phải giác ngộ, thật sự giác ngộ sẽ lìa khổ, được vui, từ nay trở đi sẽ chẳng còn khổ nữa. Vì sao? Chẳng còn chấp trước, chẳng còn so đo. Người với người qua lại với nhau chớ nên coi là thật, vì sao? Giả trá! Người khác nói thích ta, yêu mến ta thế này thế nọ, quý vị nghe lời ấy đừng ngỡ là thật, giả trá, chẳng thật! Vì sao? Tam tâm, nhị ý. Tam tâm là gì? Tâm ý thức, thức thứ tám, thức thứ bảy, và thức thứ sáu gọi là “tam tâm”. Nhị ý: Thức thứ sáu là ý thức, thức thứ bảy là ý căn, nên gọi là “nhị ý”. Tam tâm nhị ý chẳng phải là thật. Chúng ta đối với người khác cũng là tam tâm nhị ý, cũng chẳng thật! Hôm nay tôi đối với quý vị tốt đẹp dường ấy, nói không chừng ngày mai liền giở quẻ, đâu là thật? Chính mình đối với chính mình còn chưa thể bảo đảm, há còn có thể bảo đảm những lời người khác nói là thật? Há cái tâm ấy là thật? Nếu quý vị ngộ là thật, sẽ hoàn toàn bị lừa gạt. Bị ai lừa gạt? Chẳng phải là bị kẻ khác lừa gạt, mà là tự mình lừa gạt chính mình.

Ngày nào chẳng dùng tâm ý thức, mà dùng chân tâm, sẽ là thật, chẳng giả. Đến khi nào? Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác phá một phẩm vô minh, chứng một phần chân tánh, chân tánh là chân tâm; từ đó trở đi bèn dùng chân tâm, chẳng dùng tâm ý thức, đó là thật. Vì lẽ đó, chúng ta qua lại với hết thảy mọi người, trong tâm hiểu rõ, toàn là giả! Bất luận họ nói như thế nào, chúng ta cười cười mà

thôi, quý vị thấy chúng ta vui sướng lắm, tự tại lắm, đã hiểu rõ chân tướng sự thật. Ai là thật? Người nào thật sự yêu thương chúng ta? Phật, Bồ Tát thật sự yêu thương chúng ta. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát thì toàn bộ đều là giả! [Kẻ khác] nói dễ nghe đến mấy, hãy nghe xong rồi thôi, ngàn vạn phần đừng ngỡ là thật. Sự thật ấy là chân tướng sự thật, phải hiểu rõ ràng: Chúng ta chẳng có phiền não, ưu虑 cũng chẳng có, đau khổ cũng chẳng có, lìa khổ được vui. Nếu hiểu rõ chân tướng sẽ lìa khổ được vui, hễ mê nơi chân tướng sẽ khổ chẳng thể nói nổi! Chúng ta thấy có rất nhiều người vì cảm tình, vì tài vật, vì mọi thứ mà lo lắng, đáng thương! Chúng ta thấy [những kẻ ấy] đúng là đáng thương xót. Vì sao? Toàn là giả, chẳng có gì là thật. Thế gian có gì là thật? Thân thể đều là giả, sanh chẳng đem theo đến, chết chẳng mang theo đi, ngay cả thân thể cũng là giả, huông hồ vật ngoài thân! Vì thế, đối với thân thể còn chớ nên chấp trước, huông hồ vật ngoài thân!

Có được mất hay không? Chẳng có được hay mất! Quý vị nói ta đạt được, giả trát! Quý vị đạt được thứ gì? Đem ngủ nhắm mắt lại, khi đã ngủ say, người ta khiêng thân thể quý vị đi, cũng chẳng biết, có thứ gì là của chính mình? Vì lẽ đó, phải giác ngộ, chẳng có gì là của chính mình, thứ gì cũng đều chẳng đạt được. Đã là thứ gì cũng đều chẳng đạt được thì thứ gì cũng chẳng mất đi, về căn bản chẳng có được thứ gì thì lấy đâu ra mất? Lo được, lo mất đem lại bao nhiêu nỗi phiền não. Sau khi quý vị đã hiểu rõ, vốn chẳng có được, mà cũng chẳng có mất, lẽ nào chẳng tự tại? Đạt được thứ gì đều giống như nằm mộng. Trong mộng có được một món tiền của, giả trát. Mất đi cũng giống như nằm mộng. Trong mộng mất một món tiền lớn, cũng là giả, chẳng có gì là thật. Để giảng với mọi người về chân tướng trong vũ trụ, kinh Phật thường nói đến Thật Tướng của các pháp, Thật Tướng là như thế đó. Không chỉ là trong lục đạo, Thật Tướng là như thế, mà Thật Tướng trong tứ thánh pháp giới cũng chẳng phải là ngoại lệ, thủy đều là như thế đó. “*Phàm những gì có tướng, đều là hư vọng*”. Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng được bao gồm trong ấy, chẳng thể nói Tây Phương Cực Lạc thế giới là ngoại lệ, chẳng có, nó cũng là hư vọng. Chỗ bất đồng là: Nó là cảnh giới được hiện bởi tâm thanh tịnh, còn cõi này là cảnh giới do tâm ô nhiễm hiện ra, khác nhau ở chỗ này! Vì vậy, chớ nên chấp trước lục phàm, mà tứ thánh cũng chớ nên chấp trước. Nếu quý vị chấp trước Tây Phương Cực Lạc thế giới thì cũng sai. Hết thủy đều chẳng chấp trước sẽ là đúng.

Tập 11

Xin mở kinh bốn, trang năm mươi sáu.

Phần trước là nói Pháp Thân “*thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận lãnh của họ*”. Trong đoạn văn này có nói Ứng Thân của A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là có hạn lượng. Đoạn văn này nằm trong trang năm mươi sáu, nơi dòng thứ ba từ dưới đếm lên, nói về “*hữu lượng chi lượng*” (số lượng có hạn lượng). Xem từ câu thứ hai:

“*Như A Di Đà thật hữu kỳ hạn, nhân thiên mặc số, thị hữu lượng chi vô lượng*” (Như A Di Đà Phật thật sự có kỳ hạn, nhưng trời người chẳng thể tính toán được, tức là vô lượng trong hữu lượng). Vấn đề này hết sức trọng yếu, vì rất nhiều người thấy kinh nói A Di Đà Phật là vô lượng thọ, lại thấy trong kinh đức Phật có nói A Di Đà Phật trong tương lai sẽ nhập diệt, Quán Âm Bồ Tát [nói ngói] thành Phật. Sau khi Quán Âm Bồ Tát thành Phật, hóa độ chúng sanh cũng là vô lượng thọ. Sau khi Ngài nhập diệt, Đại Thế Chí Bồ Tát thành Phật. Điều này xác thực là có nói trong kinh. Nói như vậy, thọ lượng của A Di Đà Phật là hữu lượng (có hạn lượng), làm sao có thể gọi là vô lượng? Ở đây đã giải thích, giải thích rất hay. Trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói, giả sử mười phương chúng sanh, đây là nói giả sử, chẳng thật, mười phương tất cả hết thấy chúng sanh đều chứng quả Bích Chi Phật, Bích Chi Phật còn cao hơn A La Hán, thần thông đều giống như Mục Kiền Liên, Mục Kiền Liên thần thông bậc nhất, thọ mạng đều là luận bằng nhiều kiếp, người đông như thế, trọn hết tuổi thọ hợp sức cùng nhau tính toán thọ lượng của A Di Đà Phật, đều tính chẳng ra! Kinh sánh ví [con số] có thể tính được giống như một giọt nước trong biển cả, tính không ra, giống như nước trong biển cả! Chúng ta có thể suy nghĩ: Thọ lượng của A Di Đà Phật là vô lượng hay là có hạn lượng? Do tính không ra, nên là vô lượng. Vì thế, “vô lượng” nói ở đây là “vô lượng trong hữu lượng”. Tuy là hữu lượng, nhưng chẳng ai có thể tính toán ra, nên có thể nói là vô lượng. Chư vị phải biết kinh nói điều này là nói tới Ứng Thân của A Di Đà Phật, A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới là Ứng Hóa Thân. Đương nhiên, đối với Báo Thân, các kinh thường có nói là “*hữu thi vô chung*” (có khởi đầu, nhưng chẳng có kết thúc), sau khi chứng đắc bèn vĩnh viễn chẳng diệt. Báo Thân là thân trí huệ, là vô lượng; đó là vô lượng trong vô lượng. Đối với Pháp Thân, chẳng bàn tới hữu lượng hay vô lượng vì nó chẳng thuộc vào số lượng, nên thấy đều chẳng thể nói được. Có khi sẽ gặp phải câu hỏi này!

Ngoài ra còn có một câu hỏi khác nơi dòng thứ hai trong trang năm mươi tám. Trong Đại Luận, tức là Đại Trí Độ Luận, có một đoạn như thế này: “*Đại luận tam thập lục vạn*” (Đại Luận, quyển ba mươi sáu có chép). Trong quyển ba mươi sáu, chúng ta biết Đại Trí Độ Luận gồm một trăm cuốn; trong quyển ba mươi sáu có một đoạn chép như thế này: “*Đương tri Thích Ca cánh hữu thanh tịnh quốc độ*” (Hãy nên biết Phật Thích Ca cũng có cõi nước thanh tịnh). “*Thích Ca*” là Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có Tịnh Độ, “*như A Di Đà Phật quốc*” [nghĩa là Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật] giống

hết thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật. “*A Di Đà Phật diệc hữu bất nghiêm tịnh quốc*” (A Di Đà Phật cũng có cõi nước chẳng nghiêm tịnh), [ý nói Ngài] cũng có cõi nước chẳng phải là Tịnh Độ, cũng có uế độ, “*như Thích Ca Văn Phật quốc*” (giống như cõi nước của Thích Ca Mâu Ni Phật), [tức là] giống như thế giới Sa Bà của chúng ta trong hiện thời. Đã đọc Đại Trí Độ Luận, người ấy chẳng mong sanh về Tây Phương Tịnh Độ nữa, vì sao? Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có Tịnh Độ chẳng khác gì Tây Phương Cực Lạc thế giới, có sao lại phải sang bên ấy (cõi Cực Lạc)? Vì sao phải đến nơi xa xôi ngàn ấy, qua khỏi mười vạn ức cõi Phật, sang bên đó để làm gì? Đại Luận nói không sai, nếu chúng ta hỏi: Tâm địa của Thích Ca Mâu Ni Phật có thanh tịnh hay không? Thanh tịnh thì đương nhiên hiện Tịnh Độ, đó là đạo lý nhất định. Vì thế, chuyện này nói theo Lý sẽ thông suốt, về Sự thì vẫn có thể. Vấn đề hiện thời là chúng ta phải làm như thế nào thì mới có thể sanh về Tịnh Độ của Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật?

Chuyện này vẫn là điều được nói trong phần trước. Trong phần trước đã có tỷ dụ, học trò theo thầy, nhưng có nghe theo giáo huấn của thầy hay không? Nếu thật sự nghe theo giáo huấn của thầy, thầy dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là sanh về thế giới Cực Lạc của Thích Ca Mâu Ni Phật! Vì sao? Kinh đã nói rất rõ ràng, sanh về một cõi Phật tức là sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chính là sanh trong hết thảy các cõi Phật. “*Hết thảy chư Phật*” đương nhiên bao gồm Thích Ca Mâu Ni Phật. Thấy A Di Đà Phật, thấy một vị Phật là thấy hết thảy chư Phật. Chúng ta biết điều này, có thể khẳng định một mực niệm A Di Đà Phật, bất luận đọc kinh luận thấy đức Phật thuyết pháp như thế nào đều chẳng còn hoài nghi nữa! Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật không dạy chúng ta sanh về Tịnh Độ của Ngài, mà dạy chúng ta sanh về Tịnh Độ của A Di Đà Phật? Thừa cùng chư vị, sanh về Tịnh Độ của A Di Đà Phật dễ dàng! Đó là do bồn nguyện của đức Di Đà đã phát trong lúc tu nhân: Chỉ cần chấp trì danh hiệu, Ngài liền đến tiếp dẫn. Đối với Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phát nguyện ấy, chẳng nói quý vị niệm danh hiệu của Ngài, Ngài liền đến tiếp dẫn quý vị sanh về Tịnh Độ. Tìm khắp Đại Tạng Kinh cũng chẳng tìm thấy lời ấy. Điều này nói rõ: Vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ dễ hơn hết thảy các cõi Tịnh Độ khác của chư Phật. Sanh về Tây Phương Tịnh Độ giống như sanh về Tịnh Độ của hết thảy chư Phật, vì sau khi quý vị đã đến Tây Phương Tịnh Độ, muốn đến Tịnh Độ của vị Phật nào bèn đến Tịnh Độ của đức Phật ấy; đó gọi là “*một sanh, hết thảy sanh*”.

Trong đoạn lớn này, chúng tôi giới thiệu phần Thích Danh (釋名: giải thích tên kinh) đến đây, lại xem đoạn lớn thứ hai. Đoạn lớn thứ hai là Biện Thể (辨體: biện định bản thể của bộ kinh này) ở trong trang năm mươi chín, [xem từ] dòng thứ năm. “*Tiên văn giải thích năng thuyết, sở thuyết, năng quán, sở quán, giai năng thuyên danh*” (Đoạn văn trên đây đã giải thích người nói, đối tượng được nói, người quán, đối tượng được quán, đều là giải thích về danh xưng của bộ kinh). Đoạn lớn trên đây nhằm giải thích những diệu nghĩa được bao hàm trong tựa đề kinh này, còn đoạn này nhằm hiển Thể. Thể là nói đến tánh chất của nó, cũng có nghĩa là căn cứ lý luận mà đức Phật đã dùng để giảng bộ kinh này. Đức

Phật đã dựa vào đâu để nói Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh? Nhất định phải biết căn cứ lý luận của nó thì tín tâm của chúng ta mới có thể thật sự kiến lập. Nếu không biết căn cứ lý luận của nó mà tin tưởng, chỉ có thể nói là người ấy thiện căn sâu dày. Được lắm! Người ấy có thể thành tựu. Có những người mà nếu quý vị chẳng có căn cứ lý luận, họ sẽ chẳng tin, chẳng thể tiếp nhận, nên phần Biện Thể hết sức trọng yếu.

Trong phần giải thích có câu: “*Tâm danh, ý tại vong danh hiển Thể*” (Tìm hiểu ý nghĩa của tên gọi với dụng ý quên đi cái tên gọi để hiển lộ cái Thể), câu này rất quan trọng. Nói thật ra, trong kinh luận thường dạy chúng ta: “*Nghe giáo*”, cổ nhân nói là “*thính giáo*”, còn nay chúng ta nói là “*nghe kinh*” hoặc “*nghe khai thị*”, cổ nhân dùng chữ “*thính giáo*”, thính giáo phải tiêu quy tự tánh. Để tiêu quy tự tánh, nhất định phải lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên thì mới có thể tương ứng với tâm tánh. Nếu chấp trước những thứ ấy, sẽ không tương ứng. Đức Phật nói ra tên kinh cũng là nói đến Giáo; nếu chúng ta có thể lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, bèn kiến tánh. Tánh là gì? Tánh là Thể của kinh. Do vậy, có thể biết: Đức Phật đã dựa vào đâu để nói kinh? Dựa trên Chân Như bản tánh. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới được kiến lập trên bản tánh, đức Phật nói hết thảy các kinh cũng do từ trong tâm tánh lưu lộ, nên có thể tin tưởng điều này.

Tiếp theo đó, sách giải thích ý nghĩa của việc Biện Thể, phần này nằm trong phần Chánh Văn, trang sáu mươi một, hàng thứ hai: “*Thứ Biện Thể giả, Thể thị chủ nghĩa*” (Kế đến là Biện Thể, Thể là nghĩa lý chủ yếu). “*Thứ*” (次) là đoạn thứ hai, “*Sơ*” (初: đoạn đầu tiên) là Thích Danh (giải thích tên kinh), là đoạn lớn thứ nhất. Đây là đoạn lớn thứ hai, tức Biện Thể trong năm tầng Huyền Nghĩa. Biện (辨) là biện định, phân biệt, Thể (體) là tánh thể của bốn kinh. Trước hết giải thích chữ Thể theo cách nào? Thể là “*chủ nghĩa*” (主義: nghĩa lý chủ yếu), Chủ là “*tân chủ*” (賓主: khách và chủ). Trong phần trước, giảng về Danh (tên kinh) thì Danh chẳng phải là Chủ. Ví như tôi xuất gia, sư phụ đặt cho tôi pháp danh là Tịnh Không, Tịnh Không có phải là tôi hay không? Chẳng phải! Con người này mới là tôi. Danh tự thì ta đổi tên chẳng sao cả; ta có thể đổi tên, chẳng thể đổi cái thân. Thân là một, là chủ, ta thích tên gì cũng đều được cả. Quý vị thấy khi Hoàng Nhất đại sư viết văn hay vẽ vờ, con dấu khắc tên của Ngài nói chung có đến tám chín mươi loại, sợ rằng chính Ngài cũng chẳng biết rõ [chính mình thật sự có bao nhiêu con dấu]! Danh là giả danh, “*tâm danh*” là phải tìm Chủ của nó thì mới được, Chủ chính là Thể. “*Danh bàng thị Tân*”, [nghĩa là] xét theo mối quan hệ giữa chủ và khách, Danh (tên kinh) là khách. “*Thể chánh thị Chủ*” (Thể đúng là Chủ), dùng Danh để hiển Thể. “*Danh thị giả danh, Thể thị thực chất, nhất thiết danh hạ, giai hữu kỳ Thể*” (Danh là giả danh, Thể là thực chất. Trong hết thảy các tên gọi đều có Thể của chúng). Nếu danh ấy chẳng có Thể, danh cũng chẳng thể tồn tại. Trong kinh Phật thường dùng tỷ dụ “*quy mao, thố giác*” (龜毛兔角: lông rùa, sừng thỏ), đó là có Danh, nhưng chẳng có Thể. Con thỏ chẳng có sừng,

nói “sùng thờ” chính là có Danh nhưng chẳng có Thể, chẳng có ý nghĩa gì! Có Danh, nhất định phải có Thể, phải có thật thể. Đó là nói về ý nghĩa của Thể.

Tiếp đó, chánh thức giải thích chữ “*chủ chất*”. “*Thích Luận vân, trừ chư pháp Thật Tướng, dư giai ma sự*” (Thích Luận viết: “Trừ Thật Tướng của các pháp ra, những thứ khác đều là ma sự”), đây là căn cứ trên những điều được giảng trong kinh Đại Thừa, đó là ý nghĩa được nói trong kinh Hoa Nghiêm. “*Ma sự*” là gì? Ma là vùi dập, phiền não, đau khổ. Phàm những gì chẳng tương ứng với Thật Tướng đều có khổ. Tư tưởng, kiến giải, và hành vi của lục đạo phàm phu đều trái nghịch Thật Tướng, nên tam giới đều đau khổ. Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát chưa thể hoàn toàn tương ứng với Thật Tướng, chỉ tương ứng một phần, chưa thể hoàn toàn tương ứng, các Ngài vẫn còn có những nỗi khổ nhỏ, ít hơn chúng ta rất nhiều. Chỉ có viên thật Bồ Tát, [tức là] các vị Bồ Tát chân thật trong Viên Giáo, là những vị Bồ Tát đã chứng đắc Pháp Thân mới thật sự lìa khổ được vui, vĩnh viễn chẳng có ma sự, có thể tương ứng với Thật Tướng. Chúng ta nên biết sự thật này, biết giống như chính mình có gốc bệnh ấy, biết chính mình mắc loại bệnh gì. Đã biết bệnh, chúng ta sẽ có thể tìm bác sĩ, tìm thuốc, mới có thể trị khỏi bệnh ấy. Sợ nhất là chính mình mắc bệnh nhưng chẳng biết, chuyện ấy đáng sợ nhất! Vì lẽ đó, người tu hành phải biết những gì? Vì sao phải tu? Trong tương lai, hy vọng sẽ đạt được kết quả như thế nào? Phải hiểu rành rẽ, rõ ràng chuyện này. Quyết định chớ nên hồ đồ, mê muội tu tập, chớ nên như thế, lãng phí thời gian, lãng phí tinh thần, chẳng đạt được kết quả!

“*Đại Thừa kinh dĩ Thật Tướng vi ấn, vi kinh chánh thể*” (Kinh Đại Thừa lấy Thật Tướng làm ấn, làm chánh thể của kinh). Hết thảy các kinh Đại Thừa do đức Phật đã giảng đều lấy Thật Tướng làm Thể. Thật Tướng là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Nói cách khác, hết thảy các kinh đều nhằm nói rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, căn cứ trên Thật Tướng của các pháp để nói. Có thể thấy mỗi câu trong kinh đều là chân thật, chẳng có câu nào là nói hư giả. Những điều kinh nói dường như mâu thuẫn với kiến thức thông thường của chúng ta, tình hình ấy rất nhiều, đó là vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đã tích lũy kinh nghiệm từ các tư tưởng và kiến giải sai lầm, [nên nhận thấy những gì kinh điển đã dạy] chẳng tương ứng với kinh nghiệm của chúng ta. Thật ra vẫn là do chúng ta sai lầm, chẳng phải là đức Phật nói sai, mà do chính chúng ta sai quấy. Bản thân chúng ta nghĩ sai, thấy sai. Người biết tu hành nhất định phải nương theo lý luận và phương pháp do đức Phật đã nói để uốn nắn những sai lầm của chính mình, đó gọi là tu hành. Có rất nhiều đồng tu, mới học cũng như học đã lâu đều có [căn bệnh như thế này]: Xem kinh Phật, ta nghĩ như thế này, thế nọ, ta có cách nhìn thế này, thế nọ. Cái [quan điểm] “theo cách nghĩ, cách nhìn của ta” ấy chính là kinh nghiệm sai lầm tích lũy từ vô thủy kiếp. Đức Phật giảng cho họ, họ vẫn chẳng tin, vẫn phải đưa ra cách nghĩ, cách nhìn của chính mình, vậy thì khó thể thành tựu được gì! Kinh bảo chuyện ấy là “thiện căn của các chúng sanh đó chưa chín muồi, vẫn chưa thể hoàn toàn tiếp nhận”.

Thật Tướng của các pháp đến tột cùng là như thế nào? Nếu quý vị hỏi là như thế nào thì tình hình ngay khi ấy chính là nó đó. Những gì quý vị thấy, nghe,

tiếp xúc là Thật Tướng của hết thảy các pháp. Đức Phật giảng cho chúng ta những tướng chân thật ấy. Đó là Thật Tướng. Thật Tướng ở ngay trước mặt chúng ta, vì sao chúng ta chẳng thấy? Chúng ta đã xen tạp rất nhiều khái niệm hư vọng vào tướng chân thật, rồi loạn tướng chân thật, biến chân tướng thành sai lầm. Nói cách này mọi người vẫn rất khó hiểu, [tôi phải dùng một thí dụ để nói]. Như trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật đã nêu một thí dụ, Ngài nêu [thí dụ] mắt thấy sắc. Đoạn kinh văn ấy rất dài, [tức là phần] “*mười phen hiển lộ cái Thấy*”, chỉ rõ tánh Thấy của chúng ta, thấy Thật Tướng. Thật Tướng là sắc tánh, tánh Thấy thấy sắc tánh, đó là chân thật, là sở kiến của đức Phật và các vị đại Bồ Tát. Tánh Nghe nghe thanh tánh. Tánh tương ứng với Tánh, Tánh và Tánh dung thông, Năng và Sở là một, chẳng hai, nên Tánh và Tướng như một. Thiên gia nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*” là do họ thấy như vậy.

Đức Phật nói lũ phàm phu chúng ta thấy như thế nào? Nhãn Thức của phàm phu chúng ta thấy Sắc Trần, chẳng thấy Sắc Tánh. Thức là gì? Thức là phân biệt, chấp trước. Quý vị thấy sắc, sắc chẳng phải là tánh, sắc biến thành trần, trần (塵) là bụi bặm, bụi bặm có thể nhuộm bản, do như vậy mà bị nhuộm bản. Nhuộm bản do trong tâm của chính mình biến hiện. Vốn chẳng bị nhuộm bản, nay lại biến hiện thành nhuộm bản. Ngay khi chúng ta mở banh mắt, niệm thứ nhất là thấy bằng tánh Thấy, niệm thứ hai liền biến chất, biến thành thấy bằng Nhãn Thức. Niệm thứ nhất có thời gian rất ngắn, ngắn đến mức độ nào? Trong kinh, đức Phật thường dùng tỷ dụ để nói: “*Một cái khảy ngón tay*”. Một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, một sát-na là một phần sáu mươi của thời gian khảy ngón tay. Một sát-na có chín trăm lần sanh diệt, nên một niệm là một phần chín trăm của một sát-na; một niệm là như vậy đó. Quý vị nói xem: Tốc độ này quá nhanh chóng! Thông thường, đại khái là trong một giây chúng ta khảy ngón tay bốn lần, chẳng có vấn đề gì! Bốn nhân với sáu mươi, lại nhân với chín trăm thành hai mươi vạn tám ngàn; một phần trong hai mươi vạn tám ngàn của một giây là một niệm. Niệm thứ hai liền biến thành Thức, liền phân biệt, chấp trước.

Nếu nói rõ ràng hơn một chút, cái thấy thứ nhất là cái thấy bình đẳng, vì sao? Chẳng có phân biệt, chấp trước, vạn pháp bình đẳng, tâm thanh tịnh. Trong cái thấy thứ hai, do một niệm đã bất bình đẳng, nên trong hết thảy tướng bèn dấy lên phân biệt. Hễ dấy lên phân biệt, sẽ chẳng bình đẳng. Thuận theo phân biệt, lại nổi lên sự ưa ghét trong ấy. Thuận theo ý nghĩ của chính mình bèn dấy lên tâm tham, trái nghịch ý mình bèn dấy tâm sân khuê, càng nhiễm càng nghiêm trọng hơn, chuyện là như vậy đó. Vì thế, hoàn toàn gìn giữ niệm thứ nhất, vĩnh viễn gìn giữ niệm thứ nhất chẳng để mất thì sẽ thành Phật, cái tâm ấy chẳng biến đổi. Niệm thứ nhất là chân tâm, chẳng thay đổi sẽ thành Phật; hễ biến đổi sẽ biến thành phàm phu, biến đổi quá nhanh, biến đổi quá tự nhiên, biến đến nỗi ngay cả chính mình cũng chẳng biết. Vì thế, Thật Tướng của các pháp xác thực là ở trước mặt chúng ta, nhưng chúng ta chẳng thấy, vì vẫn chưa đến một sát-na, bị biến chất trong một phần hai mươi vạn của một sát-na, cho nên mê!

Chúng ta xem chú giải nơi trang sáu mươi một, dòng thứ hai từ dưới đếm lên. Trong lời chú giải, câu thứ hai viết: “*Vị chư pháp đương xứ bất sanh, bất*

diệt, phi hữu, phi không, vô năng, vô sở” (Nghĩa là các pháp ở ngay nơi đây, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng có, chẳng không, chẳng có năng, chẳng có sở), câu này nói về Thật Tướng của các pháp. Thật Tướng nào vậy? Thừa cùng chư vị, chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, những tướng ấy (sắc tướng, âm thanh v.v...) đều là nó cả. Quý vị đọc đến đoạn văn này bèn cảm thấy kỳ quái, ta thấy rõ ràng con người có sanh, lão, bệnh, tử, có sao nói bất sanh, bất diệt? Thừa thật cùng quý vị, chẳng có sanh diệt! Thừa thật cùng quý vị, chẳng có Không và Hữu. Đạo lý này được nói cặn kẽ và đích xác nhất trong kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm dạy: Tất cả hết thảy hiện tượng giống như thế nào? “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Sanh ra ngay từ nơi đây, sẽ diệt tận ngay tại nơi đây), sanh diệt đồng thời, trong ấy chẳng có giới hạn. Quý vị hãy suy gẫm, đức Phật nói “*sanh diệt*” là bất đắc dĩ nói phương tiện, trên thực tế, chẳng có sanh diệt. Hiện tượng (hình tượng được biến hiện) của hết thảy các pháp chẳng phải là chân thật, nên những hiện tượng ấy là huyền tướng. Chẳng có sanh diệt, nếu chúng ta dùng tỷ dụ thì tỷ dụ cũng chỉ có thể sánh ví phảng phất, chẳng có cách nào sánh ví phù hợp khít khao được!

Giống như chúng ta xem phim, các hình ảnh trong phim cũng có động tác. Bất sanh bất diệt bèn chẳng có động tác, như vậy thì rốt cuộc nó là động hay bất động? Tôi thừa cùng quý vị, phim ảnh bất động, hình tượng được chiếu ra bởi phim ảnh là bất diệt, nhưng chúng ta nhìn chẳng ra. Vì sao nói là bất sanh, bất diệt? Quý vị thấy phim, tức cuộn phim được đặt trong máy chiếu là bất sanh bất diệt. Sự sanh diệt như quý vị đã thấy chính là xem tấm phim trước được chiếu xong, lại thấy tấm phim thứ hai [được chiếu lên màn bạc], thấy [có một hình ảnh liên tục biến đổi] như vậy, nhưng thật ra mỗi tấm phim đều là độc lập. Phải biết: Tướng được hiện bởi Chân Như bản tánh giống như cuộn phim được chiếu trong điện ảnh, chẳng có sanh diệt. Hết thảy các pháp chẳng sanh, lấy đâu ra diệt? Chúng ta xem phim, hiện thời phim xi-nê được chiếu với tốc độ hai mươi bốn tấm mỗi giây, chúng ta tưởng nó là thật, đã bị nó lừa gạt. Tôi vừa mới nói tấm sanh diệt, đó là sự sanh diệt của thức thứ tám, tức A Lại Da, trong một giây có đến hai mươi vạn tám ngàn [lần sanh diệt, giống như những] tấm [phim được chiếu]. Vì thế, rất giống như thật, [nên chúng ta] chẳng biết nó là giả. Đây là nói cho quý vị biết Thật Tướng của các pháp, chân tướng của hết thảy các pháp là như vậy đó. Giống như xem phim, chân tướng như thế nào? Quý vị thấy cuộn phim mới là thấy chân tướng, những gì quý vị thấy trên màn bạc là giả tướng, thấy cuộn phim đặt trong máy chiếu phim mới là chân tướng.

Nay đức Phật dạy chúng ta chân tướng: Hết thảy các pháp chẳng phải có, chẳng phải không. Quý vị nói nó là không thì nó hiện tướng. Quý vị nói nó là có, thì bản thể của chính cái tướng ấy đã tiêu mất. “*Sanh từ nơi đâu, bèn diệt mất ngay nơi đó*”, giống như máy chiếu phim, [hình ảnh] được sanh ra ngay từ nơi đó và cũng diệt mất ngay tại đó. Xưa kia, đúng là đức Phật nói những lời này, chúng tôi nghĩ người xưa nghe xong có thể khai ngộ, quả thật chẳng đơn giản. Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, đích xác là có nhiều thứ trong khoa học có thể giúp chúng ta lãnh ngộ, trước kia chẳng có những thứ đó. Không có Năng, không có

Sở, nên sanh diệt. Không, Hữu, Năng, Sở, hết thấy tương đối đều chẳng thể được; đó là Thật Tướng.

Tiếp đó, sách dạy chúng ta làm thế nào thì mới có thể thấu hiểu. “*Ly ngôn thuyết tướng*”: Đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, chúng ta ngàn muôn phần đừng chấp trước ngôn ngữ của Ngài, xem kinh đừng chấp trước văn tự. Văn tự là phù hiệu ngôn ngữ, lia tướng ngôn thuyết cũng là lia tướng văn tự, chớ nên chấp trước văn tự. “*Ly tâm duyên tướng*”, quyết định đừng nên tưởng tượng, chớ nên tư duy: “Đức Phật nói lời này có nghĩa là gì?”. Chớ nên suy nghĩ, hề suy nghĩ liền trật. Nay chúng ta giảng kinh, giảng hay cách mấy vẫn chẳng bằng Phật, vì sao? Chúng ta giảng kinh, trước hết bèn suy tưởng kinh này phải giảng theo cách nào, vậy thì làm sao được nữa! Đức Phật giảng kinh chẳng thông qua tư duy. Hề thông qua tư duy bèn rơi vào ý thức. Rơi vào ý thức là tà tri tà kiến, là ma sự. Người ta không qua tư duy. “*Ly danh tự tướng*”, “*danh tự*” là danh từ, thuật ngữ. Thí dụ như trong kinh nói Phật, nói Bồ Tát, nói Lục Độ, nói Tứ Nhiếp, những điều ấy đều là danh từ, thấy đều chẳng chấp trước. “*Ly thứ đẳng tướng, danh vi Thật Tướng*” (Lìa những tướng giống như vậy, gọi là Thật Tướng), đối với hết thấy những thứ ấy, quý vị đều không chấp trước, Thật Tướng ở ngay trước mắt. Quý vị thấy sắc, nghe tiếng, không gì chẳng phải là Thật Tướng, quý vị đạt được sự thụ dụng chân thật trong Thật Tướng. Sự thụ dụng chân thật được hiển thị trong cuộc sống thì vô lượng trí huệ và vô lượng phước đức mới có thể thật sự hưởng thụ. Vì sao? Vì hết thấy các pháp, chẳng có pháp nào không xứng tánh. Tánh là bất sanh, bất diệt, Tánh là viên mãn, chẳng có khiếm khuyết; chân tánh biến hiện hết thấy các vật cũng giống như chân tánh. Cổ nhân nói: “*Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”, ví vàng như chân tánh, coi các món vật như Thật Tướng của các pháp. Từ trong hết thấy các món đồ, đều thụ dụng vàng.

Vì thế, trong hết thấy các pháp, lục căn tiếp xúc lục trần, trong hết thấy các pháp đều đạt được tác dụng của tự tánh, hiểu tất cả đều là vật được biến hiện bởi tự tánh. Tánh và Tướng như một, Tánh và Tướng bất nhị, Tánh là Tướng, Tướng là Tánh. Giống như sáng sớm hôm nay, tôi đã nêu lên chuyện nằm mộng, mộng là tâm, tâm là mộng. Mộng và tâm là một, chẳng hai. Từ thí dụ gần gũi, rõ rệt này, nếu chúng ta suy luận thêm một bước nữa, cảnh giới trước mắt chúng ta do Chân Như bản tánh biến hiện, tất cả hết thấy cảnh giới là tự tánh, tự tánh đã biến thành cảnh giới, cảnh giới là tự tánh. Vì thế, “*toàn vọng tức chân*”, “*vọng*” là nói đến sự tướng, nói tới các pháp. “*Chân*” là nói đến bản tánh. “*Toàn*”: Toàn thể vọng cảnh là tâm, là chân tánh. Toàn thể chân tánh là cảnh giới hư vọng, chân và vọng là một, không hai. Vì lẽ đó, kiến tướng là kiến tánh, giống như thấy đồ vật là thấy vàng, vàng và đồ vật là một, chẳng hai!

Hai câu tiếp đó nói rất hay: “*Vô tướng chi tướng dã, thù nhân bất cụ, hà pháp bất nhiên*” (Tướng vô tướng có ai là chẳng trọn đủ, có pháp nào chẳng phải là như vậy). Hai câu ấy nói rất hay! Hết thấy chúng sanh trong mười pháp giới, ai nấy đều trọn đủ. Hết thấy vạn pháp, chúng ta nói là khoáng vật, thực vật, hư không, thế giới, không pháp nào chẳng phải là như vậy. Chẳng có một pháp nào không do tự tánh biến hiện, pháp nào cũng đều như vậy. Đó là Thật Tướng, là

chân tướng, nhưng người biết chân tướng này quá ít. Tiếp đó, sách viết: “*Nhược luận chứng tri, duy hữu chư Phật*” (Nếu luận về sự chứng biết, chỉ có chư Phật), “*chứng*” (證) là chứng minh, “*tri*” (知) là biết. Nếu chúng ta nói người nào chứng thực chuyện này, người nào biết rõ ràng? Chỉ có chư Phật! Vì vậy, kinh Pháp Hoa có nói: “*Duy Phật dữ Phật nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng*” (Chỉ có Phật và Phật thì mới có thể thấu hiểu rốt ráo Thật Tướng của các pháp). “*Cứu cánh*” (究竟) là hiểu rõ triệt để. Triệt để hiểu rõ chân tướng sự thật thì chỉ có Phật và Phật. Nói cách khác, hàng Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng thuộc trong số ấy. Vì sao? Đẳng Giác Bồ Tát có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá. Một phẩm sanh tướng vô minh ấy là ma chướng và ma sự của Đẳng Giác Bồ Tát.

Đẳng Giác Bồ Tát còn có ma chướng thì các ma chướng mà chúng ta đang có há thấm vào đâu! Nhất định là có ma chướng, vì sao? Quý vị chưa thành Phật. Tôi vừa mới nói Đẳng Giác Bồ Tát còn có ma chướng, ma chướng nhất định phải có. Tuy có, quý vị chớ sợ nó, phải mong biến ma thành Phật. Nói thật ra, ma và Phật là một, chẳng hai. Quý vị mê, Phật liền biến thành ma; hễ giác ngộ, ma liền biến thành Phật. Hiểu rõ đạo lý này, có Phật và ma hay không? Chẳng có! Không Phật, mà cũng không ma. Phật và ma biến hóa tùy thuộc tâm địa của chính chúng ta là mê hay giác. Đã mê bèn thành chướng, chướng ngại là vùi dập, đó là ma. Hễ giác ngộ bèn vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, bèn gọi là Phật. Ma và Phật xuất hiện như vậy đó! Nói đi, nói lại, nói chung đều quy vào ý niệm của chính mình. Một niệm tà, quần ma quay cuồng loạn xạ; một niệm chánh, ắt chư Phật xuất thế; nhưng chư vị phải hiểu: Chánh niệm là vô niệm. Nói “*vô niệm*”, cổ nhân sợ quý vị lại hiểu lầm ý nghĩa, ngộ vô niệm là “*ý niệm gì cũng chẳng có*”, tức là lại biến thành Vô Tướng Định, lại sai mất rồi! Vì thế, còn phải chú giải thêm: Vô tà niệm, “*vô niệm*” là vô tà niệm; nói cách khác, hãy còn có niệm. Nói thật ra, có niệm là đã có vấn đề to lớn. Vì có niệm bèn có chấp trước, có phân biệt. Trong phần trước, chẳng phải là tôi đã nói quý vị phải lìa hết thấy phân biệt, chấp trước ư? Lìa hết thấy phân biệt, chấp trước, thứ gì cũng hiểu rõ, thứ gì cũng minh bạch, bèn gọi là “*chánh niệm*”. Nếu lìa hết thấy phân biệt, chấp trước, nhưng thứ gì cũng không biết, bèn gọi là vô minh. Vô minh chẳng phải là chánh niệm. Chánh niệm phân minh, chánh niệm chẳng phải là vô minh. Những chỗ này đều phải phân biệt rõ ràng, rành rẽ.

Đoạn kế tiếp nói rất hay: “*Bẩm viên thuyết giả, sơ tâm tức dụng Phật trí chiếu cảnh, cố năng tín giải chư pháp Thật Tướng. Ký giải Thật Tướng, diệc giải thật tánh, thật thể, nãi chí thật bốn mặt cứu cánh đẳng. Thập pháp ký thật, tức thị thật sanh, thật Phật, thật y, thật chánh, nhất sắc, nhất hương, vô phi Trung Đạo, nhất thiết chư pháp giai thị Phật pháp*” (Nếu nói với người có căn tánh Viên Giáo thì sơ tâm bèn dùng Phật trí để chiếu cảnh, nên có thể tin hiểu Thật Tướng của các pháp. Đã hiểu Thật Tướng thì cũng hiểu thật tánh, thật thể, cho đến gốc ngọn rốt ráo thật sự v.v... Mười pháp¹⁹ đã là thật, tức là chúng sanh thật sự, Phật thật

¹⁹ “*Mười pháp*” ở đây chính là Thập Như Thị được nói trong kinh Pháp Hoa (phẩm Phương Tiện). Mười món Như Thị chính là Như Thị Tướng, Như Thị Tánh, Như Thị Thể, Như Thị

sự, y báo thật sự, chánh báo thật sự, mỗi sắc, mỗi hương, không gì chẳng phải là Trung Đạo, hết thảy các pháp đều là Phật pháp). Đoạn này hay lắm, xác thực là đã giảng rất rõ chân tướng thật, ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu. “Viên” là căn tánh Viên Giác. Căn tánh của hết thảy chúng sanh khác nhau; tông Thiên Thai chia căn tánh thành bốn loại lớn là Tạng, Thông, Biệt, Viên, tức là nói hết thảy các căn tánh bất đồng [được quy nạp lại], chia thành bốn loại lớn. Vì sao mà có căn tánh [khác biệt]? Cổ nhân nói “do tập quán thành tựu”, nên gọi nó là “tập tánh” (習性), chẳng phải là bản tánh. Trong Luận Ngữ, Khổng lão phu tử cũng nói về vấn đề này rất hay, hết sức chánh xác! Lão nhân gia nói: “Tánh thì gần giống nhau, do huân tập mà trở thành khác xa nhau). Trong Luận Ngữ, Khổng lão phu tử đã nói như thế hai lượt. Phật pháp gọi “tánh” là Chân Như bản tánh, [tánh và Chân Như bản tánh] giống như nhau. Chư Phật Như Lai và hết thảy chúng sanh đều giống nhau, nhưng do tập tánh sai biệt to lớn, mà biến thành mười pháp giới. Thói quen trở thành tự nhiên, tập tánh chẳng phải là một đời, mà là đời đời kiếp kiếp, vô lượng kiếp đến nay dưỡng thành thói quen, rất phiền phức!

Tập tánh của mỗi cá nhân cũng khác nhau. Đức Phật thuyết pháp chỉ có thể phân loại tổng quát, chẳng thể phân chia tỉ mỉ. Phân chia tỉ mỉ thì đích xác là mỗi người đều khác biệt, phân chia tổng quát sẽ là bốn loại Tạng, Thông, Biệt, Viên. Có kẻ là căn tánh Tiểu Thừa, căn tánh được gọi là Tiểu Thừa vô cùng cố chấp, chuyện gì cũng đều rất chấp trước. Đức Phật thuyết pháp cho loại chúng sanh này liền nói theo kiểu chấp trước, cũng làm ra vẻ rất chấp trước. Họ thấy Ngài chí đồng đạo hợp nên rất hoan hỷ, như vậy thì mới có thể dạy họ. Nếu tập tánh tương đối cởi mở hơn một chút, chẳng chuộng câu nệ, dè dặt như vậy, thứ gì cũng thích tương đối tự do một chút, tùy tiện một chút, đó là điều khiến cho người Tiểu Thừa nhìn chẳng thuận mắt nhất. Đối với những người ấy, đức Phật liền thị hiện tác phong cởi mở, khiến cho những người ấy thấy vậy cũng hoan hỷ.

Đức Phật xuất hiện tại Ấn Độ, người Ấn Độ thuở đó rất câu nệ, dè dặt, nên khi đức Phật xuất hiện trên thế gian, giới luật rất nghiêm ngặt, họ thấy vậy rất bội phục, rất hoan hỷ. Nay trong thế giới này, có những người trông thấy hàng Tiểu Thừa đều cảm thấy không chịu nổi: “Chúng tôi chẳng có cách nào tiếp nhận”. Vì thế, trong kinh Pháp Hoa, đức Phật mới nói: Trong thời kỳ Mạt Pháp, để độ hết thảy chúng sanh, nhất định phải dùng Đại Thừa, vì sao? Thế giới hiện thời cởi mở, dân chủ, tự do, quý vị cần phải phù hợp với hình thái ý thức của họ thì người ta mới thích tiếp nhận. Nếu còn định ra nhiều quy củ bó buộc con người, cái này cũng chẳng thể động, cái kia cũng chẳng thể động, Phật pháp sẽ không thể thực hiện trôi chảy được. Phật pháp tốt đẹp, nhưng người ta chẳng cần quý vị thì quý vị cũng chẳng có cách nào!

Lục, Như Thị Tác, Như Thị Nhân, Như Thị Duyên, Như Thị Quả, Như Thị Báo, Như Thị Bản Mạt Cứu Cảnh. Như Thị chính là đặc tánh của Thật Tướng, nên tương ứng với mười món Như Thị mà nói Thật Tánh, Thật Thể v.v...

Vì lẽ đó, ắt là phải trong một thời đại nào đó thì phải có cách giảng và cách làm của thời đại đó, hình thức thiên biến vạn hóa, nhưng nguyên lý và nguyên tắc hoàn toàn bất động. Nguyên lý và nguyên tắc là “khiến cho chúng ta phá mê, khai ngộ, lìa khổ, được vui”, nhưng hình thức thì thiên biến vạn hóa. Nhất định phải thích hợp với con người, tư tưởng, bối cảnh văn hóa và phương thức sinh hoạt của người nơi ấy thì mới có thể thúc đẩy và lợi ích chúng sanh. Lợi ích là nói theo phía chúng sanh ở nơi ấy, lúc ấy; luận theo nơi ấy, khi ấy, chẳng phải là nói tới những khu vực khác, đó gọi là “*khế cơ*” thì mọi người mới hoan hỷ. Hiện thời, chẳng dễ gì cố động Phật pháp, nguyên nhân chủ yếu là vì chẳng khế cơ, do bản thân chúng ta đã giảng kinh chết cứng, giảng sai lầm. À! Chúng ta nghỉ ngơi mấy phút!

Tập 12

Xin mở trang sáu mươi hai. Trong bản Sớ Sao này, chúng ta dùng tác phẩm do pháp sư Đế Nhân trích lục từ bộ Sớ Sao, gần như là nguyên văn, chính pháp sư Đế Nhân thêm [những lời chú giải] rất ít, tối đa chỉ là giới thiệu từ ngữ mà thôi. Bản trích lục của lão nhân gia cũng là phần rất trọng yếu trong bộ Sớ Sao, chúng tôi vẫn hiềm thời gian quá ngắn, chẳng có cách nào giới thiệu tường tận cùng quý vị được! Chỉ là trong các phần trọng yếu, chọn lựa những điểm trọng yếu nhất đối với sự tu học bình thường của chúng ta, đặc biệt có quan hệ với sự niệm Phật, để giới thiệu đơn giản, ngắn gọn cùng mọi người.

Từ Sớ Sao, chúng ta hiểu rõ Phật pháp đích xác là sống động, hoạt bát. Trong Viên Giáo, tư tưởng, kiến giải và hành trì của người căn cơ viên đốn rất gần với Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Trong vô ngại pháp giới, điều cần phải chú ý nhất là sự khác biệt giữa tà và chánh. Một niệm chánh thì là Phật pháp, một niệm tà bèn biến thành ma sự. Tạng, Thông, Biệt, Viên đều chẳng lìa khỏi nguyên tắc này, trong pháp Tiểu Thừa cũng là như thế. Chọn lấy điều thiện để cố chấp là tốt, nhưng nếu chẳng hiểu rõ lý luận, chẳng biết mục đích thì hễ có những sự cố chấp ấy sẽ là sai lầm, đạt được hiệu quả trái ngược. Đối với những chỗ này, nếu chúng ta đọc nhiều kinh luận Đại Thừa sẽ có thể hiểu rõ. Đây là nói tới người thuộc Viên Giáo, tư tưởng tương đối cởi mở, hễ dốc công tu tập sẽ có thể dùng giáo nghĩa Viên Giáo để làm căn cứ tu học cho chính mình. Nói cách khác, họ có thể dùng phương pháp tu hành của chư Phật và chư đại Bồ Tát làm phương pháp tu hành của chính mình. Đã nhanh chóng, lại còn đơn giản hơn mấy thứ trên đây, đó là như cổ đức thường nói: “*Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*” (Người căn cơ viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên). Nói, nghe, và học tập đều chẳng ra ngoài lẽ ấy. Mấy câu kệ đó (như “*thật tánh, thật thể, nãi chí thật bốn mặt cứu cánh đẳng*”) xuất phát từ Thập Như Thị của kinh Pháp Hoa. Thập Như Thị là nói về Thật Tướng của các pháp từ bản thể cho đến hiện tượng, cho đến tác dụng đều được bao gồm [trong mười món Như Thị ấy]. Thập Như Thị cũng có các cách giảng sâu, cạn, rộng, hẹp khác nhau, do căn tánh của mỗi người mỗi khác. Nhưng trong kinh Pháp Hoa, chánh thuyết (điều được giảng chủ yếu) đương nhiên là giáo nghĩa Viên Giáo, Pháp Hoa thuần viên mà! Hoa Nghiêm là toàn viên, Pháp Hoa là thuần viên, kinh điển Đại Thừa Viên Giáo chỉ có hai bộ ấy. Nói theo giáo nghĩa Viên Giáo, hết thảy các pháp đều là Phật pháp, chẳng có một pháp nào không phải là Phật pháp.

Chúng ta lại đọc phần tiếp theo. “*Ký nhất thiết giai thật, thật ngoại vô dư*” (Hết thảy đã đều là thật; nên ngoài thật ra, chẳng có gì khác), ngoài chân thật ra, chẳng có thứ gì khác nữa. “*Phục vân dư giai ma sự giả hà dã?*” (Lại nói “những thứ khác đều là ma sự”, là vì có nào?). Vì sao lại nói những thứ khác đều là ma sự? Hết thảy đều là chân thật, há có ma sự gì? Đây là chỗ đáng nghi vấn. Tiếp theo đó là lời giải thích. “*Ứng tri thử thuyết, thị dĩ lý giản tình*” (Hãy nên biết: Nói như vậy là dùng lý để phân biệt tình), hoàn toàn nói theo lý trí thì phải là chân thật, trong hết thảy các pháp, chẳng có một pháp nào chẳng phải là Phật

pháp. “*Nhược ly tâm duyên năng sở đẳng tướng, danh vi Thật Tướng*” (Nếu là các tướng như tâm duyên, năng, sở v.v... thì gọi là Thật Tướng), đó là lý tánh thuần túy, trí huệ thuần túy, dùng trí huệ để quán chiếu. “*Giới nhĩ hữu tướng, tức vi ma sự*” (Hễ có một tướng nhỏ nhoi thì chính là ma sự). “*Những điều khác*” vừa nói trên đây chính là chỉ điều này! “*Giới nhĩ*” (介爾) là một mây tơ tóc. Hễ có mây may chấp trước, bèn gọi là “ma sự”. Vì thế, một mây may cũng đừng nên chấp trước. Ở chỗ này, quý vị nhất định phải hiểu rõ ràng: Ly tướng hoặc chấp trước đều từ trong nội tâm của chính chúng ta. Trong tâm chớ nên chấp trước, tâm địa phải thanh tịnh; nhưng xử sự, đãi người, tiếp vật, điều gì đáng nên chấp trước thì vẫn phải chấp trước, chớ đừng nên chấp trước sẽ chẳng chấp trước, đó là ứng dụng. Nội tâm thanh tịnh, ứng dụng tự như. Ứng dụng là đối với người khác, họ có chấp trước thì chúng ta tùy thuận sự chấp trước của họ mà chấp trước. Họ chẳng chấp trước, chúng ta cũng có thể tùy thuận sự chẳng chấp trước của họ mà cũng không chấp trước. Như vậy thì mới có thể dung hòa, tương tức với pháp thế gian, mới có thể chung sống hòa thuận, chẳng đến nỗi đối lập pháp thế gian. [Nếu đối lập] thì sai mất rồi. Phật pháp thường gọi điều này là: “*Phật pháp tại thế gian, bất hoại thế gian pháp*” (Phật pháp trong thế gian, chẳng hoại pháp thế gian).

Pháp thế gian là gì? Pháp thế gian là phân biệt, chấp trước, chúng ta trọn chẳng phá hoại nó. Vì người thế gian có phân biệt, chấp trước, từ phân biệt và chấp trước mà kiến lập trật tự xã hội, giống như pháp luật, quan niệm đạo đức, phong tục và tập quán trong thế gian đều sanh từ phân biệt và chấp trước. Chúng đã có, chúng ta là người thật sự giác ngộ, tâm địa thanh tịnh, nhưng vào trong cảnh giới của họ thì cũng phải thuận theo thói tục, chẳng thể không thuận theo thói tục. Chẳng thuận theo thói tục, sẽ phá hoại hình tượng xã hội, họ sẽ chẳng thể tiếp nhận, chẳng cho phép! Vì lẽ đó, phải tùy thuận thế gian, trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát có “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. Tùy hỷ, nhưng trong nội tâm của chính mình vẫn chẳng phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, đó là công đức. Bên ngoài vẫn phân biệt, chấp trước giống như mọi người, nhưng bên trong xác thực là chẳng có phân biệt, chấp trước. Bên ngoài là tùy hỷ, bên trong là công đức; đó là phương pháp tu học của Bồ Tát.

Vì lẽ đó, phải chú ý “*giới nhĩ hữu tướng, tức vi ma sự*” (hễ có mây may tướng thì chính là ma sự) đang được nói ở đây, “*giới*” (介) là mây may. Nói nghiêm ngặt, “mây may” chính là Đẳng Giác Bồ Tát hãy còn có đôi chút chưa thể buông xuống, đó là ma sự của Ngài. Ma sự ấy chính là sanh tướng vô minh, [tức là] một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, hướng hồ những kẻ khác? Vì lẽ đó, Phật pháp chẳng có gì khác, [chỉ là] phá sạch hết thấy phân biệt, chấp trước mà thôi. Phá sạch hết thấy phân biệt, chấp trước, chẳng phải là phá người khác! Nếu quý vị phá người khác thì trật mất rồi. Phá chính mình, chẳng dính dấp gì đến người khác! Phá phân biệt và chấp trước của chính mình, khiến cho chính mình được thật sự giải thoát, đạt được trí huệ Bát Nhã chân chánh và Pháp Thân thanh tịnh. Đích thực là khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước thì Pháp Thân, Bát

Nhã, Giải Thoát, quý vị thấy đều chứng đắc. Tuy chứng đắc, chẳng hoại pháp thế gian, cùng bất luận kẻ nào cũng đều có thể đối xử hoan hỷ, vì sao? Có thể hằng thuận chúng sanh. Hằng thuận chúng sanh là đối xử hoan hỷ với mọi người, quyết định chẳng trái nghịch hết thấy chúng sanh. Vì Bồ Tát hiểu hết thấy đều là giả, việc gì phải khắt khe? Họ muốn như thế nào liền tùy thuận họ là được rồi, chẳng cần phải riết róng so đo, như vậy thì mới có thể tùy hỷ, mới có thể hằng thuận.

Chúng ta cũng phải ghi nhớ hai câu kế tiếp nơi dòng thứ ba đếm từ dưới lên trong trang sáu mươi hai, xem từ chữ cuối cùng. “*Dĩ tình phân biệt, nhất thiết giai tà, ly tình phân biệt, nhất thiết giai chánh*” (Dùng tình để phân biệt, hết thấy đều tà. Lìa tình phân biệt, hết thấy đều chánh), nay chúng ta gọi “*tình*” là cảm tình. Thứ này rất phiền, người thế gian coi nó rất nặng: Con người chẳng có tình cảm thì đáng sợ quá, như vậy là không được rồi! Chúng ta thấy vấn đề này rất nghiêm trọng, chẳng biết tất cả hết thấy phiền phức đều do tình chiêu cảm. Phiền phức to lớn là luân hồi sanh tử trong lục đạo. Nếu chẳng có thứ này, thừa cùng chư vị, tất cả phiền não đều chẳng có, sanh tử luân hồi cũng chẳng có. Nó chẳng phải là thứ tốt đẹp, có sao lại coi trọng nó dường ấy, chẳng chịu buông xuống. Có những kẻ chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật này, nghe nói đức Phật dạy phải đoạn tình, bèn nảy sanh một quan niệm sai lầm: “Chớ nên học Phật, người học Phật vô tình, biến thành phường ‘vô tình vô nghĩa’ như thế tục thường nói, chẳng thể học Phật!” Thật ra, tôi thừa cùng chư vị, cái tình như người thế gian chấp trước là giả tình, giả ý. Chân tình của Phật, Bồ Tát là chân tình thật ý. Vì sao? Tình và trí là một thứ, đã mê bèn gọi là Tình, hễ giác ngộ thì gọi là Trí. Thay đổi tên, nhưng trên thực tế là cùng một chuyện. Trí là gì? Trí là Tình chân thật, vĩnh viễn không thay đổi. Cái Tình như quý vị vừa nói chính là Trí bị mê hoặc, nên nó chẳng phải là thứ tốt đẹp.

Phật pháp đặt cho nó một tên gọi, Phật pháp nói “từ bi” thì từ bi là lý trí. Tình ái thế gian là mê hoặc, điên đảo. Nói thật ra, từ bi và ái tình là cùng một chuyện, làm sao có thể nói Phật vô tình? Phật mới có cảm tình chân thật. Trước kia, khi tôi theo học Triết với tiên sinh Phương Đông Mỹ, cụ đã bảo tôi: “*Một triết gia là người có cảm tình phong phú nhất. Chẳng có cảm tình sẽ không thể học triết học*”. Lại thừa cùng quý vị, chẳng có cảm tình chân thật sẽ không thể thành Phật, không thể thành Bồ Tát, cùng một đạo lý. Giả tình, giả ý chẳng thể học Phật, học Phật phải là cảm tình chân thật. Cảm tình chân thật, thay đổi tên gọi bèn thành “trí”. Vì vậy, Trí và Tình là một, chẳng hai, một đẳng giác, một đẳng mê. Ở đây nói “*dùng tình để phân biệt*”, đó là mê tình. Dùng tình chấp để phân biệt hết thấy các pháp thì hết thấy các pháp đều tà. Rời lìa mê tình, quý vị phân biệt hết thấy các pháp, hết thấy các pháp đều chánh, phải biết điều này.

Do vậy, kế tiếp đó bèn nói: “*Kim giản tình thủ lý*” (Nay loại riêng tình ra để giữ lấy lý), “*giản*” (簡) là phân biệt, là bỏ riêng ra. Mê tình là gì? Lý trí là gì? “*Thị vi kinh Thế*” (Là Thế của kinh), đức Phật nói kinh là do căn cứ trên đạo lý này để nói. “*Ứng tri Thật Tướng toàn thể chiếu minh, xung vi chân tâm, diệt danh Bốn Giác. Giác thể biến cố, chư pháp giai thật*” (Hãy nên biết: Toàn thể Thật Tướng chiếu sáng, được gọi là chân tâm, còn gọi là Bốn Giác. Do giác thể

trọn khắp, nên các pháp đều là thật), mấy câu này dễ hiểu. Chân trí là chân tâm, là Bản Giác. Giác thể là tự tánh, là chân tâm. Chân tâm trọn khắp pháp giới, hết thấy muôn tướng trong pháp giới đều do chân tâm biến hiện; do đó, các pháp đều là thật, chẳng có gì không phải là chân thật. Đã giác ngộ thì sẽ nói tương phản với kinh Kim Cang: “*Phàm những gì có tướng đều là Thật Tướng*”. Khi mê, quý vị có tình chấp, “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Tình chấp vừa đoạn, phàm những gì có tướng đều là Thật Tướng. Một niệm sai lệch, chân và vọng bèn hiển lộ.

“*Nhược chỉ kỳ yếu, bất ly hiện tiền phân biệt chi niệm, niệm tức Bản Giác, giác tức kinh Thể. Vô biệt kinh Thể dĩ vi sở thuyên, dĩ thử giác tâm, quán ư y chánh, năng sở tức tuyệt, đãi đối tư vong, diệu quán chi tông, tự tu nhi lập*” (Nếu chỉ ra điểm trọng yếu thì chẳng lìa cái niệm phân biệt hiện tiền. Niệm chính là Bản Giác, giác chính là Thể của kinh. Chẳng có cái Thể của kinh nào khác để diễn nói. Dùng ngay cái giác tâm này để quán y báo và chánh báo, Năng và Sở liền dứt tuyệt, đối đãi do đó bị mất. Tông chỉ Diệu Quán từ đó mà thành lập). Không chỉ là cái Thể của kinh này, mà Thể của hết thấy các kinh Đại Thừa đều là như vậy. Hiểu đạo lý này, chúng ta mới thật sự phát khởi tín tâm thanh tịnh kiên cố đối với kinh Đại Thừa, hiểu căn cứ lý luận của kinh Đại Thừa là chân thật nhất. “*Chi yếu*” (指要) là chỉ ra điều khẩn yếu nhất, điều trọng yếu mấu chốt nhất, nó chính là ý niệm hiện tiền của chúng ta. Mắt chúng ta có thể thấy, tai có thể nghe, cái “*có thể*”, [tức là] cái có thể thấy, có thể nghe chính là Bản Giác, [thấy, nghe] tức là chân tánh nơi tâm khởi tác dụng, chân tánh khởi tác dụng có thể thấy và có thể nghe. Nếu đối với thấy, nghe, hay, biết mà khởi phân biệt và chấp trước, bèn là sai lầm. Do tùy thuận chúng sanh, bèn dấy lên phân biệt, chấp trước, nhưng chính mình chẳng có phân biệt, chấp trước, đó là Phật, Bồ Tát. Trong nội tâm của chính mình thật sự dấy lên phân biệt, chấp trước, đó là phàm phu, là mê. Nội tâm thanh tịnh chẳng có phân biệt, chấp trước, do tùy thuận chúng sanh mà phân biệt, chấp trước, đó là đại từ đại bi phổ độ chúng sanh. Đức Phật nói kinh đã dựa trên nguyên lý ấy để nói.

Những phần kế tiếp chúng ta có thể tinh lược. Trong đoạn kể đó, nơi trang sáu mươi lăm, có hai câu mà chúng ta nhất định phải ghi nhớ kỹ lưỡng, hai câu ấy nằm trong dòng thứ nhất của trang sáu mươi lăm: “*Tình tướng phải vong, bản tánh nan hiển*” (Nếu chẳng quên tình tướng, bản tánh sẽ khó hiển lộ), có nghĩa là nếu chẳng vứt bỏ tình tướng, quý vị sẽ chẳng có cách nào kiến tánh. Phải ghi nhớ kỹ càng hai câu ấy. Chúng ta học Phật, nói theo phía người niệm Phật, vì sao chúng ta chưa thể đắc nhất tâm bất loạn? Chương ngại lớn nhất chính là hai chữ “*tình tướng*”. Tình quá nặng, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, làm sao có thể đắc nhất tâm cho được? Tất cả hết thấy các phương pháp tu hành, không gì chẳng nhằm đoạn hết tình tướng mà thôi, [để đạt mục đích ấy] các tông, các phái, vô lượng pháp môn có phương pháp và cách thức khác nhau. Trong Tịnh Độ, nay chúng ta giữ lấy cách trì danh niệm Phật, dùng phương pháp này để xóa sạch [tình tướng]. Người biết dụng công thì tình tướng vừa mới dấy lên, ngay lập tức đối nó thành Phật hiệu, chẳng cho niệm ấy tiếp tục tăng trưởng, đó gọi là

“dụng công”. Một niệm khởi là mê, chế phục niệm vừa dấy lên thì là giác, giác nhằm đối trị mê. Do đó, chẳng sợ mê. Cổ nhân thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”, quý vị phải giác ngộ nhanh chóng, đừng để vọng tưởng tiếp tục tăng trưởng! Vọng tưởng vừa dấy lên, liền ngay lập tức cảm nhận, dùng câu Phật hiệu để thay thế nó, biến vọng niệm thành A Di Đà Phật, phải thay đổi nhanh chóng! Phương pháp này nhằm khuất phục phiền não. Sử dụng công phu lâu ngày, tự nhiên tình tưởng ít đi; khi nó tự nhiên ít đi, công phu bèn đắc lực, tâm đã thanh tịnh, trí huệ bèn tăng trưởng. Quý vị xử sự, đãi người, tiếp vật, chẳng mê hoặc, điên đảo giống như trước kia, nhìn sự việc cũng có thể thấy rõ ràng, làm việc cũng chẳng thường làm sai như trước kia, sai lầm ít đi. Đó là đạt được lợi ích trong hiện tiền. Tâm phải thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ sanh trí huệ. Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Tín tâm thanh tịnh, tắc sanh Thật Tướng*” (Tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng), sanh Thật Tướng là sanh trí huệ, là thấy chân tướng của hết thảy vạn pháp. Vì vậy, hai câu này rất khẩn yếu!

Đoạn kế tiếp nêu lên ý nghĩa thứ hai của Thê. “*Thư gia giải, lễ giả, huân Thê dã. Thê hữu tôn, ty, trưởng, áu. Quân phụ chi thê tôn, thân tử chi thê tiện. Dương tri Thê lễ chi thích, thị quý cực chi pháp dã*” (Theo cách giải thích của các nhà chú giải kinh sách Nho gia, Lễ nhằm giải thích Thê. Thê có tôn, ty, lớn, bé. Thê của vua và cha là tôn quý, thê của bầy tôi và con cái kém cõi hơn. Hãy nên biết: Dùng Lễ để giải thích Thê thì Thê là pháp tôn quý tốt bậc). Điểm quan trọng trong cách giải thích này nằm trong câu cuối cùng: Thê là pháp tốt bậc tôn quý. Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều từ đây mà ra; nó là mẫu thê (cái bản thể chánh yếu, cội nguồn); tất cả hết thảy các pháp đều được biến hiện từ nó. Thê là Chân Như bản tánh; nói theo thuật ngữ hiện đại, [Thê] là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Vì thế, dùng Lễ để giải thích Thê, “*huân*” (訓) là giải thích. Lễ là tôn quý nhất, vì nó nhấn mạnh tôn, ty, trên, dưới. Trong chú giải, chúng ta xem từ hai chữ cuối trong trang ấy: “*Thê chỉ Pháp Thân, chư Phật sở sư, vạn pháp triều hội. Thê phi tu chứng, Lý tuyệt ngôn tư, dục sử tiêu tâm, cưỡng xưng ‘quý cực’. Tư thị Bổn Giác, phi tịch, phi chiếu, hựu thị Pháp Tánh, phi quang, phi thâm. Đệ Nhất Nghĩa danh vi bản tánh, Pháp Thân đức dã*” (Thê chỉ Pháp Thân, [Pháp Thân] là khuôn mẫu để chư Phật noi theo, là chỗ để muôn pháp hướng về. Thê chẳng do tu chứng [mà hòng đạt được], Lý dứt bật ngôn từ, suy nghĩ. Vì muốn nêu bày cái tâm, nên cưỡng gọi là “tôn quý tốt bậc”. Đó là Bổn Giác, chẳng phải là tịch, chẳng phải là chiếu. Lại là Pháp Tánh, chẳng rộng, chẳng sâu. Đệ Nhất Nghĩa được gọi là bản tánh, là phẩm đức của Pháp Thân), mấy câu này đã giảng rất rõ ràng. Thê là gì? Là Pháp Thân. “*Sư*” là “*sư phạm*” (師範: khuôn mẫu để noi theo, học theo), là tấm gương để học tập theo. Chư Phật học theo ai? “*Thuận Pháp Tánh*”: Thuận theo Pháp Tánh sẽ thành Phật. Vì thế, thuận theo Pháp Tánh bèn có ý nghĩa “*sư*”, tức là “*sư pháp*” (師法: noi theo pháp), ý nghĩa này cũng đã được nói trên đây. Vì lẽ đó, nó chính là Bổn Giác như kinh điển đã nói, hoặc còn gọi là bản tánh, hay Pháp Tánh, rất nhiều danh từ, trên thực tế đều là nói cùng một chuyện. Tuy cùng nói về một chuyện, nhưng danh từ khác nhau thì ý nghĩa có khác biệt đôi chút. Vì bản tánh là vạn đức vạn năng, thường là một

danh từ chẳng thể bao hàm toàn thể đức năng của nó; vì vậy, kiến lập rất nhiều danh từ nhằm tỏ rõ nó có vô lượng đức năng, có ý nghĩa này.

Cuối cùng, sách viết: “*Linh tu quán giả, dĩ thử Thế đức, thế bi y chánh, nhất nhất quý cực, thành diệu tông hỷ*” (Khiến cho người tu quán do đức của cái Thế ấy mà thấu hiểu y báo và chánh báo của cõi kia mỗi mỗi đều tôn quý tốt bậc, nên thành diệu tông). Người học Phật nhất định phải biết căn cứ lý luận để đức Phật thuyết pháp là Chân Như bản tánh. Đã biết căn cứ lý luận ấy, sau đó, dựa trên nguyên lý ấy để nhìn tất cả hết thấy các pháp, hết thấy các pháp đều là Tánh Đức, chúng ta mới có thể thực hiện “*lễ kính chư Phật*” trong mười nguyện Phổ Hiền. Vì sao? Sự lễ kính của Phổ Hiền được kiến lập trên quan niệm thanh tịnh bình đẳng, quan niệm thanh tịnh bình đẳng ấy do đâu mà có? Do quý vị thật sự biết Thật Tướng của các pháp, nên nó tự nhiên hiện tiền. Vì nó là Tánh Đức, chẳng phải là Tu Đức, cậy vào tu tập sẽ tu chẳng được, nhất định là kiến tánh thì nó sẽ tự nhiên hiện tiền. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, nên kể từ Sơ Trụ trong Viên Giác trở đi, những điều tu hành của bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ được gọi là Phổ Hiền Hạnh. Phổ Hiền Hạnh được quy nạp thành cương lĩnh gồm mười đại nguyện vương, đó là pháp tu của bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, mà cũng là pháp tu của các vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong thế giới Tây Phương, từ hạ hạ phẩm vãng sanh cho đến thượng thượng phẩm thấy đều tu mười nguyện Phổ Hiền, từ kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đã thấy điều này.

Đoạn tiếp theo là giải thích Thế bằng cách dùng ý nghĩa “*đế*” (底). Chúng ta xem lời Sớ. “*Phục thử, Thế thị Đế dã, cùng nguyên cực đế, lý tận uyên phủ, cứu sướng Thật Tế, nãi danh vi Đế. Thích Luận vân, trí độ đại hải duy Phật cùng đế. Có dĩ Đế thích Thế dã*” (Lại nữa, Thế là đáy. Tột cùng nguồn, thấu tận đáy, lý tột cùng chỗ sâu thẳm, thấu đạt rốt ráo Thật Tế, nên gọi là Đáy. Thích Luận viết: “Biển cả trí độ chỉ có Phật thấu tột tận đáy”, nên dùng chữ Đáy để giải thích Thế). Đế là gì? Tục ngữ Trung Hoa có câu: “*Đả phá sa oa vấn đảo đế*” (Đập vỡ cái nồi bằng đất nung để tìm tận đáy)²⁰, đó là căn nguyên, xét tận nguồn, truy tận đáy. Nói cách khác, [Đế] là căn nguyên của vạn hữu trong vũ trụ. Căn nguyên vẫn là Pháp Tánh, vẫn là bản tánh, cho nên nó có ý nghĩa là “*đáy*”, tìm thấu tột nguồn tận đáy chính là thật sự đạt đến tận cội nguồn. Kinh nói rất hay: “*Duy Phật dữ Phật cứu cánh cùng đế*” (Chỉ có Phật và Phật là thấu đạt rốt ráo tận nguồn cội), triệt để hiểu rõ, chẳng có mây may nghi hoặc. Nói cách khác, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn chưa rốt ráo, vẫn thua kém một chút. Ất phải thấu đạt rốt ráo tận đáy thì mới là thật sự hiểu rõ, thông đạt vạn pháp trong vũ trụ. “*Đạt*” có nghĩa là thấu hiểu đến tột cùng sâu thẳm. Vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới bất luận là xét về lý luận, phương pháp hay cảnh giới, thấy đều chưa hề được nói trong tất cả hết

²⁰ Đây là một câu tục ngữ (打破砂鍋問到底) nhằm chỉ thái độ kiên quyết truy tìm ý nghĩa hoặc căn nguyên của một vấn đề đến tột cùng, không khoan nhượng, không bằng lòng với những giải thích hời hợt, nông cạn. Hiểu theo nghĩa rộng, tục ngữ này cũng được dùng để phê phán thái độ cố chấp cứ khẳng khẳng muốn biết một điều gì đó.

thầy các kinh Đại Thừa. Đúng là rất khó khiến cho kẻ khác tin tưởng, vì lý ấy quá sâu, một mực thấu tận đáy. Đẳng Giác Bồ Tát mà còn chưa hiểu rõ rệt cho lắm, quý vị nói xem: Làm sao có thể khiến cho người ta tin tưởng? “*Khó tin*” thì chẳng phải là phạm nhân than “khó tin”, mà là lời cảm thán “khó tin” của mười phương chư Phật! Chư Phật nói “khó tin”, chẳng phải là nói chính các Ngài khó tin, mà là nói những kẻ ngoài các Ngài ra: Từ Đẳng Giác trở xuống [đều cảm thấy pháp môn Tịnh Độ] khó tin, thật đấy! Đẳng Giác Bồ Tát không tin pháp môn này rất nhiều! Nếu Ngài tin tưởng thì đã vãng sanh Tịnh Độ. Còn chưa vãng sanh Tịnh Độ, tức là hoàn toàn chẳng tin. Vì thế, đây là pháp khó tin!

Nhưng [pháp môn này] tu hành rất dễ dàng, khó tin, dễ hành, [kẻ thấy khó tin là vì] chưa thể thấu hiểu tột cùng cội nguồn. Vì lẽ đó, người bình phạm tiếp xúc pháp môn này mà có thể tin tưởng sâu đậm, chẳng nghi ngờ, chúng ta cũng chẳng biết do duyên cớ nào! Nếu đức Phật không dạy trong kinh Vô Lượng Thọ, làm sao chúng ta có thể hiểu được? Đức Phật nói: Người ấy trong vô lượng kiếp thời quá khứ đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, thiện căn sâu dày dường ấy, tiếp xúc pháp môn này bèn có thể tin tưởng, có thể phát nguyện. Đó là do thiện căn, phước đức, và nhân duyên trong quá khứ của người ấy chín muồi, nay lại được mười phương chư Phật, Bồ Tát âm thầm gia trì, thành tựu Tín, Nguyện, Hạnh trong đời này cho người ấy, nên đời này, người ấy vãng sanh thành Phật, khó lắm! Kinh có nhắc tới vương tử A Xà (tức A Xà Thế). Vương tử A Xà trong đời quá khứ từng cúng dường bốn trăm ức Phật, [thế mà] gặp pháp môn này chỉ phát một nguyện, hy vọng trong tương lai, “tôi thành Phật giống như A Di Đà Phật”, vẫn chẳng phát nguyện niệm Phật vãng sanh. Phát một nguyện như thế, trong đời này có thể vãng sanh hay không? Vẫn là chẳng nhất định, vì ông ta chẳng phát nguyện tu hành, mới biết cúng dường bốn trăm ức Phật là “ít thiện căn”, cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai mới là nhiều thiện căn, nhiều phước đức. Nay chúng ta gặp pháp môn này mà không tin, chẳng có gì đáng ngạc nhiên! Gặp pháp môn này mà tin tưởng thì mới đúng là đáng ngạc nhiên! Người ấy (người vừa nghe pháp môn bèn tin tưởng, phát nguyện, tu trì) trong đời quá khứ giống như đức Phật đã nói: Từng cúng dường vô lượng vô biên Như Lai.

Chúng ta đọc mấy câu tiếp theo. Nơi trang sáu mươi bảy, dòng thứ hai, xem từ cuối trang: “*Kim viên nhân*” (Nay người căn cơ viên đốn); nói thật ra, “*viên nhân*” là người nhiều thiện căn, nhiều phước đức. Nếu chẳng phải là người nhiều thiện căn, lắm phước đức, chẳng thể nào là căn tánh viên đốn! Vì Tịnh Độ Tông là “*viên nhất trong các pháp viên, đốn nhất trong các pháp đốn, chuyên nhất trong các pháp chuyên*”, cổ đại đức tán thán như vậy. Chẳng phải là người căn tánh viên đốn, đích xác là rất khó thọ trì! “*Tùng Danh Tự Tức, dĩ tín giải tâm cùng Trí Độ để, nãi chí duy Phật dữ Phật, cứu cánh cùng để, dĩ thử Để nghĩa, thích u kinh thế*” (Từ địa vị Danh Tự Tức, dùng tâm tín giải thấu đạt tận đáy Trí Độ, cho đến chỉ có Phật và Phật thấu đạt rốt ráo tận đáy. Dùng cái nghĩa “đáy” ấy để giải thích cái Thể của kinh). Đây là nói thiện căn, phước đức, và nhân duyên trong Viên Giáo vô cùng sâu dày, đúng như kinh Di Đà đã nói: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện

căn, phước đức, nhân duyên để sanh về cõi ấy), [phải là] nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên! Vì vậy, người ấy vừa tiếp xúc pháp môn này, vừa tiếp xúc là Danh Tự Phật. Gọi là Danh Tự vì nghe nói pháp môn này bèn nghe hiểu, đã nghe hiểu bèn tin tưởng, phát nguyện, chịu nghiêm túc niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là một loại. Loại người này tuy trí chưa thể rốt ráo thấu đạt đến tận đáy giống như chư Phật, nhưng cũng chẳng sai biệt cho mấy, [vì] người ấy chẳng hoài nghi mà! Chư Phật do thấu hiểu rốt ráo tận đáy, nên chẳng hoài nghi bất cứ chuyện gì, còn những người ấy tuy chẳng thấu đạt tận cùng, nhưng vẫn chẳng hoài nghi, nên cũng chẳng sai biệt cho mấy, trong một đời này, người ấy quyết định có thể thành tựu. Đây là dạy người tu hành biết độ sâu của pháp môn này; chỉ cần chúng ta tin sâu, nguyện thiết, tuy chưa đạt đến độ sâu ấy, nhưng đã tương ứng với độ sâu ấy, công đức lợi ích liền tự đạt được từng phần.

Tiếp đó là ý nghĩa của chữ Đạt. “Đạt” là thông đạt, hiểu rõ, đó là đoạn thứ ba. “Phục thứ, Thễ thị đạt nghĩa” (Lại nữa, Thễ có nghĩa là đạt). Đạt (達) là thông đạt, “đắc thứ Thễ ý, thông đạt vô ửng” (hiểu ý nghĩa này của Thễ, nên thông đạt, không có chướng ngại). “Ứng” (壅) là chướng ngại, là trở ngại. [“Vô ửng” là] chẳng có chướng ngại, thông đạt vô ngại. “Nhu phong hành không trung, tự tại vô chướng ngại, nhất thiết dị danh biệt thuyết, giai dĩ Thật Tướng bất tương vi bội. Thích Luận vân: “Bát Nhã thị nhất pháp, Phật thuyết chủng chủng danh, cố dĩ thể đạt thích kinh thể dã” (Như gió lùa trong hư không, tự tại, chẳng chướng ngại. Hết thảy các tên gọi khác hay cách nói khác đều chẳng mâu thuẫn Thật Tướng. Thích Luận giảng: “Bát Nhã là một pháp, nhưng Phật nói ra các thứ tên gọi [khác nhau]”, nên dùng việc thông đạt Thễ để giải thích Thễ của kinh). Nói thật ra, chẳng có trí huệ thì làm sao có thể thông đạt hết thảy các pháp? Chỉ có chân trí hiện tiền thì mới thông đạt hết thảy vô ngại. Do lẽ đó, “đạt” cũng là Tánh Đức, đặc biệt phơi bày trí huệ trong Tánh Đức. Đó là giải thích ba ý nghĩa của Thễ.

Cuối đoạn này có một câu, chúng ta phải ghi nhớ. Xem từ chữ thứ ba trong dòng thứ nhất của trang sáu mươi tám. “Nhuợc thức thứ Thễ, tắc ư chư pháp thông đạt tự tại, phục ư thế gian cập xuất thế gian nhất thiết dị danh, nhất trung giải đa, đa trung giải nhất” (Nếu biết Thễ này, sẽ thông đạt tự tại nơi các pháp. Lại còn đối với hết thảy các tên gọi khác nhau của pháp thế gian và xuất thế gian, sẽ từ một mà hiểu nhiều, từ nhiều mà hiểu một). Chúng ta đọc đến chỗ này là được rồi, đây là một câu vô cùng quan trọng. Then chốt ở ngay chữ “Nhất”, Thiên Tông cũng nói “nhất”. Nếu đạt được “nhất”, sẽ đạt được hết thảy. “Nhất” là nhất tâm. Nhất chẳng phải là một con số, bất đắc dĩ cưỡng gọi là Nhất. Phương pháp của Tịnh Độ Tông trực tiếp, tu gì? Tu nhất tâm bất loạn, “nhất” ở đây là nhất tâm. Chỉ cần đạt đến nhất tâm, tự nhiên thông đạt hết thảy các pháp, pháp thế gian và xuất thế gian thảy đều thông đạt. Nay nói với kẻ sơ học, họ sẽ chẳng tin tưởng. Vì thế, bảo họ học một bộ kinh, họ chẳng cam lòng, chẳng bằng lòng, vừa bắt đầu bèn kinh luận gì cũng đều muốn học, học đạt được hiệu quả gì? Thứ gì cũng chẳng thông, thứ gì cũng chẳng đạt! Vì sao? Kẻ ấy chẳng thể tu nhất tâm, tâm tán loạn, học tạp loạn, vĩnh viễn chẳng thể thông đạt. Dạy học vào thời cổ ky

nhất chuyện này. Người hiện thời có quan niệm chẳng giống tiền nhân, đó là nỗi bất hạnh của chúng ta. Hiện thời, người Hoa chịu khổ nạn to lớn dường ấy, vẫn phải tiếp tục hứng chịu nỗi khổ nạn ấy, vẫn chưa hứng chịu xong! Khi nào người Hoa mới chẳng hứng chịu khổ nạn? Đến khi nào người Hoa thật sự giác ngộ, lại đọc sách của Khổng lão phu tử, lại sử dụng phương pháp học tập của cổ nhân, người Hoa sẽ không mắc nạn. Chúng ta vứt bỏ những cái của chính mình, học theo ngoại quốc, ngoại quốc hoàn toàn chẳng hay! Nếu quý vị thường sang các nước trên thế giới, tôi đến rất nhiều nơi, thấy họ chẳng hay bằng Trung Quốc, thua kém chúng ta rất xa! Vì thế, nay tôi sang ngoại quốc, dạy người ngoại quốc đọc sách Khổng Tử, học theo phương pháp cổ xưa của Trung Quốc thì bọn họ mới có thể đạt được hạnh phúc thật sự. Không đọc sách cổ sẽ không được!

Trong phương pháp xa xưa, Nho và Phật dạy chúng ta dốc sức nơi nhất tâm. Trẻ nhỏ học tập, chưa hề nghe nói có chuyện học hai thứ cùng một lúc. Chẳng có! Muốn học đồng thời đôi ba thứ, thầy sẽ chẳng dạy, không nhận quý vị làm học trò. Học trò hiện thời thì sao? Ông không cho tôi học tám thứ, mười thứ, tôi không theo ông học nữa! Còn có cách nào nữa? Vì thế, hiện thời thầy chẳng tìm ra trò, mà trò cũng chẳng tìm thấy thầy! Trong quá khứ, tôi ở chỗ thầy Lý, thầy Lý theo đúng quy củ, học kinh chỉ có thể học một bộ. Học hai bộ chắc chắn là chuyện không thể được, thầy nhất định chẳng dạy quý vị! Tôi ở Đài Trung mười năm, chỉ học năm bộ kinh. Hiện thời, quý vị học trong Phật Học Viện, một năm không chỉ học năm bộ, tôi mười năm mới học năm bộ. Tiêu chuẩn của thầy Lý còn khoan dung hơn cổ nhân rất nhiều, chẳng nghiêm ngặt như cổ nhân, nên chúng tôi đạt được lợi ích cũng thua kém tổ sư đại đức xưa kia, do nghiêm khắc chẳng đủ mức mà! Nhưng nếu thầy nghiêm ngặt, chúng tôi sẽ bỏ đi hết, chẳng thể theo học với thầy. Cũng là vì thầy nhìn thấy căn tánh của chúng tôi, chẳng có cách nào, nếu thầy nghiêm ngặt, chắc chắn chúng tôi sẽ bỏ đi hết. Theo học với thầy mà có lúc trong tâm chẳng phục, cảm thấy thầy ngang bướng, chuyên chế, không đếm xỉa lý lẽ! Thật ra, thầy đúng là hợp lý, lời thầy nói là chánh lý, nhưng chúng tôi ngỡ là ngụy biện, vẫn là do chúng tôi suy nghĩ sai quấy, chứ thầy chẳng sai trái! Mãi tới sau này, chúng tôi mới tự mình giác ngộ: Thầy [dạy bảo theo kiểu ấy là] chánh xác, lại còn cảm thấy thầy chưa nghiêm khắc đủ mức.

Vì vậy, học gì thì cũng nhất định là “*thâm nhập một môn*”, quyết định chẳng thể học hai môn, [học đồng thời] hai môn là điều kỳ hựu rất lớn. Quý vị thấy trong chú sớ của tổ sư, trong kinh luận của chư Phật, đều nói giống như nhau: “*Nhất trung giải đa, đa trung giải nhất*” (Trong một hiểu nhiều, trong nhiều hiểu một), nhất định phải huấn luyện từ phương pháp cơ bản. Nhất định là trước hết cầu Căn Bản Trí, Căn Bản Trí là vô tri, Bát Nhã vô tri. Trước hết tu vô tri rồi sau đó mới lại tu “*không gì chẳng biết*”, nên vừa bắt đầu học tập, chớ nên đọc hết thầy các kinh luận. Người hiện thời hoàn toàn tương phản với cổ nhân, hiện thời là vừa dụng công bèn đọc rất nhiều kinh luận, học gì vậy? Học “*không gì chẳng biết*”. Kết quả là học suốt đời, đúng là cái gì cũng chẳng biết! Nói thật ra, chuyện này hoàn toàn trái nghịch giáo huấn của đức Phật. Đức Phật dạy chúng ta: Theo thứ tự, trước hết là đoạn phiền não, sau đây sẽ học pháp môn. Tứ Hoàng Thệ

Nguyện đã chỉ dạy trình tự ấy. Thứ nhất là quý vị phải phát nguyện, “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”. Quý vị phải phát đại nguyện ấy, bỏ mình vì người khác, vì Phật Giáo, vì chúng sanh. Thực hiện từ chỗ nào? Trước hết là đoạn phiền não, “*phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”. Sau khi đoạn hết phiền não, sẽ lại là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”.

Chẳng hề nói chưa đoạn phiền não mà đã học pháp môn. Chưa đoạn phiền não mà học pháp môn, sẽ giống như trong phần trước đã nói: Đều là tà tri tà kiến, đều là ma sự. Vì sao? Trong tâm quý vị còn có một tí chưa buông xuống được, còn có tình chấp. Chỉ cần có tình chấp, những gì quý vị đã học đều là ma sự. Trong phần giảng về tựa đề kinh của tác phẩm chú giải kinh Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư đã nói: Chẳng đoạn phiền não mà muốn học pháp môn thì đều là tà tri tà kiến, tăng trưởng tà kiến. Chẳng đoạn phiền não và cũng chẳng học pháp môn, Thanh Lương đại sư bảo là tăng trưởng vô minh. Chẳng đoạn phiền não mà học hết thấy các pháp môn là tăng trưởng tà kiến, quý vị liền biết: Đoạn phiền não rất trọng yếu. Phiền não là chướng ngại, trước hết, phải xóa bỏ chướng ngại. Sau khi đã xóa trừ chướng ngại, sẽ học pháp môn rất nhanh. Vừa thấy, vừa nghe, liền lập tức thông đạt. Giống như Lục Tổ đại sư tâm địa thanh tịnh, Ngài chưa hề nghe, chưa hề đọc kinh Pháp Hoa. Thiên sư Pháp Đạt niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa, nhưng chẳng hiểu nghĩa kinh Pháp Hoa. Lục Tổ bảo: “Ông hãy niệm kinh Pháp Hoa cho ta nghe xem nào!” Sư chỉ niệm đến phẩm thứ hai. Kinh Pháp Hoa có hai mươi tám phẩm, Sư chỉ niệm đến phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện, Lục Tổ đại sư bảo: “Được rồi! Chẳng cần niệm nữa, ta đều biết trọn vẹn”, giảng giải cho Sư. Quý vị hãy nghĩ xem, đó là đã đạt nhất tâm liền thông đạt hết thấy các pháp, há cần phải xem hết cả bộ kinh! Vừa xem một chút, liền hiểu rõ toàn bộ, thông đạt toàn bộ.

Vì vậy, hiện thời mọi người chẳng tu từ căn bản, mà tu nơi cành lá, vĩnh viễn chẳng tu thành tựu. Chúng tôi nói lời thật với họ, họ trách tôi lừa gạt họ, còn vặn hỏi ngược lại: “Chẳng phải là trước kia thầy cũng học rất nhiều đó sao?” Lại còn nói tôi lừa họ, nói tôi đổ ky, sợ trong tương lai, họ học thành công vượt trội tôi! Quý vị nói có oan uổng hay không! Những điều tôi học trước kia, thừa cùng chư vị, là tu mù luyện đui. Tu luyện nhiều năm ngàn ấy, đến nay mới tìm được đường. Tôi nói lời thật cùng quý vị, quý vị muốn học theo kiểu của tôi xưa kia, học ba mươi năm chưa chắc đã được như tôi, tôi dám nói như thế. Nay nếu quý vị nghe lời tôi, chẳng cần ba mươi năm, mà sau mười năm, nhất định quý vị vượt trội tôi. Tôi mong quý vị vượt trội tôi, vì sao? Vượt trội tôi thì Phật pháp mới có tiền đồ, chúng sanh mới có hy vọng, chứ đều giống như tôi thì thôi rồi! Tôi hy vọng sau này các vị đều có thể vượt trội tôi, nhưng quý vị chẳng nghe tôi khuyên cáo, chẳng có cách nào! Chúng tôi thường nói: Người thế gian hiện thời nhận giả, chẳng nhận thật, nghe lừa, chẳng nghe khuyên. Nếu tôi lừa quý vị, [sẽ bảo]: “Quý vị kinh luận gì cũng đều phải nghiên cứu. Chẳng nghiên cứu sẽ không thể thành tựu!” Họ sẽ tin tưởng. Tôi bảo: “Quý vị thứ gì cũng đừng nghiên cứu, mỗi ngày niệm một quyển sách, cũng chẳng đòi hỏi phải hiểu nghĩa”, họ chẳng tin tưởng!

Vậy là chẳng có cách nào, nói thật thì họ chẳng tin. Được rồi, chúng tôi giới thiệu phân Biện Thể đến đây!

Tập 13

Xin mở kinh bốn, trang sáu mươi tám, dòng thứ hai đếm từ dưới lên:

“*Tam, Minh Tông*”: Đây là phần Huyền Nghĩa, cũng là đoạn lớn thứ ba trong phần Khái Yếu. “*Tông vị yếu, thử kinh chi yếu, tại tu tâm diệu quán, cảm u Tịnh Độ*” (Tông nghĩa là chánh yếu. Điều chánh yếu trong kinh này là tu tâm diệu quán cảm Tịnh Độ). Phần Biện Thê được nói trong phần trước là căn cứ lý luận, đoạn này nói đến tông chỉ, tức là phương pháp tu hành, cũng là tông cương lãnh tu học của toàn bộ kinh này, hết sức quan trọng. Nếu hiểu rõ lý luận, nhưng chẳng biết phương pháp tu học, thì vẫn chẳng thể thụ dụng. Phương pháp tu hành trong kinh này là Quán, tức là mười sáu phép Diệu Quán. Chúng ta đọc phần tiếp theo: “*Tâm quán, tức thị Nhất Tâm Tam Quán, Thích Danh chi trung, kỳ tướng dĩ ủy*” (Tâm quán chính là Nhất Tâm Tam Quán. Trong phần giải thích tên kinh, đã giải thích tướng ấy). “*Ủy*” (委) là đã được giải thích. Trong phần trước đã nói qua, [nên lời Sao viết tiếp]: “*Cảm độ chi tướng, thử văn bị luận*” (Trong phần kinh văn nói về tướng trạng của các cõi nước được cảm, đã luận định đầy đủ). Tu Nhất Tâm Tam Quán, cảm được bốn thứ Tịnh Độ, bốn thứ Tịnh Độ đã được nói rõ trong đoạn ấy. “*Kim kinh diệu tông, tại thử nhân quả*” (Tông chỉ màu nhiệm của kinh này ở trong nhân quả ấy): Nhất Tâm Tam Quán là nhân, cảm bốn cõi [Tịnh Độ] là quả, tu nhân chứng quả. Chúng ta xem đoạn kinh văn tiếp theo.

“*Thử minh kinh Tông*” [nghĩa là] tiếp theo đây, trong đoạn thứ ba, sẽ nói rõ tông chỉ của kinh này. “*Sơ giản Tông Thê, thử chánh minh Tông*” (Trước hết là biện định Tông và Thê; sau đó, sẽ chánh thức nói về Tông), chia thành hai đoạn. Chúng ta xem kinh văn: “*Hữu nhân ngôn, Tông tức thị Thê, Thê tức thị Tông*” (Có người nói: Tông chính là Thê, Thê chính là Tông). Có kẻ nói như vậy, coi Tông và Thê là một chuyện, thật ra, chẳng đúng, Tông và Thê có sai biệt. “*Kim sở bất dụng*” (Nay chẳng dùng thuyết ấy), [nghĩa là] không chủ trương tuân theo cách nói như vậy. “*Hà giả? Tông ký thị nhị, Thê tức bất nhị. Thê nhược thị nhị, Thê tức phi Thê*” (Vì lẽ nào? Tông đã là hai, Thê chính là chẳng hai. Nếu Thê là hai, thì Thê chẳng phải là Thê). Xác thực là bản thể chỉ có một, chẳng thể có hai; hễ có hai, sẽ chẳng thể gọi là Thê được! “*Tông nhược bất nhị, Tông tức phi Tông*” (Nếu Tông chẳng hai, Tông sẽ chẳng phải là Tông). Tông là phương pháp tu hành. Xác thực là đối với phương pháp tu hành, mỗi bộ kinh có phương pháp riêng của bộ kinh ấy, tuyệt đối chẳng phải là một. “*Như lương trụ, thị ốc chi cương duy*” (Như kèo cột, là cái khung của căn nhà): Nêu tỷ dụ về việc dựng nhà, cột và kèo trong khi dựng nhà hết sức quan trọng. Trước hết, phải gác dựng kèo cột rồi mới có thể lợp nhà. “*Ốc không, thị lương trụ sở thủ*” (Khoảng trống trong căn nhà là do kèo cột tạo thành), sử dụng căn nhà là sử dụng khoảng không gian [trong căn nhà ấy]. Nếu nhà chẳng có khoảng trống bên trong, căn nhà ấy sẽ chẳng thể sử dụng được! Vì thế, nói là “*dùng Không*”. “*Bất ưng dĩ lương trụ thị ốc không, ốc không thị lương trụ*” (Chớ nên nghĩ kèo cột là khoảng trống trong nhà, coi khoảng trống trong nhà là kèo cột). Nêu tỷ dụ này dễ hiểu, đó là tỷ dụ về Tông. Xét theo bản chất của Tông, thì quả thật chẳng phải là một, mà là hai;

nhưng mối quan hệ giữa Tông và Thể hết sức mật thiết! Tông ắt phải nương vào Thể để kiến lập, tách rời khỏi Thể thì lấy đâu ra Tông?

Trong phần Sao tiếp đó, tức là trong phần chú giải, có hai câu nói rất khẩn yếu: “*Tông thị nhân, quả thuộc Sự*” (Tông là nhân, quả thuộc về Sự). Trong đây, [đã nêu lên] mối quan hệ nhân quả, tu nhân sẽ chứng quả. Vì vậy, Tông là cương lĩnh tu hành, quả báo là bốn thứ Tịnh Độ ở Tây Phương. “*Thể thị nhất tánh, thuộc Lý*” (Thể là một tánh, thuộc về Lý), nhân cũng căn cứ trên Lý ấy, mà quả vẫn căn cứ trên Lý ấy, Lý là một. “*Tuy bất tương xả, nhị nghĩa tu phân*” (Tuy chẳng lìa bỏ nhau, nhưng hai nghĩa vẫn cần phải tách biệt). Xác thực là nhân quả đều có nền tảng là nguyên lý ấy, nhưng chúng ta vẫn phải phân biệt rõ ràng, chẳng thể nói hàm hồ, lẫn lộn được. Vì thế, cần phải tách hai nghĩa ra. “*Chấp định thị nhất, u nghĩa quai vi*” (Chấp chặt chúng là một, sẽ trái nghịch giáo nghĩa). Nếu cứ chấp trước nói chúng là một, sẽ mâu thuẫn giáo nghĩa. Kiên quyết chấp trước [Tông và Thể] là một thì vẫn có thể nói cho suông, nhưng tu hành như thế nào, chứng quả như thế nào, sẽ rất khó! Vì thế, ắt phải phân biệt chúng.

Đoạn kế tiếp, quý vị tự xem lời chú giải. Chúng ta đọc đoạn sau đó: “*Giản Tông Thể dị*” (Biện định về sự khác biệt giữa Tông và Thể), nói rõ vì sao chẳng thể nói gộp chung [Tông và Thể] thành một được, mà cứ nhất định phải phân biệt rõ ràng. [Điều này được trình bày trong] hàng thứ hai từ dưới đếm lên nơi trang bảy mươi.

“*Tông Thể dị giả, tắc nhị vật cô điều. Tông phi hiển Thể chi Tông, Thể phi Tông gia chi Thể*” ([Nếu hiểu là] Tông và Thể khác nhau, chúng sẽ trở thành hai thứ cách biệt cô lập. Tông sẽ chẳng là cái Tông nhằm hiển Thể, Thể chẳng phải là cội nguồn của cái Tông nữa). Nói thật ra, Tông và Thể có mối quan hệ mật thiết, chính là mối quan hệ “Lý và Sự là cùng một Thể”. Rời khỏi Lý, lấy đâu ra Sự? Chẳng có Sự, Lý cũng chẳng thể hiển thị được. Tông và Thể có mối quan hệ như vậy, mật thiết dường ấy. Do đó, ở đây [lời Sớ] giảng: Nếu nói Tông và Thể khác nhau, sẽ thật sự biến thành hai vật lẻ loi, Tông sẽ chẳng thể hiển Thể. Thể là Chân Như bản tánh. Hết thấy chúng sanh thật sự vốn sẵn có Chân Như bản tánh; tuy sẵn có, nó chẳng hiển lộ, do đã bị mê. Ất cần phải cậy vào Tu Đức thì mới có thể hiển lộ Tánh Đức. Tánh Đức là Thể, Tu Đức là Sự, không tu sẽ chẳng thể thành Phật. Nói thật ra, hết thấy chư Phật cũng đều là tu thành, các Ngài tu thành như thế nào? Bản tánh vốn sẵn trọn đủ, vì các Ngài có Phật Tánh, nên chỉ cần chịu tu, nhất định là có thể thành Phật. Đây là nêu bày công dụng của mối quan hệ giữa Tông và Thể. Do đó, chớ nên chấp trước [Tông và Thể] là một, mà cũng chẳng thể chấp trước là hai. Hễ chấp trước thì sai mất rồi, chúng ta hiểu mối quan hệ của chúng như vậy là được rồi!

Tiếp đó là phần Chánh Thuyết, tức là chỉ bày [Tông là gì, điều này được nêu ra trong] hàng thứ tư đếm từ dưới lên nơi trang bảy mươi một. “*Kim ngôn bất dị nhi dị, cố hữu Tông; bất nhất nhi nhất, cố hữu Thể dã*” (Nay nói “chẳng khác mà khác” nên có Tông. “Chẳng một mà là một” nên có Thể). Nói rất hay, đây mới là nêu bày chân tướng sự thật. Chúng ta xem chú giải: “*Phổ Hiền Quán Kinh vân, Đại Thừa nhân giả, chư pháp Thật Tướng thị, Đại Thừa quả giả, chư*

pháp Thật Tướng thị. Thật Tướng nhân quả, bất dị nhi dị, phi đảo Hữu ấn, thử vi diệu tông. Nhân quả Thật Tướng, bất nhất nhi nhất, phi sự ngoại lý, thử vi diệu thể” (Kinh Phổ Hiền Quán²¹ nói: “Cái nhân của Đại Thừa là Thật Tướng của các pháp, quả của Đại Thừa là Thật Tướng của các pháp”. Thật Tướng nhân quả, chẳng khác mà khác, chẳng xóa bỏ Hữu ấn²², đây là diệu tông. Thật Tướng nhân quả, chẳng phải một mà là một, chẳng phải là Lý ở ngoài Sự, đây chính là diệu thể). Đoạn giải thích này rất hay, lời lẽ đơn giản, nhưng ý nghĩa trọn vẹn. Là khỏi Thật Tướng sẽ chẳng có một pháp nào để được! Nói đơn giản, Thật Tướng là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, đó là Lý Thể. Chúng ta tu hành ắt phải thuận theo nó, nương vào nó, mà chứng quả cũng chính là nó. Từ chỗ này, chúng ta hiểu hết thấy các pháp xác thực là quy nhất (trở về một), giống như Thiên Tông đã nói “*vạn pháp quy nhất*”, nhất là gì vậy? Nhất Thật Tướng.

Mục đích tu học chung cực trong Phật pháp là khiến cho chúng ta nhận thức chân tướng của vũ trụ và nhân sinh; hề nhận thức chân tướng của vũ trụ, sự tu hành chứng quả trong Phật pháp bèn viên mãn. Do vậy, nếu chư vị hỏi Phật pháp là gì? Mấy câu đơn giản này đã nói trọn hết toàn bộ Phật pháp. Vấn đề vướng mắc trong hiện tại của chúng ta là chẳng biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Không chỉ chẳng biết vũ trụ và nhân sinh, mà ngay cả chính mình cũng chưa hiểu rõ ràng, đó là mê, là điên đảo. Vì lẽ đó, mọi cách nhìn, cách thấy, cách làm đều phát sanh sai lầm, những sai lầm ấy đã đem lại cho chúng ta rất nhiều nỗi thống khổ! Chúng ta học Phật thì phải nhận thức chính mình, nhận thức vũ trụ, nhận thức nhân sinh. Đã hiểu thật rõ chân tướng thì tư tưởng, kiến giải và cách làm của chúng ta sẽ chẳng phạm sai lầm nữa. Chẳng phạm sai lầm, sẽ chẳng có đau khổ, chẳng còn khổ nạn nữa. Đó là mục đích giáo học và tu học trong Phật pháp. Phương pháp trong kinh này hết sức xảo diệu. Tông là tông chỉ tu hành, [tông chỉ tu hành của Quán Kinh] là một tông chỉ tu hành xảo diệu, quả đức của diệu tông là diệu thể.

Tiếp đó, nói thẳng thừng tông chỉ của bản kinh này. Trong hàng thứ hai, nơi trang bảy mươi hai: “*Kim thử kinh Tông*” (Nay Tông của kinh này), “*thử kinh*” là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, tông chỉ của bộ kinh này là gì? Cương lĩnh quan trọng trong tu hành là gì? “*Dĩ tâm quán tịnh, tắc Phật độ tịnh, vi kinh Tông Trí*” (Do tâm quán tịnh thì cõi Phật tịnh, đó là Tông Trí²³ của kinh). “*Trí*”

²¹ Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Quán Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Pháp Kinh, do ngài Đàm Ma Mật Đa nước Kế Tân dịch vào năm Nguyên Gia nguyên niên (424) đời Lưu Tống. Kinh dạy về phương pháp tu hành của Phổ Hiền Bồ Tát, đồng thời dạy cách tu Pháp Hoa tam-muội và pháp môn sám hối. Kinh này cùng với kinh Pháp Hoa và kinh Vô Lượng Nghĩa được tông Thiên Thai gọi là Pháp Hoa Tam Bộ Kinh.

²² “*Hữu ấn*” được dùng với ý nghĩa Hữu Biên. Câu này tạm hiểu thô thiển như thế này: Tuy nhân và quả đều là Thật Tướng, tức Sự (nhân và quả) chẳng rời khỏi Lý (Thật Tướng), do chúng đều có cùng một Thể nên “*bất dị*” (chẳng khác). Xét theo Sự thì nhân và quả sai khác, nên nói “*nhi dị*” (mà khác). Do Lý mà hiển Sự, nên chẳng phải là không Có. Vì thế, nói là “*phi đảo Hữu Ấn*” (chẳng phải là xóa bỏ Có).

²³ Tông Trí là danh xưng khác của Tông Thủ. Trí và Thủ có cùng một ý nghĩa. Cụ Hoàng Niệm Tổ giảng: “*Điều được kinh đề cao gọi là Tông (宗). Tông là trọng yếu, là tông chỉ của toàn bộ*

(致) là đạt tới mức tốt bậc. Câu này hết sức quan trọng, đúng như kinh Tịnh Danh đã nói: “*Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh*”. Chư vị đồng tu tu học Tịnh Độ, bất luận quý vị dùng Quán Tưởng, Quán Tượng, hay Trì Danh để niệm Phật, điều khẩn yếu nhất là phải đạt đến cái tâm thanh tịnh. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, quý vị quán tưởng, quán tượng, hay trì danh đều chẳng đạt được kết quả. Giống như học hành trong trường, tuy học tập rất siêng năng, đi thi chẳng đậu, vì sao? Quý vị chẳng nắm được trọng điểm, trọng điểm chính là tâm thanh tịnh. Nói thật thà, hiện thời chúng ta tu hành công phu chẳng đắc lực, là do nguyên nhân nào? Chúng ta chịu niệm kinh, mỗi ngày niệm khá nhiều lượt, chịu niệm Phật, một ngày niệm mấy vạn tiếng, nhưng tâm chẳng thanh tịnh! Vừa niệm vừa còn suy nghĩ loạn xạ, lại còn có thị phi, nhân ngã, lại còn thấy khuyết điểm của kẻ khác, bươi móc tật xấu của người ta, vậy thì làm sao được nữa đây? Kẻ như vậy chẳng biết niệm Phật tu hành chính là tu cho hết những phiền não, tập khí, khuyết điểm. Hễ xóa bỏ chúng, tâm sẽ thanh tịnh. Khôi phục tâm địa thanh tịnh, chúng ta liền đạt được mục đích tu học, hiện tiền là đạt được thân tâm thanh tịnh, tự tại an lạc, trong tương lai vắng sanh Tịnh Độ. Quý vị nói xem: Có quan trọng lắm hay không?

Chúng ta xem chú giải. Đoạn chú giải này hết sức khẩn yếu, có mối quan hệ mật thiết với niềm kỳ vọng trong sự tu học của chúng ta trong hiện thời: “*Đại Thừa chi pháp, kỳ yếu tại tâm*” (Điều quan trọng trong pháp Đại Thừa là tâm). Khác với pháp Tiểu Thừa, pháp Tiểu Thừa chú trọng sự tướng, chú trọng những chuyện vụn vặt trong cuộc sống. Pháp Đại Thừa coi trọng tâm thanh tịnh, khác hẳn! “*Tâm cụ dị tri, sắc cụ nan giải*” (Tâm trọn đủ dễ biết, sắc trọn đủ khó hiểu), “*cụ*” (具) là trọn đủ. Kinh nói trong tâm trọn đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, chúng ta nghe xong, dường như có thể hiểu tình hình ấy. Sắc là sắc tướng, nhưng [nghe nói] sắc tướng cũng trọn đủ thì chẳng dễ hiểu, khó hiểu lắm. “*Cổ Chỉ Quán vân, nhân thông dị thức, quả cách nan tri*” (Vì vậy, sách Chỉ Quán nói: “Nhân do tương thông nên dễ biết, quả do sai khác nên khó hiểu”). “*Quả*” là quả báo, quả báo có tới mười pháp giới; còn nói tới nhân thì mười pháp giới có nền tảng là một cái nhân, tức là tâm. Mười pháp giới chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến. Thức là Dụng (tác dụng) của tâm, chẳng phải là bản thể của tâm, mà là tác dụng của tâm. Tác dụng của tâm còn có thuận, nghịch, có tác dụng thuận tánh, có tác dụng trái nghịch tự tánh. Thuận theo tự tánh, liền biến thành quả báo trong tứ thánh pháp giới; trái nghịch tự tánh, liền biến thành quả báo trong lục phàm. Thuận, nghịch là gì? Chúng ta khởi tâm động niệm, thuận theo tâm thanh tịnh bèn gọi là “thuận tánh”. Khởi tâm động niệm mà tâm chẳng thanh tịnh bèn là “trái nghịch tự tánh”. Tôi nói theo cách này, chư vị tương đối dễ hiểu hơn!

kinh. Tông lại là đường lối trọng yếu để tu hành. Vì vậy, Tông là cương lĩnh của toàn bốn kinh... Ngài Hương Tượng giảng: ‘Điểm được coi trọng là Tông, chỗ quy hướng của tông thì gọi là Thú’. Ngài Khuê Phong đại sư viết trong sách Viên Giác Lược Sớ rằng: ‘Thú có nghĩa là hướng đến, tức là chỗ quy hướng của tâm ý thức’. Đủ biết: Thú (趣) là quy thú (歸趣: Hướng đến, quay về). Vì vậy, dựa vào tông chỉ của kinh để tỏ rõ việc làm, biết điều mong cầu, thấu đáo tốt cùng chỗ kinh đạt đến thì gọi là Thú vậy’.

Chân tánh là gì? Tôi dùng tâm thanh tịnh để nói. Thật ra, nói theo cách này cũng chẳng sai, vì tựa đề kinh Vô Lượng Thọ là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Do vậy, nói thật ra, tông chỉ tu hành trong kinh Vô Lượng Thọ là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Nói ba thứ, nhưng nói thật ra, ba thứ ấy chính là Tam Bảo. Tôi nghe nói hiện thời có chẳng ít đồng tu muốn phát tâm quy y, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Thanh tịnh là Tăng Bảo, bình đẳng là Pháp Bảo, giác là Phật Bảo; do đó, Tam Bảo đều ở trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ. Đây là tổng cương lĩnh trong sự tu học Đại Thừa. Vì vậy, kinh Vô Lượng Thọ hay lắm, nói thật ra là toàn bộ Thể, Tướng, Dụng đều ở trong tựa đề kinh. Vô Lượng Thọ là Chân Như bản tánh, là Thể. Trang Nghiêm là Tướng. Trang Nghiêm là gì? Tây Phương có tên là thế giới Cực Lạc, Cực Lạc là trang nghiêm, trang nghiêm hoàn mỹ chẳng thiếu khuyết. Trang nghiêm nói đơn giản là “hình tượng”. Thuận tánh thì hình tượng thiện, chẳng thuận tánh là hình tượng bất thiện. Tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, sẽ biến hiện các ác tướng địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh trang nghiêm, chẳng thể nói không phải là trang nghiêm, vẫn là trang nghiêm! Do vậy, danh từ “trang nghiêm” có phạm vi hết sức rộng rãi. Y báo và chánh báo trong mười pháp giới đều có thể gọi là “trang nghiêm”. Trong trang nghiêm, có sự tốt xấu khác nhau, thiện ác khác nhau, gọi chung là “trang nghiêm”. Vì vậy, Trang Nghiêm là tướng, Vô Lượng Thọ là Thể, “thanh tịnh, bình đẳng, giác” là tu nhân. Chúng ta phải nên biết tu như thế nào thì mới có thể chứng đắc sự trang nghiêm trong Cực Lạc, đó là trang nghiêm viên mãn rốt ráo.

“*Cổ quán Tự, quán Tha, giai tu tâm quán*” (Vì thể, quán Tự hay quán Tha đều là tu tâm quán). Chúng ta không chỉ phải ghi nhớ hai câu này, mà còn phải biết dùng. Nhà Thiền thường gọi “*quán Tự*” là “*quán tâm*”. Quán Tự là quán khởi tâm động niệm của chính mình, có thể biết khởi tâm động niệm của chính mình là thiện hay ác. Đó là giác, chứ không mê. Quán Tha là quán khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của kẻ khác. [Thật ra], quán Tha là quán Tự, vì quán sát khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của người khác có ảnh hưởng đến ta hay không? Ví như người khác tán thán ta, ta rất khoái chí, rất hoan hỷ, ta đã bị kẻ khác lay động mất rồi! Người khác chửi ta mấy câu, ta giận dữ, mấy ngày chẳng nguôi giận, đó là chẳng thể làm chủ chính mình, bị cảnh giới bên ngoài lay chuyển. Bị cảnh giới bên ngoài lay chuyển thì người Hoa nói là Phong Thủy. Phong là gì? Bên ngoài. Thủy ví như cái tâm của chính mình. Gió vừa thổi, tâm ta bèn chuyển động, ngay lập tức cuộn cuộn nổi sóng. Phong Thủy có ý nghĩa như thế đó. Khi nào gió cảnh giới bên ngoài thổi như thế nào đi nữa, tâm ta như như bất động. Thừa cùng quý vị, chẳng bị ngoại cảnh chuyển, từ rày trở đi, chẳng cần xem Phong Thủy chi hết, vì Phong Thủy chẳng còn dính dáng với quý vị nữa! Quán Tha chính là quán điều này: Chúng ta có còn bị ngoại cảnh ảnh hưởng hay không? Có thể nói quán Tự hay quán Tha đều nhằm tu cái tâm thanh tịnh của chính mình, đều là tu thanh tịnh, bình đẳng, giác cho chính mình. Đó gọi là “biết tu hành”.

“*Kim quán Tịnh Độ, tu cầu u tâm, tâm năng cụ cố, tâm năng tạo cố, tâm cầu, độ cầu, tâm tịnh, độ tịnh*” (Nay quán Tịnh Độ, cần phải cầu nơi tâm. Do tâm

có thể trọn đủ, do tâm có thể tạo, nên tâm như, cõi nước như, tâm sạch, cõi nước sạch). Mấy câu này hết sức quan trọng. Nếu thật sự hiểu phương pháp và đạo lý này để tu hành, không có gì chẳng thành tựu. Chẳng biết đạo lý và phương pháp tu hành này, dầu dụng công như thế nào, công phu cũng chẳng đắc lực. Đây chính là thật sự dạy cho chúng ta biết cương lĩnh tu hành. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều vốn sẵn có trong tự tâm. Thế giới Cực Lạc do tự tâm tạo, thế giới Sa Bà cũng do tự tâm tạo. Tâm tạo vạn vật. Tâm chẳng thanh tịnh, cõi nước là hoàn cảnh, hoàn cảnh sẽ chẳng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, hoàn cảnh liền thanh tịnh. Thật vậy! Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói bao nhiêu lượt, nói rất thấu triệt: “*Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai*” (Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai). Vấn đề hiện tại là cái tâm của chúng ta có thể chuyển cảnh, hay là bị hoàn cảnh chuyển? Nói “tâm chúng ta bị hoàn cảnh chuyển”, thừa cùng quý vị, đó là giả, là sai lầm, là mê, quyết định chẳng phải là giác. Tâm chuyển cảnh là thật, chẳng giả tí nào, vì sao? Hết thầy chỉ do tâm tạo. “*Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thầy chỉ là tâm tạo): Tánh là tánh thể. Bản thể của hết thầy vạn pháp là tâm tạo, tâm biến, tâm hiện. Trong hai câu ấy, “*tâm trọn đủ, tâm tạo, tâm cấu, tâm tịnh*” chính là nguyên lý của y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, là Thật Tướng và chân tướng của y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới.

Nay chúng ta nói hoàn cảnh không tốt, chuyển hoàn cảnh như thế nào? Chuyển từ tâm địa. Người thế gian hiện thời nghĩ đủ mọi phương pháp để làm đẹp hoàn cảnh, chẳng biết chuyển hoàn cảnh từ tâm địa. Hoàn cảnh bên ngoài dầu chung dọn đẹp để cách mấy đi nữa, nhưng trong lòng ưu sầu, vướng mắc, phiền não quá nặng, dầu có hoàn cảnh đẹp đẽ, chẳng thể nào thương thức! Nếu tâm địa thật sự thanh tịnh, chẳng cần cố ý làm đẹp hoàn cảnh, nó có vẻ đẹp tự nhiên. Thơ cổ nhân có câu: “*Lục măn song tiền, thảo bất trừ*” (Trước song chẳng nhỏ, cỏ xanh um), quý vị thấy rất đẹp. Đó là gì? Bên ngoài đủ thứ cây cỏ mọc lung tung, chẳng cắt xén, cứ để mặc nó, nó có một vẻ đẹp tự nhiên. Nay chúng ta cố ý dùng sức người tạo tác, chẳng phải là vẻ đẹp tự nhiên, nói thật thà thì sinh thái tự nhiên đã bị phá hoại. Mấy câu này dạy chúng ta tu hành phải coi trọng tu tâm, tu tâm bèn coi trọng tâm địa thanh tịnh. Để đạt được tâm địa thanh tịnh, phải buông hết thầy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Quý vị chẳng buông những thứ ấy xuống, tâm quý vị làm sao có thể thanh tịnh cho được? Do đó, nói thật thà, cái tâm của chúng ta khởi tâm động niệm đều là thị phi, nhân ngã, chẳng phải là [toan tính] tự tư tự lợi cho chính mình, thì cũng là người khác trở ngại chúng ta. Hằng ngày khởi ý niệm ấy, đó là chướng ngại trọng đại trong sự tu hành.

Vì thế, bộ kinh này dạy chúng ta phương pháp: Hễ khởi tâm động niệm bèn tưởng Phật, niệm Phật. Chúng ta là phàm phu, tập khí nghiệp chướng từ vô lượng kiếp đến nay rất nặng, chẳng thể không tưởng, suy tưởng chẳng ngừng, suy nghĩ loạn xạ, căn bệnh ấy cũng rất nặng. Nay kinh dạy chúng ta hãy gom những suy tưởng loạn xạ thành một tướng, tức là tướng A Di Đà Phật, tướng y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng dây lên một

niệm tưởng gì khác. Nếu tưởng khác, ngay lập tức buông xuống loạn tưởng ấy, ta tưởng thế giới Cực Lạc, tưởng A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật, dùng phương pháp này để khôi phục tâm địa thanh tịnh. Nếu không, niệm Phật hiệu, niệm kinh này, há có ý nghĩa gì? Chỉ dùng phương pháp này để khôi phục cái tâm thanh tịnh, chế phục hết thủy vọng tưởng mà thôi!

“*Thử do thông thị, vị thị đích luận*” (Điều này vẫn còn là nói chung chung, chưa phải là luận định đích xác). Đúng thế! Đây là nói tới nguyên lý, tất cả hết thủy các pháp Đại Thừa thủy đều căn cứ trên nguyên lý này. Có thể nói bộ kinh này là tinh yếu nhất trong các điều tinh yếu, bộ kinh này “*đích tại nhất tâm, đốn tu Tam Quán*” (Đích thực là chú trọng nhất tâm, tu Tam Quán mau chóng), đây là nói đến Tịnh Độ Tông. Cổ nhân gọi phương pháp tu hành trong Tịnh Độ Tông là Đại Thừa của Đại Thừa, viên nhất trong các pháp viên, nhanh chóng nhất trong các pháp đốn, xác thực đã nắm được điều tinh yếu này, đó chính là Nhất Tâm Tam Quán. Tam Quán chẳng tu theo thứ tự, mà là đốn tu, tu một là tu hết thủy. “*Thử Quán quán u An Dưỡng y chánh*” (Phép Quán này quán y báo và chánh báo của cõi An Dưỡng), An Dưỡng là thế giới Cực Lạc. “*Y chánh*”: Y báo là hoàn cảnh, chánh báo là người và vật. Chúng ta quán hoàn cảnh của Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy Phật và các vị Bồ Tát bên ấy thì Phật và Bồ Tát là chánh báo. “*Tất cánh thanh tịnh*” (Rốt ráo thanh tịnh), nói theo cách hiện thời, Phật, Bồ Tát là hoàn cảnh nhân sự, cây cối, hoa, cỏ, cung điện, vườn, rừng là hoàn cảnh vật chất để cư trụ. Hoàn cảnh nhân sự thanh tịnh, hoàn cảnh vật chất thanh tịnh. Dạy chúng ta hãy quán những hoàn cảnh ấy, thấy chúng thanh tịnh, dùng phương pháp ấy để dần khởi cái tâm thanh tịnh của chúng ta. “*Danh tâm quán tịnh, thử Quán năng linh từ Phật độ tịnh*” (Gọi là tâm quán tịnh, phép Quán này có thể khiến cho bốn cõi Phật thanh tịnh). Cõi Phật có bốn loại: Cõi Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Phương Tiện Hữu Dư, và cõi Phạm Thánh Đồng Cư, bốn cõi đều là Tịnh Độ. “*Như thị phương vị thử kinh Tông Trí*” (Như thế mới là Tông Trí của kinh này), đây mới là tông chỉ và nguyên lý tu hành của bản kinh này.

Trong thế giới này, bất luận hoàn cảnh nhân sự hay vật chất đều chẳng thanh tịnh. Không chỉ chẳng thanh tịnh, mà trong thời đại của chúng ta, có thể nói là ô nhiễm nghiêm trọng tới cùng cực. Điều này có ảnh hưởng hết sức to lớn đối với tâm lý chúng ta, vì chúng ta chẳng phải là thánh nhân, sẽ bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng. Là phàm phu, tâm bị cảnh chuyển. Tu hành bất luận theo phương pháp nào đều hết sức khó khăn, chẳng dễ gì thành tựu. Dùng phương pháp Tịnh Độ, thật sự là có chỗ thù thắng so với hết thủy các phương pháp khác, nhưng phải biết dụng công. Chẳng biết dụng công thì vẫn không được. Có chẳng ít người biết lý luận và phương pháp, biết phải nên làm theo cách như vậy, nhưng cứ khăng khăng chẳng chịu làm như vậy, vì sao? Chẳng thể buông xuống. Vì sao chẳng thể buông xuống? Nói thật ra là do chưa hiểu lý luận triệt để, có hoài nghi, muốn làm, nhưng chẳng dám làm, đó là chướng ngại, Phật môn gọi chuyện này là “*nghiệp chướng*”. Trừ chẳng sạch nghiệp chướng, muốn làm mà không dám làm, sợ sệt, sợ sệt điều gì? Chẳng giữ nổi thân mạng, sợ ngày mai đói lạnh, sợ

ngày mai chết đói! Ta hết thầy đều buông xuống thì ngày mai sẽ sống như thế nào đây? Ai sẽ chăm sóc ta? Vì thế, tuy biết là phải nên làm như thế nào, kết quả là vẫn chẳng dám làm, vẫn luân hồi trong lục đạo, vẫn làm phàm phu sanh tử!

Có mấy may chẳng thể buông xuống, tâm sẽ không thanh tịnh. Điều này còn được diễn tả là “*tri dị, hành nan*”, tức là biết dễ dàng, làm rất khó. Biết dễ, làm khó! Chúng ta nghe nói [như vậy] cũng thấy rất có lý; thật ra, đạo lý ấy chẳng phải là chân lý, chân lý là gì? Chân lý hoàn toàn đảo ngược, tức là “*biết khó, làm dễ*”, đó là chân lý. Quý vị biết dễ, làm khó, tức là quý vị biết chưa đủ triệt để. Nếu thật sự biết triệt để, sẽ buông xuống dễ dàng, thành Phật chẳng khó! Quý vị thấy là chiếu theo phương pháp trong kinh này, kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ giảng rõ ràng hơn: “*Hoặc một ngày*” cho đến “*hoặc bảy ngày*” bèn thành Phật, thành Phật có khó khăn chi? Chẳng khó! Khó ở chỗ quý vị chẳng chịu buông xuống. Khó ở chỗ quý vị chẳng biết triệt để, lại chẳng thật thà! Người thật sự thật thà chuyện gì cũng chẳng biết, nhưng thầy dạy như thế nào, người ấy bèn chịu làm, chẳng hoài nghi, thật sự chịu làm theo. Dạy người ấy buông xuống, liền triệt để buông xuống, người ấy có thể làm được. Tuy người ấy chẳng hiểu lý luận, nhưng chịu làm, đó gọi là thật thà, là thiện căn sâu dày. Chúng ta lại thua kém những người ấy, nên tu hành đúng là khó khăn!

Tiếp theo đó, sách nói bốn loại Tịnh Độ là quả báo, chỉ cần quý vị chịu tu cái nhân, nhất định có thể chứng quả báo thù thắng: “*Tứ chủng Tịnh Độ, vị Phàm Thánh Đồng Cư độ, Phương Tiện Hữu Dư độ, Thật Báo Vô Chướng Ngại độ, Thường Tịch Quang độ dã*” (Bốn loại Tịnh Độ là Phàm Thánh Đồng Cư độ, Phương Tiện Hữu Dư độ, Thật Báo Vô Chướng Ngại độ, Thường Tịch Quang độ). Trước hết, kể tên bốn loại Tịnh Độ rồi mới nói “*tịnh uế chi tướng*” (tướng như sạch). “*Các hữu tịnh uế*” (Mỗi cõi đều có tịnh và uế): Đối với bốn loại Tịnh Độ này, nói thật ra, Ngài nói tịnh và uế là nói so sánh, chứ như chúng ta thấy, các cõi ấy đúng là thanh tịnh tốt bậc. “*Ngũ Trược khinh trọng, Đồng Cư tịnh uế*” (Ngũ Trược nặng hay nhẹ là sự tịnh uế trong cõi Đồng Cư). Đây là nói tới cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhất định sẽ có Ngũ Trược, kinh Di Đà đã nói rất rõ ràng. Trong Ngũ Trược, thật sự quan trọng là Kiến Trược và Phiền Não Trược, vì sao? Hai loại này là nhân, ba thứ khác đều thuộc loại quả báo. Chỉ cần đoạn trừ hai thứ này, ba thứ kia đều chẳng có. Kiến là gì? Kiến giải, tư tưởng. Tư tưởng và kiến giải sai lầm, sẽ sanh ra phiền não. Nói theo cách hiện thời, chữ Trược (濁) nghĩa là ô nhiễm. Cái tâm thanh tịnh của chúng ta bị ô nhiễm bởi các thứ tư tưởng, bị ô nhiễm bởi các thứ kiến giải, bị ô nhiễm bởi tham, sân, si, mạn. Tham, sân, si, mạn là phiền não.

Nếu chư vị đồng tu có thể nghe hiểu ý nghĩa của lời này, trong sự học Phật sẽ bài trừ rất nhiều chướng ngại. Chúng ta bị ô nhiễm bởi các thứ tư tưởng, bị ô nhiễm bởi các thứ kiến giải. Nếu quý vị hiểu lời này, tốt nhất là hết thầy tạp chí, báo chí đều chẳng xem, vì sao? Tránh bị ô nhiễm. Không chỉ chớ nên xem những thứ ấy, mà kinh Phật cũng chớ nên xem, vì sao? Sẽ bị Phật pháp ô nhiễm. Vì lẽ đó, đức Phật nói những pháp ấy cũng hại chết người, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Quý vị thấy trong Thiên Tông, đừng nói là bị ô nhiễm bởi Phật pháp hay bởi

kinh điển, mà ngay cả một câu A Di Đà Phật cũng là ô nhiễm. Họ nói niệm Phật một tiếng, còn phải súc miệng ba ngày, sợ bị danh hiệu A Di Đà Phật ô nhiễm! Trong tâm thanh tịnh, chẳng lập một pháp, há có A Di Đà Phật? Vốn chẳng có một vật, hễ có A Di Đà Phật tức là còn có một vật. Vậy thì làm sao có thể trừ sạch ô nhiễm nơi tư tưởng và kiến giải? Thiên Tông dùng phương pháp rất triệt để, ngay cả căn cội cũng trừ sạch. Phật pháp mà còn chẳng thể xem, pháp thế gian càng chẳng cần phải nhắc tới! Ô nhiễm bởi Phật pháp nhẹ hơn một chút, ô nhiễm bởi pháp thế gian nặng hơn.

Vì thế, hễ nói đến tâm địa thanh tịnh thì chẳng thể tiếp nhận loại ô nhiễm này. Người sống trong một khu vực chưa được khai hóa, đối với hết thảy các học thuyết và tư tưởng trong thế gian, họ đều không biết. Mặt trời mọc bèn làm lưng, mặt trời lặn liền nghỉ ngơi, chưa từng bị ô nhiễm, cuộc sống cũng rất tự tại, cũng rất hạnh phúc, sống cuộc đời nguyên thủy. Họ có thể thành Phật hay không? Chẳng thể thành Phật! Nguyên nhân ở chỗ nào? Họ còn có một đại chướng ngại mà chẳng có cách đột phá, chướng ngại gì vậy? Vô minh. Chúng ta gọi sự ô nhiễm ấy là tà kiến, đọc nhiều Phật pháp cũng sanh ra tà tri tà kiến, nguyên nhân ở chỗ nào? Nguyên nhân là vì quý vị không hiểu Phật pháp, hiểu lầm Phật pháp. Học Phật pháp theo kiểu chúng ta, ba đời chư Phật trông thấy đều ứa lệ, than oan uổng. Vì sao? Quý vị hiểu Phật pháp sai be bét! Hiểu sai như thế nào? Quý vị ngỡ là trong Phật pháp thật sự có ý nghĩa, tức là hiểu sai be bét mất rồi. Tất cả hết thảy các pháp do đức Phật đã giảng đều chẳng có ý nghĩa; do đó, bài kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, có mấy ai có thể hiểu nghĩa chân thật? Nghĩa chân thật là tâm thanh tịnh. Nghĩa chân thật là “hoàn toàn không có ý nghĩa!”

Vì lẽ đó, Phật, Bồ Tát dạy chúng ta, dạy quý vị hãy lia tướng ngôn thuyết, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên, đó là đúng, chẳng sai tí nào! Phật trông thấy liền sanh hoan hỷ, quý vị thật sự hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, chẳng hiểu sai ý nghĩa, đó là dạy quý vị thứ gì cũng đừng nên chấp trước. Đức Phật nói hết thảy các pháp nhằm phá sự chấp trước của chúng ta, kết quả là chúng ta không chỉ chẳng phá chấp trước, mà lại còn chấp trước Phật pháp, đó chẳng phải là hồng be bét ư? Do vậy, chư vị phải biết nguyên lý và nguyên tắc này: “*Tâm tịnh, cõi nước tịnh. Tâm nơ, cõi nước nơ*”. Nếu chúng ta nhiễm trước một đống lớn Phật pháp, tâm cũng chẳng thanh tịnh, đương nhiên cõi nước chẳng tịnh. Vì vậy, Ngũ Trược nhẹ sẽ là Đồng Cư Tịnh Độ, Ngũ Trược nặng là Đồng Cư uế độ. Nay chúng ta cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, đối với A Di Đà Phật, nếu quý vị thật sự hiểu Lý, biết niệm, tuy niệm câu A Di Đà Phật, sẽ là “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”. Trong tâm thanh tịnh, một chữ A Di Đà Phật cũng chẳng nhiễm trước, đó là thuần Tịnh Độ, thuần tịnh.

Chấp trước thật sự có A Di Đà Phật, thật sự có Tây Phương Cực Lạc thế giới, như vậy thì có thể vãng sanh hay không? Có thể vãng sanh. Tâm địa quý vị nhiễm trước “có A Di Đà Phật”, nhiễm trước “có y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương”, sẽ là uế độ trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Uế độ cũng được, vẫn là vô lượng thọ, chẳng giống như thế giới này của chúng ta. Vì thế, tịnh

rất khó, nhưng so với uế độ của hết thầy chư Phật, cõi ấy (Phàm Thánh Đồng Cư độ của Tây Phương Cực Lạc) vẫn được coi là Tịnh Độ, chúng ta cũng nên cầu sanh về đó, hãy nên tu học. Chẳng thể thành tựu cái cực cao thì nhất định cũng phải hiểu rõ, ngàn vạn phần chớ nên hiểu lầm! Điều chấp trước này (chấp có A Di Đà Phật) tốt lắm, chọn lấy điều tốt lành để cố chấp, đó chính là chí thiện, chỉ u chí thiện. Chúng ta nói theo tầng cấp này, tức là chí thiện, chưa nói đến tối thiện. Chúng ta chấp trì danh hiệu, chấp trước Tây Phương có Tịnh Độ, quyết định mong cầu vãng sanh, mỗi người chúng ta đều có thể làm được chuyện này. Càng tiến lên, cảnh giới càng cao hơn, chưa chắc chúng ta đã có thể làm được, nhưng chúng ta nhất định có thể làm được chuyện này. Được rồi! Chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Tập 14

Xin mở kinh bốn, xem hàng thứ hai trong trang bảy mươi ba.

Đoạn văn này có bốn câu, nói rõ tiêu chuẩn tịnh uế trong bốn cõi Tịnh Độ. Câu đầu tiên là phân định theo sự nặng nhẹ của Ngũ Trược, đó là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Câu thứ hai nói về cõi Phương Tiện Hữu Dư, chính là “*Tích Thể xảo chuyết*”, luận định sự tịnh uế trong cõi Phương Tiện Hữu Dư từ chỗ này. Tích (析) là phân tích, Thể (體) là thấu hiểu. Từ phân tích, bèn nhận thức vạn pháp đều là Không (đó là Tích Không Quán), phương pháp này hơi vụng về. Có thể lập tức lãnh hội [vạn pháp đều là Không, đó là Thể Không Quán]. Căn tánh này tương đối nhạy bén hơn. Do đó, Thể Không Quán là cõi Phương Tiện tịnh, Tích Không Quán là cõi Phương Tiện uế. Phân chia theo cách như vậy.

Câu thứ ba là nói về cõi Thật Báo, nói tới Tam Quán. Thứ Đệ Tam Quán là cõi Thật Báo uế, Nhất Tâm Tam Quán là cõi Thật Báo tịnh.

Cõi Thường Tịch Quang [được phân định tịnh hay uế dựa trên] Phân Chứng và Cứu Cánh. Phân Chứng: Từ Viên Giáo Sơ Trụ đến Đẳng Giác Bồ Tát đều là Tịch Quang uế độ. Cứu Cánh Giác là đã thành Phật, đoạn sạch một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, đó là Tịch Quang Tịnh Độ. Do đó trong kinh Đại Thừa có nói: “*Duy Phật nhất nhân cư Tịnh Độ*” (Chỉ có một mình Phật ngự trong cõi Tịnh Độ). Cõi Tịnh Độ ấy phải là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Chúng ta phải nên biết những điều này là nói đại lược.

Đoạn văn tiếp đó nhằm giảng rõ ràng, tỉ mỉ bốn cõi Tịnh Độ. Trong hàng thứ nhất và thứ hai nơi trang bảy mươi bốn, thuyết minh cõi Đồng Cư. Đoạn kể từ hàng thứ ba trong trang bảy mươi lăm nói về cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nơi hàng thứ nhất trong trang bảy mươi bảy, có bốn dòng nói về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trong trang bảy mươi tám, xem từ hàng thứ ba, hai hàng và một câu giảng về cõi Thường Tịch Quang. Kinh văn và chú giải trong các đoạn ấy nói khá cặn kẽ. Đối với bốn loại Tịnh Độ này, trong khi giảng kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, do đã từng nói, nên chúng tôi tinh lược đoạn văn này, vì cũng chẳng quan trọng cho lắm. Bởi lẽ, thời gian dành cho khóa giảng này khá ngắn, chúng ta phải chọn lựa những điểm quan trọng có liên quan đến sự tu hành của chúng ta để nói nhiều hơn một chút.

Sau đó là tổng kết, trong trang bảy mươi chín, hàng thứ tư đếm từ dưới lên: “*Cố dĩ tu tâm diệu quán, năng cảm Tịnh Độ, vi kinh Tông dã*” (Nên lấy “tu tâm diệu quán có thể cảm Tịnh Độ” làm Tông của kinh). Chúng ta lật sang trang tám mươi, xem chú giải. Hàng thứ nhất trong trang tám mươi, xem từ chữ thứ tư: “*Thích đề Tam Quán, vi bị hà nhân, vi hà xứ dụng, tu tri chánh vị sanh Đồng Cư tịnh, cố thuyết Tam Quán*” (Dùng Tam Quán để giải thích tựa đề kinh là nhằm thích ứng với hạng người nào, dùng vào chỗ nào? Hãy nên biết: Chính vì người sẽ sanh vào Đồng Cư Tịnh Độ mà nói Tam Quán). Đây là mục đích của việc đức Phật nói kinh và các tổ sư đại đức giảng giải bộ kinh này, dụng ý hoàn toàn nhắm vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Vì sao? Vì nói thật ra, chúng ta thật sự có phần nơi cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Ba cõi Tịnh Độ trên, chúng ta chưa chắc đã có

phần, nhưng xác thực là có phần trong cõi [Đồng Cư Tịnh Độ] này. Tuy thế, chúng ta đã đọc từ kinh Vô Lượng Thọ, Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới bình đẳng. Dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, vẫn cũng có thể đạt được sự thụ dụng của thượng thượng phẩm trong cõi Thật Báo. Điều này hết sức chẳng thể nghĩ bàn! Trong hết thấy các kinh, chẳng có cách nói này. Trong hết thấy các cõi Phật, cũng chưa nghe đức Phật nói kiểu này. Đó là sự thù thắng trong thế giới Tây Phương. Vì thế, hết thấy chư Phật đều khuyên chúng sanh cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói cách khác, Tịnh Độ của mười phương thế giới chư Phật là bất bình đẳng. Thích Ca Mâu Ni Phật có Tịnh Độ, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Thích Ca Mâu Ni Phật tuyệt đối chẳng kém Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng chúng không ở cùng một chỗ. Bốn cõi trong thế giới Tây Phương ở cùng một chỗ, sanh về một là sanh về hết thấy. Đó là chỗ khiến cho Tịnh Độ của đức Bổn Sư chẳng bằng Tịnh Độ của A Di Đà Phật, chứ không phải là đức Bổn Sư chẳng có Tịnh Độ. Chúng ta phải biết chân tướng sự thật này, mới hiểu vì sao đức Thế Tôn chẳng khuyên chúng ta sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính Ngài, mà khuyên sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư của A Di Đà Phật, lý do ở ngay chỗ này.

Vì vậy, chúng ta nhất định phải hiểu người nào có đủ tư cách để tu tập phương pháp tu hành được giảng trong bộ kinh này? “*Vi bị hà nhân?*” nghĩa là người nào có đủ điều kiện và tư cách để tu. “*Vi hà dụng xứ?*” nghĩa là tu học pháp môn này có lợi ích gì? Có ưu điểm gì? Kế đó là nói rõ ràng. Đó là điều cần phải biết, ắt cần phải biết: Chính vì [những kẻ sẽ] sanh về cõi Đồng Cư Tịnh Độ mà nói Tam Quán. Nay chúng ta nương theo phương pháp này để tu hành, nói thẳng thừng, xác thực là “*vì cõi Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ*”. “*Tùy kỳ Hoặc đoạn thiên thâm chi xứ, tự nhiên cảm đắc hữu dư đẳng tam, phi cần vi cảm Thật Báo, Tịch Quang, thuyết Tam Quán dã*” (Tùy theo mức độ đoạn Hoặc cạn hay sâu mà tự nhiên cảm được ba cõi còn lại, chẳng phải chỉ vì cảm cõi Thật Báo hay cõi Tịch Quang mà nói Tam Quán). Chính vì ý Phật như vậy, nên mới có thể phổ độ chúng sanh trong chín giới, ngay cả ác đạo, Ngũ Nghịch, Thập Ác, tướng địa ngục hiện tiền, đều có thể đắc độ. Đây là bi tâm triệt để của Như Lai, hiển thị sự rộng lớn vô biên của pháp môn này. Còn như tiến lên ba thứ Tịnh Độ cao hơn, sẽ tùy thuộc sự tu hành đoạn Hoặc của chúng ta là sâu hay cạn. Nếu mức độ đoạn Hoặc của chúng ta sâu, sẽ tự nhiên tiến cao hơn; mức độ đoạn Hoặc nông cạn, cũng có thể sanh trong cõi Phương Tiện. Nói tóm lại, đều có thể vãng sanh! Đây mới là dụng ý thật sự khi đức Phật nói pháp môn này, tổ sư đại đức giảng kinh nhắm đến mục đích này.

Đoạn kế tiếp nói về Dụng, tức Luận Dụng. Phần trước nói về sự tu nhân, chỗ này nói về kết quả. Chúng ta nương theo phương pháp này để tu hành, sau khi đã tu sẽ có tác dụng gì? Có lợi ích gì? Ở đây, sẽ nêu ra lợi ích. “*Tứ, luận Dụng. Tông thị tự hành sở tu chi pháp*” (Bốn là luận về tác dụng. Tông là pháp để tự hành, tu tập), tức là phương pháp để chúng ta tự tu, “*Dụng thị lợi tha sở thi chi pháp*” (Dụng là pháp được lập ra nhằm lợi ích người khác). Dụng chủ yếu là nói đến lợi ích. Đã có thể lợi tha, đương nhiên tự lợi. Chính mình chẳng đạt được

lợi ích, làm sao có thể lợi lạc người khác? Vì thế, nói đơn giản thì có thể nói Dụng là sự lợi ích do tu hành. Lợi ích bao gồm Tự Thọ Dụng và Tha Thọ Dụng. “*Tự hành thú Lý*” (Tự hành nhằm hướng đến Lý), chính mình hiểu Lý, chứng quả, “*cố minh diệu quán, lợi tha nhiếp cơ*” (vì thế, nói ra diệu quán nhằm lợi ích người khác, nhiếp thọ căn cơ). “*Lợi tha*” là có thể giúp đỡ người khác. Bản thân chúng ta đạt được lợi ích, nhất định phải đem lợi ích ấy giới thiệu với người khác, chớ nên tự tư tự lợi. Vì tự tư tự lợi chẳng phải là tâm Đại Thừa, chẳng giống tâm của A Di Đà Phật, tâm chư Phật, và tâm Bồ Tát. Tâm khác nhau; nói cách khác, chẳng cùng chí hướng với các Ngài. Chẳng cùng chí hướng, đâu có vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng chẳng có cách nào ở chung, vì sao? Tâm khác nhau, chẳng thể ở chung. Cách nghĩ, cách nhìn, các làm khác nhau, làm sao có thể ở chung với nhau cho được? Vì thế, muốn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ắt phải là đại khái có cách nghĩ, cách nhìn, cách làm giống như A Di Đà Phật và đại chúng, chí đồng đạo hợp thì mới có thể hoan hỷ cùng ở chung với nhau.

Đức Phật dạy chúng ta tu Lục Hòa Kính, Tây Phương Cực Lạc là một tăng đoàn Lục Hòa Kính viên mãn nhất. Nếu chúng ta chẳng tu Lục Hòa Kính, sẽ không thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới được. Dẫu niệm Phật tốt đẹp cách mấy, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, vẫn chẳng thể vãng sanh! Tu Lục Hòa Kính từ chỗ nào? Phải tu ngay trong hiện tại, ngàn vạn phần đừng nghĩ hiện thời ta chẳng tu không sao, đến Tây Phương Cực Lạc rồi mới tu. Hiện thời chẳng có cơ sở này, người trong thế giới Tây Phương sẽ chẳng muốn quý vị. Vì vậy, Lục Hòa vô cùng quan trọng. A Di Đà Phật kiến lập thế giới Tây Phương nhằm dụng ý mong phổ độ hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, chúng ta phải đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với A Di Đà Phật. Chúng ta thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, thọ trì năm kinh một luận của Tịnh Tông cũng nhằm mục đích ấy.

“*Hợp thông chúng thiện, tha nghi diệu quán, diệc tu giáo tu, tự hành trợ đạo, khởi phé chúng thiện. Thị cố Tông Dụng, pháp tất tề đẳng, đản hữu tự hành hóa tha chi dị nhĩ*” (Bao gồm trọn các điều thiện thì cũng cần phải dạy tu các pháp diệu quán đáng nên tu tập khác. Tự hành trợ đạo, há nên bỏ các điều thiện? Vì thế, đối với các pháp thuộc Tông và Dụng thấy đều hành trọn, chỉ là có tự hành và hóa tha sai khác đó thôi). Tự hành là hóa tha (hóa độ người khác), hóa tha là tự hành; tự hành và hóa tha là một chuyện. Hóa tha phải có cơ duyên. Cơ duyên chưa chín muồi thì chính mình nhất định phải [tu tập sao cho] bản thân trọn đủ [các năng lực hóa tha]. Cơ duyên đã chín muồi, nhất định phải tận tâm tận lực giúp đỡ người khác. Có thể thấy: Tự hành nhằm chuẩn bị cho hóa tha, hóa tha chính là tác dụng to lớn của tự hành được hiện tiền. Thật sự là cùng một chuyện! Tuy là một chuyện, nhưng xét theo hình tượng, bèn có sai biệt, nhất định phải biết điều này. Sau khi đã biết, mới biết tự hành chẳng phải vì tự tư tự lợi, chẳng phải là Tiểu Thừa, mà do duyên còn chưa chín muồi. Bản thân ta đức hạnh vẫn chưa đầy đủ, nay đang nỗ lực tu học. Trong buổi đầu của quá trình tu học, có nguyện hóa tha, nhưng chưa có hạnh hóa tha, vì chưa đủ sức để hành. Do đó, trước hết phải làm sao chính mình trọn đủ. Chẳng phải là không cho phép quý vị

học rộng, nghe nhiều, nhưng trong giai đoạn thứ nhất là mong quý vị trước hết hãy đoạn phiền não, cho nên phải buông học rộng nghe nhiều xuống! Khi đoạn phiền não, nhất định là chẳng thể học rộng nghe nhiều. Hễ học rộng nghe nhiều, sẽ chẳng thể đoạn phiền não, mà chỉ là tăng trưởng tà kiến. Nói cách khác, tăng trưởng tà kiến là tăng trưởng phiền não. Ta muốn đoạn phiền não, mà lại tăng trưởng phiền não, làm sao có thể đoạn phiền não cho được?

Vì thế, giai đoạn tu hành thứ nhất là tu tâm thanh tịnh, buông xuống vạn duyên, khiến cho cái tâm định, chớ nên phan duyên. Khi ấy, chuyện tốt chẳng bằng vô sự, phải tu điều này. Đến khi chính mình đã thật sự trọn đủ, có năng lực, hễ có duyên, nhất định phải giúp đỡ người khác. Chẳng giúp đỡ người khác tức là thiếu lòng từ bi. Khi ấy, bèn học rộng nghe nhiều, lợi ích chúng sanh. Vì lẽ đó, tự hành hóa tha là có giai đoạn, có thứ tự, nhất định phải biết điều này. Nếu rối loạn thứ tự, rất đáng tiếc, lãng phí thời gian và tinh lực, đến cuối cùng, chẳng thành một chuyện gì, rất đáng tiếc!

Tiếp theo đó là chánh thức giải thích phần Luận Dụng. “*Thứ biện kinh dụng. Dụng giả, lực dụng dã. Sanh thiện diệt ác, vi kinh lực dụng*” (Kể đến là biện định Dụng của kinh. Dụng là lực dụng. Sanh thiện, diệt ác là lực dụng của kinh). “*Sao vân, hành giả ưng tri Thê, Tông, Dụng tam, biệt minh tam pháp*” (Lời Sao giảng: “Hành giả nên biết ba thứ Thê, Tông, Dụng, nói thành ba pháp riêng biệt”). Nhìn từ hình tướng, nói theo tác dụng sẽ là ba chuyện, nhưng nói theo Thê bèn là một chuyện. “*Nãi tòng nhất tánh*” (Nhưng đều xuất phát từ một tánh), ba chuyện ấy đều chẳng tách lìa tự tánh. “*Khởi u nhị tu. Thê thị Pháp Thân, sở hiển tánh dã, Tông thị Bát Nhã, năng hiển Trí dã. Dụng thị Giải Thoát, sở khởi lực dã*” (Khởi lên hai thứ tu tập [là Bát Nhã và Giải Thoát]. Thê là Pháp Thân, là cái tánh sẽ được hiển lộ [qua hai thứ tu tập]. Tông là Bát Nhã, chính là cái Trí có thể hiển [cái tánh ấy]. Dụng là Giải Thoát, là lực được đẩy lên [từ cái tánh ấy]). Thê là một, “*nhị tu*” là Bát Nhã và Giải Thoát. “*Nhị tuy tu thành, tu tri bốn cụ*” (Hai thứ ấy (Bát Nhã và Giải Thoát) tuy do tu thành, nhưng cần biết là chúng vốn sẵn có). Thật ra, [những cái được gọi là] “*tu thành*” vốn sẵn trọn đủ trong bản tánh. Nếu tánh chẳng vốn sẵn có, dầu tu, cũng chẳng thể thành tựu. Vô lượng trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh. Chính vì vốn sẵn có, nên trong các bộ kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói “*viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc*”. [Ý nói]: Quý vị tu thành Phật, bèn đạt được gì? Thứ gì cũng chẳng đạt được! Thứ gì cũng chẳng đạt được, chính là chẳng thiếu khuyết thứ gì. Thứ gì cũng chẳng thiếu khuyết vì tự tánh vốn sẵn trọn đủ, chẳng phải là từ bên ngoài mà có. Bên ngoài chẳng có một pháp nào để đạt được. Thật sự hiểu rõ bên ngoài chẳng có một pháp nào để có thể đạt được, nên chúng ta mới thật sự quay về tu nơi tánh, tu nơi tự tánh. Phải ghi nhớ: Bên ngoài chẳng có một pháp nào để có thể đạt được!

Nay mọi người đều quên khuấy chuyện này, đều cầu pháp ngoài tâm. Cầu pháp ngoài tâm sẽ cầu được gì? Những gì cầu được toàn là của người khác. Ví như học giảng kinh, chẳng tu tự tánh, chẳng tu sao cho cái tâm của chính mình thanh tịnh, cứ đi tìm chú giải của người khác. Xem kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật để nghiên cứu, [vậy thì] giảng cả đời vẫn là giảng những chuyện của

Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng phải là của chính mình. Nhưng theo chú giải của cổ nhân thì toàn bộ đều là những thứ thuộc về cổ nhân, chẳng có mấy may gì liên quan đến tự tánh, đó là sai lầm. Người thật sự biết tu, tuy triển khai các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, nhưng kinh điển hề triển khai bèn tương ứng với tự tánh của chính mình. Nhờ vào kinh bản của Phật để triển khai Quán Vô Lượng Thọ Kinh trong tự tánh của ta, dẫn khởi kinh trong tự tánh của ta. Ta giảng là giảng Quán Vô Lượng Thọ Kinh trong tự tánh của ta, chẳng phải là Quán Vô Lượng Thọ Kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tự tánh vốn sẵn có kinh điển ấy, giống hệt như kinh điển do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, chẳng hai, chẳng khác. Phải tu theo cách như vậy! Đó là đức Phật dạy chúng ta ý nghĩa chân chánh của Phật!

Giống như nến, nến thấp sáng. Bản thân ta là một ngọn nến, ta nhờ vào ánh sáng của nó để thấp sáng [chính mình], đó là đúng. Nhờ vào ánh sáng của nó để thấp sáng, bản thân ta tỏa sáng, quang minh tỏa ra chẳng khác quang minh của nến. Tuyệt đối chẳng phải là ta đi theo ánh sáng của nó, vĩnh viễn được nó chiếu sáng, chính mình chẳng thể tỏa ánh sáng. [Nếu chấp nhận bị chiếu sáng vĩnh viễn như vậy] thì sai mất rồi! Chư vị phải luôn hiểu rõ ý nghĩa này. Sanh thiện, diệt ác, ác là vọng tưởng, chấp trước, thiện là vô lượng trí huệ và đức năng vốn sẵn trọn đủ trong bản tánh. Cũng có thể nói ác là các thứ chướng ngại trong bản tánh, xóa trừ những chướng ngại ấy, khiến cho trí huệ và đức năng trong bản tánh của chúng ta hiện tiền, đó là đúng. Đó là thật sự sanh thiện, diệt ác, là tác dụng của kinh này.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp, phần Sớ trong trang tám mươi một, hàng thứ năm từ dưới đếm lên: “*Diệt ác, cố ngôn Lực*” (Do diệt ác, nên nói là Lực), vì kinh có tác dụng giúp chúng ta đoạn hết thảy ác. Dựa theo ý nghĩa này, chúng ta nói kinh có sức mạnh, có sức tác dụng. “*Sanh thiện, cố ngôn Dụng*” (Do sanh điều thiện, nên nói là Dụng), nó có thể hiển phát Tánh Đức trong bản tánh, đó là chỗ hữu dụng. “*Diệt ác, cố ngôn Công*” (Do diệt ác, nên nói là Công), ở đây cũng nêu ra định nghĩa của hai chữ Công Đức rất rõ ràng. Công là gì? Công là diệt ác. Đức là gì? Đức là sanh thiện. Hiện thời có rất nhiều người hiểu lầm hai chữ Công Đức, ngỡ Công Đức là gì? Đến chùa miếu, quyên tặng một chút tiền, tức là chúng ta đã làm rất nhiều công đức! Dầu quý vị quyên tặng tiền bạc nhiều đến mấy, làm chuyện tốt nhiều đến mấy, ác niệm của quý vị có đoạn sạch hay không? Tánh Đức có hiện tiền hay không? Nếu làm rất nhiều chuyện tốt, mà ác niệm chẳng đoạn hết, Tánh Đức chẳng hiện tiền, một tí công đức cũng chẳng có!

Khi Đạt Ma Tổ Sư vừa đến Trung Quốc, nhằm đúng lúc Lương Vũ Đế đang cầm quyền. Lương Vũ Đế là đại hộ pháp lừng danh của Phật môn trong lịch sử Trung Quốc. Ông ta dựa vào sự tôn quý của ngôi đế vương, dùng tài lực của quốc gia để kiến tạo bốn trăm tám mươi ngôi chùa, độ mấy chục vạn người xuất gia, ông ta cúng dường. Sau khi Đạt Ma Tổ Sư đến [Trung Quốc], Lương Vũ Đế đến yết kiến, hướng về Đạt Ma Tổ Sư thỉnh giáo: “Công đức của trăm có lớn hay chẳng?” Đạt Ma Tổ Sư nói lời thật thà: “Trọn chẳng có công đức”. Nói theo định nghĩa công đức ở đây, nhà vua chẳng có công đức. Lương Vũ Đế bực bội, chẳng

hộ trì Tổ, nên Tổ phải đến chùa Thiếu Lâm ngồi nhìn vách chín năm, chờ đợi Huệ Khả. Nói thật ra, những gì Lương Vũ Đế đã làm là gì? Là phước đức. Nếu vua nói “phước đức của ta có lớn hay không?” [Tổ sẽ trả lời]: Phước đức ấy rất lớn, chứ công đức không có. Công đức là đoạn phiền não, hiển lộ bản tánh, đó là công đức.

Do vậy, chư vị phải hiểu, trì giới có công đức hay không? Nếu trì giới đắc Định, giới ấy là công đức. Nếu trì giới chẳng thể đắc Định, trì giới sẽ là phước đức. Nói thật ra, tôi nói lời này còn phạm khuyết điểm, nhất định là phải khai Huệ thì Định mới là công đức. Nếu có Định mà chẳng khai Huệ, thì Định ấy vẫn là phước đức. Nếu Định đã là phước đức, đương nhiên Giới là phước đức. Bởi lẽ, do Giới sanh Định, do Định khai Huệ, nhất định phải khai Huệ thì Giới và Định ở phía trước mới là công đức. Nếu Huệ chẳng khai, Giới và Định đều là phước đức. Đắc Định bèn sanh trong Sắc Giới Thiên hoặc Vô Sắc Giới Thiên, chẳng thể thoát khỏi tam giới. Chẳng thoát khỏi tam giới, chẳng thể coi là có công đức. Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa được bao hàm trong danh từ này. Vì thế, trì giới như thế nào thì mới có thể đắc Định? Trì giới nếu chẳng quản người khác [có trì giới hay không] liền đắc Định. Chính mình trì giới rất thanh tịnh, nhưng thấy kẻ này phá giới, kẻ nọ phạm giới, trong tâm bực bội. Quý vị nghĩ xem, làm sao người ấy đắc Định cho được? Tuy giới luật của chính người ấy rất thanh tịnh, nhưng thường sanh phiền não. Thấy người khác phá giới, trong tâm chẳng thoải mái, muốn chửi kẻ khác, muốn phê bình kẻ khác, trong tâm nẩy sanh kiêu căng, ngã mạn: “Ta giới luật tinh nghiêm, các người chẳng bằng ta”. Kẻ ấy noi theo khuôn mẫu ấy!

Căn bệnh này từ xưa tới nay đều có, tổ sư đại đức còn chưa tránh được! Chúng ta xem truyện ký, quý vị thấy Thi Tổ của Luật Tông Trung Quốc là Chung Nam Sơn Đạo Tuyên luật sư sống vào đời Đường, Ngài còn phạm phải bệnh ấy, Thi Tổ Luật Tông đấy nhé! Khi Khuy Cơ đại sư đến bái phỏng, Khuy Cơ là pháp sư Đại Thừa, chẳng coi trọng tiểu tiết, rất tùy tiện, rất qua loa, thoát nhìn sẽ tưởng Ngài giới luật chẳng trang nghiêm. Ngài Đạo Tuyên giới luật tinh nghiêm, cảm động thiên thần đến cúng dường. Giới luật tinh nghiêm khiến thiên thần bội phục, giữa trưa mỗi ngày, Ngài ăn một bữa, cơm do vị trời ấy đến cúng dường, mỗi ngày cúng dường cho Ngài. Khi pháp sư Khuy Cơ đến thăm, ngài Đạo Tuyên coi thường pháp sư Khuy Cơ, nghĩ pháp sư Khuy Cơ học vấn rất khá, giảng kinh cũng hay lắm, nhưng chẳng tuân thủ giới luật, nên xem thường! Khi pháp sư Khuy Cơ đến núi, ngài Đạo Tuyên cảm thấy có thể khiến cho pháp sư Khuy Cơ thấy rõ: “Thiên thần cúng dường ta, còn ông chẳng có. Giới luật của ta cao hơn ông”. Kết quả là hôm đó, vị trời ấy chẳng đến dâng cúng, Sư phải nhịn đói suốt một ngày. Đến ngày hôm sau, Khuy Cơ đại sư đã rời đi, ngày hôm ấy vị trời đó mới đến cúng dường. Sư liền hỏi vị ấy: “Vì sao hôm qua, ông chẳng đến cúng dường?” Vị trời ấy liền nói: “Hôm qua có bậc Đại Thừa Bồ Tát ở trên núi, thần hộ pháp bảo vệ khắp núi, tôi chẳng vào được!” Pháp sư Đạo Tuyên nghe nói, khắp người tươm mồ hôi lạnh, hổ thẹn! Mới biết chính mình kiêu căng, ngã mạn, thật sự cầu sám hối.

Do vậy, Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau. Tiểu Thừa chú trọng sự tướng, Đại Thừa coi trọng tâm thanh tịnh. Tuy bề ngoài dường như chẳng tuân thủ giới luật, nhưng tâm địa thanh tịnh hơn quý vị. Quý vị giới luật rất đoan nghiêm, nhưng tâm địa chẳng thanh tịnh như người ta! Vì thế, trong pháp Đại Thừa, giới luật Đại Thừa luận tâm, chẳng luận sự. Giới Đại Thừa là giới nơi tâm, chẳng nhấn mạnh sự tướng. Giới luật Tiểu Thừa luận sự, chẳng luận tâm. Giới luật Tiểu Thừa chú trọng bề ngoài, tâm địa thanh tịnh hay chẳng thanh tịnh, không bàn đến! Vì thế, kết tội cũng giống như thế. Ví như nói đến sát sanh, trong giới Tiểu Thừa, sát hại thân mạng chúng sanh là phá giới; trong tâm nghĩ giết, nhưng trọn chẳng giết thì chẳng phá giới. Họ luận sự, chẳng luận tâm, giống như pháp luật hiện thời xử án, hoàn toàn phải có chứng cứ sự thật, cách nghĩ trong tâm như thế nào chẳng quan trọng, chẳng coi đó là chuyện phạm pháp. Giới luật Đại Thừa khác hẳn. Giới luật Đại Thừa luận tâm, chẳng luận sự. Trong tâm dấy lên ý niệm, ta muốn giết kẻ khác, tức là phá giới! Trên sự thật, có giết hay không? Chưa giết, tuy chưa giết, đã là phá giới. Nếu nói Đại Thừa Bồ Tát giết một người, nhưng trong tâm chẳng động một niệm, trọn chẳng nghĩ đến chuyện giết người đó, tức là chẳng phạm pháp, chẳng phá giới. Họ luận tâm, chẳng luận sự. Giới Tiểu Thừa luận sự, chẳng luận tâm, khác nhau! Vì thế, đoạn ác sanh thiện trong Đại Thừa hoàn toàn nói theo tâm tánh, chẳng giống Tiểu Thừa. Tiểu Thừa nói theo sự tướng.

Vì thế, chúng ta cũng phải phân biệt rõ ràng công đức và phước đức. Có cần phải tu phước đức hay không? Phải tu, chẳng thế nào không có phước! Không có phước thì làm chuyện gì cũng đều gặp khó khăn, có phước sẽ làm làm việc thuận tiện. Như chúng tôi, tôi chẳng có phước, trong đời quá khứ tu huệ, chẳng tu phước, nên đời này rất khổ, sống cuộc đời rất khổ sở, duyên giúp đỡ chúng sanh cũng chẳng trọn đủ. Xác thực là phải phước huệ song tu.

Chúng ta xem đoạn văn kế tiếp: “*Thử giai thiên cử, cụ luận tất bị*” (Những điều này đều là nêu riêng một điều, phải nói trọn hết thì mới là đầy đủ). Ở đây nói tới lực, dụng, công, đức, mỗi chữ đều là nói tách rời, đó gọi là “*thiên cử*”, nhưng xét theo tác dụng thì lực, dụng, công, đức đều viên mãn. “*Khổ thị ác quả, tham, khuể, si thị ác nhân, ác nhân bất trừ, quả bất đắc tạ*” (Khổ là ác quả, tham, giận, si là ác nhân. Chẳng trừ ác nhân thì quả chẳng thể tàn diệt được). Khổ là lực đạo luân hồi, đó là chân khổ. Cái nhân của khổ là gì? Là tham, sân, si, “*khuể*” (恚) là sân khuể. Tham, sân, si là khổ nhân. Khổ nhân rất nhiều, nhưng ba điều này quan trọng nhất. Nếu nói chi tiết, sau tham, sân, si, còn có ngạo mạn và hoài nghi thánh giáo, chẳng thể tin nhận giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát, tổ sư, đại đức, đó là Nghi. Lại còn có cách nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm, đó là ác kiến, càng nhiều hơn nữa! Những thứ ấy đều là khổ nhân. Nếu chẳng dẹp trừ khổ nhân, quý vị mong lìa khổ, được vui, chắc chắn sẽ không đạt được. “*Thị cố thử kinh năng linh Ngũ Nghịch tội diệt, vãng sanh Tịnh Độ, tức thị thử kinh chi đại lực dụng dã*” (Vì vậy, kinh này có thể diệt tội Ngũ Nghịch, vãng sanh Tịnh Độ. Đây chính là lực dụng to lớn của kinh này). Bộ kinh này có thể khiến cho [kẻ phạm tội] Ngũ Nghịch, Ngũ Nghịch khổ nhất, khổ đến tột bậc, đều có thể lìa khổ, được vui; có thể thấy lực dụng và công đức của kinh này thật sự là thù thắng khôn sánh. Sự

thù thắng ấy rốt ráo là gì? Chính là lý luận và phương pháp được nói trong kinh này. Nếu chúng ta chẳng hiểu rõ lý luận, sẽ chẳng thể đoạn hoài nghi. Nếu chúng ta chẳng hiểu rõ phương pháp, sẽ chẳng biết cách tu như thế nào! Kinh này bày ra trước mặt, tuy là thù thắng bậc nhất, đối với chúng ta vẫn chẳng khởi lên tác dụng gì! Vì vậy, phải thật sự hiểu đạo lý và phương pháp tu hành trong kinh này!

Vì thời gian của khóa giảng đúng là ngắn ngủi, phải nói thật sự: Bản này là bản đại lược, chẳng phải là bản hoàn bị. Bản hoàn bị tặng cho quý vị được đóng bìa cứng dày cộp như vậy, cả một bộ sách to. Bộ sách to ấy mới là bản hoàn toàn, bản này là tiết lược từ bản ấy; nhưng quý vị thấy bản ấy dày như vậy, nếu chúng tôi giảng cặn kẽ một lượt, mỗi ngày giảng một lần, giống như thông thường chúng tôi giảng kinh một tiếng rưỡi, tối thiểu phải giảng một năm, không mất một năm sẽ chẳng giảng được. Nay chúng tôi giảng Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, quý vị thấy bộ sách ấy, giảng từ đầu đến cuối một lượt phải giảng hơn bốn trăm lần, mỗi lần giảng một tiếng rưỡi, giảng hơn một năm, giảng mỗi ngày đầy nhé! Tôi không có đủ duyên như vậy, phải thường đi ra ngoài, một năm chỉ có thể ở tại Đài Loan bốn tháng, nên bộ kinh này phải giảng rất nhiều năm mới có thể giảng viên mãn. Hy vọng mọi người thật sự có thể phát tâm, học kỹ càng, học đôi ba năm thành công, quý vị có thể thay tôi đi giảng ở ngoại quốc. Tôi chẳng cần đi ra ngoài, ngồi ở nơi đây, một năm giảng xong một bộ kinh lớn như vậy, lại còn có thể giảng mấy bộ, sẽ thật sự hữu ích cho các vị đồng tu, có lợi ích chân thật.

Nói thật ra, học giảng kinh không cần lập Phật Học Viện. Từ xưa tới nay, tại Trung Quốc chưa hề nghe nói lập Phật Học Viện. Từ lịch sử Trung Quốc, chúng ta chẳng tra cứu thấy [chuyện ấy], trong ngữ lục và sơn chí của các tông cũng chẳng thấy. Huấn luyện nhân tài như thế nào? Huấn luyện bằng giảng tiểu tòa, bằng lối phức giảng. Ví như buổi tối tôi giảng kinh thì người thật sự học giảng kinh lúc tôi giảng vào buổi tối, sẽ lắng nghe chăm chú. Tối sáng hôm sau, quý vị giảng lặp lại một lượt, học như vậy sẽ thành công. Trong quá khứ, tôi theo học với thầy Lý ở Đài Trung, cũng là giảng tiểu tòa, phức giảng. Khi đó, thầy Lý giảng kinh Lăng Nghiêm, thầy giảng một lần, tôi cũng giảng từ đầu đến cuối một lần. Khi thầy giảng là giảng trong giảng đường cho mọi người nghe, lúc tôi giảng là giảng cho sáu bạn học nghe. Lớp học của tôi chỉ có bảy người, kể cả tôi trong số đó, tôi giảng, sáu người kia nghe, nhưng cả sáu người đều học giảng kinh, đều là người trong nghề, nên sau khi tôi giảng xong, sáu người bọn họ sẽ phê bình, chỉ dạy tôi. Cắt gọt, mài giũa lẫn nhau như vậy thì mới có thể học thành công. Vì thế, chẳng phải là xuất thân từ Phật Học Viện.

Thật sự học giảng kinh, nhất định phải học tiểu tòa, học tiểu tòa là học giảng. Các pháp sư thuộc thế hệ trước đều theo phương pháp này. Pháp sư Diễn Bồi xuất thân từ lối học tiểu tòa chùa Quán Tông, chính lão nhân gia kể với tôi. Ngài cũng xuất gia từ lúc rất bé, theo học với lão pháp sư Đế Nhân, được cụ Đế Nhân đặt vững cơ sở, cũng là giảng tiểu tòa, bất Ngài phức giảng. Sau này, khi pháp sư Đế Nhân viên tịch, Ngài theo học với pháp sư Thái Hư. Theo học với pháp sư Thái Hư thì quý vị thấy pháp sư Thái Hư giảng rất nhiều thứ. Trong Thái Hư Pháp Sư Toàn Thư, có chẳng ít bài giảng do pháp sư Diễn Bồi ghi chép, thay

đại sư chính lý bút ký. Xuất thân như vậy thì mới là thiết thực, kiên cố. Trong đoạn chú giải này, cũng chú thích không ít, chúng ta đọc một lần là được rồi. Quý vị xem trang tám mươi hai, đọc từ câu cuối cùng trong hàng thứ nhất.

“*Tu tri diệt ác, cực u A Tỳ*” (Cần biết diệt ác thì tốt bậc là A Tỳ). A Tỳ là A Tỳ địa ngục. Đây nói tới phương diện ác, ác tới tốt bậc. Tội nghiệp như thế nào sẽ đọa trong A Tỳ địa ngục? Tạo tội nghiệp Ngũ Nghịch! Ngũ Nghịch là sát cha, giết mẹ. Cha mẹ sanh thành ta, ân nuôi dưỡng quá to, suốt đời báo đáp chẳng hết. Tội giết cha mẹ vô cùng to lớn, phải đọa A Tỳ địa ngục. A Tỳ (Avīci) là tiếng Phạn phiên âm, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Gián địa ngục, tức là tội nhân chịu khổ chẳng gián đoạn, là cõi địa ngục như vậy. “*Sanh thiện, chí u Diệu Giác*” (Sanh thiện thì đạt đến Diệu Giác). Trong sanh thiện thì tối thiện là thành Phật, Diệu Giác là thành Phật, còn cao hơn Đẳng Giác. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn. Nói cách khác, điều thiện của Ngài còn chưa đạt đến tốt đỉnh. Thành Phật thì vô minh phiền não thấy đều đoạn sạch sành sanh, sanh thiện đạt tới tốt bậc. “*Phương thị Viên kinh lực dụng công đức*” (Mới là lực dụng và công đức của kinh Viên Giáo), lực dụng và công đức của kinh điển Đại Thừa Viên Giáo mới đạt đến viên mãn rất ráo. Đây là nói các kinh Đại Thừa, như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Viên Giác, Lăng Nghiêm, đều thuộc loại này. Tịnh Độ Tam Kinh cũng là Đại Thừa Viên Giáo, đều có đại lực dụng như vậy.

Đoạn kế tiếp dạy chúng ta: Diệt ác thì diệt ác nhân, chứ diệt ác quả thì diệt từ quả sẽ chẳng có tác dụng, chẳng trừ quả được, phải thực hiện từ nhân. Nhân là gì? Nhân nói theo tông cương lãnh sẽ là vọng tưởng, chấp trước. Nếu nói thô thiển một chút, sẽ là tư tưởng và kiến giải sai lầm, cùng với các phiền não tham, sân, si, mạn. Nếu chú vị thật sự hiểu đạo lý này, chúng ta đọc sách sẽ chẳng thể tùy tiện đọc. Nghe người khác giảng này nọ, cũng chẳng thể tùy tiện nghe, do nguyên nhân nào? Sách ấy có phải là một quyển sách tốt hay không? Sách ấy giúp chúng ta đoạn phiền não, hay là vẫn tăng trưởng phiền não của chúng ta? Phải biết điều này! Nếu sách ấy có thể giúp cho tâm địa chúng ta thanh tịnh; đó là sách tốt. Sách ấy khiến cho chúng ta dấy lên vọng tưởng, sách ấy chẳng phải là sách tốt. Trước đây, trong thời đại đế vương, hiện thời có rất nhiều người phản đối đế chế, nói thời đại đế vương chẳng tốt như thế này, như thế nọ. Nói thật ra, tôi nghĩ thời đại đế vương là tốt đẹp. Tôi giảng kinh ở Tân Gia Ba, có một hôm pháp sư Diễn Bồi và tôi tán gẫu. Sư nói: “Này pháp sư! Ông tán thành hoàng đế, hay tán thành dân chủ?” Tôi nói: “Tôi tán thành hoàng đế. Cố nhiên dân chủ có chỗ rất tốt, nhưng so sánh giữa đôi bên, dân chủ có nhiều chỗ không tốt, chỗ tốt đẹp ít ỏi. Chế độ đế vương có nhiều điều tốt đẹp, chỗ không tốt đẹp ít”.

Ví dụ như nói đến chuyện ô nhiễm về phương diện tư tưởng. Trước đây, trong thời đại đế vương chuyên chế, chẳng có tự do ngôn luận và tự do xuất bản, đó là sự thật. Quý vị xuất bản một quyển sách, phải được quốc gia thẩm tra, [xét thấy] ngôn luận và tư tưởng của quý vị trong ấy chẳng có hại đối với quốc dân, không đến nỗi dẫn dắt họ theo tà tư tà kiến thì mới cho phép quý vị lưu thông, cho quý vị xuất bản. Hiện thời dễ lắm, hết thấy đều tự do cởi mở. Hễ tự do cởi mở thì bất cứ tà tri tà kiến, những thứ kỳ quái cỡ nào cũng đều xỏ lồng! Chúng ta

không có công phu định lực, chẳng có trí huệ, hễ tiếp xúc đều tưởng đó là thật. Vì thế, tư tưởng và kiến giải trong thế gian này bị ô nhiễm, còn nghiêm trọng hơn sự ô nhiễm trên địa cầu. Thời đại đế vương chẳng tự do, nhưng chúng ta còn có thể sống đời thái bình. Hiện thời tự do, chẳng sống được một ngày thái bình nào! Các vị nghĩ xem, thời đại nào tốt đẹp hơn? Vì lẽ đó, tôi vẫn tán thành hoàng đế tốt đẹp hơn. A! Thời gian đã hết rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 15

Xin mở kinh bốn, chúng ta xem trang tám mươi hai, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, xem từ câu cuối cùng.

“*Vị ác chi trọng giả, vô quá Ngũ Nghịch, Ngũ Nghịch thị nghiệp, tòng ư thượng phẩm phiền não nhi khởi*” (Y nói: Điều ác không gì nặng hơn Ngũ Nghịch, Ngũ Nghịch là nghiệp khởi từ phiền não thượng phẩm). “*Thượng phẩm*” là phiền não rất nặng, là phiền não hết sức thô nặng, “*chiêu Vô Gian khổ*” (chước lấy nỗi khổ Vô Gian). “*Vô Gian*” là Vô Gian địa ngục, trong phần trước gọi nó là A Tỳ địa ngục.

“*Thử kinh đại lực, năng diệt thử đẳng cực trọng tam chương, tức sanh Tịnh Độ. Nhược chương tánh phi Tam Đức, hà năng Vô Gian chuyên vi Cực Lạc? Tòng cực độn căn, thả luận thập niệm sanh tối hạ phẩm. Nhược tòng lợi căn, phi bất năng sanh thượng chi bát phẩm. Dĩ kỳ Ngũ Nghịch, Thế thị Tịch Quang, cố khả ư thử tịnh tứ Phật độ*” (Kinh này có sức to lớn, có thể diệt ba thứ chương cực nặng này, liền sanh về Tịnh Độ. Nếu tánh của các chương ấy chẳng phải là Tam Đức, làm sao có thể chuyên Vô Gian thành Cực Lạc? Xét theo căn cơ cực độn, lại còn nói mười niệm sẽ sanh trong phẩm thấp nhất. Nếu xét theo hàng lợi căn, không ai chẳng thể sanh trong tám phẩm thượng. Ấy là vì Thế của Ngũ Nghịch là Tịch Quang, nên có thể sanh trong bốn cõi Phật thanh tịnh ấy). Đoạn này rất khẩn yếu! Trong [khi giảng] Đại Kinh, chúng tôi đã từng nói: Phẩm vị vãng sanh cao hay thấp do gặp duyên khác nhau, đoạn này có thể chứng minh cho chúng tôi! Nếu chúng ta gặp duyên thù thắng, không chỉ có thể tiêu trừ tội cực nặng, mà còn có thể tăng cao phẩm vị.

Duyên có hai loại:

1) Một loại là thiện hữu. Kinh gọi [thiện hữu] là “thiện tri thức”, chúng ta thường gọi là “thầy”. Vị thầy ấy có phải là thật sự hữu tu, hữu chứng hay không? Nói cách khác, vị ấy có thật sự hiểu rõ triệt để Tịnh Độ hay không, giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Đây là một duyên rất quan trọng.

2) Một duyên khác là hoàn cảnh tu học. Trong hoàn cảnh, quan trọng nhất là đồng tham đạo hữu. Một người thành tựu thì một là nhờ thầy, hai là bạn. Có thầy tốt, mà chẳng có đồng tham đạo hữu tốt, chẳng thành tựu dễ dàng. Vì thầy chẳng thể bầu bạn cộng tu cùng quý vị, người sẽ bầu bạn cộng tu với chúng ta chính là bạn học. Vì thế, phải có đồng học thật sự tốt đẹp, có thể thường cùng ta trau dồi, rèn giũa.

Hai điều này hễ thiếu một sẽ chẳng dễ dàng! Vì thế, gặp được thầy tốt, lại còn phải có bạn học tốt. Tiếp đó là hoàn cảnh tu hành, điều này cũng rất quan trọng, nhưng quan trọng nhất là hai điều kiện trên đây. Vì thế, có thầy tốt, lại có đồng tham đạo hữu tốt, lại còn có hoàn cảnh tu học tốt, đạo nghiệp tất nhiên tăng trưởng.

Người học Phật, thời cổ nói là “*tham học*”. Thật ra, tham học là đi tìm ba điều kiện ấy. Đến khắp nơi xem xét, nghe nhiều, đương nhiên vẫn phải là [tìm tòi] một nơi phù hợp với căn tánh của chính mình, phù hợp với chí thú của chính

mình. Có điều kiện tốt đẹp như thế, đặc biệt là trọn đủ điều kiện, người ấy sẽ ở lại nơi đó, suốt đời cũng chẳng rời khỏi. Trong Cao Tăng Truyện, chúng ta thường thấy chuyện này, cả ba điều kiện ấy thấy đều trọn đủ, [người tham học sẽ trụ mãi ở nơi đó]. Trong xã hội hiện tiền, thường được gọi là xã hội công lợi²⁴. Nói thật thà, xã hội xưa kia thuộc loại xã hội đạo nghĩa. Làm cường đạo thô phỉ cũng có đạo nghĩa, trộm cướp cũng có đạo nghĩa! Hiện thời là xã hội công lợi, xã hội công lợi quá đáng sợ! Chẳng có đạo nghĩa! Nói cách khác, rất khó tìm được cả ba điều kiện ấy. Gặp được thầy tốt, chưa chắc đã có đồng học tốt. Có đồng tham đạo hữu tốt đẹp, chẳng có thầy tốt chỉ dẫn, hoàn cảnh tu học càng khó hơn nữa!

Trong tình hình ấy, nói thật thà, học các pháp môn khác hết sức khó khăn, chỉ có mỗi cách thật thà niệm Phật là còn được, chúng ta còn có thể đạt được mục tiêu này, thật sự thật thà niệm Phật. Niệm Phật là sám hối nghiệp chướng, chúng ta biết [chính mình] tội nghiệp rất nặng. Nay kể như đã hiểu tội nghiệp là gì? Là khởi tâm động niệm, tà tri tà kiến, tham, sân, si, mạn, đó là nghiệp chướng. “*Nghiệp*” là tạo tác, là động tác. “*Chướng*” là chướng ngại bản tánh, chướng ngại tâm thanh tịnh, khiến cho công phu niệm Phật của chúng ta chẳng thể thành phiền, chẳng đạt được nhất tâm bất loạn, Chướng chính là ngăn chướng điều ấy! Có thể thật thà niệm Phật, hễ ý niệm vừa dấy lên, bèn dùng một câu Phật hiệu để thay thế. Niệm Phật hiệu rất siêng năng, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi, xác thực là phương pháp tiêu nghiệp chướng thù thắng nhất. Kinh luận có dạy chúng ta: Nghiệp chướng cực nặng, tất cả hết thảy phương pháp đều chẳng tiêu thì phương pháp niệm Phật có thể tiêu. Từ đoạn này, chúng ta lại thấy, tội nghiệp cực nặng vẫn có thể vãng sanh thế giới Tây Phương.

Tội nghiệp cực nặng, lại là cực độn căn, mà vẫn còn có thể sanh trong hạ phẩm, khó có thay! Tội nghiệp cực nặng, nếu là lợi căn, còn có thể sanh trong tám phẩm trên. Trong tám phẩm trên, cao nhất là thượng phẩm thượng sanh. Nghe điều này chúng ta thấy quái lạ, tạo tội nghiệp cực nặng mà còn có thể thượng phẩm thượng sanh ư? Có thể chứ! Trong kinh này có nói vua A Xà Thế tạo trọng tội Ngũ Nghịch, giết cha, hại mẹ, phá hòa hợp Tăng, phá hoại Tăng đoàn, đó là tội nghiệp đọa địa ngục A Tỳ. Trong Đại Tạng Kinh có bộ A Xà Thế Vương Kinh, đức Phật đặc biệt nói về vị vua này. Nhà vua đến khi lâm chung mới giác ngộ, mới sám hối. Vua vốn phải đọa vào địa ngục, nhưng vì căn cơ rất bén nhạy, sức mạnh sám hối rất lớn, nên vãng sanh thế giới Tây Phương trong phẩm vị thượng phẩm trung sanh, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, chúng ta thường thấy có những kẻ tội nghiệp rất nặng, cũng chớ nên coi rẻ họ! Nói không chừng, họ một niệm sám hối, phẩm vị vãng sanh còn cao hơn chúng ta. Chúng ta niệm Phật suốt đời, thậm chí phẩm vị còn chẳng cao như họ! Như vậy thì chúng ta mới biết người vãng sanh có hai loại:

1) Một loại là bình thường niệm Phật, tích công lũy đức, loại này là vãng sanh thông thường.

²⁴ Công lợi (utilitarianism) có nghĩa là nhằm đạt được mục đích có lợi cho bản thân, bất kể phương tiện, không cần quan tâm điều đó sẽ gây ảnh hưởng có hại cho người khác hay không.

2) Loại kia là sám tội vãng sanh, tức là sám hồi vãng sanh, khi lâm chung mới hồi hận, mới triệt để ăn năn hối lỗi, có sức mạnh rất lớn.

Có hai loại như vậy, hai loại vãng sanh lớn như vậy.

Căn cứ lý luận là bất luận thiện, ác, tội, phước, hễ nói theo thể tánh, sẽ đều là Chân Như bản tánh. Vì vậy, công đức lễ sám lại chẳng thể nghĩ bàn. Chư vị phải hiểu lễ sám chẳng phải là chúng ta chiếu theo nghi thức sám hối, đối trước Phật, Bồ Tát tụng niệm, vái lạy là được! Lạy Lương Hoàng Sám, lạy Thủy Sám, lạy Đại Bi Sám, tội nghiệp có tiêu trừ hay không? Có lạy sạch tội được không? Có tiêu sạch tội nghiệp hay không, chẳng cần phải hỏi ai khác, chính mình hiểu quá rõ ràng. Tức là sau khi quý vị lạy xong, tâm quý vị có phải là thật sự thanh tịnh, có phải là thật sự hối cải, sửa lỗi đổi mới hay không? Trong khi lễ sám, trong tâm chính mình có thể hối cải, sửa lỗi đổi mới thì nghiệp chướng có thể tiêu trừ. Đến tội cùng, tiêu nhiều hay ít cũng chẳng nhất định! Có người tiêu nhiều, có kẻ tiêu ít, có người như tôi đã thấy, không chỉ chẳng tiêu mà còn tăng thêm. Càng lạy, tội nghiệp càng nhiều, vì sao? Bái sám mà vẫn sanh phiền não, đó là bái sám tăng thêm tội nghiệp. Sanh phiền não như thế nào? Khi mọi người cùng nhau bái sám, chẳng hạn như người đánh pháp khí gõ trật, người ấy bèn nổi nóng khôn cùng: “Cớ sao lại đánh sai ở chỗ ấy?” [Luôn luôn cảm ràm]: “Chỗ này âm thanh to, chỗ kia âm thanh quá nhỏ”. Quý vị thấy đó: Vừa bái sám, vừa kèn cựa, làm sao được? Như thế thì sẽ chẳng có tác dụng gì. Đó là chuyện thường thấy trong đạo tràng!

Chúng tôi giới thiệu phần Luận Dụng đến đây. Tiếp theo là giáo tướng, tức phần Phán Giáo Tướng. Hàng thứ hai trong trang tám mươi ba, đoạn thứ năm là Phán Giáo Tướng. “*Thượng chi tứ chương*” (Trong bốn chương trước), những phần Thích Danh, Biện Thể, Minh Tông, Luận Dụng, bốn chương trên đây, “*giai thị ngôn giáo*” (đều là dạy bằng lời nói), đều là Giáo. “*Vị thuyên danh giáo, thuyên Thể, thuyên Tông, thuyên Dụng chi giáo dã*” (Đều là những lời dạy giảng về danh giáo, tức là giảng về Thể, giảng về Tông, giảng về Dụng), đây là nói đại lược [nội dung] của bốn chương trước. “*Nhược dĩ kỳ tướng nhi phân biệt chi, biệt linh lâm giả, quán chi hiển liễu. Có ước ngữ thời, nhị tạng, Đốn, Tiệm, dĩ thị kỳ tướng*” (Nếu dùng tướng để phân biệt, hòng khiến cho người xem hễ nhìn vào sẽ hiểu rõ. Vì thế, ước theo năm thời, hai tạng, Đốn, Tiệm, để trình bày tướng của kinh này). Ngài giảng giải như vậy, kẻ sơ học như chúng ta chẳng dễ gì hiểu rõ. Nếu chúng ta nói theo cách hiện thời: Giáo giống như sách giáo khoa được sử dụng trong nhà trường hiện thời, mọi người sẽ dễ hiểu. Kinh điển là sách giáo khoa. Trong phần trước đã giảng về danh giáo, tức là nói tới Danh, Thể, Tông, Dụng, đó là nội dung của sách giáo khoa.

Giáo Tướng là chuyện như thế nào? Chúng ta quan sát cận kề bộ kinh điển này, đức Phật nói vào thời nào? Theo cách phân loại kinh Phật, kinh này thuộc loại nào? Kinh Phật được phân loại rất sớm, cách phân loại sách vở hiện thời rất tinh tế, quả thật rất thuận tiện cho người đọc sách. Sớm nhất ở Trung Quốc, có thể nói cách phân loại sách vở là do Phật giáo khởi xướng, chia hết thấy các kinh thành ba loại lớn, tức là Tam Tạng, gồm Kinh Tạng, Luật Tạng, và Luận Tạng,

phân loại như vậy. Vì cách phân loại trong Phật giáo có ảnh hưởng rất lớn đến pháp thế gian, như cách phân loại trong Tứ Khố Toàn Thư là bắt chước cách chia [kinh điển] thành Tam Tạng trong kinh Phật, [sách vở thế gian được] chia thành Kinh, Sử, Tử, Tập. Trong phần Kinh, lấy mười ba kinh²⁵ [của Nho gia] làm cương lĩnh, lại chia thành các mục nhỏ, càng chia nhỏ, càng chi tiết. Kinh Phật được phân loại sớm nhất, trong cách phân loại kinh điển, kinh này thuộc loại nào. Điều này tạo thành một thứ tài liệu tham khảo để người đời sau dạy học [thuận tiện], mà cũng nhằm [xét xem] bộ sách này rốt cuộc thích hợp cho kẻ mới học, hay thích hợp cho người tu hành đã lâu? Giống như sách giáo khoa, sắp xếp chương trình học trong nhà trường, phải biết là xếp vào loại Trung Học? Hay là xếp vào sách Đại Học? Xếp vào lớp mấy? Dùng phương pháp gì để dạy học? Việc phán giáo chủ yếu nhằm cung cấp những ý nghĩa này; nhưng kể từ xa xưa, người phán giáo rất nhiều, có các cách nhìn khác nhau. Có người cho rằng kinh điển này thích hợp với hàng sơ học, có người cho rằng [kinh điển này] chẳng thích hợp với hàng sơ học. Vì thế, phán giáo chẳng do đức Phật phán định. Đức Phật chẳng nói những điều ấy, mà do người đời sau phán định. Do đó, phán giáo giúp cho chúng ta tham khảo cách nhìn của cổ đại đức, để cho chính mình tham khảo, đừng chấp chết cứng vào cách nói của cổ nhân, đó mới là tốt. Dấu sao, các Ngài đều là bậc hữu tu hữu học, [những nhận định của các Ngài] đáng cho chúng ta tham khảo!

“*Giáo tướng giả, thử thị Đại Thừa Phương Đẳng giáo nhiếp*” (Xét theo giáo tướng, kinh này thuộc về Đại Thừa Phương Đẳng giáo). Phật giáo phân chia tổng quát thành Đại Thừa và Tiểu Thừa. Tiểu Thừa tựa tựa như Tiểu Học, Đại Thừa gần như là Đại Học. Miễn cưỡng thì cũng có thể thêm vào Trung Thừa, nói thông thường, Trung Thừa là gì? Chính là từ Tiểu Thừa tách ra. Vì trong Tiểu Thừa có hai loại, một loại là Thanh Văn, loại kia là Duyên Giác. Cảnh giới chứng ngộ của Duyên Giác cao hơn Thanh Văn. Nếu nói ba thừa, sẽ là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa. Nếu nói hai thừa, thì là Tiểu Thừa và Đại Thừa. Tiểu Thừa tức là quy nạp Thanh Văn và Duyên Giác lại, gọi chung là Tiểu Thừa. Kinh này thuộc loại Đại Thừa, tức là trong hai thừa, kinh này thuộc loại Đại Thừa. Nếu xét theo ba thừa, sẽ thuộc loại Bồ Tát Thừa.

Trong mười hai phần giáo, kinh này thuộc loại Phương Đẳng Giáo. “*Mười hai phần giáo*” là nói tới hết thầy các kinh do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, Ngài chọn phương thức nào. Các phương thức ấy giống như thể tài (genre) được sử dụng khi chúng ta viết văn trong hiện thời, có tất cả mười hai phương thức. Trong mười hai phương thức ấy, kinh này thuộc loại Phương Đẳng²⁶. Nếu nói theo hình thức, kinh này thuộc loại đề tài văn xuôi, thuộc loại

²⁵ Mười ba kinh của Nho Gia (Thập Tam Kinh) là Châu Dịch (kinh Dịch), Thượng Thư (kinh Thư), Thi Kinh (kinh Thi), Châu Lễ, Nghi Lễ, Lễ Ký, Tả Truyện, Công Dương Truyện, Cốc Lương Truyện, Hiếu Kinh, Luận Ngữ, Nhĩ Nhã, Mạnh Tử. Nói cách khác, mười ba kinh ngoại trừ Nhĩ Nhã (thuộc loại tự điển) và Hiếu Kinh ra, nội dung các “kinh” còn lại xoay quanh Tứ Thư (Đại Học và Trung Dung thật ra là các thiên sách trong Lễ Ký) và Ngũ Kinh (các bộ Tả Truyện, Công Dương Truyện, Cốc Lương Truyện là chú giải của kinh Xuân Thu).

²⁶ Theo tông Thiên Thai, Phương Đẳng có ba cách hiểu:

Trường Hàng. Phương Đẳng là nói theo Ngũ Giáo, tức là nói đến thời gian, đức Phật thuyết kinh này khi nào? Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này, giảng bộ kinh đầu tiên là kinh Hoa Nghiêm trong hai thất nhật, cũng có người nói là ba thất nhật. Hai thất là mười bốn ngày, ba thất là hai mươi một ngày. Đức Phật vì bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ mà giảng bộ kinh ấy, chẳng phải giảng cho nhân gian chúng ta. Nhân gian chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tịnh tọa dưới cội Bồ Đề, đâu biết đức Phật giảng kinh Hoa Nghiêm trong Định! Vì thế, có tư cách nghe kinh thì đều phải vào trong Định của Phật thì mới có đủ tư cách đến nghe kinh. Do vậy, người Tiểu Thừa chẳng tin Đại Thừa, cho là Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói, mà do người đời sau biên soạn, chẳng phải là Phật giáo chân thật. Họ phản đối Đại Thừa, vì sao? Đối với họ, phải là nhục nhãn trông thấy thì mới chấp nhận, chứ trong Định sẽ không tính. Ta không thấy thì không tính. Vì lẽ đó, người Tiểu Thừa chấp nhận Thích Ca Mâu Ni Phật giảng pháp Tứ Đế độ năm vị tỳ-kheo tại Lộc Dã Uyển, họ nói đức Phật bắt đầu thuyết pháp từ lúc đó, chẳng thừa nhận thời Hoa Nghiêm.

Kinh Hoa Nghiêm xuất hiện cũng trễ. Kinh cho biết, sau khi đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm xong, Đại Long Bồ Tát đem kinh này cất giữ trong cung rồng. Mãi cho đến sáu trăm năm sau, Long Thọ Bồ Tát xuất hiện trong cõi đời, đến chơi, thăm viếng cung rồng, thấy bộ kinh này, mới đem kinh về thế gian, thế gian mới có kinh Hoa Nghiêm, mới biết có chuyện như thế. Long Thọ Bồ Tát mang Hạ Bản Hoa Nghiêm về, Ngài thấy [kinh Hoa Nghiêm] có ba bản Thượng, Trung, Hạ. Bản thượng vốn có mười tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm. Ngài nói phân lượng quá lớn, chúng sanh trong Diêm Phù Đề chẳng có năng lực tiếp nhận. Xem đến bản trung, bản trung đã ít hơn rất nhiều, nhưng nhân gian chúng ta cũng chẳng thể tiếp nhận được. Lại xem đến bản hạ, bản hạ có mười vạn kệ, có bốn mươi phẩm, được rồi, người thế gian chúng ta có thể tiếp nhận, Ngài liền đem bản hạ về nhân gian. Nhưng bản dịch kinh Hoa Nghiêm hiện thời ở Trung Quốc chẳng hoàn chỉnh, chỉ có một nửa bộ kinh, chúng ta gọi là Lược Bản Hoa Nghiêm, gồm tám mươi cuốn. Vì thế, kinh này chẳng

1. Giải thích theo Lý thì Phương là chánh đáng, khuôn phép, Đẳng là bình đẳng. Hiểu theo nghĩa này, toàn bộ kinh điển Đại Thừa đều có thể gọi là Phương Đẳng. Trong Duyệt Tạng Tri Tân, Ngẫu Ích đại sư giảng: “*Phương Đẳng còn gọi là Phương Quảng... Bắt đầu từ Hoa Nghiêm cho đến Đại Niết Bàn, hết thấy các kinh thuộc về Bồ Tát Pháp Tạng đều gọi là kinh điển Phương Đẳng*”. Ngài Nguyên Chiếu giảng trong A Di Đà Kinh Sớ như sau: “*Thật Tướng diệu lý, theo chiều ngang trọn khắp các pháp, nên gọi là Phương Quảng. Theo chiều dọc tột cùng thánh phẩm, nên nói là bình đẳng*”.

2. Giải thích theo mặt Sự thì Phương có nghĩa là rộng rãi, Đẳng là quân bình. Hàm nghĩa: Trong thời thứ ba, khi đức Phật nói các kinh này, bất luận căn cơ lợi, độn, Tạng, Thông, Biệt, Viên, đều được lợi ích, nên gọi là Phương Đẳng.

3. Ước theo cả Sự và Lý để giải thích, Phương là phương pháp, Đẳng là Lý Thể bình đẳng. Nương theo phương pháp của tứ giáo đều khế nhập lý bình đẳng nên gọi là Phương Đẳng. Sách Chỉ Quán quyển hai giảng: “*Phương Đẳng hoặc còn nói là Quảng Bình, nay nói Phương là phương pháp. Bát Nhã có bốn phương pháp, tức là do bốn môn mà vào ao thanh lương, đó chính là Phương. Lý được khế nhập là đại huệ bình đẳng, đó chính là Đẳng*”.

hoàn chỉnh, truyền đến Trung Quốc bị thất lạc rất nhiều. Tuy kinh bản chẳng hoàn toàn, nhưng xét theo ý nghĩa, đại khái chẳng sai biệt nhiều lắm, có thể thấy được điều này. Hiện thời, trên khắp thế giới, kinh Hoa Nghiêm lưu truyền trên thế gian, có thể nói là chỉ có bản tiếng Hán nhiều nhất, kinh điển bằng tiếng Phạn đã bị mất.

Thời thứ hai là A Hàm. Sau A Hàm, đức Phật bèn giảng Phương Đẳng. Phương Đẳng là thời kỳ thứ ba. Phương Đẳng được nói ở đây chính là thời kỳ thứ ba. Thời kỳ thứ tư là giảng Bát Nhã, thời kỳ cuối cùng giảng Pháp Hoa và Niết Bàn. Đây là nói tới thứ tự kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Bộ kinh này được nói trong thời thứ ba, tức thời Phương Đẳng. “*Phó cơ nhiếp hóa, quảng lược bất đồng, đại bốn nhị quyển*” (Ứng theo căn cơ mà nhiếp thủ, hóa độ, rộng, lược khác nhau, đại bốn có hai cuốn). Đại Bốn là kinh Vô Lượng Thọ, “*Tán Vĩnh Gia niên trung, Trúc Pháp Hộ dịch*” (do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào năm Vĩnh Gia²⁷ đời Tấn); khi chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ có nhắc tới bản này, tức bản dịch của ngài Trúc Pháp Hộ, nhưng bản dịch gồm hai cuốn này hiện thời chẳng còn, đã bị mất. Văn tự còn thấy ở chỗ này là do Trí Giả đại sư nói. Thuở Trí Giả đại sư tại thế hãy còn thấy bản này, nhưng bản này [hiện nay] đã thất truyền. Kinh Vô Lượng Thọ có tổng cộng mười hai loại bản dịch, thất truyền bảy bản, đây là một trong bảy bản bị thất truyền. Từ văn tự này, chúng ta có thể chứng tỏ, bản dịch của ngài Trúc Pháp Hộ bị mất sau đời Đường. Đại Tạng Kinh hiện thời không có bản dịch này. Chữ “*thứ bốn*” chỉ kinh này. “*Thị Tống Nguyên Gia thời, Cương Lương Da Xá u Dương Châu dịch*” (do ngài Cương Lương Da Xá²⁸ dịch ở Dương Châu vào niên hiệu Nguyên Gia đời Tống). Giới thiệu cho chúng ta biết bản Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Kinh này [là bản dịch] trong thời đại Lưu Tống²⁹. Tống ở đây chẳng phải là Triệu Tống, mà là thời đại Lưu Tống. Trong niên hiệu Nguyên Gia, pháp sư Cương Lương Da Xá là một vị cao tăng Ấn Độ đến Trung Quốc hoằng pháp, phiên dịch ở Dương

²⁷ Vĩnh Gia là niên hiệu của Tấn Hoài Đế (Tư Mã Xí) từ năm 307 đến 313 nhà Tây Tấn.

²⁸ Ngài Cương Lương Da Xá (Kalayas, 383-442), dịch nghĩa là Thời Xung, người xứ Tây Vực, tinh thông kinh luận, đặc biệt là Luật Tạng và A Tỳ Đàm. Ngài thích nhập Định, mỗi lần nhập Định thường đến bảy ngày. Ngài đến Trung Hoa vào năm Nguyên Gia nguyên niên (424), trụ tích tại Đạo Lâm Tinh Xá ở Chung Sơn, Kiến Nghiệp. Năm Nguyên Gia 19, Ngài du hóa khắp vùng Mân, Hàng. Đồ chúng theo học rất nhiều, hiện thời ngoài Quán Kinh, Đại Tạng còn giữ được một bản kinh khác do Ngài dịch là Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ Tát Kinh. Ngài viên tịch tại Giang Lăng.

²⁹ Nhà Lưu Tống tồn tại từ năm 420 đến năm 479, là triều đại có lãnh thổ lớn nhất trong thời Nam Bắc Triều, do Lưu Dụ (Tống Vũ Đế) sáng lập. Thoạt đầu vào năm 402, đại tướng Hoàn Huyền nhà Đông Tấn làm phản, chiếm cứ miền Nam, xưng quốc hiệu là Sở. Lưu Dụ đứng lên xướng suất quân Cần Vương, dần dần thế lực ngày càng mạnh, bèn khởi lên dã tâm, ép Tấn Cung Đế (Tư Mã Đức Văn) nhường ngôi cho mình. Do dòng họ Lưu Dụ xuất thân từ Bành Thành là đất cũ của nước Tống thời Xuân Thu, nên lấy quốc hiệu là Tống. Sử gọi triều đại này là Lưu Tống nhằm phân biệt với Triệu Tống (Bắc Tống và Nam Tống, 960-1279) do Triệu Khuông Dã sáng lập sau này. Nguyên Gia là niên hiệu của Tống Văn Đế (Lưu Nghĩa Long) từ năm 424 đến năm 453.

Châu. “*Lưỡng kinh giai tại Vương Xá thành thuyết*”, [nghĩa là] bộ kinh này và kinh Vô Lượng Thọ đều do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng tại thành Vương Xá. “*Phục hữu tiểu bốn, danh A Di Đà, tại Xá Vệ quốc thuyết*” (Lại có tiểu bốn tên là A Di Đà, nói tại nước Xá Vệ), đây là Phật Thuyết A Di Đà Kinh do Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch, kinh ấy được giảng tại nước Xá Vệ. Đó là ba kinh Tịnh Độ. “*A Di Đà, Vô Lượng Thọ, bỉ thử phương ngôn*” (A Di Đà và Vô Lượng Thọ lần lượt là tiếng địa phương của cõi kia và xứ này), trong phần trước [chúng ta] đã đọc thấy A Di Đà và Vô Lượng Thọ có cùng một ý nghĩa, tiếng Hán là Vô Lượng Thọ, tiếng Phạn là A Di Đà.

Kể đó, lại giới thiệu trong Tam Tạng và Nhị Tạng, kinh này thuộc loại nào. Chúng ta xem hàng thứ tư trong trang tám mươi tư: “*Nhị Tạng danh nghĩa, Bồ Tát Tạng thân*” (Xét theo danh nghĩa của Nhị Tạng, kinh này thuộc về Bồ Tát Tạng). Nhị Tạng là A Hàm Tạng và Bồ Tát Tạng, cũng là pháp Đại Thừa và pháp Tiểu Thừa. Kinh này thuộc loại Đại Thừa, thuộc loại Bồ Tát Tạng. “*Tiệm, Đốn ngộ nhập, thử tức Đốn Giáo*” (Xét theo sự ngộ nhập là Tiệm hay Đốn thì kinh này chính là Đốn Giáo), nếu xét theo sự ngộ nhập, pháp môn này là Tiệm Giáo hay Đốn Giáo? Pháp môn Tịnh Độ, theo cách nhìn của tổ sư đại đức từ xưa tới nay, có thể nói khẳng định là các Ngài đều nhất trí công nhận là Đốn Giáo. Vì sao? Thành tựu trong một đời, chẳng cần đợi đến đời thứ hai. Không chỉ là thành tựu trong một đời, nếu xem kinh Di Đà, hoặc kinh Vô Lượng Thọ, [sẽ thấy] bảy ngày thành tựu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến bảy ngày, bảy ngày thành tựu, không có gì đốn hơn được! “*Đốn*” là đốn siêu, chẳng có thứ tự, xác thực là đốn siêu.

Nói đến chuyện thành tựu rất nhanh chóng thì chẳng có pháp môn nào có thể sánh bằng Tịnh Tông. Mật Tông nói “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong thân này) vẫn là một đời, pháp môn này bảy ngày thành tựu, thật đấy, chẳng giả! Rất nhiều đồng tu tu suốt bao nhiêu năm vẫn chưa thành tựu, bèn hoài nghi chuyện “bảy ngày thành tựu”. Thật ra, kinh chẳng sai, chính chúng ta đã phạm lỗi. Chính mình đã làm lỗi ở chỗ nào? Chính mình chẳng mong thành tựu, thậm chí là chính mình sợ hãi thành tựu. Nếu chúng ta đả Phật Thất ở đây, phía trên treo tám biển ghi “bảy ngày vãng sanh”, xem thử có ai đến hay không? Chẳng có ai đến cả! Ghê quá! Bảy ngày sẽ chết, còn ai dám đến nữa? Không có ai dám đến! Có thể thấy chúng ta nói đến thành tựu, miệng có, tâm không, chẳng phải là chân tâm. Người thật sự mong thành tựu, nhìn vào thời cổ, chẳng giả tí nào, thật sự mong vãng sanh. Quý vị thấy ngay như năm trước, cư sĩ Châu Quảng Đại tại Washington DC nước Mỹ niệm Phật ba ngày ba đêm [liền vãng sanh], có thể thấy đây là Đốn Giáo. Châu tiên sinh suốt một đời chưa từng nghe Phật pháp, bị bệnh nặng, chẳng có cách nào chữa lành, gặp thiện tri thức khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Kể ra, ông ta rất có thiện căn, nghe xong liền tin tưởng, bảo vợ con đều niệm Phật, giúp ông ta cầu sanh Tây Phương. Ông ta chẳng cần cầu lành bệnh, niệm suốt ba ngày ba đêm, Tây Phương Tam Thánh từ trên mây giáng xuống, tiếp dẫn ông ta vãng sanh. Có thể thấy là “hoặc một ngày” cho đến “hoặc bảy ngày” chẳng giả. Nay chúng ta niệm mà chưa thấy Phật, Phật cũng chẳng đến

tiếp dẫn, bèn biết là quý vị không chịu đi. Khi Phật hiện đến bèn sợ chết khiếp. Phật biết tâm chúng ta, chúng ta khởi tâm động niệm Ngài đều biết, quý vị là giả, Ngài sẽ chẳng đến. Nếu quý vị là thật, Ngài nhất định đến. Kinh này thuộc loại Đốn Giáo.

“*Chánh vị Vi Đề Hy cập chư thị nữ, tịnh thị phàm phu, vị chứng tiểu quả, có tri thị Đốn, bất tùng Tiệm nhập*” (Chính vì bà Vi Đề Hy và các thị nữ đều là phàm phu, chưa chứng tiểu quả, nên biết [kinh này] là Đốn, chẳng từ Tiệm Giáo mà nhập), nói rất rõ ràng. [Đối tượng nghe] đức Phật thuyết pháp trong kinh này đứng đầu là phu nhân Vi Đề Hy, trong phần sau chúng ta sẽ đọc thấy. Năm trăm cung nữ trong cung đình đồng thời nghe đức Phật thuyết pháp. Khi ấy, nghe xong họ liền chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Họ chưa chứng tiểu quả, chẳng thuộc địa vị Bồ Tát tiên cao hơn từng cấp một, không có! Vì chẳng theo thứ tự, nên kinh này thuộc loại Đốn. Chúng ta đọc chú giải một lượt: “*Thử phi hóa nghi luận Tiệm, Đốn dã*” (Đây chẳng phải là luận định là Tiệm hay Đốn dựa trên hóa nghi), “*hóa*” (化) là giáo hóa, nói theo cách hiện thời là giáo học. “*Nghi*” (儀) là nghi thức, [hóa nghi] là nghi thức giáo học. Giống như nay chúng ta nói là sắp xếp khóa trình, tiêu chuẩn [để phân định] khóa trình, điều đó được gọi là “*hóa nghi*”. Ở đây, chẳng phải là nói tới hóa nghi là Đốn hay Tiệm. Xét theo hóa nghi là Đốn hay Tiệm thì Pháp Hoa là Đốn, Hoa Nghiêm là Đốn, những thời khác như A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã đều thuộc loại Tiệm Giáo, đều là tu học theo thứ tự.

“*Kim kinh phán tại Phương Đẳng, phi hóa nghi Đốn*” (Nay kinh này được phán định thuộc thời Phương Đẳng, nên không phải là Đốn xét theo hóa nghi), do đó, chẳng thể xét theo thứ tự thuận trong sự giáo học thông thường. “*Kim chi Đốn giả, nãi u hóa pháp*” (Nay nói là Đốn, chính là xét theo hóa pháp). “*Pháp*” là phương pháp giáo học. “*Dĩ Viên vi Đốn, nãi Đốn Giáo Tướng, phi Đốn Giáo Bộ dã*” (Do là Viên nên coi là Đốn, chính là tướng Đốn Giáo, chứ không thuộc về loại Đốn Giáo Bộ). Nếu là Đốn Giáo Bộ thì nếu chẳng thuộc vào Hoa Nghiêm Bộ, sẽ thuộc về Pháp Hoa Bộ, đó là Đốn Giáo Bộ. Kinh này thuộc Phương Đẳng Bộ, nhưng phương pháp trong kinh lại thuộc loại Viên Đốn; nếu theo cách thức xếp đặt thông thường, kinh này chẳng thuộc vào Đốn Giáo Bộ. “*Có trụ Vi Đề, tức thân đắc Nhẫn*” (Tức là xét theo chuyện bà Vi Đề Hy đắc Nhẫn ngay trong thân hiện tại), phu nhân Vi Đề Hy tiếp nhận sự chỉ dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật, sau khi nghe kinh xong, bèn có thể chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, đó là “*đốn siêu*”. Nói theo cảnh giới thấp nhất của Vô Sanh Pháp Nhẫn thì cũng là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát. Nói nghiêm ngặt, từ Thất Địa trở lên mới chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn! Có thể thấy địa vị của bà ta chẳng tuân theo thứ tự, ngay lập tức đạt tới địa vị cao dường ấy. Tiếp đó, lời Sớ viết: “*Thả Vô Sanh Nhẫn vị, tại Biệt Địa Viên Trụ*” (Hơn nữa, địa vị Vô Sanh Nhẫn thuộc về Sơ Địa trong Biệt Giáo, hay Sơ Trụ trong Viên Giáo), trong Biệt Giáo là Sơ Địa, trong Viên Giáo là Sơ Trụ. “*Biệt Giáo phàm phu, kinh vô số kiếp, phương chí thử vị*” (Phàm phu trong Biệt Giáo phải trải qua vô số kiếp mới đạt đến địa vị này). Nếu muốn chứng đắc địa vị này, thông thường chúng ta hay nói là phải trải qua hai A-tăng-kỳ kiếp

thì mới có thể chứng đắc, đó là nói phàm phu muốn chứng quả vị này. Bà ta cũng là phàm phu, đột nhiên chứng đắc quả vị này, đó là chuyện như thế nào? Tiếp đó, sách nói: “*Duy hữu viên nhân, tức sanh khả nhập*” (Chỉ có người thuộc căn cơ Viên Giáo mới có thể nhập ngay trong một đời này). Có thể thấy chủng tánh của người nghe giáo là Viên Đốn, thuộc về căn tánh ấy, nên vừa nghe liền khai ngộ, vừa khai ngộ liền khế nhập, liền nhập cảnh giới này, nhập là chứng.

Ngộ là gì? Nhập là gì? Ngộ là hiểu rõ, hoàn toàn hiểu rõ, minh bạch, đó là khai ngộ. “*Nhập*” là biến các đạo lý và phương pháp ấy thành sự hành trì trong cuộc sống của chính mình, tức là thật sự đạt được thụ dụng, đó là Nhập. Có người tuy đã ngộ, nhưng chính mình chẳng thể thụ dụng, chính mình vẫn là phàm phu, vẫn khổ não, tức là tuy ngộ nhưng chẳng nhập! Phật pháp quý ở chỗ khế nhập. Nay chúng tôi cũng đặc biệt nhấn mạnh điểm này, do đó, khuyên mọi người niệm kinh Vô Lượng Thọ. Niệm kinh Vô Lượng Thọ thì phải nhập cảnh giới của A Di Đà Phật, cách nhập ra sao? Tức là biến đạo lý trong kinh Vô Lượng Thọ thành tư tưởng và kiến giải của chính chúng ta, biến các giáo huấn trong kinh Vô Lượng Thọ thành hành vi trong cuộc sống của chúng ta, đó là Nhập. Nếu lý luận và phương pháp đều đã hiểu, nhưng chúng ta làm không được, đó là “chỉ ngộ, chẳng nhập”, vậy thì chẳng có tác dụng lớn lao gì! Chẳng thật sự được thụ dụng! Thật sự ngộ nhập thì nhất định là lìa khổ được vui trong hiện tại, ngay lập tức cuộc sống của chính mình thay đổi, xác thực là biến đổi, mạng đã chuyển, lập tức chuyển, trong tương lai quyết định sanh về Tịnh Độ. Đó mới là thật sự học Phật. Nhất định phải biến lý luận thành tư tưởng và kiến giải của chính mình, biến giáo huấn thành hành vi trong cuộc sống của chính mình, đó là điều quan trọng.

Trong hết thảy các kinh, chúng ta chọn lựa kinh Vô Lượng Thọ cũng là rất có lý. Kinh Vô Lượng Thọ được hết thảy chư Phật đề xướng, đó là lý do thứ nhất. Lý do thứ hai là kinh Vô Lượng Thọ phân lượng không nhiều lắm, nhưng những điều được giảng trong ấy, phương diện nào cũng chu đáo, rất khó có! Ví như kinh Kim Cang, kinh Kim Cang hoàn toàn là Lý, hiểu rõ Lý thì được, nhưng ứng dụng trong cuộc sống như thế nào? Kinh chẳng giảng! Chúng ta xử sự, đãi người tiếp vật nếu dùng kinh ấy làm căn cứ sẽ rất khó. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta hiếu thuận cha mẹ ra sao? Tôn kính sư trưởng như thế nào? Đối xử với đại chúng trong xã hội ra sao? Thầy đều giảng rất rõ ràng, đây là điều hết sức khó có! Đương nhiên là kinh giảng rất nhiều, gần như quá nửa bản kinh nói về chuyện này. Phần chuyên môn tập trung các giáo huấn về cách xử sự, đãi người, tiếp vật là từ chương ba mươi ba đến chương ba mươi bảy, năm chương ấy toàn giảng về chuyện này. Vì thế, trong công khóa sớm tối của chúng ta trong hiện thời, khóa sáng chúng ta niệm bốn mươi tám nguyện, khóa tối chúng ta niệm năm chương ấy. Niệm năm chương ấy với hy vọng có thể ứng dụng trong cuộc sống. Cuộc sống, cách xử sự, đãi người, tiếp vật của chúng ta đã có căn cứ ấy, tuân theo giáo huấn của A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật để làm. Đọc bốn mươi tám nguyện, hy vọng cách nghĩ, cách nhìn của chúng ta giống như A Di Đà Phật. Tâm, nguyện của chúng ta giống như Phật, giải và hạnh giống như Phật, đó gọi là “*khế nhập*”.

Kinh văn không dài, [thọ trì] dễ dàng! Giảng một lần cũng dễ dàng, đọc một lần cũng dễ dàng, thực hiện cũng chẳng khó. Nếu là những bộ đại kinh khác, như Hoa Nghiêm chẳng hạn, nói rất nhiều phương pháp, còn nhiều hơn kinh Vô Lượng Thọ, lý luận được giảng còn tỉ mỉ hơn, nhưng kinh quá lớn. Quá lớn sẽ chẳng tiện thọ trì, chẳng thuận tiện như quyển kinh này. Vì thế, đặc biệt chọn lựa bộ kinh này. Nhất là chúng ta nhằm vào mục đích mong sanh về Tây Phương Tịnh Độ, đây chính là bộ kinh điển chánh yếu nhất của Tây Phương Tịnh Độ. Vì vậy, có khá nhiều lý do để chọn lựa bộ kinh này, mà chẳng chọn lựa kinh điển khác.

“*Nhược tương kết ích phán giáo*” (Nếu dựa theo các kết luận về sự lợi ích để phán giáo), “*kết*” là tổng kết, “*ích*” là lợi ích, tức là nói tổng kết, dựa theo lợi ích để nói, để phán giáo. “*Thiên Viên, tối vi minh hiển*” ([sẽ thấy] kinh này là Thiên Viên rõ rệt nhất). Kinh này là Viên Giáo, nhưng chẳng phải là Toàn Viên, mà là Thiên Viên. Nó chẳng phải là Thuần Viên. Thuần Viên là Pháp Hoa, Toàn Viên là Hoa Nghiêm. Thừa cùng quý vị, kinh Vô Lượng Thọ là Thuần Viên, là Toàn Viên, còn ở đây vì sao là Thiên? Vì những điều được giảng thiên về lý luận, phương pháp và nhân quả, trọn chẳng phải là giới thiệu toàn thể y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, giới thiệu toàn thể [những điều đó] là kinh Vô Lượng Thọ. Chẳng hạn như kinh này chẳng nói đến bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nên chẳng viên mãn. Trong kinh Vô Lượng Thọ có giảng lý luận, giảng về ba bậc vãng sanh, có nói tới chánh nhân vãng sanh. Ở đây giảng ba bậc chín phẩm giống như kinh Vô Lượng Thọ, nhưng kinh Vô Lượng Thọ giảng giản lược, còn kinh này giảng chi tiết. Tuy giảng chi tiết, vẫn chẳng hoàn toàn viên mãn! Viên mãn là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh này có thể bổ sung cho kinh Vô Lượng Thọ, dùng làm tài liệu để đọc bổ sung cho kinh Vô Lượng Thọ. “*Thị cố kim văn tữ ích định chi, thị Đốn, phi Tiệm*” (Vì thế, nay dựa theo lợi ích để phán định kinh văn này là Đốn, chẳng phải là Tiệm), nói theo mặt lợi ích, kinh này là Đốn Giáo.

“*Đề xưng Phật Thuyết, giản dị tứ nhân*” (Đề kinh ghi là Phật Thuyết, nhằm phân biệt khác với bốn hạng người). Phật pháp hết sức cởi mở, có tánh chất bao dung rất lớn, chẳng ích kỷ. Chẳng phải là nói kinh Phật thì chỉ có kinh nào do đức Phật đã nói thì mới gọi là kinh Phật, kinh do người khác nói chẳng thể gọi là kinh Phật! Đức Phật nói “có thể”, chỉ cần những điều quý vị nói có tông chỉ, lý luận và y cứ giống như những gì đức Phật đã nói, đức Phật đều chấp nhận: Quý vị nói giống như ta nói, đó là kinh Phật! Vì vậy, kinh Phật do năm hạng người nói: Có kinh do đức Phật nói, tức là đức Phật tự mình nói. Có kinh do đệ tử nói, tức là học trò của Phật nói. Có kinh do chư thiên nói. Có kinh do tiên nhân nói. Lại còn có kinh do người biến hóa nói. Nhiều người đều có thể nói như vậy, nhưng kinh do những người đó nói phải được đức Phật hứa khả thì mới được coi như do chính đức Phật nói. Nhưng hiện thời, đức Phật chẳng tại thế, đối với những gì do những người ấy nói, ai có thể chứng minh đó là kinh Phật? Đức Phật chẳng còn trụ thế, nhưng còn có cái gọi là Pháp Ấn. Pháp Ấn là nói tới nguyên lý, nguyên tắc. Nguyên lý và nguyên tắc giống như đức Phật đã nói thì đều có thể gọi là “*kinh*”

Phật”. Tiểu Thừa có ba nguyên tắc là Vô Ngã, Vô Thường, Niết Bàn. Nếu chẳng trái nghịch những nguyên tắc ấy, những điều do những người ấy nói đều có thể gọi là Kinh, vì có tông chỉ chẳng khác những gì do đức Phật đã nói. [Pháp ấn của] kinh điển Đại Thừa là Thật Tướng, hễ phù hợp Thật Tướng thì chúng ta đều có thể thừa nhận đây là kinh Phật, không nhất định phải là do đức Phật nói. Quý vị thấy tại Trung Quốc, Lục Tổ Đàn Kinh chẳng do đức Phật nói, mà do Huệ Năng đại sư nói. Huệ Năng là người Hoa, chưa từng đến Ấn Độ. Sự thừa truyền của Ngài là do hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn truyền trao. Hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn cũng là người Hoa, cũng chẳng phải là cao tăng Ấn Độ truyền cho. Các vị tổ sư đại đức của các tông phái Đại Thừa tại Trung Quốc đều thừa nhận những điều ngài Huệ Năng đã nói có thể gọi là Kinh, vì sao? Tông chỉ của những điều do lão nhân gia đã nói quyết định chẳng mâu thuẫn với tông chỉ do đức Phật đã nói trong các kinh Đại Thừa. Đó là một thí dụ.

Tựa đề kinh này được khởi đầu bằng chữ “*Phật Thuyết*”. Thêm vào chữ này, vì kinh do chính miệng đức Phật thuyết, chẳng do bốn hạng người kia nói. Nếu do bốn hạng người kia nói thì tựa đề kinh chẳng thể ghi là Phật Thuyết. Hễ thêm vào chữ Phật Thuyết, nhất định là do chính đức Phật nói. Trong đề mục của kinh có thêm vào hai chữ mở đầu là Phật Thuyết thì có một nguyên tắc: Nhất định phải do chính miệng đức Phật nói ra. Ngoài ra, trong phần Chánh Tông, câu đầu tiên trong phần Chánh Tông do đức Phật nói, thông thường, kinh điển giống như vậy sẽ được thêm hai chữ Phật Thuyết vào đầu tựa đề. Nếu tuy là Phật thuyết, nhưng câu đầu tiên trong phần Chánh Tông chẳng phải do đức Phật nói, [tựa đề] kinh sẽ không mở đầu bằng chữ này. Giống như [tựa đề] các kinh Kim Cang, kinh Diệu Pháp Liên Hoa chẳng bắt đầu bằng chữ Phật Thuyết. Những kinh ấy đều là đức Phật và đệ tử một hỏi, một đáp, nhưng câu đầu tiên chẳng do đức Phật nói. Nếu câu đầu tiên do đức Phật nói, thông thường trong tựa đề của kinh ấy phải ghi thêm chữ Phật Thuyết, khiến cho chúng ta vừa thấy liền biết bản kinh ấy do chính miệng đức Phật nói ra.

Kế tiếp, chúng tôi sẽ giảng vào kinh văn. Được rồi, chúng ta nghỉ mấy phút.

Tập 16

Giảng đường của chúng ta là đạo tràng giảng kinh quanh năm, nên có nhiều chỗ có thể tĩnh lược. Chẳng hạn như kinh chia thành ba phần là Tự, Chánh, Lưu Thông, mỗi bộ kinh đều là như thế, ở đây, cũng có thể chẳng cần nói tới. Chúng ta xem kinh văn, trang tám mươi sáu, hàng thứ hai từ dưới đếm lên:

Như thị.

如是。

Hàng thứ hai đếm từ dưới lên nơi trang tám mươi bảy là:

Ngã văn.

我聞。

Đôi với phần mở đầu kinh này là “*như thị ngã văn*”, trong phần chú giải ở chỗ này có mấy câu rất hay, chúng ta đọc chú giải: “*Như Thị giả, chư pháp Thật Tướng, cổ kim bất dị, danh Như. Như lý nhi thuyết, vi Thị. Quyết định khả tín, cố vân Như Thị*” (Như Thị: Thật Tướng của các pháp xưa nay chẳng khác, nên gọi là Như. Nói đúng như Lý là Thị. Quyết định đáng tin, nên nói là Như Thị). Trong Tự Phần của một bộ kinh, có thể chia thành hai phần, phần trước gọi là Chứng Tín Tự, phần sau là Phát Khởi Tự. Có thể nói là Chứng Tín Tự thì mỗi bộ kinh đều giống nhau, Phát Khởi Tự chẳng vậy. Phát Khởi Tự là mỗi bộ kinh đều có nhân duyên đặc biệt, nhân duyên đặc biệt nhằm nói rõ sự xuất hiện của bộ kinh này, mỗi bộ đều khác nhau. Hai chữ Như Thị bao hàm ý nghĩa hết sức sâu rộng, ở đây chỉ dùng hai câu để giải thích hết sức tinh vi, thỏa đáng, rất khó có. Thật Tướng của các pháp là chân tướng của hết thảy các pháp, chân tướng vĩnh viễn chẳng biến đổi, đó là Như. Đức Phật giảng hết thảy các kinh nhằm giảng rõ cho chúng ta biết chân tướng của hết thảy các pháp. Vì thế, đức Phật nói gì? Phật nói về Như. Nói sâu, nói rộng, chẳng có một pháp nào không Như. Nói dài, nói ngắn, luôn luôn chẳng ra ngoài phạm vi này. Do vậy, đức Phật giảng kinh bèn đúng như Lý mà nói, đó gọi là Thị.

Thật Tướng mà được nói đúng như Lý thì chúng ta chắc chắn có thể tin tưởng, nên trong phần Chứng Tín, đặt hai chữ ấy đầu tiên, gọi là Tín Thành Tự. Đôi với Phật pháp, nếu chúng ta không tin tưởng, sẽ chẳng có cách nào tiếp nhận. Không chỉ là Tịnh Độ Tông nhấn mạnh ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh, mà đối với tất cả hết thảy các kinh luận Đại Tiểu Thừa, nếu quý vị chẳng tin, chắc chắn là sẽ chẳng đạt được thụ dụng. Vì thế, một phần tin tưởng chân thành, sẽ được một phần lợi ích; mười phần tin tưởng chân thành, sẽ được mười phần lợi ích. Phải biết những điều do Phật, Bồ Tát nói chính là Thật Tướng của các pháp, là tướng chân thật của hết thảy các pháp, có mấy ai biết? Nay chúng ta mở kinh điển ra, vẫn cứ phê phán, phê bình, [vận dụng] cách nghĩ, cách nhìn của ta, còn làm gì được nữa? Chẳng có cách nào! Cách nhìn và cách nghĩ của ta đều chẳng phải là

chân tướng của các pháp, nhưng lại sử dụng chúng để phê bình chân tướng của các pháp, hết cách! Kinh Phật thường gọi hạng người ấy là Nhất Xiển Đề (Icchantika). Nhất Xiển Đề dịch sang nghĩa tiếng Hán là “chẳng có thiện căn”, do chẳng thể tiếp nhận giáo huấn của thánh nhân, nên chẳng có thiện căn. Vì thế, phần này là Tín Thành Tựu.

Trong hàng thứ tư nơi trang tám mươi bảy cũng có mấy câu rất hay, chúng ta xem từ câu thứ hai: “*Duy Viên sơ tâm, tức liễu chư pháp nhất nhất trung thật, đương xứ giai Như. Xứng thử nhi đàm, vô phi viết Thị*” (Chỉ có bậc sơ tâm trong Viên Giáo hiểu rõ sự chân thật trong mỗi một pháp, ngay nơi đó đều là Như. Nói tương xứng với điều đó, không sai, nên gọi là Thị). Trong Đại Thừa Phật pháp, khó có nhất là căn tánh viên đốn. Căn tánh viên đốn từ đâu mà có? Đương nhiên là phải nói tới căn bản, tức là nhiều đời nhiều kiếp trong đời quá khứ đã luôn tu học pháp môn này, đời này gặp được kinh luận viên đốn, vừa tiếp xúc liền tâm khai ý giải, tự nhiên sanh tâm hoan hỷ. Đó là thiện căn sâu dày trong đời quá khứ. Đó là nhân tố cơ bản, nhân tố quan trọng nhất. Kế đó, gặp được duyên phận viên đốn, gặp giáo học viên đốn, trải qua một thời gian huân tập khá dài, căn cơ viên đốn hiện tiền; do vậy, có thể tiếp nhận pháp môn này. Tình hình như vậy cũng chẳng ít, mà cũng là khá nhiều. Trong lịch sử Trung Quốc, khá nhiều vị tổ sư đại đức, nói thật ra, sau khi đã nghiên cứu kinh giáo bao nhiêu năm, bèn hoát nhiên khai ngộ, nhập pháp môn này, đó là căn tánh đã chín muồi. Nếu không phải do nguyên nhân này, sẽ khá khó khăn.

Có ai chẳng hy vọng chính mình là căn tánh viên đốn? Có thể có niệm ấy, hễ có ý niệm ấy thì đều là đã có thiện căn trong đời quá khứ. Hiện tại, chúng ta chẳng thể Viên, mà cũng chẳng thể Đốn, thì phải đổ nhiều công sức nơi kinh điển, tăng cường trợ duyên. Có người sau bao nhiêu năm [dốc sức nơi kinh điển], cũng biến thành [căn tánh viên đốn] thật sự, kiến giải và tư tưởng viên dung, chẳng còn chấp trước nữa, chẳng lo mài chuốt đầu sừng trâu nữa³⁰, tư tưởng đã mở rộng. Tâm khai ý giải, viên dung xuyên suốt, đều phải cạy vào sự huân tập bằng kinh giáo Đại Thừa viên đốn. Ở Trung Quốc, những kinh điển phổ biến nhất là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Viên Giác, cũng như kinh Vô Lượng Thọ của Tịnh Tông chúng ta đều thuộc loại đại pháp viên đốn. Bậc sơ tâm trong Viên Giáo đáng quý, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ, chẳng còn hoài nghi, có thể tiếp nhận, dần dần thông hiểu: Hết thấy các pháp, không pháp nào chẳng Như. Pháp nào cũng đều Như, pháp nào cũng đều Thị; tư tưởng và kiến giải hết sức đáng quý. Tuy cách Phật còn rất xa, nhưng đã tương ứng với Phật, đã tiếp cận Phật. Sợ là quý vị chẳng chịu học, chứ càng học sẽ càng tiếp cận, tốc độ tiếp cận lại còn tăng nhanh hơn. Vì thế, hết sức đáng quý. Khó nhất là kẻ nghi ngờ, lo lắng trùng trùng, nghe nói như vậy, bèn: “Ta chẳng cho là đúng, kẻ này thuyết pháp kiểu này, kẻ kia

³⁰ Nguyên văn “*toản ngu ru giác tiêm*” (mài nhọn đầu sừng trâu), đây là một thành ngữ ngụ ý: Tốn công phí sức tìm tòi, nghiên cứu, rốt cuộc chỉ là chuyện thừa thãi, chẳng thể giải quyết vấn đề. Từ ngữ này còn có một ý nghĩa khác là kiến giải hẹp hòi, chẳng thể mở rộng tâm nhìn.

thuyết pháp kiêu nọ”, khó khăn lắm! Người ấy có quá nhiều chứng ngại! Tôi giới thiệu đơn giản [chữ Như Thị] đến đây!

Câu kế tiếp là Ngã Văn. Ngã Văn chính là Văn Thành Tụ, không chỉ là Văn Thành Tụ mà còn biểu thị sư thừa. Giáo học của Phật pháp và Trung Quốc thời cổ đều coi trọng sư thừa. Không chỉ là Nho Gia, Đạo Gia, mà những người có nghề khéo trong xã hội, làm thợ nề, làm thợ mộc trước nay đều có sư thừa. Quý vị theo học với ai? Đều là xuất thân từ thân phận học trò, đều có thầy, thật sự tiếp nhận sự chỉ dạy của thầy. Ý nghĩa này cũng được biểu thị ở đây, câu “*thân thừa hữu tại*” (đích thân hiện diện tiếp nhận) trong lời chú giải chính là nói về sư thừa. Chữ Ta (Ngã) trong kinh là tôn giả A Nan tự xưng. Thuở ấy, đức Phật chỉ có nói kinh; đức Phật nói, chứ chẳng trước tác. Đức Phật chẳng viết một bộ kinh nào để lại cho đời sau, chẳng có, [kinh] là do đức Phật nói. Ai đã biên tập, ghi chép thành văn tự để truyền lại cho đời sau? Đó chính là chuyện của tôn giả A Nan. Vì lẽ đó, Ta là tôn giả A Nan tự xưng. “*Văn*” (聞) là đích thân nghe đức Phật nói, chẳng phải là nghe nói lại, mà là chính mình tự nghe đức Phật giảng. Những lời này đều nhằm làm chứng cho chúng ta, [khiến cho chúng ta] có thể quyết định tin tưởng!

Câu thứ ba là:

Nhất thời.

一時。

Kinh văn mở đầu bằng “*như thị ngã văn, nhất thời Phật tại... (nơi nào)*”, đây là một trong sáu thứ Thành Tụ, nhằm chứng tín với chúng ta. Hai chữ Nhất Thời ở trong trang tám mươi chín, nói đến lúc thuyết kinh. Chúng ta biết: Theo kinh điển ghi chép, tôn giả A Nan đa văn bậc nhất. Những kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng trong bốn mươi chín năm, Ngài được nghe toàn bộ, chẳng sót một bộ nào! Theo như kinh nói, tôn giả trẻ tuổi nhất trong các anh em họ của đức Phật. Anh em họ của Phật có tất cả tám người, xếp theo vai vế, Thích Ca Mâu Ni Phật lớn nhất, A Nan nhỏ nhất. Ngài A Nan hạ sanh nhằm ngày đức Phật thành đạo, đến hai mươi tuổi mới theo Phật xuất gia, làm thị giả của đức Phật. Đức Phật giảng kinh đã hai mươi năm, những kinh đã giảng trước đó, Ngài chẳng nghe, vì sao có thể nói “những kinh đã nói trong bốn mươi chín năm Ngài đều nghe”? Ngài xuất gia, đặt điều kiện cùng Thích Ca Mâu Ni Phật: “Những kinh Ngài đã giảng trong hai mươi năm trước, xin giảng một lần cho con nghe, con mới theo Ngài xuất gia. Nếu Ngài chẳng giảng cho con nghe, con chẳng theo Ngài xuất gia”. Đức Phật đáp ứng, những kinh đã giảng trước kia đều nói lại một lượt. Đồng thời, những kinh nào đức Phật chưa nói, còn có các học trưởng, tức là trong số các bạn học có những người thuộc lớp đàn anh, đã nghe, nên cũng nói lại cho ngài A Nan nghe. Vì thế, đối với các kinh đã giảng trong một đời đức Phật, ngài A Nan nghe viên mãn nhất. Ngài A Nan trí nhớ tốt nhất, gần giống như máy thu âm, sau khi nghe xong một lần, vĩnh viễn chẳng quên. Đó là nghe rộng, nhớ dai, là bậc vô cùng hy hữu trong các đệ tử đức Phật.

Do vậy, sau khi đức Phật diệt độ, các đồng học lo lắng, cả một đời đức Phật giảng kinh điển nhiều như thế, nếu không lưu truyền hậu thế sẽ rất đáng tiếc. Vì thế, thỉnh ngài A Nan thăng tòa, trùng tuyên các kinh do đức Phật đã giảng. Vừa giảng, các đồng học ngồi dưới bèn ghi chép, biên tập, chỉnh lý thành sách. Lần kết tập đầu tiên gồm năm trăm vị A La Hán, năm trăm vị ấy đều là những người đích thân nghe đức Phật thuyết kinh. Nay ngài A Nan thăng tòa trùng tuyên, lặp lại, năm trăm vị A La Hán ai nấy đều gật đầu: “A Nan nói không sai, đức Phật dạy như thế” thì mới có thể ghi lại. Nếu có một vị chẳng đồng ý, câu ấy sẽ không được ghi chép lại. Không như hiện tại, đa số thông qua là được rồi. Khi kết tập kinh Phật, nếu một người cảm thấy có vấn đề, câu ấy sẽ không được ghi chép lại. Nhằm giữ chữ Tín với người đời sau, khiến cho người đời sau nhận thấy kinh điển có tánh chất đáng tin cậy. Nói cách khác, có tánh chất đáng tin cậy một trăm phần trăm, chẳng có chút hoài nghi nào. Vì thế, trong số những vị tham dự kết tập, hề có một vị phản đối là không được. Điều này cho thấy kinh Phật được kết tập nghiêm túc, nghiêm ngặt.

Đức Phật giảng ở chỗ nào? Giảng vào khi nào? Đương nhiên A Nan cũng biết rất rõ ràng. Vì sao không ghi chép đức Phật vào năm nọ, tháng nọ, ngày nọ? Xứ sở được nói rất rõ ràng, chỉ riêng thời gian là mơ hồ, mông lung, chỉ nói là “một thời”? Thuở ban đầu tôi đọc kinh Phật, đối với câu này chẳng phục cho lắm, vì sao chẳng ghi chép rõ ràng? Tuy thấy trong chú giải của cổ nhân cũng có rất nhiều cách giải thích về hai chữ này, nói thuở Phật tại thế, Ấn Độ chưa thống nhất. Chưa thống nhất, họ là dân tộc sống theo bộ lạc, giống như Trung Quốc vào đời Châu, thời nhà Châu chưa thống nhất. Thời Châu, có tám trăm chư hầu, tức là hơn tám trăm quốc gia. Chúng ta đọc Luận Ngữ hoặc đọc Mạnh Tử, [sẽ thấy nói] một đại quốc có kích thước là một trăm dặm. Tức là kích thước một trăm dặm thì là đại quốc, tiểu quốc rộng hai, ba mươi dặm, tức là một thôn làng nhỏ, tù trưởng trong ấy chính là quốc vương, bèn gọi là một nước. Do vậy, ngôn ngữ không thống nhất, văn tự không thống nhất, đo lường cũng không thống nhất, lịch pháp cũng không thống nhất. Còn tại Trung Quốc, đến các đời Hạ, Thương, Châu, lịch pháp đã thống nhất, tuy chư hầu địa vị bình đẳng, nhưng trong số các chư hầu, đề cử một vị đức cao vọng trọng làm lãnh tụ, mọi người dùng lịch pháp của vị ấy, nên việc này được gọi là “*ban chánh sóc*”³¹. Trước kia, do điều gì mà coi là quy phụ (歸附) ta? Quý vị dùng lịch pháp của ta, tức là thuộc quốc của ta. Tại Ấn Độ chẳng giống như vậy! Lịch pháp tại Ấn Độ rất loạn; vì vậy, ghi chép năm, tháng, ngày, giờ đích xác là rất bất tiện. Mỗi tiểu quốc gia đều có lịch pháp khác

³¹ Chánh Sóc (正朔): Chánh có nghĩa là khởi đầu của một năm, Sóc là ngày đầu tiên trong một tháng. Hiểu theo nghĩa hẹp, Chánh Sóc chính là ngày mùng Một tháng Giêng. Để định ra chánh xác ngày này, phải thông qua việc quan trắc thiên văn kỹ lưỡng, chỉ có giới cầm quyền mới có đủ nhân lực và tài lực tiến hành. Việc này được coi là “giao tiếp với thượng thiên để thấu hiểu thiên ý”, nên chỉ có nhà vua mới có quyền ban hành lịch pháp. Cho mãi đến đời Thanh, nếu người nào tự tiện quan sát thiên văn mà không phải là quan chức của Khâm Thiên Giám sẽ bị kết tội phản nghịch.

biệt. Đó là một nguyên nhân. Nguyên nhân này, nói thật ra là nói theo mặt Sự, vẫn y như cũ rất khó khiến cho người khác từng phục.

Cuối cùng, chúng ta xét theo Lý để nói thì sẽ là chánh xác. Nói theo Lý chính là mấy câu cuối trong đoạn chú giải này, trang tám mươi chín, hàng thứ hai đếm từ dưới lên, chúng ta xem từ chỗ đó: “*Dẫn thị chúng sanh cơ thực, Phật ứng thuyết kinh, cơ ứng hợp nhất chi thời, diệt thị Đế Trí hợp nhất thời dã, cố vân nhất thời*” (Chỉ vì căn cơ của chúng sanh chín muồi, Phật phải nên nói kinh. Lúc cơ ứng (cảm và ứng) hợp nhất, cũng chính là lúc Đế và Trí hợp nhất, nên nói là “nhất thời”). Chúng ta thấy cách nói này chẳng có vấn đề, cách nói này hết sức chánh xác. Cơ duyên của chúng sanh chín muồi, đức Phật thuyết pháp lúc đó là vừa khéo. Cơ duyên chín muồi, người ấy có thể tiếp nhận, nghe rồi sẽ khai ngộ, sẽ chứng quả. Duyên chẳng chín muồi, quý vị nói cho người ấy nghe vô ích, dầu người ấy có thể tin tưởng, lý giải, nhưng chẳng chịu tu hành, cảm thấy chuyện này vẫn chẳng cần thiết, duyên chưa chín muồi mà! Vì thế, đây là lúc “*thầy trò đạo hợp, cảm ứng đạo giao*”, chúng sanh có cảm, Phật bèn ứng, cách nói này rất viên mãn. Đồng thời, quan niệm thời gian là giả, chẳng thật, nó là một khái niệm trừu tượng, tuyệt đối chẳng phải là thật thể. Chúng ta ở trên địa cầu nầy sanh quan niệm thời gian vì địa cầu tự xoay quanh nó một vòng, một mặt hướng về mặt trời, mặt kia ngược hướng mặt trời, một ngày một đêm là như vậy đó. Từ quan niệm ấy mà nầy sanh quan niệm thời gian. Nếu chúng ta rời khỏi địa cầu, hiện tượng ấy chẳng còn, quan niệm thời gian cũng chẳng còn. Vì thế, người hiện thời bay lên vũ trụ, thì trong vũ trụ chẳng có quan niệm thời gian.

Đồng thời, trong mỗi tinh cầu, nếu nầy sanh quan niệm giống như quan niệm thời gian [của chúng ta trên địa cầu] thì thời gian sẽ dài ngắn khác nhau. Như mặt trăng tự xoay chuyển quanh nó một vòng thì thời gian ấy bằng với thời gian mặt trăng xoay quanh địa cầu một vòng. Vì thế, một ngày trên mặt trăng trên thực tế là một tháng, tức là một ngày đêm [trên mặt trăng] có độ dài bằng một tháng [trên trái đất]. Tốc độ tự xoay của mỗi tinh cầu cũng khác nhau. Ngay trên địa cầu, trong quan niệm thời gian, chúng ta nói cứ một ban ngày và một ban đêm là một ngày đêm thì thời gian một ngày đêm cũng chẳng giống nhau, vì sao? Quý vị đến Nam Cực hoặc Bắc Cực, nửa năm có mặt trời, nửa năm tối đen, như vậy thì tại Nam Cực và Bắc Cực, một ngày đêm là một năm! Đó là chúng ta ở ngay trên địa cầu, chẳng rời khỏi địa cầu, mà quan niệm thời gian đã khác nhau, chẳng giống nhau. Nếu nhận định ban ngày và ban đêm như vậy thì chênh lệch quá lớn. Hiện thời, do giao thông phát triển, chẳng giống như trước đây. Do giao thông phát triển, trong một thời gian rất ngắn, chúng ta có thể đi khắp địa cầu một vòng. Hiện thời, mọi người đều biết tại mỗi địa phương có thời gian khác nhau, còn có quan niệm thời sai (Jet lag, desynchronosis). Trước đây, chẳng ai biết thời sai là gì, làm sao có chuyện lệch giờ cho được? Hiện thời biết có chuyện lệch giờ, xác thực là có. Nhưng chuyện này cũng chẳng thật, đều nầy sanh từ quan niệm trừu tượng, có chuyện này, nhưng chẳng phải là sự thật, chẳng chân thật.

Vì vậy, nếu nói thật sự, “*nhất thời*” chính là chúng ta và chư Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao, nhất tâm. Nhất là thật, nhất tâm là năng cảm, Nhất Chân là

năng ứng, cảm ứng đạo giao. Vì thế, khi Trí Giả đại sư đọc kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương Bồ Tát, lão nhân gia liền nhập Định. Trong Định, Ngài đến núi Linh Thứu, Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn đang giảng kinh Pháp Hoa tại đó, Ngài còn nghe một buổi. Trở về, xuất Định, bảo mọi người, hội Linh Sơn nay vẫn chưa tan, vẫn chưa giải tán. Chuyện này đã được các khoa học gia hiện thời chứng thực. Nếu có thể ngược dòng thời gian, quá khứ thấy đều tồn tại. Vì lẽ đó, người thật sự đắc Định có thể đến đời quá khứ, cũng có thể tiến nhập đời tương lai. Quá khứ, vị lai người ấy đều biết, có sao biết? Xác thực chẳng giả! Sở dĩ, chúng ta không thấy quá khứ, càng chẳng thấy được tương lai, giống như chúng ta xem phim là nhìn vào màn bạc. [Hình ảnh được chiếu trên] màn bạc là từng cảnh một qua đi, hề cảnh [vừa được chiếu] rất gần thì còn có chút ấn tượng, hề xa thì ấn tượng bèn mơ hồ, còn vị lai thì hoàn toàn chưa biết. Người có công phu định lực chẳng cần nhìn vào màn bạc, họ nhìn vào phim, vừa nhìn vào phim ảnh thì trước sau đều trông thấy, thấy toàn bộ. Tình hình tựa tựa như vậy đó!

Do đó, trong kinh dùng chữ “*nhất thời*” là sống động, hoạt bát. Công phu của chúng ta nếu đạt đến mức độ kha khá thì bất luận pháp hội nào của chư Phật, Bồ Tát, chúng ta đều có cơ duyên tham gia. Nếu nói nhất định là năm, tháng, ngày nào đó, đã qua rồi thì làm sao chúng ta có thể tham gia? Như Trí Giả đại sư tham gia một hội Pháp Hoa tại núi Linh Thứu, Trí Giả đại sư cách Thích Ca Mâu Ni Phật gần như một ngàn năm trăm năm, pháp hội vào một ngàn năm trăm năm trước thì làm sao quý vị có thể tham gia? Có thể tham gia là nhờ vào công phu định lực. Giống như bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ ở trong Thiền Định rất sâu, có thể tham dự pháp hội Hoa Nghiêm của Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì thế, đắc Định thì giới hạn không gian và thời gian bị phá vỡ. Nay chúng ta nói là “không gian bốn chiều”. Không gian bốn chiều là do kể thêm thời gian. Dùng điều này bèn có thể giải thích Phật pháp, rốt cuộc Phật pháp là không gian mấy chiều? Vô hạn chiều! Chúng ta thấy điều này chẳng thể nghĩ bàn!

Chữ kế tiếp là:

Phật.

佛。

Phật là người thuyết pháp, nên đề mục của phần này là Minh Hóa Chủ (nói về người giáo hóa) trong trang chín mươi. Minh (明) là nói rõ vị chủ trì việc giáo hóa, tức là thầy. Ở đây, chữ Phật chỉ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong phần trước, đã thưa rõ cùng chư vị: Đức hiệu của Phật chính là mục tiêu và tông chỉ giáo học. Chư Phật, Bồ Tát đều chẳng có danh hiệu. Danh hiệu vì căn cơ của chúng sanh mà kiến lập, chẳng phải do chính mình nghĩ nên đặt tên là gì, mà vì căn cơ của chúng sanh. Từ chỗ này, chúng ta khẳng định, nhận thức: Phật giáo tuyệt đối chẳng phải là tôn giáo. Phật Giáo là nền giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta gọi Thích Ca Mâu Ni Phật là Bổn Sư. Bổn Sư là vị thầy căn bản, là vị thầy sáng lập giáo, là vị thầy khởi xướng giáo dục. Giống như người đọc sách thuở xưa tại Trung Quốc tôn xưng Khổng lão phu tử là Đại Thành Chí Thánh

Tiên Sư (大成至聖先師). Nói tới Tiên Sư tức là nói tới Khổng lão phu tử. Tiếp nhận sự giáo dục của đức Phật, chúng ta gọi Thích Ca Mâu Ni Phật là Bôn Sư, chúng ta xưng là đệ tử, đệ tử là học trò. Vì thế, mối quan hệ giữa chúng ta và Thích Ca Mâu Ni Phật là quan hệ thầy trò, phải hiểu rõ điều này. Tất cả các vị Bồ Tát là lớp đàn anh của chúng ta, Bồ Tát đều là học trò của Phật, là học trò khóa đầu. Chúng ta là học trò lớp sau. Chúng ta và các vị Bồ Tát là bạn học khóa trước khóa sau, cùng một thầy, phải hiểu rõ mối quan hệ này!

Nay chúng ta thấy người xuất gia bèn gọi họ là Hòa Thượng, nói thật ra, [xưng hô như thế] rất cung kính, nhưng là cung kính quá lố, đã gọi sai rồi! Danh xưng Hòa Thượng chớ nên gọi tùy tiện, thông thường gọi là Pháp Sư thì được. Hòa Thượng (Upādhyāya) là gì? Vị thầy trực tiếp chỉ dạy chúng ta bèn gọi là Hòa Thượng. Hòa Thượng là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán, sẽ giống như vị “*chỉ đạo giáo thụ*” (giáo sư hướng dẫn) trong trường Đại Học hiện thời. Ngài có quan hệ hết sức chặt chẽ với ta, thật sự phụ trách nhiệm vụ dạy bảo chúng ta thì ta mới gọi Ngài là Hòa Thượng. Giống như trong một ngôi trường, trong trường học có rất nhiều thầy, mấy trăm vị thầy, nhưng người mà ta thật sự theo học chỉ có mấy vị. Nhưng những vị khác đều là thầy trong nhà trường, chúng ta đều phải tôn trọng họ, còn vị thầy trực tiếp dạy bảo thì khác. Vì thế, xưng hô trong Phật môn có Hòa Thượng, có A Xà Lê. Hòa Thượng là người trực tiếp dạy bảo, chỉ dạy chúng ta, đảm nhiệm việc dạy dỗ. Trước kia, một ngôi chùa là một trường học, tức ngôi trường Phật giáo, Hòa Thượng giống như Hiệu Trưởng hiện thời, vị ấy chịu trách nhiệm toàn thể việc giáo dục [trong nhà trường]. A Xà Lê (Ācārya) giống như giáo viên, giáo viên là người chấp hành nhiệm vụ dạy học. Quy hoạch, thiết kế, ấn định phương châm giáo học là do vị hiệu trưởng, ai dạy quý vị? Hiệu trưởng dạy! Những người khác giúp đỡ hiệu trưởng, chấp hành kế hoạch giáo dục của vị ấy mà thôi. Vì thế, Hòa Thượng chỉ có một, không có nhiều như vậy. Nay chúng ta thấy những người cạo đầu đều kêu là hòa thượng, như vậy là không đúng! Đó là kiến thức Phật học thông thường chúng ta phải biết. Nhìn từ cách xưng hô này, ta thấy trong tôn giáo không có kiểu xưng hô ấy, chẳng có quan hệ ấy, Phật giáo đích xác là giáo dục, là giáo học. Chúng ta phải nhận biết rõ rệt thì mới có thể thật sự đạt được lợi ích nơi Phật pháp.

Ở đây, Phật là Chủ Thành Tựu. Trong pháp hội này, vị giảng kinh, thuyết pháp, giáo học là Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng chính là vị mà nay ta gọi là “người chủ giảng”.

Tại Vương Xá thành Kỳ Xà Quật sơn trung.

在王舍城耆闍崛山中。

(Tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật).

Đây là xứ sở. Kinh thường dùng chữ Tại (在), chẳng dùng chữ Trụ (住). Trụ và Tại có sai biệt. Ở đây, phần chú giải giảng: “*Tạm thời viết Tại, cửu đình viết Trụ*” (Tạm thời thì là Tại, dừng lại lâu ở nơi nào thì gọi là Trụ). Kinh Phật luôn nói đức Phật ở tại một nơi nào đó, chẳng nói đức Phật trụ tại chỗ nào đó.

Nếu nói đức Phật trụ thì chẳng thể nói là xuất gia. Vì sao? Trụ thì nhất định có nhà. Nhà quý vị trụ ở chỗ nào? Ngài xuất gia, chẳng có nhà, không có chỗ nào là nhà để trụ. Không có chỗ trụ, nay quý vị ở chỗ nào? Tại và Trụ sai khác, chẳng giống nhau. Hễ xuất gia thì tận hư không khắp pháp giới đều là nhà của chúng ta, ngôi nhà ấy quá lớn. Vì thế, khi ấy, chẳng thể nói là Trụ, quý vị ở tại chỗ nào? Xưa kia, hoàng đế lấy cả nước làm một nhà, quốc gia: Quốc là nhà của vua. Hoàng đế ở chỗ nào đó, không nói là Trụ, mà gọi là “hành tại” (行在), [ngụ ý] nay vua đang đi đến nơi nào; vì sao? Vua chẳng rời khỏi nhà. Ví như nói quý vị đang ở trong nhà, từ phòng này sang phòng khác, quý vị trụ ở chỗ nào? Chẳng thể nói là Trụ, [mà phải nói là] quý vị đang ở tại nơi đâu? Tôi ở trong phòng, tôi ở tại phòng khách, tôi ở trong bếp, dùng chữ Tại, chẳng thể nói tôi trụ phòng khách, tôi trụ trong bếp, chẳng thể nói theo kiểu đó. Hoàng đế lấy cả nước làm nhà, sẽ chẳng thể nói trụ trong địa phương nào, mà nói là ở tại địa phương nào. Phật coi tận hư không khắp pháp giới là nhà, đương nhiên càng chẳng thể nói “trụ ở nơi đâu”. Chúng ta phải biết ý nghĩa được bao hàm trong các văn tự này. Phải biết đức Phật giảng kinh này tại núi Linh Thứu, chỗ này chúng tôi cũng không cần phải nói nhiều, phần chú giải cũng giảng rất rõ ràng.

Cuối phần chú giải có mấy câu, chúng ta đọc một lượt, những câu ấy rất đáng cho chúng ta tham khảo. Xem trang chín mươi hai, xem từ câu thứ hai nơi dòng thứ năm đếm từ dưới lên: “*Phàm thánh các các hữu năng trụ chi pháp*” (Phàm thánh mỗi vị đều có pháp để có thể trụ). Đây là nói tới Tại và Trụ. Đối với phàm phu và thánh nhân, Trụ là tâm quý vị an trụ ở nơi đâu? Tâm quý vị trụ ở chỗ nào? “*Thả như tỳ-kheo tu Giới, Định, Huệ, nãi dĩ Thiên, Phạm, Thánh Trụ, trụ ư phòng xá. Nhược phá giới, tắc dĩ địa ngục, súc sanh, trụ ư phòng xá*” (Lại như tỳ-kheo tu Giới, Định, Huệ, bèn dùng Thiên Trụ, Phạm Trụ, Thánh Trụ để làm phòng nhà mà trụ. Nếu phá giới, bèn dùng địa ngục, súc sanh để làm phòng nhà mà trụ). “*Phòng xá*” ở đây là nói tỷ dụ, chẳng phải là thật. Ở đây, chúng ta phải lưu ý, phải kiểm điểm, phải phản tỉnh, rốt cuộc tâm chúng ta đang trụ ở nơi đâu? Nói “*trụ ở nơi đâu*”, tức là tâm quý vị thường ghi nhớ, vương vấn điều gì thì tâm quý vị trụ ở nơi đó. Nếu tâm quý vị niệm niệm đều là Giới, Định, Huệ, tốt lắm! Quý vị trụ trong Phật pháp. Siêng tu Giới, Định, Huệ, đoạn diệt tham, sân, si, tốt lắm! Nếu tâm quý vị niệm niệm đều là tham, sân, si, vậy là quý vị trụ nơi tham, sân, si. Trụ trong Giới, Định, Huệ, quả báo là người, trời. Nếu trong tâm suốt ngày từ sáng đến tối đều nghĩ đến tham, sân, si, quả báo là trong tam đồ, tức là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tâm quý vị tưởng gì, liền biến thành thứ đó. Sức tưởng càng mạnh thì chuyển biến càng mau! “*Như năng tu Nhất Tâm Tam Quán, tắc sở trụ xứ tức Không, Giả, Trung, khởi phi Lăng Nghiêm vi năng trụ pháp*” (Nếu có thể tu Nhất Tâm Tam Quán thì nơi để trụ chính là Không, Giả, Trung, há chẳng phải là pháp để trụ trong Lăng Nghiêm ư). Đây là nói tới Đại Thừa Bồ Tát trụ, trụ trong Tam Chỉ Tam Quán, còn trời, người, Tiểu Thừa trụ trong Giới, Định, Huệ. “*Sơ tâm thượng nhĩ, như hà Quả Phật? Duy luận thân trụ, suy chi, nhược ngã sài năng tinh trì Phật hiệu, chuyên tu tịnh nghiệp, đương xứ vô phi Cực Lạc Tịnh Độ hĩ*” (Sơ tâm mà còn như thế, huống hồ vị Phật đã chứng quả giác? Chỉ

luận về thân trụ, suy ra, nếu bọn ta có thể trì Phật hiệu chuyên ròng, chuyên tu tịnh nghiệp, ở ngay nơi đây thì không đâu chẳng phải là Cực Lạc Tịnh Độ vậy). Câu cuối cùng quan trọng. Hiểu đạo lý ấy, trong tâm chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối nhớ Phật, niệm Phật, chúng ta trụ ở nơi đâu? Chúng ta trụ trong thế giới Cực Lạc. Một người tuy chưa đến thế giới Cực Lạc, nhưng tâm đã trụ trong thế giới Cực Lạc; do tâm đã trụ trong thế giới Cực Lạc, lẽ nào chẳng sanh về thế giới Cực Lạc? Điều này rất quan trọng! Vì lẽ đó, ngàn vạn phần đừng vương mắc hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian.

Chính tôi trong mười năm gần đây, nói thật ra, thường rong ruổi bên ngoài, đối với sự tu học của chính mình có lợi ích rất lớn, lợi ích ở chỗ nào? Không có trụ xứ! Ở chỗ này hai tháng, lại vội vàng thu thập hành lý để ra đi. Ở Đài Loan lâu nhất là hai tháng, ở lâu nhất hai tháng lại ra đi, chẳng có trụ xứ. Ở Mỹ, chúng tôi thường đi mười mấy nơi để giảng kinh, đi khắp Đông, Nam, Tây, Bắc nước Mỹ. Ở Mỹ, chúng ta có mười một Tịnh Tông Học Hội, tại mỗi hội, tôi đều phải đến đó, giảng pháp môn Tịnh Độ cho họ. Hiện thời, có quá nhiều chỗ, nếu nói mỗi chỗ đều phải đến giảng một lần mỗi năm, bình quân mỗi chỗ ở lại mười ngày thì một năm ba trăm sáu mươi ngày chẳng đủ! Vì thế, hiện thời có rất nhiều nơi, ba năm mới đến phiên giảng một lần, đến ở đó một tháng, mỗi chỗ ở một tháng, cứ ba năm đến lượt tới đó một lần. Trong mười mấy năm ấy, quan niệm về Trụ chẳng có, quan niệm Nhà cũng không có, nhà ở chỗ nào? Chẳng có! Sau hai hôm lại phải đi rồi, đều là đang du hành. Vì thế, đến thế giới Sa Bà để du hành. Quê nhà ở nơi đâu? Quê nhà bên thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc vẫn chưa phải là quê nhà. Vì sao? Đã tới thế giới Cực Lạc, lại du hành đến mười phương thế giới, vĩnh viễn chẳng trụ, vĩnh viễn chẳng có trụ xứ. Đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, xác thực là trong tận hư không khắp pháp giới du hành không ngừng, xóa sạch quan niệm về Trụ. Quan niệm ấy là phiền não, chấp trước một nơi: Nơi này là nhà của ta, nầy sanh cảm tình đối với nó, nầy sanh tham luyến, đều gây trở ngại rất lớn đối với sự giải thoát của quý vị. Mỗi ngày đều du hành bên ngoài, quả thật có lợi ích rất to. Điều quan trọng nhất là tâm địa an trụ, trong mười hai thời, chẳng lìa khỏi danh hiệu, thời thời khắc khắc nghĩ tới y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương. Đó là điều tốt đẹp.

Lại xem câu kế tiếp là Chúng Thành Tựu trong trang chín mươi lăm.

Dữ đại tỳ-kheo chúng.

與大比丘眾。

(Cùng với các vị đại tỳ-kheo).

Tôi chẳng cần giải thích núi Linh Thứu. Thành Vương Xá lẫn núi Linh Thứu đều chẳng cần giải thích. Trong trang chín mươi lăm, đối với câu “*dữ đại tỳ-kheo chúng*”, chúng ta xem phần giải thích. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý đoạn này, nghiêm túc học tập. “*Dữ giả, cộng nghĩa*” (Dữ có nghĩa là cùng), cùng ở chung với mọi người. “*Nhất xứ*”, đây là xứ sở, cùng một nơi chốn. “*Nhất thời*” là cùng một thời gian, chẳng phải là trước sau sai biệt, mà là cùng một thời gian.

“*Nhất tâm, nhất giới*”, nhất tâm là kiến hòa đồng giải, mọi người trong đạo tràng này cùng nhau tu tập một pháp môn. Ví như đạo tràng này tu pháp môn Niệm Phật, chúng ta căn cứ vào kinh Vô Lượng Thọ. Tuy Tịnh Độ là năm kinh một luận, nếu ở chỗ này, chúng tôi căn cứ trên kinh Vô Lượng Thọ, kẻ khác y cứ kinh Quán Vô Lượng Thọ, sẽ thành tranh cãi, cùng là pháp môn Tịnh Độ mà cũng không xong! Tịnh Độ năm kinh một luận, do có sáu bộ kinh luận, sẽ mở thành sáu đạo tràng, sáu đạo tràng ấy chẳng thể cùng gộp lại. Hễ gộp chung lại sẽ tranh cãi, vì sao? Kiến giải khác nhau, sẽ có tranh luận. Quyết định là nương theo một bộ, kiến giải mới giống nhau, mọi người chẳng bàn ra tán vào, cùng nhau đều phải tuân thủ. Cho nên, cùng là tu Tịnh Độ đạo tràng, đạo tràng này của tôi nương vào kinh Vô Lượng Thọ, đạo tràng của người khác nương vào kinh A Di Đà, đạo tràng nọ nương theo kinh Quán Vô Lượng Thọ, có thể được, đều có thể thành tựu. Thành tựu chẳng có cao thấp, quyết định là bình đẳng, nhưng chẳng thể hợp lại cùng một chỗ. Hễ hợp lại, chắc chắn có rắc rối! Nếu người này niệm Phật, người kia tham Thiên, người nọ niệm chú, phiền phức còn lớn hơn nữa, chắc chắn là chẳng thể thành tựu. Chư vị đồng tu phải biết điều này!

Trung Quốc từ xưa tới nay, mỗi đạo tràng đều có học phong và đạo phong của đạo tràng ấy, nên họ đều có thành tựu. Học phong là kinh luận để căn cứ, đạo phong là phương pháp tu hành, ắt phải là hoàn toàn giống nhau thì mới thật sự là chí đồng đạo hợp, mới là “hào đồng tham”, tức là đồng tham đạo hữu tốt đẹp. Nay đối với hoàn cảnh tu học, khó nhất là tìm không ra một nơi chôn như vậy, chính mình mong tìm được một đạo tràng tu học chẳng dễ dàng tìm được. Tuy có nhiều đạo tràng, nhưng nếu nói đến đạo phong và học phong thì đều không có. Hiện tại có nhiều đạo tràng, chúng ta thấy rất nhiều người trụ, nhưng mạnh ai nấy tu, mọi người cùng tu là khi nào? Là hai thời công khóa sớm tối. Hai thời công khóa qua quít, không quan tâm, nói thật ra, hầu như chẳng có mấy may gì liên quan đến sự tu học! Vì thế, trong đạo tràng có lắm ý kiến, thậm chí rất nhiều phe phái! Mấy người một phái, lôi kéo mấy tín đồ theo phe của họ, đôi bên tranh chấp với nhau, kèn cựa lẫn nhau, đấu tranh kiên cố! Chỗ như vậy chẳng gọi là đạo tràng! Nếu gọi là đạo tràng, đấu qua đấu lại đều là ba ác đạo, [nơi đó] là đạo tràng tu ba ác đạo, chẳng phải là đạo tràng của Phật, Bồ Tát. Tu gì ở nơi đó? Tu tham, sân, si, quả báo trong tương lai là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, lầm lẫn đặc biệt to tát!

Nhất tâm, nhất giới, giới là quy luật sinh hoạt, thầy đều phải tuân thủ quy phạm sinh hoạt. “*Nhất đạo, nhất kiến, nhất giải thoát*” (Cùng một đạo, một kiến giải, một vị giải thoát), đó là nói đến phương pháp. Kiến là lý luận; lý luận, kiến giải, giải thoát là tự tại. Chữ “*đẳng*” có nghĩa là còn nhiều nữa, chỉ nêu đại lược mấy thứ. “*Giai nhất*” (Đều là một), thầy đều phải tuân thủ. “*Có danh Cộng dã*” (Nên gọi là Cùng), như vậy thì mới gọi là Cộng. Đức Phật chế định giới điều cơ bản cho chúng ta, giới điều cơ bản để đại chúng cùng ở chung với nhau là Lục Hòa Kính. Ngũ Giới, Thập Giới, Sa Di Giới, Tỳ Kheo Giới do chính mình tuân thủ, chẳng phải là đòi hỏi mọi người phải tuân thủ, mà là bản thân mỗi cá nhân phải dùng những giới điều ấy để ràng buộc (kiềm chế) chính mình. Giới điều cơ

bản đề đại chúng ở chung với nhau là Lục Hòa Kính. Bốn người cùng tu với nhau, từ bốn người trở lên, có thể tu Lục Hòa Kính, bèn gọi là Tăng Đoàn. Vì thế, Tăng đoàn là đoàn thể cộng trụ của đệ tử Phật. Đoàn thể như vậy, mười phương chư Phật hộ niệm, hết thầy long thiên hộ pháp quý thần đều ủng hộ. Vì sao? Đó là đạo tràng danh phù hợp thật, là đạo tràng của Phật, Bồ Tát, chí tôn, chí quý, tốt bậc tôn quý trong hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian. Vì thế, tội lỗi phá hoại Tăng đoàn ấy là A Tỳ địa ngục.

Nhưng trong hiện tại, hai người ở chung, ý kiến cũng khác nhau. Bốn người ở chung với nhau, ý kiến, kiến giải giống nhau, tôi học Phật nhiều năm như vậy mà chưa hề thấy. Trung Quốc, ngoại quốc cho mãi tới bây giờ chưa hề thấy. Chẳng có Tăng đoàn Lục Hòa Kính, đáng chán quá! Nói thật thà, nếu Đài Loan xuất hiện một Tăng đoàn Lục Hòa Kính, đảo báu này có phước, vì sao? Chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên hộ trì, cuộc đất này chắc chắn chẳng gặp nạn. Vì sao chẳng thể tu Lục Hòa Kính? Do không chịu buông lợi ích của chính mình xuống, vì tự tư tự lợi, chẳng có cách nào nữa! Tìm được bốn người thật sự có thể buông tự tư tự lợi xuống, chúng ta vì hai ngàn vạn đồng bào cầu phước, chẳng có ai phát tâm như vậy, thế mà vẫn nói “*phát Bồ Đề tâm, chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”. Độ ngoài miệng, trong tâm chẳng độ! Khó lắm! Thật sự là khó, mấy ai chịu phát tâm? Do đó, Lục Hòa Kính là giới điều cơ bản. Đệ tử thật sự của Phật mà chẳng thể giữ Lục Hòa Kính, nói thật thà, sẽ chẳng phải là đệ tử Phật. Tự xưng là đệ tử Phật, quý vị tự xưng, Phật, Bồ Tát chẳng thừa nhận, long thiên quý thần cũng chẳng thừa nhận. Chúng ta phải đặc biệt chú ý chuyện này.

Trong Lục Hòa Kính, quan trọng nhất là hai điều đầu tiên. Điều thứ nhất là kiến giải, tư tưởng phải giống nhau, thật sự là chí đồng đạo hợp. Thứ hai là Giới Hòa Đồng Tu, tức là cuộc sống có trật tự, có khuôn khổ. Mọi người ở chung với nhau phải có quy củ. Quy củ ấy có thể do chính mình ước định, Phật môn gọi [quy củ ấy] là Thanh Quy. Thanh Quy là giới luật hiện đại hóa, là giới luật được bản địa hóa, trong lúc này, tại cơ sở, nơi chốn của chúng ta, sống trong hoàn cảnh này, chúng ta hãy nên thực hiện như thế nào? Bản địa hóa tinh thần và nguyên tắc do đức Phật đã dạy, chính là đối với chi tiết thực hiện như thế nào thì chúng ta có thể tu chỉnh, ước định, sau khi đã tu chỉnh xong, mọi người phải tuân thủ. Vì vậy, mỗi tự miếu có quy củ của riêng tự miếu ấy. “*Thường trụ công ước*” thì phải là bản địa hóa, hiện đại hóa Thanh Quy, nhưng đều tuân thủ tinh thần giới luật.

“*Thân đồng trụ*”: Đồng trụ thì mỗi người một liêu phòng chẳng gọi là đồng trụ. Mỗi người một căn phòng chẳng gọi là đồng trụ. Đồng trụ là gì? Giống như phòng ngủ tập thể trong quân đội, đó là đồng trụ. Mỗi người ngủ một phòng, tu hành rất khó thành tựu, vì sao? Phiền não tập khí của chúng ta hết sức nặng, lúc đông người, sẽ thấy chúng ta rất quy củ, ngon lành lắm! Nhưng khi chẳng ai nhìn tới, sẽ buông lung, tật xấu lộ ra hết, đâu có ai thấy! Tôi ngủ chung một phòng tập thể, vẫn là thấy rõ môn một, quý vị ngủ nghề cũng giữ đúng quy củ, thật thà, chẳng thể loạn động, nên có thể thu được hiệu quả. Vì thế, quân đội nhất định phải ngủ trong phòng ngủ tập thể. Chẳng ngủ trong phòng tập thể, sẽ tạo phản.

Trong quân đội, cứ một ban là một đơn vị, mười mấy người ngủ chung một phòng tập thể, do ban trưởng cầm đầu, họ sẽ chẳng thể tạo phản. Học trò, giống như chúng tôi đi học trước đây, trong thời Kháng Chiến chúng tôi đều ngủ trong phòng tập thể, do một thầy cai quản, dễ cai quản. Mỗi người một phòng thì có thể quậy phá. Người xuất gia cũng là như thế, mỗi người một phòng tuyệt đối sẽ chẳng thể tu đạo thành tựu, trước mặt người khác là một kiêu, sau lưng lại là một kiêu khác! Vì thế, đạo tràng tại Đại Lục xưa kia đều là phòng ngủ tập thể, chẳng ngăn thành phòng riêng. Ngăn thành phòng riêng dành cho người tu hành đã lâu, từ sáu mươi tuổi trở lên, hành động chậm chạp, động tác khá chậm, không theo kịp đại chúng, người như vậy có thể ngủ một phòng riêng. Còn có các chấp sự về hưu, đã phục vụ thường trụ rất nhiều năm, như các vị Phương Trượng, Trụ Trì, Đương Gia Sư, Tri Khách Sư, do phải có trách nhiệm nên họ có phòng riêng. Thanh chúng (đại chúng thanh tu) đều phải ngủ trong phòng tập thể. Thanh chúng là người tu hành chân chánh. Đồng Trụ có ý nghĩa này. Nếu chẳng hiểu rõ ràng, sẽ thường làm sai. Hiện thời, chùa miếu có tiền, xây thật lớn, trong đó có rất nhiều liêu phòng, mỗi phòng đều có phòng vệ sinh riêng, có phòng phụ, mỗi người ở một căn, mong vãng sanh rất khó, rất không dễ dàng! Nếu muốn đắc Định, khó lắm! Thành tựu tam-muội rất khó khăn, tôi nói thật đấy! Cuộc sống như vậy mà có thể thành tựu thì chính là Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là lũ phàm phu chúng ta mà hòng tu thành, phải là Phật, Bồ Tát tái lai.

“*Khẩu vô tránh*”, mọi người ở chung với nhau quyết định chẳng tranh cãi. “*Ý đồng duyệt*”, pháp hỷ sung mãn. “*Lợi đồng quân*”, tứ sự cúng dường mọi người đều bình đẳng, rất khó thực hiện. A! Chúng ta tan học!

Tập 17

Xin mở kinh bốn, trang chín mươi tám, hàng thứ hai đếm từ dưới lên.

Thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.

千二百五十人俱。

(Một ngàn hai trăm năm mươi người nhóm họp).

Đây là Chúng Thành Tựu. Trong phần trước đã giới thiệu thời gian, xứ sở, và vị chủ giảng của pháp hội này; ở đây, giới thiệu thính chúng. Một ngàn hai trăm năm mươi người ở đây là các vị đệ tử thường theo hầu đức Thế Tôn, gần như suốt đời chẳng rời khỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, nên trong phần đầu mỗi bộ kinh đều nêu tên các Ngài. Do đâu mà có một ngàn hai trăm năm mươi người này, trong chú giải đã nói rõ, chẳng cần giới thiệu nhiều³². Những vị này là Thanh Văn Chúng, cũng được gọi là Tiểu Thừa đệ tử. Dưới đây là Bồ Tát Chúng:

Bồ Tát tam vạn nhị thiên nhân. Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử nhi vi thượng thủ.

菩薩三萬二千人。文殊師利法王子而為上首。

(Bồ Tát ba vạn hai ngàn người, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử làm Thượng Thủ).

Ở đây, có chữ [bị in] sai. [Chữ Vương (王) trong từ ngữ] “*pháp vương tử*” bị viết thành Ngũ (五), tức là Pháp Ngũ Tử. Chữ Ngũ ấy phải là chữ Vương, Pháp Vương Tử!

Thanh Văn Chúng nhất định là người xuất gia, một ngàn hai trăm năm mươi người ấy là hàng xuất gia. Bồ Tát Chúng không nhất định xuất gia, chúng tại gia cũng rất nhiều. Như bốn vị đại Bồ Tát thị hiện tại Trung Hoa, chỉ có Địa Tạng Bồ Tát thị hiện tướng xuất gia, những vị khác như Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền đều hiện tướng tại gia. Do vậy, trong chúng Bồ Tát, hàng tại gia đông đảo. Thượng Thủ trong chúng Bồ Tát là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tượng trưng trí huệ bậc nhất. Trong kinh này, không liệt kê Thượng Thủ của hàng Thanh Văn, chỉ có trong hàng Bồ Tát là liệt kê một vị Thượng Thủ; đó là vì nhân duyên phát khởi của bộ kinh này vô cùng đặc thù.

³² Phần chú giải của pháp sư Đệ Nhàn cũng rất sơ lược. Chúng tôi xin trích dẫn như sau: “Một ngàn hai trăm năm mươi người là nêu ra con số. Ba anh em ngài Ca Diếp có một ngàn đệ tử. Ưu Lâu: Cõi này dịch là Mộc Qua Lâm (rừng đu đủ). Già Da, cõi này dịch là Thành. Na Đề, cõi này dịch là Giang (sông). Xá Lợi Phất là tên, dịch nghĩa là Châu Tử, cũng dịch là Thân Tử, họ Câu Lật Đà. Mục Kiền Liên là họ, dịch là Tán Tụng, còn dịch là Thái Phục Căn, hoặc dịch là Hồ Đậu. Hai vị này có tất cả hai trăm năm mươi người [đệ tử]. Các vị Ca Diếp, Xá Lợi Phất v.v... trước kia thờ lửa, từ tà vào chánh, gian khổ đã nhiều năm, chẳng có thành tựu gì. Vừa được gặp Phật, liền đắc quả bậc thượng, cảm ơn sâu của Phật, thường theo hầu đức Phật, làm đại chúng cùng nghe pháp”.

Phần Thông Tự được giới thiệu tới đây, kế tiếp là Biệt Tự, tức là Phát Khởi Tự. Chúng ta xem trang một trăm, hàng thứ nhất. Trong Phát Khởi Tự có hai đoạn, đoạn thứ nhất là Đối Biện Bất Đồng (biện định về sự khác biệt). Trong phần Đối Biện Bất Đồng, lại chia thành hai đoạn ngắn. Đoạn thứ nhất là Phiếm Cử Sai Biệt (nêu chung sự sai biệt), đoạn thứ hai là Chánh Hiển Kim Kinh (nêu rõ điều sai biệt trong kinh này). Phát Khởi là nói tới nhân duyên của bộ kinh này. Gần như Thông Tự của tất cả hết thấy các kinh đại khái giống nhau, nhưng Phát Khởi Tự thì mỗi hội mỗi khác, đều có nhân duyên đặc thù.

Chúng ta xem nhân duyên của bản kinh này trong đoạn thứ hai của trang này, tức đoạn Chánh Hiển Kim Kinh. “*Kim kinh chánh dĩ sát phụ, dĩ vi Phát Khởi*” (Kinh này chánh yếu dùng chuyện [vua A Xà Thế] giết cha để làm nhân duyên phát khởi); do đó, sự phát khởi này hết sức đặc thù: Vua A Xà Thế giết cha, hại mẹ, nhân duyên phát khởi từ chỗ này. “*Hà cố cử thử nghịch sự vi phát khởi da? Vị chương thử giới cực ác, linh nhân yếm khí. Thân sở sanh tử, do thượng nguy hại, tức dục linh nhân đồng hân Tịnh Độ*” (Vì cố sao nêu lên chuyện ác nghịch này để làm nhân duyên phát khởi? Nhằm tỏ rõ thế giới này ác độc đến mức cùng cực, khiến cho người ta chán bỏ. Con ruột do chính mình sanh ra mà còn hãm hại ta, nhằm muốn làm cho mọi người cùng ưa thích Tịnh Độ). Đây là ý nghĩa được bao hàm trong việc phát khởi. Nói thật ra, vào thời cổ đã có chuyện ác nghịch kiêu này, từ xưa đến nay đều có, nhưng luôn là số ít. Trong xã hội cận đại, chúng ta thấy chuyện bất hiếu, ngõ nghịch quá nhiều, nhiều đến nỗi không đáng coi là tin tức để đăng tải, chỗ nào cũng đều có.

Vào thời cổ, trong quá khứ, thầy Lý có kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện, chẳng biết vào triều đại nào, tôi cũng chẳng nhớ. Khi ấy, thầy nói rất rõ ràng, nhưng do thời gian đã quá lâu nên ký ức rất mơ hồ. Thầy nói: Vào thời cổ, có một nơi, đứa con bất hiếu, giết cha. Đây là một chuyện lớn, nên quan lại địa phương trình tâu lên triều đình, vua hạ lệnh ghi lỗi to cho [tỉnh trưởng] tỉnh ấy, [quan đứng đầu tỉnh ấy] tương đương tỉnh trưởng hiện thời, huyện trưởng bị xử phạt cách chức, cố sao huyện của người nầy sanh một gã bất hiếu dường ấy? Không chỉ huyện trưởng bị phạt cách chức, mà huyện lỵ xưa kia đều có tường thành, thành tường bị vạt mất một góc, [tức là] hoàng đế hạ lệnh phá bỏ một góc tường thành. Điều này biểu thị ý nghĩa: Nơi các người nầy sanh một kẻ xấu xa dường ấy, tức là toàn thể nơi ấy bị mang nhục! Trước kia, coi chuyện trái nghịch luân thường nghiêm trọng ngàn ấy! Chẳng như hiện tại, nay thì thậm chí phát sanh chuyện như vậy, báo chí chẳng muốn đăng tải, quá nhiều! Báo đăng chẳng xiết! Trước kia ít, hiện tại nhiều. Vào thời xưa, nếu con cái bất hiếu, cha mẹ thỉnh cầu quan phủ trị tội, chỉ cần cáo trạng, chánh quyền chẳng tra xét mà trị tội ngay. Cha mẹ yêu thương con cái, chẳng bỏ sót một điều nhỏ nhặt nào, [thế mà] cha mẹ chẳng cần đến đứa con ấy nữa, nó sẽ chẳng thể sống yên ổn trong xã hội. Vào thời đầu Dân Quốc, pháp luật còn có điều lệ xử trí về thân quyền. “*Thân quyền*” (親權) là quyền cha mẹ; cha mẹ nói con cái bất hiếu, bẩm báo lên quan huyện vùng đó, xin quan huyện hành quyết đứa con. Chẳng cần thẩm vấn, lập tức lôi đi hành hình. Vì thế, thuở đó, con cái chẳng dám bất hiếu với cha mẹ. Hình như là

điều luật này bị phế trừ vào năm Dân Quốc hai mươi mốt. Trong quá khứ, [xã hội và chánh quyền] coi chuyện này rất nặng!

Con ruột do chính mình đẻ ra mà phạm tội đại nghịch bất đạo ấy, có thể thấy thế giới này xác thực là “*ngũ trước ác thế*” như Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói. [Chuyện A Xà Thế] khiến cho chúng ta chẳng có tâm lý lưu luyến thế giới này, vì nó khiến cho người ta ghét bỏ, chẳng mong trụ trong thế giới này, sẽ hướng về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới tuyệt đối không có những chuyện ác ấy. Không chỉ là chẳng có ác sự, mà tên gọi của những chuyện ác đều chẳng nghe thấy, há còn có chuyện ác? Cõi ấy là một xứ sở thù thắng tốt đẹp dường ấy, vì sao chúng ta không đến đó? Có gì phải lưu lại nơi này để chịu tội? Đấy chính là đại ý của việc dùng nghịch hạnh (hành vi ngỗ nghịch) của vua A Xà Thế để phát khởi. Nhân duyên phát khởi này cũng thật sự chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng ta xem đoạn văn tiếp theo: “*Hạ Vi Đề Hy, nguyện vị ngã thuyết vô ưu não xứ, bất nhạo Diêm Phù Đề trước ác thế*” (Kể đó, bà Vi Đề Hy nói: “Xin hãy vì con nói chỗ chẳng có ưu não, con chẳng ưa thích đời trước ác trong cõi Diêm Phù Đề”). Chữ Hạ (下) là nói tới phần kinh văn tiếp theo. Phu nhân Vi Đề Hy là mẹ vua A Xà Thế (Ajātasatru); ngay cả mẹ mà còn ghét bỏ con cái, ghét bỏ thế giới này, cầu đức Phật dạy cho bà ta một cõi chẳng có ưu não, mong được vãng sanh nơi ấy. “*Phát khởi nhân duyên, đại phá tư nghị, nghịch tội bốn thị Vô Gian ngục nhân*” (Nhân duyên phát khởi rất chẳng thể nghĩ bàn, tội Ngũ Nghịch vốn là cái nhân của địa ngục Vô Gian). Đây là tội Vô Gian, quả báo trong địa ngục Vô Gian. “*Tùy nhân thú quả, trầm A Tỳ ngục trung, thọ cực trọng khổ, chí khinh tu nhất đại kiếp*” (Theo nhân hưởng đến quả, chìm đắm trong địa ngục A Tỳ, chịu nỗi khổ cực nặng, nhẹ nhất thì phải trải qua một đại kiếp). Chúng ta cũng phải ghi nhớ mấy câu này: Sau khi tạo tác tội Ngũ Nghịch, nhất định đọa địa ngục. Mọi người niệm kinh Địa Tạng sẽ biết chuyện tội khổ trong địa ngục, có thể nói kinh Địa Tạng đã nói rộng rãi tình hình và trạng huống trong địa ngục. Phải chịu tội trong địa ngục bao lâu? Tội nhẹ nhất là một đại kiếp, thời gian quá dài, hết sức đáng sợ! Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng về lục đạo luân hồi, đoạn [kinh văn] giảng về địa ngục đặc biệt tường tận, gần như chiếm một nửa phần văn tự nói về lục đạo. Vì sao nói tỉ mỉ ngàn ấy? Nhằm làm cho quý vị thật sự thông hiểu, ngàn muôn phần chớ nên tạo tội nghiệp địa ngục! Địa ngục dễ vào, chẳng dễ thoát ra! Nỗi khổ ấy nặng nề cùng cực, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng, thời gian quá dài, hết sức đáng sợ!

“*Kim vi Tịnh Độ tác phát khởi duyên, phỉ duy Vi Đề Hy phá tư nghị, tức A Xà Thế diệt phá tư nghị dã*” (Nay [đem chuyện ác nghịch ấy] làm duyên phát khởi Tịnh Độ, chẳng phải chỉ riêng bà Vi Đề Hy là chẳng thể nghĩ bàn, mà A Xà Thế cũng là chẳng thể nghĩ bàn). Do dùng nhân duyên ấy để phát khởi kinh này, do vậy, kinh Tịnh Độ cũng được gọi là kinh chẳng thể nghĩ bàn, trong tên gọi của kinh Tiểu Bản Di Đà đã nói rất rõ ràng. Chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm! Hoa Nghiêm được gọi là kinh bất tư nghị. Người Hoa thường gọi Hoa Nghiêm là đại bất tư nghị kinh. “*Cụ kiến nghịch sự năng dụng, tức thị tánh ác pháp môn, tánh*

ác dung thông, nhậm vận nhiếp đắc tánh thiện. Do tánh ác nhi khởi tu ác, thậm chi vị địa ngục nhân. Năng dụng chi vi pháp môn, chuyển nhi vi Tịnh Độ chủng, khởi phi tự tánh trung bốn cụ chi đức da?” (Trợn thấy là có thể sử dụng chuyện ác nghịch, tức là đối với pháp môn tánh ác thì tánh ác dung thông, tùy ý dung nhiếp tánh thiện. [Thông thường thì] do tánh ác mà dấy khởi chuyện làm ác, đến nỗi trở thành cái nhân của địa ngục, nhưng có thể dùng [chuyện ác ấy để] làm pháp môn, hòng chuyển thành hạt giống của Tịnh Độ, há chẳng phải là trong tự tánh vốn có trọn đủ các đức ư?). Nói thật ra, nếu vua A Xà Thế chẳng giết cha hại mẹ, đức Phật sẽ chẳng nói bộ kinh này, nhận thức của chúng ta về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng thể viên mãn. Lại nói thật thà, mẹ nhà vua cũng chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, có lẽ vẫn phải luân hồi bao nhiêu kiếp chẳng nhất định. Con vừa giết cha hại mẹ, đâm ra mẹ liền đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật, đây là nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn. Là một chuyện ác, mà kết quả lại biến thành việc tốt cùng cực, kết quả hết sức viên mãn!

Có thể thấy là thiện và ác quả thật rất khó nói, ắt phải xét theo kết quả. Nếu do nhân lành mà đắc quả ác thì điều thiện ấy chẳng phải là chân thiện. Do ác nhân mà đắc quả cực thiện, vua A Xà Thế có công đức rất lớn. Quý vị thấy nhà vua khiến cho mẹ mình thành Phật trong một đời, năm trăm cung nữ hầu hạ mẹ nhà vua cũng đều có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, độ lắm người ngàn ấy! Kinh điển lưu truyền đến đời sau, chẳng biết đã độ được bao nhiêu người! Do một niệm ác ấy, đâm ra, nhà vua lại khiến cho nhiều người thành tựu ngàn ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, đến khi lâm chung, nhà vua hối hận, sám hối vãng sanh, sanh trong thượng phẩm trung sanh, hết sức có lý. Do đó, thiện hay ác phải xét theo hậu quả, phải dùng tầm mắt trí huệ để quan sát. Tại Trung Hoa, gần như ai nấy đều biết Nhạc Phi là một vị anh hùng dân tộc, bất hạnh bị Tần Cối hại chết. Từ xưa tới nay, người Hoa hận Tần Cối thấu xương, hắn là một gã xấu xa như thế! Trên thực tế, hai người ấy có công đức bằng nhau, có sao nói là bằng nhau? Nhạc Phi dạy chúng ta phải nên học theo ông ta tận trung báo quốc, phải học giống như ông ta. Tần Cối nêu gương, nhằm dạy chúng ta chớ nên học theo, học theo gương ông ta sẽ để tiếng xấu vạn năm! Một người dạy theo lối chánh diện, một người dạy theo kiểu phản diện, nhưng cả hai đều là thầy tốt, đều là công đức vô lượng. Đó là xét theo hậu quả, hậu quả có sức giáo hóa sâu xa, có sức ảnh hưởng chánh đáng đối với xã hội thì là công lao, là công đức. Chúng ta xét theo quan điểm Phật pháp, sẽ có cách nhìn khác với người thế gian, biết [việc làm ấy] quả thật sẽ sanh ra sức ảnh hưởng chánh đáng đối với sự giáo hóa người đời sau. Vua A Xà Thế cũng thuộc về tình hình như vậy đó.

Bởi lẽ, thiện và ác đều khởi từ Chân Như bản tánh, tùy thuộc chúng ta sử dụng theo cách nào! Dùng theo kiểu ác, sẽ là quả báo trong địa ngục A Tỳ; dùng theo lẽ thiện, sẽ thành Phật, làm Tổ! Do vậy có thể biết: Trong cuộc sống hiện tại của chúng ta có thuận cảnh và nghịch cảnh, những kẻ chúng ta gặp gỡ, có người tốt, có kẻ ác. Người thiện cố nhiên là tốt, nhưng kẻ ác cũng chẳng tệ! Thuận cảnh cố nhiên là tốt đẹp, nhưng nghịch cảnh cũng thế, tùy thuộc quý vị vận dụng như

thế nào! Nếu quý vị biết dùng, thuận hay nghịch đều là Tăng Thượng Duyên. Giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba vị thiện tri thức có người thiện, kẻ ác, nhưng đều là các vị đại thiện tri thức thật sự, đều có thể giúp quý vị thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Điều này cũng chứng tỏ lời Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Cảnh duyên chẳng tốt xấu, tốt xấu do tâm mình*”, chẳng do ngoại cảnh chi phối! Tâm chính mình thuận thiện, thiện lương, tất cả hết thấy cảnh giới đều thiện, điều này đáng cho chúng ta phản tỉnh thật sâu. Chỉ có thật sự giác ngộ từ chỗ này, tâm chúng ta mới có thể thanh tịnh, bình đẳng, bất luận đối xử với ai, sống trong hoàn cảnh nào, đều có thể đạt được thanh tịnh tự tại, công phu tu hành đều có thể đắc lực. Người ấy đã chuyển biến những điều ấy thành pháp môn, chuyển thành hạt giống Tịnh Độ, há chẳng phải là trong tự tánh vốn trọn đủ các đức ư?

“*Kim chi nghịch sự, kỳ chủng tử tức thị tánh cụ chi duyên nhân Phật Tánh*” (Nay đối với chuyện ác nghịch, chủng tử của nó chính là duyên nhân Phật Tánh vốn sẵn có trong tánh). Đây là nói về phu nhân Vi Đề Hy, bà gặp chuyện này, khiến cho chính mình thật sự giác ngộ thế gian này vô thường, hiểm ác, bà ta ngộ chuyện này. Đó là trí huệ, là giác ngộ. Không gặp phải chuyện này, bà chẳng giác ngộ. Gặp chuyện này, bà giác ngộ, đó là duyên nhân Phật Tánh. Duyên là gì? Tu hành trong đời quá khứ, thiện căn trong đời quá khứ, đã kết duyên với Phật. Nay bị cảnh giới ảnh hưởng, khiến cho chủng tử Phật pháp từ vô thủy được kích phát. “*Tạo nghịch tâm tức thị tánh cụ chi liễu nhân Phật Tánh*” (Tâm tạo nghịch chính là liễu nhân Phật Tánh có sẵn trong tánh). Liễu nhân là hiểu rõ, vừa thấy chuyện này bèn hoàn toàn hiểu rõ, chân tướng của pháp thế gian và xuất thế gian vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, hiểu rõ là trí huệ. Duyên nhân là chủng tử trong đời quá khứ, chúng ta thường nói là thiện căn. “*Nhi chánh nhân Phật Tánh, chung nhật bất biến, chung nhật tùy duyên; chung nhật tùy duyên, chung nhật bất biến*” (Nhưng chánh nhân Phật Tánh suốt ngày bất biến, suốt ngày tùy duyên; suốt ngày tùy duyên, nhưng suốt ngày bất biến). Chánh nhân là bản tánh, là Phật Tánh. Trong Phật pháp, duyên nhân, liễu nhân, và chánh nhân được gọi “*tam nhân Phật Tánh*”. Nếu chúng ta có thể lắng lòng quan sát thế gian này, nói thật ra, lúc nào, chỗ nào cũng đều có thể khai phát giác tánh của chúng ta.

Tuần trước, tôi đến thăm viện Nghiên Cứu Trung Ương, xem giáp cốt thuộc phòng trưng bày của tiên sinh Đồng Tác Tân. Đồng tiên sinh trước kia có một người bạn thân là tiên sinh Nghiêm Nhất Bình, cùng nghiên cứu giáp cốt văn³³ với Đồng tiên sinh, ông ta là giáo sư trường đại học Đài Loan. Tôi liền hỏi người phụ trách quản lý hiện thời, ông ta cho biết Nghiêm tiên sinh đã mất từ năm năm trước, thế mà tôi không biết. Nghiêm Nhất Bình và tôi rất thân thuộc. Về sau, ông

³³ Giáp cốt văn (甲骨文) còn gọi là Khế Văn, Giáp Cốt Bốc Từ, hoặc Quy Giáp Thú

Cốt Văn là văn tự được khắc trên mai rùa (quy giáp) hoặc xương thú (thú cốt) nhằm ghi chép những sự tích hoặc dự đoán do bói toán thường là vào cuối nhà Thương, cho đến đầu triều Châu. Những văn tự này cung cấp tài liệu quý báu về văn hóa Trung Hoa thời cổ, cũng như là tài liệu để nghiên cứu cội nguồn của chữ Hán hiện thời. Các văn tự này phần lớn được phát hiện tại di chỉ Ân Khư (thuộc huyện Ân Dương, tỉnh Hà Nam).

ta mở một thư điểm, tức xướng in các tác phẩm văn nghệ. Cổ thư Trung Hoa [tại Đài Loan] do thư điểm của ông ta in đầu tiên. Các bộ Thập Tam Kinh, Nhị Thập Ngũ Sử tôi được đọc lần đầu là do tiệm của ông ta in. Tôi đến chỗ ông ta mua sách, nên rất thân quen với ông ta. Mở thư điểm kiếm tiền rất nhiều, đại khái là trong mười năm đầu kiếm được rất nhiều tiền. Đã kiếm được tiền, bèn thôi không dạy học nữa, từ nhiệm chức giáo sư, chuyên môn kinh doanh. Đại khái là trong vòng mười năm, ông ta mua năm mươi căn nhà, cho người khác thuê. Những căn nhà giá rẻ thời đó, bây giờ đắt lắm. Về sau, ông ta chuyên kinh doanh địa ốc. Tôi chẳng gặp mặt ông ta đã hai mươi năm, tôi nghĩ nhất định là ông ta có một, hai trăm căn nhà. Đáng tiếc là chẳng thọ, đã chết rồi! Sống chẳng mang theo gì đến, chết chẳng mang theo được gì. Chẳng biết tài sản là bao nhiêu ỨC, mở thư điểm hề kiếm được tiền bèn mua nhà. Đã nhiều năm ngàn ấy, tôi chẳng gặp ông ta, nào ngờ ông ta đã chết từ năm năm trước, đời người vô thường! Có tiền, nhưng chẳng biết làm chuyện tốt, lắm tài sản ngàn ấy, chết đi, cũng chẳng mang theo được một đồng nào, cũng chẳng mang theo được một căn nhà nào! Vẫn phải lưu chuyển theo nghiệp, rất đáng thương!

Thuở ấy, tôi vừa mới học Phật. Có một hôm, ông ta cùng tôi trò chuyện. Ông ta nói: “Kinh Phật thì kinh Kim Cang tôi đã xem qua”. Tôi nói: [Ông nghĩ] như thế nào? [Ông ta đáp]: “Chẳng có ý nghĩa gì! Giống như hai thùng nước đổ qua, đổ lại, lặp đi lặp lại!” Một vị giáo sư đại học nổi tiếng đấy nhé! Tôi nghe cảm thấy thật nực cười, ngu si, điên đảo! Những chuyện giống như vậy rất thường thấy, hãy nên giác ngộ, phải thường cảnh tỉnh chính mình: Pháp thế gian vô thường. Có thể giác ngộ thì tín tâm và nguyện tâm tu hành của chúng ta sẽ kiên cố, nghiêm túc!

Mấy câu tiếp theo đó rất trọng yếu: “*Cầu năng toàn tánh khởi u thuận tu, tặc duyên liễu nhị nhân, thành vi phước trí trang nghiêm. Thị cố hành nhân thành Phật, nhi hữu tướng hảo vô biên, trí huệ vô biên*” (Nếu có thể toàn tánh khởi nơi thuận tu, thì duyên nhân và liễu nhân trở thành phước trí trang nghiêm. Vì thế, hành nhân thành Phật bèn có tướng hảo vô biên, trí huệ vô biên). Những câu này rất quan trọng. Phải thuận tánh khởi tu, tánh là gì? Tánh là thanh tịnh, bình đẳng, đại từ, đại bi, chúng ta phải ghi nhớ và tu học những điều này. Trong tâm thanh tịnh, chẳng có mảy may ô nhiễm, điều này quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Vì vậy, thuận tánh tu tập duyên nhân và liễu nhân. Duyên nhân là thiện căn nhiều đời nhiều kiếp; liễu nhân chính là trí huệ hiểu rõ trong hiện tiền, cũng có thể nói là giác tánh. Nay chúng ta nói người nào đó có ngộ tánh rất cao, tâm cảnh giác rất cao. Đối với giác tánh, người hiện thời nói là “tánh cảnh giác cao”, người ấy chẳng mê. Đó là liễu nhân. Sau khi đã tu thành công, bèn biến thành tướng hảo vô biên. Tướng hảo vô biên do duyên nhân biến thành. Trí huệ vô biên do liễu nhân biến thành, toàn là Tánh Đức tự tại hiện tiền. “*Tùng toàn tánh khởi u nghịch tu, tặc duyên liễu nhị nhân, thành vi tội xuẩn trang nghiêm. Thị cố chúng sanh đọa ngục, vô luận ngục chi đại tiểu, nhất nhân diệc mãn, đa nhân diệc mãn, sở hữu khổ cụ, tự nhiên nhi chí, thử giai phả tư nghị chi ác trang nghiêm, bất tùng ngoại lai, diệc tự tánh chi bốn cụ dã, cố viết vô pháp bất cụ, vô pháp bất tạo*”

(Từ toàn tánh mà khởi lên nghịch tu thì duyên nhân và liễu nhân sẽ trở thành sự trang nghiêm trong [cảnh giới] tội lỗi, ngu xuẩn. Vì thế, chúng sanh đọa địa ngục, bất luận là địa ngục lớn hay nhỏ, một người cũng đầy ắp trong ngục, mà nhiều người cũng đầy ắp. Tất cả những dụng cụ hành hình tự nhiên xuất hiện, những điều này đều là những thứ trang nghiêm xấu ác chẳng thể nghĩ bàn, chẳng đến từ bên ngoài, mà cũng là có sẵn trong tự tánh. Do đó nói “không pháp gì chẳng trọn đủ, không pháp nào chẳng tạo”). Có thể thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thấy đều vốn sẵn có trong tự tánh, đều do tự tánh biến hiện. “Tạo” là biến hiện, đều chẳng phải đến từ bên ngoài, mà do quý vị một niệm thuận tánh hay một niệm trái nghịch, sai biệt ở ngay chỗ này! Thuận thì là toàn bộ thuận, hay là bộ phận thuận? Do điều này mà có tứ thánh pháp giới sai biệt. Hoàn toàn thuận bèn thành Phật, bộ phận thuận bèn thành Bồ Tát, ít phần thuận sẽ là Thanh Văn, Duyên Giác. Trái nghịch cũng giống như vậy. Hoàn toàn trái nghịch bèn là A Tỳ địa ngục; nhiều phần trái nghịch là ba ác đạo; ít phần trái nghịch là hai đường nhân thiên. Tùy thuộc thuận hay nghịch tự tánh! Vì sao mười pháp giới hình thành, đạo lý ở ngay nơi đây. Đoạn này nói rất hay!

Chúng ta lại xem đoạn văn kế tiếp, hãy xem dòng thứ ba trong trang một trăm lẻ hai. Đây là khoa văn (lời nhận định về khoa phán), không phải là sớ văn (lời sớ giải). Đáng lẽ phải in chữ thứ nhất thấp hơn, họ lại nâng cao lên, sai mất rồi! Trong phần nhận định về khoa phán đã viết: “*Từ trung vi nhị*”, [có nghĩa là] trong vấn đề lớn này, sẽ chia thành hai đề mục nhỏ. “*Sơ nhĩ thời hạ, chánh minh sát phụ, thứ vấn thủ môn nhân hạ, minh dục hại mẫu*” (Thứ nhất là từ chữ “lúc ấy” trở đi, là nói [vua A Xà Thế] giết cha, kẻ đó là từ chữ “hỏi kẻ giữ cửa” trở đi, nói rõ nhà vua muốn hại mẹ). Đây là trình bày nhân duyên hưng khởi giáo pháp của bản kinh này: Do vua A Xà Thế giết cha, hại mẹ. Chúng ta hãy xem kinh văn. Dưới đoạn kinh văn này có lời chú giải, quý vị hãy tự xem, do chẳng khó hiểu, nên chẳng cần giới thiệu. Kinh văn thuộc trang một trăm lẻ ba, kể từ hàng thứ ba đếm từ dưới lên.

Nhĩ thời Vương Xá đại thành, hữu nhất thái tử, danh A Xà Thế, tùy thuận Điều Đạt ác hữu chi giáo, thâm chấp phụ vương Tần Bà Sa La, u bế trí u thất trùng thất nội, chế chư quân thần, nhất bất đắc vãng.

爾時王舍大城。有一太子。名阿闍世。隨順調達惡友之教。
。收執父王頻婆娑羅。幽閉置於七重室內。制諸群臣。一不得往。
。

(*Khi ấy, trong đại thành Vương Xá có một thái tử tên là A Xà Thế, nghe theo lời dạy của bạn ác là Điều Đạt, bắt giữ phụ vương Tần Bà Sa La (Bimbisara), nhốt kín trong một căn nhà có bảy lớp cửa, cấm ngặt các quân thần không ai được đến đó).*

Nay ta gọi chuyện này là “*chánh biến*” (đảo chánh, coup d'état), chánh biến trong cung đình. Cuộc chánh biến này là con đoạt quyền cha, chẳng phải là

người ngoài, mà là con cái đoạt quyền. Nói thật ra, ngôi vua của cha trong tương lai nhất định truyền cho ông ta, nhưng ông ta chẳng chờ nổi, còn chưa truyền, ông ta đã muốn làm vua ngay! Vì sao ông ta chẳng chờ nổi? Có kẻ xúi giục, người ấy là ai? Đề Bà Đạt Đa! Gặp phải một người như vậy. Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) là anh của tôn giả A Nan (Ānanda)³⁴, là anh ruột, là em họ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Người này hết sức thông minh, đức Phật có ba mươi hai tướng, ông ta có ba mươi tướng, nên nhìn cũng hết sức đẹp đẽ. Tuy hết sức thông minh, nhưng tâm thuật bất chánh, nói theo kiểu hiện thời là thích chơi trội, là một người như thế đó, chẳng thật thà cho lắm. Vì lẽ đó, ông ta khá ganh ghét Thích Ca Mâu Ni Phật, hy vọng trong tương lai chính mình thành Phật, thay thế đức Phật. Ông ta muốn học thần thông, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng dạy. Ông ta tìm đến đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, những vị như Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất cũng đều chẳng dạy. Cuối cùng tìm tới A Nan. Ngài A Nan do thấy ông ta là anh mình, vì A Nan chỉ chứng đắc Sơ Quả Tu Đà Hoàn, chẳng có năng lực quan sát căn tánh của anh mình, nên đem phương pháp tu thần thông dạy ông ta. Chẳng bao lâu, ông ta tu thành Ngũ Thông, lợi dụng thần thông để dụ dỗ, mê hoặc thái tử A Xà Thế. Thương lượng với thái tử, ông ta nói: “Ngài hãy giết cha để làm quốc vương, tôi hại chết Thích Ca Mâu Ni Phật, tôi thành Phật. Ngài là tân vương, tôi là tân Phật, hai người chúng ta cùng nhau giáo hóa người đời trên thế gian, há chẳng phải là chuyện tốt đẹp ư?” Vua A Xà Thế nghe lời ấy, mắc bẫy của ông ta, thật sự đem cha nhốt lại, nhốt trong “*thất trùng thất nội*”, tức là qua bảy tầng canh giữ. Ra lệnh bắt luận kẻ nào cũng chẳng được gặp mặt, chẳng cho ai đến thăm, nhằm mục đích khiến cho vua cha chết đói, dùng phương pháp này. Nhắc tới một đoạn nhân duyên như vậy, nhân duyên trong đoạn này cũng được nói rất cặn kẽ trong phần chú giải³⁵.

³⁴ Đề Bà Đạt Đa và A Nan là con của Bạch Phạn Vương (Śuklodana), Bạch Phạn Vương là em trai của Tịnh Phạn Vương (Śuddhodana). Hai vua là con trai của Sư Tử Tàn Vương (Simhahanu).

³⁵ Trong sách ấy chú giải như sau (trong đây, những chi tiết đã được hòa thượng Tịnh Không nhắc tới sẽ lược đi không dịch): “*Tần Bà Sa La, cõi này dịch là Mồ Thập, hoặc dịch là Kiên Ảnh. Vì Đề Hy dịch là Tư Duy. A Xà Thế, cõi này dịch là Vị Sanh Oán, hoặc Bà La Lưu Chi, cõi này dịch là Chiết Chỉ (gãy ngón tay)...* Lúc chưa sanh, thầy bói đoán: *Sanh ra đứa trẻ này, quyết định sẽ hại cha, ý nói trong lúc còn ở trong thai, đã có tướng oán. Do thầy bói tiên đoán, nên đặt tên như vậy. Điều Đạt dịch là Thiên Nhiệt, còn dịch là Thiên Thọ, là con vua Bạch Phạn, là em họ đức Phật, là anh ruột A Nan, có ba mươi tướng. Xuất gia tụng sáu vạn pháp tu, mãn mười hai Vi Đà. Vì lợi dưỡng, nên đến chỗ đức Phật, xin học thần thông. Phật chẳng giảng nói, dạy ông ta quán vô thường, sẽ được đắc đạo....* Điều Đạt vào núi, học được Ngũ Thông, tâm niệm: ‘*Ai sẽ làm thí chủ cho ta? Thái Tử A Xà Thế, có tướng đại vương*’, liền biến hiện thân hình thành Tượng Mã Bảo... Lại lên cõi trời, lấy hoa trời, thức ăn trời [hòng lấy lòng Thái Tử]... Điều Đạt phá Tăng, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên giáo hóa, [tặng chúng] lại hòa hợp. Ông ta đẩy [tảng đá to từ] trên núi đê Phật, Mật Tích Kim Cang dùng chày Kim Cang đỡ, đá vỡ nát, [mảnh đá văng] làm ngón chân Phật bị thương. Tỳ-kheo-ni Hoa Sắc quở trách, Điều Đạt bèn đánh bà ta lòi mắt. Điều Đạt tạo ba tội nghịch, hãm vào địa ngục trong khi còn sống... Xưa kia, vua Tần Bà đi săn nai trong núi Tỳ Phú La, chẳng săn được gì, gặp một vị tiên nhân đang tĩnh tọa, bèn sai người xua đuổi, rồi sai người giết đi. Lúc lâm chung, tiên nhân

Trong chú giải có mấy câu tôi phải trao đổi cùng với các đồng tu đôi chút. Trang một trăm lẻ năm, hàng thứ năm, xem từ hai câu tiếp theo đó: “*Như thử đẳng sự, giai thị đại sĩ thiện quyền hiện hóa, hành u phi đạo, thông đạt Phật đạo. Chúng sanh căn tánh bất đồng, nhập đạo hữu dị, nhất nghịch, nhất thuận, hồng đạo ích vật, thị hạnh vô gián, nhi vô nã khuể, Xà vương hiện nghịch, vi tức ác nhân, linh bất khởi nghịch*” (Những chuyện như thế đều do bậc đại sĩ quyền biến, thiện xảo hóa hiện, làm chuyện trái nghịch đạo lý, [hòng khiến cho chúng sanh] thông đạt Phật đạo. Chúng sanh căn tánh bất đồng, nhập đạo sai khác, một đằng nghịch, một đằng thuận. Do hồng dương đạo, lợi lạc chúng sanh, nên thị hiện hạnh Vô Gián, nhưng chẳng có ưu não, sân khuể. Vua A Xà Thế thị hiện hạnh ác nghịch, nhằm ngăn dứt những kẻ ác, khiến cho họ chẳng dấy lên những hạnh ác nghịch). Đoạn văn này có ý nghĩa giống như cách nhìn chuyện Tần Cối hại Nhạc Phi mà tôi vừa mới nói. Vì thế, những chuyện trong cảnh giới đúng là chẳng có thiện, ác, đúng, sai. Thiện, ác, đúng, sai, đích xác là do phân biệt, chấp trước trong tự tâm chúng ta. Lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước thì mới có thể thấy chân tướng của thế gian và xuất thế gian. Hết thấy chúng sanh có căn tánh khác nhau. Có những chúng sanh phải dùng thiện pháp nhu hòa để tiếp dẫn thì họ có thể nhập Phật môn. Có những chúng sanh phải dùng ác pháp thì mới có thể tiếp dẫn họ nhập Phật môn. Quý vị thấy tướng thị hiện của các vị Bồ Tát trong Phật môn, lấy ngay Quán Âm Bồ Tát để nói. Quán Âm Bồ Tát thị hiện tại Trung Hoa, tướng mạo vô cùng nhu hòa, quá nửa là tướng người nữ, do từ bi thương xót, nên hiện tướng ấy. Quý vị đến Tây Tạng hoặc Ấn Độ để xem tượng đắp của Quán Âm Bồ Tát, đôi khi mặt xanh, nanh nhọn, đáng sợ hãi cùng cực, nhưng đó cũng là hình tướng của Quán Âm Bồ Tát. Thật vậy, nên dùng phương pháp gì để độ được, liền thị hiện phương pháp ấy, có thiện độ, có ác độ, nhưng đạt đến mục tiêu cuối cùng thì là một.

Trong hội này, nói thật ra, có phải vua A Xà Thế thật sự là như vậy hay không? Chưa hề! Bồ Tát tái lai, diễn tuồng, một người đóng vai mặt trắng (vai chánh diện, vai thiện), một người khác đóng vai mặt đen (vai phản diện, vai ác). Các Ngài đang diễn tuồng, diễn cho chúng ta xem, khiến cho chúng ta giác ngộ. Các Ngài diễn tướng thế gian, khiến cho chúng ta từ sự biểu diễn ấy mà thấu hiểu tướng thế gian sâu đậm hơn, nhận thức rõ ràng hơn. Do đó, mới có thể thật sự tỉnh ngộ, đoạn tuyệt nỗi tham luyến đối với pháp thế gian, nhất tâm tu đạo. Vì vậy, những người ấy đều là bậc Đại Quyền thị hiện, nhưng những gì các Ngài biểu diễn đều là thật, chẳng giả. Chẳng hạn như các Ngài thị hiện ác hạnh xác thực là đáng đọa trong địa ngục Vô Gián, về sau, do sám hối bèn có thể thượng phẩm trung sanh, tuyệt đối chớ nên nói “đó là Bồ Tát tái lai biểu diễn, chưa chắc đã là thật!”. Nếu chúng ta hiểu như vậy thì sai mất rồi, sự biểu diễn của Ngài là thật. Dầu chúng ta tạo trọng tội Ngũ Nghịch, mà chí tâm sám hối, thì cũng có thể vãng sanh, điều này tương ứng với ý nghĩa trong kinh này, chẳng trái nghịch.

khởi ác niệm, nguyện trong đời sau, ta sẽ giống như ngày nay dùng tâm và miệng hại người!”. Vị tiên nhân ấy đầu thai thành thái tử A Xà Thế.

Pháp môn này quả thật có thể độ chúng sanh khổ sở cùng cực trong địa ngục viên thành Phật đạo. Chúng sanh ác cùng cực, khổ cùng cực, do chí tâm sám hối niệm Phật vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ thuộc phẩm vị nào? Không nhất định! Không thể đoán định chắc chắn họ thuộc loại hạ phẩm hạ sanh, chưa chắc! Tùy thuộc sức sám hối của người ấy. Nếu sức mạnh sám hối của người ấy đặc biệt to lớn, phẩm vị bèn lập tức tăng cao. Chuyện này cũng rất chẳng thể nghĩ bàn, đúng là pháp khó tin. Có người nói: Người này tu hành suốt cả một đời, tu hành rất khá, phẩm vị cao, mọi người đều công nhận đúng là chẳng có vấn đề gì; nhưng người làm nhiều điều xấu đường ấy, một niệm sám hối mà phẩm vị cũng cao, không công bằng! Chúng ta nhìn cách nào cũng đều thấy không công bằng. Nói chung, chẳng nghĩ ra đạo lý ở chỗ nào!

Thật ra, lý ấy rất sâu, xác thực là có căn cứ lý luận viên mãn, nhưng chúng ta không hiểu. Vì chúng ta là nhục nhãn phàm phu, chỉ thấy sự thị hiện bên ngoài, chẳng hiểu rõ Lý, nhân quả trong quá khứ cũng chẳng hiểu rõ. Kẻ ấy suốt đời này là người ác, nhưng trong nhiều đời nhiều kiếp là người tốt, trong nhiều đời nhiều kiếp đã tu không ít công đức, chẳng thể một nét bút sỗ toẹt được! Chúng ta chẳng có thần thông, chẳng biết sự tu học của những chúng sanh ấy trong đời quá khứ. Do đó, cuối lời chú giải, câu cuối cùng nơi hàng thứ ba trong trang một trăm lẻ sáu đã nhắc nhở chúng ta. “*Điều Đạt*”, tức là Đề Bà Đạt Đa, “*A Xà, Tần Bà, Vi Đề, giai thị đại quyền, hiện nghịch, hiện thuận, lợi ích chúng sanh*” (Đề Bà Đạt Đa, A Xà Thế, Tần Bà Sa La, Vi Đề Hy đều là bậc đại quyền, thị hiện hạnh thuận nghịch đều nhằm lợi ích chúng sanh). Đại Quyền (大權) là bậc Bồ Tát thị hiện, là Đại Thừa Bồ Tát quyền xảo phương tiện thị hiện cho chúng ta thấy. Giống như diễn tuồng, trên sân khấu các Ngài sắm vai diễn nào, thật ra, thầy đều là đại Bồ Tát. Vì lẽ đó, thưở ấy, đức Phật xuất hiện trên thế gian là đóng một vở tuồng cho chúng ta là những kẻ đang mê hoặc, điên đảo xem. Nhắc nhở chúng ta điều này, khiến cho chúng ta đối với những nhân vật này, tâm địa có thể sanh khởi tâm bình đẳng, cung kính, mục đích ở chỗ này. Chớ nên phân biệt, chấp trước, người này là người tốt, kẻ kia là người xấu. Quý vị chớ khởi lên ý niệm ấy. Hễ khởi lên ý niệm ấy tức là đã sai lầm, vì sao? Đã rơi vào phân biệt, chấp trước, sai mất rồi, tâm chúng ta chẳng thanh tịnh.

Chúng ta lại xem phần kinh văn tiếp theo:

Quốc thái phu nhân danh Vi Đề Hy.

國太夫人名韋提希。

(Quốc thái phu nhân³⁶ tên là Vi Đề Hy).

³⁶ Quốc Phu Nhân là một danh xưng để tôn xưng các mạng phụ (những phụ nữ được triều đình sắc phong). Ngày xưa, các quan hoặc chư hầu được phong vương thì đất phong của họ thường được gọi là “quốc” hoặc “quận quốc”. Tương ứng, vợ của các vương gia được phong là Quốc Phu Nhân. Có khi chính bản thân người nữ đó được phong thực ấp, chẳng hạn như Vũ Tắc Thiên đã phong cho chị mình là Vũ Thuận làm Hàn Quốc Phu Nhân, về sau đổi thành Trịnh Quốc Phu Nhân. Thoạt đầu, Quốc Phu Nhân chỉ dùng để gọi các bà ngoại mạng phụ. Nội mạng phụ là những người có liên hệ huyết thống hoặc hôn nhân trực tiếp với hoàng đế như hoàng

Đây là vương hậu.

Cung kính đại vương, tháo đục thanh tịnh, dĩ tô mật hòa sao, dụng đồ kỳ thân. Chư anh lạc trung thịnh bồ đào tương, mật dĩ thượng vương.

恭敬大王。澡浴清淨。以酥蜜和麩。用塗其身。諸瓔珞中。盛葡萄漿。密以上王。

(Do cung kính đại vương, nên tắm gội thanh tịnh, dùng tô mật trộn với bột rang để bôi lên thân, trong các chuỗi đeo đựng nước nho, ngâm dâng lên vua).

Quốc vương đã bị giam kín, bất cứ ai đều chẳng thể gặp, đoạn tuyệt thực phẩm, sanh mạng lâm nguy. Hoàng hậu rất thông minh, khi ấy, trừ bà ta ra, chẳng ai có thể cứu nhà vua. Nhưng thức ăn lẫn đồ uống đều chẳng được đem vào, canh cửa rất nghiêm, chẳng cho đem vào. Dùng phương pháp gì? Dùng mật và “sao” (麩: bột rang³⁷), người Đài Loan gọi Sao là “miến trà” (麵茶), dùng mật trộn [thành chất dính] để trét lên người, bước vào [trong ngục, lính canh] sẽ chẳng kiểm tra được. Vào tới bên trong, lại gỡ ra cho vua Tần Bà ăn. “Anh lạc” (瓔珞) là đồ trang sức đeo, bên trong đồ trang sức trống rỗng, giống như đồ đựng sữa, chứa thức uống trong ấy, mang vào như vậy đó. Vì thế, vua Tần Bà do có thức ăn, nên có thể giữ được tánh mạng.

Nhĩ thời đại vương thực sao, ẩm tương, cầu thủy thấu khẩu. Thấu khẩu tất dĩ, hiệp chưởng cung kính, hướng Kỳ Xà Quật sơn, dao lễ Thế Tôn, nhi tác thị ngôn: “Đại Mục Kiền Liên thị ngô thân hữu, nguyện hưng từ bi, thọ ngã Bát Giới”. Thời Mục Kiền Liên như ưng chuẩn phi, tạt chí vương sở, nhật nhật như thị, thọ vương Bát Giới. Thế Tôn diệc khiển tôn giả Phú Lô Na, vị vương thuyết pháp.

爾時大王食麩飲漿。求水漱口。漱口畢已。合掌恭敬。向耆闍崛山。遙禮世尊。而作是言。大目犍連。是吾親友。願興慈悲。授我八戒。時目犍連。如鷹隼飛，疾至王所。日日如是。授王八戒。世尊亦遣尊者富樓那，為王說法。

(Lúc bấy giờ, đại vương ăn bột rang, uống nước ép, xin nước súc miệng. Súc miệng xong xuôi, chấp tay cung kính, hướng về núi Kỳ Xà Quật, bái vọng

hậu, hoàng thái hậu, thái hoàng thái hậu (bà nội vua), các công chúa, trưởng công chúa (chị hay em gái của nhà vua), thái trưởng công chúa (cô của nhà vua) chưa lấy chồng. Đôi khi còn bao gồm vợ cả của anh em họ nhà vua. Ngoại mạng phụ là cáo mạng phụ nhân, tức là các công chúa, trưởng công chúa, thái trưởng công chúa đã lấy chồng, cũng như chánh thất của những vương gia, đại thân không thuộc hoàng tộc được triều đình sắc phong. Ở đây, bà Vi Đề Hy được gọi là Quốc Thái Phu Nhân với ý nghĩa hoàng thái hậu (theo nghĩa nội mạng phụ), vì lúc đó A Xà Thế đã làm vua, vua Tần Bà đã trở thành Thái Thượng Hoàng.

³⁷ “Sao” ở đây là gạo hoặc lúa mạch rang chín, nghiền thành bột.

Đức Thế Tôn, bạch như thế này: “Ngài Đại Mục Kiền Liên là thân hữu của con, nguyện hãy dậy lòng từ bi, truyền cho con Bát Quan Trai Giới”. Khi ấy, ngài Mục Kiền Liên như chim ưng, chim ó bay liệng, nhanh chóng đến chỗ nhà vua, mỗi ngày đều như thế, truyền Bát Quan Trai Giới cho nhà vua. Đức Thế Tôn cũng sai tôn giả Phú Lâu Na thuyết pháp cho nhà vua).

Quốc vương gặp đại nạn này cũng đau khổ chẳng thể chịu nổi. Tuy được bí mật chuyển đạt đồ ăn, thức uống, nên có cái để ăn uống, nhưng trong cung đình cũng sám hối, cầu Phật giúp đỡ. Nhưng nhà vua cầu Phật, vẫn chẳng cầu sanh Tịnh Độ, chẳng khởi ý niệm ấy, chỉ mong cầu Phật truyền giới, truyền Bát Quan Trai Giới là hành pháp để người tại gia tu hạnh xuất gia. Thời hạn của Bát Quan Trai Giới là một ngày một đêm, hết một ngày đêm liền viên mãn, ngày hôm sau lại phải thọ lần nữa, có thể thọ mỗi ngày. Nếu chẳng có thầy, không có người xuất gia, chính mình có thể đối trước Phật, Bồ Tát tự thọ. Vì thế, hành pháp này có khai duyên, [nghĩa là] hề có người xuất gia truyền cho quý vị thì rất tốt, chẳng có người xuất gia thì chính mình có thể đối trước Phật, Bồ Tát phát nguyện thọ trì. Tám giới ấy gồm tám điều giới và một điều về Trai, nên gọi là Bát Quan Trai Giới. Trai (齋) là ăn một bữa trưa, chẳng ăn sau giữa trưa. Bát Quan Trai Giới thật sự thì sáng sớm ăn thứ gì cũng không được. Sáng sớm cũng chớ nên ăn, mỗi ngày ăn một bữa. Sau giữa Ngọ, tức là sau giữa trưa, có thể uống nước, nhưng trong nước chẳng thể có chất trầm lắng. Như sữa thì chẳng thể uống, vì sữa có chất trầm lắng. Sữa đậu nành cũng chẳng thể uống, vì sữa đậu nành cũng có chất trầm lắng. Có thể uống gì? Có thể uống mật, mật và nước chẳng có chất trầm lắng. Uống nước đường cũng được! Vì vậy, đối với Bát Quan Trai Giới, Trai hết sức nghiêm ngặt, trai lẫn giới đều nghiêm ngặt. Đó là cuộc sống của người xuất gia thọ Phật tại thế, chúng ta sống một ngày [theo cách sống ấy].

“Trung” (中) [ở đây] là giữa trưa, chẳng phải là Ngọ. Người hiện thời nói “trì ngo”, đó là sai lầm. Ngọ (午) là giờ Ngọ, từ mười một giờ đến một giờ đều thuộc về giờ Ngọ. Một giờ chiều thì mặt trời đã qua khỏi giữa trưa từ lâu. Vì vậy, người ấy (người trì Bát Quan Trai Giới) là sau giữa trưa chẳng ăn, chẳng phải là ăn vào giờ Ngọ. Thời gian giữa trưa mỗi ngày khác nhau. Xưa kia, dùng đồng hồ mặt trời (nhật quỹ, 日晷)³⁸ để tính toán thời gian giữa trưa. Hiện thời, thuận tiện hơn xưa kia, hiện thời dùng gì? Nếu là người trì ngo, sẽ dùng nhật lịch thiên văn (Astronomical Almanac), đài thiên văn mỗi năm đều phát hành. Trong nhật lịch thiên văn có ghi chép mỗi ngày, nhằm tháng mấy, ngày mấy, thời gian đúng giữa trưa vào đúng mấy giờ, mấy phút, mấy giây, viết rất rõ ràng. Nhất định phải [thọ trai] trước khi ấy, hề quá một giây tức là đã phá trai, đã phá Bát Quan Trai. Vì thế, đây là một chuyện rất phiền phức. Hiện thời có rất nhiều người trì ngo, đó là làm cho có tiếng mà thôi, chứ thật ra [cả trai lẫn giới] đều bị phá sạch cả rồi. Buổi tối ăn hoa quả, đã phá giới, [vì hoa quả] có chất bã. Buổi tối uống cốc sữa thì

³⁸ Nhật Quỹ (Sundial) là một loại đồng hồ dựa theo bóng nắng, thông thường gồm một đĩa tròn có khắc vạch chỉ giờ, chính giữa là một cây kim mỏng và sắc. Khi mặt trời di chuyển quanh bầu trời, bóng nắng chiếu vào kim sẽ soi lên vạch giờ tương ứng.

cũng đã phá giới. Người ấy trọn chẳng hiểu những thứ ấy đều chẳng được dùng. Phàm là những gì có chất trầm lắng đều chẳng được uống. Đó là sông cuộc đời của người xuất gia trong một ngày.

Quốc vương bị người ta giam kín nơi đó, đau khổ chẳng chịu đựng nổi, nghĩ ta phải tu phước, trong đời quá khứ đã tạo tội nghiệp quá nhiều, chẳng tu phước, bèn cầu tôn giả Mục Kiền Liên, chẳng dám cầu Phật, mong mỗi học trò của đức Phật đến giúp nhà vua thọ giới. Ngài Mục Kiền Liên và nhà vua có quan hệ thân thích. Vua vừa động một niệm, đức Phật liền biết, liền ngay lập tức sai Mục Kiền Liên truyền giới cho vua, hồng mẫn nguyện cho ông ta. Lại sai Phú Lô Na đến thuyết pháp, chỉ dạy, cho nhà vua khỏi đau khổ vì tịch mịch mà suy nghĩ lung tung. Đức Phật nghĩ rất chu đáo, phái hai vị ấy đến chiếu cố, giúp đỡ nhà vua. À! Chúng ta nghĩ ngợi mấy phút.

Tập 18

Xin mở kinh bốn, trang một trăm lẻ tám. Chúng ta xem kinh văn, dòng thứ ba từ dưới đếm lên.

Như thị thời gian, kinh tam thất nhật, vương thực sao mật, đắc văn pháp cố, nhan sắc hòa duyệt.

如是時間。經三七日。王食麩蜜。得聞法故。顏色和悅。

(Thời gian như thế trải qua hai mươi một ngày, vua do ăn bột rang và mật, được nghe pháp, nên vẻ mặt ôn hòa, vui sướng).

Nhìn từ chuyện này, bất luận là vua Tần Bà hay phu nhân Vi Đề Hy, có thể nói là đều gặp phải nghịch duyên hay nghịch cảnh thì mới phát tâm học Phật, giác ngộ từ chỗ này. Duyên tuy là nghịch ác, nhưng hậu quả đạt được lại là chánh diện, là chí thiện. Nhất là phu nhân Vi Đề Hy mong cầu sanh Tịnh Độ, đây là cơ duyên hiếm có, khó gặp, chẳng ngờ sẽ được chín muồi ở chỗ này, rất khó có! Nếu chúng ta có thể thường ghi nhớ những chỗ này, quan sát thế gian, nhắc nhở chính mình: Đối với những cảnh ngộ gặp gỡ trong thế gian, hãy nên giống như họ, có thể dấy lên giác tánh, nghiêm túc nỗ lực tu học. Tất cả các nghịch duyên đều là Tăng Thượng Duyên tốt nhất. Người đang gặp khổ nạn, nói thật ra, tâm cầu đạo càng ân cần, tha thiết hơn. Hết thầy đều là thuận cảnh, dầu gặp gỡ Phật pháp cũng rất khó tu trì, thiện căn sâu dày, sanh khởi tâm hoan hỷ mà thôi, chứ nghiêm túc tu học hết sức khó khăn. Vì thế, nói thật ra, nghịch cảnh trọn chẳng phải là chuyện xấu. Trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta: “*Lấy khổ làm thầy*”. Xác thực là dễ thành tựu trong khổ nạn.

Quốc vương tuy bị giam cầm, giam cầm đã hai mươi một ngày, thời gian rất dài. Nhà vua được ăn uống, lại gặp ngài Mục Kiền Liên và Phú Lâu Na thuyết pháp, vua đạt được pháp hỷ, cho nên “*nhan sắc hòa duyệt*”, do đạt được pháp hỷ đó mà! Lại xem đoạn kinh văn tiếp theo:

Thời A Xà Thế vấn thủ môn giả.

時阿闍世問守門者。

(Khi ấy, A Xà Thế hỏi người canh cửa).

Đã qua hai mươi một ngày, ông ta đến tra hỏi đôi chút, nói:

Phụ vương kim giả do tồn tại da?

父王今者猶存在耶。

(Nay phụ vương vẫn còn sống ư?)

Ông ta hỏi cha mình có còn sống hay chẳng? Hỏi kẻ giữ cửa, có còn sống hay chẳng? Đã chết hay chưa?

Thời thủ môn nhân bạch ngôn. Đại vương.

時守門人白言。大王。

(Khi ấy, kẻ giữ cửa tâu rằng: “Tâu đại vương”).

Chữ “đại vương” dành để gọi A Xà Thế, vì A Xà Thế là vua trong hiện thời.

Quốc thái phu nhân, thân đồ sao mật, anh lạc thịnh tương, trì dụng thượng vương. Sa-môn Mục Liên cập Phú Lô Na, tùng không nhi lai, vị vương thuyết pháp, bất khả cấm chế.

國太夫人。身塗麁蜜。瓔珞盛漿。持用上王。沙門目連。及富樓那。從空而來。為王說法。不可禁制。

(Quốc thái phu nhân, thân bôi bột rang và mật, chuỗi đeo đựng nước trái cây ép, đem dâng lên vua. Sa-môn Mục Liên và Phú Lô Na từ trên hư không hiện tới, thuyết pháp cho nhà vua, chẳng thể ngăn cấm).

Người giữ cửa biết tình hình sự thật, cũng chẳng giấu giếm. Anh ta nói hoàng thái hậu mỗi ngày đem đồ ăn, thức uống cho vua, tâu trình tình hình này. Khi ấy, quốc vương cấm những kẻ khác không được gặp vua cha, chẳng nói cấm vương hậu không thể ra vào, chẳng nói tới lời ấy. Do đó, vương hậu vào ra rất tự do, chẳng có ai ngăn trở bà ta. Mục Liên và Phú Lô Na do thần thông, từ không trung bay đến, bay đi, anh ta cũng chẳng biết làm sao, ngăn chặn không được! Chẳng có cách nào! Những chuyện ấy không có cách nào cấm chỉ, quyền lực của họ đều chẳng làm gì được. Chỉ đành thật thà tâu chuyện này lên A Xà Thế: Cha Ngài nay chưa chết, vẫn còn sống!

Thời A Xà Thế văn thử ngữ dĩ, nộ kỳ mẫu viết: “Ngã mẫu thị tặc, dữ tặc vi bạn. Sa-môn ác nhân, huyễn hoặc chú thuật, linh thử ác vương, đa nhật bất tử”. Tức chấp lợi kiếm, dục hại kỳ mẫu.

時阿闍世聞此語已。怒其母曰。我母是賊。與賊為伴。沙門惡人。幻惑咒術。令此惡王。多日不死。即執利劍。欲害其母。

(Khi ấy, A Xà Thế nghe lời ấy, giận mẹ nói: “Mẹ ta là giặc, kết bè đảng với giặc. Sa-môn là kẻ ác, chú thuật huyễn hoặc, khiến cho ác vương đã nhiều ngày chẳng chết”. Liền cầm gươm bén, toan hại mẹ mình).

Người Hoa gọi chuyện này là “thấy lợi tối mắt”, vì thỏa tư lợi của chính mình, hoàn toàn chôn vùi lý trí. Không chỉ muốn hại cha, mà nay còn muốn sát hại mẹ. Đúng là ác nghịch đến cùng cực. Chúng ta xem phần kinh văn kế tiếp, trang một trăm mười một, xem phần kinh văn được in cao hơn một chữ.

Thời hữu nhất thần, danh viết Nguyệt Quang.

時有一臣。名曰月光。

(Khi ấy, có một người bầy tôi tên là Nguyệt Quang (Candraprabhā)).

Vua có một đại thần.

Thông minh đa trí, cập dữ Kỳ Bà.

聰明多智。及與耆婆。

(Thông minh, lắm trí huệ, cùng với Kỳ Bà).

Kỳ Bà (Jīvaka) cũng là một đại thần³⁹. Trong đám bầy tôi có hai người này. Hai người này hết sức hiền năng, là hiền nhân trong nước, được mọi người trong nước hết sức ngưỡng vọng.

Vị vương tác lễ, bạch ngôn: “Đại vương! Thần văn Tỳ Đà Luận Kinh thuyết”.

為王作禮。白言。大王。臣聞毘陀論經說。

(Hướng về vua làm lễ, tâu rằng: “Tâu đại vương! Thần nghe kinh luận Tỳ Đà có nói).

Đây không phải là kinh Phật, [Tỳ Đà (Vedas)] là kinh điển Bà La Môn.

Kiếp sơ dĩ lai, hữu chư ác vương, tham quốc vị cố, sát hại kỳ phụ nhất vạn bát thiên.

劫初已來。有諸惡王。貪國位故。殺害其父一萬八千。

(Từ kiếp ban sơ đến nay, có các vua ác vì tham ngôi vua, giết hại cha mình có đến một vạn tám ngàn kẻ).

Ý nói con đoạt quyền vị của cha từ xưa tới nay đều có, có nghe nói chuyện này.

Vị tăng văn hữu vô đạo hại mẫu.

未曾聞有無道害母。

(Chưa từng nghe nói có kẻ nào vô đạo hại mẹ).

Còn như giết hại mẹ, vẫn chưa hề nghe nói đến.

Vương kim vi thử sát nghịch chi sự, ô Sát Lợi chủng.

王今為此殺逆之事。污刹利種。

³⁹ Ngài Trí Giả chú giải: “Kỳ Bà, cõi này dịch là Hoạt (sống). Lúc sanh ra, một tay cầm túi thuốc, một tay cầm ống kim. Xưa kia đã thề làm thầy thuốc, có thể trị bệnh cho người khác. Do đức mà lập hiệu”.

(Nay bệ hạ làm chuyện giết chóc ngộ nghịch này, khiến dòng Sát Đế Lợi bị ô uế).

Ở đây chẳng phải là chữ Hãn (汗), đây lại là một chữ bị in sai, đúng ra phải là chữ Ô (汚). Ô nhiễm Sát Đế Lợi, Sát Đế Lợi (Kṣatriya) là vương tộc. Chuyện này khiến cho vương tộc bị ô danh, vương tộc nhục nhã.

Thần bất nhẫn văn, thị Chiên Đà La.

臣不忍聞。是旃陀羅。

(Thần chẳng nỡ nghe. Đó là [hành vi của] Chiên Đà La).

Chiên Đà La (Caṇḍāla) thấp nhất trong bốn chủng tánh (Varṇa) của Ấn Độ, làm nghề mổ heo, giết trâu, là nghề nghiệp bất hảo nhất.

Ngô đẳng bất nghi phục trụ ư thử.

吾等不宜復住於此。

(Bọn thần không nên ở chỗ này nữa).

Hôm nay quốc vương làm chuyện này, chúng tôi thật sự chẳng nỡ lòng. Chuyện này ác nghịch đến tột cùng, chúng tôi chẳng thể lưu lại nơi này nữa, cũng chẳng thể phò tá nhà vua, phải rời đi.

Thời nhị đại thần thuyết thử ngữ cánh, dĩ thủ án kiếm, khước hành nhi thoái.

時二大臣。說此語竟。以手按劍。却行而退。

(Khi ấy, hai vị đại thần nói lời ấy xong, dùng tay đè kiếm, lui chân rời đi).

Hai người ấy chuẩn bị rời bỏ nhà vua, muốn bỏ trốn đến quốc gia khác. A Xà Thế kể ra cũng còn khá lắm...

Thời A Xà Thế kinh bố hoảng cụ, cáo Kỳ Bà ngôn: “Nhữ bất vị ngã da?”

時阿闍世驚怖惶懼。告耆婆言。汝不為我耶。

(Khi đó, A Xà Thế kinh hãi, hoảng sợ, báo Kỳ Bà rằng: “Ông chẳng vì ta ư?”).

Các ông chẳng thể phụ trợ, giúp đỡ ta ư?

Kỳ Bà bạch ngôn: - Đại vương! Thận mạt hại mẫu.

耆婆白言。大王。慎莫害母。

(Kỳ Bà tâu rằng: “Tâu đại vương! Hãy thận trọng, đừng hại mẹ”).

Ông ta nói: Bệ hạ hãy suy nghĩ, xét tường cho nhiều, quyết định chớ nên hại mẹ.

Vương văn thử ngữ, sám hối cầu cứu, tức tiện xả kiếm, chỉ bất hại mẫu.

王聞此語。懺悔求救。即便捨劍。止不害母。

(Vua nghe lời ấy, ăn năn, hối lỗi, liền buông bỏ gươm, thôi không hại mẹ).

Có thể nói là hai người này hết sức thông minh. Khi A Xà Thế đảo chánh, bắt giam cha, sao họ chẳng đến khuyên cáo? Theo như chúng tôi nghĩ, nhất định là có nguyên nhân. A Xà Thế hết sức thông minh, cũng hết sức có năng lực, lại còn đã đạt đến giai đoạn chín chắn. Vua già tuổi đã quá cao, chắc là giải quyết chánh sự cũng có những lúc hồ đồ. Vì thế, tuy A Xà Thế bắt giam lão vương để kế thừa ngôi vua, chắc là cũng chẳng đến nỗi có hại cho dân chúng, mà còn có lợi, chẳng có hại. Vì thế, họ chẳng ra mặt khuyên can, ngăn trở, vẫn giúp nhà vua cai trị đất nước. Nay vua muốn hại mẹ, đây là chuyện đại nghịch bất đạo, ắt cần phải ra mặt khuyên can, ngăn cản. Khuyên can, ngăn cản mà vua chẳng nghe, nhất định sẽ bỏ nước này, trốn sang nước khác. Chuyện này ở Ấn Độ có, mà ở Trung Hoa vào thời cổ cũng có. Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, quốc vương vô đạo, hiền nhân trốn đi là chuyện thường thấy, trong lịch sử Trung Hoa cũng thường thấy. Hai vị hiền thần trong lúc ấy đến khuyên nhủ vua, kể ra quốc vương cũng khá lắm, tiếp nhận lời khuyên cáo, chẳng sát hại mẹ.

Chúng ta xem đoạn kinh văn tiếp theo, dòng thứ hai từ dưới đếm lên trong trang một trăm mười bốn.

Sắc ngữ nội quan, bế trí thâm cung, bất linh phục xuất.

敕語內官。閉置深宮。不令復出。

(Sắc truyền nội quan nhốt chặt mẹ trong cung cấm, chẳng cho ra ngoài nữa).

“Sắc” (敕) là sắc lệnh, người Hoa gọi là “thánh chỉ” (聖旨), tức là mệnh lệnh do hoàng đế ban ra. Tuy chẳng giết mẹ, nhưng cũng giam cầm mẹ, chẳng cho bà được tự do hành động. Giam chặt bà trong thâm cung, khiến bà chẳng thể lui tới chỗ quốc vương. Lần này, không chỉ mẹ nhà vua mắc nạn, mà cha nhà vua còn bị nạn nặng hơn, đồ ăn thức uống bị đoạn tuyệt, mẹ chẳng được tự do hành động.

Thời Vi Đề Hy bị u bế dĩ, sầu ưu tiều tụy.

時韋提希被幽閉已。愁憂憔悴。

(Lúc đó, bà Vi Đề Hy bị nhốt kín, sầu lo, tiều tụy).

Nói thật ra, bà ta ưu lự không phải vì chính mình, mà vì quốc vương. Quốc vương không có ai lo ăn uống, sẽ nguy lắm! Đúng là mạng trong sớm tối, nên hết sức lo sầu.

Dao hướng Kỳ Xà Quật sơn, vị Phật tác lễ.

遙向耆闍崛山。為佛作禮。

(Bèn hướng vọng về núi Kỳ Xà Quật, kính lễ đức Phật).

Ở trong thâm cung chẳng thể ra ngoài, bèn hướng về đạo tràng giảng kinh, thuyết pháp của đức Phật, hướng về phương hướng ấy mà lễ bái.

Nhi tác thị ngôn: “Như Lai Thế Tôn, tại tích chi thời, hằng khiển A Nan lai ủy vấn ngã”.

而作是言。如來世尊。在昔之時。恆遣阿難來慰問我。

(Mà nói như thế này: “Bạch đức Như Lai Thế Tôn, xưa kia, Ngài luôn sai A Nan đến an ủi, thăm hỏi con”).

Quốc vương và vương hậu khi ấy đều là hộ pháp của đức Thế Tôn, mà cũng là đệ tử tại gia của đức Thế Tôn, nên đức Phật thường sai A Nan đến giảng kinh, thuyết pháp cho họ.

Ngã kim sầu ưu, Thế Tôn oai trọng, vô do đắc kiến, nguyện khiển Mục Liên tôn giả A Nan, dữ ngã tương kiến.

我今愁憂。世尊威重。無由得見。願遣目連尊者阿難。與我相見。

(Con nay sầu lo, Thế Tôn oai đức cao trọng, không cách nào được gặp, xin hãy sai tôn giả Mục Liên và A Nan đến gặp mặt con).

Đức Phật là thầy, chẳng dám làm phiền lão nhân gia, mong mỗi đức Phật có thể sai tôn giả Mục Kiền Liên và A Nan đến gặp mặt bà ta.

Tác thị ngữ dĩ, bi khắp vũ lệ, dao hướng Phật lễ.

作是語已。悲泣雨淚。遙向佛禮。

(Thừa lời ấy xong, buồn khóc, tuôn nước mắt như mưa, hướng vọng về phía Phật lễ bái).

Chúc nguyện như vậy xong, lại lễ bái. Chúng ta lại xem phần kinh văn kế tiếp nơi trang một trăm mười bảy.

Vị cử đầu khoảnh.

未舉頭頃。

(Trong khoảng chưa ngẩng đầu lên).

Bà ta lay xuống, còn chưa ngẩng đầu lên, ý nói thời gian rất nhanh chóng.

Nhĩ thời Thế Tôn tại Kỳ Xà Quật sơn, tri Vi Đề Hy tâm chi sở niệm.

爾時世尊在耆闍崛山。知韋提希心之所念。

(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở núi Kỳ Xà Quật, biết tâm niệm của Vi Đề Hy).

Đức Thế Tôn tâm địa thanh tịnh có thể thấy thấu suốt khắp pháp giới, hết thấy chúng sanh khởi tâm động niệm, chẳng có gì đức Phật không biết. Như trong đại kinh đã nói: Hàng Bồ Tát trong thế giới Tây Phương, ngay cả hạ hạ phẩm vãng sanh đều có năng lực này, chúng sanh trong mười phương thế giới khởi tâm động niệm không gì chẳng biết. Do đó, chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Vừa động niệm, đức Phật biết ngay.

Tức sắc Đại Mục Kiền Liên cập dĩ A Nan, tùng không nhi lai.

即敕大目犍連及以阿難。從空而來。

(Liên truyền Đại Mục Kiền Liên và A Nan, từ hư không mà đến).

Ứng với điều bà ta mong cầu. Bà ta cầu được gặp mặt Mục Kiền Liên và A Nan, đức Phật liền sai hai vị ấy đến. Không chỉ là đức Phật sai hai vị ấy đến, mà Ngài cũng tự đến.

Phật tùng Kỳ Xà Quật sơn một, ư vương cung xuất.

佛從耆闍崛山沒。於王宮出。

(Đức Phật biến mất tại núi Kỳ Xà Quật, xuất hiện tại vương cung).

Đức Phật cũng đến, dẫn theo hai người ấy.

Thời Vi Đề Hy lễ dĩ, cử đầu, kiến Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật, thân tử kim sắc tọa bách bảo liên hoa, Mục Liên thị tả, A Nan thị hữu, Thích, Phạm hộ thế chư thiên, tại hư không trung.

時韋提希禮已。舉頭。見世尊釋迦牟尼佛。身紫金色坐百寶蓮華。目連侍左。阿難侍右。釋梵護世諸天。在虛空中。

(Khi ấy, Vi Đề Hy lễ xong, ngẩng đầu lên, thấy đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật, thân màu vàng tía, ngồi trên hoa sen bằng trăm thứ báu, Mục Liên hầu bên trái, A Nan hầu bên phải. Thích Phạm hộ thế chư thiên đều ở trên hư không).

“Thích Phạm hộ thế chư thiên” chỉ hết thấy các vị thần hộ pháp. Thần hộ pháp ở trên hư không.

Phổ vũ thiên hoa, trì dụng cúng dường.

普雨天華。持用供養。

(Mưa khắp các hoa trời, dùng đó để cúng dường).

Thần hộ pháp ở trên hư không rải hoa cúng dường. Đây là nói phu nhân vừa dấy một niệm, Phật, Bồ Tát bèn xuất hiện tại vương cung. Đức Phật đến vì biết nhân duyên đã chín muồi. Quốc vương cầu Phật, đức Phật chỉ phái đệ tử đến truyền giới và thuyết pháp cho vua, đức Phật chẳng tự đến. Phu nhân vừa động niệm, đức Phật đích thân đến. Điều này cho thấy vua và phu nhân, nguyện vọng mỗi người khác nhau, sở cầu chẳng giống nhau. Một đấng chỉ cầu truyền giới, đức Phật sai đệ tử đến là được rồi. Một đấng mong cầu lìa khổ được vui, trừ đức Phật tự đến [dạy bảo] ra, [sai người nào khác đến giảng giải] đều chẳng thể. Vì thế, do tâm niệm, nguyện cầu của họ khác nhau, mà cảm ứng cũng chẳng giống nhau.

Trong lời chú giải phía sau đoạn này, Đế Nhân đại sư nêu ý kiến về cách chúng ta thờ tượng Phật trong hiện thời, do đoạn kinh văn này mà Ngài có ý kiến ấy. Chúng tôi đọc đoạn này một lượt, để các đồng tu thấy đoạn này trong tâm chẳng khởi hoài nghi. Nơi hàng thứ ba trang một trăm mười chín, xem từ câu thứ hai. “*Ngã quốc các xứ đại điện*”, [ý nói] trong Đại Hùng Bảo Điện của các tự viện nhà Phật [tại Trung Hoa]. “*Cúng nhất Phật nhị thị giả tượng, tương truyền đô đạo Ca Diếp, A Nan*” (Thờ tượng một vị Phật và hai vị thị giả, tương truyền đều nói [hai vị thị giả] chính là Ca Diếp và A Nan), thông thường truyền tụng, hai tượng ấy, một bên là tôn giả Ca Diếp, bên kia là tôn giả A Nan. Quả thật rất nhiều nơi thờ tượng theo cách thức ấy, một bên là tượng một vị trẻ tuổi, tượng bên kia tuổi tác rất cao, thờ hai vị ấy. “*Ngã tắc tố ngôn bất dĩ vi nhiên*” (Tôi trọn chẳng cho như vậy là đúng), “*tôi*” là pháp sư Đế Nhân tự xưng, “*tuy bất kiến hữu nhân công nhiên phủ nhận, đản tâm trung do vị thành khảng nhĩ*” (tuy chẳng thấy có ai công khai phủ nhận, nhưng trong tâm vẫn chưa thật sự khẳng định như thế), có những người thấy cách thờ như vậy không nghĩ là đúng, nhưng cũng không tiện nói. “*Phù cổ nhân kiến điện, cúng tượng, tất hữu sở bản*” (Phàm cổ nhân dựng điện, thờ tượng, ắt có căn cứ), phải có căn cứ vì sao thờ phụng theo cách thức ấy! “*Thí vấn Ca Diếp, A Nan, xuất ư hà điện*” (Thử hỏi [thờ hai vị thị giả] là Ca Diếp và A Nan xuất phát từ kinh điển nào), chẳng tìm thấy căn cứ trong kinh điển. “*Ngã viết phi giả, nãi bản ư kim kinh dã*” (Tôi nói chẳng phải vậy, do căn cứ theo kinh này). Pháp sư Đế Nhân nói thờ tượng như vậy có thể là không đúng. [Nói là] không đúng vì căn cứ theo kinh này, căn cứ trên đoạn kinh văn này. “*Kinh trung phân minh thuyết Phật thân tử kim sắc, tọa bách bảo liên hoa, Mục Liên thị tả, A Nan thị hữu, tả diện tương truyền ngôn Ca Diếp giả, dĩ manh tùng manh dã*” (Trong kinh nói rõ ràng thân Phật màu vàng tía, ngồi trên hoa sen trăm báu, Mục Liên hầu bên trái, A Nan hầu bên phải. Lời truyền tụng vị đứng bên trái là Ca Diếp như trên đây chính là [lời tương truyền] do gã đui dạy kẻ mù vậy). Trong cách nhìn của lão hòa thượng, Ngài nói người bên trái chẳng phải là

tôn giả Ca Diếp, phải nên là ngài Mục Liên, do căn cứ theo những điều được nói trong kinh này.

Cách nhìn này của lão hòa thượng cổ nhiên là có lý, nhưng chúng tôi cảm thấy người ta thờ một bên là Ca Diếp, thờ bên kia là A Nan, theo như chúng tôi nghĩ, cũng chẳng có gì là thờ sai! Tuy trong kinh điển không có, nhưng những chuyện trong kinh điển không có rất nhiều! Chỉ cần nói theo phương diện ý nghĩa biểu pháp mà thông suốt thì cũng chẳng phải là không được. Ngài Ca Diếp truyền Tông Môn, tức Thiền Tông, ngài A Nan truyền Giáo Hạ. Dùng hai Ngài để biểu thị Tông Môn và Giáo Hạ thì cũng xuôi tai, cũng trọn chẳng phải là hoàn toàn không có lý do! Đây là cách thờ tượng thông thường, cụ Đế Nhàn nói có lý, nhưng thờ A Nan và Ca Diếp cũng có lý, đều chẳng thể coi là sai, chúng ta chớ nên chấp trước, chớ nên thiên chấp là được rồi. Trong pháp môn Đại Thừa, lúc thờ thì thường không thờ A Nan và Ca Diếp, mà là thờ Thích Ca Mâu Ni Phật chính giữa, thông thường là thờ Văn Thù và Phổ Hiền, thờ hai vị đại Bồ Tát ấy, giống như thờ Tây Phương Tam Thánh là thờ A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, thờ theo cách như vậy.

Lại xem đoạn kinh văn tiếp theo. Khoa đề của phần kinh văn này ở trong dòng thứ hai đếm từ dưới lên trong trang một trăm mười chín. Trong khoa đề, có một chữ có vấn đề! Đây là đoạn thứ ba: “*Thương thân thỉnh pháp nhị, sơ vấn vãng sanh nhân*” (Cảm thương thân thờ, gồm có hai phần. Phần thứ nhất là hỏi về cái nhân vãng sanh). Chữ “vãng sanh” này có vấn đề, [vì bà Vi Đề Hy] hỏi về cái nhân trong “*túc sanh*”, tức là hỏi về nhân duyên trong đời quá khứ. Kinh văn phải là “*vấn túc sanh*”, chẳng phải là hỏi về vãng sanh. Do đó, chữ Vãng là sai!

Thời Vi Đề Hy kiến Phật Thế Tôn.

時韋提希見佛世尊。

(Khi đó, bà Vi Đề Hy trông thấy đức Phật Thế Tôn).

Chẳng ngờ đức Phật đích thân đến.

Tự tuyệt anh lạc, cử thân đầu địa hào khắp hướng Phật.

自絕瓔珞。舉身投地號泣向佛。

(Tự giật đứt chuỗi anh lạc, gieo mình xuống đất, gào khóc hướng về Phật).

Đức Phật hiện đến, cảm động sâu xa nhất, giật bỏ những thứ chuỗi ngọc đeo trên thân, hướng về Phật đánh lễ, đầu đón khóc ròng.

Bạch ngôn: “Thế Tôn! Ngã túc hà tội, sanh thử ác tử?”

白言。世尊。我宿何罪，生此惡子。

(Bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Con xưa có tội gì mà sanh ra đứa con tàn ác này?”)

Trong đời quá khứ, tôi đã tạo tội nghịch đến nỗi nào mà sanh ra đứa con bất hiếu giết cha, hại mẹ. Đây là hỏi về nhân duyên trong quá khứ.

Thế Tôn phục hữu hà đẳng nhân duyên, dữ Đề Bà Đạt Đa, cộng vi quyền thuộc?

世尊復有何等因緣。與提婆達多。共為眷屬。

(Đức Thế Tôn lại do có nhân duyên như thế nào mà cùng với Đề Bà Đạt Đa là quyền thuộc⁴⁰).

Nói đức Phật Thế Tôn trong quá khứ có nhân duyên gì mà có sao Đề Bà Đạt Đa và Ngài là anh em, tức anh em họ. Đó là nhân duyên gì? Con tôi và tôi là nhân duyên gì? Hai kẻ ấy cấu kết muốn hại Phật, muốn hại cha mẹ, làm chuyện đại nghịch bất đạo này!

Tiếp đó là hỏi đến nơi sẽ vãng sanh, trong đoạn kinh văn tiếp theo, tức là dòng thứ tư trong trang một trăm hai mươi mốt:

Duy nguyện Thế Tôn, vị ngã quảng thuyết vô ưu não xứ, ngã đương vãng sanh, bất nhạo Diêm Phù Đề trước ác thế dã.

唯願世尊。為我廣說無憂惱處。我當往生。不樂閻浮提濁惡世也。

(Kính xin đức Thế Tôn, hãy vì con nói rộng rãi về chỗ chẳng có ưu não, con sẽ sanh về đó, chẳng thích cõi đời trước ác trong chốn Diêm Phù Đề).

Ở đây bà ta mới nêu ra ý niệm ấy. Trước đó, bà trọn chẳng nói ra, chẳng nêu ra ý niệm ấy, chẳng nói ra ý nghĩ này, nhưng đức Phật đã biết. Chẳng cần chờ quý vị nói ra, đức Phật đã đến, muốn giúp quý vị giải quyết vấn đề ấy. Nay đức Phật đã đến, bà ta nói ra. Chuyện này ngoại trừ đức Phật đích thân đến thì không thể, vì sao? Đây là đại sự nhân duyên, kinh Pháp Hoa nói “*một đại sự nhân duyên*”, liễu sanh tử, thoát tam giới, thành Phật trong một đời, chẳng có chuyện gì lớn hơn chuyện này! Vua Tần Bà Sa La chẳng có ý niệm này, chẳng mong liễu sanh tử, thoát tam giới, thành Phật, làm Tổ, vua chẳng có nguyện vọng ấy. Nguyện vọng của nhà vua là chỉ cầu được truyền giới, chỉ cầu nghe pháp hồng giải trừ khổ nạn trong hiện tiền. Phu nhân có nguyện vọng vĩnh viễn thoát khỏi khổ nạn, giải quyết một chuyện thì trăm chuyện được giải quyết, hai người có nguyện vọng khác nhau. Vì thế, đối với quốc vương, đức Phật chỉ sai đệ tử đi là được rồi, đã

⁴⁰ Tổ Trí Giả sớ giải: “[Trong] kinh này chẳng đáp, nhưng các kinh khác có nói. Xưa kia vào thời Định Quang Phật, Phật Thích Ca [có tên] là Ma Nạp, theo học ở chỗ tiên nhân Trân Bảo. Học tập đã thành, nghĩ muốn báo ân, nhưng tự xét chính mình nghèo khó. Khi ấy, ông Da Nhã Đạt muốn gả con gái, có ông Tu Ma Đề mong được làm rể. Ông này thông minh, có trí huệ, nhưng hình mạo xấu xí. Ma Nạp gặp mặt [cùng Tu Ma Đề] nghị luận. Tu Ma Đề biện luận thua cuộc, Da Nhã Đạt hoan hỷ, giúp Ma Nạp rất nhiều trân bảo, gả con gái cho. Tu Ma Đề sinh lòng phẫn hận, phát thệ trong vị lai đời đời gây não hại. Vì nhân duyên ấy, thường xúc não ông ta”.

có thể thỏa mãn nguyện vọng của ông ta. Đối với phu nhân, không thể nào chẳng tự đi thì nguyện vọng ấy mới có thể viên mãn; do đó, đức Thế Tôn đích thân đến hoàng cung. Bà ta nói rõ “chẳng muốn trụ trong thế gian này nữa”. Tiếp đó, kinh văn chép:

Thử trước ác xứ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh doanh mãn, đa bất thiện tu. Nguyện ngã vị lai bất văn ác thanh, bất kiến ác nhân.

此濁惡處。地獄餓鬼畜生盈滿。多不善聚。願我未來不聞惡聲。不見惡人。

(Chón trước ác này, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đầy dẫy, nhiều nỗi bất thiện tu tập. Nguyện trong tương lai, con chẳng nghe tiếng ác, chẳng thấy kẻ ác).

Mấy câu này nêu rõ phu nhân do gặp nạn này bèn triệt để giác ngộ, thật sự giác ngộ. Thế giới này xác thực là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đầy ắp! Quý vị nói “chúng ta chưa thấy” ư? Chưa thấy là chưa thấy quả, chứ cái nhân đã thấy rồi! Tham dục là nhân của ngạ quỷ, sân khuê là nhân của địa ngục, ngu si là nhân của súc sanh. Chúng ta thấy thế gian này ngập tràn tham, sân, si; những điều tạo tác cũng là tham, sân, si, quả báo trong tương lai là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, lẽ đâu chẳng tràn ngập? Điều này thật sự quá đáng sợ! “*Đa bất thiện tu*” là nói tới hoàn cảnh nhân sự, thế gian này quá ít thiện nhân, người thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ quá ít. Không chỉ là người thế gian là như vậy, mà người học Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ. Có thấy rõ ràng hoàn cảnh thì mới biết vãng sanh là khẩn yếu. Rời khỏi thế giới này sớm hơn một ngày, tức là được phước sớm hơn một ngày, được an lạc sớm hơn một ngày. Thế gian này có gì đáng để lưu luyến? Bỏ Tất trụ trong thế gian này thêm một ngày, nhằm mục đích độ thêm một người hữu duyên, tuyệt đối chẳng phải là lưu luyến thế gian này. Hết thấy việc làm, hết thấy hành động đều nhằm giúp đỡ chúng sanh hữu duyên sớm sanh về Cực Lạc. Trừ chuyện này ra, chư vị ngẫm xem, còn có lý do gì để ở thêm một ngày trong thế gian này? Hy vọng trụ trên thế gian thêm một ngày, chính là mê hoặc điên đảo, là ngu si. Người có trí huệ, thật sự giác ngộ, chắc chắn không hy vọng ở trên thế gian này thêm một ngày nào! Ở đây, chúng ta thấy phu nhân Vi Đề Hy đã giác ngộ, đã hiểu rõ, trụ trong thế gian này chẳng thể được! Chúng ta thấy bà ta giác ngộ, lại nghĩ tới chính mình, bà ta thật sự biết thế gian này khổ sở, nay chúng ta gặp nạn vẫn chưa đủ, nên vẫn chưa giác ngộ.

Có thể nói là hiện thời, người thế gian trên cả thế giới đang bị hãm trong hoàn cảnh hết sức bất thường. Bình thường là gì? Theo sự giáo hóa của Nho gia, [“bình thường” chính là] Ngũ Luân, Ngũ Thường, luân thường xã hội bình thường, đúng mực. Vứt bỏ luân thường chính là bất bình thường. Toàn thể thế giới đều bất bình thường, khổ nạn càng hãm sâu hơn! Do đó, thế gian này còn có tai nạn rất lớn, ở ngay trước mắt, ngày càng gần hơn. Theo tiên đoán của Cơ Đốc giáo phương Tây, tận thế xảy ra vào ngày nào? Năm 1999. Họ nói tận thế vào năm 1999, năm nay là 1990. Nếu ngay cả đầu đuôi đều chẳng tính thì [theo cách

nói ấy] còn có chín năm nữa sẽ tận thế, Gia Tô (Jesus) sẽ giảng phàm tra xét người đời. Đó là tiên đoán của Cơ Đốc giáo: Chín năm nữa, thế giới này sẽ chẳng còn⁴¹. Trước đây, người ngoại quốc tin theo Cơ Đốc giáo, nay họ chẳng tin tưởng. Hiện thời, tại ngoại quốc người tin theo Cơ Đốc giáo ngày càng ít. Tuy vẫn còn rất nhiều người đến nhà thờ lễ bái, nhưng họ chẳng tin tưởng, nghi vấn rất nhiều. Tôi gặp rất nhiều tín đồ Cơ Đốc ngoại quốc đến nói với tôi: Mỗi Chủ Nhật họ vẫn đi nhà thờ, nhưng có rất nhiều vấn đề hoài nghi đối với những gì Kinh Thánh đã nói. Trong dự ngôn cổ xưa của Trung Hoa, thế giới này sẽ khôi phục trật tự bình thường. Nếu tính theo Công Nguyên, đại khái là từ năm 2020 cho đến 2030, thế giới này mới khôi phục trật tự bình thường. Tiên đoán của phương Đông và phương Tây trọn chẳng cùng nhau nghiên cứu, thương lượng, mà nghiêm nhiên tiên đoán rất giống nhau như vậy, sai lệch khoảng chừng ba mươi năm, gần gũi như vậy đó!

Chúng ta lại xem hoàn cảnh hiện tiền, nhìn từ chỗ nào? Nhìn từ lòng người, nhìn từ các tạo tác của hết thảy mọi người, thế giới đúng là sẽ có tai nạn. Đại khái

⁴¹ Thật ra, đây không phải là tiên đoán của giáo hội Công Giáo, Chính Thống Giáo hay các giáo hội Cơ Đốc Tân Giáo (Tin Lành, Phúc Âm, Cải Cách, Giám Lý v.v...). Những tiên đoán này chỉ là ý kiến của một số cá nhân, dựa theo cách họ diễn dịch những ẩn dụ trong sách Khải Huyền (Apocalypse, Revelation) của Kinh Thánh. Cứ mỗi lần chuyển sang một thế kỷ mới, lại có dự đoán thế giới sẽ tận diệt. Nhất là vào năm 1999 là năm cuối cùng của thế kỷ 20, do phát hiện một sai lầm trong hệ thống computer, nhất là trong hệ thống Mainframe (do tiết kiệm bộ nhớ, người ta chỉ ghi năm bằng hai con số cuối, nên sang thế kỷ 21, nếu không sửa lỗi trong các chương trình đã sử dụng, năm 2013 sẽ được máy tính hiểu là năm 1913. Điều này có thể gây nên những rối loạn trong các hệ thống dịch vụ công cộng), những nhà “tiên tri” bèn âm ỉ tiên đoán năm 1999 hoặc năm 2000 sẽ tận thế. Họ thường viện dẫn Nostradamus để chứng minh cho lập luận này, nhưng khi xét đến nguyên văn, chúng ta chẳng thấy Nostradamus khẳng định năm nào. Những nhà “tiên tri” tiên đoán ồn ào nhất về ngày tàn của thế giới vào năm 1999 hoặc năm 2000 là James Gordon Lindsay (1906-1973) (ông này là người sáng lập học viện Christ For The National Institute), Edgar Cayce, Sun Myung Moon (mục sư sáng lập Unification Church của Đại Hàn, rất nổi tiếng với những trò gây ồn ào như rửa tội cho hàng ngàn người bằng ống tưới để xịt thay vì rảy nước thánh, hoặc làm lễ kết hôn cho mấy trăm cặp cùng một lúc), Ed Dobson (mục sư của Calvary Church tại Grand Rapids, Michigan), Lester Sumrall, Harold Camping (ông này rất nổi tiếng vì đã tiên đoán rất nhiều lần và luôn đoán sai bẽ bét, vụ âm ỉ nhất là ông tiên đoán như thánh phán ngày Hai Mốt tháng Mười năm 2011 vừa qua sẽ có động đất khủng khiếp và Chúa sẽ mang 3% dân số trên thế giới về nước trời mà thôi, những người còn lại sẽ chết sạch). Ngay cả chuyện thế giới sẽ tận diệt vào cuối năm 2012 được các nhà “tiên tri”, khoa học giả mạo tiên đoán vừa qua cũng chẳng phải là chuyện mới mẻ, vì John of Toledo (giám mục xứ Proto and Santa Rufina, mất năm 1275) đã từng tiên đoán thế giới tận diệt vào năm 1186 do các hành tinh trong Thái Dương Hệ xếp thẳng hàng. Điều đáng trách là những đệ tử tại gia khi đọc các tin từ Internet hay các sách vở mạo danh khoa học đã thiếu thái độ nghiêm túc suy xét, nên đã cung cấp những thông tin sai lạc cho Hòa Thượng (vì Ngài không đọc báo, xem TV, nghe radio, nên không thể kiểm chứng tính chân xác của mỗi bản tin), khiến cho trong các buổi giảng, với dụng ý khuyên răn các đồng tu luôn tỉnh ngộ thế gian vô thường, Ngài đã dẫn dụng các tin này, tạo thành những hạt sạn trong các lời giảng, khiến cho người nghe do thiếu suy xét, phán đoán, chỉ lo chăm chú những chuyện vụn vặt ấy mà quên đi những giáo nghĩa quan trọng, những lời khuyên thiết thực trong bài giảng của Hòa Thượng.

là tai nạn ấy hết sức nghiêm trọng; sau tai nạn ấy, con người sẽ rất lắng lòng suy nghĩ cặn kẽ, biết phải thực hiện như thế nào! Nếu chẳng thể khôi phục luân thường, đạo đức, chẳng thể tuân thủ những lời răn dạy của Phật, Bồ Tát, hết thấy chúng sanh quyết định chẳng thể tránh khỏi tai nạn đau khổ. Khi nào mọi người mới có thể tin tưởng, tiếp nhận? Ất phải là khi còn phải hứng chịu đại khổ nạn, họ mới có thể tin tưởng, tiếp nhận. Giống như phu nhân Vi Đề Hy gặp đại kiếp nạn như thế thì mới thật sự tỉnh ngộ. Bà ta mong cầu một cõi, nhưng cũng chưa biết đến thế giới Cực Lạc, chỉ cầu một nơi chẳng có khổ nạn. Không chỉ là những chuyện khổ nạn tôi không trông thấy, mà ngay cả nghe nói, cũng khiến cho tôi chẳng phải nghe, hy vọng có một nơi như vậy để tôi có thể đến đó. Nêu bày nguyện vọng của chính mình, tiếp theo đó là thỉnh cầu. Phần kinh văn trong trang một trăm hai mươi hai là chính thức hướng về đức Thế Tôn nêu bày yêu cầu. Tiêu đoạn thứ ba là “*thỉnh vãng sanh nhân*” (thỉnh cầu đức Phật dạy bảo cái nhân để vãng sanh). Chúng ta xem hàng kinh văn được in cao lên một chữ [so với các dòng xung quanh].

Kim hướng Thế Tôn ngũ thể đầu địa, cầu ai sám hối.

今向世尊五體投地。求哀懺悔。

(*Nay hướng về đức Thế Tôn, năm vóc gieo xuống đất, xót xa cầu xin sám hối*).

Sám hối, đại khái là do trong đời quá khứ tạo tội nghiệp quá nặng, sanh ra một đứa con bất hiếu như thế, sám hối chuyện này.

Phật nguyện duy viết, giáo ngã quán w thanh tịnh nghiệp xứ.

佛願唯曰。教我觀於清淨業處。

(*Kính xin Phật hứa khả, dạy con quán chỗ có nghiệp thanh tịnh*).

Đoạn kinh văn này là câu [chỉ dạy] cái nhân vãng sanh. Tuy phu nhân khải thỉnh, nhưng đức Phật dùng phương pháp thiện xảo cùng cực, đức Phật trọn chẳng bảo bà ta: Ở phương Tây của thế giới Sa Bà, có thế giới Cực Lạc, có A Di Đà Phật, nơi ấy tốt đẹp như thế nào, bà có thể vãng sanh nơi đó. Đức Phật chẳng nói như thế, mà dùng phương pháp thị hiện trọn hết Tịnh Độ của chư Phật trong mười phương trước mặt bà ta, để chính bà tự chọn lựa. Nói như hiện thời, cách làm này dân chủ, cởi mở, chính quý vị chọn lựa. Quý vị chọn lựa kỹ càng rồi, ta sẽ dạy quý vị cách tu như thế nào, cách đến đó như thế nào, đó mới là thật sự thỏa mãn nguyện vọng của bà ta. Nói thật ra, phu nhân chọn lựa là chọn lựa thay cho chúng ta, không phải là đức Phật chủ động giới thiệu cho chúng ta, để cho chúng ta được tự do tự tại chọn lựa. Phương pháp này thiện xảo, khiến cho chúng ta cầu sanh Tây Phương, quả thật là tâm phục, khẩu phục, xuất phát từ nguyện vọng của chính mình. Chúng ta hãy nên ghi nhớ phương thức giáo học này, vì sao? Chúng ta thường khuyên người khác niệm Phật, khuyên người khác cầu sanh Tịnh Độ, vì

sao người ta chẳng bằng lòng, không thể tiếp nhận? Thấy người ấy không thể tiếp nhận, bèn chẳng khuyên kẻ ấy. Hãy nói với kẻ ấy những điều hay trong Phật pháp, bảo người đó làm lành có thiện báo, để kẻ ấy tiếp xúc nhiều, hiểu rõ hơn, sẽ dần dần khiến cho người ấy tự mình phát hiện chỗ thù thắng của pháp môn Tịnh Độ. Do tìm được bèn cam tâm tình nguyện tu tập, ta đã đạt được mục đích.

Trở về Tịnh Độ là điều chắc chắn có thể xảy ra, vì sao? Tịnh Độ thuộc loại tự tánh Tịnh Độ, tự tánh Di Đà, đều chẳng tách rời tự tánh, chẳng lìa khỏi tự tâm, há có lẽ nào chẳng thể giác ngộ? Bất quá là nhất thời mê hoặc mà thôi. Do mê hoặc nhất thời, nên mới chẳng cầu sanh về Tịnh Độ. Nói thật ra, chẳng nghĩ tới [cầu sanh Tịnh Độ] thì trong ấy cũng có nhân tố. Nhân tố ấy chính là sự sai lầm trong quan niệm. Có những người nghĩ: “Ta tu hành, trong tương lai sẽ vượt Phật trời Tổ, cần gì phải vãng sanh?” Giống như A Di Đà Phật đã phát nguyện trước Thế Gian Tự Tại Vương Phật: “*Trong tương lai, con thành Phật sẽ vượt trời chư Phật*”. Đã vượt trời chư Phật thì cần gì phải cầu sanh Tịnh Độ? Nhưng vấn đề là người ấy có thể vượt trời được hay không? Đây là một vấn đề. Có những người phát nguyện, tâm từ bi rất nặng: “Người khổ nạn trong thế gian này rất nhiều, ta đòi đòi kiếp kiếp làm pháp sư trong cõi này để giáo hóa chúng sanh là được rồi. Dẫu Tịnh Độ tốt đẹp, ta nay vẫn chưa muốn đi”. Vì vậy, có khá nhiều quan niệm sai lầm. Còn có người nghĩ: “Tịnh Độ rất tốt, nhưng nay ta vẫn chưa muốn tới đó. Trong tương lai, đến lúc lâm chung, lại cầu sanh thì vẫn còn kịp”. Nào có biết là đến khi lâm chung, không chừng cũng có khi bỏ lỡ nhân duyên. Quá nhiều nhân tố khiến cho vãng sanh Tịnh Độ bị chướng ngại. Chúng ta cần phải biết những chuyện này! Phải trừ khử những chướng ngại ấy ngay trong hiện tại, chứ lúc lâm chung rất khó thể nói!

Phu nhân Vi Đề Hy chẳng biết trong quá khứ đã tạo tội nghiệp gì nên “*cầu ai sám hối*” (xót xa cầu xin sám hối). Bản thân chúng ta làm sao biết tội nghiệp đã tạo trong quá khứ? Chúng ta sẽ chết bữa nào, chết theo kiểu nào, làm sao biết được? Tại Hương Cảng, Phật môn chúng ta có một vị đại hộ pháp, cũng rất giàu có, là bà Lôi, bà đã từng đến thăm đạo tràng chúng ta. Kinh doanh rất thành công, năm 1997, đảng Cộng Sản thu hồi Hương Cảng, nên bà ta dùng tiền kiếm được ở Hương Cảng sang Gia Nã Đại mua đất đầu tư. Năm xưa, bà ta có nói với tôi, tại Ôn Ca Hoa (Vancouver), tôi từng ở nhà bà ta. Tôi đến đó vào khoảng năm 1985, khi hội chợ triển lãm thế giới khai mạc tại Ôn Ca Hoa vào năm 1985. Bà đã mua hơn bảy mươi mẫu đất, một khu đất khá lớn. Mấy năm trước, tôi có gặp bà ta, bà cho biết lại mua hơn một trăm mẫu đất, khu đất ấy đã cất vài khu phố, quá to! Năm nay, bà ta chết vì tai nạn xe cộ, chính bà ta lái xe gặp tai nạn. Đại khái là bà ta cũng bị bệnh tim, khi tai nạn xe cộ xảy ra, đưa tới bệnh viện thì chết. Bà cùng chồng hai người, ông chồng bị thương. Chồng bà mắt không tốt, thị lực rất kém, ban ngày có thể lái xe, nhưng buổi tối chẳng dám lái xe. Bà ta lái xe, đã chết! Lần này, tôi ở Hương Cảng, khi Hương Cảng làm lễ truy điệu, tôi có đến tham dự. Rất giàu có. Đó là gì? Đó là hoạn tử (chết ngang xương)! Kinh hoàng, thất thố, còn biết niệm Phật hay chẳng? Quên sạch Phật hiệu, chết như vậy không thể vãng

sanh, vì kinh hoảng, thất thố. Do đó, chúng ta biết chính mình có tội nghiệp gì, tương lai sẽ là tình huống ra sao? Không biết!

Vì thế, niệm Phật cầu vãng sanh, nhất định phải nắm chắc thời gian trong hiện tại thì mới đáng tin cậy. Quyết định chớ nên nghĩ tương lai ta phải như thế này, như thế nọ! Như bà Lôi luôn nghĩ tương lai phải như thế này, như thế nọ, mua đất lớn như vậy, còn mong lập đạo tràng. Phát tâm lập đạo tràng là tâm tốt lành, nhưng đạo tràng chưa cất xong, chính mình đã chết ngang trái. Vì thế, đối với nhân duyên quá khứ, chính mình chẳng hiểu. Phát tâm thì không chỉ người khác chẳng hiểu, mà nói thật thà, chính mình cũng chẳng hiểu. Phát tâm dựng chùa, xây đạo tràng hay chùa chiền thì bà ta đủ sức để xây, chẳng có vấn đề gì, nhưng dựng chùa xong, có đạo hay không? Cơ sở thì có, nhưng cơ sở đó trong tương lai sẽ để làm gì? Đều có vấn đề. Nếu cơ sở ấy chẳng có đạo, không chỉ chẳng có công đức, mà phước đức cũng chẳng có! Nếu cơ sở ấy xây cất rất lớn, khiến cho người xuất gia ở trong ấy tranh quyền đoạt lợi, không chỉ là chẳng có phước, mà còn tạo tội nghiệp. Chẳng dựng còn tốt hơn, chẳng dựng sẽ tốt đẹp!

Vì thế, chúng ta phải quan sát từ nhiều phương diện, quý vị sẽ hiểu: Niệm Phật cầu vãng sanh quyết chẳng thể chần chừ, chẳng thể chờ đợi đến tương lai, chẳng thể đợi đến sang năm, ngày mai sẽ chẳng đợi được đâu! Ở đây, phu nhân Vi Đề Hy đã thị hiện lia bỏ Sa Bà, cầu sanh Cực Lạc, quyết chẳng trì hoãn. Do đó, chỉ có Thích Ca Mâu Ni Phật đích thân đến thì mới có thể giúp cho bà ta đạt được nguyện vọng này. Được rồi! Chúng ta tan học.

Tập 19

Xin mở kinh bốn, trang một trăm hai mươi lăm:

Nhĩ thời Thế Tôn phóng mi gian quang, kỳ quang kim sắc, biến chiếu thập phương vô lượng thế giới, hoàn trụ Phật đài, hóa vi kim đài, như Tu Di sơn, thập phương chư Phật tịnh diệu quốc độ, giai ư trung hiện.

爾時世尊放眉間光。其光金色。遍照十方無量世界。還住佛頂。化為金臺。如須彌山。十方諸佛淨妙國土。皆於中現。

(Lúc đó, đức Thế Tôn phóng quang từ giữa hai mày⁴², quang minh ấy màu vàng chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới rồi trở về trụ trên đỉnh đầu đức Phật, hóa thành đài vàng như núi Tu Di. Các cõi thanh tịnh màu nhiệm của chư Phật đều hiện trong ấy).

Đức Thế Tôn chấp nhận lời thỉnh cầu của phu nhân Vi Đề Hy, thị hiện các cõi nước Phật để phu nhân Vi Đề Hy tự mình quan sát, chính mình chọn lựa. Đây cũng là một phần phóng quang, hiện tướng lành. Cõi nước của chư Phật hoàn toàn chẳng giống nhau. Từ đoạn kinh văn tiếp theo đây, chúng ta sẽ thấy tướng sai biệt của các cõi ấy. Chúng ta lật qua, xem hàng thứ nhất trong trang một trăm hai mươi sáu:

Hoặc hữu quốc độ, thất bảo hợp thành. Phục hữu quốc độ, thuần thị liên hoa. Phục hữu quốc độ, như Tự Tại thiên cung. Phục hữu quốc độ, như pha ly kính. Thập phương quốc độ, giai ư trung hiện. Hữu như thị đẳng, vô lượng chư Phật quốc độ, nghiêm hiển khả quán, linh Vi Đề Hy kiến.

或有國土。七寶合成。復有國土。純是蓮華。復有國土。如自在天宮。復有國土。如玻璃鏡。十方國土。皆於中現。有如 是等。無量諸佛國土。嚴顯可觀。令韋提希見。

(Hoặc có quốc độ, do bảy báu hợp thành. Lại có quốc độ, thuần là hoa sen. Lại có quốc độ, như cung trời Tự Tại. Lại có quốc độ, như gương pha lê. Mười phương cõi nước đều hiện trong ấy. Có vô lượng các cõi nước Phật như vậy, trang nghiêm, rõ rệt, đáng ưa để cho Vi Đề Hy trông thấy).

⁴² Lời chú giải trong sách Quán Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa về tướng bạch hào giữa hai mày đức Phật như sau: “Giữa hai lông mày của đức Như Lai có tướng bạch hào, ví như kha tuyết, dài một trượng năm thước. Bạch hào có tám cạnh, chu vi năm tấc. Trong bạch hào rỗng không, uyển chuyển xoay về bên phải, như ống lưu ly. Từ đó tỏa ra quang minh, chiếu vô lượng cõi nước, trở về trụ trên đỉnh đầu đức Phật, biến thành đài vàng, hiện rộng khắp các cõi nước, khiến cho bà Vi Đề Hy thích sanh về cõi An Dưỡng. Sự phóng quang này nhằm đáp ứng lời thỉnh xin chỉ dạy về cõi sẽ sanh về”. Kha là một loại ngọc quý, sanh từ một loại ốc trong biển cả. Sách Nhĩ Nhã giảng Kha (珂) là một loại ốc lớn mặt ngoài màu vàng pha đen, mặt trong trắng ngần, nên từ ngữ “kha tuyết” thường được dùng để hình dung những gì trắng ngần, không tỳ vết, chẳng bị nhiễm bẩn.

Đoạn này trình bày đại lược trạng huống khác nhau trong các cõi nước Phật, đều là Tịnh Độ của Phật để phu nhân Vi Đề Hy thấy rõ ràng. Ở đây, chúng ta biết: Theo như kinh đã nói rất rõ ràng, phu nhân Vi Đề Hy cùng với năm trăm cung nữ, nên trông thấy những điều này là mọi người đều thấy. Thuở ấy, đức Phật thị hiện tướng này, A Nan ở bên cạnh, Mục Kiền Liên cũng ở bên cạnh, Vi Đề Hy và năm trăm cung nữ đều đích thân trông thấy.

Thời Vi Đề Hy bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thị chư Phật độ, tuy phục thanh tịnh, giai hữu quang minh.

時韋提希白佛言。世尊。是諸佛土。雖復清淨。皆有光明

(Lúc ấy, bà Vi Đề Hy bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Các cõi Phật ấy tuy là thanh tịnh, lại còn đều có quang minh”).

Bà ta tán thán Tịnh Độ của chư Phật.

Ngã kim nhạo sanh Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật sở.

我今樂生極樂世界阿彌陀佛所。

(Con nay thích sanh về thế giới Cực Lạc là chỗ của A Di Đà Phật).

Qua sự so sánh mười phương cõi nước, bà ta mong cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là sự chọn lựa sau khi đã so sánh. Do điều này, có thể chứng minh, Di Đà Tịnh Độ quả thật thù thắng hơn Tịnh Độ của chư Phật. Ở đây, đức Phật chẳng giới thiệu, mà bày ra, để cho bà ta tự do chọn lựa. Chọn chắc chắn rồi, cách sanh về đó như thế nào? Cầu xin đức Thế Tôn chỉ dạy. Khoa tiếp theo là Chánh Thỉnh Tu Nhân, [nghĩa là] chúng ta phải tu cái nhân như thế nào thì mới có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới?

Duy nguyện Thế Tôn giáo ngã tư duy, giáo ngã Chánh Thọ.

唯願世尊教我思惟。教我正受。

(Kính xin đức Thế Tôn dạy con tư duy, dạy con Chánh Thọ).

Nêu ra yêu cầu! Trong phần chú giải có viết: “Sớ vân, tư duy thị nguyện” (Sớ viết: “Tư duy là nguyện”), Sớ là do Trí Giả đại sư nói, tư duy là phát nguyện. “Nguyện tư thị nghiệp, chánh vấn kỳ nhân. Chánh Thọ giả, phi tà viết Chánh, lãnh nạp danh Thọ, tức đệ nhị vấn Quán Hạnh” (Nguyện và tư duy là nghiệp, hỏi thẳng vào cái nhân [để được vãng sanh]. Chánh Thọ: Chẳng tà là Chánh, lãnh nạp là Thọ, tức là câu hỏi thứ hai về Quán Hạnh). Hai câu này nói đơn giản, sẽ là: Một là hỏi về nguyện, phát nguyện như thế nào? Hai là hỏi tu hành như thế nào? Điều này vô cùng quan trọng!

Dưới đây là lời giải thích của tôn giả Tứ Minh: “Sao vân, thử thỉnh Tịnh Độ chánh trợ nhị nhân. Sơ, giáo ngã tư duy. Nhược bất tư duy, bất thành nguyện

nhạo. Hữu nguyện chi tư, nãi thành nghiệp nhân, thử thỉnh Sư thiện trợ đạo chi nghiệp dã. Thứ giáo ngã Chánh Thọ, ly tà đảo tưởng, lãnh nạp sở duyên, thử thỉnh tu hành Tịnh Độ quán pháp, tức Chánh Quán dã” (Sao rằng: Đây là xin chỉ dạy chánh nhân và trợ nhân của Tịnh Độ. Trước hết, hãy dạy cho con cách tư duy. Nếu chẳng tư duy, sẽ chẳng thể nào nguyện cầu, ưa thích. Đã nghĩ đến cái nguyện, bèn trở thành nghiệp nhân. Đây chính là thưa hỏi những điều thiện thuộc về mặt Sư để làm nghiệp trợ đạo. Kế đến, dạy cho con Chánh Thọ, lìa bỏ những ý tưởng điên đảo, tà vạy, lãnh nhận các duyên. Đây chính là thưa hỏi quán pháp để tu hành Tịnh Độ, tức là Chánh Quán). Đây là một đoạn giải thích của sách Sớ Sao.

Đoạn tiếp theo, “*thiết vị*” (trộm cho rằng), đây chính là lời của pháp sư Đê Nhân: “*Cứ Sớ ý, tư duy thị nguyện, quán hạnh thị hạnh, thị dĩ nguyện đạo hạnh dã, Sao cứ đáp văn*” (Xét ra, lời Sớ mang ý nghĩa: Tư duy là nguyện, quán hạnh là hạnh. Do vậy, dùng nguyện để hướng dẫn hạnh; còn lời Sao thì dựa theo lời đáp [của đức Thế Tôn để giảng giải]). Tôn giả Tứ Minh đã căn cứ trên lời đáp của đức Thế Tôn dành cho lời khai thỉnh của bà Vi Đề Hy. Kinh văn ghi chép lời đáp trong phần sau. “*Tiên thị tịnh nghiệp thị Trợ, thứ minh diệu quán thị Chánh, thị Chánh Trợ Song Tu dã*” (Trước hết, chỉ ra Tịnh nghiệp là Trợ, kế đến giảng rõ diệu quán là Chánh, tức là Chánh Trợ Song Tu vậy). Thích Ca Mâu Ni Phật trả lời, trước hết nói về ba thứ Tịnh nghiệp, đó là Tư Duy. Trong phần sau của lời đáp, đã dạy về mười sáu phép Quán, đó là mười sáu cách tu, tức là nói về Chánh Thọ. Tôn giả Tứ Minh đã căn cứ trên ý nghĩa trong kinh để viết [lời Sao]. Hai cách giải thích ấy đều phù hợp với ý nghĩa của kinh, dùng nguyện hướng dẫn hạnh, Chánh Trợ song tu, đúng là cương lĩnh tu học trong Tịnh Tông.

Chúng ta xem kinh văn. Từ kinh văn, có thể thấy phương pháp giáo học của đức Thế Tôn rất hoạt bát, rất sinh động. Đức Phật biết ý nghĩ của bà Vi Đề Hy, cũng biết thiện căn nhiều đời nhiều kiếp hiện thời dấy lên hiện hành, nên Ngài đến hoàng cung, hiển thị sự hoan hỷ khôn sánh. Đây là cơ duyên thành Phật [của Vi Đề Hy] đã chín muồi, nên đức Phật đến độ bà ta hoan hỷ khôn sánh. Dùng phương thức ấy để cho bà ta tự chọn lựa, nói thật ra, đức Phật biết bà ta nhất định sẽ chọn thế giới Cực Lạc. Đã chọn ra, bèn nêu câu hỏi, hỏi về phương pháp tu hành. Chúng ta xem dưới đây, đức Thế Tôn trả lời ra sao, [hãy xem] trang một trăm hai mươi tám:

Nhĩ thời Thế Tôn tức tiện vi tiếu.

爾時世尊即便微笑。

(Lúc đó, đức Thế Tôn bèn mỉm cười).

“*Mỉm cười*” cũng bao hàm ý nghĩa rất sâu. Mỉm cười là hoan hỷ, tỏ rõ thiện căn của bà ta đã chín muồi, chọn lựa hết sức chánh xác. Không chỉ chính bà ta được lợi ích, mà còn có vô lượng vô biên chúng sanh trong tương lai đều có thể đạt được lợi ích này. Qua việc bà ta thưa hỏi và chọn lựa này, khá nhiều người sẽ đạt được lợi ích do vắng sanh Tịnh Độ.

Hữu ngũ sắc quang, tùng Phật khẩu xuất, nhất nhất quang chiếu Tần Bà Sa La vương đỉnh. Nhĩ thời đại vương tuy tại u bế, tâm nhãn vô chướng, dao kiến Thế Tôn, đầu diện tác lễ, tự nhiên tăng tấn, thành A Na Hàm.

有五色光。從佛口出。一一光照頻婆娑羅王頂。爾時大王雖在幽閉。心眼無障。遙見世尊。頭面作禮。自然增進。成阿那含。

(Có ánh sáng năm màu từ miệng đức Phật tỏa ra, mỗi tia sáng chiếu đến đỉnh đầu vua Tần Bà Sa La. Khi đó, đại vương tuy bị nhốt kín, nhưng tâm nhãn chẳng bị chướng ngại, thấy đức Thế Tôn từ xa, bèn dập đầu sát đất làm lễ, tự nhiên tăng tấn, thành A Na Hàm).

A Na Hàm (Anāgāmi) là Tiểu Thừa Tam Quả. Quý vị thấy quốc vương trì giới, tu hành nơi đó, chứng Tiểu Thừa Tam Quả. Kế đó là phần chú giải, trước hết, hãy xem phần khai thị của Trí Giả đại sư: “*Tùng thử dĩ hạ, thù tiền tịnh nghiệp*” (Từ đây trở đi nhằm đáp tạ [câu hỏi về] tịnh nghiệp). “Thù” (酬) là đền đáp. Trong phần trước, phu nhân Vi Đề Hy đã nêu ra câu hỏi, ở đây, đức Phật sẽ giải đáp. “*Cận đáp Tư Duy, Chánh Thọ, tam chủng tịnh nghiệp*” (Lời đáp gần gũi là giảng về Tư Duy và Chánh Thọ, ba thứ tịnh nghiệp), đây là lời đáp trước hết. “*Tán tâm tư lượng, viết Tư Duy. Thập lục Chánh Quán, danh Chánh Thọ*” (Tán tâm suy lường thì gọi là Tư Duy, mười sáu phép Chánh Quán gọi là Chánh Thọ). Tư Duy và Chánh Thọ được giải thích cách này cũng rất hay. Tư Duy là gì? Chánh Thọ là gì? Những điều này liên quan đến sự tu hành của chúng ta trong hiện thời. Tán (散) là tâm tán loạn. Tâm tán loạn nhớ Phật, niệm Phật, đều gọi là Tư Duy. Nhất tâm chuyên xưng niệm là Chánh Thọ, sai biệt ở chỗ này. Phóng quang: Trước khi thuyết pháp, đức Phật thường phóng quang, quang biểu thị ý nghĩa rất sâu. Không chỉ có ý nghĩa biểu thị pháp, mà còn có công đức diệt tội, đoạn Hoặc trong ấy. Như trong kinh điển Tịnh Tông, [xét theo] bản dịch kinh Di Đà của Huyền Trang đại sư, tuy trong kinh Di Đà bản tiếng Phạn không có chữ “*nhất tâm bất loạn*”, bản tiếng Phạn ghi là “*nhất tâm hệ niệm*”, La Thập đại sư dịch thành “*nhất tâm bất loạn*”, nhưng Huyền Trang đại sư chẳng nói là ngài La Thập dịch sai. Bởi lẽ, người vãng sanh trong khi vãng sanh, đức Phật đến tiếp dẫn, trước hết là phóng quang chiếu gọi. Khi được Phật phóng quang chiếu gọi, công phu niệm Phật của người ấy liền được tăng lên gấp bội. Do vậy, La Thập đại sư dịch thành “*nhất tâm bất loạn*”, xét theo ý nghĩa thì chẳng sai lầm.

Công phu nhất tâm bất loạn có cạn hay sâu sai khác. Chúng ta niệm Phật, niệm đến khi chế ngự được phiền não thì mới có phần vãng sanh. Chẳng thể chế ngự phiền não, sẽ chẳng thể vãng sanh. Có thể chế phục phiền não, sẽ cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật. Khi tín niệm trọn đủ, Phật đến tiếp dẫn. Khi Phật đến tiếp dẫn, công phu của quý vị sẽ được nâng cao gấp bội. Do đó, Phật quang có công đức diệt tội và đoạn Hoặc. Đã tăng lên, từ công phu thành phiền tăng lên thành Sự nhất tâm bất loạn, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới như vậy thì nói theo lý luận mới suông được. [Người sanh về Cực Lạc có địa vị] tương đương

với các Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo. Viên Giáo Sơ Tín Vị Bồ Tát đã đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, nhưng Tư Hoặc còn chưa đoạn, nên Ngài vẫn trụ trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chưa thể đến cõi Phương Tiện Hữu Dư. Khi nào đoạn sạch tám mươi một phẩm Tư Hoặc thì mới có thể sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư. Do đó, phàm là người vãng sanh, dầu là hạ hạ phẩm, được Phật quang chiếu gọi, nói thông thường, địa vị sẽ tương đương với Tiêu Thừa Sơ Quả, hoặc Sơ Tín Vị Bồ Tát trong Đại Thừa Viên Giáo. Ở đây, đức Phật phóng quang, nói theo phía phu nhân Vi Đề Hy thì cũng có sức mạnh ấy, mà đối với vua Tần Bà Sa La, [Phật lực] cũng gia trì nhà vua. Nhà vua tinh tấn trong ngục, dụng công tu hành. Gặp phải đại kiếp nạn này, tâm nhà vua tu đạo đặc biệt ân cần, tha thiết, do tâm tu đạo đặc biệt chân thành, nên nhà vua tiến bộ rất nhanh. Phật quang vừa chiếu tới, nhà vua có thể chứng đắc quả A Na Hàm.

Ở đây, pháp sư Đế Nhân có nói mấy câu giải thích ý nghĩa của kinh cũng rất hay. Lời chú giải của Ngài bắt đầu từ câu cuối cùng trong dòng thứ hai đếm từ dưới lên nơi trang một trăm hai mươi chín. Câu nói của lão nhân gia được thêm hai chữ “*thiết vị*” (竊謂: trộm nghĩ). Câu nào có hai chữ ấy thì kể từ đó là lời của pháp sư Đế Nhân. “*Phật nhân Tần Bà, quả thực để lạc, thời chí lý chương, cố tiên phóng quang chiếu xúc, linh kỳ xuất phần lung, nhi thành thánh quả, huông bỉ tiểu cơ, tự thành tiểu quả*” (Đức Phật nhân vì [xét thấy] vua Tần Bà Sa La quả đã chín, cuống rụng, thời đã đến, lý ắt tỏ rạng, nên trước hết phóng quang chiếu chạm, khiến cho vua thoát khỏi bầy lộng, thành tựu chánh quả. Huông chi nhà vua là căn cơ Tiểu Thừa, nên thành tựu Tiểu Quả). Do quốc vương và phu nhân hai người có căn tánh khác nhau, nên tâm tư bọn họ cũng khác nhau. Vua Tần Bà Sa La là căn cơ Tiểu Thừa. Trong đời quá khứ, thời gian nhà vua tu học Tiểu Thừa rất dài, tập khí Tiểu Thừa rất nặng, tuy suốt một đời này thân cận Thế Tôn, vẫn chứng quả Tiểu Thừa. Duyên của nhà vua cũng đã chín muồi! “*Bát ty Vi Đề, thị bốn kinh phát khởi nhân, hựu thị đương cơ chúng*” (chẳng sánh bằng bà Vi Đề Hy là người phát khởi kinh này, lại còn là đương cơ chúng). Phu nhân là căn cơ Đại Thừa. Không chỉ là căn cơ Đại Thừa, mà còn là người phát khởi kinh này, là bậc đương cơ. “*Tần Bà nhị sự câu vô, cố linh tiên thoát dã*” (Hai chuyện ấy vua Tần Bà đều không có, nên [đức Phật] độ cho vua được liễu thoát trước). Quốc vương chẳng phải là đương cơ của kinh này, mà cũng chẳng phải là người phát khởi, nên vua chứng Tiểu Quả trước!

“*Phật ư vị phóng quang tiên, tiên vi tiểu giả, hỷ ư trung, nhi hình ư ngoại, vị xuất thế dĩ thế, lưỡng câu bất khả tư nghị dã*” (Trước khi đức Phật phóng quang, trước hết bèn mỉm cười, niềm vui trong lòng được biểu lộ ra ngoài, có ý nghĩa: Xuất thế gian và thế gian, hai đằng đều chẳng thể nghĩ bàn), nhân duyên này vô cùng chẳng thể nghĩ bàn. “*Xuất thế*” là đối với chúng sanh căn cơ đã chín muồi, Ngài sắp nói pháp môn thành Phật trong một đời, điều này chẳng thể nghĩ bàn. Pháp thế gian là do cuộc chánh biến của vua A Xà Thế trong lần này, đã dẫn khởi nhân duyên như thế, cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Tiếp đó, [ngài Đế Nhân viết]: “*Tần Bà nhược bất sanh Xà Thế, vị tất hiện sanh, tức thành thánh quả*” (Nếu vua Tần Bà Sa La chẳng sanh ra A Xà Thế, chưa chắc đã thành thánh quả

ngay trong đời hiện tại). Thật vậy, [nếu không gặp cảnh ngộ khốn khổ ấy], nhà vua chẳng dụng tâm tu đạo chuyên tâm ngàn ấy. Chẳng chuyên tâm thì chưa chắc đã có thể thành tựu ngay trong một đời. Vì sanh ra một đứa con bất hiếu như thế ấy, đâm ra lại khiến cho chính mình chứng thánh quả, đây là chuyện chẳng thể nghĩ bàn. “*Tức sử hiện sanh đắc thành, diệc vị tất hữu nhược tư chi tốc*” (Dẫu cho được thành tựu trong đời này, cũng chưa chắc đã nhanh chóng dường ấy). Cho dù có thể tu thành công trong một đời này, chẳng thể nhanh chóng ngàn ấy, chẳng thể nào trong hiện tại liền chứng quả A Na Hàm. “*Xà Thế nhược bất phùng ác hữu*” (Nếu A Xà Thế chẳng gặp bạn ác), [ý nói] nếu A Xà Thế chẳng gặp Đề Bà Đạt Đa, “*vị tất tiện hữu sát phụ đồ vương chi niệm*” (chưa chắc đã có ý niệm giết cha, đoạt ngôi vua). Nếu Đề Bà Đạt Đa chẳng xúi giục nhà vua, ông ta cũng chẳng dấy lên ý niệm ấy. “*Vô thử cực ác chi tâm, đoạn bất tác thử nghịch sự*” (Không có tâm cực ác ấy, quyết chẳng làm chuyện ác nghịch này), nhà vua không có tâm ác này, sẽ chẳng làm chuyện xấu xa này. “*Dĩ thế gian cực ác chi khổ nhân, trợ thành xuất thế chứng thánh chi thiện quả, khởi phi bất khả tư nghị giả dư?*” (Dùng cái nhân của nỗi khổ cực ác trong thế gian để giúp thành tựu thiện quả xuất thế chứng thánh, há chẳng phải là không thể nghĩ bàn ư?). Đây là nói nhân nhân quả quả của vua A Xà Thế, Đề Bà Đạt Đa, và vua Tần Bà Sa La chẳng thể nghĩ bàn.

“*Tần Bà nhân thân sanh tử, sát phụ đồ vương, do thị trần niệm nhược hôi*” (Vua Tần Bà bị con ruột giết cha, đoạt ngôi, do vậy, ý niệm trần tục [nguội lạnh] như tro tàn), tâm thật sự chán ngán thế gian này tới cùng cực. “*Cập chí quan ư thất trùng thất nội, quốc chánh tiêm giới bất văn, thử thời hoàn tha bổn lai diện mục, kiêm chi dĩ phụng giới, văn pháp, Tam Học tề tu. Thị cố, đoạn Hoặc chứng Chân dã, nghi hỹ*” (Cho đến khi bị nhốt trong phòng, sau bảy tầng cửa, chẳng còn nghe chuyện chánh sự mảy may, khi ấy, trở về diện mục sẵn có, lại còn giữ giới, nghe pháp, Tam Học cùng tu. Vì thế, đoạn Hoặc, chứng Chân là chuyện phải nên như vậy). Đây là nói về nhân duyên của quốc vương. Thường ngày, quốc vương bận bịu việc triều chánh, nay bị con trai giam cầm, đúng là hết thấy đều buông xuống, thân tâm thanh tịnh. Gặp phải kiếp nạn này, chẳng còn mảy may lưu luyến cuộc đời, toàn tâm toàn lực tu hành, đây là một Tăng Thượng Duyên rất khó có. Vì thế, cụ Đế Nhân bảo là “*thử thời hoàn tha bổn lai diện mục*” (khi ấy, trở về diện mục sẵn có của ông ta). Bổn lai diện mục là gì? Là thân tâm vô sự, vô sự là bổn lai diện mục. Nếu đang vô sự mà tìm tòi đa sự, đó chẳng phải là bổn lai diện mục. Tâm thanh tịnh là bổn lai diện mục, phải luôn ghi nhớ điều này. “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi bặm*”, đó là bổn lai diện mục. Khi vua Tần Bà Sa La bị giam cầm, đúng là đã khôi phục bổn lai diện mục của chính mình, chẳng bị ràng buộc bởi nhiều chuyện như lúc bình thường. Vì thế, Tam Học của vua tăng thượng, Tam Học là Giới, Định, Huệ. Do đó, vua đoạn Hoặc, chứng Chân.

“*Tần Bà chứng quả, Phật tâm thư sướng, sở dĩ, vi tiểu giả dã*” (Vua Tần Bà chứng quả, tâm Phật vui sướng, cho nên Ngài mỉm cười). Chẳng ngờ vua Tần Bà Sa La do chuyện như vậy, bèn nhanh chóng, tăng tốc độ chứng đắc Tam Quả

của Tiểu Thừa. Đó là một nguyên nhân khiến cho đức Phật mỉm cười. “*Quang hữu ngũ sắc giả, biểu tùng Phật pháp tánh Ngũ Âm thể thượng, hiển lộ diệu quang, chiếu phá Tần Bà Ngũ Âm, chuyển biến nhi thành ngũ phần Pháp Thân quả dã. Sở dĩ, vương tuy u bé, nhi nội ngoại tâm thân vô bất thư sướng*” (Quang minh có năm màu, biểu thị từ bản thể Ngũ Âm từ trong Pháp Tánh của đức Phật mà hiển lộ quang minh màu nhiệm, chiếu tan Ngũ Âm của vua Tần Bà, chuyển biến thành cái quả năm phần Pháp Thân, nên vua tuy bị giam kín, nhưng thân tâm trong ngoài không gì chẳng thoải mái, vui sướng). Nhà vua đặc pháp hỷ sung mãn. “*Thất trùng phòng bích, vạn bất năng giá, tuy viết dao kiến, như tại mục tiền. Tác lễ chi khoảnh, tức chứng Tam Quả. Phạn vân A Na Hàm, Hoa ngôn Bất Lai, vị dĩ đoạn Dục Giới cứu phạm sanh nhân, khả dĩ bất lai hạ giới thọ sanh dã*” (Bảy tầng vách phòng, muôn phần chẳng thể ngăn che. Tuy nói là “nhìn từ xa”, nhưng giống như trước mắt. Trong khoảnh khắc làm lễ, liền chứng Tam Quả. Tiếng Phạn là A Na Hàm, Hán dịch là Bất Lai, ý nói đã đoạn cái nhân của chín phạm sanh trong Dục Giới, có thể chẳng còn phải vào thọ sanh trong hạ giới). Tam Quả được gọi là Bất Lai, Bất Lai là chẳng đến trong Dục Giới. Người ấy (người đã chứng Tam Quả) ở nơi đâu? Trụ trong Ngũ Bát Hoàn Thiên⁴³ của Tứ Thiên. Người ấy đến đó tu hành, đến tu hành trong Ngũ Bát Hoàn Thiên. Chư vị phải hiểu: Đến tu hành trong Ngũ Bát Hoàn Thiên chẳng phải là thân đi, mà là thân thức đến đó. Quốc vương bị giam cầm ở nơi đây, cũng chẳng có ai cho nhà vua ăn uống, chúng ta thấy quốc vương đã chết đói. Trên thực tế, quốc vương đã đến Ngũ Bát Hoàn Thiên. Đây là đức Phật độ nhà vua trước. Mục đích giết phụ thân của vua A Xà Thế đã đạt được, nào ngờ cha sanh lên Ngũ Bát Hoàn Thiên, đến cõi Tứ Thiên, đã chứng thánh quả, chẳng còn mảy may lưu luyện thế gian này.

Những chuyện giống như vậy, phàm phu nhục nhãn chẳng thấy được. Nếu ở đây, đức Phật chẳng nói rõ, thì cũng chẳng có cách nào biện định vấn đề này: Rốt cuộc là vua đến đó khi còn sống, hay đã chết? Rốt cuộc tình huống là như thế nào? Qua lời giảng giải này, [vấn đề ấy] liền rành mạch. Tam Quả La Hán, Tam Quả cũng được gọi là La Hán, có đủ năm món thần thông, nên nhà vua thấy đức Phật thuyết pháp cho vương hậu, bèn đánh lễ Phật từ chỗ bị giam, chứng đắc Tam Quả. Nhà vua đã trọn đủ năm món thần thông.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Vi Đề Hy.

爾時世尊告韋提希。

(Khi ấy, đức Thế Tôn bảo Vi Đề Hy).

⁴³ Ngũ Bát Hoàn Thiên (Śuddhāvāsa), còn gọi là Tịnh Cư Thiên, là nơi ở của các bậc thánh nhân trong Tứ Thiên Thiên. Ngũ Bát Hoàn Thiên gồm năm tầng trời là Vô Phiền Thiên (Arva), Vô Nhiệt Thiên (Atapa), Thiện Sanh Thiên (Sudṛśa), Thiện Hiện Thiên (Sudarśana), và Sắc Cứu Cánh Thiên (Aknistha).

Đức Phật độ hai người gần như đồng thời, trong khi phóng quang đã đồng thời gia trì hai người ấy, bảo phu nhân Vi Đề Hy:

Nhữ kim tri phủ? A Di Đà Phật, khứ thử bất viễn.

汝今知不。阿彌陀佛。去此不遠。

(Bà có biết không? A Di Đà Phật cách đây chẳng xa).

Nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Nhữ đương hệ niệm, đế quán bỉ quốc. Tịnh nghiệp thành giả, ngã kim vị nhữ quảng thuyết chúng thí, diệt linh vị lai thế nhất thiết phàm phu dục tu Tịnh nghiệp giả, đắc sanh Tây Phương Cực Lạc quốc độ.

汝當繫念諦觀彼國。淨業成者。我今為汝廣說眾譬。亦令未來世一切凡夫欲修淨業者。得生西方極樂國土。

(Bà hãy nên hệ niệm, quán kỹ cõi ấy, sẽ thành tựu Tịnh nghiệp. Ta nay vì bà nói rộng các thí dụ, cũng khiến cho hết thảy phàm phu muốn tu Tịnh nghiệp trong đời vị lai, được sanh về Tây Phương Cực Lạc quốc độ).

Đoạn này chỉ rõ công đức khai thính vô lượng vô biên. Trước hết là an ủi, khuyến cáo: Bà đã chọn lựa Di Đà Tịnh Độ, cõi ấy cách nơi này chẳng xa. Phương pháp để mong đến nơi đó, quan trọng nhất là phải “*hệ niệm, đế quán bỉ quốc*”. “*Hệ niệm*” là trả lời câu hỏi của bà ta về Tư Duy, “*đế quán*” là trả lời câu hỏi về Chánh Thọ. Ở đây, tuy chẳng nói cặn kẽ, nhưng đã nói với bà ta thì không chỉ mình bà ta được lợi ích, “*diệt linh vị lai thế nhất thiết phàm phu dục tu Tịnh nghiệp giả*” (cũng khiến cho hết thảy phàm phu muốn tu Tịnh nghiệp trong đời vị lai). Nay bà đã chọn pháp môn này, người khác trông thấy, nhất định là sẽ ngưỡng mộ, nhất định cũng muốn vãng sanh Di Đà Tịnh Độ. Lợi ích đều được dẫn khởi bởi sự chọn lựa của bà, nên công đức lợi ích này quá thù thắng.

Ở đây, Trí Giả đại sư giải thích, vì sao nói “*khứ thử bất viễn*” (cách đây không xa): “*Sớ vân, khứ thử bất viễn giả, Cực Lạc khứ thử thập vạn ức sát*” (Sớ rằng: “*Cách đây chẳng xa*”: Cực Lạc cách thế giới này mười vạn ức cõi). Khoảng cách giữa thế giới Cực Lạc và thế giới Sa Bà là mười vạn ức Phật quốc độ. Một Phật quốc độ là một tam thiên đại thiên thế giới; có sao có thể nói khoảng cách mười vạn ức đại thiên thế giới giữa hai cõi chẳng xa? Trong lời đáp, có hai ý nghĩa: “*Đáp hữu nhị: Nhất dĩ Phật lực cố, dục kiến tức kiến*” (Đáp rằng: Có hai nghĩa; một là do Phật lực nên muốn thấy liền thấy). Nay đức Phật dùng thần lực, phô bày cõi nước của mười phương chư Phật trước mặt phu nhân Vi Đề Hy, nên chẳng xa, bà ta vừa mới thấy rành mạch, vừa mới trông thấy. Đó là một ý nghĩa. Ý nghĩa thứ hai: “*Quang trung hiện độ, hiển u Phật danh, nhất niệm năng duyên, ngôn bất viễn dã*” (Trong quang minh hiện cõi nước, hiển hiện trên đỉnh đầu Phật, do một niệm bèn có thể duyên, nên nói chẳng xa). Hằng sa các cõi Phật, đức Phật đều có thể triển hiện trong Phật quang. Vì thế, tâm chúng ta vừa động một niệm,

bèn có thể đạt tới. Nếu nói theo sự tướng thế gian, xác thực là mười vạn ức cõi Phật. Mười vạn ức cõi Phật trong một niệm có thể đạt đến, vậy thì rốt cuộc phạm vi có thể đạt đến của một niệm to cỡ nào? Thừa cùng chư vị, có thể đạt đến tận hư không khắp pháp giới. Mười vạn ức cõi nước quá gần, giống như phát ra làn sóng điện, làn sóng điện vừa phát ra sẽ đến tận hư không khắp pháp giới, khoảng cách mười vạn ức địch xác là rất ngắn, chẳng kể như rất dài!

Do vậy, ý niệm chẳng thể nghĩ bàn, kinh thường nói: “*Niệm kiếp viên dung*” (Niệm và kiếp viên dung). Một niệm triển khai thành vô lượng kiếp, vô lượng kiếp rút gọn thành một niệm. Một niệm là vô lượng kiếp, vô lượng kiếp là một niệm. Đây cũng là nói rõ: Thời gian chẳng thật, không gian cũng là giả. Nay chúng ta nói tới thời gian và không gian, trong Phật pháp, thời gian và không gian là Bất Tương Ứng Hành Pháp. Nói cách khác, chúng là những khái niệm trừu tượng, chẳng thật. Vì y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, một niệm này chính là tâm thức khởi tác dụng. Vì thế, một niệm có thể biến ra khắp hư không pháp giới, đâu xa cách mấy, một niệm vẫn đạt tới. Đừng nói Di Đà Tịnh Độ, còn xa hơn Di Đà Tịnh Độ. Vô lượng vô biên Hằng hà sa đại thiên thế giới, cũng là một niệm bèn đạt tới, chẳng cần tới hai niệm hay ba niệm, chỉ một niệm bèn đạt tới viên mãn. Do đó nói là “*chẳng xa*”.

Tiếp đó, lão pháp sư Đê Nhân khai thị: “*Phật ngôn bất viễn giả, hiển Cực Lạc nãi duy tâm Tịnh Độ, hà viễn chi hữu? Sớ chỉ Phật đảnh quang trung Di Đà, cố thị, Phật bất nhất định Di Đà thuyết tại quang trung. Như quả thị quang trung Di Đà, dữ Vi Đề dịch diện tương kiến, Phật diệc bất vấn tri chi dữ phủ? Cữ Phật ý vị, nhĩ tiên ngôn nhạo sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới, kim cáo Vi Đề Hy ‘nhữ kim tri phủ? A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới, khứ thử bất viễn’, bất nan vãng sanh, chỉ yếu hệ niệm A Di Đà Phật, để quán bỉ Cực Lạc quốc độ*” (Đức Phật nói “*chẳng xa*” nhằm hiển thị Cực Lạc là duy tâm Tịnh Độ, há có xa chi? Lời Sớ nói đến Phật Di Đà ở trong quang minh, cố nhiên là như vậy, nhưng đức Phật chẳng nhất định nói tới Phật Di Đà ở trong quang minh. Nếu là Phật Di Đà ở trong quang minh thì bà Vi Đề Hy đã thấy ngay trước mặt rồi, đức Phật cũng chẳng hỏi bà ta có biết hay không! Xét ra, ý đức Phật là nói: Trước đó, [do Vi Đề Hy] đã nói “*thích sanh về thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật*”, nay Ngài bảo Vi Đề Hy: “*Bà có biết chẳng? Thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật cách đây chẳng xa, sanh về đó chẳng khó. Chỉ cần hệ niệm A Di Đà Phật, quán chắc thật cõi nước Cực Lạc*”). Pháp sư Đê Nhân chú trọng hai câu này, hai câu ấy giải thích hết sức thân thiết, quả thật là rõ ràng, đúng chỗ, khẳng định hơn so với lời Sớ của Trí Giả đại sư. Nói hay tuyệt! Xa hay gần chẳng phải là chuyện khẩn yếu, chuyện khẩn yếu là đến đó như thế nào, quyết định đến, đó mới là chuyện khẩn yếu! Cụ Đê Nhân đã căn cứ trên ý nghĩa của kinh văn để giải thích: Chỉ cần hệ niệm A Di Đà Phật! Xét theo ý nghĩa trong phần trên, “*hệ niệm*” (繫念) là tín nguyện cầu sanh. Tâm cầu sanh hết sức khẩn thiết; đó là hệ niệm. Tâm cầu sanh khẩn thiết, tự nhiên sẽ coi nhạt thế gian này, bất luận đãi người tiếp vật trong thế gian này, đối với người, đối với sự, quý vị sẽ chẳng còn so đo, mà cũng chẳng riết róng, vì sao? Nhất tâm

nhất ý mong sanh về thế giới Cực Lạc, mong lìa bỏ thế giới này, há còn có gì chẳng thể chịu đựng thế giới này nữa? Chẳng có! Đó gọi là buông xuống vạn duyên, thật sự buông xuống! Hệ niệm là buông xuống vạn duyên, nhất tâm nhất ý cầu sanh thế giới Cực Lạc.

“*Đế quán*” (諦觀) là nhớ Phật, niệm Phật. Mười sáu phép Quán đã được nói chung thành bốn chữ ấy (nhớ Phật, niệm Phật). Mười lăm phép Quán trước là nhớ Phật, phép Quán cuối cùng là niệm Phật. Đại Thế Chí Bồ Tát đã giảng về nhớ Phật, niệm Phật: “*Hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật*”. Ta mới hiểu đế quán bao gồm phương pháp tu hành. Phạm vi của ức niệm là y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Hệ niệm tức tư duy, trợ đạo dã. Đế quán, tức quán tưởng, chánh hạnh dã*” (Hệ niệm là tư duy, là trợ đạo. Đế quán là quán tưởng, là chánh hạnh). Trì danh niệm Phật thuộc loại Chánh Hạnh, thuộc phạm vi của quán tưởng, thuộc trong phạm vi của mười sáu phép Quán. Vì thế, chú vị phải ghi nhớ: Trì danh chẳng phải là trợ niệm⁴⁴, trì danh là chánh niệm, chẳng phải là trợ đạo, mà là chánh hạnh. “*Nhị câu tịnh nghiệp*” (Cả hai đều là tịnh nghiệp), hai điều như đức Phật đã nói đều là tịnh nghiệp. “*Chánh trợ hạnh thành, lâm chung quyết định vãng sanh, khả vô nghi nhị*” (Chánh hạnh và trợ hạnh thành tựu, lâm chung quyết định vãng sanh, chẳng còn ngờ vực chi nữa). Chánh tu và trợ tu, chánh trợ song tu, lâm chung quyết định vãng sanh, đó là vấn đề chẳng còn có mảy may nghi ngờ chi nữa!

Tiếp theo đây, đức Phật dạy chúng ta cách hệ niệm, tức là hệ niệm ba thứ tịnh nghiệp. Chúng ta đọc phần kinh văn này một lượt, vô cùng quan trọng, đó là tịnh nghiệp chánh nhân của tam thế chư Phật. Vì vậy, tựa đề của khoa này được ghi là “*chánh thị vãng sanh chánh nhân*” (chỉ bày cái nhân chủ yếu để vãng sanh). Trong phần này có hai đoạn, đoạn thứ nhất là Chánh Nhân. Vì vậy, phần này vô cùng quan trọng.

Dục sanh bỉ quốc giả, đương tu tam phước.

欲生彼國者。當修三福。

(Người muốn sanh về cõi ấy, nên tu ba món phước).

Phàm là người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận là người tu hành tích lũy công đức, hoặc là người lâm chung sám hối vãng sanh, nhất định trọn đủ ba phước. Sau này, vua A Xà Thế cũng vãng sanh Tịnh Độ. Vua giết cha, hại mẹ, có tu “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*” hay không? Thừa cùng chư vị, có chứ! Hiện thời chẳng có, nhưng lâm chung vừa sám hối bèn có, hễ sám hối liền trọn đủ. Nghĩ lại trong quá khứ, thái độ, tâm thái, hành vi đối với cha mẹ

⁴⁴ Xin lưu ý, trợ niệm ở đây không phải là đến niệm Phật trợ duyên cho người sắp mất theo cách hiểu thông thường, mà có nghĩa là phân biệt Chánh Hạnh và Trợ Hạnh. Hòa Thượng Tịnh Không nói “*trì danh chẳng phải là trợ niệm, mà là chánh niệm*” ngụ ý: Trì danh là phương pháp, là hạnh chánh yếu trong cách niệm Phật, chẳng phải là một hạnh phụ trợ cho các cách tu niệm Phật khác.

thật sự sai lầm, bèn triệt để ăn năn hối lỗi. Vừa ăn năn hối lỗi, phước ấy liền trọn đủ, vì sao? Ông ta chẳng còn dùng tâm thái ấy, dùng hành vi ấy để đối xử với cha mẹ nữa, thật sự sửa đổi. Người Hoa có câu tục ngữ: “*Lãng tử hồi đầu kim bất hoán*” (Lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi), thật sự triệt để hối cải. Vua A Xà Thế đến khi lâm chung mới hối cải, nên vua ấy phải trọn đủ ba thứ tịnh nghiệp ấy. Chẳng có ba thứ tịnh nghiệp ấy, quyết định chẳng thể vãng sanh. Chư vị đồng tu phải ghi nhớ điều này.

Nay chúng ta bắt đầu với cha mẹ, bắt kính với sư trưởng. “Chẳng sao hết! Học theo vua A Xà Thế, đến khi lâm chung, chúng ta mới sám hối vãng sanh”. Nếu áp ử tâm thái ấy, đó gọi là “lươn lẹo, mách mung”, tâm thái như vậy chắc chắn chẳng thể vãng sanh! Vì sao? Khi quý vị lâm chung, chẳng có cơ hội sám hối, tất nhiên đọa lạc. Đức Phật giáo huấn chúng ta, trước khi chúng ta nghe biết Phật pháp thì đã tạo tác tội nghiệp, mê hoặc, điên đảo. Sau khi nghe Phật pháp, nhất là sau khi đã thọ Tam Quy, thọ các giới, nếu lại tạo tác tội nghiệp, tức là tội càng thêm tội. Do đó, bốn giới trọng chẳng thông sám hối, chẳng có cơ hội sám hối, chư vị nhất định phải ghi nhớ điều này. Quyết định chớ nên có tâm lý cầu may, [nếu có tâm lý ấy] sẽ là lầm lẫn quá đỗi, kể từ hôm nay, hãy bắt đầu nghiêm túc tu học. Trong ba câu ấy, câu đầu tiên là:

Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp.

孝養父母。奉事師長。慈心不殺。修十善業。

(*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp*).

[Phước này] gồm bốn chuyện. Điều thứ hai:

Thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi.

受持三歸。具足眾戒。不犯威儀。

(*Thọ trì Tam Quy, tròn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*).

[Phước này] gồm ba chuyện. Điều thứ ba.

Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả.

發菩提心。深信因果。讀誦大乘。勸進行者。

(*Phát tâm Bồ Đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến khích, sách tấn hành giả*).

[Phước này] gồm bốn chuyện. Tổng cộng là mười một chuyện. Thứ nhất là phước nhân thiên, trong chú giải nói phước thứ nhất là “*cộng phàm phu*” (chung với phàm phu), tức là phước báo nhân thiên. Phước thứ hai là “*cộng Tiểu*

Thừa”, thứ ba là “*Bồ Tát phước*”. Vì thế, ba điều này, mỗi điều sau trở vượt điều trước, điều sau nhất định bao gồm điều trước, điều trước chẳng thể bao hàm điều sau. Nếu nói chi tiết thì tổng cộng mười một câu, câu sau bao quát câu trước, câu trước chẳng thể bao quát câu sau. Nói cách khác, bất hiếu với cha mẹ, chắc chắn chẳng thể “*phụng sự sư trưởng*”, chẳng có lẽ này! Chẳng thể phụng sự sư trưởng, nhất định là chẳng có tâm từ bi, chẳng thể có tâm từ bi. Không có tâm từ bi thì làm sao có thể tu mười thiện nghiệp cho được? Chẳng có mười thiện nghiệp, làm sao có thể thọ trì Tam Quy? Người thọ trì Tam Quy chắc chắn viên mãn Thập Thiện. Nhìn từ chỗ này, quý vị biết Tịnh Độ Tông là đạo dễ hành, nhưng thật ra cũng chẳng dễ dàng! Nếu dễ dàng, sẽ là một vạn người niệm Phật, một vạn người đều vãng sanh. Có sao thầy Lý thường nói: “Trong một vạn người niệm Phật, chỉ có đôi ba người vãng sanh?” Quý vị chú tâm quan sát đôi ba người vãng sanh ấy, [sẽ thấy] họ thật sự làm được, xác thực là làm được [Tịnh nghiệp tam phước]. Phàm là những kẻ chẳng thể làm được, bề ngoài tuân phục, bên trong chống đối, sẽ chẳng thể vãng sanh. Bất luận quý vị là tại gia hay xuất gia, quý vị mong sanh về Tịnh Độ chẳng dễ dàng dường ấy! Đức Phật đã nói rành rẽ, nhưng bản thân chúng ta chẳng làm theo.

Ở đây, chúng tôi đơn giản là đọc lời chú giải cho quý vị nghe, đoạn này chẳng cần nói cặn kẽ, vì chúng tôi vừa mới giảng tại giảng đường chưa lâu, tôi nhớ là giảng ba lượt, giảng xong ba điều này. Hy vọng mọi người sẽ tìm bằng đầu óc để nghe kỹ càng, vô cùng quan trọng. Đây là mấu chốt để được vãng sanh hay không? Không có cơ sở này, làm sao có thể niệm tốt đẹp một câu Phật hiệu cho được? Làm sao có thể niệm tương ứng? Nay chúng ta niệm A Di Đà Phật chẳng tương ứng, càng niệm phiền não càng nhiều, niệm đến cuối cùng chẳng muốn niệm nữa, niệm không nổi. Đó là do thiếu phước. Đây là ba phước, niệm một câu A Di Đà Phật tương ứng, sẽ là người có đại phước báo, như vậy thì mới có thể niệm tương ứng.

Chúng ta xem dòng thứ hai từ dưới đếm lên trong trang một trăm ba mươi bốn, xem từ câu thứ ba: “*Tổng chi, dục tu tịnh nghiệp, phụ mẫu bất năng bất hiếu, sư trưởng hợp nghi phụng sự*” (Nói chung, muốn tu Tịnh nghiệp, chẳng thể không hiếu thảo với cha mẹ, hãy nên phụng sự sư trưởng), “*hợp nghi*” (合宜) là hãy nên, “*thân khẩu ý nghiệp, bất đắc bất thận*” (thân, khẩu, ý nghiệp, chẳng thể không cẩn thận). Từ tâm, Thập Thiện là thân ba điều, khẩu bốn điều, ý ba điều, phải cẩn thận. “*Thị phạm phu phận sở đương hành, cố viết cộng phạm phu*” (Là những điều nên hành thuộc vào bổn phận của phạm phu, nên nói là “cộng phạm phu”). Đây là đức hạnh cơ bản của nhân thiên; chẳng làm được chỗ này thì nói cách khác, trong đời sau chẳng có tư cách được làm người hay trời! Đời sau chẳng đến được cõi nhân thiên, sẽ đến nơi đâu? Đương nhiên là vào trong ba ác đạo. Có thể thật sự giữ gìn, làm được bốn câu này, đời sau quyết định chẳng đọa trong ba ác đạo, hưởng phước báo nhân thiên. Chẳng còn tranh cãi chi nữa, cha mẹ có ân dưỡng dục, lẽ đâu chẳng báo? Đối với sư trưởng thì có vấn đề, phải chọn lựa vị thầy chúng ta thân cận và bạn bè, cha mẹ chẳng thể tuyển chọn, chẳng có cách nào tuyển chọn, nhưng phải tuyển chọn thiện tri thức chân chánh, thân cận họ,

bái họ làm thầy. Bái họ làm thầy thì phải nghe lời, chẳng nghe lời sẽ vô dụng. Phụng sự sư trưởng thì quan trọng nhất là y giáo phụng hành; do đó, chọn lựa thầy lại càng phải thận trọng hơn!

Trong Phật môn, vị sư phụ ta quy y, vị thầy xuống tóc, vị thầy truyền giới đều chẳng trọng yếu. Đó là “*sư phụ dẫn vào cửa, tu hành do cá nhân*”. Điều này cũng giống như nói người giới thiệu chúng ta vào Phật môn chẳng quan trọng. Quan trọng là gì? Là vị thầy chỉ dạy chúng ta tu hành, trong Phật môn gọi vị thầy ấy là “vị thầy truyền pháp”, người đệ tử ấy được gọi là “pháp tử”. Trong Phật môn, hết sức coi trọng vị thầy này, gọi là “sư thừa”. Ta chẳng quy y với vị ấy, vị ấy cũng chẳng phải là giới hòa thượng (hòa thượng truyền giới) của ta, điều này chẳng sao cả! Ta theo vị ấy học pháp, vị ấy truyền pháp cho ta, vị ấy chính là hòa thượng, là thân giáo sư của ta, điều này trọng yếu! Tu hành tại gia cũng là như thế, nhất định phải chọn lựa thiện tri thức. Thật ra, chọn lựa chẳng được, ai là thiện tri thức chân chánh, chúng ta cũng không nhận biết. Càng là thiện tri thức chân chánh, quý vị đến cầu Ngài, Ngài càng khiêm hư: “Tôi chẳng có gì để dạy quý vị, chính tôi cũng chưa thể liễu sanh tử!”, càng khiêm hư, càng khách sáo. Kẻ chẳng phải là thiện tri thức [sẽ lớn lối]: “Ta tu hành công phu tốt đẹp lắm, có thể phóng quang, ta có thần thông”. Hiện thời thật hay giả chẳng dễ gì phân biệt, vào lúc này thì phải làm sao? Vì thế, tôi thường khuyên đồng tu chúng ta lấy cỏ nhân làm thầy, chẳng sai, dùng phương pháp này!

Vị thầy tốt nhất là A Di Đà Phật, há còn sai sao được? Trực tiếp học với A Di Đà Phật. A Di Đà Phật chẳng ở nơi đây, làm thế nào đây? Tịnh Độ Ngũ Kinh chính là [giáo huấn của Ngài], nương theo Tịnh Độ Ngũ Kinh để học, quý vị bái A Di Đà Phật làm thầy, bái Thích Ca Mâu Ni Phật làm thầy, chắc chắn các vị thầy chẳng sai lầm. Nếu nói “giáo huấn của các vị ấy quá sâu, tôi vẫn chưa hiểu”, cạn hơn một chút, gần gũi hơn một chút sẽ là Ấn Quang đại sư. Tuy Ấn Quang đại sư chẳng tại thế, Văn Sao vẫn còn. Ta mỗi ngày đọc Văn Sao, y giáo phụng hành, Ngài dạy ta làm như thế nào, ta liền làm như thế ấy. Pháp sư Ấn Quang là thầy của chúng ta, đó là đúng, chẳng sai lầm! Phải khéo chọn thầy, chọn lựa đồng tham đạo hữu, trong một đời này, chúng ta mới có thể đạt được thành tựu.

Tập 20

Xin xem kinh bốn, trang một trăm ba mươi lăm, hàng thứ nhất. Vừa mở đầu liền nói tiếp [những điều đang được nói trong] trang trước, tức là nói về bốn câu trong điều thứ nhất [của Tam Phước]. “*Khăng thận tự dị, bất khăng tự nan*” (Chịu thận trọng [thực hiện] thì dễ, không chịu sẽ là khó). Vấn đề là chúng ta có chịu thận trọng hay không? Có chịu nghiêm túc thực hiện hay không? Câu dưới đây nhằm giải thích phước thứ hai: “*Đạo tục căn bản giới pháp, thượng tha thập nhân cứu phạm, thiếu lộ đa tàng, huông vi tế hạnh*” (Đối với giới pháp căn bản của hàng xuất gia hay kẻ thế tục, lại còn là mười người hết chín kẻ phạm, ít kẻ bộc lộ, phần nhiều giấu diếm, huông là các hạnh vi tế), nói về chuyện trì giới.

Tam Quy là tổng cương lãnh tu hành, cương lãnh ấy ở ngay trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ, chính là Phật, Pháp, Tăng, Giác, Chánh, Tịnh. Trong tựa đề kinh, thanh tịnh là Tăng Bảo, bình đẳng là Pháp Bảo, giác là Phật Bảo, nên Tam Quy đều ở trong tựa đề kinh, đây là nguyên lý và nguyên tắc tu hành. Thực hiện từ trì giới, tức là “*cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*” (trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi). Phạm vi của giới luật hết sức rộng. Trong kinh luận nhà Phật chỉ có thể nói một nguyên tắc, tuy có các hạng mục, nhưng đó là lúc Phật tại thế, trong hoàn cảnh sinh hoạt vào thời đại ấy, đó là các quy tắc mà mọi người ắt phải tuân thủ. Thời đại thay đổi, khu vực địa lý khác nhau, nhưng tinh thần giới luật quyết định chẳng thay đổi. Giới luật là tiêu chuẩn siêu phàm nhập thánh; nói cách khác, nó vượt trỗi giới hạn quốc gia, vượt trỗi giới hạn dân tộc, thậm chí vượt trỗi giới hạn của các chủng loại trong lục đạo, hết thảy hữu tình chúng sanh đều phải tuân thủ.

Tinh thần giới luật là gì? Nói quy nạp lại, chỉ có hai câu: “*Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”. Đó là tinh thần giới luật. Ác là gì? Thiện là gì? Trong Phật pháp, nói thật ra, có khá nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Hiện thời, tiêu chuẩn khác nhau càng nhiều hơn nữa! Mỗi quốc gia có quan niệm thiện ác khác nhau, nhận biết khác nhau, mỗi địa phương cũng chẳng giống nhau, mỗi thời đại cũng chẳng giống nhau, chúng ta phải hiểu những điều này. Đức Phật chỉ nói nguyên tắc, rốt cuộc, chúng ta là người hiện thời, trong hoàn cảnh sống hiện thời, chúng ta chẳng phải là cổ nhân, mà cũng chẳng phải là người trong tương lai, nên nhất định phải hiểu nguyên tắc, phải tuân thủ tập tục và trào lưu đương thời, tức là đối với những gì mọi người đã quen tôn sùng, đề cao, chúng ta phải tuân thủ. Ý nghĩa chân chánh của giới luật là phải khiến cho ta và đại chúng chung sống hòa thuận, đó là mục đích của giới luật. Hy vọng chính mình đoạn ác, tu thiện, có thể đạt được cái tâm thanh tịnh. Mục tiêu lớn nhất của giới luật là đặc Định: “*Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ*”. Quý vị phải biết đạo lý này rồi mới hiểu chúng ta phải nên tuân thủ giới luật như thế nào, giúp chúng ta đặc Định, giúp chúng ta buông xuống hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Nhưng giới luật rất khó, khó ở chỗ nào? Từ vô thi kiếp tới nay, chúng ta phiền não, tập khí quá nặng, một là phiền não, hai là tà tri tà kiến, tức là cách nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm. Một mực như vậy! Dầu quốc gia ấn định pháp luật rất

hay, chúng ta vẫn nghĩ trọn hết mọi phương pháp để kiểm lỗi hồng luật pháp, đó là chẳng tuân thủ luật lệ, chẳng trì giới! Những người ấy đều là những người rất thông minh, có thể kiểm ra lỗi hồng pháp luật, Phật pháp gọi thông minh kiểu đó là Thế Trí Biện Thông, chẳng phải là trí huệ chân thật. Người có trí huệ chân thật sẽ tuân thủ pháp luật; không chỉ là quyết định chẳng vi phạm những điều khoản được quy định bởi pháp luật, dẫu đối với những điều chẳng có trong văn bản pháp luật, nhưng xã hội, đạo đức chẳng chấp nhận, cũng nhất quyết chẳng vi phạm. Do vậy có thể biết: Trì giới thật khó! Do đó nói: “*Đạo tục căn bản giới pháp*”, “*đạo*” là người xuất gia, “*tục*” là kẻ tại gia. Giới pháp căn bản là gì? Ngũ Giới. Ngũ Giới là giới pháp căn bản. Có thể nói: Tinh thần của giới pháp căn bản không chỉ vĩnh viễn chẳng thay đổi, mà giới điều cũng là vĩnh viễn không thay đổi. Những giới luật khác, có thể do thời gian, do địa điểm mà tu chỉnh, sửa đổi thành Thanh Quy (清規) như người Hoa thường nói, tức là công ước thường trụ, đều thuộc loại giới luật được hiện đại hóa; nhưng năm điều [trong Ngũ Giới] chẳng thể sửa đổi, vì sao? Đến bất cứ nơi nào trên thế giới, trong bất cứ thời đại nào, cũng đều có thể nói thông suốt, [nếu có khác biệt thì] tối đa là phạm vi giải thích rộng hay hẹp, sâu hay cạn sai khác. Vì thế, Ngũ Giới từ Sơ Phát Tâm cho đến Đăng Giác Bồ Tát đều bất biến, đúng là giới pháp căn bản.

“*Thượng thập nhân cứu phạm*” (Lại còn mười người hết chín kẻ phạm), thật đấy! Mấy ai có thể trì Ngũ Giới tốt đẹp? Tỳ Kheo Giới, Bồ Tát Giới đều là hình thức! Dường như chẳng thọ Bồ Tát Giới thì địa vị của ta trong Phật giáo sẽ thấp hơn người khác một bậc, ta không phải là Bồ Tát, họ đều là Bồ Tát. Đó là chấp vào tướng danh lợi, hiếu danh, ham lợi. Người thật sự trì giới, [luôn tâm niệm] giữ Ngũ Giới tốt đẹp sẽ là phi phạm! Vì thế, trong kinh Vô Lượng Thọ, từ chương ba mươi ba đến chương ba mươi bảy, quý vị chú tâm quan sát đôi chút, sẽ thấy đức Phật giảng về Ngũ Giới, Thập Thiện. Chúng ta có thể thực hiện tốt đẹp [những giáo huấn ấy], vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới quyết định chẳng có vấn đề gì. Đại giới rõ rệt như vậy mà còn làm không được, huống gì những giới hạnh vi tế? “*Hựu huống tam thiên oai nghi, tỳ-kheo ngũ thiên thất tụ, cộng nhị bách ngũ thập điều, trì phạm, giai y hành, trụ, tọa, ngọa tứ nghi, mỗi nghi cụ nhị bách ngũ thập, tứ cộng thành thiên, lịch tam thế, thành tam thiên dã*” (Huống hồ lại còn có ba ngàn oai nghi, năm thiên, bảy tụ⁴⁵, tổng cộng là hai trăm

⁴⁵ Giới Tỳ-kheo (Cụ Túc Giới) được chia thành bảy tiểu loại gọi là Thất Tụ, còn gọi là Thất Phạm Tụ, hay Thất Tội Tụ bao gồm:

1) Ba La Di (Pārājika), dịch là Đoạn Đầu, tức những giới căn bản trọng tội (giết, trộm, dâm, dối). Kẻ phạm những giới này hoàn toàn đánh mất tư cách tỳ-kheo, chẳng được ở chung với tăng chúng.

2) Tăng Già Bà Thi Sa (Samghāvasēsa), dịch nghĩa là Tăng Tàn, tội này nếu chí thành sám hối trước thanh tịnh chúng thì còn có thể khôi phục tư cách tỳ-kheo. Chẳng hạn như hủy báng người khác thì là tội này.

3) Thân Lan Giá (Sthūlātyaya), dịch nghĩa là Đại Chướng Thiện Đạo, ý nói tội lỗi này tuy nhẹ hơn, nhưng chướng ngại thiện pháp sanh khởi. Kinh Đại Bát Niết Bàn có nêu một thí dụ: Như có người thấy tràng hoa cúng Phật đã héo, bèn tùy tiện tháo chỉ khâu hoa, đem cất riêng để sau này sử dụng, không xin phép Thường Trụ, thì phạm tội Thân Lan Giá.

năm mươi điều, giữ, phạm, đều nương theo bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, mỗi oai nghi có đủ hai trăm năm mươi điều, do bốn oai nghi [nhân với hai trăm năm mươi điều ấy], nên tổng cộng thành một ngàn điều, trải qua ba đời [nên một ngàn điều trong mỗi đời nhân với ba đời] thành ba ngàn [oai nghi]). Do quá khứ, hiện tại, tương lai, nên gọi là “ba ngàn oai nghi”, mấy ai có thể làm được? Ngẫu Ích đại sư nói, Ngẫu Ích đại sư sống vào những năm cuối triều Minh, lão nhân gia viên tịch vào thời đầu nhà Thanh. Vì thế, nay chúng ta thấy trong sách của Ngài có chỗ ghi là nhà Minh, có chỗ ghi là nhà Thanh, Ngài đều có thể viết như vậy được, vì đã trải qua hai triều đại. Ngài nghiên cứu giới luật rất kỹ, gần giống như Hoàng Nhất đại sư trong thời cận đại cũng nghiên cứu giới luật rất kỹ. Ngài nói: “*Tại Trung Hoa, từ triều đại Nam Tống trở về sau chẳng có tỳ-kheo*”. Tỳ-kheo đã chẳng có, lấy đâu ra Tỳ Kheo Giới? Thật sự trở thành một vị tỳ-kheo, mức độ tối thiểu phải là có năm vị tỳ-kheo thật sự truyền giới thì quý vị mới có thể đắc giới. Một tỳ-kheo còn chẳng có! Do vậy có thể biết: Truyền giới chỉ có hình thức, chẳng có thực chất. Về thực chất là chẳng có, chỉ có hình thức, nhìn bề ngoài thì vẫn có.

Cận đại, Hoàng Nhất đại sư càng nói rõ rệt hơn. Ngài trụ tại Mân Nam⁴⁶ một thời gian rất lâu, trụ tại Mân Nam Phật Học Viện thuộc chùa Nam Phổ Đà ở Hạ Môn. Quý vị thấy trong lời khai thị tại Phật Học Viện, Ngài đã nói rất thấu triệt: Có cần phải thọ giới hay không? Phải thọ! Thọ giới, nhưng trong tâm chính mình phải hiểu rõ, quyết định là chẳng thể đắc giới, chỉ là thọ trên hình thức mà thôi! Vì sao là thọ giới trên hình thức? Để người thế tục khỏi phê bình: “Anh là loại người tăng chẳng ra tăng, tục chẳng ra tục”, người ta hủy báng! Vì thế, thọ giới trên hình thức. Đồng thời, đã thọ giới hình thức thì chính mình phải nghiên cứu giới luật kỹ càng, hiểu rõ một điều bèn giữ một điều, đó là thọ giới chân chánh. Vì lẽ đó, giới đàn là hình thức, người xuất gia và giới đàn đều là hình thức, hưởng hồ tại gia? Càng phải hiểu điều này rõ hơn. Thuở tôi học Phật, khi thân cận Chương Gia đại sư, Chương Gia đại sư hết sức coi trọng trì giới. Lão nhân gia dạy tôi: “*Trì giới là anh làm được một điều, bèn gọi là trì một điều*”. Ngài chẳng khuyên tôi nơi nào có truyền giới, anh hãy đến đó thọ giới, chẳng có! Ngài dạy tôi hãy tuân thủ, làm theo. Hễ làm được một điều, tức là anh đã thật sự thọ giới điều ấy. Có thể thấy: Những bậc thiện tri thức thật sự sẽ trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức. Hình thức chẳng khẩn yếu, thực chất mới là khẩn yếu.

4) Ba Dật Đề (Prāyaścittika), dịch là Xả Đạo.

5) Ba La Đề Xá Ni (Pratideśanīya), dịch là Hướng Bì Hối.

6) Đột Cát La (Duskṛta), dịch là Ác Tác, như nói lời thô ác, có hành vi không đúng với oai nghi, nhưng chẳng phạm vào bốn tội trọng.

7) Ác Thuyết (Durbhāsita).

Bảy loại trên đây nếu nói gọn lại sẽ thành năm loại, gọi là Ngũ Thiên, tức Ba La Di, Tăng Tàn, Ba Dật Đề, Ác Tác và Ác Thuyết.

⁴⁶ Mân Nam là từ ngữ để chỉ khu vực phía Nam tỉnh Phước Kiến, đối diện eo biển Đài Loan, bao gồm các huyện Chương Châu, Tuyên Châu và Hạ Môn. Nếu hiểu theo nghĩa rộng còn bao gồm Bồ Điền, lưu vực sông Cửu Long Giang và Tấn Giang. Ngũ hệ Hà Lạc (tiếng nói của vùng Tuyên Châu và Chương Châu) chính là khởi thủy của tiếng Đài Loan hiện thời.

Vì lẽ đó, “ngôn bất phạm, thành phi dị dị” (Nói chẳng phạm, thật sự không dễ dàng), chẳng phạm giới thật sự không dễ dàng. Đặc biệt là giới Tiểu Thừa, giới Tiểu Thừa hoàn toàn kết tội theo sự tướng, rất khó! Thừa cùng chư vị, giới Đại Thừa lại càng chẳng dễ dàng. Giới Đại Thừa kết tội từ khởi tâm động niệm, còn rắc rối và khó khăn hơn Tiểu Thừa. Đối với Tiểu Thừa, ta chỉ cần làm trên hình thức là được, đã [được coi] là thật sự trì giới rồi, Đại Thừa xét theo khởi tâm động niệm. Vì thế, giới Đại Thừa nhìn bề ngoài là phóng khoáng, bất luận là xét theo tư tưởng, kiến giải, hay hành trì đều là phóng khoáng; Tiểu Thừa là câu nệ, dè dặt, bảo thủ, hết sức bảo thủ. Hai loại hình thái hoàn toàn bất đồng; nhưng [Đại Thừa] phóng khoáng mà tâm địa thanh tịnh vượt trội Tiểu Thừa. Nói cách khác, đức Phật chủ trương phóng khoáng, tự do, tự tại, chẳng câu nệ, chẳng bó buộc. Đức Phật cũng đề xướng tự do, bình đẳng, hoàn toàn giống như yêu cầu dân chủ tự do trong hiện tại. Hiện thời, chúng ta chỉ nói đến dân chủ, tự do, chẳng nói đến thanh tịnh, đáng sợ quá! Do chẳng nói đến chuyện thân tâm thanh tịnh, nên trong tự do bình đẳng có khá nhiều tệ nạn. Tự do, bình đẳng, dân chủ trong nhà Phật được kiến lập trên cơ sở thân tâm thanh tịnh, khác hẳn! Chúng được kiến lập trên cơ sở trí huệ ở một mức độ cao. Do vậy, họ tự tại, chẳng trở ngại người khác tự tại; đó mới là tự tại thật sự. Ta bình đẳng chẳng trở ngại người khác bình đẳng, hết thảy chúng sanh đều bình đẳng.

Vì thế, trong tâm mục của người hiện thời, truy tìm dân chủ, tự do, bình đẳng, trong Phật môn thật sự có những thứ ấy. Những thứ ấy ở đâu ra? Ất cần phải đặt vững cơ sở Tiểu Thừa. Phật giáo truyền đến Trung Hoa, nói thật thà thì kinh luận Tiểu Thừa được truyền đến Trung Hoa khá hoàn chỉnh. A Hàm Bộ trong Đại Tạng Kinh [tiếng Hán] sai khác tạng kinh [Nikaya] bằng tiếng Ba Lợi (Pāli) rất ít, gần như toàn bộ kinh điển Tiểu Thừa đều được phiên dịch [sang tiếng Hán]. Nhưng Tiểu Thừa giáo chỉ thịnh hành trong một thời gian ngắn vào thời Tùy - Đường; về sau, chẳng còn nữa, nguyên nhân là đâu? Nguyên nhân là đã bị Nho gia và Đạo gia của Trung Hoa thay thế. Quý vị đọc sách của Khổng Tử và Lão Trang đã đủ để tốt đẹp vẹn toàn như pháp Tiểu Thừa. Vì vậy, người học Phật tại Trung Hoa trước kia do đều có cơ sở Nho và Đạo đã được vun bồi rất tốt đẹp, nên chẳng cần phải tốn thời gian học giáo pháp Tiểu Thừa, mà trực tiếp tiến nhập Đại Thừa.

Nhưng cho đến gần đây nhất, một trăm năm qua đáng thương lắm, giáo pháp Tiểu Thừa đã sớm bị bỏ mất, chẳng hưng khởi nữa. Nếu quý vị đọc kinh Tiểu Thừa, người bình phàm đều coi thường quý vị. Sách Nho gia cũng chẳng đọc, sách Đạo gia cũng vứt bỏ, cứ như vậy mà trực tiếp học Đại Thừa, đã không có nền tảng, tu pháp Đại Thừa bằng cách nào? Tu suốt một đời, vẫn chẳng thể thành tựu. Quý vị nói xem: Như vậy thì làm sao được? Đây là một vấn đề khó khăn nhất trong chuyện học Phật ngày nay. Nay chúng ta có cần phải đặt vững cơ sở nơi Tiểu Thừa hay không? Đối với người Hoa mà nói, thật ra chẳng cần, vì sao? Người Hoa đọc kinh Tiểu Thừa, chẳng bằng đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh của Nho gia, chẳng bằng đọc những thứ ấy. Đó là những thứ của người Hoa, nên họ đọc [các tác phẩm ấy] sẽ đích xác là thuận tiện, dễ đọc, học dễ dàng!

Kinh điển Tiểu Thừa dịch từ Phạn văn ra, [nhiều khi] dịch không khéo, chẳng lưu loát, trôi chảy như kinh Đại Thừa, nên kinh Tiểu Thừa chẳng dễ đọc. Chúng ta phải biết điều này.

Sau khi đã biết, chúng ta mới biết từ nay trở đi nên đi theo con đường nào. Thật sự học Phật, nói thật thà, chẳng thể không đọc Tứ Thư, vì sao? Thay cho Tiểu Thừa. Đương nhiên có thể đọc Ngũ Kinh thì càng tốt hơn, nói đến Ngũ Kinh thì phân lượng quá nhiều, ta chẳng có cách nào thọ trì. Nếu ít hơn [Ngũ Kinh] thì ít tới mức chẳng thể nào ít hơn được nữa, chính là Tứ Thư. Đây là bộ sách dành cho người đọc sách tại Trung Hoa do Châu Hy đã chọn ra từ khá nhiều kinh điển. Ý tưởng chọn lựa của ông ta rất viên mãn. Trong Tứ Thư có lý luận, có phương pháp, lại còn kèm theo biểu diễn. Nói thật ra, chúng tôi chỉ có thể suy đoán, đoán mò mà thôi, vì chẳng tìm được chứng cứ, tôi chẳng nghiên cứu về ông Châu, chẳng hiểu rõ cuộc đời của ông ta cho lắm. Ông ta biên tập Tứ Thư, có nhận thức rất giống với kinh Hoa Nghiêm. Có phải là do ông ta đọc Hoa Nghiêm mà được linh cảm hay không thì tôi chẳng biết, nhưng [cách thức biên tập] rất giống kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm có lý luận, có phương pháp, lại còn kèm thêm biểu diễn. Phần đầu kinh Hoa Nghiêm giảng về lý luận, phẩm Ly Thế Gian giảng về phương pháp tu hành. Phẩm Nhập Pháp Giới là Thiện Tài đồng tử và năm mươi ba vị thiện tri thức nêu gương cho chúng ta thấy, hoàn toàn biểu hiện lý luận và phương pháp trong cuộc sống hiện tại, giống như diễn tuồng, diễn luyện cho chúng ta xem. Vì thế, sự giáo học như vậy đúng là đã đạt tới viên mãn cùng cực.

Tứ Thư giống như thế đó. Trung Dung là lý luận, Đại Học là phương pháp, [sách Luận Ngữ của] Khổng lão phu tử và Mạnh Tử giống như Thiện Tài đồng tử và năm mươi ba vị thiện tri thức. Quý vị thấy: Ứng dụng lý luận và phương pháp của Đại Học và Trung Dung vào cuộc sống, ứng dụng trong xử sự, đãi người, tiếp vật như thế nào? Nói cách khác, Khổng lão phu tử làm được, Mạnh Tử làm được. Hai người ấy gần giống như Thiện Tài đồng tử biểu diễn cho chúng ta thấy, làm điển hình, nêu gương cho người Hoa. Người Hoa [cần phải] giống như thế nào? Khổng Tử là người Hoa, Mạnh Tử là người Hoa. Người Hoa học làm một người Hoa [đúng nghĩa] thì phải lấy Mạnh Tử, Khổng Tử làm khuôn phép, học giống như họ. Nói thật ra, đức hạnh của họ chẳng kém Tiểu Thừa, trí huệ vượt trội Tiểu Thừa, trí huệ và tâm lượng đều vượt trội Tiểu Thừa, hết sức gần với Đại Thừa. Vì vậy, từ Nho nhập Phật, so với từ Tiểu Thừa nhập Phật, tiến nhập Đại Thừa hay hơn quá nhiều. Do đó, chẳng thể không đọc Tứ Thư, không có cơ sở này sẽ chẳng được. Chính mình tu hành còn phải có cơ sở này, huống là hoằng pháp lợi sanh, phải giảng giải Phật pháp cho người khác, quý vị thiếu cơ sở này thì làm sao được?

Tôi dạy học tại Mỹ, ước định bảy môn học, bảy môn học ấy mức độ thấp nhất là phải học thuộc lòng. Trong bảy môn học ấy có Tứ Thư, phải học thuộc. Chẳng thể thuộc, sẽ không có tư cách giảng kinh. Trong bảy môn học của tôi, kinh gồm có bốn loại là kinh Vô Lượng Thọ, Di Đà Kinh Yếu Giải, Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm, A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh, đây là một bộ kinh

Tiểu Thừa. Kinh gồm ba bộ Đại Thừa, một bộ Tiểu Thừa. Ba loại khác là Liễu Phàm Tứ Huán, Cảm Ứng Thiên và Tứ Thư. Tôi chọn bảy loại này, nếu chẳng thể học nhuần nhuyễn bảy thứ này, chẳng có tư cách giảng kinh. Chính quý vị tu hành thì chẳng cần nhiều như vậy, chọn lấy một loại trong kinh điển, nhưng phải đọc Tứ Thư, thuộc hay không chẳng sao hết. Nếu phát tâm hoằng pháp lợi sanh, bảy loại này là cơ bản, tôi cũng đã chọn tối thiểu rồi, không thể nào ít hơn được nữa, chẳng có cách nào ít hơn, do đã hạ thấp tiêu chuẩn đến mức độ thấp nhất. Các đồng tu phải thật sự biết điều này, nếu thật sự muốn phát Bồ Đề tâm hoằng pháp lợi sanh, phải thật sự dốc hết tánh mạng để làm. Tiếp đó, sách [Sớ Sao Diễn Nghĩa] viết: “*Phát Bồ Đề, tín nhân quả, tụng Đại Thừa, giai tự lợi, duy khuyến tấn cú, thị lợi tha. Nhị lợi cụ bị, cố thị Đại Thừa*” (Phát Bồ Đề, tin nhân quả, tụng Đại Thừa đều là tự lợi, chỉ có câu “khuyến tấn hành giả” là lợi tha. Hai điều lợi (tự lợi và lợi tha) trọn đủ, cố nhiên là Đại Thừa). Khi giới thiệu Sớ Sao, chúng tôi đã nói với các vị đồng tu ý nghĩa này. Chúng ta lại xem phần sau là phần Kết Thán, kinh vẫn ở ngay sau đó.

Phật cáo Vi Đề Hy: “Nhữ kim tri phủ? Thử tam chủng nghiệp, nãi thị quá khứ, vị lai, hiện tại tam thế chư Phật tịnh nghiệp chánh nhân.

佛告韋提希。汝今知不。此三種業。乃是過去未來現在三世諸佛淨業正因。

(Phật bảo Vi Đề Hy: “Nay bà có biết chăng? Ba nghiệp ấy chính là tịnh nghiệp chánh nhân của quá khứ, vị lai, hiện tại tam thế chư Phật”).

Cần phải ghi nhớ đoạn kinh văn này. Chúng ta có muốn thành Phật hay không? Muốn thành Phật thì nhất định phải tu mười một câu trên đây, nhất định phải tu, phải nghiêm túc tu Tam Phước, không tu sẽ chẳng thành Phật. Quá khứ Phật, vị lai Phật, hiện tại Phật, chẳng có vị Phật nào không tuân thủ nguyên tắc này. Nói cách khác, chẳng có vị Phật nào là ngoại lệ, có vị nào không tu những điều này mà thành tựu hay không? Chẳng có! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là thành Phật, nên người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận là tích đức vãng sanh, hay sám tội vãng sanh, cũng phải trọn đủ ba phước ấy. Chẳng đầy đủ ba phước, nay quý vị niệm Phật, niệm A Di Đà Phật, chỉ có thể nói là kết pháp duyên, đời này chẳng thể vãng sanh. Muốn vãng sanh trong một đời này, phải ghi nhớ điều này, phải y giáo phụng hành.

Trong phần sau của lời chú giải, Đế Nhàn đại sư có dẫn dò chúng ta mấy câu cũng rất quan trọng, hãy xem từ nửa đoạn nơi dòng thứ hai trong trang một trăm ba mươi sáu. “*Thiết vị*” (Trộm cho rằng), [hễ mở đầu bằng chữ] “*thiết vị*” thì chính là lời của Đế Nhàn đại sư. “*Tam chủng ký vân chư Phật chánh nhân, cụ kiến chư Phật*” (Đã nói ba điều ấy là chánh nhân của chư Phật, đủ thấy chư Phật), “*cụ*” (具) là cụ thể, chúng ta có thể thấy hết thấy chư Phật, “*bất cần tu Đại Thừa, tức tiểu thánh phàm phu chi hạnh, diệc sở đương hành dã*” (không chỉ tu Đại Thừa, dầu là hạnh của tiểu thánh hay phàm phu cũng đều nên hành). Mười một câu trên đây, chẳng có ai là không y giáo phụng hành, nghiêm túc tu học, như vậy

thì mới có thể thành tựu. Nay chúng ta chẳng cần hai đoạn trước, ta đọc thấy “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả*”, chỉ cần điều này, có thành tựu được chăng? Giống như một tòa cao ốc, chẳng cần hai tầng dưới, ta muốn xây tầng thứ ba mà thôi, quý vị xây bằng cách nào? Cách nghĩ ấy gọi là tà tri tà kiến, chẳng biết tu từ căn bản! Phát Bồ Đề tâm kiểu đó thì Bồ Đề tâm [mà quý vị đã phát] là giả trá! Thật sự phát Bồ Đề tâm, phải thực hiện từ hiếu thuận cha mẹ, đó là thật sự giác ngộ, triệt để giác ngộ.

Do vậy, Phật pháp, đặc biệt là Đại Thừa Phật pháp, được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Giáo học của Nho gia cũng được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Vì thế, có thể biết: Giáo học thế gian và xuất thế gian đều lấy hiếu đạo làm căn bản. Nay chúng ta nói giáo dục thất bại, thất bại ở chỗ nào? Thiếu căn bản! Trong nhà trường chẳng dạy hiếu đạo, đó là giáo dục triệt để thất bại. Con người chẳng hiếu thảo với cha mẹ, sẽ chẳng thể tôn trọng thầy. Chẳng hiếu thảo với cha mẹ, chẳng tôn trọng thầy, chắc chắn sẽ không trung với quốc gia, chẳng yêu thương dân chúng, chẳng thể nào! Sau khi học thành sẽ như thế nào? Tự tư tự lợi. Ai nấy đều cầu lợi ích cho bản thân, lẽ đâu quốc gia và xã hội chẳng loạn? Đồi bên tranh giành lợi lộc. Giáo dục xưa kia là bỏ mình vì người, cầu gì? Cầu xã hội an hòa, lợi lạc, cầu điều này, chẳng cầu vì cá nhân, nhân mạnh “hy sinh mình vì người khác”. Gia tộc xưa kia là đại gia tộc, hiện thời là tiểu gia đình. Trong đại gia tộc, quan niệm luân lý, đạo đức vô cùng trọng yếu. Chẳng có điều ấy, sẽ không thể duy trì, gia tộc ấy sẽ rối loạn. Do hiện thời những chuyện này đều bị bỏ sạch, đã bị bỏ sạch thì làm sao? Chỉ có duy nhất tiểu gia đình. Tiểu gia đình vẫn có vấn đề, vấn đề ở chỗ nào? Quý vị thấy [trong xã hội tỷ lệ] ly hôn bao nhiêu? Nếu quý vị hỏi do nguyên nhân nào ư? Chẳng có giáo dục! Chẳng biết mối quan hệ giữa con người với nhau! Vợ chồng có quan hệ gì? Cha con có quan hệ gì? Anh em có quan hệ gì? Thấy đều không có. Ta có lợi, ta có tiền, chỉ thấy mối quan hệ ấy. Trừ danh lợi ra, những thứ khác đều chẳng đáng quan tâm, đáng sợ quá! Đáng ngán lăm, đáng kinh hãi quá! Chỉ mưu cầu lợi! Vì thế, đây là chỗ thất bại triệt để trong giáo dục.

Nhưng giáo dục đã phạm sai lầm ngàn ấy năm, nay mọi người đều chẳng giác ngộ, cứ tưởng sự phát triển trong hiện thời là bình thường, không biết quay đầu; [cứ nghĩ] quay đầu là lạc hậu, là giáo dục phong kiến. Do đó, nhất định là có đại tai nạn. Sau khi đại tai nạn đã xảy ra, người ta sẽ suy nghĩ cẩn thận, nghĩ xem nguyên nhân nào khiến cho tai nạn phát sanh? Lại đi tìm cội rễ, tìm đến cuối cùng, vẫn thấy giáo dục của cổ nhân là đúng. Trong đại tai nạn ấy, người trên thế giới chết từ một nửa đến hai phần ba, con người mới giác ngộ, mới tỉnh ngộ. Không có tai nạn như vậy, sẽ mê hoặc, điên đảo, vĩnh viễn chẳng thể quay đầu. Trong những lãnh tụ trên thế giới hiện thời, tôi rất bội phục ông Lý Quang Diệu, Lý Quang Diệu có tầm nhìn xa. Do vậy, tại Tân Gia Ba, trong trường học, [học trò phải] học cổ thư Trung Hoa, học Phật học. Nhà trường có môn học về Phật học. Chúng tôi chỉ nghe nói ông ta tán thán văn hóa cổ hữu của Trung Hoa. Tôi nghe các đồng tu Tân Gia Ba kê: Ông Lý Quang Diệu từng nói trên TV và radio, ông ta rất nuôi tiếc là chính mình được giáo dục theo kiểu Anh. Ông ta nói nếu mình

được giáo dục theo cách giáo dục truyền thống của Trung Hoa, thành tích chánh trị của Tân Gia Ba hiện thời phải vượt xa rất nhiều lần. Đây cũng là từng hứng chịu nỗi đau thâm về mặt giáo dục, quay lại phản tỉnh, có chút nhận thức nền văn hóa Trung Hoa.

Vì thế, đoạn văn này là phần vô cùng quan trọng trong bộ kinh; trong mười sáu phép Quán, phép Quán thứ mười sáu là Trì Danh, nắm được hai đoạn ấy, quý vị sẽ đạt được toàn bộ công đức và lợi ích. Chúng ta lại xem phần kinh văn tiếp theo:

Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: “Đế thính! Đế thính! Thiện tư niệm chi, Như Lai kim giả vị vị lai thế nhất thiết chúng sanh, vị phiến não tặc chi sở hại giả, thuyết thanh tịnh nghiệp. Thiện tai Vi Đề Hy, khoái vấn thứ sự”.

佛告阿難及韋提希。諦聽諦聽。善思念之。如來今者為未來世一切眾生。為煩惱賊之所害者。說清淨業。善哉韋提希。快問此事。

(Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo nghĩ nhớ, Như Lai nay sẽ vì hết thảy chúng sanh là những kẻ bị giặc phiến não làm hại trong đời vị lai mà nói nghiệp thanh tịnh. Lành thay Vi Đề Hy, khéo hỏi chuyện này).

Khởi đầu, đương cơ phát khởi của kinh này là tôn giả Vi Đề Hy. Phật lại gọi cả ngài A Nan [bảo hãy lắng nghe], ngài A Nan có quan hệ gì với kinh này? Ngài A Nan có quan hệ rất lớn, vì sao? Vì kinh này được nói trong hoàng cung, đức Phật nói kinh này, đệ tử Phật chỉ có hai người được nghe. Các đệ tử thường tùy gồm một ngàn hai trăm năm mươi người chẳng nghe, họ ở núi Linh Thứu, chẳng theo đến, nên không được nghe. Nhưng qua phần khai kinh, chúng ta thấy các Ngài đều được nghe, được nghe như thế nào? Ở đây, đức Phật bảo ngài A Nan phải nghe kỹ, quay về, sẽ đem những gì ta đã nói bảo với họ, nên các Ngài đều được nghe. Đây là nguyên nhân khiến đức Phật gọi ngài A Nan ở chỗ này, đó là một nguyên nhân.

Nguyên nhân thứ hai, trong tương lai, ngài A Nan kết tập Kinh Tạng, là người truyền pháp, nên Ngài nhất định phải nghe kỹ càng. Vì thế, đối với hai người theo Ngài đến đây, Ngài chẳng gọi ngài Mục Kiền Liên lắng nghe, mà bảo A Nan lắng nghe, “*thiện tư niệm chi*” (hãy khéo nghĩ nhớ). Ở đây, đức Phật thuyết pháp cũng là “*vị vị lai thế nhất thiết chúng sanh*” (vì hết thảy chúng sanh trong đời vị lai), muốn tu tịnh nghiệp, hy vọng vãng sanh Tịnh Độ. Pháp môn này hữu ích rất lớn, có thể khiến cho hết thảy chúng sanh ai nấy được mãn nguyện. Cuối cùng lại hết sức tán thán phu nhân Vi Đề Hy: Bà hỏi rất hay! Do câu hỏi này của bà, chẳng biết bao nhiêu người được lợi ích!

Chúng ta xem lời giải thích của lão hòa thượng Đế Nhàn, trong trang một trăm ba mươi bảy, hàng thứ nhất, xem từ câu cuối cùng: “*Thiết vị, tường Như Lai ý*” (Trộm cho rằng: Xét kỹ ý Như Lai), quan sát tỉ mỉ, cẩn thận ý nghĩa trong lời

dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Tam chủng tịnh nghiệp, chuyên vì mạng thế chúng sanh nhi thuyết*” (Ba thứ Tịnh nghiệp chuyên vì chúng sanh đời Mạt Pháp mà nói). Cụ Đế Nhân cho rằng: [Ba thứ Tịnh nghiệp] được đặc biệt nhấn mạnh đối với chúng sanh trong thời kỳ Mạt Pháp, vì sao? Quả thật, như trong phước thứ nhất, lúc đức Phật chưa xuất hiện tại Trung Hoa, Nho gia đã làm được. Nay chúng ta vứt bỏ giáo dục của Nho gia, nên mới cảm thấy mấy câu này của đức Phật quan trọng, xưa kia, mọi người đọc đến điều này đều làm được. Học giáo pháp Tiểu Thừa, “*thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*” (thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi), họ cũng đều rất thật thà làm được. Vì thế, trong thuở ấy, đức Phật đặc biệt nhấn mạnh pháp Bồ Tát. Đức Phật đặc biệt nêu ra ba điều này, quả thật nhằm đối trị chúng sanh trong thời Mạt Pháp, Mạt Pháp rất khổ! Như chúng ta hiện đang gặp nạn này, thật sự rất khổ, chẳng hề có tiền lệ trong lịch sử. Lịch sử xưa nay, trong ngoài nước chưa hề có [tình trạng này]. Đừng thấy hiện thời khoa học kỹ thuật phát triển, Đài Loan giàu có dường ấy [mà lầm], hãy mở sử sách ra xem, [sẽ thấy hiện thời] đau khổ và bần cùng hơn bất cứ thời đại nào. Bần (貧) là gì? Chẳng có trí huệ; Tiện (賤) là chẳng có địa vị, trong xã hội, chẳng có ai tôn trọng quý vị. Trước kia làm quan thì ghê gớm lắm, dân chúng ai chẳng kính sợ quý vị? Vừa cung kính, vừa sợ hãi. Nay thì ngay cả Tổng Thống còn có kẻ chỉ vào mặt mắng nhiếc, quý vị thấy đúng là chẳng ra thể thống chi cả! Trước kia, hành chánh viện trưởng (thủ tướng), huyện thị trưởng ghê gớm lắm, nay đi ra ngoài, ai quan tâm tới? Ngay cả những kẻ bán hàng rong trên phố trông thấy họ còn chẳng thèm ngó tới. Thiên hạ đại loạn, toàn thể xã hội mất trật tự, trật tự xã hội bị hủy mất, đáng sợ quá!

Lễ đã băng hoại, lễ là cao thấp, tôn ty có trật tự; hiện thời, lễ đã băng hoại, thiên hạ đại loạn. Thuở sinh tiền, Lão Tử dạy học đã nói: “*Đạo thất nhi hậu hữu đức*” (Đạo đã mất, nhưng hãy còn đức). Đạo đã mất, nhưng còn có đức để duy trì. “*Đức thất nhi hậu nhân, nhân thất nhi hậu nghĩa, nghĩa thất nhi hậu lễ*” (Đức đã mất hãy còn nhân, nhân đã mất hãy còn nghĩa, nghĩa đã mất thì hãy còn lễ). Lễ là cuối cùng, là tầng cấp thấp nhất. Lễ mất luôn thì thiên hạ đại loạn. Sau thời Khổng Tử, nói thật ra, mỗi triều đại đều bảo vệ lễ, mãi cho đến những năm cuối triều Mãn Thanh. Trong giáo dục, quốc gia hết sức coi trọng [lễ], nên có khi giáo dục được gọi là “lễ giáo”, cũng là có đạo lý. Tới đầu thời Dân Quốc, các sinh viên sang du học ngoại quốc, cho rằng ngoại quốc tự do, bình đẳng, còn lễ giáo Trung Hoa quá sức bó buộc con người, lễ giáo là lễ giáo “ăn thịt người”, muốn đả đảo nó. Do đã đả đảo, nên mới có kết cục như hiện thời. Đảng Cộng Sản thống trị Trung Hoa Đại Lục, xã hội hiện thời động loạn như vậy, đều là kết cục sau khi lễ giáo băng hoại. Tuy giàu, giàu mà chẳng vui, tâm chẳng thể an, thật sự chẳng được vui sướng. Nói cách khác, vật chất chẳng thiếu thốn, nhưng tinh thần hết sức trống trải. Cuộc sống thiếu tinh thần khổ lắm! Chúng ta quan sát cận kề, chú tâm phản tỉnh, phải tìm ra cái gốc bệnh. Chẳng thể cứu xã hội thì tối thiểu là phải cứu chính mình, phải khiến cho cuộc sống tinh thần của chính mình được sung mãn. Để sung mãn cuộc sống tinh thần của chính mình, không gì bằng đọc sách Khổng Mạnh, đọc Đại Thừa Phật pháp rồi mới cảm thấy sống một đời này còn

có chút ý nghĩa, cuộc đời vẫn có chút ý nghĩa, có chút giá trị. Nếu chẳng đọc sách Không Mạnh, không đọc Đại Thừa Phật pháp, luống uổng đời này, đời người chẳng có ý nghĩa, không có giá trị. Có tiền, nhưng đáng bao nhiêu tiền? Chẳng đáng giá! Chúng ta phải chú ý, phải lưu ý những chỗ này. Ở đây, hiểu dụng ý thuyết pháp của đức Phật, chính là vì người trong thời đại hiện tại này mà nói, nên ở đây đặc biệt nhấn mạnh ba thứ Tịnh nghiệp.

“Dĩ diệt hậu chúng sanh, chướng đại tặc cường, Pháp Thân huệ mạng yếu thương, bất hữu tam chủng Tịnh nghiệp, thù nãng bảo nhậm, cố vân vị vị lai thế đặng” (Do chúng sanh sau khi đức Phật diệt độ, chướng to, giặc phiền não mạnh mẽ, Pháp Thân huệ mạng gần như đoạn tuyệt, nếu chẳng có ba thứ Tịnh nghiệp, ai có thể đảm bảo. Do đó, nói “vì đời vị lai” v.v...). Nói rất hay, trình bày hết sức rõ ràng, hết sức minh bạch. Sau khi đức Phật diệt độ, tại Trung Hoa, Không phu tử đã khuất, ít có kẻ chánh tri chánh kiến! *“Chướng đại, tặc cường”*: Chướng là nghiệp chướng, Tặc là phiền não. Phiền não ngày càng nặng, nghiệp chướng cũng ngày càng sâu. *“Pháp Thân huệ mạng yếu thương”*: Pháp Thân huệ mạng gần như đoạn tuyệt. Học Phật, phải mong thành Phật, phải mong vãng sanh, vãng sanh thành Phật chính là Pháp Thân huệ mạng, làm thế nào để duy trì Pháp Thân huệ mạng? Sử dụng ba thứ tịnh nghiệp này. Do đó, không chỉ là tu Tịnh Độ nhất định phải tuân thủ ba thứ Tịnh nghiệp, mà tu học Đại Thừa Phật pháp, bất luận là tông nào, bất luận pháp môn nào, nếu không ra sức thực hiện từ mười một câu ấy, có thể đoạn quyết người ấy chẳng thể thành công. Bản thân chúng ta tu học cũng giống như vậy, niệm Phật cũng thế, mà tham Thiền cũng thế, trì chú cũng thế, bất luận quý vị tu pháp môn nào, chẳng làm được mười một câu này, có thể nói là sự tu học của quý vị chỉ tu được một chút si phước nhân thiên [mà thôi]. Nói si phước nhân thiên là rất cung kính quý vị, chứ nói không chừng quý vị phải vào ba ác đạo để hưởng một chút si phước ấy. Ác đạo cũng có trường hợp rất có phước, súc sanh đạo có phước, chúng tôi đã thấy rất nhiều. Quý vị thấy người ngoại quốc nuôi những con vật cưng, chúng thật sự có phước! Chủ nhân hầu hạ nó chẳng thiếu một điều nhỏ nhặt nào, chết đi còn được chôn ở phần mộ chung, [chủ nhân] còn thường đến cắm hoa, còn đến thương tiếc chúng, đúng là có phước! Những súc sanh ấy đều là kẻ đời trước niệm Phật tu hành.

Chúng ta lại xem đoạn kinh văn kế tiếp:

A Nan! Nhữ đương thọ trì.

阿難汝當受持。

(A Nan! Ông hãy nên thọ trì).

Câu này rất quan trọng! Quý vị thấy mỗi đoạn đều đặc biệt gọi A Nan, Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn chưa chỉ dạy, mà đã đặc biệt bảo A Nan *“nhữ đương thọ trì”*.

Quảng vị đa chúng tuyên thuyết Phật ngữ.

廣為多眾宣說佛語。

(Rộng vì nhiều người tuyên nói lời Phật).

Dặn dò ngài A Nan phải truyền pháp.

Như Lai kim giả, giáo Vi Đà Hy cập vị lai thế nhất thiết chúng sanh, quán w Tây Phương Cực Lạc thế giới. Dĩ Phật lực cố, đương đắc kiến bỉ thanh tịnh quốc độ, như chấp minh kính, tự kiến diện tượng, kiến bỉ quốc độ cực diệu lạc sự, tâm hoan hỷ cố, ứng thời tức đắc Vô Sanh Pháp Nhân.

如來今者。教韋提希及未來世一切眾生。觀於西方極樂世界。以佛力故。當得見彼清淨國土。如執明鏡。自見面像。見彼國土。極妙樂事，心歡喜故。應時即得無生法忍。

(Như Lai nay sẽ dạy Vi Đà Hy và hết thấy chúng sanh trong đời vị lai quán Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do Phật lực, sẽ thấy cõi nước thanh tịnh ấy, như cầm gương sáng tự thấy vẻ mặt. Thấy các sự vui tốt bậc màu nhiệm trong cõi ấy, do tâm hoan hỷ, nên ngay khi đó, đắc Vô Sanh Pháp Nhân).

Đặc biệt phó chúc tôn giả A Nan thọ trì, hoằng dương và tiếp nhận pháp môn này, tu học [pháp môn này] sẽ đạt được công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Đoạn văn này chứng tỏ bộ kinh này là Viên Đốn đại giáo, vì hành nhân sẽ chứng Vô Sanh Pháp Nhân chẳng tuân theo thứ tự, ngay lập tức bèn chứng đắc, nên thuộc loại Đốn Giáo, có cùng một ý nghĩa với “*hoặc một ngày cho đến bảy ngày nhất tâm bất loạn*” trong kinh Di Đà. Người tu hành dùng cái tâm chân thành của chính mình để cầu sanh Tịnh Độ, chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Khi Phật ứng, Phật có thể hiện thân, chứng minh cho quý vị, hiện tướng lành, đó gọi là “*hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật*”. Ở đây nói là “*dĩ Phật lực cố, đương đắc kiến bỉ thanh tịnh quốc độ, như chấp minh kính, tự kiến diện tượng*” (do Phật lực nên sẽ thấy cõi nước thanh tịnh ấy, như cầm gương sáng tự thấy vẻ mặt). Đây là thấy trước khi được vãng sanh. Giống như Huệ Viễn đại sư trong quá khứ, trong một đời, lão nhân gia đã thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới ba lần, trông thấy trạng huống giống hệt như trong kinh dạy.

Thuở Viễn Công tại thế, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật còn chưa được dịch ra, kinh A Di Đà cũng chưa phiên dịch, lão nhân gia căn cứ kinh Vô Lượng Thọ, chỉ có kinh Vô Lượng Thọ. Trong Tịnh Độ Tam Kinh, kinh Vô Lượng Thọ được truyền đến Trung Hoa sớm nhất. Thuở ấy, Viễn Công đại sư nương theo một bộ kinh để tu trì, thành lập Liên Xã ở Lư Sơn, Tịnh Độ Tông được thành lập tại đó. Những người chí đồng đạo hợp, chuyên tu Tịnh Độ cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Một trăm hai mươi ba người niệm Phật ở Lư Sơn. Lão nhân gia ba lượt thấy Tịnh Độ, kinh Lăng Nghiêm nói là “*hiện tiền thấy Phật*”, Ngài thấy Phật ngay trong hiện tiền. Trong quá khứ, người niệm Phật hoặc là trong Định, hoặc trong niệm Phật đường, hoặc trong khi chính mình đang tu học, đi, đứng, nằm, ngồi, thấy thánh tượng A Di Đà Phật, thấy ao báu trong thế giới Tây Phương, thấy

y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Tây Phương, những chuyện này được ghi chép rất nhiều. Thời cận đại, ít người [trông thấy] hơn. Thời cận đại như tôi biết, tại Cự Kim Sơn, cư sĩ Cam Quý Huệ trong khi niệm Phật thấy hoa sen, trên hoa sen có đề tên ông ta, tương ứng với điều kinh đã nói. Đó là Phật dùng thần lực chứng minh cho quý vị. Quý vị tu hành đến một mức độ kha khá, bèn hiện tướng chứng minh cho quý vị hồng tăng cường tín tâm.

Chúng ta tu trì chẳng thấy tướng [tốt lành]; nói cách khác, Phật biết quý vị chưa đủ mức. Nếu Phật hiện tướng ấy, quý vị sẽ phát cuồng! Vừa thấy tướng lành ấy, bèn tự cảm thấy ta ghê gớm lắm, kiêu căng, ngã mạn: “Ta tu hành đã thành tựu. Các người xem đó, các người chẳng có công phu, nên đều chẳng trông thấy”. Người ấy liền phát cuồng, phát cuồng là phiền não sanh khởi, tâm thanh tịnh ngay lập tức mất đi. Khi cổ nhân trông thấy tướng lành, thấy mà như không thấy, không chỉ hoàn toàn chẳng động tâm, mà cũng chẳng kể với ai. Đến khi nào sẽ nói với người khác? Khi người ấy vãng sanh, mọi người đưa người ấy đi vãng sanh, người ấy kể cho mọi người biết kinh nghiệm khi trước. Như Viễn Công lúc sắp vãng sanh bèn bảo các đồng tu: “*Ta lại thấy cảnh giới Tây Phương. Trong quá khứ, từng thấy hai lần, nay lại trông thấy, ta sắp đi rồi*”. Khi đó mới tuyên bố, trước nay chưa hề kể cảnh giới với người khác. Nay vừa thấy đôi chút, ngay cả khi chỉ thấy một chút phùng phát, đã vội vã đi khắp nơi tuyên dương, cứ sợ kẻ khác chẳng biết, còn phải viết thành sách. Quý vị nói xem, còn làm sao được nữa? Thậm chí còn có kẻ chẳng thấy, nhưng sợ người ta nói chính mình chẳng có công phu, vẫn muốn lừa gạt kẻ khác, [bịa chuyện] ta thấy này thấy nọ! Gạt người, bịa chuyện đơm đặt! Chuyện này tại Trung Hoa lẫn ngoại quốc quá phổ biến, quá nhiều!

Hễ nghe thấy, quý vị phải chú ý, quyết định là giả, quyết định chẳng thể là thật, vì sao? Nếu là thật, lẽ nào người ấy chịu khinh dễ nói với quý vị. Chẳng thể nào khinh thường, dễ dãi nói cho quý vị biết. Thật sự gặp cảnh giới ấy thì có thể nói với ai? Đại đa số là nói với thầy mình, xin thầy ấn chứng. Đối với đồng tham đạo hữu bình thường cũng chẳng nói, làm sao chịu tuyên bố với đại chúng cho được? Hễ tuyên bố cùng đại chúng, nhất định là đơm đặt, bịa chuyện, không gì chẳng nhằm cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, nay nói là “đánh bóng tên tuổi”. Dùng phương pháp ấy để đánh bóng tên tuổi, lừa gạt hết thầy chúng sanh, chắc chắn chẳng thể tin cậy được, chúng ta phải biết điều này! Vô Sanh Pháp Nhãn là gì? Lần sau chúng ta sẽ lại nghiên cứu.

Tập 21

Xin mở kinh bốn, trang một trăm ba mươi bảy, dòng thứ hai từ dưới đếm lên. Thời gian trôi qua rất nhanh, ngày mai chúng tôi sẽ giảng viên mãn; do vậy, hôm nay phải tăng nhanh tốc độ. Nói thật ra, đạo tràng chúng ta là đạo tràng giảng kinh lâu dài, nhất là chuyên giảng Tịnh Tông, có nhiều chỗ đọc qua là đã có thể hiểu rõ. Nếu ở những nơi khác thì cần phải nói tỉ mỉ, ở đây, chúng ta có thể tham khảo kinh Vô Lượng Thọ, hoặc tham khảo sách Di Đà Kinh Sớ Sao, ý nghĩa đại khái chẳng sai biệt cho mấy.

Trong dòng này, phải đặc biệt giới thiệu Vô Sanh Pháp Nhẫn cùng quý vị. Nói thật ra, Vô Sanh Pháp Nhẫn quan trọng nhất là chữ Nhẫn. Đức Phật thuyết pháp có vô lượng phương tiện thiện xảo. Trong kinh Nhân Vương, Ngài đã chia các địa vị Bồ Tát thành năm loại lớn; năm loại lớn ấy đều dùng Nhẫn để biểu thị. Do vậy có thể biết, Nhẫn quả thật hết sức trọng yếu. Từ kinh Kim Cang, chúng ta thấy cương lĩnh tu học của Bồ Tát gồm có sáu điều, tức là Lục Độ. Kinh Kim Cang đặc biệt nhấn mạnh Bố Thí và Nhẫn Nhục trong Lục Độ. Quý vị thấy bốn điều kia được nói rất ít, còn Bố Thí được nói rất nhiều, Nhẫn Nhục cũng được nói rất nhiều! Do vậy có thể biết, quan trọng nhất trong sáu đại cương ấy chính là Bố Thí và Nhẫn. Bố Thí là buông xuống. Nếu không buông xuống được, sẽ chẳng thể nhẫn. Chẳng thể nhẫn, sẽ không buông xuống được! Đây là đạo lý nhất định, có mối quan hệ nhân quả hỗ tương.

Ngũ Nhẫn theo kinh Nhân Vương là: Thứ nhất là Phục Nhẫn, thứ hai là Tín Nhẫn, thứ ba là Thuận Nhẫn, thứ tư là Vô Sanh Nhẫn, thứ năm là Tịch Diệt Nhẫn. Đem Ngũ Nhẫn trong kinh Nhân Vương phối hợp với Thập Địa Bồ Tát thì Phục Nhẫn là địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng); Tín Nhẫn là Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa; còn Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục Địa là Thuận Nhẫn; Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa là Vô Sanh Nhẫn; Thập Địa và Đẳng Giác là Tịch Diệt Nhẫn. Tiêu chuẩn của chữ Tín cũng rất cao, quả thật là hể thật sự nói đến hàng Bồ Tát thì phải nên có tiêu chuẩn cao như vậy! Chưa nhập Sơ Địa, vẫn chưa thể nói là tin Phật nghiêm túc được! Nhưng kinh Nhân Vương nói theo Biệt Giáo, chẳng nói theo Viên Giáo. Sơ Địa trong Biệt Giáo chính là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Vì thế, dòng thứ nhất ở đây (trong trang một trăm ba mươi tám) là: “*Sớ vân, Vô Sanh Pháp Nhẫn, thị Sơ Trụ Sơ Địa*” (Sớ rằng: Vô Sanh Pháp Nhẫn là Sơ Trụ hay Sơ Địa). Sơ Trụ Bồ Tát là nói theo Viên Giáo, còn Sơ Địa là nói theo Biệt Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, khi ấy mới có thể gọi là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Nhưng nếu nói nghiêm ngặt thì vẫn chưa được, kinh Nhân Vương nói tương đối nghiêm ngặt. Nói [thật sự] nghiêm ngặt thì Thất Địa Bồ Tát chứng hạ phẩm Vô Sanh Nhẫn, Bát Địa là trung phẩm Vô Sanh Nhẫn, Cửu Địa là thượng phẩm Vô Sanh Nhẫn, đó là nói theo sự chứng đắc chánh thức. Do vậy có thể biết, Vô Sanh Nhẫn do Sơ Trụ hay Sơ Địa chứng đắc chính là Tương Tự Vô Sanh Nhẫn, vì sao? Các Ngài [thật sự] là Tín Nhẫn hay Thuận Nhẫn, tương tự mà thôi! Phục Nhẫn càng khỏi phải bàn tới, “*phục*” (伏) là gì? Chế phục phiền não. Nói theo Tịnh Tông, giai đoạn “*phục phiền não*” là công

phu thành phiền, Tín Nhẫn mới là Sự nhất tâm bất loạn, đạt đến Vô Sanh Nhẫn sẽ là Lý nhất tâm bất loạn. Tín Nhẫn và Thuận Nhẫn đều là Sự nhất tâm. Trong Sự nhất tâm, có mức độ cạn hay sâu khác nhau. Lý nhất tâm là Vô Sanh Nhẫn và Tịch Diệt Nhẫn, [hai loại Nhẫn này] đều thuộc loại Lý nhất tâm, nhưng Tịch Diệt Nhẫn là công phu Lý nhất tâm sâu, còn Vô Sanh Nhẫn công phu Lý nhất tâm khá cạn. [Do vậy], đặc biệt coi trọng chữ Nhẫn.

Kinh Kim Cang dạy chúng ta: “*Nhất thiết pháp đắc thành ư Nhẫn*” (Hết thấy các pháp đều do Nhẫn mà thành tựu). Pháp thế gian và xuất thế gian nếu chẳng thể nhẫn nại, sẽ chẳng thể thành tựu, có thể thấy Nhẫn Nhục Ba La Mật trong Lục Độ là then chốt của sự thành bại. Nhẫn thì mới có thể có tinh tấn, tinh tấn thì mới có thể đắc Định. Nếu nói theo Tịnh Độ Tông, Định là nhất tâm bất loạn, là tâm thanh tịnh. Đã đắc định, trí huệ mới mở mang, nên nhẫn nhục quả thật là then chốt. Ví như nay chúng ta nói đến chuyện tu học, tu học trong thời cổ và hiện thời khác nhau. Tu học thời cổ luôn luôn là thâm nhập một môn. Phải nhẫn nơi một môn, những pháp môn khác ta tạm thời đều phải buông xuống hết, hết thấy các kinh luận ta chẳng thể xem, mà cũng chẳng thể nghe giảng, ta chỉ rất ngoan ngoãn học một môn, điều này đòi hỏi phải nhẫn! Thâm nhập một môn, một môn sẽ tinh (chuyên rỗng), nhiều môn chẳng tinh. Tấn trong nhiều môn thì gọi là Tạp Tấn, chẳng phải là Tinh Tấn. Tạp Tấn sẽ khó đắc Định. Nói cách khác, khó đắc tâm thanh tịnh! Tinh Tấn sẽ dễ đắc tâm thanh tịnh. Vì vậy, từ xưa, tổ sư đại đức tạo lập môn đình sai khác, thường ca ngợi pháp môn của chính mình, chê bai, hạ thấp các pháp môn khác. Đó là một phương thức quyền xảo, tuyệt đối chẳng phải là khinh thường các pháp môn khác. Nếu [người đọc, người nghe] có sự phân biệt, chấp trước ấy thì sai mất rồi. Các Ngài dùng phương pháp ấy để cường điệu, nhằm tăng cường tín tâm của kẻ mới học. Tham Thiền thì từ Thiền thâm nhập một môn, chẳng thể vừa học Giáo, vừa niệm Phật. Vì sao? Như vậy thì sẽ biến thành tạp. Người niệm Phật cũng chẳng thể học Giáo, cũng chẳng thể tham Thiền. Nói chung, pháp môn nhất định là một môn thì mới có thể thâm nhập.

Môn nào cũng đều hay, vì sao? Môn nào cũng đều có thể minh tâm kiến tánh, đều có thể đạt đến mục đích. Vì thế, nói “*pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, chúng ta phải nhớ kỹ điều này. Trong nhiều pháp môn ngàn ấy, chúng ta chỉ có thể chọn lựa một môn, điều này quan trọng lắm! Nếu đồng thời chọn lựa nhiều môn, rất khó thành tựu. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, dạy học trò, mỗi học trò cũng đều là học một môn. Đức Phật giảng kinh, họ đều đến nghe, đó gọi là “*bàng thính*” (dự thính), đến làm Ảnh Hưởng Chúng. Nói theo cách hiện thời là “*hộ trì đạo tràng*”, khiến cho số lượng thính chúng trong đạo tràng đông thêm, có thể tăng cường tín tâm cho người mới học. Nếu đức Phật giảng kinh chỉ có dăm ba người nghe, người ta trông thấy cảnh tượng ấy cũng chẳng tin tưởng, mất đi tín tâm. Vì thế, những vị Bồ Tát, La Hán giúp Phật trang nghiêm đạo tràng, tăng cường tín tâm của hàng sơ học, mục đích ở chỗ này! Các Ngài ngồi ở đó, nghe hay không nghe chẳng nhất định! Có lúc đức Phật giảng kinh, các Ngài ngồi đó niệm Phật, về căn bản là cũng chẳng nghe câu nào. Đó là trang nghiêm đạo tràng, chúng ta phải hiểu điều này. Chư vị hiểu đạo lý này là được rồi!

Còn như Vô Sanh Pháp Nhẫn là gì? Ở đây, tôi nói đại lược. “*Pháp*” là hết thấy các pháp. Vô Sanh Pháp Nhẫn là một pháp, còn chữ Pháp chỉ hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Vô Sanh là hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt. Khi nào quý vị chứng đắc, thừa nhận, đồng ý, tán thành “*hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt*”, cảm thấy đức Phật nói lời ấy chắc chắn chẳng có vấn đề gì, là sự thật, quý vị bèn chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Nay chúng ta đang thấy hết thấy các pháp có sanh, có diệt, thấy động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thấy thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, thấy khoáng vật có thành, trụ, hoại, không, hết thấy các pháp là vô thường. Đó là cách nhìn của chúng ta, chúng ta cảm thấy đó là sự thật. Nay đức Phật bảo chúng ta “*hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt*”, chúng ta nghe chẳng hiểu, nghe xong bèn hoài nghi, vì sao? Hoàn toàn tương phản với sự quan sát của chúng ta, cảnh giới của Phật và cảnh giới của chúng ta khác nhau. Vì sao cách nhìn của chúng ta khác với cách nhìn của đức Phật? Chúng ta dùng cái tâm sanh diệt để nhìn hết thấy các pháp, nên hết thấy các pháp biến thành sanh diệt. Đức Phật dùng tâm bất sanh, bất diệt để nhìn hết thấy các pháp, nên hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt. Từ chỗ này cũng chứng thực “*hết thấy các pháp chỉ do tâm biến, hết thấy các pháp chỉ do tâm chuyển, tâm chuyển cảnh giới, chẳng phải là cảnh giới chuyển tâm*”, chứng minh lý luận này. Vì lẽ đó, đức Phật dạy chúng ta thấy chân tướng của hết thấy các pháp, đó chính là Thật Tướng của các pháp. Thật Tướng của các pháp là bất sanh, bất diệt.

Phải như thế nào thì mới có thể thấy Thật Tướng của các pháp? Phải có Thiền Định rất sâu. Thiền Định rất sâu là tâm định. Tĩnh đến tột cùng, tâm ấy là bất sanh, bất diệt, chân tâm thường trụ, thấy cảnh giới bên ngoài là cảnh giới chân thật. Vì thế, đó là cảnh giới của Phật và đại Bồ Tát; hàng Bồ Tát từ Thất Địa trở lên thấy hết thấy vạn pháp bất sanh, bất diệt. Đó chẳng phải là cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta, vì chúng ta chẳng có cách nào sử dụng chân tâm, toàn là dùng vọng tâm. Vọng tâm là tâm sanh diệt, là trong tâm có ý niệm. Khi nào trong tâm chẳng có ý niệm, chẳng có vọng niệm, khôi phục chân tánh của chính mình. Điều này cũng nói rõ: Tu hành trong Phật pháp, bất luận tông nào, bất luận là Hiển Giáo hay Mật Giáo, Thiền Tông hay Giáo Hạ, mục tiêu tu học cuối cùng là minh tâm kiến tánh. Nếu chẳng phải là mục tiêu này, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp bất luận bao nhiêu pháp môn, bao nhiêu tông phái, chỉ là phương pháp, đường lối, cách thức khác nhau, nhưng phương hướng và mục tiêu nhất định là nhất trí: Thành Phật! Thành Phật là gì? Minh tâm kiến tánh là thành Phật; minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, quyết định là nhất trí. Tịnh Độ Tông nói “*nhất tâm bất loạn*”, nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh, là kiến tánh thành Phật. Chỉ là các tông sử dụng danh từ thuật ngữ khác nhau, thật ra là một chuyện. Vì vậy, học Phật nói đơn giản là “*tu tâm thanh tịnh, tu nhất tâm bất loạn*”. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, xử sự, đãi người, tu tâm thanh tịnh, tu nhất tâm trong ấy, đó là đúng!

Người sơ tâm, tức là kẻ mới học, vì tập khí nặng nề, phiền não sâu đậm, chẳng có cách nào tu hành trong một xã hội phức tạp, công phu chẳng thể đắc lực, nên phải chọn lựa hoàn cảnh. Nghĩ đến thuở đức Phật tại thế, đã răn dạy đệ

từ trụ A Lan Nhã. A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “nơi vắng ồn ào”. A là Vô, Lan Nhã là náo nhiệt, ồn ào. [Do vậy, A Lan Nhã] là một nơi vắng ồn ào, náo nhiệt, nên dịch nghĩa sang chữ Hán là Tịch Tĩnh Xứ, đó là một hoàn cảnh hết sức an tĩnh. Trong lời Phật dạy, có một thí dụ rất đơn giản về tiêu chuẩn của A Lan Nhã, Ngài nói: Đó là nơi vắng nghe thấy tiếng trâu kêu. Vì xưa kia, người tu hành phần đông ở nông thôn, cây cối ở nông thôn đều dùng trâu, tiếng trâu kêu rất lớn. Nông dân nuôi trâu, nơi vắng nghe thấy tiếng trâu kêu, chỗ ấy cũng rất an tĩnh. Nếu là hiện tại thì nơi không nghe thấy tiếng xe cộ sẽ khá an tĩnh, nhất định phải tránh chỗ ồn náo. Đối với định nghĩa này, cũng phải nên tùy theo thời đại mà [xét theo] tiêu chuẩn khác nhau. Xưa kia, tiếng trâu kêu rất lớn, hiện thời tạp âm của xe lửa hoặc máy bay còn to hơn xưa kia quá nhiều. Nơi mà những âm thanh ồn ào ấy chúng ta đều vắng nghe thấy thì chỗ ấy là A Lan Nhã. Điều này nhằm tạo tiện lợi cho hàng sơ học.

Nhưng tâm địa đã thật sự thanh tịnh rồi thì vắng thể ở mãi nơi đó; ở miết nơi đó, chưa chắc tâm địa thật sự thanh tịnh. Sau khi đã đạt đến một mức độ thanh tịnh [kha khá], phải đến chỗ ồn náo, đến nơi ồn náo để xem cái tâm có còn thanh tịnh hay không? Trong nơi náo nhiệt ấy, nếu tâm lập tức bị ảnh hưởng, hãy nên lui về, chớ nên ở nơi đó. Nếu ở trong nơi náo nhiệt mà không bị ảnh hưởng, tâm vẫn thanh tịnh thì có thể ở nơi đó, [bởi lẽ], động tĩnh như nhau, nhiễm tịnh vắng hai, đó là thật sự thành tựu. Do đó, người Tiểu Thừa vắng dám tiếp xúc thành thị, Đại Thừa Bồ Tát tu Định trong chốn chợ búa. Quý vị xem kinh Hoa Nghiêm, trưởng giả Dục Hương tu Thiền Định ở nơi đâu? Kinh nói là trong chốn chợ búa. “Chợ búa” có nghĩa là gì? Là nơi buôn bán, phồn hoa nhất, náo nhiệt nhất, ông ta tu Thiền Định ở nơi đó. Ông ta tu Thiền tại đó, có phải là ngồi xếp bằng nhìn vào vách hay không? Vắng phải vậy! Ở nơi đó, ông ta la cà trên phố, cái này cũng nhìn, cái kia cũng ngắm, đó gọi là tu Thiền Định. Chúng ta hoàn toàn vắng nhìn ra ông ta đang tu Thiền Định nơi đó. Ông ta xoay qua, lộn lại trong chốn náo nhiệt, nhưng là Định Huệ song tu. Thứ gì cũng đều xem, giống như những sản phẩm mới hiện thời ông ta đều biết, “đều biết” là Huệ, thứ gì ông ta cũng đều hiểu. Xem xong, như như bất động, như như bất động là Định, ông ta tu Định nơi ấy. Vắng giống như lũ phàm phu chúng ta, thấy vật này tốt bèn vội vã mua về, tâm đã động mất rồi. Định đã vắng có, mà Huệ cũng vắng có luôn! Vì thế, ông ta thường dạo phố, thường la cà chốn náo nhiệt, thứ gì cũng đều biết, Huệ thành tựu. Sau khi đã xem xong, như như bất động, nên Định thành tựu. Người ta tu Định Huệ ở chỗ này! Chuyện này hàng Tiểu Thừa chắc chắn vắng dám tu, đó là nói công phu đã đạt mức, phương pháp tu hành của họ và phương pháp tu hành của chúng ta khác nhau!

Giới thiệu đơn giản cùng chư vị chỗ sai biệt giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa tới đây là được rồi! Chúng ta xem đoạn kế tiếp. Trong đoạn này, [đức Phật] chánh thức dạy bà Vi Đề Hy phương pháp tu học, tức là mười sáu diệu quán.

Phật cáo Vi Đề Hy: “Nhữ thị phàm phu, tâm tưởng luy liệt, vị đắc Thiên Nhân, bất năng viễn quán. Chư Phật Như Lai hữu dị phương tiện, linh nhữ đắc kiến.

佛告韋提希。汝是凡夫。心想羸劣。未得天眼。不能遠觀。
。諸佛如來有異方便。令汝得見。

(Đức Phật bảo Vi Đề Hy: “Bà là phàm phu, tâm tưởng yếu hèn, chưa đắc Thiên Nhân, chẳng thể nhìn xa. Chư Phật Như Lai có phương tiện lạ khiến cho bà được thấy”).

Nhìn từ dấu tích [thị hiện], phu nhân Vi Đề Hy là phàm phu giống như chúng ta, cũng là mê hoặc, điên đảo, cũng là cảm tình rất nặng, phiền não trùng trùng, giống hệt như chúng ta. Vì thế, “*tâm tưởng luy liệt, vị đắc Thiên Nhân*” (tâm tưởng yếu hèn, chưa đắc Thiên Nhân), sẽ chẳng thể thành tựu Diệu Quán. Nhưng đức Phật có sức mạnh, gia trì, giúp đỡ bà ta. “*Chư Phật Như Lai hữu dị phương tiện, linh nhữ đắc kiến*” (Chư Phật Như Lai có phương tiện lạ, khiến cho người được thấy). Nếu muốn thấy Tịnh Độ, nhất định phải do Phật lực gia trì, đây là chỉ ra “*hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật*”. Phàm phu tu hành, nói thật ra, dầu có công phu Định lực nho nhỏ, vẫn chẳng thấy Tây Phương Tịnh Độ. Giống như trong phần trước chúng tôi đã nói, Viễn Công đại sư một đời ba lần thấy Tịnh Độ của Phật, đó là do phương tiện thù thắng, lạ lùng của chư Phật Như Lai gia trì Ngài, khiến cho Ngài trông thấy. Viễn Công có thể thấy, chúng ta cũng có thể thấy. Phật đã gia trì Ngài, Phật cũng sẽ gia trì chúng ta; nhưng chúng ta chớ nên có tâm niệm mong được thấy. Vì sao? Niệm niệm cầu thấy, tâm chẳng thanh tịnh, công phu không đắc lực. Không cầu thấy, đến lúc đó, đôi khi Phật gia trì khiến cho quý vị trông thấy, chứng minh cho quý vị, tăng cường tín tâm của quý vị: [Chắc chắn là] quý vị đã đi đúng đường. Chẳng thấy cũng không khẩn yếu, chớ nên thường hoài nghi: “Ta chẳng trông thấy điều ấy, chỉ sợ công phu lui sụt”. Đó là dấy vọng tưởng, đã sai lầm mất rồi! Phải hiểu pháp môn này đặc biệt coi trọng tu tâm thanh tịnh. Vì lẽ đó, dầu thấy, cũng phải như kinh Kim Cang đã nói: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Thấy mà như chẳng thấy, chẳng may mắn trở ngại cái tâm thanh tịnh của quý vị. Đó là đúng. Vì thế, người tu Tịnh Độ, không chỉ [riêng người] tu Tịnh Độ, người tu Phật pháp Đại Thừa quyết định chớ nên tham chuộng thần thông.

Chiều hôm qua, có một cư sĩ đến gặp tôi, ông ta đang gặp khó khăn rất lớn. Hai vợ chồng đều ở trong ngành giáo dục, ông ta kể: Gần đây, bà vợ ông ta nảy sinh vấn đề, chẳng biết bả thân cận đạo tràng nào, nay đang vương ma chướng, nên tới tìm tôi. Tôi liền khuyên ông ta: “Tốt nhất là ông bảo bà ta đừng tiếp xúc với những kẻ đó nữa”. Ông ta nói: “Nói rồi mà bả có nghe đâu! Ham thần thông lắm”. Phàm những kẻ bị ma dựa đều là ham thần thông. Nếu quý vị nhìn thần thông và những chuyện kỳ quái rất nhạt nhẽo, chẳng quan tâm đến, yêu ma quỷ quái chẳng tìm quý vị, [vì chúng] chẳng có cách nào tiếp cận quý vị. Quý vị tham chuộng, ưa thích thần thông, hiếu kỳ, quý vị liền bị yêu ma quỷ quái nắm thóp,

đùa bỡn quý vị! Ở trong và ngoài nước, chúng tôi đã thấy rất nhiều kẻ trẻ tuổi được hưởng sự giáo dục cao cấp, toàn là những kẻ ưu tú, học [thần thông] chưa đến một năm hay nửa năm, bèn phải vào bệnh viện tâm thần, tinh thần phân liệt, tương lai cả một đời bị hủy hoại. Nói thật ra, những thứ đó chẳng phải là Phật giáo, mà là tà giáo! Yêu ma quỷ quái đang quây phá. Có phải là thật sự thấy họ phóng quang hay không? Thật sự trông thấy, chẳng phải là giả. Họ nói phóng quang, [thân hình] lìa khỏi mặt đất ba thước, là thật, chẳng giả tí nào! Yêu ma quỷ quái hiện những thứ thần thông ấy cho quý vị trông thấy. Quý vị càng thấy, càng nghĩ chúng nó rất tuyệt. Chúng ta bảo họ: “Bọn chúng nó là giả”, [họ sẽ nạt lại]: “Người không bằng người ta! Nếu không, người phóng quang cho ta xem thử coi!” Họ chẳng tin tưởng chánh pháp, muôn tin tưởng yêu ma quỷ quái, càng mê sâu hơn. Chuyện này không chỉ là đem lại nỗi đau khổ cho chính người ấy, mà còn khiến cho cả gia đình đau khổ, rất đáng thương, chúng ta phải chú ý điều này.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tô đôi ba lượt khuyên khích chúng ta: “*Học Phật thì đạo tràng coi trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức. Tu hành quý nơi cái tâm thanh tịnh, tuyệt đối chẳng chú ý thần thông cảm ứng, ngay cả cảm ứng cũng không mong cầu*”. Người thật sự tu hành, tu tâm thanh tịnh, [nhận biết] “ta phiền não ngày càng ít hơn, tâm địa ngày càng thanh tịnh hơn, ngày càng sung sướng hơn, pháp hỷ sung mãn, trí huệ càng ngày càng tăng trưởng hơn”. Trí huệ tăng trưởng nhìn từ chỗ nào? Xử sự, đãi người, tiếp vật chẳng hề đồ giống như trước, dường như mỗi ngày có trí huệ hơn, đó đều là hiện tượng tiến bộ. Đó là hiện tượng tốt. Nếu nói hằng ngày thấy rất nhiều quý, thấy khá nhiều thần, nguy hiểm rồi! Đó chẳng phải là một hiện tượng tốt lành, mà là sắp vào nhà thương điên! Đôi khi trông thấy thì phải làm sao? Có thấy thì chẳng cần quan tâm tới, chẳng cần nghĩ đến họ, niệm Phật cho nhiều, đọc kinh cho nhiều, về sau, cơ hội trông thấy họ sẽ ít đi. Trước kia, cư sĩ Giản Phong Văn thường trông thấy, mỗi tháng thấy khá nhiều lần, đến kể với tôi. Ông ta chẳng bịa chuyện, trước kia, ông ta thích tĩnh tọa. Trong khi tĩnh tọa, thấy khá nhiều cảnh giới kỳ quái, từng thấy Thập Điện Diêm Vương. Sau này, tôi dạy ông ta: “Từ nay về sau, ông thấy những điều đó đừng quan tâm tới, chẳng cần để ý, cứ niệm Phật cho nhiều”. Về sau, dần dần ít đi. Hiện nay, trong vòng một hai năm qua chẳng thấy nữa, không còn nữa, khôi phục bình thường.

[Thấy những cảnh tượng kỳ quái, quỷ thần], chắc chắn chẳng phải là bình thường, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Chẳng cần nói thấy yêu ma quỷ quái chẳng phải là chuyện tốt, mà thấy chư Phật, Bồ Tát cũng chẳng phải là chuyện tốt. Quý vị hãy xem kinh Lăng Nghiêm, [phần nói về] năm mươi thứ Âm Ma, yêu ma quỷ quái biến hiện cảnh giới của Phật, Bồ Tát, đơn giản là khiến cho quý vị chẳng có cách nào phân biệt là thật hay giả. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã dạy chúng ta một nguyên tắc: “*Bất tác thánh giải*” (Chẳng nghĩ [những cảnh giới kỳ quái, lạ lùng ta được thấy] là chính mình đã đạt được sự giải ngộ của bậc thánh), [đối với] những cảnh giới tốt đẹp, căn bản là chẳng quan tâm tới, chúng sẽ là cảnh giới tốt đẹp. Nếu quý vị nghĩ chúng là thật, sẽ bị mắc lừa, “*tức thọ quân tà*” (liền

rót vào lũ tà), quý vị đã bị những thứ yêu ma quỷ quái ấy lừa dối, gạt gẫm. Đúng là đối với các cảnh giới như trong Lăng Nghiêm đã nói, chúng ta chẳng có cách nào phân biệt là thật hay giả, còn những thứ như ta trông thấy trong hiện thời vừa trông thấy liền biết là giả, tuyệt đối chẳng phải là thật.

Đây là nói một người tu hành, trên đường Bồ Đề, tất nhiên sẽ gặp những cảnh giới ấy, khi gặp những cảnh giới đó, quyết định chẳng cần quan tâm tới. Chính vì như vậy, chúng tôi thường khuyên nhủ các đồng tu, hễ quý vị thờ Phật, bèn thờ một pho tượng, hằng ngày nhìn bức tượng Phật ấy, mọi người phải biết điều này. Hết thấy yêu ma quỷ quái có thể lừa gạt người, chúng nó gạt người vì quý vị tự nguyện bị lừa, bằng lòng bị gạt! Nói thật ra, chúng nó trọn chẳng phạm pháp to lớn gì! Chúng nó biến hiện thành hình tượng của Phật, Bồ Tát, nhưng chẳng dám biến thành hình Bồ Tôn, nên nói là chúng nó chẳng phạm pháp. Tuy chúng nó có thể giả mạo, nhưng giả mạo tương tự, chẳng rất giống, nên chẳng phạm pháp. Ví như đối với “thương hiệu” (nhãn hiệu câu chúng, trademark), tôi thiết kế thương hiệu chẳng khác thương hiệu của quý vị cho mấy, nhưng có đôi chút bất đồng, tôi chẳng giả mạo chiêu bài của quý vị, vì sao? Thương hiệu do tôi thiết kế có đôi chút khác với quý vị, chẳng thể coi là giả mạo nhãn hiệu, chẳng thể trị tội theo pháp luật được. Hoàn toàn giống hệt thì là giả, tức là hàng nhái, phải bị trị tội. Vì lẽ đó, yêu ma quỷ quái chẳng dám biến thành Bồ Tôn.

Ta thờ phụng A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là Bồ Tôn của ta, yêu ma quỷ quái chẳng dám biến thành A Di Đà Phật. Chúng biến thành các vị Phật, Bồ Tát khác đến dụ dỗ, mê hoặc quý vị, tuyệt đối chẳng dám biến thành A Di Đà Phật. Ta thờ phụng Quán Thế Âm Bồ Tát, hằng ngày lễ bái Quán Âm Bồ Tát, xưng niệm Quán Âm Bồ Tát, chúng nó chẳng dám biến thành Quán Âm Bồ Tát. Biến thành hình tượng Ngài, thần hộ pháp quyết định chẳng chấp nhận. Biến thành [hình tượng] tương tự, chẳng phải là thật, thần hộ pháp cũng chẳng quan tâm tới, vì sao? Dẫu sao, chúng nó chẳng thật sự phạm pháp. Thần hộ pháp giống như cảnh sát, chẳng can thiệp, không bắt giữ chúng nó. Chúng ta thờ một bức tượng A Di Đà Phật, suốt đời thờ một tượng ấy, chúng ta thấy hình tượng ấy rất rõ ràng. Nếu chúng nó biến ra một vị A Di Đà Phật, có hình dạng khác với tượng ấy, chúng ta sẽ chẳng quan tâm tới. Khi lâm chung, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta, quyết định là có hình dáng giống như bức tượng chúng ta đang thờ, khiến cho bản thân chúng ta chẳng có chút hoài nghi nào. Ta mỗi ngày nhìn bức tượng ấy, đến cuối cùng, quả nhiên Phật hiện tiền, Ngài dẫn chúng ta đi, há có làm lẫn ư? Tuyệt đối sẽ chẳng sai lầm! Đó là cái hay của việc cúng dường một hình tượng Bồ Tát [hay hình tượng Phật, suốt đời chẳng thay đổi]. Hiện thời, thờ một bức rất dễ dàng. Chúng ta đi ra ngoài, hãy chụp ảnh bức tượng chính mình đang thờ để có thể đem theo thân, đến chỗ nào cũng đều có thể cúng dường, chẳng cần phải mang theo tượng khắc hoặc tượng đắp! Nhất là tượng thờ rất lớn, mang theo chẳng thuận tiện. Chúng ta chụp hình mang theo rất thuận tiện. Giống như tượng Phật của chúng ta ở đây, chúng ta đều đã in ra, tượng Quán Âm Bồ Tát cũng được in ra, cuốn thành một cuộn, đặt trong hành lý, đi đến đâu cũng đều có thể mang theo. Tượng Phật trông thấy mỗi ngày là cùng một tượng Phật, tốt lắm!

Chúng ta lại xem phần kinh văn tiếp theo, xem hàng cuối cùng trong trang một trăm bốn mươi.

Thời Vi Đề Hy bạch Phật ngôn: - Thế Tôn, như ngã kim giả dĩ Phật lực cố, kiến bỉ quốc độ, nhược Phật diệt hậu chư chúng sanh đặng, trước ác bất thiện, ngũ khổ sở bức, vân hà đương kiến A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới?

時韋提希白佛言。世尊。如我今者以佛力故。見彼國土。若佛滅後諸眾生等。濁惡不善。五苦所逼。云何當見阿彌陀佛極樂世界。

(Khi ấy, bà Vi Đề Hy bạch Phật: - Bạch đức Thế Tôn! Như con nay do Phật lực được thấy cõi nước ấy, nếu sau khi đức Phật đã diệt độ, các loài chúng sanh trước ác, chẳng lành, bị năm nỗi khổ bức bách, sẽ thấy thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật bằng cách nào?)

Đây là lòng từ bi của phu nhân Vi Đề Hy. Do Thích Ca Mâu Ni Phật dùng thần lực triển hiện các cõi nước Phật trước mặt bà, bà được thấy thế giới Tây Phương. Bà là phàm phu, chẳng có Thiên Nhân, do Phật lực gia trì khiến bà trông thấy đề chọn lựa. Do đó, bà ta liền nghĩ: Trong tương lai, sau khi đức Phật diệt độ, đến thời kỳ Mạt Pháp, ngũ trước ác thế, chúng sanh khi ấy làm thế nào để có thể thấy thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật? Đối với chữ “trước ác”, phần chú giải đã trích dẫn đoạn Ngũ Ác, Ngũ Thông, Ngũ Thiêu được nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Đoạn kinh văn này chúng ta rất quen thuộc, nên nội dung đoạn này giống như Đại Kinh đã nói. Ở đây, ta thấy tâm lòng từ bi của phu nhân: Sau khi chính mình đã đắc độ, bèn nghĩ đến hết thảy chúng sanh sẽ đắc độ như thế nào, kiến giải chẳng giống vua Tần Bà Sa La! Quý vị thấy một đấng là Đại Thừa, một đấng là Tiểu Thừa. Tiểu Thừa thì chính mình đắc độ là được rồi, chẳng nghĩ đến người khác. Tâm Đại Thừa Bồ Tát thì chính mình còn chưa đắc độ, đã ngay lập tức nghĩ đến người khác. Thích Ca Mâu Ni Phật còn chưa dạy bà ta phương pháp tu hành, mà bà ta đã nghĩ đến người khác: Người khác làm thế nào để có cơ duyên này ngõ hầu cũng có thể đắc độ? Đó là sự khác biệt giữa tâm lượng Tiểu Thừa và Đại Thừa, tư tưởng khác nhau!

Chúng ta xem phần kinh văn tiếp theo trong trang một trăm bốn mươi lăm.

Phật cáo Vi Đề Hy: - Nhữ cập chúng sanh, ưng đương chuyên tâm hệ niệm nhất xứ, tướng ư Tây Phương.

佛告韋提希。汝及眾生。應當專心繫念一處。想於西方。

(Đức Phật bảo Vi Đề Hy: - Bà và chúng sanh hãy nên chuyên tâm hệ niệm nhất xứ, tướng Tây Phương).

Hàm nghĩa trong kinh văn này hết sức sâu xa. Chữ “nhữ” (汝) chỉ phu nhân Vi Đề Hy. Chữ “chúng sanh” bao gồm chúng ta trong đó; chỉ cần là kẻ đời sau, có duyên đọc bộ kinh điển này, liền được bao gồm trong đó. Do vậy có thể biết,

đức Phật khai thị lần này cho phu nhân Vi Đề Hy, cũng là khai thị cho mỗi vị đồng tu chúng ta. Bà Vi Đề Hy là bậc đương cơ; chúng ta mở bộ kinh điển này ra, đọc tụng, tiếp xúc bộ kinh điển này thì cũng là đương cơ của bản kinh này. Do đó, sự giáo học của đức Phật là một Thể hoàn toàn bình đẳng, dạy chúng ta “*hãy nên chuyên tâm hệ niệm nhất xứ, tướng Tây Phương*”, câu này là khuyên tu. “*Chuyên tâm hệ niệm*” thì mới có thể bỏ vọng tưởng. Vì sao người bình phàm chẳng thể chế phục vọng tưởng? Do ý niệm của họ chẳng chuyên. Nếu ý niệm chuyên nhất, những vọng niệm khác sẽ tự nhiên chẳng sanh. Phàm phu chẳng thể nào chẳng có niệm. Phương pháp của đức Phật rất xảo diệu, tức là dùng ngay ý niệm [niệm Phật] này để ngưng dứt vọng niệm. Dùng phương pháp này khiến cho trong ý niệm của quý vị chỉ nghĩ đến một chuyện. Chẳng khởi niệm thì thôi, hề khởi niệm bèn nghĩ tới một chuyện, tướng Tây Phương Cực Lạc thế giới, tướng A Di Đà Phật là được rồi. Dùng niệm để dứt niệm, dạy chúng ta sử dụng phương pháp này. Tu học phương pháp này sẽ thuận tiện hơn nhiều!

Dưới đây, đức Phật dạy chúng ta cách tưởng, [hãy xem] trang một trăm bốn mươi sáu.

Vân hà tác tưởng?

云何作想。

(*Quán tưởng như thế nào?*)

Cách tưởng ra sao?

Phàm tác tưởng giả, nhất thiết chúng sanh, tự phi sanh manh, hữu mục chi đồ, giai kiến nhật một.

凡作想者。一切眾生。自非生盲。有目之徒。皆見日沒。

(*Phàm là quán tưởng, hết thấy chúng sanh nếu chẳng phải là kẻ mù từ lúc mới sanh ra, những ai có mắt đều thấy mặt trời lặn*).

Đây là nêu thí dụ để dạy cách tưởng như thế nào. Hết thấy chúng sanh nếu chẳng phải là kẻ sanh manh, “*sanh manh*” (生盲) là sanh ra liền bị mù thì gọi là “*sanh manh*”. Nếu chẳng phải là tình hình ấy, nhất định đã từng thấy mặt trời ngả bóng, ắt phải là đã từng thấy cảnh tượng mặt trời lặn. Thật ra, đức Phật dạy điều này là nói về xưa kia, trước kia cảnh mặt trời lặn, đặc biệt là sống ở hương thôn, chúng ta thường trông thấy. Hiện thời, tại đô thị, sống trong cao ốc, có thể là có kẻ suốt đời chưa hề thấy cảnh mặt trời mọc hay lặn, người ấy tu phép quán tưởng này cũng rất khó khăn, vì chẳng có kinh nghiệm này. Người hiện thời sống tại đô thị, khi đến chơi núi A Lý⁴⁷, thấy mặt trời xuất sơn, tức là thấy mặt trời

⁴⁷ A Lý Sơn là một trong năm rặng núi lớn (Trung Ương Sơn Mạch, Tuyết Sơn, Ngọc Sơn, A Lý Sơn, và Hải Ngạn Sơn Mạch) ở Đài Loan. Rặng núi A Lý Sơn chạy từ trấn Tập Tập thuộc huyện Nam Đầu ở phía Bắc đến khu Yên Sào thuộc thành phố Cao Hùng ở miền Nam, dài đến 250 km, ngọn cao nhất là Đông Thủy Sơn (2.611m), các ngọn núi nổi tiếng khác thuộc rặng núi này là Lãnh Đầu, Kim Cam Thụ, Ngũ Xa Luân, Sư Tử Đầu, Lộc Khuất, Ô Tùng Khanh,

mọc. Thấy mặt trời mọc thì có, chứ thấy mặt trời lặn dường như vẫn chưa hề nghe nói tới! Do đó, trước hết, đức Phật dạy chúng ta quán tưởng phương hướng, tưởng Tây Phương, nơi mặt trời lặn là Tây Phương, tướng hình dạng mặt trời lặn.

Đoạn kinh văn kế tiếp [bắt đầu] từ hàng cuối cùng trong trang một trăm bốn mươi bảy.

Đương khởi tưởng niệm, chánh tọa Tây hướng, để quán u nhật dục một chi xú.

當起想念。正坐西向。諦觀於日欲沒之處。

(Hãy nên khởi tưởng niệm, ngồi ngay ngắn hướng về phía Tây, quán kỹ lưỡng nơi mặt trời sắp lặn).

“Để quán” là quán sát cận kề, hãy xem nơi mặt trời lặn.

Linh tâm kiên trụ, chuyên tưởng bất di, kiến nhật dục một, trạng như huyền cổ.

令心堅住。專想不移。見日欲沒。狀如懸鼓。

(Khiến cho tâm trụ chắc, chuyên quán tưởng chẳng đổi dời, thấy mặt trời sắp lặn, hình dạng như cái trống treo).

Khi mặt trời sắp lặn, chỉ thấy một vầng mặt trời đỏ rực, giống như một cái trống, tức cái trống đang treo lơ lửng trong không trung.

Ký kiến nhật dĩ, bế mục, khai mục, giai linh minh liễu.

既見日已。閉目開目。皆令明了。

(Đã thấy mặt trời rồi, [hãy quán tưởng sao cho] nhắm mắt, mở mắt, đều thấy rõ ràng).

Quán thành công sẽ là cảnh giới như thế này: Nhắm mắt, mặt trời ở trước mặt; mở mắt, mặt trời vẫn ở trước mặt. Đó là quán tưởng thành công. Nếu mở mắt, mặt trời ở trước mặt, nhưng nhắm mắt, mặt trời chẳng còn nữa, tức là quán chưa thành công. Hoặc là nhắm mắt, hình tượng ấy ở trước mặt, nhưng mở to mắt lại chẳng còn, cũng chẳng thể coi như là thành công được! Phép Quán này cũng rất khó. Sau khi quán thành công, bất luận ở nơi nào, mở to mắt, mặt trời quả thật ở trước mặt; nhắm mắt, mặt trời vẫn ở trước mặt. Đó là phép Quán thứ nhất thành tựu. Trong mười sáu phép Quán, đây là phép Quán đầu tiên, là phép Quán dễ nhất. Quý vị thử tập xem, quý vị có bản lãnh quán thành công hay chẳng? Có thể quán thành công, sẽ có thể vãng sanh. Trong mười sáu phép Quán, chỉ cần quán một phép thành công, sẽ đều có thể vãng sanh. Chẳng cần phải là mỗi phép Quán trong mười sáu phép Quán đều thành công, chỉ cần thành một phép Quán là được

Tùng Sơn, Tiểu Tháp, Đại Tháp, Đồi Cao, Chúc Sơn, Tiểu Lạp, Tự Trung, Bắc Hà, Kê Tử, Bằng Dục v.v...

rồi. Nói rất dễ dàng, làm thì sẽ rất khó thực hiện! Nếu chẳng chuyên tâm đến tột bậc, cảnh giới này sẽ chẳng thể hiện tiền.

Thị vi nhật tưởng, danh viết Sơ Quán.

是為日想。名曰初觀。

(Đó là phép tưởng mặt trời, gọi là phép Quán đầu tiên).

Đây là phép Quán thứ nhất trong mười sáu phép Quán. Sau đoạn kinh văn này, có chú giải rất nhiều, nhưng không gì chẳng nhằm nói rõ nguyên lý này. Thiên Thai đại sư dùng đạo lý Nhất Tâm Tam Quán để thuyết minh sự thật này. Nếu chẳng đạt đến Nhất Tâm Tam Quán, cảnh giới này chẳng thể hiện tiền! Do vậy, quán thành công hết sức khó khăn. Sau khi quán thành công, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, còn phải trừ bỏ tướng hư vọng ấy. Vì sao? Trong tâm thanh tịnh vốn chẳng có một vật, lẽ đâu có mặt trời? Quý vị phải hiểu đạo lý này, mới hiểu trong bốn loại niệm Phật, Trì Danh thù thắng bậc nhất. Trước đây, tôi đã từng hỏi thầy Lý chuyện này, thầy Lý bảo tôi: “Quán rất khó thành tựu! Quán thành công, anh nghĩ xem ấn tượng sâu đậm cỡ nào! Giống như chúng ta tưởng niệm một ai đó, thời thời khắc khắc đều nghĩ nhớ người ấy. Người ấy ở ngay trước mặt, tưởng niệm khắc sâu ngàn ấy. Trong A Lại Da Thức, sức mạnh ấy phải mạnh mẽ lắm thì hiện tượng ấy mới hiện thành được! Nhưng nó toàn là tướng hư vọng, sau khi đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, lại còn phải trừ bỏ tướng ấy. Quán thành công khó khăn, về sau, trừ bỏ nó cũng khó, xóa bỏ cũng khó, vì sao? Ấn tượng quá sâu!” Vì vậy, thầy nói [mười lăm phép Quán trước] chẳng bằng [niệm] danh hiệu. [Bởi lẽ], xóa bỏ danh hiệu dễ dàng, do biết danh hiệu là giả danh. Vì vậy, chấp trì danh hiệu vãng sanh thế giới Tây Phương dễ dàng; sau khi đã sanh về thế giới Tây Phương, trừ bỏ danh hiệu cũng dễ dàng. So với chuyện đã quán thành công rồi, sau đó lại bỏ phép Quán ấy, chúng ta suy nghĩ sẽ tự biết sự khó hay dễ trong ấy.

Thầy khuyên chúng tôi, biết lý luận và phương pháp quán tưởng niệm Phật, nhưng chẳng cần phải dùng tới, vẫn giữ lối trì danh niệm Phật, giữ cách này sẽ tốt đẹp. Trì Danh tương ứng với Thật Tướng, còn phương pháp [quán tưởng] này chẳng tương ứng với Thật Tướng. Quán Tưởng Niệm Phật và Quán Tượng Niệm Phật đã khó, lại còn chẳng tương ứng. Trì danh niệm Phật dễ dàng, tương ứng với Thật Tướng. Đó là lý do vì sao chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đặc biệt nhấn mạnh, đề xướng pháp môn Niệm Phật, đạo lý ở ngay chỗ này.

Tập 22

Thứ, tác thủy tưởng.

次作水想。

(Tiếp đó là tưởng nước).

Đây là phép Quán thứ hai, chúng ta xem kinh văn, hàng thứ ba trong trang một trăm năm mươi hai.

Kiến thủy trong thanh, diệt linh minh liễu, vô phân tán ý.

見水澄清。亦令明了。無分散意。

(Thấy nước trong lặng, cũng quán cho rành rẽ, ý chẳng phân tán).

“Vô phân tán ý” là Nhất Tâm Tam Quán.

Ký kiến thủy dĩ, đương khởi băng tưởng.

既見水已。當起冰想。

(Đã thấy nước rồi, hãy nên dấy ý niệm tưởng băng).

Phép Quán thứ hai là quán biên cả đóng băng.

Kiến băng ánh triệt, tác lưu ly tưởng.

見冰映徹，作琉璃想。

(Thấy băng trong suốt, quán tưởng là lưu ly).

Sau khi kết thành băng, giống như lưu ly (Vaidūrya, Tỳ Lưu Ly). Lưu ly trong suốt, có màu hơi xanh, người Hoa gọi là Phi Thúy (翡翠), tức ngọc có màu xanh. Nước biển có màu xanh dương, nên nếu kết thành băng, quả thật giống như lưu ly.

Thử tưởng thành dĩ, kiến lưu ly địa, nội ngoại ánh triệt.

此想成已。見琉璃地，內外映徹。

(Phép quán tưởng này đã thành, sẽ thấy đất lưu ly, trong ngoài thấu suốt).

Sau khi phép quán tưởng này đã thành, đại địa là lưu ly. Đại địa trong thế giới Tây Phương bằng lưu ly. Nếu quán thành công phép quán tưởng này, bất luận ở chỗ nào, quý vị đều thấy đất quyết định là đất lưu ly. Nếu thấy đất ở chỗ chúng ta đây vẫn là sàn bằng đá mài, tức phép quán tưởng này chẳng thành công, tuyệt đối là chẳng quán thành công. Sau khi quán thành công, đất là đất lưu ly. Do vậy, chúng ta cũng có thể hiểu rõ, trong kinh, đức Phật đã nói “*hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, đó là thật. Tâm quả thật có thể biến cảnh giới, tùy thuộc vào mức độ tưởng của quý vị. Nay chúng ta chẳng thể biến cảnh giới, là do tưởng

rất cạn, nay đang tưởng chỗ này, qua niệm thứ hai bèn tưởng chỗ khác; do vậy, chẳng thể biến thành cảnh giới. Nếu chuyên chú tưởng một chuyện, sẽ thật sự có thể biến cảnh giới. Hết thấy các pháp đều sanh từ tâm tưởng. Dưới mặt đất của Tây Phương còn có rất nhiều kho báu, dưới mặt đất trong cõi chúng ta cũng có kho báu.

Hạ hữu kim cang thất bảo kim tràng, kinh lưu ly địa.

下有金剛七寶金幢。擎琉璃地。

(Dưới đó có tràng vàng kim cang bảy báu nâng đỡ đất lưu ly).

Chúng ta biết địa cầu có hình cầu, trong hình cầu có lõi. Cái lõi ấy như được nói ở nơi đây, có hình dáng giống cái tràng, “nâng đỡ đất lưu ly”.

Kỳ tràng bát phương, bát lăng cụ túc, nhất nhất phương diện, bách bảo sở thành. Nhất nhất bảo châu hữu thiên quang minh. Nhất nhất quang minh bát vạn tứ thiên sắc, ánh lưu ly địa, như ức thiên nhật, bất khả cụ kiến.

其幢八方。八楞具足。一一方面。百寶所成。一一寶珠。有千光明。一一光明。八萬四千色。映琉璃地。如億千日。不可具見。

(Tràng ấy có tám mặt, tám cạnh trọn đủ. Mỗi một mặt do trăm thứ báu hợp thành. Mỗi một bảo châu có ngàn quang minh. Mỗi một quang minh có tám vạn bốn ngàn màu, chiếu rọi đất lưu ly như ức ngàn mặt trời, chẳng thể thấy trọn).

Phía dưới có chất báu, chất báu tỏa ánh sáng, có vô lượng quang minh. Như vậy là đất nơi thế giới Tây Phương tỏa ánh sáng, đại địa có quang minh. Chúng ta nghĩ xem địa cầu của chúng ta có quang minh hay không? Nói thật ra, cũng tỏa sáng, cũng có ánh sáng, nhưng nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy. Nay chúng ta dùng máy móc thăm dò, bèn phát hiện ánh sáng có bước sóng dài hay ngắn khác nhau. Những tia sáng mà chúng ta có thể thấy bằng mắt thường có bước sóng vô cùng hữu hạn, [những tia sáng] có bước sóng dài hơn thì chúng ta chẳng thấy, mà những tia sáng có bước sóng ngắn hơn chúng ta cũng không thấy. Chẳng phải là [đại địa] không phóng quang, thấy đều phóng quang. Nay ta dùng dụng cụ khoa học để thăm dò, chúng ta đã thăm dò được các tia sáng như tia X, hồng ngoại tuyến (Infrared), tử ngoại tuyến (Ultraviolet), đó là những tia sáng thăm dò được. Trên mặt đất hay trong không trung đều có ánh sáng, nhưng chúng ta chẳng thể thấy bằng mắt thường. Lòng người trong thế giới Tây Phương thanh tịnh, nên đối với các thứ sóng ánh sáng đều có thể trông thấy. Vì vậy, thế giới ấy khác hẳn. Nếu chúng ta cũng trông thấy các loại sóng ánh sáng thì [sẽ thấy] dưới mặt đất cũng trong suốt, cũng thấy dưới lòng đất, chúng ta gọi chuyện này là Thiên Nhãn. Người có Thiên Nhãn Thông chẳng bị chướng ngại, có thể thấy phía dưới mặt đất. Hiện thời có những kẻ khoe có Thiên Nhãn, nhưng “Thiên Nhãn” rất hữu hạn. Có nhiều kẻ nói thật ra chẳng hề có Thiên Nhãn, nhưng tự xưng là có Thiên

Nhãn, chưa chắc đã là thật. Thiên Nhãn thật sự thì vách tường chẳng trở ngại được, chúng ta ngồi trong nhà, người bên ngoài qua lại đều có thể thấy rất rõ ràng, đó mới là Thiên Nhãn. Nếu người bên ngoài đang hoạt động tại đó mà chúng ta không biết, chẳng phải là Thiên Nhãn! Thiên Nhãn chẳng có chướng ngại, trông thấy tình hình dưới mặt đất.

Lưu ly địa thượng, dĩ hoàng kim thằng, tạp xỉ gián thác, dĩ thất bảo giới, phân tề phân minh. Nhất nhất bảo trung, hữu ngũ bách sắc quang, kỳ quang như hoa. Hựu tự tinh nguyệt, huyền xứ hư không, thành quang minh đài, lâu các thiên vạn, bách bảo hợp thành.

琉璃地上。以黃金繩。雜廁間錯。以七寶界。分齊分明。一一寶中。有五百色光。其光如華。又似星月。懸處虛空。成光明臺。樓閣千萬。百寶合成。

(Trên đất lưu ly, dùng dây bằng vàng ròng phân chia ngang dọc xen kẽ, lại dùng bảy báu để làm giới tuyến, chia thành từng khu vực phân minh. Trong mỗi món báu, có ánh sáng năm trăm màu, ánh sáng ấy như hoa, lại giống như mặt trời, mặt trăng, treo lơ lửng trên hư không, tạo thành đài quang minh, ngàn vạn lầu gác do trăm thứ báu hợp thành).

Đây là sự trang nghiêm trên mặt đất. “Dĩ hoàng kim thằng, tạp xỉ gián thác”: Nói về giới tuyến ngăn cách, giống như trên nền đá mài ở đây cũng có những sợi dây đồng để ngăn cách; ở đây, chúng ta chẳng dùng dây đồng, mà dùng chất plastic để ngăn thành từng ô một, đó là trang hoàng cho đẹp mắt. Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, nhưng người ta dùng vàng ròng để làm vách ngăn xen kẽ, chẳng như chúng ta ở đây dùng chất plastic. Mặt đất cõi ấy bằng lưu ly, những hoa văn ngăn thành ô nơi đất trong cõi ấy bằng vàng ròng, dùng vàng ròng để ngăn thành từng khu.

Ư đài lưỡng biên, các hữu bách ức hoa tràng, vô lượng nhạc khí, dĩ vi trang nghiêm.

於臺兩邊。各有百億華幢。無量樂器。以為莊嚴。

(Ở hai bên đài, mỗi bên có trăm ức tràng hoa, vô lượng nhạc khí để trang nghiêm).

Đây là thiên nhạc rền vang trên hư không. Những nhạc khí ấy chẳng cần người diễn tấu, mà có thể tự diễn tấu. Hiện thời, khoa học tiến bộ, tôi đã thấy đàn điện tử cũng chẳng cần có người diễn tấu. Nhấn bàn phím một chút, nó tự mình phát ra âm thanh, tấu đàn tại đó. Chúng ta biết tình hình ấy chẳng có gì lạ lùng, nhưng nếu đem thứ ấy đến những chỗ hẻo lánh tại Hoa Lục, trước nay họ chưa hề trông thấy, sẽ bị dọa mất hồn! Họ sẽ tưởng là quỷ đánh đàn, chẳng có ai đánh, làm sao đàn có thể vang ra tiếng được? Đó là vì kiến thức rộng hay hẹp khiến cho con người nhận biết sai lạc. Nhưng những thứ do khoa học phát minh trong hiện

thời vẫn còn có phạm vi diễn tấu nhất định, vì sao? Những ca khúc diễn tấu đều được chúng ta thâm nhập vào computer, [các bài nhạc do đàn tự động diễn tấu] bị khống chế trong ấy (trong phạm vi vận hành và bộ nhớ của computer). Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có, chẳng cần dùng đến những thứ ấy. Vì vậy, những thứ được diễn tấu là “*thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ*”, thiên biến vạn hóa, chẳng bị hạn chế. Thật sự là thiên nhạc, chẳng do con người tạo ra.

Bát chủng thanh phong, tùng quang minh xuất, cổ thử nhạc khí, diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã chi âm. Thị vi thủy tướng, danh đệ nhị Quán.

八種清風。從光明出。鼓此樂器。演說苦空無常無我之音。
。是為水想。名第二觀。

(Tám thứ gió mát từ quang minh phát ra, tấu các nhạc khí ấy, diễn nói các âm thanh Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Đây là thủy tướng, được gọi là phép Quán thứ hai).

Vì sao thiên nhạc có thể vang ra tiếng? Ở đây cũng nói cho chúng ta biết: Từ trong Phật quang, sanh ra gió mát lay động nhạc khí. Nhạc khí diễn tấu Phật pháp, giảng kinh, thuyết pháp. Nếu chúng ta lại xét sâu hơn, những chuyện này đều do thần lực của A Di Đà Phật biến hóa tạo ra. Không chỉ là đức Phật thuyết pháp, mà Ngài còn biến hiện những con chim thuyết pháp, trong phần sau chúng ta sẽ thấy hữu tình thuyết pháp. Ở đây là vô tình cũng thuyết pháp, tình và vô tình cùng diễn nói âm thanh vi diệu. Đó là sự trang nghiêm khôn sánh trong thế giới Tây Phương. Đó là phép Quán thứ hai. Lại xem phép Quán thứ ba là Địa Quán, [hãy xem từ] hàng thứ ba đếm từ dưới lên trong trang một trăm năm mươi lăm.

Thử tướng thành thời, nhất nhất quán chi, cực linh liễu liễu, bệ mục, khai mục, bất linh tán thất. Duy trừ thực thời, hằng ức thử sự. Như thử tướng giả, danh vi thô kiến Cực Lạc quốc độ.

此想成時。一一觀之。極令了了。閉目開目。不令散失。
唯除食時。恆憶此事。如此想者。名為麤見極樂國土。

(Khi tướng này đã thành, bèn quán mỗi điều sao cho tột bậc rành rẽ. Nhắm mắt, mở mắt, chẳng bị tan mất. Chỉ trừ lúc ăn, luôn nhớ đến chuyện này. Tướng như vậy thì gọi là thấy cõi nước Cực Lạc về phần thô).

Từ phần kinh văn này, chúng ta có một chút tin tức, thế giới Cực Lạc do tâm tưởng của chúng ta biến hiện. Thế giới Cực Lạc là như thế, mà hết thấy các thế giới của mười phương chư Phật đều chẳng ra ngoài lệ ấy. Thật sự là hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng. Kinh luận Duy Thức đã nói: “*Tâm sanh tắc chủng chủng pháp sanh, tâm diệt tắc chủng chủng pháp diệt*” (Tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt thì các pháp diệt), điều ấy cũng được chứng thực trong kinh này.

Thế giới hiện thời do loạn tướng của chúng ta biến hiện, nên thế giới này rất loạn. Do [người trong thế giới này] suy nghĩ lung tung, nên tướng ra thế giới này cũng lộn xộn. Người trong thế giới Tây Phương chuyên tướng, nên thế giới của họ thanh tịnh. Họ chuyên tướng, còn chúng ta loạn tướng, nên biến hiện hai cảnh giới chẳng giống nhau. A Di Đà Phật chuyên tướng, hiện ra sự trang nghiêm thanh tịnh ấy. Phạm là người vãng sanh, cũng phải chuyên tướng giống như A Di Đà Phật thì mới có thể hiện cảnh giới giống như vậy. Vì thế, tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ! Dầu niệm Phật, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, vẫn chẳng thể vãng sanh. Điều kiện cơ bản để vãng sanh là “*tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh*”, như vậy thì mới có thể cảm ứng đạo giao cùng Tây Phương Cực Lạc thế giới. Dưới đây là đoạn tổng kết trong trang một trăm năm mươi sáu. Chúng ta xem phần kinh văn được in theo lối đánh cách.

Nhược đắc tam-muội, kiến bỉ quốc địa liễu liễu phân minh, bất khả cụ thuyết, thị vi địa tướng, danh đệ tam quán.

若得三昧。見彼國地了了分明。不可具說。是為地想。名第三觀。

(Nếu đắc tam-muội, sẽ thấy đất trong cõi ấy rành rẽ, phân minh, chẳng thể nói trọn. Đây là địa tướng, gọi là phép Quán thứ ba).

Đây là tổng kết. Nhất định là phải “*đắc tam-muội*”, bèn thấy rõ ràng. Chẳng đắc tam-muội thì là “*thô kiến*”, tức là thấy cảnh giới tương tự. Nếu đắc tam-muội, tam-muội ở đây thuộc loại Niệm Phật tam-muội, kinh Di Đà gọi Niệm Phật tam-muội là “*nhất tâm bất loạn*”. Niệm đến nhất tâm bất loạn, cảnh giới này sẽ hết sức rõ ràng, thấy rất thân thiết. Tiếp theo đây là nói đến lợi ích.

Phật cáo A Nan: “Nhữ trì Phật ngữ, vị vị lai thế nhất thiết đại chúng dục thoát khổ giả, thuyết thị quán địa pháp. Nhược quán thị địa giả, trừ bát thập ức kiếp, sanh tử chi tội, xả thân tha thế, tất sanh tịnh quốc, tâm đắc vô nghi.

佛告阿難。汝持佛語。為未來世一切大眾欲脫苦者。說是觀地法。若觀是地者。除八十億劫。生死之罪。捨身他世。必生淨國。心得無疑。

(Phật bảo A Nan: - Ông hãy vâng giữ lời Phật, hãy vì hết thảy đại chúng muốn thoát khổ trong đời vị lai mà nói phép quán đất này. Người quán đất này, sẽ trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, khi xả báo thân, ắt sanh về cõi tịnh, tâm chẳng ngờ vực).

Chú giải đoạn này, lời Sớ do Trí Giả đại sư nói. Trí Giả đại sư là một vị tu hành chứng quả, chắc chắn sẽ chẳng nói sai lầm. Tại Trung Hoa, các đời đều truyền tụng Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật hóa thân tái lai. Nếu lời này là thật, những gì Trí Giả đại sư đã nói chính là lời Phật nói. “*Sớ vân: Tiền thủy thị tướng, bất năng diệt tội*” (Sớ rằng: “Phép quán tướng nước trong phần trước

chẳng thể diệt tội”). Những phép quán mặt trời và quán nước trong phần trước là do tướng tượng biến hiện ra, chẳng thể diệt tội. Vì sao? Những tướng ấy hoàn toàn là huyền tướng, mở mắt, các tướng ấy ở trước mặt; nhắm mắt, các tướng ấy cũng ở trước mặt. “*Địa quán thị thật, cố năng đoạn trừ dã*” (Quán đất là thật, nên có thể đoạn trừ). Thật ra, cũng chẳng thể nói điều đó là chân thật, “thật” chẳng thể coi là chân thật, [bởi lẽ], những gì có hình tướng đều là hư vọng. Thực tại là chúng ta có “thật cảm”, [tức là] có cảm xúc [nhận thấy chúng dường như là có thật], giống như nay chúng ta thấy đại địa, thấy bàn, ghế, ghế dài, đưa tay sờ mó bèn có cảm nhận [chúng là] chân thật, nhưng chúng có phải là thật hay không? Chẳng phải là thật, có ý nghĩa này. Chẳng giống như tâm tưởng thấy mặt trời, quý vị thấy, nhưng người khác chẳng thấy. Quý vị mở mắt vẫn thấy, mà nhắm mắt cũng thấy, nhưng người khác mở mắt hay nhắm mắt đều chẳng thấy, tuy ở cùng một chỗ mà đều chẳng thấy. Vì thế, [những phép Quán mặt trời và nước] chẳng thể diệt tội. Còn [trong phép quán đất] này, có cảm nhận chân thật, công phu sâu hơn những phép Quán trước, vì người ấy (người tu Quán) đã đắc tam-muội, đương nhiên là diệt tội.

Tôn giả Tứ Minh chú giải, tức là trong lời Sao, Ngài có nói: “*Sao vân, cái thác thử phương thủy thành băng sự, dân thị giả tướng, cố danh ‘thô kiến’*. Kim thành tam-muội, thật kiến bỉ địa, tắc danh Thật Quán. Ngôn ‘giả tướng bất năng diệt tội’, thị đại sư thuận kinh sách tấn, linh hành giả tam-muội tốc thành, toàn phi giả tướng bất năng diệt tội. Hà dĩ tri nhiên? Nhật quán thượng loại hạ hạ diệt tội chi số, khởi thô kiến địa toàn bất trừ khiên ma?” (Lời Sao viết: “Đây chính là do chuyện tượng nước đóng thành băng trong cõi này chỉ là giả tướng, nên gọi là ‘thô kiến’. Nay thành tựu tam-muội, thật sự thấy đất trong cõi kia, nên gọi là Thật Quán. Nói ‘giả tướng chẳng thể diệt tội’ là đại sư thuận theo kinh văn để sách tấn, hòng làm cho hành giả mau chóng thành tựu tam-muội, hoàn toàn chẳng phải là ‘giả tướng chẳng thể diệt tội’! Vì sao biết như thế? [Phần Sớ giảng về] phép quán mặt trời còn liệt kê số lượng tội đã diệt [của kẻ đã tu thành tựu phép Quán ấy ở mức độ] hạ hạ. Há có phải là thấy đất về phần thô bèn hoàn toàn chẳng thể trừ diệt tội khiên ư?”). Như vậy là Trí Giả đại sư nói kiểu này nhằm khích lệ chúng ta tinh tấn, cũng có nghĩa là Nhật Quán thành tựu hay Thủy Quán thành tựu đều có thể vãng sanh. Thành tựu bất cứ phép Quán nào trong mười sáu phép Quán đều có thể vãng sanh, đã vãng sanh thì có lẽ nào chẳng diệt tội? Chỉ là mức độ diệt tội có sâu hay cạn khác nhau! Dụng ý của Trí Giả đại sư là mong mỗi chúng ta hãy nâng cao cảnh giới, nên Ngài nói như vậy.

Tác thị quán giả, danh vi chánh quán. Nhược tha quán giả, danh vi tà quán.

作是觀者。名為正觀。若他觀者。名為邪觀。

(Quán như vậy thì gọi là chánh quán. Nếu quán khác đi thì là tà quán).

Phần Sao giảng: “*Quán dữ kinh hợp, tắc xứng tánh kiến, danh vi chánh quán. Kiến tướng quai kinh, thị phát ma sự, cố danh tà quán, hạ khứ giai nhiên*” (Quán phù hợp với kinh dạy sẽ là cái thấy xứng tánh, gọi là chánh quán. Nếu thấy

các tướng mâu thuẫn với kinh, chính là ma sự phát khởi, nên gọi là tà quán. Từ đây trở đi, đều [phán định sự quán tướng là tà hay chánh] giống như vậy). Từ đây trở xuống, hễ gặp câu này thì đều có ý nghĩa này. Nói cách khác, tu hành nhất định phải căn cứ trên lý luận và phương pháp do đức Phật đã nói trong kinh điển, đó là chánh xác. Nếu chúng ta tu học mâu thuẫn với lý luận trong kinh, trái nghịch phương pháp, thì hết thấy cảnh giới đã trông thấy đều là ma cảnh. Thấy cảnh giới tương ứng với kinh thì là cảnh giới tốt đẹp; cảnh giới chẳng tương ứng với kinh chính là ma cảnh. Gần đây nhất, tại Hương Cảng, dường như gần đây tại Đài Loan cũng thấy có, xuất bản một tập sách nhỏ, nghe nói hiện thời còn có hình vẽ, bản tôi thấy ở Hương Cảng vẫn chưa có hình vẽ, chỉ có văn tự, không có hình minh họa. Sách ấy nói một vị pháp sư tại Đại Lục đến thế giới Cực Lạc, quay về kể lại rất nhiều chuyện trong thế giới Cực Lạc⁴⁸. Hiện thời, tập sách nhỏ ấy được lưu truyền ngày càng nhiều, càng truyền càng là ma! Gần đây nhất, tại Đại Lục cũng có. Người ở Đại Lục nhận biết sách ấy là tà tri tà kiến, chẳng cho phép lưu thông. Tôi đến Đại Lục lần này, có nghe nói [sách ấy] không được phép lưu thông, nhưng ở hải ngoại, lưu thông với số lượng rất nhiều!

Lần đầu tiên tôi thấy sách ấy tại Hương Cảng, pháp sư Sướng Hoài đưa cho tôi xem. Pháp sư Sướng Hoài rất hoài nghi, Ngài nói: “Chỉ sợ chẳng phải là thật”. Tôi xem tập sách nhỏ ấy, vừa lật ra xem [liền biết] là giả, giả như thế nào? Ông ta nói thế giới Cực Lạc có nữ nhân, chuyện này chẳng phù hợp với kinh. Từ câu ấy, biết sách ấy là giả trá. Ông ta nói [chính mình] thấy hết thấy chúng sanh trong thế giới Cực Lạc, tướng mạo của hết thấy mọi người đều khác nhau, đó là giả! Kinh đã dạy rõ ràng: Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, tướng mạo hoàn toàn giống nhau, làm sao có thể khác nhau cho được? Vì thế, chắc chắn sách ấy lời lẽ quá gở, tà vạy, nhằm mê hoặc chúng sanh. Nghe nói hiện thời có rất nhiều người lầm mê cuốn sách ấy, chẳng tin kinh do đức Phật giảng, mà tin “kinh” do ông ta nói. Như vậy thì có hỏng bét hay là không? Đúng là tin tà, chẳng tin chánh, nghe lừa, chẳng nghe theo lời khuyên, chẳng có cách nào hết! Chúng sanh tội nghiệp, nghiệp chướng nặng lắm. Từ điều này mà thấy được nghiệp chướng.

Chúng ta lại xem phần tiếp theo là phép Quán thứ tư. Phép Quán thứ tư là quán cây báu [được trình bày] trong trang một trăm năm mươi tám:

Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: “Địa tướng thành dĩ, thứ quán bảo thụ”.

佛告阿難及韋提希。地想成已。次觀寶樹。

(Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Quán tướng đất đã thành, kế đó là quán cây báu).

Chúng ta xem kinh văn trong trang một trăm năm mươi chín.

⁴⁸ Đây là tập sách Tây Phương Du Ký do cư sĩ Lưu Thế Hoa viết theo lời kể của pháp sư Khoan Tịnh. Theo đó, pháp sư Khoan Tịnh ngồi thiền tại động Di Lạc trong núi Cửu Tiên, huyện Đức Hóa, tỉnh Phước Kiến, được Quán Thế Âm Bồ Tát dẫn lên Cực Lạc thăm viếng.

Quán bảo thụ giả, nhất nhất quán chi, tác thất trùng hàng thụ tướng. Nhất nhất thụ, cao bát thiên do-tuần, kỳ chư bảo thụ, thất bảo hoa diệp, vô bất cụ túc.

觀寶樹者。一一觀之。作七重行樹想。一一樹。高八千由旬。其諸寶樹。七寶華葉無不具足。

(Quán cây báu, quán từng điều một: Tưởng bảy lớp hàng cây, mỗi cây cao tám ngàn do-tuần. Các cây báu ấy, hoa và lá bằng bảy báu, không gì chẳng trọn đủ).

Thật ra, phép Thụ Quán khá khó khăn. Càng nói đến những phép Quán về sau, cảnh giới càng thù thắng, càng vi tế, chẳng dễ gì quán tưởng! Phải quán những cây ấy rành mạch, cây lại cao đến tám ngàn do-tuần như thế. Một do-tuần (yojana), chúng tôi nói theo cách tính nhỏ nhất, Ấn Độ nói do-tuần là đơn vị đo độ dài, có đại, trung, tiểu. Đại do-tuần ứng với tám mươi dặm Tàu⁴⁹, trung do-tuần là sáu mươi dặm, tiểu do-tuần là bốn mươi dặm. Tính theo tiểu do-tuần, bốn mươi dặm là một do-tuần. [Cây cao] tám ngàn do-tuần, chỉ tưởng độ cao ấy không thôi, e rằng đã chẳng thể tưởng nổi. Làm sao quán tưởng thân, cành, lá, hoa, quả của cây ấy? Do đó, xác thực là khá khó khăn! Cổ nhân nói: “Chúng ta ở nơi đây, phạm phu tâm thô cảnh tế. Quán tưởng khó thành, chẳng dễ gì quán thành công”. Lại xem những tướng kế tiếp, đó là tế tướng (tướng vi tế, tướng trạng chi tiết), [hãy xem từ] hàng thứ hai từ dưới đếm lên trong trang một trăm năm mươi chín.

Nhất nhất hoa diệp.

一一華葉。

(Mỗi một hoa lá).

Mỗi đóa hoa, mỗi phiến lá.

Tác dị bảo sắc, lưu ly sắc trung xuất kim sắc quang. Pha ly sắc trung, xuất hồng sắc quang.

作異寶色。琉璃色中。出金色光。玻璃色中，出紅色光。

(Có màu báu lạ. Trong màu lưu ly, hiện ra ánh sáng màu vàng ròng. Trong màu pha lê, hiện ra ánh sáng đỏ).

Nay chúng ta gọi pha lê là thủy tinh. Thời cổ không có thủy tinh, pha lê [thời đó] nay gọi là “thủy tinh”, [pha lê] chính là thủy tinh hiện thời.

Mã não sắc trung, xuất xa cừ quang. Xa cừ sắc trung, xuất lục trân châu quang. San hô, hổ phách, nhất thiết chúng bảo dĩ vi ánh sức. Diệu trân châu

⁴⁹ Lý (dặm Tàu) có độ dài khác nhau theo từng thời đại, nói chung là khoảng 500 mét.

võng, di phú thụ thượng. Nhất nhất thụ thượng, hữu thất trùng võng. Nhất nhất võng gian, hữu ngũ bách ức diệu hoa cung điện, như Phạm vương cung.

**瑪瑙色中。出磔磔光。磔磔色中。出綠珍珠光。珊瑚琥珀
。一切眾寶以為映飾。妙珍珠網。彌覆樹上。一一樹上有七重網
。一一網間。有五百億妙華宮殿。如梵王宮。**

(Trong sắc mã nã, tỏa ánh sáng màu xa cừ. Trong màu xa cừ, tỏa ánh sáng màu lục trên châu. San hô, hổ phách, hết thấy các thứ báu trang hoàng chói ngời. Lưới trên châu màu nhiệm che phủ trên cây. Trên mỗi cây, có bảy tầng lưới. Nơi giữa mỗi tầng lưới, có năm trăm ức cung điện diệu hoa giống như cung điện của Phạm Vương).

Chúng ta vừa đọc vừa tưởng tượng cảnh giới này, tưởng tượng không ra! Tuy chúng ta là phàm phu, phàm nhân Vi Đề Hy cũng là phàm phu, nhưng bà ta nghe đức Phật nói liền thuận theo lời giảng ấy để nhập quán. Bộ kinh này được giảng xong, phàm nhân Vi Đề Hy liền chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, đắc Lý nhất tâm bất loạn. Vị phàm nhân này thiện căn sâu dày, tâm tinh tế, nên có thể thuận theo kinh văn để nhập quán, hiện thời chúng ta chẳng quán được! “Năm trăm ức cung điện diệu hoa”: Trong ấy còn có cung điện. Lại xem trang kế tiếp là trang một trăm sáu mươi mốt.

Chư thiên đồng tử, tự nhiên tại trung.

諸天童子。自然在中。

(Các đồng tử cõi trời tự nhiên ở trong ấy).

Trong cung điện có người.

Nhất nhất đồng tử.

一一童子。

(Mỗi một đồng tử).

Mỗi một đứa bé trai.

Ngũ bách ức Thích Ca Tỳ Lăng Già ma-ni, dĩ vi anh lạc.

五百億釋迦毗楞伽摩尼以為瓔珞。

(Dùng năm trăm ức Thích Ca Tỳ Lăng Già ma-ni làm anh lạc).

Mỗi người trên thân đều trang sức bằng anh lạc. “Anh lạc” [được miêu tả] tỉ mỉ tới tột cùng. Trong chú giải có giải thích chữ Thích Ca Tỳ Lăng Già Ma-ni

(Śakrābhi Lagna-mani-ratna)⁵⁰, nói đơn giản là Như Ý Bảo Châu. Xâu Như Ý Bảo Châu thành chuỗi anh lạc.

Kỳ ma-ni quang, chiếu bách do-tuần, do như hòa hợp bách ức nhật nguyệt, bất khả cụ danh.

其摩尼光。照百由旬。猶如和合百億日月。不可具名。

(Ánh sáng ma-ni ấy chiếu xa một trăm do-tuần, ví như hòa hợp trăm ức mặt trời, mặt trăng, chẳng thể kể trọn).

Sự tốt đẹp này chẳng thể diễn tả được.

Chúng bảo gián thác, sắc trung thượng giả. Thử chư bảo thụ, hàng hàng tương đương, điệp điệp tương thứ. Ư chúng điệp gian, sanh chư diệu hoa. Hoa thượng tự nhiên hữu thất bảo quả. Nhất nhất thụ điệp, tung quảng chánh đẳng nhị thập ngũ do-tuần, kỳ điệp thiên sắc, hữu bách chủng họach.

眾寶間錯。色中上者。此諸寶樹。行行相當。葉葉相次。於眾葉間。生諸妙華。華上自然有七寶果。一一樹葉。縱廣正等二十五由旬。其葉千色。有百種畫。

(Các thứ báu xen lẫn, màu sắc thuộc bậc thượng. Các cây báu ấy, từng hàng đối nhau, từng lá ngang nhau. Khoảng giữa các lá, sanh ra các loại hoa màu nhiệm. Trên hoa tự nhiên có quả bảy báu. Mỗi chiếc lá lại to rộng kích thước đến hai mươi lăm do-tuần. Lá ấy có ngàn màu, có trăm đường gân).

“Họach” (畫) ở đây là những đường gân trên lá.

Như thiên anh lạc. Hữu chúng diệu hoa, tác Diêm Phù Đà kim sắc, như toàn hỏa luân, uyển chuyển điệp gian, dũng sanh chư quả, như Đế Thích bình.

如天瓔珞。有眾妙華。作閻浮檀金色。如旋火輪。宛轉葉間。涌生諸果。如帝釋瓶。

⁵⁰ Lời Sao giảng: “Thích Ca Tỳ Lăng Già, cõi này dịch là Năng Thắng. Ma Ni dịch là Ly Cầu, còn dịch là Tăng Trưởng. Ý nói chỗ có vật báu này, ắt sẽ tăng thêm oai đức. Khi xưa dịch [chữ Ma Ni] là Như Ý. Những điều này đều là dịch theo ý nghĩa”.

(Giống như chuỗi anh lạc cõi trời. Có các thứ hoa màu nhiệm màu như vàng Diêm Phù Đà⁵¹, giống như vòng lửa xoay tròn giữa các kẽ lá, sanh ra các thứ quả giống như cái bình của Đệ Thích⁵²).

Cảnh để quán này, đừng nói là tưởng tỉ mỉ chẳng nổi, ngay cả tưởng thô thiên cũng chẳng tưởng được! Trong đoạn này, pháp sư Đệ Nhàn có giảng một vài câu, hãy xem từ dòng thứ hai đếm từ dưới lên trong trang một trăm sáu mươi hai: “*Thiết vị*” (Trộm cho rằng), đây là lời của pháp sư Đệ Nhàn. “*Thụ võng phi tình pháp dã*” (Lưới và cây chẳng phải là pháp hữu tình), “*phi tình*” là vô tình, nay chúng ta gọi nó là vật chất, tức là hoàn cảnh vật chất, [bao gồm] cây báu, lưới, màn. “*Đồng tử hữu tình pháp dã*” (Đồng tử là pháp hữu tình), đó là người. “*Kim võng gian xuất cung điện*” (Nay giữa lưới, xuất hiện cung điện), đây là cây báu. Cây báu rất nhiều, phía trên che phủ lưới báu. Trong lưới tỏa ánh sáng, trong ánh sáng hiện ra cung điện. Trong cung điện có đồng tử; do đó, cung điện nơi lưới báu ấy “*cung điện xuất chư đồng, tình dữ phi tình, hà thường nhất định*” (trong cung điện xuất hiện các đồng tử, [như vậy thì] hữu tình và vô tình có bao giờ là nhất định!), hoàn toàn giống hết cảnh giới “*tình và vô tình cùng viên thành Chung Trí*” trong kinh Hoa Nghiêm. “*Nhân hữu tánh cụ, cố hữu sự tạo. Tức dĩ thụ quán, lộ xuất bất tư nghị cảnh giới, phi phạm tiểu sở suy độ nhĩ*” (Do tánh sẵn có đủ, nên có tạo tác nơi mặt Sự. Dùng ngay phép quán cây báu để hiển lộ cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, phạm phu và Tiểu Thừa chẳng thể suy lường được). Nói thật ra, ngay cả Quyền Giáo Bồ Tát cũng than là tuyệt diệu! Cảnh giới ấy vẫn là vô lượng đức năng vốn sẵn trọn đủ trong Chân Như bản tánh. Trong khi tâm địa của chúng ta thanh tịnh, cảnh giới thù thắng nhiệm màu ấy sẽ hiện tiền. Nay chúng ta nói đến cảnh giới này, nhưng trên thực tế, cảnh giới chẳng thể hiện tiền. Đức Phật đã giảng giải, nhưng chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng để quán tưởng. Đó là do phiền não, vô minh, nghiệp chướng của chúng ta quá nặng, [khiến cho] công đức trong bản tánh chẳng thể thấu lộ! [Thế nhưng] cảnh giới này vẫn chưa thấm vào đâu, còn có quán cảnh màu nhiệm hơn. Hãy xem đoạn kinh văn tiếp theo.

Hữu đại quang minh, hóa thành tràng phan, vô lượng bảo cái.

有大光明。化成幢幡無量寶蓋。

⁵¹ Diêm Phù Đà Kim (Jambūnada-suvarṇa). Diêm Phù Đà có nghĩa là dòng sông chảy luân giữa các cây Diêm Phù, vốn là tên một con sông chảy giữa Hương Tý Sơn và Tuyết Sơn. Theo thần thoại Ấn Độ, sông Diêm Phù Đà là một trong bảy chi lưu của sông Hằng. Lá cây ấy rụng xuống sông, biến thành vàng. Vàng sanh từ nơi ấy có sắc vàng pha màu đỏ, lại có sắc tía như ngọn lửa, được coi là loại vàng quý nhất.

⁵² Sớ Sao giảng: “*Theo Thích Luận, có người thường cúng dường trời suốt mười hai năm. Do nghèo cùng, nhất tâm cầu phú quý. Thiên Đệ thương xót lòng thành, hiện thân hỏi: “Người mong cầu điều gì?” Đáp: “Cầu phú quý, những điều con mong mới đều đạt được”. Thiên Đệ trao cho một cái vật, tên là Đức Bình, nói: “Những vật người cần dùng, trong cái bình này đều có”. Người ấy nhận lấy, hề mong cầu điều gì, chẳng hề không được ứng nghiệm. Nay những hoa màu nhiệm đột nhiên trở quả, giống như cái bình cõi trời ấy, tuôn ra các vật, nên dùng [bình Đệ Thích] để tỷ dụ”.*

(Có quang minh lớn, hóa thành tràng phan, vô lượng lọng báu).

Càng chẳng thể nghĩ bàn! Trong quang minh hiện ra tràng phan, lọng báu.

Thị bảo cái trung, ánh hiện tam thiên đại thiên thế giới, nhất thiết Phật sự, thập phương Phật quốc, diệc u trung hiện. Kiến thử thụ dĩ, diệc đương thứ đệ nhất quán chi.

是寶蓋中。映現三千大千世界。一切佛事。十方佛國。亦於中現。見此樹已。亦當次第一觀之。

(Trong lọng báu ấy, hiện bóng hết thấy Phật sự trong tam thiên đại thiên thế giới, mười phương cõi Phật cũng hiện trong ấy. Thấy cây ấy rồi, cũng nên theo thứ tự để lần lượt quán từng điều một).

Vì thế, nói “sinh về thế giới Tây Phương là sinh vào các thế giới của mười phương hết thấy chư Phật”, vì sao? Từ cây báu thấy trọn mười phương vô lượng vô biên thế giới giống như chúng ta đang xem TV trong hiện thời. Chúng ta ngồi trong nhà, những chuyện phát sanh tại nơi nào đó trên toàn thế giới, từ màn hình TV chúng ta đều thấy được. Trong quang minh nơi cây báu của Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể thấy tận hư không khắp pháp giới hết thấy các cõi nước Phật, có thể thấy hết thấy chư Phật đang giảng kinh, thuyết pháp, hóa độ chúng sanh trong ấy, cũng có thể thấy những chuyện vụn vặt trong cuộc sống gia đình của hết thấy chúng sanh, đều thấy toàn bộ. Vì thế, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt lắm! Chúng ta ở trong thế giới này, ví như quê tôi ở Đại Lục, tôi chẳng thấy người nhà, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thấy, thấy hằng ngày, luôn luôn thấy, hoàn toàn chẳng có chướng ngại. Lại còn bảo cùng quý vị, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, không chỉ thấy thế giới hiện tiền này, mà quá khứ cũng thấy, vị lai cũng thấy. Mười phương ba đời, tình và vô tình thấy đều hiện trong quang minh, chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị thật sự liễu giải trạng huống trong thế giới Tây Phương, há có lẽ nào chẳng cầu sanh? So sánh giữa hai thế giới đôi chút, sẽ luôn hy vọng lập tức về ngay bên đó. Đến nơi ấy mới thật sự là hết thấy thành tựu, hết thấy thỏa nguyện. Các nguyện vọng mà tâm ta nghĩ đến đều được thực hiện, những điều chưa nghĩ đến cũng hiện tiền. Câu cuối cùng là lời tổng kết [được ghi] trong trang một trăm sáu mươi bốn.

Quán kiến thụ, hành, chi, diệp, hoa, quả, giai linh phân minh, thị vi thụ tướng, danh đệ tứ quán.

觀見樹莖枝葉華果。皆令分明。是為樹想。名第四觀。

(Quán sao cho thấy cây, thân cây, cành, lá, hoa, quả đều phân minh, đó là phép quán tướng cây báu, gọi là phép Quán thứ tư).

Dưới đây là phép Quán thứ năm. Phép Quán thứ năm là quán ao bảy báu.

Thử đương tướng thủy. Dục tướng thủy giả, Cực Lạc quốc độ, hữu bát trì thủy.

次當想水。欲想水者。極樂國土。有八池水。

(Kể đó là tưởng nước. Muốn tưởng nước thì trong cõi nước Cực Lạc có ao chứa nước tám công đức).

“Bát trì thủy” là nước tám công đức, “bát” nghĩa là nước trong ao có tám công đức, mang ý nghĩa này. Hãy xem phần kinh văn kế tiếp nơi dòng thứ ba trong trang một trăm sáu mươi lăm.

Nhất nhất trì thủy, thất bảo sở thành. Kỳ bảo nhu nhuyễn, tùng Như Ý Châu Vương sanh, phân vi thập tứ chi. Nhất nhất chi tác thất bảo diệu sắc, hoàng kim vi cừ. Cừ hạ giai dĩ tạp sắc kim cang dĩ vi đế sa, nhất nhất thủy trung, hữu lục thập ức thất bảo liên hoa. Nhất nhất liên hoa, đoàn viên chánh đẳng thập nhị do-tuần.

一一池水。七寶所成。其寶柔軟。從如意珠王生。分為十四支。一支作七寶妙色。黃金為渠。渠下皆以雜色金剛以為底沙。一一水中。有六十億七寶蓮華。一一蓮華。團圓正等十二由旬。

(Nước trong mỗi ao do bảy báu hợp thành, các thứ báu ấy mềm mại, từ Như Ý Châu Vương sanh ra, chia thành mười bốn nhánh. Mỗi nhánh có màu sắc đẹp đẽ của bảy thứ báu. Vàng ròng làm thành ao⁵³, dưới đáy ao đều dùng kim cang nhiều màu để làm cát phủ đáy. Trong mỗi ao có sáu mươi ức hoa sen bằng bảy báu. Mỗi đóa hoa sen tròn trặn, to bằng mười hai do-tuần).

Dạy chúng ta hãy quán ao bảy báu. Ao có lớn, nhỏ, vuông, tròn. Những ao bảy báu giống như vậy trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là vô lượng vô biên. Thế giới Tây Phương thuộc loại Pháp Tánh Độ, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Do đó, xưa nay, kẻ hoài nghi thế giới Tây Phương rất nhiều. Chúng sanh trong mười phương thế giới đều vãng sanh thế giới Tây Phương, rốt cuộc thế giới Tây Phương lớn cỡ nào? Có thể dung nạp hay chẳng? Nhất là xem từ kinh điển, người trong thế giới Tây Phương thân tướng lớn như vậy, cây cối cũng to như vậy, nơi ấy phải lớn cỡ nào thì mới có thể dung nạp được? Vì lẽ đó, vọng niệm ngày càng nhiều hơn. Bất luận người ấy tưởng tượng như thế nào, cũng chẳng có cách nào tưởng tượng trạng huống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà cũng chẳng có cách nào chứng thực. Đó là do chẳng hiểu căn cứ lý luận. Chẳng giống các cõi nước của chư Phật trong mười phương thế giới, chúng ta thường nói các thế giới ấy do Pháp Tướng tạo thành, chúng là Pháp Tướng độ, còn Tây Phương Cực Lạc thế giới là Pháp Tánh độ. Như kinh Hoa Nghiêm đã nói, Pháp Tánh là “một và nhiều vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”; pháp tướng thì có chương ngại.

⁵³ Sách Sớ Sao giảng: “Cừ chính là ao. Dưới đáy ao có cát, loại cát ấy có tên là Kim Cang, soi thấu suốt trên dưới”.

Hết thấy các vật chất trong cõi chúng ta do đâu mà có? Quá trình biến hiện của chúng là do một niệm bất giác mà có vô minh. Từ vô minh sanh ra ba tướng vi tế là Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, Cảnh Giới Tướng. Nghiệp Tướng là tướng động, kinh Lăng Nghiêm nói bản tánh của nó là “*bất thủ tự tánh*”, chẳng tuân giữ tự tánh bèn là Nghiệp Tướng của A Lại Da Thức. Do không tuân giữ tự tánh, bèn lập tức biến thành Kiến Tướng, biến thành Năng Kiến (cái chủ thể có thể thấy), tức là nói đến Kiến Phần trong bốn phần⁵⁴. Nếu Kiến Phần muốn thấy, sẽ biến thành Tướng Phần. Tướng do đâu mà có? Tướng do Kiến Phần biến ra. Nguyên lý của mười sáu phép Quán được căn cứ trên điều này, quý vị nhất tâm nhất ý muốn thấy, tướng liền hiện ra. Do vậy, vật chất do đâu mà có? Vật chất từ tinh thần biến hiện, tâm và vật có cùng một nguồn. Tinh thần và vật chất đều biến hiện từ tự tánh. Không chỉ Tướng Phần là hư vọng, mà Kiến Phần cũng là hư vọng. Kiến Phần là tám thức, năm mươi một Tâm Sở, hai mươi bốn pháp bất tương ứng, những thứ này đều thuộc về Kiến Phần. Tướng Phần gồm mười một sắc pháp. Hai pháp sắc và tâm đều là vật được biến hiện bởi tự tánh. Đó là nói theo pháp tướng. Tây Phương Cực Lạc thế giới là pháp tánh; do đó, cảnh giới này là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Nếu trong tương lai, trong khi chúng ta niệm Phật, niệm Phật đến mức tâm thanh tịnh, duyên chín muồi, Phật lực gia trì, chúng ta thấy cảnh giới này; sau khi đã thấy, nhất định phải tưởng giống hệt như trong kinh đã nói. Quý vị thấy nước trong ao bảy báu hoàn toàn giống như kinh đã nói, chẳng có mâu thuẫn! Đó là cảnh giới tốt đẹp, đó là chánh quán. Nếu ta thấy khác với kinh nói, [hãy nghĩ xem kinh dạy] nước trong ao bảy báu do đâu mà có? Giống như trong cõi này, giống như nước suối phun ra, Như Ý Châu là nguồn nước. Sau khi từ nguồn nước ấy phun ra, nước sẽ tách thành mười bốn nhánh. Nếu quý vị thấy là mười ba nhánh tức là không đúng, chẳng phù hợp. Nếu thấy mười lăm nhánh hoặc mười sáu nhánh, cũng trật lộn! Quyết định là mười bốn nhánh, quyết định chẳng sai! Đây mới là thật sự thấy Tịnh Độ, đó là chánh quán. Nếu chẳng phải là như vậy, sẽ là tà quán, sai mất rồi. Nước chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta lại xem kinh văn trong trang một trăm sáu mươi bảy.

Kỳ ma-ni thủy, lưu chú hoa gian, tầm thụ thượng hạ.

其摩尼水。流注華間。尋樹上下。

(Nước ma-ni ấy chảy rót vào trong hoa, lên xuống theo thân cây⁵⁵).

⁵⁴ “Bốn phần” là khái niệm do tông Duy Thức lập ra nhằm giải thích bản thể và tác dụng của Thức, gồm Tướng Phần, Kiến Phần, Tự Chứng Phần và Chứng Tự Chứng Phần.

⁵⁵ Sớ Sao giảng: “Nói là nước Ma Ni là như Xá Lợi Phất, Phú Lô Na được gọi tên theo cha mẹ, [tương tự như vậy, nước do Ma Ni Bảo Châu sanh ra nên gọi là Ma Ni Thủy]. Câu kệ tiếp nói rõ sự tùy tâm. Nước báu trong cõi ấy, mềm mại, nhẹ nhàng, uyển chuyển, nên có thể chảy lên trên, hay chảy xuống dưới. Người ta muốn nước báu chảy luôn trong hoa, nước liền thuận theo ý người. Chữ Hoa không phải là nói về hoa sen trong nước, mà là chỉ các đóa hoa nở rộ nơi hàng cây báu. Vì vậy, nước chảy luôn theo thân cây. Đã chảy luôn trong các đóa hoa rồi lại theo thân cây chảy xuống”.

Cảnh giới này chẳng thể nghĩ bàn. Ở nơi đây, chúng ta chỉ thấy nước chảy xuống, chẳng thấy nước chảy ngược lên. Nước bên cõi kia có thể lên cao, xuống thấp, không chỉ chảy xuống, mà còn chảy ngược lên trên, hết sức đẹp mắt.

Kỳ thanh vi diệu.

其聲微妙。

(Âm thanh ấy vi diệu).

Nước không chảy sẽ chẳng có âm thanh. Nước vừa chảy bèn có âm thanh, âm thanh ấy lại thuyết pháp.

Diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, chư Ba La Mật.

演說苦空無常無我諸波羅蜜。

(Diễn nói Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, các Ba La Mật).

Phần kinh văn này nằm trong hàng thứ hai trang một trăm sáu mươi tám. Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã là pháp Tiểu Thừa. Như chúng ta là phàm phu hoặc Tiểu Thừa phát tâm, phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng đoạn phiền não, tập khí, nghe Phật, Bồ Tát, tình và vô tình thuyết pháp, quá nửa là nói những pháp này, giúp cho chúng ta chuyển phiền não thành Bồ Đề, nên nghe những pháp ấy. Nếu là chúng sanh căn tánh viên đốn, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ sẽ nghe pháp là các Ba La Mật. Do đó, câu này nói chung về Phật pháp Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, chắc chắn là ứng cơ thuyết pháp. Ta muốn nghe pháp gì, tức là ta cần thiết, mong được nghe pháp ấy, sau khi đã nghe bèn đạt được pháp ích (lợi ích nơi pháp), chẳng thể nghĩ bàn!

Phục hữu tán thán chư Phật tướng hảo giả. Như Ý Châu Vương dũng xuất kim sắc vi diệu quang minh, kỳ quang hóa vi bách bảo sắc diệu, hòa minh ai nhĩ, thường tán niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

復有讚歎諸佛相好者。如意珠王。涌出金色微妙光明。其光化為百寶色鳥。和鳴哀雅。常讚念佛念法念僧。

(Lại có âm thanh tán thán tướng hảo của chư Phật. Như Ý Châu Vương tỏa ra quang minh sắc vàng vi diệu. Quang minh ấy hóa thành các loài chim có màu như trăm thứ báu, hòa tiếng hót thánh thót, du dương, thường ca ngợi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng).

Cảnh giới này hoàn toàn giống như Tiểu Bôn A Di Đà Kinh và kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Lời chú giải khá hay, tuy văn tự không nhiều, nhưng chú giải khá tỉ mỉ, chư vị đồng tu có thể dùng làm [tài liệu] tham khảo. Cuối cùng là lời tổng kết trong trang một trăm sáu mươi chín.

Thị vi bát công đức thủy tưởng, danh đệ ngũ quán.

是為八功德水想。名第五觀。

(Đó là phép tưởng nước tám công đức, gọi là phép Quán thứ năm).

Dưới đây là phép Quán thứ sáu, Tổng Quán, [hãy xem từ] dòng thứ ba đếm từ dưới lên trong trang một trăm bảy mươi.

Chúng bảo quốc độ, nhất nhất giới thượng, hữu ngũ bách ức bảo lâu.

眾寶國土。一一界上。有五百億寶樓。

(Trong cõi nước bằng các thứ báu, nơi mỗi khu vực có năm trăm ức lâu báu).

Đây là nói tới lầu gác.

Kỳ lâu các trung, hữu vô lượng chư thiên tác thiên kỹ nhạc. Hựu hữu nhạc khí huyền xử hư không như thiên bảo tràng, bất cổ tự mình. Thử chúng âm trung, giai thuyết niệm Phật, niệm Pháp, niệm từ-kheo Tăng.

其樓閣中。有無量諸天作天伎樂。又有樂器懸處虛空。如天寶幢。不鼓自鳴。此眾音中。皆說念佛念法念比丘僧。

(Trong các lầu gác ấy, có vô lượng chư thiên trời kỹ nhạc cõi trời. Lại có nhạc khí treo lơ lửng trên hư không như tràng báu cõi trời, không đánh mà tự kêu. Trong các âm thanh ấy, đều nói niệm Phật, niệm Pháp, niệm từ-kheo Tăng).

Đây là lầu báu, trong lầu gác có âm nhạc diển tấu. Bên ngoài lầu gác có thiên nhạc, những thứ âm nhạc ấy đều đang thuyết pháp. Giảng kinh, thuyết pháp nghe hồi lâu sẽ khô khan, vô vị, nên lại kèm theo ca múa, [vì thế], trong khi giải trí [người trong cõi Cực Lạc] được huân tu Phật pháp. Do đó, nếu nói theo cách hiện thời, giáo học tại Tây Phương Cực Lạc thế giới là nghệ thuật. Có thể nói là thế giới Tây Phương đã vận dụng nghệ thuật đạt đến tột đỉnh. Vì thế, kẻ thích ca hát, thích nhảy múa, thích xem tuồng, hãy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thế giới Tây Phương kèm theo ca múa, hoàn toàn khác Tiểu Thừa, Tiểu Thừa cấm ngặt xem, nghe. Thế giới Tây Phương khắp nơi đều là như vậy, lúc nào cũng đều có thể thấy, lúc nào cũng đều có thể nghe. Nội dung thuần túy là Phật pháp.

Trong Đại Tạng Kinh có kịch bản, ca phổ⁵⁶ đã thất truyền, nhưng ca từ vẫn còn. Tôi thấy trong tập thứ hai của Trung Hoa Đại Tạng Kinh có không ít bản ca từ, đều để hát, tức là lời bài hát, nội dung hết sức phong phú, còn kịch là kịch bản của Bình Kịch⁵⁷, tức Quy Nguyên Kính. Có lần tôi xuống phương Nam, thấy Đài

⁵⁶ Ca phổ (歌譜) phần ghi nhạc đệm theo lời ca (ca từ).

⁵⁷ Bình Kịch (平劇) là cách người Đài Loan gọi Kinh Kịch (còn gọi là Quốc Kịch; do Bắc Kinh được gọi là Bắc Bình vào đầu thời Dân Quốc, nên người Đài Loan quen gọi Kinh Kịch là Bình Kịch). Kinh Kịch là một loại nghệ thuật diển xướng tuồng tích, có trung tâm là Bắc Kinh.

Trung Liên Xã in thành bản lưu hành riêng, lúc đó, tôi thấy vậy rất hoan hỷ, xin họ mượn mấy bản mang về. Hai mươi mấy năm trước, tôi đã từng xem Quy Nguyên Kính, nội dung trong ấy là chuyện về Tịnh Độ Tông Huệ Viễn đại sư, đó là đoạn thứ nhất. Đoạn thứ hai là chuyện về Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư; đoạn cuối cùng là chuyện của Liên Trì đại sư. Sự xuất gia, tu hành, hoằng pháp của các Ngài đều được đưa lên sân khấu biểu diễn. Lời ca cũng viết rất hay, do người thuở trước biên soạn, họ đã đưa Phật pháp lên biểu diễn trên sân khấu. Khi ấy, tôi đọc tác phẩm đó xong, đã có ý nghĩ: Nếu các đồng tu đang học kịch nghệ, thật sự chịu phát tâm, biên soạn Đại Tạng Kinh thành kịch bản truyền hình, chiếu trên đài truyền hình, sẽ khiến cho ai nấy đều học Phật tại nhà mà vẫn chẳng biết, phương pháp này hay lắm.

Tây Phương Cực Lạc thế giới đã vận dụng hết thầy Phật pháp vào phương thức ca kịch để giáo hóa chúng sanh. Vì lẽ đó, học Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là sống động, chẳng khô khan như vậy. Suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật khá vất vả, học Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là học tập có thể kèm theo ca vũ. Chúng ta đọc cho hết đoạn cuối, đoạn này là kết thúc.

Thử tưởng thành dĩ, danh vi thô kiến Cực Lạc thế giới, bảo thụ, bảo địa, bảo trì. Thị vi tổng quán tưởng, danh đệ lục quán.

此想成已。名為麤見極樂世界。寶樹。寶地。寶池。是為總觀想。名第六觀。

(Tưởng này đã thành thì gọi là thấy thế giới Cực Lạc về phần thô, [tức là thấy] cây báu, đất báu, ao báu. Đây chính là phép tổng quán, gọi là phép Quán thứ sáu).

Kế đó, còn có một đoạn là phần Lợi Ích, xem hàng thứ hai trong trang một trăm bảy mươi hai.

Người được coi là tổ sư của Kinh Kịch chính là vua Đường Minh Hoàng. Kinh Kịch hiện thời đã dung hợp những đặc điểm của Huy Kịch (tuồng An Huy) và Hán Kịch (các loại tuồng ở Hồ Bắc và lối hát tuồng của người Khách Gia), thu nhập thêm các lối hát nổi tiếng như Tàn Xoang, Côn Khúc, Qua Dương Xoang v.v... của truyền thống hát xướng miền Nam Trung Hoa. Kinh Kịch cực thịnh dưới đời Thanh. Nói chung, Kinh Kịch giống hát bội của ta, diễn viên thường vẽ mặt, y trang lộng lẫy, đeo cờ quạt, đuôi chim trĩ, động tác diễn xuất bao gồm nhiều kiểu vũ đạo, mang tính ước lệ cao. Giọng hát phức tạp, nhiều khi các vai đào, nhất là các vai hoa đán (đào thương, đào mùi) thường hát rất cao giọng đến nỗi nếu không quen nghe, sẽ chẳng biết họ đang hát chữ gì. Có người đã nói đùa là nghe các hoa đán hát Kinh Kịch giống như nghe tiếng mèo kêu khi bị bóp cổ. Nhạc khí dùng trong Kinh Kịch bắt buộc phải có các loại hồ cầm như Kinh Hồ, Kinh Nhị Hồ, Nguyệt Cầm (đàn nguyệt, đàn kim), tiêu, sênh, tào nập (kèn Tàu), và nhất là không thể thiếu các loại trống lớn, trống nhỏ, thanh la, nã bạt, mõ trâu, phách... Nói chung là Kinh Kịch dùng quá nhiều thanh la các loại lớn nhỏ nên tiếng nhạc của Kinh Kịch rất ồn ào và gây cảm giác rất khó chịu nếu nghe lần đầu.

Nhược kiến thử giả, trừ vô lượng ức kiếp cực trọng ác nghiệp, mạng chung chi hậu, tất sanh bỉ quốc. Tác thị quán giả, danh vi chánh quán. Nhược tha quán giả, danh vi tà quán.

**若見此者。除無量億劫極重惡業。命終之後。必生彼國。
作是觀者。名為正觀。若他觀者。名為邪觀。**

(Nếu thấy những điều này, sẽ trừ ác nghiệp cực nặng trong vô lượng ức kiếp. Sau khi mạng chung, tất sanh về cõi ấy. Quán như vậy thì gọi là chánh quán. Nếu quán khác đi thì là tà quán).

Được rồi! Chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 23

Xin xem trang một trăm bảy mươi hai, hàng cuối cùng. Phép Quán thứ bảy là quán chánh báo, đây là Hoa Tòa Quán.

Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Để thính, để thính, thiện tư niệm chi! Ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thuyết trừ khổ não pháp, nhữ đẳng ức trì, quảng vị đại chúng phân biệt giải thuyết.

**佛告阿難及韋提希。諦聽諦聽。善思念之。吾當為汝分別
解說除苦惱法。汝等憶持。廣為大眾分別解說。**

(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Lắng nghe, lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ! Ta nay sẽ vì các người phân biệt, giải thích pháp trừ khổ não. Các người hãy ghi nhớ, vâng giữ, rộng vì đại chúng phân biệt, giải thích).

Trong đoạn kinh văn này, “*để thính*” là Văn Huệ, “*thiện tư*” là Tư Huệ, “*niệm chi*” là Tu Huệ, Tam Huệ Văn, Tư, Tu. Kinh đã nói minh bạch “*trừ khổ não pháp*”. Mọi người đều cảm thấy rất khổ não. Làm thế nào để diệt trừ pháp khổ não? Trong chương này, đức Phật sẽ dạy chúng ta pháp trừ khổ não. Nếu chúng ta học hiểu, sẽ cũng có thể diệt trừ khổ não giống như bà Vi Đề Hy. Hãy xem kinh văn:

Thuyết thị ngữ thời, Vô Lượng Thọ Phật trụ lập không trung. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, thị nhị đại sĩ thị lập tả hữu, quang minh xí thịnh, bất khả cụ kiến, bách thiên Diêm Phù Đà kim sắc, bất đắc vi tỷ.

說是語時。無量壽佛住立空中。觀世音。大勢至。是二大士侍立左右。光明熾盛。不可具見。百千閻浮檀金色。不得為比。

(Lúc nói lời ấy, Vô Lượng Thọ Phật đứng trên không trung. Hai vị đại sĩ Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đứng hầu hai bên, quang minh chói lọi, chẳng thể thấy trọn. Màu sắc của trăm ngàn vàng Diêm Phù Đà chẳng thể sánh bằng).

Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã dạy A Nan và đại chúng: Nếu muốn thấy A Di Đà Phật, hãy nên nhất tâm đánh lễ, khen ngợi, A Di Đà Phật liền hiện tiền. Ở đây, trong phần trước, đức Phật dùng thần lực thị hiện các cõi Phật cho phu nhân Vi Đề Hy thấy. Kinh giảng đến chỗ này, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, tức Tây Phương Tam Thánh hiện thân ở nơi đây, đều nhằm chứng minh cho chúng ta thấy tánh chất chân thật của bộ kinh này. Trong kinh Vô Lượng Thọ, những người thấy khi ấy, không kể hàng Bồ Tát, chỉ tính riêng đại chúng dự hội, chư thiên cũng không tính, khi chỉ tính riêng nhân gian, bèn có hai vạn người tham dự pháp hội ấy. Tỳ-kheo xuất gia là một vạn hai ngàn người, tức là cư sĩ, quốc vương, đại thần... [nói đúng ra là] hơn hai vạn người. Ở đây là hoàng cung, nhằm lúc phu nhân Vi Đề Hy bị giam cầm, trong cung chỉ có năm trăm cung nữ

hầu hạ hoàng hậu. Những người thấy Tây Phương Tam Thánh ở đây là A Nan, Mục Liên, phu nhân Vi Đề Hy và năm trăm cung nữ. Do đó, cũng chẳng phải là một người thấy, mà là đại chúng thấy, chúng ta phải nên tin tưởng. Chớ nên nghĩ: Kinh viết như vậy, nhưng ta chẳng thấy, những gì bản thân chúng ta chẳng thấy nhiều lắm! Người đông ngàn ấy trông thấy, chúng ta hãy nên tin sâu, chẳng ngờ. Tây Phương thế giới Di Đà Tam Thánh quyết định chẳng phải là giả. Chúng ta xem kinh văn:

Thời Vi Đề Hy kiến Vô Lượng Thọ Phật dĩ, tiếp túc tác lễ, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã kim nhân Phật lực cố, đắc kiến Vô Lượng Thọ Phật cập nhị Bồ Tát, vị lai chúng sanh đương vân hà quán Vô Lượng Thọ Phật cập nhị Bồ Tát.

時韋提希見無量壽佛已。接足作禮。白佛言。世尊。我今因佛力故。得見無量壽佛及二菩薩。未來眾生。當云何觀無量壽佛及二菩薩。

(Khi ấy, Vi Đề Hy thấy Vô Lượng Thọ Phật rồi bèn làm lễ áp sát chân Phật, bạch đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Con nay do Phật lực nên được thấy Vô Lượng Thọ Phật và hai vị Bồ Tát. Chúng sanh trong đời mai sau hãy nên quán Vô Lượng Thọ Phật và hai vị Bồ Tát như thế nào?”)

Vi Đề Hy phu nhân thấy Tây Phương Tam Thánh liền lập tức đánh lễ, “*tiếp túc tác lễ*” là cách đánh lễ cung kính nhất. Trong chú giải đã nói rõ, chẳng phải là bà ta lễ bái Tây Phương Tam Thánh, mà là lễ bái Thích Ca Mâu Ni Phật, nên trong những câu tiếp đó, bà ta thưa hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật. Bà ta thấy Tây Phương Tam Thánh, chúng sanh trong đời tương lai phải như thế nào thì mới có cơ duyên được Phật lực gia trì thấy Tây Phương Tam Thánh giống như tôi? Có thể thấy phu nhân tâm lượng khác hẳn [vua Tần Bà Sa La], chính mình vừa mới đạt được lợi ích, đã ngay lập tức nghĩ đến hết thấy chúng sanh. Không chỉ nghĩ đến chúng sanh thuở ấy, mà còn nghĩ đến chúng sanh trong đời tương lai sau này, điều này đáng để chúng ta học tập, đáng cho chúng ta làm theo. Đó là tâm Đại Thừa, là Bồ Đề tâm. Chúng ta xem kinh văn:

Phật cáo Vi Đề Hy: - Dục quán bỉ Phật giả, đương khởi tưởng niệm, v thất bảo địa thượng, tác liên hoa tưởng.

佛告韋提希。欲觀彼佛者。當起想念，於七寶地上作蓮華想。

(Đức Phật bảo bà Vi Đề Hy: “Muốn quán đức Phật ấy, hãy nên dấy lên tưởng niệm, trên đất bảy báu, tưởng có hoa sen).

Đây là dạy chúng ta phương pháp quán tưởng Phật, Bồ Tát. Hãy xem kinh văn:

Linh kỳ liên hoa nhất nhất diệp thượng, tác bách bảo sắc. Hữu bát vạn tứ thiên mạch, do như thiên họa. Mạch hữu bát vạn tứ thiên quang, liễu liễu phân minh, giai linh đức kiến. Hoa diệp tiểu giả, tung quảng nhị bách ngũ thập do-tuần, như thị liên hoa, cụ hữu bát vạn tứ thiên diệp.

令其蓮華一一葉上作百寶色。有八萬四千脉。猶如天畫。脉有八萬四千光。了了分明。皆令得見。華葉小者。縱廣二百五十由旬。如是蓮華。具有八萬四千葉。

(Sao cho hoa sen ấy mỗi cánh có màu của trăm thứ báu. Hoa có tám vạn bốn ngàn mạch, giống như nét vẽ cõi trời. Mỗi mạch có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, đều quán sao cho thấy rành rẽ, rõ ràng. Cánh hoa nhỏ có kích thước là hai trăm năm mươi do-tuần. Hoa sen như thế có tám vạn bốn ngàn cánh).

Phần trước là nói đến quán Phật, nay là trước hết quán từ hoa sen. Trước hết, quán tòa sen báu của đức Phật, quán bắt đầu từ chỗ này. Lại xem kinh văn trong trang một trăm bảy mươi sáu.

Nhất nhất diệp gian.

一一葉間。

(Trong mỗi cánh hoa).

Đây là khoảng giữa cánh hoa sen và lá sen.

Hữu bách ức ma-ni châu vương dĩ vi ánh sức, nhất nhất ma-ni châu, phóng thiên quang minh. Kỳ quang như cái, thất bảo hợp thành, biến phủ địa thượng.

有百億摩尼珠王以為映飾。一一摩尼珠。放千光明。其光如蓋。七寶合成。遍覆地上。

(Có trăm ức ma-ni châu vương trang hoàng chói lọi, mỗi một viên ma-ni châu tỏa ra ngàn tia quang minh. Quang minh ấy như cái lọng do bảy báu hợp thành, che khắp mặt đất).

Đây là nói sự trang nghiêm trên bản thể của hoa. Ở khoảng giữa hoa và lá giao nhau, còn có nhiều thứ trên bảo trang hoàng. Đã thế, thứ nào cũng đều phóng quang, mỗi viên ma-ni châu đều tỏa ánh sáng. Nói thật ra, hoa cũng tỏa ánh sáng, mà lá cũng tỏa ánh sáng.

Thích Ca Tỳ Lăng Già bảo dĩ vi kỳ đài.

釋迦毗楞伽寶以為其臺。

(Dùng báu Thích Ca Tỳ Lăng Già làm đài hoa).

Trong phần trước, chúng ta đã thấy chất báu này, nó là Như Ý bảo.

Thử liên hoa đài, bát vạn kim cang Chân Thúc Ca bảo, phạm ma-ni bảo, diệu trân châu võng, dĩ vi hiệu sắc.

此蓮華臺。八萬金剛甄叔迦寶。梵摩尼寶。妙珍珠網。以為校飾。

(Đài sen ấy được trang hoàng bằng tám vạn kim cang Chân Thúc Ca bảo, Phạm ma-ni bảo và lưới trân châu màu nhiệm).

“Hiệu sắc” (校飾) là trang hoàng trên đài sen. Trong phần sau có chú giải về Chân Thúc Ca (Kimsuka)⁵⁸, đó là một chất báu có màu đỏ. Lại xem kinh văn.

Ư kỳ đài thượng, tự nhiên nhi hữu tứ trụ bảo tràng, nhất nhất bảo tràng, như bách thiên vạn ức Tu Di sơn, tràng thượng bảo mạn, như Dạ Ma thiên cung. Phục hữu ngũ bách ức vi diệu bảo châu, dĩ vi ánh sắc. Nhất nhất bảo châu, hữu bát vạn tứ thiên quang. Nhất nhất quang, tác bát vạn tứ thiên dị chủng kim sắc.

於其臺上。自然而有四柱寶幢。一一寶幢。如百千萬億須彌山。幢上寶幔。如夜摩天宮。復有五百億微妙寶珠。以為映飾。一一寶珠。有八萬四千光。一一光。作八萬四千異種金色。

(Trên đài ấy, tự nhiên có bốn trụ tràng báu. Mỗi một tràng báu như trăm ngàn vạn ức núi Tu Di. Trên tràng giăng màn báu như cung trời Dạ Ma. Lại có năm trăm ức bảo châu vi diệu trang hoàng chói ngời. Mỗi một bảo châu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng; mỗi một tia sáng có tám vạn bốn ngàn màu vàng khác loại).

Nhìn từ đoạn kinh văn này, trước hết nói rõ màu sắc và số lượng hoa sen, sau đó mới nói tới quang minh của các bảo châu trong hoa. Rồi lại quán đài hoa, lưới báu, lại nhìn thấy những thứ trang sức trên đài hoa. Những thứ trang sức trên đài sen gồm có tràng báu, bảo châu, đều tỏa quang minh. Đoạn kế tiếp trong trang một trăm bảy mươi tám nhằm nói về tác dụng của nó.

Nhất nhất kim sắc, biến kỳ bảo độ, xứ xứ biến hóa, các tác dị tướng, hoặc vi kim cang đài, hoặc tác trân châu võng, hoặc tác tạp hoa vân, ư thập phương diện tùy ý biến hiện, thi tác Phật sự. Thị vi hoa tòa tướng, danh đệ thất quán.

一一金色。遍其寶土。處處變化。各作異相。或為金剛臺。或作珍珠網。或作雜華雲。於十方面隨意變現。施作佛事。是為華座想。名第七觀。

⁵⁸ Sách Sớ Sao viết: “Chân Thúc Ca, cõi này dịch là Xích Sắc, vốn là một thứ cây ở Thiên Trúc, hoa có màu đỏ, hình như bàn tay. Chất báu này tương tự, nên gọi tên như vậy”.

(Mỗi một sắc vàng trợn khắp cõi ấy, biến hóa khắp nơi, ở mỗi nơi đều hiện tướng lạ: Hoặc là đài kim cang, hoặc biến thành lưới trân châu, hoặc thành mây các loại hoa, tùy ý biến hiện trong mười phương, thực hiện Phật sự. Đó là quán tưởng hoa tòa, là phép Quán thứ bảy).

Ở đây, có một câu phải đặc biệt chú ý. Trong phần trước, tôi đã nói các thứ trang nghiêm, nhưng vẫn chưa nói đến tượng Phật, chỉ là nhìn vào hoa sen, tòa sen, đài sen của đức Phật mà thôi. Câu “*thi tác Phật sự*” rất trọng yếu. “*Phật sự*” là giáo hóa chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê, khai ngộ, lìa khổ, được vui, đó là Phật sự. Tòa sen của Phật trang nghiêm như vậy. Hoa sen cũng có thể khiến cho chúng sanh thấy sắc, nghe tiếng, trông thấy quang minh ấy đều có thể diệt tội, tăng phước, đều có thể phá mê, khai ngộ. Đó mới là hiển thị y báo và chánh báo trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn trong thế giới Tây Phương. Đoạn kinh văn kế tiếp cho chúng ta biết những thứ trang nghiêm ấy do đâu mà có, xin hãy xem kinh văn.

Phật cáo A Nan: - Như thị diệu hoa, bốn thị Pháp Tạng tỳ-kheo nguyện lực sở thành.

佛告阿難。如此妙華。本是法藏比丘願力所成。

(Phật bảo A Nan: - Hoa màu nhiệm như thế vốn do nguyện lực của tỳ-kheo Pháp Tạng tạo thành).

Do đó, quy kết về cuối cùng, vẫn là do bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật thành tựu. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy đức Phật đã phát nguyện, năm kiếp tu hành, thành tựu trang nghiêm thế giới. Trong kinh này, những gì chúng ta được đọc và trông thấy đều do bốn mươi tám nguyện thành tựu. Hãy xem trang một trăm bảy mươi chín.

Nhược dục niệm bỉ Phật giả, đương tiên tác thử hoa tòa tưởng.

若欲念彼佛者。當先作此華座想。

(Nếu muốn niệm đức Phật ấy, trước hết hãy nên tưởng hoa tòa này).

“Niệm” ở đây là quán tưởng niệm Phật, trước khi chưa quán tượng Phật, hãy quán hoa tòa trước.

Tác thử tướng thời, bất đắc tạp quán, giai ưng nhất nhất quán chi, nhất nhất diệt, nhất nhất châu, nhất nhất quang, nhất nhất đài, nhất nhất tràng, giai linh phân minh, như u kính trung, tự kiến diện tượng. Thử tướng thành giả, diệt trừ ngũ vạn ức kiếp sanh tử chi tội, tất định đương sanh Cực Lạc thế giới. Tác thị quán giả, danh vi chánh quán. Nhược tha quán giả, danh vi tà quán.

作此想時。不得雜觀。皆應一一觀之。一一葉。一一珠。一一光。一一臺。一一幢。皆令分明。如於鏡中。自見面像。此想成者。滅除五萬億劫生死之罪。必定當生極樂世界。作是觀者。名為正觀。若他觀者。名為邪觀。

(Khi quán tưởng phép này, chớ nên tạp quán, hãy đều nên quán từng điều một. Mỗi một cánh hoa, mỗi một viên châu, mỗi một ánh sáng, mỗi một đài, mỗi một tràng đều quán phân minh, như từ trong gương, tự thấy vẻ mặt. Phép quán tưởng này đã thành, sẽ diệt trừ tội trong năm vạn ức kiếp sanh tử, nhất định trong tương lai sẽ sanh về thế giới Cực Lạc. Quán như vậy thì là chánh quán. Nếu quán khác đi sẽ là tà quán).

Trong phần chú giải cho đoạn này có mấy câu, chúng ta đọc xong liền hiểu rõ, lại còn biết tầm quan trọng của sự chuyên nhất trong tu học. “*Thủ cú niệm, tác quán khán*” (Hãy nên hiểu chữ Niệm trong câu đầu tiên là Quán), đó là Quán Tưởng Niệm Phật. “*Quán tưởng tu chuyên, nhất, bất khả giáp tạp, thiếu nhất bất thận, quán tức bất thành*” (Quán tưởng thì cần phải chuyên, chẳng được xen tạp. Hễ chẳng cẩn thận một chút, sẽ chẳng quán thành công). Cảnh giới được giảng trong kinh quả thật quá vi tế. Suy gẫm lời cổ nhân, chúng ta [sẽ nhận thấy] tâm chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề quá thô thiển, cảnh giới quá vi tế, quán tưởng rất khó thành tựu! Càng về sau, sự quán tưởng càng tinh tế, đối với đài hoa mà chúng ta đã chẳng có cách nào quán tưởng, phần sau lại nói tới thánh tượng, càng chẳng dễ dàng, càng khó khăn! Ở đây, chúng ta biết một nguyên tắc là “phải chuyên”, quyết định chẳng thể xen tạp. Nói thật ra, chúng ta tu học hiện thời phạm lỗi làm lớn nhất là xen tạp; vì thế, tu học đã lâu mà chẳng thể thành tựu. Đọc kinh, đọc lời khai thị của cổ đức, tuy [các Ngài] luôn luôn nhắc nhở, chỉ dạy chúng ta như vậy, nhưng chúng ta rất hàm hồ, lơ mơ đọc lướt qua, chẳng biết mối quan hệ có tánh chất trọng yếu giữa câu nói ấy và sự thành bại trong sự tu học suốt một đời chúng ta.

Niệm Phật là một trong mười sáu phép Quán. Ở đây nói đến “chẳng thể xen tạp”, niệm Phật cũng vậy, cũng chẳng thể xen tạp. Do vậy, tôi dạy các đồng tu phương pháp, quý vị phải thật sự chịu làm. Nói thật thà thì công phu cũng chưa tới ba năm hoặc năm năm đều có thể làm được, tu mà không đến mức ấy tức là chính quý vị sai lầm. Do đó, một câu Phật hiệu quyết định chẳng thể gián đoạn, chẳng thể xen tạp, trong ba năm hay năm năm chắc chắn sẽ thành tựu. Không xen tạp là công phu chân chánh, khởi một niệm là xen tạp. Hễ xen tạp, tất nhiên là gián đoạn, gián đoạn bèn xen tạp; chẳng phải là xen tạp vọng tưởng, thì là xen tạp vô minh. Tâm ấy chẳng thể chuyên nhất, ở đây nói là “*thiếu nhất bất thận, quán tức bất thành*” (hễ chẳng cẩn thận đôi chút, phép Quán ấy sẽ chẳng thể thành). Hơi thiếu cẩn thận, công phu bị mất đi. Do đó, trước hết khuyên chư vị niệm kinh, niệm kinh nhuần nhuyễn, niệm đến mức có thể đọc thuộc lòng. Đọc thuộc lòng rất thuần thực, sau đấy mới bắt đầu tu hành. Tu hành thì phải là niệm bộ kinh này từ đầu đến đuôi, chẳng thể có một vọng tưởng. Kinh này không dài,

chúng ta chọn kinh Vô Lượng Thọ cũng chẳng dài! Khi niệm đến mức có thể đọc thuộc lòng, niệm bộ kinh này từ đầu đến cuối một lượt cũng chẳng lâu hơn nửa giờ. Trong nửa giờ, chẳng khởi một vọng niệm, công phu ấy cũng khá lắm. Nếu đẩy lên vọng niệm sẽ chẳng tính, lượt tụng kinh ấy chẳng tính, lại niệm từ đầu đến cuối, xem thử mỗi ngày có thể niệm mấy bộ.

Nếu một ngày có thể niệm năm bộ, hoặc mười bộ đều chẳng dấy vọng niệm, xét theo Ngũ Nhẫn Bồ Tát, quý vị đã đắc môn thứ nhất là Phục Nhẫn; trong Tịnh Độ nói đó là “công phu thành phỉ”. Sau đó, quý vị chẳng niệm kinh, mà chuyên niệm một câu Phật hiệu A Di Đà Phật là được rồi. Đây là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, công phu mới đắc lực! Công phu niệm Phật hiệu của chúng ta chẳng đắc lực là do vừa niệm Phật, vừa dấy vọng tưởng, xen tạp. Vì vậy, “*quán tức bất thành*” (quán cũng chẳng thành); Niệm Phật cũng là Quán, cho nên cũng chẳng thể thành tựu, đạo lý ở chỗ này. Nếu niệm thành công, liền diệt tội; chư vị biết tội là gì vậy? Tội là vọng tưởng, chẳng có vọng tưởng, đương nhiên tội tiêu diệt. Tội đã diệt, tâm liền thanh tịnh, tâm thanh tịnh là phước. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là huệ, phước huệ đều hiện tiền, há có lẽ nào chẳng sanh về Tây Phương? Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp. Đoạn kế tiếp quan trọng lắm. Đó là phép quán thứ tám, tức Thánh Tượng Quán.

Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: Kiến thử sự dĩ.

佛告阿難。及韋提希。見此事已。

(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Trông thấy chuyện ấy rồi).

“*Kiến thử sự dĩ*” là nói đến đài hoa trên hoa sen.

Thứ đương tưởng Phật, sở dĩ giả hà? Chư Phật Như Lai thị pháp giới thân, nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung. Thị cố nhữ đẳng tâm tướng Phật thời, thị tâm tức thị tam thập nhị tướng, bất thập tùy hình hảo, thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật. Chư Phật Chánh Biến Tri hải, tòng tâm tướng sanh.

次當想佛。所以者何。諸佛如來是法界身。入一切眾生心想中。是故汝等心想佛時。是心即是三十二相。八十隨形好。是心作佛。是心是佛。諸佛正遍知海。從心想生。

(Kể đó, hãy nên tưởng Phật. Do vì lẽ nào? Chư Phật Như Lai là pháp giới thân vào trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh. Vì thế, khi tâm các người tưởng Phật, tâm này chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biến Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng).

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, tốt nhất là phải niệm thuộc lòng đoạn kinh văn này, đoạn Tam Phước trong phần trước cũng phải niệm thuộc, đoạn này phải niệm thuộc. Nói thật ra, Tam Phước chính là Thích Ca Mâu Ni Phật dạy

chúng ta: Con đường để phàm phu tu học thành Phật phải đi như thế nào! Quý vị chẳng nhớ, thì làm sao được? Đoạn này nói về lý luận thành Phật: Vì sao niệm Phật có thể thành Phật? Bất luận quý vị tu Quán Tượng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật, hay Thật Tướng Niệm Phật, lý luận đều ở trong đoạn này, thuộc trong ba dòng kinh văn này. Nhất định phải niệm thuộc lòng ba dòng kinh văn này! Quý vị thấy các vị tổ sư đại đức từ xưa chú giải kinh hoặc giảng kinh thường trích dẫn đoạn kinh văn này, ở đây chúng ta thấy nguyên văn. Câu “*sở dĩ giả hà?*” [là câu dẫn nhập] nhằm nêu ra nguyên lý. “*Chư Phật Như Lai là pháp giới thân*”, chư Phật Như Lai có tướng hay không? Chẳng có tướng! Có thân hay chẳng? Chẳng có thân! “*Nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung*” (Vào trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh), thân của chư Phật Như Lai là tận hư không khắp pháp giới, được gọi là Pháp Thân của Phật. “*Pháp giới thân*” là Pháp Thân. Pháp Thân, tiếng Phạn là Tỳ Lô Giá Na, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Biến Nhất Thiết Xứ, vì nó trọn khắp hết thảy mọi nơi. Do đó mới “*nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung*” (vào trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh), đó là nguyên lý.

“*Thị cố, nhữ đẳng tâm tướng Phật thời, thị tâm tức thị tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo*” (Vì vậy, khi tâm các người tướng Phật, tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo). Tướng Phật, tâm quý vị bèn làm Phật. Tướng Phật là như thế. Tướng Bồ Tát sẽ làm Bồ Tát, tướng thiên liên sanh thiên, tướng nhân liên vào nhân đạo. Tướng ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, liên biến thành súc sanh, biến thành naga quý, biến thành địa ngục. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do tâm tướng sanh. “*Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật*” (Tâm này làm Phật, tâm này là Phật): “*Tâm này làm Phật*” là nói về Tu Đức, “*tâm này là Phật*” là nói đến Tánh Đức. Trong bản tánh có trọn đủ y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới, thứ gì cũng chẳng thiếu, quý vị tướng điều gì sẽ biến thành điều đó. “*Chư Phật Chánh Biến Tri hải, tùng tâm tướng sanh*” (Biển Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng), trong mười pháp giới nêu lên một pháp giới, Phật pháp giới sanh từ tâm tướng, [suy ra] Bồ Tát pháp giới cũng sanh từ tâm tướng. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong lục đạo không có gì chẳng sanh từ tâm tướng. Chúng ta phải biết nguyên lý này, biết nguyên lý này thì mới biết trong Phật pháp chẳng có mê tín. Phật pháp nói câu nào cũng là lời chân thật, xác thực là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, nhưng bản thân chúng ta biết quá ít.

Trong đoạn chú giải này, có những điều trọng yếu mà tôi phải nêu ra cùng quý vị đôi chút. Chúng ta xem lời chú giải: “*Sao vân, dục tướng Phật thân, tu tri quán Thê*” (Sao rằng: Muốn tướng thân Phật thì cần nên biết quán Thê), Quán là phương pháp tu hành, Thê là căn cứ. Căn cứ để quý vị [tu tập] phép quán tướng này là gì vậy? “*Thê thị Bốn Giác, khởi thành năng quán*” (Thê là Bốn Giác, khởi tác dụng thành Năng Quán). Điều này chẳng giả, Bốn Giác ở chỗ nào? Bốn Giác là chính mình, tức là bản tánh của chính mình. Đức Phật dạy chúng ta thuận theo tánh sẽ thành quả báo cực thiện; phàm phu chúng ta trái nghịch bản tánh. Nói cách khác, do vận dụng Bốn Giác sai quấy, nên mới có lục đạo luân hồi, mới có

phiền não, ác báo. Kế đó, [sách Diễn Nghĩa] nói rõ: “*Tu tri Bản Giác thị chư Phật Pháp Thân*” (Cần phải biết Bản Giác là Pháp Thân của chư Phật). Tôi vừa mới nói pháp giới thân là Pháp Thân, Pháp Thân của chư Phật chính là Bản Giác của chúng ta. Do vậy, có thể biết, ta và chư Phật có cùng một Pháp Thân. Kinh thường diễn tả chuyện này như sau: “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”, chẳng giả! Mười phương ba đời Phật đều có chung một Pháp Thân, vậy thì lũ phàm phu chúng ta có cùng [chung một Pháp Thân] với các Ngài hay chẳng? Cũng cùng chung. Không chỉ là hết thấy phàm phu và Phật có cùng một Pháp Thân, mà tất cả hết thấy vạn vật cũng đều có cùng một Pháp Thân, “*tình dữ vô tình, đồng viên Chung Trí*”. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do cùng một thứ biến hiện, trong Phật pháp, bắt đầu dĩ đặt cho thứ ấy một cái tên, chứ trên thực tế, há có tên gọi ư? Gọi tên nó là Bản Tánh, là Chân Như, là Pháp Tánh, là Đệ Nhất Nghĩa. Kinh Phật có khoảng mấy chục danh từ như vậy!

Nếu chúng ta hỏi: “Nếu đã là cùng một thứ, đặt một tên là được rồi, vì sao đặt lắm tên gọi như thế?” Đặt một tên bèn sợ quý vị chấp trước, hễ chấp trước thì sai mất rồi. Đức Phật nói các thứ tên nhằm vào ý nghĩa: “Chớ nên chấp trước. Chỉ cần là một chuyện thì quý vị nói thế nào cũng đều được”. Hễ chấp trước thì sai mất rồi, đã mê rồi! Đức Phật nói ra các thứ tên gọi nhằm vào ý nghĩa: Phá chấp trước, chớ nên chấp trước tướng danh tự. Tiếp đó, sách [Quán Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa] viết: “*Dĩ chư Phật vô sở chứng, chứng ư chúng sanh bản tánh cố*” (Dùng vô sở chứng của chư Phật để chứng bản tánh của chúng sanh). Kinh Đại Thừa cũng thường diễn tả điều này là: “*Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc*”, kinh Lăng Nghiêm nói như vậy. Đến cuối cùng, đã thành Phật, thành Phật bèn đạt được gì? Tâm Kinh nói rất hay: Thành Phật là “*vô trí mà cũng vô đắc*”. Trí là cái có thể chứng, “*đắc*” là cái chứng được. Đạt đến cảnh giới ấy, trí có thể chứng (năng chứng trí) và Bồ Đề Niết Bàn là cái có thể đạt được đều chẳng có, đó là thật sự chứng đắc. Chỉ cần có trí, có đắc, thì vẫn chẳng thể rời khỏi Năng và Sở, tuy đã thành Phật, nhưng thành đức Phật gì vậy? Thành Tạng Giáo Phật, Biệt Giáo Phật, Thông Giáo Phật. Tạng, Thông, Biệt Phật đều là có tu, có chứng, nhưng Viên Phật (Phật của Viên Giáo) chẳng có. Vì trong ba loại Phật trước, Biệt Giáo Phật cao nhất, Biệt Giáo Phật tương đương với địa vị Đệ Nhị Hạnh Bồ Tát trong Viên Giáo. Trên địa vị Đệ Nhị Hạnh Bồ Tát, còn có Tam Hạnh, Tứ Hạnh, cho đến Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, vẫn còn cách xa lắm! Vì thế, các địa vị ấy (Tạng Giáo Phật, Biệt Giáo Phật, Thông Giáo Phật) có tu, có chứng, thật sự chứng đắc thành Phật. Đạt đến Viên Giáo Phật sẽ là vô tu vô chứng.

Câu kệ tiếp rất trọng yếu: “*Nhược Thi Giác hữu công, Bản Giác nãi hiển*” (Nếu Thi Giác có công, Bản Giác bèn hiển lộ). Do vậy có thể biết, nếu muốn biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, chúng ta thường nói là “muốn biết rành mạch, rõ ràng mười phương, ba đời, quá khứ, hiện tại, tương lai, hoàn toàn cậy vào Thi Giác có công, Bản Giác liền hiển lộ”. Bản Giác là tự tánh. Câu “*Bản Giác nãi hiển*” nói theo nhà Thiên sẽ là “minh tâm kiến tánh”. Tánh là Bản Giác, “*hiển*”

là kiến tánh. “*Cố vân Pháp Thân tùng tâm tướng sanh*” (Nên nói Pháp Thân sanh từ tâm tướng): Nay chúng ta dùng vọng tâm, sử dụng vọng tưởng, sử dụng vọng tưởng cũng được, quý vị chỉ tưởng một chuyện, vĩnh viễn cứ tưởng mãi. Tới khi nào hết tưởng, trở về nguồn, bèn kiến tánh. Vì thế, chớ nên loạn tưởng, chớ nên nghĩ nhiều, nghĩ nhiều, sẽ chẳng được đâu, chẳng trở về nguồn được! Càng tưởng càng xa! Phải chuyên tưởng, tưởng một chuyện, [đó là] chuyên tưởng. “*Tu tận hoàn nguyên*” (Hết sạch suy nghĩ, sẽ trở về nguồn) bèn thành công. Do đó, [biển Chánh Biến Tri] sanh từ tâm tướng!

“*Hựu Di Đà dữ chư Phật, nhất tâm, nhất trí, ứng dụng diệc nhiên. Di Đà thân hiển, tức chư Phật thân. Chư Phật tướng minh, tức Di Đà thể. Thị cố, phiếm minh chư Phật thân, dĩ vi quán sát Di Đà quán thể*” (Lại nữa, Phật Di Đà và chư Phật một tâm, một trí, ứng dụng cũng thế. Thân của Phật Di Đà hiển lộ, chính là thân của chư Phật [hiển lộ]. Giảng rõ về tướng của chư Phật, chính là [giảng rõ về] Thể của Phật Di Đà. Vì thế, giảng chung về thân chư Phật, coi đó là cách quán sát Phật Di Đà theo phương diện quán Thể). Trong đoạn này, đức Phật vẫn chưa dạy chúng ta, chưa nói rõ cách quán tướng A Di Đà Phật, tức là quán tướng Vô Lượng Thọ Phật, chỉ nói đến chư Phật Như Lai, hiểu là đức Phật nào cũng đều được. Nếu quý vị có thể nương theo nguyên lý và nguyên tắc này để tu, chẳng có ai không thành tựu. Niệm Phật, thành Phật, Lý và Sự đều ở trong đoạn kinh văn này. Chuyên tưởng, tâm liền thanh tịnh. Vì sao tâm chúng ta chẳng thanh tịnh? Do tâm loạn tưởng. Loạn đến mức độ nào? Chính mình chẳng thể không chế! Do chính mình chẳng thể không chế, nên một hồi tưởng Đông, một hồi nghĩ Tây, ngay cả đêm ngủ cũng chẳng thật thà, mộng mị toi bời! Mộng do đâu mà có? Mộng cũng sanh từ tưởng. Vì thế, ban đêm nằm mộng, có thể kiểm nghiệm mức độ tịnh uế trong tâm mình. Tâm hơi thanh tịnh một chút, sẽ chẳng gặp ác mộng, sẽ chẳng nằm mộng rất loạn, mà sẽ có chút lớp lang. Đó cũng là hiện tượng niệm Phật có tiến bộ. Nếu tiến bộ hơn, ban đêm nằm mộng thường mộng thấy niệm Phật, mộng thấy gặp Phật, mộng thấy nghe kinh, do nguyên nhân nào? Các chúng tử được huân tập trong A Lại Da khởi tác dụng, tự nhiên hiện hành, có sức mạnh to lớn, mạnh mẽ. Chúng tử nghiệp tập nào to lớn, mạnh mẽ sẽ hiện hành. Khi chẳng không chế được, nó sẽ tự nhiên hiện hành. Nếu tâm thật sự thanh tịnh, mộng sẽ ít đi. Ít mộng là một hiện tượng tốt.

Đoạn văn này hết sức trọng yếu, nên tổ sư chú giải cũng đặc biệt tường tận. Tôi nghĩ các đồng tu tự xem đoạn này cũng hiểu được. Xin mở sang trang một trăm tám mươi sáu, xem dòng thứ hai. Dòng kinh văn này dạy chúng ta phương pháp tu hành, là cương lĩnh tổng quát của cách tu, hết sức trọng yếu. Có thể nói là ba kinh nhất trí nguyên lý này, kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà đều chẳng ra ngoài lệ ấy.

Thị cố ưng đương nhất tâm hệ niệm.

是故應當一心繫念。

(*Vì thế, hãy nên nhất tâm hệ niệm.*)

Phương pháp tu học của Tịnh Tông là nhất tâm hệ niệm.

ĐỂ QUÁN BỈ PHẬT, ĐA ĐÀ A GIÀ ĐỘ, A LA HA, TAM MIỆU TAM PHẬT ĐÀ.

諦觀彼佛。多陀阿伽度。阿羅訶。三藐三佛陀。

(Quán kỹ vị Phật ấy, Như Lai, Ứng Cứng, Chánh Đẳng Chánh Giác).

Ba hiệu sau hoàn toàn là tiếng Phạn dịch âm. Đa Đà A Già Độ (Tathāgata) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Như Lai. A La Ha (Arhat) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Ứng Cứng. Tam Miệu Tam Phật Đà (Samyak-sambuddha) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Biến Tri, hoặc dịch là Đẳng Chánh Giác. Đây là ba hiệu trong mười hiệu của Như Lai, dịch âm tiếng Phạn. Vì vậy, chúng ta hiểu: Hết thấy chư Phật là một Thể. Là một Thể, nhưng thuận theo tâm niệm của hết thấy chúng sanh mà hiện ra các hiện tượng bất đồng. Vì thế, Phật là vô lượng vô biên. Vô lượng vô biên là đức dụng của bản tánh, là tác dụng của Tánh Đức, tức là bản tánh khởi tác dụng. Xét theo phía chúng ta, chúng ta chưa kiến tánh, dầu đã kiến tánh thì chẳng viên mãn, đều thuộc loại Tu Đức. Sau khi đã kiến tánh viên mãn, sẽ là Tánh Đức. Phàm các danh hiệu của Phật được dùng trong kinh điển đều nhằm hiển lộ Tánh Đức, còn danh hiệu của các vị Bồ Tát được dùng để hiển lộ Tu Đức. Tánh và Tu chẳng hai, Tánh là Bản Giác, Tu là Thi Giác. Thi Giác hợp với Bản Giác, Thi Giác và Bản Giác chẳng hai, đó là đạt đến Cứu Cánh Giác. Vì lẽ này, Phật Di Đà và chư Phật bất tăng, bất giảm. Kinh Hoa Nghiêm nói “*một chính là nhiều, nhiều chính là một, một chính là vô lượng, vô lượng chính là một*”.

Chuyện này đã là sự thật, [vậy thì] ta niệm Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng được hay sao? Ta niệm Thích Ca Mâu Ni Phật chính là niệm A Di Đà Phật, cần gì phải niệm A Di Đà Phật? Nói theo Lý thì xuôi lọt, nhưng xét theo Sự bèn chẳng đúng pháp! Có sao chẳng đúng pháp? Chẳng nghe lời thầy! Thầy, Thích Ca Mâu Ni Phật là Bản Sư của chúng ta, lão nhân gia bảo chúng ta niệm A Di Đà Phật, ta khăng khăng chẳng nghe lời! Quý vị hãy nghĩ tới Tam Phước trong phần trước, [không nghe lời] chính là chẳng thực hiện điều khoản “*phụng sự sư trưởng*”. Phụng sự sư trưởng thì phải y giáo phụng hành. Y giáo phụng hành, chúng ta niệm A Di Đà Phật là niệm Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, tùy thuận, thuận tánh. Nếu ngược lại, ta niệm Thích Ca Mâu Ni Phật là niệm A Di Đà Phật, đã nghịch tánh! Nói theo Lý thì chẳng sai, nhưng chẳng tùy thuận lời thầy dạy, nên vãng sanh khó thể thành tựu! Quý vị muốn tìm nguyên nhân thật sự ở đâu ư? Chẳng thuận theo lời thầy dạy là chẳng thuận tánh. Không thuận tánh tức là thuận theo phiền não, thuận theo tà kiến, thuận theo vọng tưởng, chấp trước, làm sao có thể kiến tánh cho được? Giống như nước, nước có thể tùy thuận. Quý vị đựng nó trong ống tròn, nó có hình dạng tròn. Đựng trong hộp vuông, nó có hình dạng vuông. Nếu nó nhất định chấp trước, ta là vuông, quyết định chẳng thể tròn. Đựng trong vật hình tròn, ta vẫn vuông, tức là chẳng thuận tánh. Vậy thì có sao chẳng chịu nghe lời thầy? Vì sao chẳng thể tiếp nhận lời thầy dạy dỗ? Điều này rất quan trọng.

Tông Thiên Thai gọi nhất tâm hệ niệm là Nhất Tâm Tam Quán. Trong chú giải có nói [đến chuyện này], nơi hàng thứ tư đếm từ dưới lên trong trang một trăm tám mươi sáu, xem từ hai chữ cuối cùng: “*Nhất tâm hệ niệm bí Phật, tức Nhất Tâm Tam Quán dã*” (Nhất tâm hệ niệm đức Phật ấy chính là Nhất Tâm Tam Quán). Chúng ta không hiểu pháp Quán của tông Thiên Thai, chẳng sao hết! Chỉ cần nhất tâm, nhất tâm đích xác là rất khó. Nhất tâm là chẳng xen tạp, nhất quyết chẳng tán loạn. Người thế tục gọi “hệ niệm” là vương vấn. Trong tâm thường luôn có [chuyện gì đó], thường xuyên nghĩ tới [điều ấy]. Đây là bảo quý vị thời thời khắc khắc niệm câu Phật hiệu này, nhằm vun bồi nhất tâm hệ niệm. Cổ đại đức nói: Bí quyết niệm Phật chẳng có gì khác, mà là đổi chỗ sống thành chỗ chín, đổi chỗ chín thành chỗ sống, bèn thành công. Chỗ chín nhất (quen thuộc nhất) của chúng sanh là gì? Vọng tưởng, suy nghĩ lung tung. Quý vị thấy [chúng ta] suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ rối bời. Chỗ sống sít nhất là gì? Một câu Phật hiệu! Niệm niệm luôn quên bẵng, rất lạt lẽo, hờ hững! Làm như thế nào để Phật hiệu chín muồi như vọng tưởng, suốt ngày từ sáng đến tối chẳng quên khuấy, biến vọng tưởng thành xa lạ như Phật hiệu, thường quên bẵng, sẽ thành công. Đổi chỗ sống thành chỗ chín là được rồi, chẳng có ai không vắng sanh. Do đó, dạy quý vị niệm Phật mỗi ngày, hằng ngày nghe Phật hiệu chẳng gián đoạn, hằng ngày nhìn tượng Phật đừng lia bỏ, không gì chẳng nhằm đổi chỗ sống thành chỗ chín, đạo lý là như vậy đó!

Quý vị biết đạo lý này, liền biết hết thầy chẳng có chướng ngại. Tượng Phật chẳng thể thờ ở nơi nào đó ư? Chẳng thờ, ta sẽ quên bẵng, chẳng đổi sống thành chín được! Vì thế, trừ phòng vệ sinh đừng nên thờ tượng Phật ra, nơi nào cũng đều có thể thờ tượng Phật! Nhưng nói thật ra, âm thanh của câu A Di Đà Phật, ngay ở trong nhà vệ sinh cũng nghe rõ ràng, rành mạch. Hiện thời có mấy niệm Phật rất hay, càng làm càng tiến bộ, công đức rất lớn. Được rồi! Chúng ta tan học.

Tập 24

Xin xem trang một trăm tám mươi bảy, xem phần kinh văn.

Tưởng bĩ Phật giả, tiên đương tưởng tượng, bế mục, khai mục, kiến nhất bảo tượng, như Diêm Phù Đà kim sắc, tọa bĩ hoa thượng.

想彼佛者。先當想像。閉目開目。見一寶像。如閻浮檀金色。坐彼華上。

(Hãy tưởng đức Phật ấy: Trước hết hãy nên tưởng hình tượng. Nhắm mắt, mở mắt đều thấy một tượng báu, có màu như vàng Diêm Phù Đà, ngồi trên hoa ấy).

Đây là dạy chúng ta cách quán. Trong cách quán, trước hết nói rõ là Quán Tượng. Hoàn toàn giống như các phép Nhật Quán, Thủy Quán trong phần trước, ắt phải mở mắt hay nhắm mắt đều thấy tượng Phật ấy ở trước mắt, thấy cặn kẽ như trong kinh đã dạy thì mới là quán thành công. Dù trong tâm mục có tượng ấy, nhưng [tượng ấy] chẳng thể xuất hiện trước mắt tức là phép Quán này chẳng thành tựu! Tiếp theo đó là “*nhân tượng kiến độ*” (do tượng mà thấy cõi nước). Chúng ta xem kinh văn trong trang một trăm tám mươi tám.

Kiến tượng tọa dĩ.

見像坐已。

(Đã thấy tượng ngồi rồi).

A Di Đà Phật ngồi trên đài sen.

Tâm nhãn đắc khai, liễu liễu phân minh kiến Cực Lạc quốc thất bảo trang nghiêm, bảo địa, bảo trì, bảo thụ hàng liệt. Chư thiên bảo mạn di phú kỳ thượng, chúng bảo la võng mãn hư không trung. Kiến như thử sự, cực linh minh liễu, như quán chưởng trung.

心眼得開。了了分明見極樂國七寶莊嚴。寶地寶池。寶樹行列。諸天寶幔彌覆其上。眾寶羅網滿虛空中。見如此事。極令明了。如觀掌中。

(Tâm nhãn mở mang, thấy rành rẽ, phân minh cõi Cực Lạc trang nghiêm bằng bảy báu, đất báu, ao báu, cây báu bày thành hàng. Các màn cõi trời phủ kín bên trên. Các lưới màn báu giăng khắp hư không. Thấy sự như vậy sao cho hết sức rõ rệt như nhìn vào bàn tay).

Cô đức nói cảnh giới vi tế như vậy đều từ nhất tâm diệu quán dần dần chuyển sanh, nên sẽ thấy cảnh giới ngày càng rõ rệt, càng thấy càng hiểu rõ. Ở chỗ này, phải đặc biệt chú ý: Thật sự quan sát, hiểu rõ, thật ra là do chân tâm rất thanh tịnh. Nay chúng ta nói tới Quán Tưởng Niệm Phật. Đối với phép Quán này,

tông Thiên Thai đề ra Thứ Đệ Tam Quán và Nhất Tâm Tam Quán. Tông Thiên Thai [đề xướng như vậy] vì thuở trước, Trí Giả đại sư lập ra phương pháp tu hành Tam Chỉ Tam Quán, phương pháp ấy do Trí Giả đại sư phát minh. Các cao tăng Ấn Độ đến Trung Hoa bái phỏng Trí Giả đại sư, Trí Giả đại sư kể với họ phương pháp tu hành của chính Ngài, các pháp sư Ấn Độ bội phục khôn cùng. Họ nói với Trí Giả đại sư: Ở phương Tây (Ấn Độ) có kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, phương pháp tu học được giảng trong kinh ấy hết sức tương tự, rất gần gũi với pháp Tam Chỉ, Tam Quán của tông Thiên Thai. Kinh Lăng Nghiêm dạy Xa Ma Tha, Tam Ma, Thiền Na. Vì lẽ đó, Thiên Thai đại sư dựng một đài bái kinh tại núi Thiên Thai, hằng ngày hướng về phía Tây lễ bái, mong mọi kinh ấy truyền sang Trung Hoa. Lạy suốt mười tám năm, Trí Giả đại sư viên tịch, kinh ấy vẫn chưa truyền tới Trung Hoa; nhưng về sau, ngài Bát Lạt Mật Đế đem kinh ấy đến Trung Hoa.

Kinh ấy ở Ấn Độ được gọi là quốc bảo, bất cứ kinh điển nào cũng đều có thể lưu thông sang ngoại quốc, nhưng kinh điển này (kinh Lăng Nghiêm) chẳng thể lưu thông tại ngoại quốc. Đây là do người Ấn Độ tiếc pháp, nên hiện thời tại Ấn Độ chẳng có Phật pháp, quả báo do tiếc pháp đây! Pháp sư Bát Lạt Mật Đế mang kinh ấy tới nơi đây (Trung Hoa), hải quan tra xét rất nghiêm, lên đem vài lần đều chẳng thành công. Cuối cùng, Ngài rạch mu bàn tay, giấu bản kinh đã được chép với khổ chữ rất nhỏ vào trong đó, chờ cho đến khi miệng vết thương hoàn toàn lành lặn, đem kinh đến Trung Hoa như vậy. Đem đến Trung Hoa, bèn mở mu bàn tay, lấy kinh ra, kinh Lăng Nghiêm được truyền tới Trung Hoa như vậy đó. Thuở đầu, chú giải kinh, do bị ảnh hưởng [bởi lời nhận định của các vị pháp sư Ấn Độ], nên đều dùng pháp Chỉ Quán của tông Thiên Thai để giải thích Xa Ma Tha, Tam Ma, Thiền Na. Mãi cho đến đời Minh, Giao Quang đại sư mới không dùng phương pháp ấy, trực tiếp dùng cách nói trong kinh Lăng Nghiêm, đề xướng “*bỏ Thức dùng Căn*”, hết sức phù hợp ý nghĩa của kinh. Chúng ta đọc thấy trong lời tựa cho bản Chú Giải, pháp sư Giao Quang có nói Ngài niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Lúc lâm chung, khi A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, A Di Đà Phật đứng trên không trung tiếp dẫn Ngài vãng sanh, Ngài xin A Di Đà Phật cho hoãn lại. Ngài nói chú giải kinh Lăng Nghiêm từ xưa tới nay chẳng nêu rõ ý nghĩa trong kinh, những lời mi chú⁵⁹ cũng chẳng giảng rõ ràng, Ngài xin A Di Đà Phật cho phép Ngài khoan vãng sanh để chú giải kinh Lăng Nghiêm. Sau khi chú giải xong xuôi sẽ vãng sanh. A Di Đà Phật cũng chấp thuận, cho phép Ngài được ở lại, Ngài trụ thế để soạn chú giải.

Ngài nêu ra nguyên nhân ở chỗ nào? Tam Chỉ Tam Quán của tông Thiên Thai đều dùng ý thức, Nhất Tâm Tam Quán cũng không ra ngoài lệ ấy. Kinh Lăng Nghiêm nói hoàn toàn chẳng dùng tâm ý thức, trong chú giải, pháp sư Giao Quang đã nói rõ ràng! Bản chú giải của Ngài được gọi là Tân Sớ. Do đó, [chú giải] Lăng Nghiêm có hai phái tân và cựu. Cựu phái dùng Tam Chỉ Tam Quán của tông

⁵⁹ Mi chú: Những lời chú giải ngắn gọn được viết kèm ngay trước câu chánh kinh, thường là dùng khổ chữ nhỏ hơn.

Thiên Thai để giải thích kinh, tân phái không dùng Tam Chỉ Tam Quán, mà dùng “*bổ Thức dùng Căn*” như pháp sư Giao Quang đã nói, không dùng tâm ý thức. Bản sớ giải kinh này do Thiên Thai đại sư chú giải, Ngài dùng Tam Chỉ Tam Quán; nói cách khác, vẫn dùng tâm ý thức. Dùng tâm ý thức chánh xác, dùng tâm ấy để tu hành, theo như kinh Lăng Nghiêm đã dạy, sẽ có thể chứng đắc quả A La Hán, có thể chứng đắc quả vị Bích Chi Phật. Nói cách khác, nói theo Tịnh Tông, xác thực là có thể tu đạt đến Sự nhất tâm bất loạn, có thể đạt đến cảnh giới này. Trong Sự nhất tâm bất loạn, đại khái là đối với những cảnh giới như kinh đã nói đều có thể thành tựu, có thể thành tựu phép quán tưởng này. Nếu muốn đạt tới thành tựu viên mãn thật sự, ắt phải là Lý nhất tâm bất loạn thì mới thật sự thấy. Chúng ta phải nên hiểu điều này. Đức Phật dạy chúng ta một nguyên tắc là “*y pháp, bất y nhân*”, “*pháp*” là kinh điển, còn chú sớ chỉ là tài liệu tham khảo do cổ đại đức trao cho chúng ta để tu học mà thôi. Chúng ta dùng những nhận định của các Ngài như tài liệu tham khảo thì là chánh xác, cũng đừng nên hoàn toàn chấp chết cứng vào lời chú giải. [Hễ chấp chết cứng] thì sai mất rồi, nhất định phải nương vào kinh. Chúng ta lại xem đoạn thứ hai là Quán Bồ Tát.

Kiến thử sự dĩ, phục đương cánh tác nhất đại liên hoa, tại Phật tả biên, như tiền liên hoa, đẳng vô hữu dị. Phục tác nhất đại liên hoa, tại Phật hữu biên, tướng nhất Quán Thế Âm Bồ Tát tượng, tọa tả hoa tòa, diệp tác kim sắc, như tiền vô dị, tướng nhất Đại Thế Chí Bồ Tát tượng, tọa hữu hoa tòa.

見此事已。復當更作一大蓮華。在佛左邊。如前蓮華。等無有異。復作一大蓮華。在佛右邊。想一觀世音菩薩像。坐左華座。亦作金色。如前無異。想一大勢至菩薩像。坐右華座。

(*Đã thấy sự ấy rồi, lại nên tưởng một hoa sen to ở bên trái đức Phật, giống như hoa sen trên đây trọn chẳng khác gì. Lại tưởng một hoa sen to, ở bên phải đức Phật. Tưởng một tượng Quán Thế Âm Bồ Tát ngồi trên hoa tòa bên trái, cũng là thân vàng ròng, giống như trước chẳng khác. Tưởng một tượng Đại Thế Chí Bồ Tát ngồi trên hoa tòa bên phải.*)

Hoa đài và tòa sen hoàn toàn giống nhau, Phật và Bồ Tát đều [có hoa đài và hoa sen] giống hệt nhau. Chính giữa là A Di Đà Phật, bên trái, tức phía bên tay trái của A Di Đà Phật, là Quán Thế Âm Bồ Tát; phía bên tay phải là Đại Thế Chí Bồ Tát. Trong chú giải, [có những câu] rất thú vị. Chú giải giảng: “*Tam thánh thiết hóa, động tĩnh tất câu*” (Tam thánh hóa hiện như thế, động hay tĩnh ắt đều như một), “*câu*” (俱) là tuy một mà ba, tuy ba mà một. “*Nhất chủ nhị thân, phi tịnh, phi biệt, biểu hồ tam pháp, tam diệp dung. Chân thân ký nhiên, tượng hợp tương tự, quán nhị tức Phật, linh diệp quán thành tam*” (Một vị chủ tể, hai vị bày tôi, chẳng phải giống hệt như nhau, chẳng phải là khác nhau, biểu thị ba pháp, ba sự dung thông màu nhiệm. Chân thân đã là như thế thì hình tượng [được biến hiện] cũng phải giống như thế. Quán đức Phật phước huệ trọn đủ, khiến cho phép quán màu nhiệm [một mình đức Phật] trở thành quán cả ba vị). Đây là quán Tây

Phương Tam Thánh. Theo cách biểu thị pháp thông thường, Phật biểu thị Pháp Tánh, biểu thị Chân Như bản tánh; Bồ Tát biểu thị từ Thể khởi tác dụng, là tác dụng của tự tánh. Tác dụng của tự tánh là vô lượng vô biên. Vô lượng vô biên đức dụng có thể quy nạp thành hai loại lớn, một là Trí, hai là Hạnh, trong Phật pháp nói là Giải Hạnh, Giải thuộc về trí huệ, Hạnh thuộc về sự hành trì trong cuộc sống. Đây là hai vị đại Bồ Tát; vì thế, chúng ta thờ tượng Phật nhất định là một vị Phật hai vị Bồ Tát, chẳng thờ thành ba vị Bồ Tát, hay bốn vị Bồ Tát, chẳng thờ theo cách như vậy, vì các Ngài biểu thị ý nghĩa viên mãn trọn đủ về mặt pháp.

Trong Tây Phương Tam Thánh, Quán Thế Âm Bồ Tát đại biểu Hạnh. Quán Âm Bồ Tát đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn, nên tượng trưng cho Hạnh môn. Đại Thế Chí Bồ Tát đại biểu Giải môn, biểu thị trí huệ, chỉ có trí huệ mới là thể lực chân chánh, thật sự hữu lực. Vì thế, từ bi nhất định phải lấy trí huệ làm cơ sở, đó mới là lòng từ bi thuận tánh. Nếu chẳng có trí, lòng từ bi ấy sẽ được gọi là “*lòng từ bi*” (lòng từ bi luông tuông), sẽ có ảnh hưởng bất thiện, đâm ra chẳng tốt đẹp. Phật môn thường nói: “*Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”. Phật pháp hết sức coi trọng đại từ đại bi và thiện xảo phương tiện; nhưng người đời sau cũng nói: “*Từ bi làm họa hại, phương tiện thành hạ lưu*”, do nguyên nhân nào? Đánh mất trí huệ! Lòng từ bi thiếu trí huệ và phương tiện thiếu trí huệ đều hỏng! Có thể nói là Phật pháp hiện thời suy vi đến nông nỗi này là vì bỏ mất lý trí, một mực mù quáng dùng lòng từ bi bừa bãi. Chúng ta biết nghĩa thú của việc thờ phụng tượng Phật, nói thật ra thì “*một chính là ba, ba chính là một*”, biểu thị nhất Thể. Tiếp theo đây, chúng ta lại xem phần Tượng Phóng Quang (tượng Phật và Bồ Tát tỏa quang minh).

Thử tưởng thành thời, Phật, Bồ Tát tượng giai phóng quang minh. Kỳ quang kim sắc, chiếu chư bảo thụ. Nhất nhất thụ hạ, diệp hữu tam liên hoa. Chư liên hoa thượng, các hữu nhất Phật, nhị Bồ Tát tượng, biến mãn bỉ quốc.

**此想成時。佛菩薩像皆放光明。其光金色。照諸寶樹。一
一樹下。亦有三蓮華。諸蓮華上。各有一佛二菩薩像。遍滿彼國
。**

(Khi phép quán tưởng này đã thành, [lại tưởng] tượng Phật và Bồ Tát đều phóng quang minh. Quang minh ấy sắc vàng, chiếu các cây báu. Dưới mỗi cội cây, cũng có ba hoa sen. Trên các hoa sen đều có hình tượng một vị Phật và hai vị Bồ Tát trọn khắp cõi ấy).

Đoạn này rất quan trọng mà cũng rất dễ nhớ. Vì chúng ta thường suy nghĩ: Tây Phương Cực Lạc thế giới to ngàn ấy, người đông dường ấy, làm sao chúng ta có thể thấy Phật cho được? Điều rất hoài nghi! Chẳng cần nói chi khác, Đài Loan chẳng lớn, thành phố Đài Bắc càng bé. Thành phố Đài Bắc có hơn hai trăm vạn thị dân, mỗi người chúng ta hằng ngày đều có thể gặp Tổng Thống hay chẳng? Điều chẳng gặp được! Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới không ai có thể tính nổi số, đông ngàn ấy, làm sao chúng ta có thể gặp A Di Đà Phật, Quán Âm,

Thế Chí hằng ngày? Xem đoạn kinh văn này mới biết, vốn là Phật, Bồ Tát hóa thân; dưới mỗi cây báu đều có Tây Phương Tam Thánh. Số lượng Tây Phương Tam Thánh và số người bên ấy bằng nhau. Do đó, mỗi người hằng ngày đều thấy Phật, mỗi ngày đều chẳng lìa Phật, tốt lắm! Trong mười phương thế giới, chúng ta chưa hề thấy cảnh giới này, các kinh khác chưa hề nói như thế, chỉ riêng thế giới Tây Phương là hóa thân của Di Đà, Quán Âm, Thế Chí đầy khắp nước ấy. Do đó, đến thế giới Tây Phương, sẽ thường ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật, cùng Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, các vị đại Bồ Tát gặp mặt hằng ngày. Mỗi ngày đều ở chung với nhau, hóa thân của các Ngài trọn khắp cõi Phật.

Chúng ta xem phần chú giải cho đoạn này trong trang một trăm tám mươi chín, xem từ câu thứ ba trong hàng thứ tư từ dưới đếm lên: “*Phật chi thân tòa, Bồ Tát thân tòa, tam vô sai biệt*”, [nghĩa là] thân và tòa của Bồ Tát hoàn toàn giống như thân và tòa của Phật, đúng như kinh Vô Lượng Thọ đã nói. “*Duy thủ tướng các bất đồng nhĩ*”, [nghĩa là] chỉ có [hình tướng] nơi đâu là trông thấy khác nhau. “*Phật duy nhục kế, bất đới hoa quan*” (Phật chỉ có nhục kế, chẳng đội mào hoa). Trên đầu đức Phật là tướng nhục kế. “*Nhị đại sĩ tuy đồng đới hoa quan*”, [nghĩa là] Quán Âm và Thế Chí đều cùng đội mào. Mào ấy, tức hoa quan giống nhau, chỉ có một điểm khác nhau. Giữa mào của Quán Âm Bồ Tát là một bức tượng Phật. Bức tượng Phật ấy là tượng đứng, hóa Phật đứng. Một hôm, có người chụp một tượng bức tượng Quán Âm, tượng Phật trên mào đội đầu của Ngài là tượng ngồi tĩnh tọa, tôi nói: “Không đúng! Đây chẳng phải là Quán Âm Bồ Tát, [tượng Phật trong] mào Quán Âm Bồ Tát là tượng đứng”. Tôi nói: “Đây là Bồ Tát nào tôi không biết. Nếu quý vị bảo là Quán Âm thì là Quán Âm giả mạo, chẳng phải là Quán Âm thật sự”. Cũng phải chú ý điều này. Chính giữa mào của Đại Thế Chí Bồ Tát là một cái bình báu, cũng là bình báu đặt thẳng đứng. Đó là chỗ khác nhau. Trừ điều đó ra, hoàn toàn giống nhau. Điều này giống như phần bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Chúng ta lại lật sang trang kế tiếp, xem kinh văn:

Thử tướng thành thời, hành giả đương văn thủy lưu quang minh, cập chư bảo thụ, phù, nhạn, uyên ương, giai thuyết diệu pháp. Xuất Định, nhập Định, hằng văn diệu pháp. Hành giả sở văn, xuất Định chi thời, ức trì bất xả, linh dữ Tu Đa La hợp. Nhược bất hợp giả, danh vi vọng tưởng. Nhược dữ hợp giả, danh vi thô tướng kiến Cực Lạc thế giới. Thị vi Tượng Tướng, danh đệ bát Quán.

此想成時。行者當聞水流光明。及諸寶樹。鳧雁鴛鴦。皆說妙法。出定入定。恆聞妙法。行者所聞。出定之時。憶持不捨。令與修多羅合。若不合者。名為妄想。若與合者。名為麤想見極樂世界。是為像想。名第八觀。

(Khi phép quán tướng này thành tựu, hành giả sẽ nghe nước chảy, quang minh, và các cây báu, le, nhạn, uyên ương đều nói diệu pháp. Xuất Định, nhập Định, luôn nghe diệu pháp. Những điều hành giả nghe được khi xuất Định bèn

nhớ giữ chẳng bỏ. Phải sao cho hợp với Tu Đa La. Nếu chẳng hợp thì là vọng tưởng. Nếu phù hợp, bèn gọi là quán tưởng thấy thế giới Cực Lạc về phần thô. Đây là Tượng Tượng, được gọi là phép Quán thứ tám).

Đoạn kinh văn này nói rõ: Trong khi quán tưởng, bèn nghe pháp. Nước chảy, quang minh, cây báu là vô tình thuyết pháp, các loài chim như le, nhạn... là hữu tình thuyết pháp. Tình và vô tình không gì chẳng nói pháp, từ đoạn kinh văn này, chúng ta đã thấy [điều đó]. Người tu hành bất luận là trong Định, nhập Định hay xuất Định thấy đều nghe thấy. Như trong phép quán tưởng ở phần trước, mở mắt hay nhắm mắt, tượng ấy đều hiện tiền. Ở đây nói, trong Định, hoặc chẳng phải ở trong Định, đều nghe âm thanh; nhưng những gì quý vị nghe được nhất định phải tương ứng với kinh. Nếu chẳng tương ứng, sẽ là vọng tưởng. Nếu tương ứng thì là “*thô kiến*”, [tức là] thấy thế giới Cực Lạc [ở mức độ thô thiền]. Phải phân biệt rõ ràng chuyện này, chớ nên coi ma cảnh như Phật cảnh. Do đó, đối với người học Phật chúng ta, kinh điển có hai cách sử dụng:

1) Cách sử dụng thứ nhất là dạy chúng ta phương pháp tu hành. Chúng ta cũng chẳng biết tu như thế nào thì trong kinh điển có lý luận, có phương pháp, có cảnh giới, dạy cho chúng ta [những điều ấy].

2) Cách sử dụng thứ hai là khi chúng ta tu đến một cảnh giới kha khá, nó sẽ chứng minh cho chúng ta. Đến khi chúng ta tu thành tựu, phải đối chiếu cảnh giới chúng ta đã thấy với kinh điển, để coi là giống nhau hay sai khác. Ví như chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới thì chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới có giống như kinh đã nói hay không? Nếu hoàn toàn giống hệt, đó là thấy thế giới Tây Phương chân thật. Nếu chẳng giống, vậy là không đúng rồi, giả mất rồi! Điều này rất quan trọng. Kinh luận thường nói “*Phật Phật đạo đồng*”, hết thấy chư Phật chắc chắn phải nói các kinh giống như nhau. Chỗ có thể bất đồng là ngôn ngữ, có thể nói là cũng có đôi chút bất đồng về phương diện đó, nhưng chắc chắn là nội dung giảng nói phải giống nhau. Vì sao? Đó là cảnh giới do chư Phật đích thân chứng đắc, há có lẽ nào chẳng giống nhau?

Đối với những chỗ giống như thế này chúng ta phải lưu ý hơn. Trong thế giới hiện thời, giả Phật quá nhiều! Kinh điển nguy tạo cũng rất nhiều, rất dễ bị lừa gạt. Kẻ gặp ma sự quá đông, gần như mỗi tuần đều có mấy người đến kiếm tôi. Nói thật ra, bị ma dựa, đến kiếm tôi, tôi chẳng có cách nào hết. Tôi chẳng có thần thông, tôi chẳng cùng quỷ thần qua lại. Bị ma dựa, phải tìm đến những người có qua lại với quỷ thần, có lẽ họ cũng có cách điều giải cho quý vị. Nhưng điều giải cũng có hạn độ, cũng tùy thuộc vào duyên phận. Vì thế, tôi khuyên các đồng tu hãy thật thà, chân thật niệm Phật, càng ít qua lại với quỷ thần càng hay. Vì sao? Chúng ta là phàm phu, chớ nên chèo kéo họ. Đối với quỷ thần, tục ngữ có câu: “*Thỉnh thần dung dị, tống thần nan*”. [Ý nói] quý vị tìm tới họ rất dễ dàng, sau đó, quý vị làm thế nào để tiễn họ đi? Chuyện này rất phiền phức! Nếu họ không đi, sẽ đem lại cho quý vị lắm nỗi phiền phức. Vì thế, tốt nhất là giao du với quỷ thần càng ít càng hay. Chúng ta chẳng mong qua lại với họ, họ cũng chẳng tìm đến chúng ta. Chúng ta ham thần thông, thích cúng dường quỷ thần, thích lui tới

với họ, họ cảm thấy quý vị cũng được lắm, chúng ta là bạn tốt với nhau, kết thành bằng hữu! Phải chú ý điều này!

Niệm chú, trong chú có nhiều danh hiệu quý thần, quý vị niệm chú [tức là triệu thỉnh] họ đến, sau đó niệm như thế nào để tiễn họ đi? Quý vị muốn niệm chú Lăng Nghiêm, niệm chú Đại Bi, chú ngữ thật sự là mấy câu cuối cùng, từ chữ “*đạt diệt tha*” (tadyathā)⁶⁰ trở đi là chú ngữ, [chú ngữ thật sự chỉ có] mấy câu ấy. Những câu trước đó đều là danh hiệu quý thần, gọi từng người trong bọn họ đến, đã gọi đến rồi chẳng thể tiễn họ đi trọn vẹn, sẽ rất phiền phức. Thời cổ, những bậc đại đức thật sự có đạo hạnh, hằng ngày dùng chú ngữ để thí thực, cúng dường quý thần, thật sự đạt được lợi ích. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, chẳng có đạo hạnh, học bài chú ấy, thỉnh vờ quý thần đến. Quý thần thấy quý vị chẳng có đạo đức, cũng chẳng có tu trì chi hết, bèn coi thường quý vị. Coi thường quý vị thì quý thần tốt sẽ bỏ đi rồi thôi, không đếm xỉa tới quý vị; quý thần xấu có khi bắt nạt quý vị, rắc rối to! Quý vị chẳng dây dưa với họ, họ chẳng tìm đến quý vị. Quý vị chèo kéo họ, họ sẽ tìm đến kiếm chuyện với quý vị. Nay trong thế gian này, tại Trung Quốc và ngoại quốc, chúng ta thấy [những tình cảnh như vậy] quá nhiều! Vì thế, tôi mong các đồng tu hãy thấy chuyện này, chớ nên giới thiệu họ đến gặp tôi, tôi chẳng có cách nào cả! Hiện thời như tôi biết, trước kia, dường như pháp sư Quảng Khâm còn có chút thần thông, mọi người đều biết. Nay tôi biết ở Đài Nam có pháp sư Khai Tâm, Ngài có thể thấy được đôi chút, có chút cảm ứng. Pháp sư Khai Tâm và tôi cũng rất thân thiết. Hễ tôi gặp nghi nan, tạp chứng nào, chẳng có cách gì, thầy đều giới thiệu họ đến gặp Ngài. Nói thật ra, Ngài cũng chẳng thể trách tôi! Lần trước tôi gặp Ngài, Ngài tặng người khác danh thiếp. Tôi nói: “Pháp sư à! Xin thầy cho tôi một tấm danh thiếp”. Ngài tặng tôi cả hộp. Vì thế, hiện thời tôi có một hộp danh thiếp, hễ ai có nghi nan tạp chứng, tôi sẽ đưa cho họ một tấm danh thiếp, bảo họ đến tìm Ngài.

Đây là trong quán tưởng có chánh quán và tà quán, chớ nên không lưu ý. Do vậy, học Phật thì phải chân thành, y giáo phụng hành, đừng cầu thần thông, cũng đừng cầu cảm ứng, như vậy thì quý vị sẽ tâm chánh, hạnh chánh, quý thần chẳng dám trêu vào quý vị. Nhất là một người thật sự niệm Phật, chư Phật hộ niệm, long thiên hộ trì, các quý thần thuộc tà môn ngoại đạo về căn bản là đều chẳng dám tiếp cận quý vị, thật đấy, chẳng giả tí nào! Chẳng dám tiếp cận, lấy đâu ra chuyện ma dựa? Do đó, người niệm Phật bị ma dựa, đúng là oan uổng, chắc chắn chẳng phải là người thật sự niệm Phật, người thật sự niệm Phật sẽ không thể bị ma dựa. Dễ bị ma dựa nhất là học Mật và học Thiên, vì trong Thiên Định, hoặc trong Định, họ có thể thấy quý thần. Trong chú ngữ của Mật Tông phần nhiều đều là danh tự của quý thần, nên họ và quý thần khá gần gũi, qua lại

⁶⁰ Tadyathā (thường dịch là “*tác như thị thuyết*”, nghĩa là “nói như thế này”). Trong mật chú, chữ này thường được dùng để mở đầu phần chú ngữ. Trước chữ này thường là những lời xưng tán danh hiệu, hoặc quy kính. Thí dụ như câu cuối trong Tâm Kinh là “*Prajñāpāramitāyām ukto mantrah tadyathā: Gate, gate, pāragate, pārasaṃgate, bodhi svāhā*”, nên ngài Huyền Trang dịch là “*Có thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết: Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề tát bà ha*”.

khá mật thiết, nên dễ chuốc lấy phiền phức. Tịnh Tông niệm Phật, nói theo lý, chẳng thể nào có những chuyện ấy phát sanh.

Đoạn kế tiếp nói tới lợi ích do tu Quán, hãy xem kinh văn trong trang một trăm chín mươi mốt:

Tác thị quán giả, trừ vô lượng ức kiếp sanh tử chi tội, ư hiện thân trung đắc Niệm Phật tam-muội.

作是觀者。除無量億劫生死之罪。於現身中。得念佛三昧。

。

(Người quán pháp này, trừ tội trong vô lượng ức kiếp sanh tử, nơi thân hiện tại, đắc Niệm Phật tam-muội).

Nếu quán tưởng thành tựu, hiện tiền quý vị đắc Niệm Phật tam-muội. Kinh Di Đà gọi Niệm Phật tam-muội là nhất tâm bất loạn, có thể đạt được.

Phép Quán tiếp theo là một đoạn chánh yếu nhất trong kinh này, tức là quán Vô Lượng Thọ Phật. Tựa đề của bản kinh này là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Quán Vô Lượng Thọ Phật là phép Quán thứ chín.

Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: Thử tướng thành dĩ.

佛告阿難及韋提希。此想成已。

(Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Phép quán tưởng này đã thành”).

Phần trước là Thánh Tượng Quán, là quán tượng Tam Thánh. Quán đã thành, bèn tiến hơn nữa là quán Vô Lượng Thọ Phật.

Thử đương cánh quán Vô Lượng Thọ Phật thân tướng, quang minh.

次當更觀無量壽佛身相光明。

(Kế đó hãy nên quán thân tướng và quang minh của Vô Lượng Thọ Phật).

Phép Quán này khá vi tế.

A Nan! Đương tri Vô Lượng Thọ Phật thân, như bách thiên ức vạn Dạ Ma Thiên Diêm Phù Đà kim sắc.

阿難。當知無量壽佛身。如百千億萬夜摩天閻浮檀金色。

(A Nan! Hãy nên biết thân Vô Lượng Thọ Phật có màu như vàng Diêm Phù Đà trong trăm ngàn ức vạn cung trời Dạ Ma).

Thân tướng đức Phật là kim sắc. Kinh nói “kim sắc” là dùng màu sắc tương tự như vàng ròng trong thế gian chúng ta mà thôi. Thật sự nói tới kim sắc trong Tây Phương thì chẳng biết siêu thắng (vượt trội thù thắng) hơn vàng trong cõi này bao nhiêu lần, vàng của chúng ta chẳng thể sánh bằng vàng trong cõi đó.

Nhưng trong thế gian này, lại chẳng thấy có màu nào đẹp hơn sắc vàng, nên bắt đấng dĩ dùng nó để tỷ dụ. Do vậy, ở nơi đây chẳng phải là nói tới kim sắc của người thế gian, mà nói đến sắc vàng Diêm Phù Đà trong cung trời Dạ Ma.

Phật thân cao lục thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần.

佛身高六十萬億那由他恆河沙由旬。

(Thân Phật cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần).

Thân Phật cao vời.

Mi gian bạch hào, hữu toàn uyển chuyển, như ngũ Tu Di sơn.

眉間白毫。右旋宛轉。如五須彌山。

(Bạch hào giữa hai mày uyển chuyển xoay về bên phải, to như năm quả núi Tu Di).

Trong bài kệ tán Phật có đoạn: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trừng thanh tứ đại hải*”, xuất phát từ đoạn kinh văn này, bạch hào uyển chuyển to như năm quả núi Tu Di.

Phật nhãn như tứ đại hải thủy, thanh bạch phân minh.

佛眼如四大海水。青白分明。

(Mắt Phật như nước bốn biển cả, xanh trắng phân minh).

Thân tướng của đức Phật, tướng hảo, quang minh, nói thật ra là vô lượng vô biên. Kinh chỉ nêu đại lược hai thứ là tướng bạch hào và mắt Phật, nêu lên hai thứ ấy.

Thân chư mao khổng, diễn xuất quang minh, như Tu Di sơn. Bỉ Phật viên quang, như bách ức tam thiên đại thiên thế giới.

身諸毛孔。演出光明。如須彌山。彼佛圓光。如百億三千大千世界。

(Các lỗ chân lông trên thân, diễn xuất quang minh như núi Tu Di. Viên quang của đức Phật ấy như trăm ức tam thiên đại thiên thế giới).

Lỗ chân lông trên thân đức Phật tỏa quang minh, [đó gọi là] “*diễn xuất quang minh*”, giống như núi Tu Di. Viên quang của đức Phật, ở đây là nói tới vàng hào quang tròn quanh đầu, lớn cỡ nào? Trăm ức tam thiên đại thiên thế giới.

Ư viên quang trung, hữu bách vạn ức na-do-tha Hằng hà sa hóa Phật.

於圓光中。有百萬億那由他恆河沙化佛。

(Trong viên quang có trăm vạn ức na-do-tha Hằng hà sa hóa Phật).

“Quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên”, toàn bộ kệ tán Phật đều phát xuất từ đoạn kinh văn này.

Nhất nhất hóa Phật, diệc hữu chúng đa vô số hóa Bồ Tát dĩ vi thị giả. Vô Lượng Thọ Phật hữu bát vạn tứ thiên tướng. Nhất nhất tướng trung, các hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo. Nhất nhất hảo trung, phục hữu bát vạn tứ thiên quang minh. Nhất nhất quang minh, biến chiếu thập phương thế giới niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả.

一一化佛。亦有眾多無數化菩薩以為侍者。無量壽佛有八萬四千相。一一相中。各有八萬四千隨形好。一一好中。復有八萬四千光明。一一光明，遍照十方世界念佛眾生。攝取不捨。

(Mỗi vị hóa Phật cũng có đông đảo vô số hóa Bồ Tát làm thị giả. Vô Lượng Thọ Phật có tám vạn bốn ngàn tướng, trong mỗi một tướng đều có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Trong mỗi một hảo, lại có tám vạn bốn ngàn quang minh. Mỗi một quang minh chiếu khắp chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới nhiếp thủ chẳng bỏ).

Do đó, người niệm Phật trong mười phương thế giới dầu nhiều đến mấy, khi vãng sanh Tây Phương thế giới, A Di Đà Phật tuyệt đối chẳng bỏ sót, chẳng quên khuấy quý vị, chẳng có chuyện ấy. Quý vị nghĩ xem: A Di Đà Phật hóa thân vô lượng, vô biên, chúng sanh ở nơi này khởi tâm động niệm, Ngài đều biết, chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, làm sao Ngài quên khuấy được? Chẳng có lẽ ấy! Phàm phu chúng ta khi làm việc, có lúc rất dễ quên bằng chuyện gì đó. Chuyện ngày hôm qua, hôm nay quên tuốt, đó là chuyện thường có. Chư Phật, Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tâm địa thanh tịnh, trí huệ, thần thông rộng lớn vô biên, phàm phu chúng ta vừa dấy lên tạp niệm các Ngài đều biết. Vì thế nói sẽ vãng sanh khi nào, các Ngài cũng đều biết, tới lúc đó, sẽ tự nhiên đến tiếp dẫn quý vị. Đó là thân tướng của A Di Đà Phật.

Sau phần này, có một đoạn chú giải hay lắm, hãy xem hàng cuối cùng trong trang một trăm chín mươi bốn, chúng ta xem từ đó: “**Nhất nhất hạ**” (Từ câu “mỗi mỗi” trở đi), “**nhất nhất**” chính là câu “**nhất nhất quang minh, biến chiếu thập phương thế giới niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả**”, “**quang minh nhiếp sanh**” ([A Di Đà Phật] dùng quang minh nhiếp thọ chúng sanh). Trong phần Sao, tôn giả Tứ Minh đã giảng: “**Sanh Phật Thế đông, tuy độ quảng, sanh đa**” (Chúng sanh và Phật có cùng một Thế, tuy cõi nước rộng lớn, chúng sanh đông đảo). “**Độ**” là quốc độ. Mười phương chư Phật quốc độ vô lượng vô biên, ý nói phạm vi giáo hóa của A Di Đà Phật to lớn, hết thảy chư Phật chẳng thể sánh bằng. Trong kinh đức Phật dạy, thông thường phạm vi giáo hóa của một đức Phật là một đại thiên thế giới, cũng có vị Phật có phạm vi giáo hóa là hai đại thiên thế giới, hoặc ba đại thiên thế giới, nhưng cũng chẳng nhiều. Chỉ riêng phạm vi giáo hóa của A Di Đà Phật là tận hư không khắp pháp giới. Vì chúng sanh niệm Phật trong hết

thầy các cõi nước của chư Phật đều sanh về thế giới Tây Phương, phải hiểu rõ chuyện này! Sau khi đã hiểu rõ, chúng ta mới hiểu một sự thật, thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật giống như một đại học Phật giáo, A Di Đà Phật là hiệu trưởng, mở một trường đại học Phật giáo trong các cõi Phật. Mười phương chư Phật đều chiêu sinh bên ngoài, thay A Di Đà Phật chiêu sinh, đối với những học trò đã đầu được, đều đưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thích Ca Mâu Ni Phật chiêu sinh trong thế giới Sa Bà, đưa [học trò] sang huấn luyện trong thế giới Tây Phương. Mới biết chân tướng của chuyện này, mới biết pháp môn này rộng lớn vô biên. Chẳng biết trạng huống thực tế, vô lượng vô biên pháp môn bày ra trước mặt mà chúng ta không biết cách chọn lựa, pháp môn nhiều ngàn ấy, ta chọn pháp môn nào? Đã hiểu rõ ràng chân tướng, đương nhiên chúng ta sẽ chọn lựa pháp môn này. Đã thế, pháp môn này vãng sanh rất dễ dàng, cũng chẳng khó khăn! Các pháp môn khác chưa chắc đã có thể thành tựu, pháp môn này chắc chắn đáng tin cậy. Vì thế, tuy là cõi nước rộng lớn, trong hết thầy các cõi Phật khắp mười phương, ba đời, chúng sanh đông đảo, nhiều người niệm Phật vãng sanh, đều được “*niếp vô nhất thất*” (niếp thủ chẳng sót một ai), một người cũng chẳng bỏ sót. Khi lâm chung, đức Phật đến tiếp dẫn cũng chẳng bỏ sót một ai!

Câu này là hàng thứ nhất trong trang một trăm chín mươi lăm, chính là chú giải, chẳng nên in theo lối đánh cách, kinh văn mới in đánh cách, ở chỗ này lại in sai. Bản này phạm lỗi không ít, chẳng sửa đổi thì rất đáng tiếc. Chúng ta in lại hãy nên sửa đổi cho tốt đẹp hơn. Cũng may lần này, in không nhiều lắm. Khi chúng ta in lần tới, hy vọng [các lỗi ấy] sẽ được sửa đổi. Trong các khóa giảng thì giảng bằng bản này vẫn tốt đẹp, bản này tinh yếu! Do chúng ta bị thời gian hạn chế, nên giảng bản này thuận tiện hơn giảng Diệu Tông Sao rất nhiều, bản Diễn Nghĩa này là phần tinh yếu trong Diệu Tông Sao.

Khoa kế tiếp là Quán Thành Năng Kiến (quán thành tựu bèn có thể thấy).

Kỳ quang, tướng hảo, cập dĩ hóa Phật bất khả cụ thuyết.

其光相好。及與化佛。不可具說。

(Quang minh, tướng hảo ấy và các hóa Phật chẳng thể nói trọn).

Nếu nói chi tiết, sẽ chẳng nói trọn.

Đản đương ức tưởng, linh tâm nhãn kiến.

但當憶想。令心眼見。

(Chỉ nên ức tưởng hòng thấy rành rẽ trong tâm).

Dạy chúng ta tưởng như thế nào? Thấy cảnh giới ấy ra sao?

Kiến thử sự giả, tức kiến thập phương nhất thiết chư Phật. Dĩ kiến chư Phật cố, danh Niệm Phật tam-muội.

見此事者。即見十方一切諸佛。以見諸佛故。名念佛三昧

。

(Kể thấy chuyện này liền thấy mười phương hết thấy chư Phật. Do thấy chư Phật, nên gọi là Niệm Phật tam-muội).

Niệm Phật tam-muội thành tựu viên mãn. Đây là do chính miệng đức Thế Tôn tuyên thuyết: Thấy A Di Đà Phật là thấy mười phương hết thấy chư Phật. Do đó, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới là sanh trong hết thấy các thế giới của chư Phật, chớ nên không biết chuyện này. Có nhiều người học Phật, mong thấy đức Phật này, mong thân cận Bồ Tát kia, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, có thể thấy hay không? Thật sự là một vấn đề! Tôi thấy có các đồng tham đạo hữu, có cảm tình rất sâu đậm đối với Di Lạc Bồ Tát, luôn nhất tâm nhất ý niệm Nam-mô Di Lạc Bồ Tát, niệm Di Lạc Hạ Sanh Kinh⁶¹, mong thân cận Di Lạc Bồ Tát, tu Di Lạc Tịnh Độ. Có nắm chắc sẽ sanh về đó hay không? Rất có vấn đề! Quý vị xem Hư Vân Lão Hòa Thượng Niên Phổ, lão hòa thượng Hư Vân tu Di Lạc Tịnh Độ, vãng sanh Di Lạc Tịnh Độ. Theo ghi chép trong Niên Phổ của lão hòa thượng, Ngài tới Đâu Suất Nội Viện nghe Di Lạc Bồ Tát giảng kinh, Ngài ở trong Định, thấy mấy người vãng sanh, nhận biết mấy người, chẳng nhiều lắm, chỉ thấy mấy người quen mà thôi! Có thể thấy [vãng sanh Di Lạc Tịnh Độ] rất khó, rất ư là khó!

Nhưng nếu tu niệm pháp môn Di Đà, đến gặp Di Lạc Bồ Tát rất dễ dàng. Ngài Di Lạc và Tịnh Độ có mối quan hệ hết sức sâu đậm: Nửa sau kinh Vô Lượng Thọ, Di Lạc Bồ Tát là đương cơ. Vì thế, vãng sanh Di Lạc Nội Viện từ Tây Phương Cực Lạc thế giới là đi theo đường gần, chẳng cần chuốc lấy lắm nỗi phiền phức dường ấy, thân cận Di Lạc Bồ Tát rất dễ dàng. Đã thế, Di Lạc Bồ Tát còn hết sức tôn trọng quý vị. Vì sao? Quý vị là học trò của A Di Đà Phật, Ngài phải đặc biệt tôn trọng quý vị. Quý vị tu Di Lạc Tịnh Độ đến được Nội Viện, tức là học trò của Ngài, Ngài có thể chẳng cần khách sáo đối với quý vị. Đệ tử của A Di Đà Phật là khách quý, phải khéo tiếp đãi, khác hẳn!

Tác thị quán giả, danh quán nhất thiết Phật thân. Dĩ quán Phật thân cố, diệc kiến Phật tâm. Phật tâm giả, đại từ bi thị. Dĩ vô duyên từ, nhiếp chư chúng sanh.

作是觀者。名觀一切佛身。以觀佛身故。亦見佛心。佛心者。大慈悲是。以無緣慈。攝諸眾生。

⁶¹ Phật Thuyết Di Lạc Hạ Sanh Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn, chép lời dự ngôn của đức Phật về sự giảng sanh thành Phật của Di Lạc Bồ Tát trong tương lai. Theo đó, Di Lạc Bồ Tát từ trời Đâu Suất giảng sanh nhân gian, làm con của ông Tu Phạm Ma (đại thần của vua Nhương Khư) và bà Phạm Ma Việt. Ngài xuất gia trong nửa đêm và thành đạo ngay trong đêm ấy dưới cội Long Hoa, tam chuyển pháp luân.

(Hành phép Quán này thì gọi là quán thân của hết thầy chư Phật. Do quán thân Phật, nên cũng thấy tâm Phật. Tâm Phật là đại từ bi. Dùng vô duyên từ nhiếp các chúng sanh).

Câu sau cùng là một câu khấn yếu. Rất khó quán thân Phật thành công, ở đây, chúng ta biết “tâm Phật”. Tâm Phật là gì? Tâm Phật là vô duyên đại từ. Vô Duyên là chẳng có điều kiện; nói cách khác, từ thanh tịnh, bình đẳng, giác sanh ra tâm từ bi. Nếu nói theo cách thông tục, tâm từ bi là tâm yêu thương. Hai chữ Bác Ái cũng phát xuất từ kinh Vô Lượng Thọ. Đó là vô duyên từ bi, “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*”, chúng ta phải vun bồi cái tâm ấy. Tâm đại từ bi đối đãi chúng sanh nhằm thành tựu chúng sanh, thật sự giúp đỡ, thành tựu họ. Tâm đại từ bi chẳng phải là yêu thương thiên vị, chẳng phải là sủng ái mù quáng, khi đáng máng chửi thì vẫn phải máng chửi, đáng đánh thì vẫn phải đánh. Khi đáng nên tống vào địa ngục thì vẫn phải đưa kẻ ấy đến địa ngục. Phải biết: Lợi lạc họ trong hiện thời, nhưng đời sau họ chẳng được lợi ích, đó chẳng phải là từ bi. Đời này, đời sau họ đều được tốt lành, có lợi ích, nhưng đời sau nữa chẳng đạt được lợi ích thì vẫn chưa phải là từ bi. Do vậy có thể biết, thật sự từ bi, từ bi đến tột cùng, chính là khuyên họ vãng sanh Tây Phương thế giới, đó đúng là từ bi đến cùng cực! Vì sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, thành Phật trong một đời. Do đó, chẳng khác gì công đức hóa độ chúng sanh của chư Phật, Bồ Tát. Quý vị dùng các pháp môn khác thì không được, chưa chắc họ đã có thể thành tựu, tu chẳng thành thì vẫn luân hồi trong lục đạo. Do đó, lợi ích hữu hạn, công đức rất ít. Chỉ riêng pháp môn này có vô lượng vô biên công đức. Đoạn kế tiếp là Cử Ích Khuyên Tu (nêu ra lợi ích để khuyên tu), chúng ta hãy xem kinh văn:

Tác thử quán giả, xả thân tha thế, sanh chư Phật tiền, đắc Vô Sanh Nhân.

作此觀者。捨身他世。生諸佛前。得無生忍。

(Kể hành phép Quán này, bỏ thân, trong đời sau, sanh ở trước Phật, đắc Vô Sanh Nhân).

Đây là nói đến công đức lợi ích do tu học. Sau khi bỏ thân, đời sau sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn đắc Vô Sanh Nhân, cũng tương ứng với những điều được nói trong bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ. Phạm là người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Bộ Bát Trí Bồ Tát. A Bộ Bát Trí đắc Vô Sanh Nhân, từ Thất Địa trở lên.

Thị cố trí giả, ưng dương hệ tâm đế quán Vô Lượng Thọ Phật.

是故智者。應當繫心諦觀無量壽佛。

(Vì thế, kẻ có trí hãy nên dốc lòng chuyên tâm quán kỹ Vô Lượng Thọ Phật).

Qua câu này, Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật rất miệng buốt lòng khuyên bảo chúng ta. “*Trí giả*” (Bậc trí) là nếu quý vị có chút trí huệ, sẽ chẳng thể vứt bỏ pháp môn này, “*ung đương*” (hãy nên) là khuyên chúng ta “*hệ tâm đế quán*”. Đó là phương pháp tu học, hệ tâm đế quán Vô Lượng Thọ Phật, tức là A Di Đà Phật. Nay chúng ta quán, do chẳng có năng lực để quán như vậy, bèn chấp trì danh hiệu, nhất tâm hệ niệm, xưng niệm A Di Đà Phật, sẽ chẳng khác phương pháp tu quán A Di Đà Phật. Hễ thành tựu thì công đức hoàn toàn giống nhau. Vì thế, trong lời mi chú kinh Vô Lượng Thọ, thầy Lý đã viết: “*Chẳng chịu cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nếu chẳng phải ngu thì là cuồng*”, “*ngu*” là ngu si. Nếu chẳng phải là ngu si, bèn là cuồng vọng. Nói cách khác, kẻ bình phàm, hễ là người có đôi chút trí huệ, chẳng có ai không phát nguyện cầu sanh Tây Phương. Thầy Lý nói lời ấy, so với lời kinh dạy, và lời tổ sư đại đức xưa nay khuyên lơn, khích lệ chúng ta hoàn toàn giống hệt như nhau.

Cụ đọc đến đoạn kinh về nhóm năm trăm người của vương tử A Xà Thế, đã nêu ra ba điều cảnh giác:

1) Điều thứ nhất, quý vị hãy nhìn vào nhân quả trong quá khứ của nhóm vương tử A Xà Thế. “*Trụ Bồ Tát đạo, cúng dường bốn trăm ức Phật*”, mà còn bị mê khi cách ăm, vẫn thoái chuyển. “*Trụ Bồ Tát đạo*”, có thể thấy trước kia họ là Bồ Tát, nay phải làm vương tử, hoặc làm trưởng giả, đã thoái chuyển rồi. Chuyện trong đời quá khứ hoàn toàn không biết, do bị mê khi cách ăm. Đã cúng dường bốn trăm ức Phật mà còn bị mê khi cách ăm, vẫn phải thoái chuyển. Thiệt căn vẫn ít ỏi, vẫn chưa đủ đầy. Chỉ là nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng Tây Phương Cực Lạc thế giới trong tâm rất hoan hỷ, động một niệm: “*Trong tương lai ta thành Phật, sẽ giống như A Di Đà Phật*”. Chỉ dấy một niệm như thế. Trọn chẳng hạ thật sự quyết tâm “*đời này ta phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới*”, vẫn chẳng dấy niệm ấy. Vì thế, họ có thể vãng sanh hay không, vẫn chẳng nhất định. Đó là điều đáng cảnh giác thứ nhất.

2) Điều thứ hai, tuy đã có cái nhân ấy, nếu duyên chẳng chín muồi, đời này lại chẳng thể thật sự cầu sanh. Nói cách khác, vẫn phải lưu chuyển theo nghiệp, phải nếm trải một thời gian rất dài trong lục đạo, vẫn phải hứng chịu khổ nạn.

3) Do đó, điều thứ ba, cụ nói, nêu chẳng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, đó chẳng phải là ngu bèn là cuồng!

Thật vậy, chẳng giả tí nào! Câu kinh văn này vô cùng trọng yếu.

Quán Vô Lượng Thọ Phật giả, từng nhất tướng hảo nhập, dẫn quán mi gian bạch hào, cực linh minh liễu. Kiến gian mi bạch hào tướng giả, bát vạn tứ thiên tướng hảo, tự nhiên đương hiện.

觀無量壽佛者。從一相好入。但觀眉間白毫。極令明了。
見眉間白毫相者。八萬四千相好。自然當現。

(Quán Vô Lượng Thọ Phật thì bắt đầu bằng quán một tướng hảo. Chỉ quán tướng bạch hào giữa hai mày hết sức rành rẽ. Đã thấy tướng bạch hào giữa hai mày thì tám vạn bốn ngàn tướng hảo sẽ tự nhiên hiện ra).

Dạy chúng ta cách quán. Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Trong mỗi hảo có vô lượng quang minh. Trong quang minh lại hóa ra vô lượng vô biên chư Phật, bắt đầu quán từ đâu? Quán từ Bạch Hào, quán từ một tướng. Quán một tướng đã thành, các tướng khác tự nhiên sẽ hiện tiền.

Kiến Vô Lượng Thọ Phật giả, tức kiến thập phương vô lượng chư Phật. Đắc kiến vô lượng chư Phật cố, chư Phật hiện tại thọ ký. Thị vi biến quán nhất thiết sắc thân tướng, danh đệ cửu quán. Tác thị quán giả, danh vi chánh quán. Nhược tha quán giả, danh vi tà quán.

見無量壽佛者。即見十方無量諸佛。得見無量諸佛故。諸佛現在授記。是為徧觀一切色身相。名第九觀。作是觀者。名為正觀。若他觀者。名為邪觀。

(Thấy Vô Lượng Thọ Phật chính là thấy mười phương vô lượng chư Phật. Do được thấy vô lượng chư Phật, nên chư Phật hiện tại thọ ký. Đó là quán trọn khắp hết thấy các tướng sắc thân, gọi là phép Quán thứ chín. Quán như thế là chánh quán. Nếu quán khác đi, sẽ là tà quán).

Cần phân biệt tà và chánh. Thấy một vị Phật là thấy hết thấy chư Phật, sanh trong một cõi là sanh vào hết thấy các cõi, chỉ có pháp môn này!

A! Chúng tôi giảng tới đây.

Tập 25

Xin mở kinh bốn, trang một trăm chín mươi tám, xem dòng thứ tư từ dưới đếm lên. Hãy xem kinh văn. Đây là phép Quán thứ mười trong mười sáu phép Quán, quán Quán Thế Âm Bồ Tát:

Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Kiến Vô Lượng Thọ Phật liễu liễu phân minh dĩ.

佛告阿難及韋提希。見無量壽佛了了分明已。

(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Đã thấy Vô Lượng Thọ Phật rành rẽ, phân minh xong).

Tổng kết phép Quán trong phần trước; sau khi đã quán A Di Đà Phật thành tựu.

Thứ phục ưng quán Quán Thế Âm Bồ Tát. Thử Bồ Tát thân trường thập bát vạn ức na-do-tha do-tuần.

次復應觀觀世音菩薩。此菩薩身長十八萬億那由他由旬。

(Kể đó, lại nên quán Quán Thế Âm Bồ Tát. Vị Bồ Tát này thân cao mười tám vạn ức na-do-tha do-tuần).

Trong chú giải có giảng về “mười tám vạn ức”⁶².

Thân tử kim sắc, đỉnh hữu nhục kế, hạng hữu viên quang, diện các bách thiên do-tuần. Kỳ viên quang trung, hữu ngũ bách hóa Phật, như Thích Ca Mâu Ni, nhất nhất hóa Phật, hữu ngũ bách hóa Bồ Tát, vô lượng chư thiên, dĩ vi thị giả.

身紫金色。頂有肉髻。項有圓光。面各百千由旬。其圓光中。有五百化佛。如釋迦牟尼。一一化佛。有五百化菩薩。無量諸天。以為侍者。

(Thân màu vàng tía, đỉnh đầu có nhục kế. Cổ có viên quang, mỗi phía chiếu xa đến trăm ngàn do-tuần. Trong viên quang ấy, có năm trăm hóa Phật như Thích Ca Mâu Ni Phật. Mỗi vị hóa Phật có năm trăm hóa Bồ Tát, vô lượng chư thiên để làm thị giả).

⁶² Do chánh kinh thường ghi là “thử Bồ Tát thân trường thập bát vạn ức na-do-tha do-tuần”, nên trong chú giải, pháp sư Đề Nhân đã viết: “Lời Sao như sau: ‘Tám mươi vạn ức phải là mười tám vạn ức. Nay nói tám mươi tức là vượt trời thân Phật, nên biết là sai’. Hỏi: Phật Thích Ca cao một trượng sáu, thân người đời tám thước, thân vị Phật kia (A Di Đà Phật) là sáu mươi vạn ức, Quán Âm cao mười tám vạn ức, sao lại quá thấp? Đáp: Thắng Ứng Thân trong cõi Tịnh Độ chẳng thể so sánh theo ướ độ được, há chẳng thấy thân của ngài Diệu Âm trong kinh Pháp Hoa ư? Ngài Diệu Âm chỉ cao bốn vạn hai ngàn, mà thân Phật là sáu trăm tám mươi vạn, Phật cách biệt Bồ Tát nhiều chừng ấy”.

Bồ Tát và Phật cũng hết sức tương tự, trong quang minh cũng có hóa Phật và hóa Bồ Tát.

Cử thân quang trung, ngũ đạo chúng sanh nhất thiết sắc tướng, giai w trung hiện.

舉身光中。五道眾生一切色相。皆於中現。

(Trong quang minh khắp thân Ngài, hết thấy sắc tướng của chúng sanh trong năm đường⁶³ đều hiện bóng trong ấy).

Không chỉ là trong quang minh hiện tướng chư Phật, Bồ Tát, mà cũng đồng thời hiện tướng lục đạo chúng sanh.

Đảnh thượng Tỳ Lăng Già ma-ni bảo dĩ vi thiên quan. Kỳ thiên quan trung, hữu nhất lập hóa Phật, cao nhị thập ngũ do-tuần.

頂上毘楞伽摩尼寶以為天冠。其天冠中。有一立化佛。高二十五由旬。

(Trên đỉnh đầu, báu Tỳ Lăng Già ma-ni dùng làm mũ trời. Trong mũ trời ấy, có một vị hóa Phật đứng, cao hai mươi lăm do-tuần).

Đây là nói mũ của Bồ Tát, giữa mũ có một tượng Phật. Tượng Phật ấy là tượng đứng, là tượng Phật đứng.

Quán Thế Âm Bồ Tát, diện như Diêm Phù Đà kim sắc, mi gian hào tướng, bị thất bảo sắc, lưu xuất bát vạn tứ thiên chủng quang minh. Nhất nhất quang minh, hữu vô lượng vô số bách thiên hóa Phật. Nhất nhất hóa Phật, vô số hóa Bồ Tát dĩ vi thị giả, biến hiện tự tại, mãn thập phương thế giới.

觀世音菩薩。面如閻浮檀金色。眉間毫相。備七寶色。流出八萬四千種光明。一一光明。有無量無數百千化佛。一一化佛。無數化菩薩以為侍者。變現自在。滿十方世界。

(Sắc mặt Quán Thế Âm Bồ Tát như vàng Diêm Phù Đà, tướng bạch hào giữa hai mày tròn đủ màu của bảy thứ báu, tỏa ra tám vạn bốn ngàn loại quang minh. Mỗi một quang minh có vô lượng vô số trăm ngàn hóa Phật. Mỗi vị hóa Phật có vô số hóa Bồ Tát làm thị giả, biến hiện tự tại, trọn khắp mười phương thế giới).

Trong ba mươi hai tướng của đức Phật có tướng bạch hào, Bồ Tát cũng có tướng bạch hào. Đã thế, tướng bạch hào cũng phóng quang hóa Phật, biến hiện tự tại. Trong đoạn trước đã nói: Hóa Phật nơi thân quang của Phật biến hiện tướng

⁶³ Kinh nói “ngũ đạo” (năm đường) tức là không kể A Tu La, vì trừ địa ngục ra, đường nào cũng có A Tu La, nên gộp chung A Tu La vào bốn đường nhân, thiên, quỷ, súc sanh.

của lục đạo chúng sanh trong mười phương thế giới; ở đây nói đến một tướng trong vô lượng tướng hảo, tức là tướng bạch hào. Nói thật ra, hết thảy các tướng hảo đều phóng quang. Trong quang minh đều có hóa Phật, hóa Bồ Tát trọn khắp mười phương thế giới.

Tý như hồng liên hoa sắc, hữu bát thập ức vi diệu quang minh, dĩ vi anh lạc, kỳ anh lạc trung, phổ hiện nhất thiết chư trang nghiêm sự.

譬如紅蓮華色。有八十億微妙光明。以為瓔珞。其瓔珞中。普現一切諸莊嚴事。

(Cánh tay sắc như hoa sen đỏ, có tám mươi ức quang minh vi diệu để làm anh lạc. Trong anh lạc, hiện khắp hết thảy các sự trang nghiêm).

Những điều nói trên đây đều là chánh báo, đều thuộc về thân thể, hoặc là toàn thể, hoặc là bộ phận. Ở đây nói về y báo, y báo là vật ngoài thân. Anh lạc và y phục đều thuộc về y báo. Đây chính là nói về y báo và chánh báo trang nghiêm.

Thủ chưởng tác ngũ bách ức tạp liên hoa sắc, thủ thập chỉ đoan, nhất nhất chỉ đoan hữu bát vạn tứ thiên hoạch, do như ấn văn. Nhất nhất hoạch hữu bát vạn tứ thiên sắc. Nhất nhất sắc hữu bát vạn tứ thiên quang. Kỳ quang nhu nhuyễn, phổ chiếu nhất thiết. Dĩ thủ bảo thủ, tiếp dẫn chúng sanh.

手掌作五百億雜蓮華色。手十指端。一一指端有八萬四千畫。猶如印文。一一畫有八萬四千色。一一色有八萬四千光。其光柔軟。普照一切。以此寶手。接引眾生。

(Bàn tay có màu như năm trăm ức hoa sen các loại. Mười đầu ngón tay, mỗi đầu ngón tay có tám vạn bốn ngàn đường vân giống như nét khắc trên cái ấn. Mỗi đường vân có tám vạn bốn ngàn màu. Mỗi một màu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng. Quang minh ấy mềm mại, chiếu khắp hết thảy. Dùng tay báu này để tiếp dẫn chúng sanh).

Nay chúng ta gọi những đường vân trong bàn tay là các vân tay. Vân tay của Ngài hết sức vi tế, đồng thời cũng phóng quang, quang minh cũng chiếu khắp hết thảy.

Cử túc thời, túc hạ hữu千輻輪相, tự nhiên hóa thành hữu ngũ bách ức quang minh đài. Hạ túc thời, hữu kim cang ma-ni hoa bố tán nhất thiết, mạc bất di mãn.

舉足時。足下有千輻輪相。自然化成有五百億光明臺。下足時。有金剛摩尼華布散一切。莫不彌滿。

(Khi giở chân, dưới bàn chân có tướng bánh xe ngàn căm, tự nhiên hóa thành năm trăm ức đài quang minh. Lúc đặt chân xuống, có hoa kim cang ma-ni rải khắp hết thảy mọi nơi, không đâu chẳng trọn khắp).

Trong đoạn cuối này, cho biết dưới bàn chân [Bồ Tát] có “*thiên bức luân tướng*”, Luân (bánh xe) là viên mãn, ngàn năm cũng biểu thị sự viên mãn. Tướng hảo nơi ngón chân, từ trong luân tướng, “*thiên bức luân tướng*” là những đường chỉ trong gan bàn chân, cũng phóng quang giống hệt như vậy. Không chỉ tỏa ánh sáng, lại còn giở chân, hạ chân, tự nhiên biến hóa đài sen. “*Kim cang ma-ni hoa*” cũng là hoa sen báu. Do đó nói giở chân, hạ chân là tự nhiên biến hiện, chẳng phải là tác ý, chẳng phải cố ý biến như vậy, mà là tự nhiên biến hiện. Ngài biến hiện đương nhiên đều có lý, đều có lý tồn tại, Lý ấy thuộc về Tánh Đức: Chân Như bản tánh trọn đủ vô lượng vô biên đức năng. Sau khi chứng đắc tự tánh, các hiện tượng ấy hoàn toàn là tự nhiên. Do đó, cổ nhân nói: “*Chẳng đọc Hoa Nghiêm, không biết sự phú quý trong nhà Phật*”, cũng chẳng hiểu chỗ hay của việc thành Phật. Thụ dụng các thứ trang nghiêm trong pháp thế gian là do nhiều đời hoặc do đời này tu phước mà hiện; còn y báo và chánh báo trang nghiêm của chư Phật, Bồ Tát do Tánh Đức biến hiện. Tánh Đức là tự nhiên, vĩnh viễn chẳng có suy kiệt, chẳng giống như Tu Đức. Tu Đức sẽ có lúc hết, Tánh Đức chẳng có hạn lượng, vô cùng, vô tận. Do vậy có thể biết: Phước báo trong Tánh Đức thù thắng hơn Tu Đức quá nhiều. Cầu huệ, cầu phước đều phải cầu từ tự tánh; đó mới là chánh xác.

Chúng ta lại xem đoạn kinh văn kế tiếp, [trong Sớ Sao, khoa mục này được gọi là] “*dữ Phật đồng dị*” (giống và khác với Phật). Hãy xem trang hai trăm lẻ một, dòng thứ ba từ dưới đếm lên.

Kỳ dư thân tướng, chúng hảo cụ túc, như Phật vô dị.

其餘身相。眾好具足。如佛無異。

(*Những thân tướng khác, các tùy hình hảo trọn đủ, giống như Phật, chẳng khác*).

Những tướng hảo khác hoàn toàn giống như A Di Đà Phật.

Duy danh thượng nhục kế, cập Vô Kiến Đảnh tướng, bất cập Thế Tôn.

唯頂上肉髻。及無見頂相。不及世尊。

(*Chỉ có tướng nhục kế và tướng Vô Kiến Đảnh⁶⁴ trên đỉnh đầu chẳng bằng đức Thế Tôn*).

Bồ Tát thị hiện là bậc Đẳng Giác Bồ Tát, còn có một phần sanh tướng vô minh chưa phá. Tuy tướng hảo giống như Phật, nhưng chú tâm quan sát, [sẽ thấy] còn kém một chút, có ý nghĩa này!

⁶⁴ Vô Kiến Đảnh Tướng là tùy hình hảo của Nhục Kế, tất cả trời người chẳng thấy được tướng chót đỉnh của Nhục Kế, nên gọi là Vô Kiến Đảnh. Kinh Quán Phật đã nói: “*Nhục Kế của đức Phật sanh ra vạn ức quang minh, mỗi quang minh lần lượt chiếu đến vô lượng thế giới ở phương trên, chư thiên, người đời, cho đến hàng Thập Địa Bồ Tát cũng chẳng thể thấy được*”.

Thị vi quán Quán Thế Âm Bồ Tát chân thật sắc thân tướng, danh đệ thập quán.

是為觀觀世音菩薩真實色身相。名第十觀。

(Đó là quán tướng sắc thân chân thật của Quán Thế Âm Bồ Tát, gọi là phép Quán thứ mười).

Xin xem phần kinh văn tiếp theo.

Phật cáo A Nan: - Nhược dục quán Quán Thế Âm Bồ Tát giả, đương tác thị quán.

佛告阿難。若欲觀觀世音菩薩者。當作是觀。

(Đức Phật bảo ngài A Nan: “Nếu muốn quán Quán Thế Âm Bồ Tát, hãy nên quán như thế”).

“Đương tác thị quán”: Cách quán hình tượng như đức Phật đã dạy trên đây.

Tác thị quán giả, bất ngộ chư họa.

作是觀者。不遇諸禍。

(Quán như thế, chẳng gặp các họa).

Xa lìa hết thảy các tai nạn bất ngờ. Thường tưởng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, thường xưng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, cũng là nhớ Phật, niệm Phật. Thường có thể ức niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ không gặp hết thảy các tai nạn ngoài ý muốn.

Tịnh trừ nghiệp chướng, trừ vô số kiếp sanh tử chi tội.

淨除業障。除無數劫生死之罪。

(Trừ sạch nghiệp chướng, trừ tội trong vô số kiếp sanh tử).

Đây là nói tới công đức diệt tội do quán tướng. Dưới đây là nói đến chuyện được phước.

Như thử Bồ Tát, dẫn văn kỳ danh, hoạch vô lượng phước, hà huống đệ quán.

如此菩薩。但聞其名。獲無量福。何況諦觀。

(Bồ Tát như thế, chỉ nghe tên Ngài đã được vô lượng phước, huống hồ là quán kỹ lưỡng).

Chúng ta đọc kinh văn là được rồi.

Nhục hữu dục quán Quán Thế Âm Bồ Tát giả, tiên quán danh thượng nhục kế; thứ quán thiên quan. Kỳ dư chúng tướng, diệc thứ đệ quán chi, tất linh minh liễu, như quán chướng trung. Tác thị quán giả, danh vi chánh quán. Nhục tha quán giả, danh vi tà quán.

若有欲觀觀世音菩薩者。先觀頂上肉髻。次觀天冠。其餘眾相。亦次第觀之。悉令明了。如觀掌中。作是觀者。名為正觀。若他觀者。名為邪觀。

(Nếu có ai muốn quán Quán Thế Âm Bồ Tát thì trước hết hãy nên quán nhục kế trên đỉnh đầu, kế đó quán mào trời, và các tướng khác cũng theo thứ tự mà quán sao cho thấy đều rõ rệt như nhìn vào bàn tay. Quán như thế thì gọi là chánh quán. Nếu quán khác đi thì là tà quán).

Trong chú giải có một đoạn mà chúng ta cần xem cẩn thận, xem từ câu thứ hai nơi dòng thứ tư trong trang hai trăm lẻ ba: “*Hành giả quán ư quan, kế, hào, diện, thân sắc, quang minh, nhất nhất tu dụng tâm tác, tâm thị, nhi vi năng quán*” (Hành giả quán tướng mào trời, nhục kế, bạch hào, vẻ mặt, thân sắc, quang minh [của Quán Thế Âm Bồ Tát], đối với mỗi thứ đều nên dùng “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” để quán tướng). Hành giả là người nương theo lý luận và phương pháp này để tu hành, cách tu như thế nào? Quý vị quán mào đội đầu, nhục kế, tướng bạch hào, vẻ mặt, thân sắc, quang minh của Bồ Tát giống như trong kinh đã nói, mỗi thứ đều quán tướng căn kẽ. Quán tướng thì phải khéo dụng tâm. Chẳng khéo dụng tâm sẽ dấy vọng tưởng, đó chẳng phải là quán tướng. Quán tướng và vọng tưởng sai khác nhỏ nhất như vậy, đừng nên ngỡ vọng tưởng là quán tướng, điều này rất trọng yếu. Nói thật ra, rất nhiều kẻ bình phàm ngỡ vọng tưởng là quán tướng; vì thế, tội cũng chẳng thể diệt được, mà phước cũng chẳng thể hiện tiền, đó là do dụng tâm sai lầm. Như thế nào thì mới gọi là khéo dụng tâm? Câu tiếp theo [trong lời Sớ] rất trọng yếu, “*tâm tác, tâm thị*”. Trong phần kinh văn ở đoạn trước đã dạy: “*Tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”, phải dụng tâm như vậy. Quán A Di Đà Phật phải dùng cái tâm ấy, mà quán Quán Thế Âm Bồ Tát cũng phải dùng cái tâm ấy. Tâm này làm Bồ Tát, tâm này là Bồ Tát. Nói thật ra, vì sao có thể diệt tội, trừ chướng, sanh phước? Điều khẩn yếu nhất là ứng dụng lý luận, phương pháp từ việc quán Phật hay quán Bồ Tát vào trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta quan sát hết thấy vạn sự, vạn pháp, lẽ đâu chẳng khai trí huệ? Trí huệ đã khai, lẽ đâu chẳng sanh phước? Phước huệ trọn đủ, há còn có tội nghiệp? Đương nhiên là tiêu tội nghiệp, lý ở chỗ này! Vì thế, phải biết dụng tâm thì mới là thật sự dụng tâm, tuyệt đối chẳng phải là dấy vọng tưởng. Dấy vọng tưởng là lầm lẫn quá ư to lớn!

Đoạn này đã giảng giải ý nghĩa rất rõ ràng; vì thế, đối với mỗi chuyện, đều phải dùng, ắt phải sử dụng, tức là trong mỗi phép Quán đều cần phải dùng “*tâm làm, tâm là*”. “*Tâm là*” chính là cái có thể hiện (năng hiện), duy tâm sở hiện, “*tâm làm*” là duy thức sở biến. Hết thấy các tướng cảnh giới đều do tự tâm hiện, do bản thức biến. Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Chư Phật,

Bồ Tát thấy đều do tự tánh biến hiện, đó gọi là “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”. Di Đà đã là tự tánh, há Quán Âm Bồ Tát lại có bao giờ chẳng phải là tự tánh? Biết chư Phật, Bồ Tát, Tịnh Độ do tự tánh biến hiện, có thứ gì nơi cảnh giới trước mắt chúng ta chẳng phải do tự tánh biến hiện? Quý vị quán sát như vậy, quán lâu ngày, tự nhiên minh tâm kiến tánh, tâm địa mới có thể thật sự đạt đến thanh tịnh, bình đẳng, bất tri bất giác tự nhiên nhập cảnh giới Phật. Dùng nguyên tắc này để quán tượng, “*nhi vi năng quán, thuyết tại tượng tiền, dụng tại thử xứ*” (dùng làm chủ thể để quán, [nguyên tắc đã được nói] trong phần quán tượng [A Di Đà Phật] trên đây được vận dụng vào chỗ này).

Những điều đã nói trong phần quán tượng ở phần trước là huấn luyện, tức là [những điều được nói] trong phần quán Vô Lượng Thọ Phật, [nguyên tắc] “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật*” đã được nói trong đoạn kinh văn dạy về phép quán Vô Lượng Thọ Phật, tức là được nói trong phép Quán thứ chín, nhưng quý vị phải biết sử dụng; hiện thời, đang nói đến phép quán Bồ Tát, quý vị phải biết vận dụng nguyên tắc ấy để quán tượng [Bồ Tát], sau đó mở rộng ra. “*Ký vân tác Phật thị Phật*”, [có nghĩa là] nếu nói “*làm Phật, là Phật*”, “*khởi bất năng tác Quán Âm thị Quán Âm da?*” (há chẳng thể làm Quán Âm bèn là Quán Âm ư?), [nghĩa là] tâm này làm Quán Âm, tâm này là Quán Âm. “*Thị kế, thị quan*” (Là nhục kế, là mao), tâm này làm nhục kế, tâm này là nhục kế, chẳng có gì không phải là như thế. “*Thị kế, thị quan, giai khả vi lệ, bất độc dĩ Phật lệ quán Bồ Tát, diệc tu lệ ư phổ tạp tam bối, khởi duy dĩ tiền lệ hậu, diệc hợp dĩ hậu lệ tiền, dĩ linh hành nhân, thị mạt kinh văn, câu khả tu quán cố*” (Là nhục kế, là mao trời, đều có thể theo lệ ấy [để quán]. Không chỉ riêng quán Bồ Tát là noi theo lệ quán Phật, mà cũng nên theo lệ ấy để quán [trong các môn] Phổ Quán, Tạp Quán, Ba Bậc Vãng Sanh. Há có phải chỉ là áp dụng nguyên tắc trong phép Quán trước vào phép Quán sau, mà cũng phải nên áp dụng nguyên tắc trong phép Quán sau vào phép Quán trước, khiến cho hành nhân đối với kinh văn từ đầu đến cuối đều có thể quán [theo cùng một nguyên tắc]). [Ý nói]: Đối với mười sáu phép Quán, từ phép Quán thứ nhất là Nhật Quán cho đến phép quán cuối cùng là Trì Danh, đều phải vận dụng nguyên tắc này. Chúng ta hiểu đạo lý này, phải dùng tâm thái và nguyên tắc ấy để chấp trì danh hiệu, đích xác là chẳng giống kẻ bình phàm niệm câu A Di Đà Phật. Kẻ bình phàm niệm A Di Đà Phật miệng có, tâm không! Không có cái tâm gì? Chẳng phải là cái tâm vô tướng niệm A Di Đà Phật. Vì tướng niệm A Di Đà Phật là vọng tưởng, niệm A Di Đà Phật [luôn suy tưởng] “*con rất yêu mến A Di Đà Phật, con rất mong được thấy A Di Đà Phật*”. Đó là cái tâm cảm tình, là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm là gì? Tâm này là Phật, tâm này làm Phật, đó là đúng, chẳng sai. Vì thế, đối với “*miệng có, tâm không*”, trước nay chúng ta chưa hiểu rõ ý nghĩa “*miệng có, tâm không*”, từ chỗ này chúng ta mới hiểu rõ ràng.

Đây là chân tâm, cái “*có thể hiện, có thể biến*” đều là chân tâm. “*Tâm này làm Phật*” là chân tâm. Chẳng phải là chân tâm, sẽ chẳng hiển lộ cảnh giới, mà cũng chẳng thể sanh ra biến hóa. Có người nói: “*Nhà Phật của các ông nói hết thấy các pháp chỉ do tâm biến, [vậy thì] tôi cầm vật này, ông hãy biến nó thành*

một món lễ vật cho tôi xem thử! Ông có biến được hay không? Biến chẳng được thì tức là nói gạt người mất rồi!” Người ấy chẳng hiểu cái có thể biến chính là chân tâm, nay cái tâm mà chúng ta đang nói lại chính là vọng tâm, vọng tâm chẳng thể biến, chân tâm có thể biến. Ở đây nói “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật*”, “là” và “làm” đều nói về chân tâm. Người bình phàm hiểu lầm Phật pháp, chúng ta phải nên hiểu điều này. Sau khi đã hiểu, sẽ dần dần thông thả học tập, học sử dụng [những điều ấy] trong cuộc sống hằng ngày, dùng trong thấy, nghe, hay, biết, sẽ thụ dụng rất to lớn. Hiện tiền sẽ có thể đạt được tự tại giải thoát, xác thực là có thể giúp cho chúng ta đoạn phiền não, thành Phật đạo.

Phép Quán thứ mười một tiếp theo đây là quán Đại Thế Chí Bồ Tát.

Thứ quán Đại Thế Chí Bồ Tát. Thứ Bồ Tát thân lượng đại tiểu, diệc như Quán Thế Âm, viên quang diện các bách nhị thập ngũ do-tuần, chiếu nhị bách ngũ thập do-tuần, cử thân quang minh, chiếu thập phương quốc, tác tử kim sắc. Hữu duyên chúng sanh, giai tất đắc kiến, đản kiến thứ Bồ Tát nhất mao không quang.

次觀大勢至菩薩。此菩薩身量大小。亦如觀世音。圓光面各百二十五由旬。照二百五十由旬。舉身光明。照十方國。作紫金色。有緣眾生。皆悉得見。但見此菩薩一毛空光。

(Kể đó, quán Đại Thế Chí Bồ Tát. Vị Bồ Tát này thân lượng lớn nhỏ cũng như Quán Thế Âm. Viên quang mỗi phía rộng một trăm hai mươi lăm do-tuần, chiếu xa hai trăm năm mươi do-tuần. Quang minh nơi toàn thân Ngài chiếu mười phương cõi nước, có màu vàng tía. Chúng sanh hữu duyên thấy đều được thấy, chỉ thấy một ánh sáng nơi lỗ chân lông của vị Bồ Tát này...).

Chữ Không (空) ở đây có nghĩa là từ lỗ chân lông tỏa ra ánh sáng.

Tức kiến thập phương vô lượng chư Phật tịnh diệu quang minh. Thị cố hiệu thứ Bồ Tát danh Vô Biên Quang, dĩ trí huệ quang, phổ chiếu nhất thiết, linh ly tam đồ, đắc vô thượng lực. Thị cố hiệu thứ Bồ Tát vi Đại Thế Chí.

即見十方無量諸佛淨妙光明。是故號此菩薩名無邊光。以智慧光。普照一切。令離三塗。得無上力。是故號此菩薩為大勢至。

(Liên thấy quang minh trong sạch, màu nhiệm của mười phương vô lượng chư Phật. Do đó, vị Bồ Tát này được gọi là Vô Biên Quang. Dùng trí huệ quang chiếu khắp hết thấy, khiến họ được lìa tam đồ, đắc vô thượng lực. Do vậy, vị Bồ Tát này có hiệu là Đại Thế Chí).

Trong đoạn kinh văn này, trước hết giới thiệu Đại Thế Chí Bồ Tát và Quán Thế Âm Bồ Tát có hình trạng, vóc dáng, diện mạo đều giống hệt nhau. Ở đây cũng giới thiệu nguyên do của danh hiệu Bồ Tát, vì sao Ngài được gọi là Đại Thế

Chí? Ngài còn có một danh hiệu khác là Vô Biên Quang, ở đây, chúng ta đều thấy: Vì Ngài có thể khiến cho hết thảy chúng sanh hữu duyên xa lìa tam đồ, đắc vô thượng lực, nên gọi là Đại Thế Chí. Danh hiệu Đại Thế Chí được kiến lập từ chỗ này.

Chúng ta lại xem đoạn kinh văn tiếp theo trong trang hai trăm lẻ năm, [có khoa đề là] “*dữ Quán Âm minh dị đồng*” (nói rõ chỗ giống nhau và khác nhau so với ngài Quán Âm).

Thử Bồ Tát thiên quan, hữu ngũ bách bảo hoa, nhất nhất bảo hoa, hữu ngũ bách bảo đài. Nhất nhất đài trung, thập phương chư Phật tịnh diệu quốc độ quảng trường chi tướng, giai u trung hiện, đẳng thượng nhục kế, như Bát Đầu Ma hoa.

此菩薩天冠。有五百寶華。一一寶華。有五百寶臺。一一臺中。十方諸佛淨妙國土廣長之相。皆於中現。頂上肉髻。如鉢頭摩華。

(Mão trời của vị Bồ Tát này có năm trăm hoa báu. Mỗi một hoa báu có năm trăm bảo đài. Trong mỗi đài, tướng các cõi nước tịnh diệu rộng lớn của mười phương chư Phật đều hiện trong ấy. Nhục kế trên đỉnh đầu Ngài như hoa sen đỏ).

“*Bát Đầu Ma*” (Padma) là hoa sen đỏ.

U nhục kế thượng hữu nhất bảo bình.

於肉髻上有一寶瓶。

(Trên nhục kế có một bình báu).

Đây là chỗ khác với Quán Âm Bồ Tát.

Thịnh chư quang minh.

盛諸光明。

(Chứa các quang minh).

Trong bình báu ấy đựng gì? Chứa quang minh.

Phổ hiện Phật sự. Dư chư thân tướng, như Quán Thế Âm đẳng vô hữu dị.

普現佛事。餘諸身相。如觀世音等無有異。

(Hiện khắp các Phật sự. Những thân tướng khác giống hệt như Quán Thế Âm, chẳng khác).

Chỗ chẳng giống Quán Âm Bồ Tát là mẫu khác nhau.

Thử Bồ Tát hành thời, thập phương thế giới, nhất thiết chấn động. Đương địa động xứ, hữu ngũ bách ức bảo hoa, nhất nhất bảo hoa, trang nghiêm cao hiển như Cực Lạc thế giới.

此菩薩行時。十方世界。一切震動。當地動處。有五百億寶華。一一寶華。莊嚴高顯如極樂世界。

(Lúc Bồ Tát này đi, mười phương thế giới hết thấy chấn động. Chỗ đất chấn động có năm trăm ức hoa báu. Mỗi một hoa báu trang nghiêm, cao rạng như thế giới Cực Lạc).

Đây là cảnh giới hiện ra khi Bồ Tát đi.

Thử Bồ Tát tọa thời, thất bảo quốc độ, nhất thời động dao, tùng hạ phương Kim Quang Phật sát, nữ chí thượng phương Quang Minh Vương Phật sát. Ư kỳ trung gian, vô lượng trần số phân thân Vô Lượng Thọ Phật, phân thân Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, giai tất vân tập Cực Lạc quốc độ, tất tãi không trung, tọa liên hoa tòa, diễn thuyết diệu pháp, độ khổ chúng sanh.

此菩薩坐時。七寶國土。一時動搖。從下方金光佛剎。乃至上方光明王佛剎。於其中間。無量塵數分身無量壽佛。分身觀世音大勢至。皆悉雲集極樂國土。罽塞空中。坐蓮華座。演說妙法。度苦眾生。

(Khi vị Bồ Tát này ngồi, cõi nước bảy báu đồng thời rung chuyển. Từ cõi Kim Quang Phật ở phương dưới cho đến cõi Quang Minh Vương Phật ở phương trên, trong khoảng đó, vô lượng phân thân của Vô Lượng Thọ Phật, phân thân của Quán Thế Âm, Đại Thế Chí số nhiều như vi trần đều cùng vân tập đầy đầy trong hư không của cõi Cực Lạc, [tất cả các phân thân] đều ngồi trên tòa hoa sen, diễn nói diệu pháp, độ chúng sanh đang khổ sở).

Đoạn này nói Bồ Tát đi và ngồi đều thực hiện sự trang nghiêm lợi ích chúng sanh.

Tác thử quán giả, danh vi quán kiến Đại Thế Chí Bồ Tát, thị vi quán Đại Thế Chí sắc thân tướng. Quán thử Bồ Tát giả, danh đệ thập nhất quán.

作此觀者。名為觀見大勢至菩薩。是為觀大勢至色身相。觀此菩薩者。名第十一觀。

(Hành phép Quán này thì gọi là quán thấy Đại Thế Chí Bồ Tát, tức là quán tướng sắc thân của ngài Đại Thế Chí. Quán vị Bồ Tát này thì gọi là phép Quán thứ mười một).

Đoạn kinh văn này giới thiệu Đại Thế Chí Bồ Tát trong Tây Phương Tam Thánh. Kinh nói Bồ Tát đi và ngồi, tức là nói tới hai thứ trong bốn oai nghi. Nói hai thứ thì hai thứ khác cũng đều được bao gồm trong ấy, phải biết điều này. Đi,

đứng, ngồi, nằm toàn là Phật sự, toàn là chân động hết thảy. Đại Thế Chí Bồ Tát đi, đứng, ngồi, nằm, hết thảy chân động, Quán Thế Âm Bồ Tát có [giống như vậy] hay không? Đương nhiên là có. Chớ nên bảo là trong phần kinh văn nói về Quán Âm Bồ Tát chẳng hề đề cập thì có lẽ Quán Âm Bồ Tát [đi, đứng, nằm, ngồi] chẳng có chuyện ấy! Đức Phật nói kinh, hề có những gì trong phần kinh văn giảng về Quán Âm Bồ Tát, [đã nói] Quán Âm Bồ Tát đã có thì Đại Thế Chí Bồ Tát đều có. Đã nói Đại Thế Chí Bồ Tát có [những tướng trạng gì], Quán Thế Âm Bồ Tát cũng đều có, chẳng khác gì nhau!

Đối với sự chân động, nói “hết thảy chân động” thì chẳng phải là như chúng ta nói đến nạn động đất trong hiện thời, động đất thì nguy hiểm quá! [Nếu hiểu kiểu đó], hề Bồ Tát đến bèn mang lại đại tai nạn cho chúng ta ư? Hiểu lầm mất rồi! Đức Phật nói “*đại địa chân động*” là nói về tâm địa, tức tâm địa của hết thảy chúng sanh. Thấy quang minh của đức Phật, nghe đức Phật thuyết pháp, tâm địa chân động, giác ngộ! Trước kia, tâm này mê hoặc, điên đảo, nay bị chân động, tâm liền khai giải, tâm khai ý giải, mang ý nghĩa này. Vì thế, chớ nên hiểu lầm ý! Hễ hiểu lầm ý, chúng ta đều chẳng hoan nghênh Phật, Bồ Tát đến, [vì] lúc các Ngài đến, tai nạn quá lớn. Ở đây là nói tâm địa chân động, tâm khai ý giải. Do đó, “động” ở đây có nghĩa là “tuôn trào”, tuôn trào là gì? Trí huệ luôn tuôn trào, giác tánh thường tuôn trào, biểu thị ý nghĩa này. Hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều có thể giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, đây là nói tổng quát.

Đoạn kinh văn tiếp theo nói về công đức diệt tội nơi hàng thứ ba trong trang hai trăm lẻ bảy.

Trừ vô số kiếp A-tăng-kỳ sanh tử chi tội. Tác thị quán giả, bất xử bào thai, thường đạo chư Phật tịnh diệu quốc độ. Thử quán thành dĩ, danh vi cụ túc quán Quán Thế Âm, Đại Thế Chí.

除無數劫阿僧祇生死之罪。作是觀者。不處胞胎。常遊諸佛淨妙國土。此觀成已。名為具足觀觀世音大勢至。

(Trừ tội trong vô số kiếp A-tăng-kỳ sanh tử. Quán phép này, chẳng ở trong bào thai, thường đạo trong các cõi nước thanh tịnh mâu nhiệm của chư Phật. Phép Quán này thành tựu thì gọi là quán trọn đủ Quán Thế Âm và Đại Thế Chí).

Trong chú giải, nói tổng quát thì chỉ có trong mào của hai vị Bồ Tát này [là khác biệt], một vị là hóa Phật, vị kia là bình báu. “*Nhị chủng hữu dị, dư tướng giai đồng*” (Hai thứ có khác biệt, những tướng khác đều giống nhau). Những tướng khác hoàn toàn đều giống nhau, chỉ có trên mào là có sai khác đôi chút. Tướng mạo giống nhau, oai nghi cũng giống nhau, đương nhiên công đức lợi sanh vẫn giống nhau. Do đó, bất luận nói về điểm nào, hai vị Bồ Tát thảy đều giống nhau.

Tiếp theo là phép Quán thứ mười hai: “*Phổ vãng sanh quán*”. Trong phần này có hai đoạn. Đoạn thứ nhất là “*tác tự thân vãng tướng*” (tướng thân mình vãng sanh). Người tu Tịnh Tông tuy chẳng tu phép Quán này, nhưng trì danh

niệm Phật thì tốt nhất cũng nên thường hành phép Quán [chính mình] vãng sanh, rất hữu ích đối với việc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong tương lai của chúng ta.

Kiến thử sự thời, đương khởi tự tâm sanh ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở liên hoa trung, kết già phu tọa. Tác liên hoa hợp tướng, tác liên hoa khai tướng. Liên hoa khai thời, hữu ngũ bách sắc quang lai chiếu thân tướng. Nhân mục khai tướng, kiến Phật, Bồ Tát mãn hư không trung. Thủy, điệu, thụ lâm, cập dữ chư Phật sở xuất âm thanh, giai diễn diệu pháp, dữ thập nhị bộ kinh hợp. Nhược xuất Định chi thời, ức trì bất thất. Kiến thử sự dĩ, danh kiến Vô Lượng Thọ Phật Cực Lạc thế giới. Thị vi phổ quán tướng, danh đệ thập nhị quán.

見此事時。當起自心生於西方極樂世界。於蓮華中。結跏趺坐。作蓮華合想。作蓮華開想。蓮華開時。有五百色光來照身想。眼目開想。見佛菩薩滿虛空中。水鳥樹林。及與諸佛所出音聲。皆演妙法。與十二部經合。若出定之時。憶持不失。見此事已。名見無量壽佛極樂世界。是為普觀想。名第十二觀。

(Khi thấy sự ấy, hãy nên tự khởi tâm sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngồi xếp bằng trong hoa sen. Tướng hoa sen khép lại, tướng hoa sen nở ra. Tướng khi hoa sen nở, có năm trăm ánh sáng có màu chiếu đến thân. Tướng khi mở mắt, thấy Phật, Bồ Tát đầy khắp hư không. Âm thanh của nước, chim, rừng cây và tiếng Phật nói đều diễn diệu pháp, phù hợp với mười hai bộ kinh. Như khi xuất Định, nhớ giữ chẳng quên. Đã thấy sự ấy thì gọi là thấy thế giới Cực Lạc của Vô Lượng Thọ. Đó là phổ quán tướng, được gọi là phép Quán thứ mười hai).

Phần sau còn có một đoạn, [chúng ta] hãy đọc tiếp nơi trang hai trăm lẻ chín, hàng thứ hai.

Vô Lượng Thọ Phật hóa thân vô số, dữ Quán Thế Âm, cập Đại Thế Chí, đương lai chí thử hành nhân chi sở.

無量壽佛化身無數。與觀世音及大勢至。當來至此行人之所。

(Vô Lượng Thọ Phật hóa thân vô số, cùng với Quán Thế Âm, Đại Thế Chí sẽ đến chỗ hành nhân ấy).

Đoạn này nhằm dạy chúng ta hãy thường ức tưởng chính mình vãng sanh. Quán tưởng chẳng dễ dàng. Hơn nữa, hiện thời chúng ta phiền não rất nặng, vọng niệm quá nhiều, nên vận dụng Quán Tưởng Niệm Phật quả thật chẳng dễ gì thành tựu. Vì lẽ đó, chúng ta chuyên chọn Trì Danh làm phương pháp tu hành, lấy Trì Danh làm chủ, và cũng có thể dùng quán tưởng để phụ trợ, điều này rất hữu ích. Dùng quán tưởng để phụ trợ thì chúng ta có thể tưởng bao nhiêu bèn tưởng bấy

nhiều, rất thuận tiện! Đặc biệt là ban đêm trước khi ngủ, trong khi chúng ta nằm trên giường, hãy tưởng đang vãng sanh, tưởng đức Phật đến tiếp dẫn chúng ta. Thường quán tưởng như vậy, sẽ có lợi ích to nhất, lúc lâm chung chẳng sợ hãi. Người bình phàm, nói thật ra, hết thấy chúng sanh đều là như vậy, có thể nói là lục đạo chúng sanh không ai chẳng như vậy, tham sống sợ chết! Khi thật sự sắp chết, nỗi sợ hãi hiện hữu, thật sự có thể giữ cho tâm chẳng điên đảo, xa lìa hoảng sợ, cần phải có định lực rất sâu. Khi lâm chung, người thật sự chẳng điên đảo, chẳng sợ hãi, dầu chẳng phải là người niệm Phật, cũng chắc chắn chẳng đọa trong ba ác đạo. Vào trong ba ác đạo là như thế nào? Do hoảng loạn nên mới vào, há có người nào đầu óc sáng suốt lại đọa trong ba ác đạo? Chẳng thể nào! Chỉ có trong lúc hoảng loạn thì mới như thế, chẳng thấy rõ ràng hết thấy cảnh giới, bèn thuận theo nghiệp lực lôi dắt vào đó. Thần trí sáng suốt, chẳng hề hoang mang, thấy rất rõ cảnh giới, người ấy sẽ có thể chọn lựa, tất nhiên sẽ chọn lựa phước báo nhân thiên. Nếu là người niệm Phật, vào lúc khẩn yếu ấy, chắc chắn là người ấy chọn lựa Tây Phương Tịnh Độ. Chỉ có một niệm tương ứng ấy, Phật liền đến đón tiếp, [vãng sanh Tây Phương với] tốc độ vô cùng nhanh chóng. Quý vị một niệm tương ứng, ngay lập tức Phật, Bồ Tát đến tiếp dẫn quý vị. Vì thế, loại quán tưởng này, tức là quán tưởng thường vãng sanh có lợi ích vô cùng to lớn.

Mấy câu cuối trong đoạn kinh văn này nói rất hay. Trong khi chúng ta quán tưởng, vẫn còn chưa mạng chung, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đều hiện tiền, đúng là “*nhập ngã tướng trung*” (vào trong tâm tưởng của ta), cũng chính là như kinh văn trong phần trước đã nói: “*Nhập chúng sanh tâm tướng trung*” (Vào trong tâm tưởng của chúng sanh). Trong tâm tưởng Phật, tâm liền làm Phật. Tưởng Bồ Tát, tâm liền làm Bồ Tát. Cuối phần chú giải có nói: “*Tư nãi tam quán nhất tâm, tác thị song vận, trí linh tâm Phật, bỉ thử vãng lai, cố tri quán thể, thành bất khả tư nghị*” (Đây chính là Tam Quán Nhất Tâm, cùng vận dụng “tâm này làm Phật” và “tâm này là Phật”, khiến cho tâm và Phật dung nhập lẫn nhau. Do vậy, biết Thể của Quán đúng là chẳng thể nghĩ bàn). Quý vị thường thường có thể quán tưởng như thế, sẽ cảm ứng đạo giao với Phật, Bồ Tát, điều này thuộc về Sự, còn “tâm làm, tâm là” thuộc về Lý. Lý và Sự tương ứng, Lý và Sự chẳng hai, niệm Phật, ức Phật như vậy, công đức lại chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy có thể biết, nếu chúng ta chẳng đọc kinh luận này, không hiểu rõ, tuy nói pháp này là “đạo dễ hành”, nhưng chúng ta cũng thường hiểu lầm pháp này. Đây chính là duyên có khiến cho người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh ít ỏi. Đây cũng là như cổ nhân đã nói: “*Sanh về Tây Phương, phẩm vị cao hay thấp do mỗi người gặp duyên khác nhau*”, đều nhằm chứng minh cho chúng ta. Chúng ta gặp duyên rất thù thắng, thù thắng ở chỗ nào? Hiểu rõ Lý, hiểu rõ phương pháp, cảnh giới đều biết, biết dụng tâm, biết dụng công, tức là duyên thù thắng, vãng sanh Tây Phương phẩm vị sẽ cao!

Phẩm vị cao hay thấp, nói thật ra là do gặp duyên khác nhau. Dường như Thiên Đạo đại sư nói câu này, Ngài nói trong Tứ Thiếp Sớ, gặp duyên khác nhau. Đích xác là đối với người niệm Phật chúng ta mà nói, câu nói này của Thiên Đạo đại sư đã tạo tín tâm rất lớn cho chúng ta. Bởi lẽ, nếu chẳng nghe lời trên đây, sẽ

luôn cảm thấy chính mình nghiệp chướng rất nặng, ta có thể vãng sanh hay không, tự mình chẳng nắm chắc. Nếu như vãng sanh, hạ hạ phẩm là đã là rất may mắn, rất thỏa mãn, chẳng dám mơ tưởng cao hơn! Cũng chẳng biết chính mình có thật sự nắm chắc hay không! Nghe những lời này của tổ sư, tâm mới định, biết là không chỉ nắm chắc vãng sanh, mà còn nắm chắc cầu đạt được thượng thượng phẩm vãng sanh. Vì điều này chẳng liên quan đến thiện căn và phước đức trong đời quá khứ cho mấy, mà liên quan rất lớn với chuyện gặp duyên trong đời này. Lại thừa cùng chur vị rõ ràng hơn một chút, vì sao nói là chẳng liên quan đến thiện căn và phước đức trong đời quá khứ cho mấy? Quý vị đã trọn đủ thiện căn và phước đức trong đời quá khứ. Nếu quý vị chẳng trọn đủ thiện căn và phước đức, chẳng phải là nhiều thiện căn, lắm phước đức, làm sao quý vị có thể tin tưởng cho được? Làm sao quý vị có cơ hội gặp gỡ [pháp môn này] cho được? [Nếu không trọn đủ], sẽ chẳng gặp pháp môn này! Quý vị có thể gặp gỡ, sau khi gặp gỡ, có thể tin tưởng, có thể phát nguyện, cho thấy thiện căn và phước đức của quý vị chẳng có vấn đề, đã trọn đủ! Vấn đề hiện thời là vấn đề duyên. Duyên này khiến cho phẩm vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sai khác. Quý vị là thượng thượng phẩm, hay là thượng trung phẩm, hoặc thuộc vào ba phẩm hạ, là do vấn đề gặp duyên.

Bản thân chúng ta phải hiểu rõ chuyện này, nhất định phải phát nguyện làm Tăng Thượng Duyên cho hết thầy chúng sanh. Chúng ta gặp nhân duyên hết sức thù thắng, bản thân chúng ta có thể đạt tới phẩm vị cao, nhưng vẫn còn có những người niệm Phật chẳng biết. Nếu chúng ta có duyên gặp họ, quý vị có thể giảng giải cho họ nghe, khiến cho họ cũng có thể tăng cao phẩm vị, tự hành, hóa độ người khác. Ngàn muôn phần đừng ôm ấp tâm niệm: “Ta gặp duyên tốt đẹp, ta thượng thượng phẩm vãng sanh, cũng chớ nên nói với người khác để phẩm vị vãng sanh của những người khác đều thấp hơn ta”. Hễ có ý niệm ấy thì ý niệm ấy chính là tiếc pháp, tâm keo kiệt đã nổi lên. Keo kiệt là phiền não lớn nhất, thuộc về tham phiền não. Tham, sân, si phiền não sanh khởi, sẽ chướng ngại quý vị vãng sanh. Không chỉ phẩm vị chẳng thể tăng cao, mà còn bị chướng ngại, quý vị chưa chắc vãng sanh được! Trừ phi chẳng có duyên, hễ có duyên bèn khuyên người khác, hễ có duyên bèn giảng giải cho người ta!

Giảng giải cho người khác, có phải là sẽ khiến cho sự tu hành của chính mình bị lỡ làng hay chẳng? Chẳng hề lỡ làng! Quý vị giảng giải cho người khác, nhưng chính mình vẫn nhớ Phật, niệm Phật, không nhất định phải là “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*” thì mới là niệm Phật. Ta khuyên người khác niệm Phật, cũng là đang niệm Phật, tâm ta chẳng lìa A Di Đà Phật. Do đó, niệm Phật không nhất định là miệng niệm. Tâm niệm, ức niệm thì thân cũng đang niệm, ba nghiệp thân, miệng, ý đều đang niệm Phật. Không chỉ riêng là miệng niệm, tự hành là niệm Phật, mà giúp đỡ người khác cũng là niệm Phật. Một mình ta niệm câu A Di Đà Phật, mọi người đều niệm A Di Đà Phật, mọi người niệm A Di Đà Phật chính là ta đang niệm A Di Đà Phật, nhất định phải hiểu đạo lý này. Trong kinh Đại Thừa đã đôi ba lượt dạy: Một chính là hết thầy, hết thầy chính là một, ngàn muôn phần phải thấu hiểu ý nghĩa này. Phương pháp tu hành của chúng ta mới

có thể giống như quang minh, từng tia sáng soi tỏ lẫn nhau thì quang minh mới hiển thị sự rộng lớn khôn sánh.

À! Chúng ta tan học, nghỉ ngơi mấy phút.

Tập 26

Phần trước là một đoạn lớn, từ phép Quán thứ nhất đến phép Quán thứ mười hai thuộc loại Quán Tượng Niệm Phật. Từ phép Quán thứ mười ba thuộc về Quán Tượng Niệm Phật, phương pháp này khác với các phương pháp trước. Chúng ta xem đoạn tiếp theo, [hãy xem từ] hàng thứ ba đếm từ dưới lên trong trang hai trăm lẻ chín.

Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Nhược dục chí tâm sanh Tây Phương giả, tiên đương quán u nhất trượng lục tượng, tại trì thủy thượng.

佛告阿難及韋提希。若欲至心生西方者。先當觀於一丈六像。在池水上。

(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Nếu muốn chí tâm sanh về Tây Phương, trước hết hãy nên quán tượng cao một trượng sáu ở trên mặt nước trong ao).

Khoa đề của phần này là “*tạp minh Phật, Bồ Tát quán, sơ quán trượng lục tượng*” (nói về pháp quán xen lẫn Phật và Bồ Tát, trước hết là quán tượng cao một trượng sáu). Trong phần trước đã nói thân tướng của Phật và Bồ Tát đều vô cùng cao lớn, thật sự rất khó tưởng tượng; nhưng Quán Tượng Niệm Phật cũng phải rất có phước báo thì mới được. Nếu chẳng có phước báo, rất khó tu hành! Nếu phước báo rất lớn, chính mình cũng chẳng phải làm chuyện gì, cuộc sống có người chăm sóc, trong nhà có Phật đường, trong Phật đường khắc hình tượng Phật, Bồ Tát cao một trượng sáu thước. Hiện thời, tại Đại Lục, có rất nhiều tượng Phật cao một trượng sáu thước, rất cao, rất lớn. Tượng Phật thờ trong nhà, mỗi ngày nhìn ngắm, quán tượng; nhưng nếu rời khỏi Phật đường, cái nhân tu tập ấy bị đoạn mất, nên phải thường ở trong Phật đường quán tượng. Vì lẽ đó, chính mình chỉ đành chẳng đi làm thì mới có thể tu được. Do đó, điều này cho thấy [phải có] phước báo rất lớn [thì mới tu Quán Tượng Niệm Phật thành công]. Hiện thời, [cách tu này] không chỉ là rất khó đối với kẻ tại gia, mà đối với người xuất gia cũng rất khó! Phải buông hết thảy xuống, mỗi ngày quán tượng trong Niệm Phật Đường, rất khó! Đó là [nói về cách tu quán tượng] kim thân cao một trượng sáu.

Chúng ta đọc lời chú giải: “*Hành giả u tiên y chánh chư quán, tuy dĩ tinh tu, thượng vị đắc nhập*” (Hành giả nương theo các phép Quán về chánh báo và y báo như trên đây, tuy đã tu chuyên ròng, vẫn chưa chứng nhập). Ý nói tuy tu Quán đúng như các phương pháp trên đây, nhưng chẳng thể quán thành tựu. Chẳng thể thành tựu, bèn chẳng thể đắc lực. “*Kỳ cầu sanh chi tâm, di gia đôn đốc, danh vi chí tâm*” (Cái tâm cầu được vãng sanh ấy càng được thêm đôn đốc, nên gọi là chí tâm), nhưng cái tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức ân cần, tha thiết. Quán chẳng thành, nhưng chúng ta rất mong mỏi được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, làm như thế nào đây? Bất đắc dĩ, đức Phật lại dạy chúng ta một phương pháp: Chẳng thể quán Thắng Ứng Thân thành tựu, bèn quán Liệt Ứng Thân, tức là thân trượng sáu. “*Cố linh thử nhân xả thắng, quán liệt*” (Nên dạy

người ấy thôi quán Ứng Thân, mà quán Liệt Thân). Mười hai phép Quán trên đây đều vô cùng thù thắng, nhưng quán chẳng thành công, chúng ta bỏ đi, quán tượng Liệt Ứng Thân. “*Vị quán nhị thị tiền, tướng Di Đà, cố vân tiên đương quán tượng lục dã*” (Trước khi quán hai vị thị giả, bèn tướng Di Đà, nên nói là trước hết quán tượng cao một tượng sáu). Đây là thân cao một tượng sáu thước, chúng ta sẽ dễ quán hơn nhiều. “*Hành nhân dục thác bỉ độ liên trì, cố linh quán tượng tại trì thủy thượng*” (Hành nhân muốn thác sanh trong ao sen nơi cõi ấy, nên dạy họ quán tượng ở trên mặt nước trong ao). Tuy chúng ta thờ phụng hình tượng Phật, phải tưởng tượng Phật ấy đứng trên hoa sen báu trong ao bảy báu. Do đó, trong quán tượng còn bao gồm quán tướng, nhưng quán tượng là chủ, dễ tu thành công hơn! “*Ứng tri thắng thân, ký tâm tác, tâm thị, khởi kim tượng lục, phi tác thị da? Viên nhân tác vi, giai liễu duy tâm*” (Hãy nên biết thân thù thắng đã là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, há nay tượng cao tượng sáu chẳng phải là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” ư? Người viên đốn làm gì cũng đều thấu hiểu duy tâm). Do vậy, có thể biết, bất luận là quán Thắng Ứng Thân hay quán Liệt Ứng Thân, đều chẳng thể bỏ nguyên tắc “tâm này làm, tâm này là”. Đối với những chữ tiếp đó, tôi không nói tới, vì đã bao hàm hết thấy vạn pháp, tâm này làm Phật, tâm này là Phật, [trương tự, ta cũng có thể nói] tâm này làm Bồ Tát, tâm này là Bồ Tát. “*Tâm làm, tâm là*” bao quát hết thấy muôn pháp thế gian và xuất thế gian, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều chẳng lìa khỏi nguyên tắc này. Lại xem kinh văn.

Như tiên sở thuyết Vô Lượng Thọ Phật thân lượng vô biên, phi thị phạm phu tâm lực sở cập.

如先所說無量壽佛身量無邊。非是凡夫心力所及。

(Như trong phần trước đã nói Vô Lượng Thọ Phật thân lượng vô biên, tâm lực phạm phu chẳng thể quán tưởng nổi).

Đối với những điều đã nói trong phần trước, đức Phật biết rất rõ ràng, nhất là phạm phu trong đời Mạt chác chẳng thể quán thành công! Đừng nói là quán thân tướng Phật, ngay cả quán mặt trời hay quán nước, chúng ta đều chẳng có cách nào thành tựu.

Nhiên bỉ Như Lai túc nguyện lực cố, hữu ức tướng giả, tất đắc thành tựu.

然彼如來宿願力故。有憶想者。必得成就。

(Nhưng do túc nghiệp lực của đức Như Lai ấy, hề có ai ức tướng, ắt được thành tựu).

Nói thật ra, pháp môn Niệm Phật hoàn toàn cậy vào thần lực Tam Bảo gia trì, đặc biệt là A Di Đà Phật nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn, nhất định gia trì chúng ta. Tâm nguyện của chúng ta càng thanh tịnh, càng khẩn thiết, sức mạnh gia trì của Phật lực càng rõ rệt. Các đồng tu phải hiểu, đây là một sanh lộ, là hy

vọng duy nhất của chúng ta. Lục đạo là tử lộ, nhất định phải buông xuống chuyện trong lục đạo. Những chuyện gì trong lục đạo? Các thứ kiến giải, các nỗi vọng tưởng, các thứ phân biệt, chấp trước, tham, sân, si, mạn, tất cả đều là chuyện thuộc về lục đạo, phải vứt bỏ. Chẳng vứt bỏ, quý vị đang tu gì thế? Tu lục đạo! Người học Phật, nói thật ra, bề ngoài là đang học Phật, nhưng thật ra là đang tu lục đạo rất nhiều! Có sao rất nhiều? Trong Phật môn mà ganh tỵ, chướng ngại, thị phi, nhân ngã, miệng niệm Phật nhưng trong tâm vẫn muốn làm những chuyện đó! Đây là gì? Tu lục đạo luân hồi, tu ba ác đạo trong Phật môn! Chúng ta thấy người khác có những điều ấy, đừng quan tâm đến, chính mình quyết định chớ nên khởi ý niệm ấy!

Sáng hôm nay có mấy đồng tu nói đến chuyện hằng thuận chúng sanh và tùy hỷ công đức. Khóa sáng và khóa tối mỗi ngày đều niệm mười nguyện Phổ Hiền: “*Nhất giả lễ kính chư Phật, nhị giả xưng tán Như Lai*”, niệm hằng ngày. Thuận là gì? Hằng thuận chúng sanh. Chúng sanh: Phàm những tướng do các duyên hòa hợp mà sanh ra thì đều gọi là “chúng sanh”. Hết thấy mọi người là chúng sanh, hết thấy sự vật cũng là chúng sanh, bàn ghế cũng đều là chúng sanh. Chẳng có gì không phải là chúng sanh, vì đều do các duyên hòa hợp mà sanh. Tùy thuận như thế nào? Đối với hết thấy chúng sanh, nói cách khác, đối với hết thấy hoàn cảnh nhân sự hay hết thấy hoàn cảnh vật chất, bất luận là người thiện, kẻ ác, người tốt, kẻ xấu, cảnh giới là thuận cảnh hay nghịch cảnh, chúng ta đều chẳng khởi tâm, mà cũng chẳng động niệm, đó là “hằng thuận”. Hễ khởi tâm động niệm thì còn thuận theo gì nữa? Hằng thuận tự tánh của hết thấy chúng sanh. Lục Tổ đã nói về tự tánh rất hay: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”, trong “vốn chẳng có một vật”, hằng thuận tự tánh. Hằng thuận tự tánh của hết thấy chúng sanh, hằng thuận vật tánh. Không khởi tâm, chẳng động niệm là thuận; khởi tâm động niệm sẽ không thuận, phải biết điều này!

Tùy hỷ là giúp người khác thành tựu những điều tốt đẹp. Thấy chuyện của người ta có lợi ích cho chúng sanh, lợi ích xã hội, chúng ta sẽ tận tâm tận lực giúp đỡ, thành toàn người ấy. Thành toàn như thế nào thì là tùy hỷ? Thành toàn mà chẳng kể công sẽ là tùy hỷ. Không cần danh, chẳng cần lợi, chẳng cần công đức, tận tâm tận lực giúp đỡ họ, đó gọi là tùy hỷ. Nếu trong ấy có xen lẫn danh lợi, lại muốn tranh giành những điều tốt đẹp, đó chẳng phải là tùy hỷ. Tùy hỷ hoàn toàn là nghĩa vụ, trọn hết nghĩa vụ, chẳng cầu quyền lợi, đó mới là tùy hỷ. Do đó, cương mục tu học của Bồ Tát thật sự được bao gồm trong ý nghĩa của khoa mục [tùy hỷ] này. Nếu chúng ta chẳng hiểu rõ ràng, sẽ thường là tu hành hoàn toàn sai lầm. Chúng ta xem đoạn cuối cùng.

Đản tướng Phật tượng, đắc vô lượng phước. Huống phục quán Phật cụ túc thân tướng.

但想像。得無量福。況復觀佛具足身相。

(Chỉ tưởng tượng Phật còn được phước vô lượng, huống lại quán trọn đủ thân tướng của Phật).

Tượng Phật đắp hay hình Phật in màu đều như nhau; nhưng có những tượng Phật, đặc biệt là giống như tượng chúng ta đang in hiện thời, tượng đúc cũng thế, tượng vẽ rất nhỏ, tượng Phật nhỏ mang theo thân rất thuận tiện. Nhưng chúng ta đối trước tượng Phật quán tưởng thì phải tưởng bức tượng Phật ấy rất lớn, giống như người thật, cao một trượng sáu thước, tưởng ở trước tượng Phật, chúng ta rất nhỏ, phải tưởng theo cách như vậy. Đừng tưởng chúng ta rất lớn, tượng Phật nhỏ xíu, quán tưởng kiểu ấy thì đã sai làm mất rồi. Do đó, tượng nhỏ một chút chẳng sao cả, nói chung là khi tưởng, [phải tưởng] chúng ta đối trước tượng Phật chỉ bằng một nửa tượng Phật, chỉ cao lớn bằng một nửa tượng Phật, Phật to gấp bội chúng ta, phải thường quán tưởng như thế. Lễ bái chư Phật cũng phải tưởng theo cách giống như vậy, như vậy thì mới rất đúng pháp.

Lại xem tiếp đoạn văn tiếp theo, xem dòng in theo lối đánh cách trong trang hai trăm mười một.

A Di Đà Phật thân thông như ý, u thập phương quốc, biến hiện tự tại, hoặc hiện đại thân mãn hư không trung, hoặc hiện tiểu thân, trượng lục bát xích.

阿彌陀佛神通如意。於十方國。變現自在。或現大身。滿虛空中。或現小身。丈六八尺。

(A Di Đà Phật thân thông như ý, trong các cõi nước mười phương, biến hiện tự tại. Hoặc hiện thân to lớn đầy ấp hư không, hoặc hiện thân nhỏ, cao một trượng sáu, hoặc cao tám thước).

Hiện thân trượng sáu, hoặc hiện thân cao tám thước. Hiện thân cao tám thước tức là hoàn toàn giống như người bình thường.

Sở hiện chi hình, giai chân kim sắc. Viên quang hóa Phật, cập bảo liên hoa, như thượng sở thuyết.

所現之形。皆真金色。圓光化佛。及寶蓮華。如上所說。

(Thân hình hóa hiện đều là sắc vàng ròng. Trong viên quang hóa Phật và hoa sen báu như trên đã nói).

Khoa đề của đoạn này là “*phát khởi chúng nghi*” (trừ khử các nỗi nghi), trong chú giải có [giảng giải đoạn này]. Vì chúng ta thấy tượng Phật, có tượng Phật lớn, có tượng Phật nhỏ, rốt cuộc chúng ta quán tưởng to tốt hơn, hay quán tưởng nhỏ tốt hơn? Thừa cùng quý vị lớn hay nhỏ đều như nhau. Biết tướng thị hiện của đức Phật là “*thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ*”. Đức Phật hiện thân tướng có thể lớn, có thể nhỏ; nhưng lớn cũng là pháp giới, nhỏ cũng là pháp giới, chỉ cần tâm chúng ta dùng cái tâm chí thành, cung kính để quán tưởng, sẽ là chánh xác, lợi ích đạt được chắc chắn là như nhau.

Lại xem trang hai trăm mười hai, hãy xem kinh văn.

Quán Thế Âm Bồ Tát, cập Đại Thế Chí, w nhất thiết xứ, thân đồng chúng sanh.

觀世音菩薩。及大勢至。於一切處。身同眾生。

(Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí trong hết thảy mọi nơi, thân giống như chúng sanh).

Bồ Tát vì thị hiện thân phận là bạn học của chúng sanh, giống như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Vị chư thứ loại, tác bất thỉnh chi hữu*” (Vì muôn loài mà làm bạn chẳng thỉnh). Do đó, các Ngài nhất định phải hiện thân đồng loại với chúng sanh, thân tướng giống như chúng sanh.

Đản quán thủ tướng.

但觀首相。

(Chỉ quán tướng đầu).

[Trong bản in, câu này được in thành] chữ Thủ (手) có thể là sai, trong phần chú giải đã nói rất rõ ràng: Thủ là đầu, tức chữ Thủ trong Đầu Thủ (頭首), chẳng phải là Thủ trong Thủ Túc (手足: chân tay). Vì nhìn vào hình dáng của đầu, chúng ta có thể nhận biết vị nào là Quán Âm, vị nào là Đại Thế Chí, có thể thấy rõ ràng.

Tri thị Quán Thế Âm, tri thị Đại Thế Chí.

知是觀世音。知是大勢至。

(Biết là Quán Thế Âm, biết là Đại Thế Chí).

Nhìn vào tay sẽ chẳng nhìn ra. Tay của Đại Thế Chí Bồ Tát và tay của Quán Âm Bồ Tát như nhau, nhưng đầu thì khác nhau.

Thử nhị Bồ Tát, trợ A Di Đà Phật, phổ hóa nhất thiết, thị vi tạp tướng quán, danh đệ thập tam quán.

此二菩薩。助阿彌陀佛。普化一切。是為雜想觀。名第十三觀。

(Hai vị Bồ Tát này giúp A Di Đà Phật giáo hóa trọn khắp hết thảy. Đó là tạp tướng quán, được gọi là pháp Quán thứ mười ba).

Phần chú giải đã giảng rất hay: “*Quán Âm quan trung lập Phật, Thế Chí kế thượng bảo bình, dĩ thử vi biệt. Nhược thủ tác thủ, bất thị dịch nhân thất ý, hoặc thị sao lục chi ngộ*” (Trong mào của đức Quán Âm có hóa Phật đứng, trên nhục kế của ngài Thế Chí có bình báu, dùng điều này để phân biệt. Nếu Thủ (首) [mà chép] là Thủ (手), chẳng phải là người dịch dịch sai, mà có lẽ là do sao lục bị làm lẫn). Đối với kinh văn, chắc chắn chẳng thể nói là người phiên dịch dịch sai, chẳng thể nào, có thể là do người sao chép phạm sai lầm. Sau khi đã sao chép sai,

người đời sau chẳng dám sửa, vẫn phải giữ nguyên trạng, chỉ có thể ghi rõ trong phần chú giải. Đây là tôn trọng kinh điển, chẳng thể tùy tiện sửa đổi, tuy phát hiện sai lầm, vẫn chẳng thể sửa! Chúng tôi giới thiệu phần Quán Tượng đến đây. Phép Quán thứ mười ba là Quán Tượng Niệm Phật. Dưới đây chúng ta lại xem phép Quán thứ mười bốn. Phép Quán thứ mười bốn là ba bậc vãng sanh. [Hãy xem] từ dòng thứ hai trong trang hai trăm mười bảy.

Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Thượng phẩm thượng sanh giả.

佛告阿難及韋提希。上品上生者。

(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Thượng phẩm thượng sanh...).

Trước hết nói đến cái nhân tu tập, điều này cũng rất trọng yếu, đoạn này quan trọng lắm!

Nhược hữu chúng sanh, nguyện sanh bỉ quốc giả, phát tam chủng tâm, tức tiện vãng sanh, hà đẳng vi tam? Nhất giả chí thành tâm, nhị giả thâm tâm, tam giả hồi hướng phát nguyện tâm. Cự tam tâm giả, tất sanh bỉ quốc.

若有眾生。願生彼國者。發三種心。即便往生。何等為三。一者至誠心。二者深心。三者迴向發願心。具三心者。必生彼國。

(Nếu có chúng sanh, nguyện sanh về cõi ấy, phát ba thứ tâm, liền được vãng sanh. Những gì là ba? Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Đủ ba tâm, tất sanh về cõi ấy).

Trong kinh này, đức Phật giảng về Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là ba tâm ấy. Ba tâm ấy là một tâm, [đã là] một tâm, có sao nói thành ba tâm? Chí thành tâm là Thể của tâm, hai thứ sau là chí thành tâm khởi tác dụng. Vì thế nói là có Thể và có Dụng. Nói thật ra, nhà Phật nói Bồ Đề tâm, Nho gia cũng phát Bồ Đề tâm. Nho gia nói “thành ý, chánh tâm”, thành ý là chí thành tâm như chúng ta đang nói ở đây, chánh tâm của Nho gia là do thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm hợp lại, bèn thành chánh tâm. Chánh tâm là tác dụng của thành ý. Như vậy là Nho gia cũng nói Thể và Dụng, chẳng hai, chẳng khác cách nói của Phật pháp. Trong phần trước, tôi đã từng thưa trình cùng quý vị, Phật pháp truyền đến Trung Quốc, tuy kinh luận Tiểu Thừa đã được phiên dịch hoàn toàn như thế, nhưng người Hoa chẳng dùng, mà dùng Nho gia và Đạo gia để thay thế. Tư tưởng và cảnh giới tu học của Nho gia tuyệt đối chẳng kém Tiểu Thừa, tư tưởng và tâm lượng của họ gần với Đại Thừa nhất. Vì thế, dùng Nho để nhập Phật, quả thật thuận tiện hơn so với dùng Tiểu Thừa để tiến nhập Đại Thừa. Tôi khuyến cáo các đồng tu, chẳng thể không đọc Tứ Thư. Gần đây, chúng tôi có in một bộ Tứ Thư Hán Anh đối chiếu, vừa mới biểu tặng một trăm bản. Chúng tôi in một ngàn bộ, hai trăm bộ đóng gáy bằng lò xo, chẳng phải là sách đóng bìa cứng, các trang sách có thể tháo rời được. Sách này chuẩn bị gửi sang ngoại quốc, chúng tôi muốn khuyên người ngoại quốc đọc Tứ Thư. Trang sách có thể tháo rời thì [nếu] nhiều người [cần

đọc, không đủ sách], có thể tháo ra, đem photocopy dùng [làm tài liệu tham chiếu] trong khi giảng giải, sẽ thuận tiện, chẳng cần phá tung cuốn sách. Tám trăm bộ còn lại được đóng bìa cứng thành tập, còn hai trăm bản kia là trang sách rời.

Chúng ta khuyên người ngoại quốc đọc Tứ Thư, khuyên họ đọc sách Không Tử. Trong tương lai, người ngoại quốc đều đọc, còn người Hoa chẳng đọc. Người ngoại quốc đến làm thầy người Hoa, người Hoa phải học với họ, rất hổ thẹn! Chuyện này tôi đã từng làm thử đôi chút tại ngoại quốc. Người ngoại quốc vui thích, vừa nghe nói, nghe điều chưa từng nghe, hết sức hoan hỷ, thích thú tiếp nhận. Có thể thấy là không có ai dạy họ, chẳng có ai cung cấp tài liệu cho họ. Vì thế, nay chúng ta cung cấp tài liệu, nghĩ phương cách giúp đỡ họ. Đó là phát Bồ Đề tâm.

Nói đơn giản, chí thành tâm là chân thành, chân thành là chân tâm. Chân thành có tiêu chuẩn hay không? Trong Bút Ký Đọc Sách, tiên sinh Tăng Quốc Phiên đã định nghĩa, chú giải chữ Thành: “*Một niệm chẳng sanh thì gọi là Thành*”. Chú giải rất chính xác, tương ứng với Phật pháp. Trong tâm chẳng có một vọng niệm thì mới gọi là thành tâm, hễ có vọng niệm tức là chẳng chân thành! Các vị đọc Liễu Phàm Tứ Huán; trong phần chú giải của Liễu Phàm Tứ Huán đã nói về chuyện vẽ bùa, niệm chú cũng giống như thế. Vẽ bùa thì vì sao bùa sẽ linh? Phải dùng thành tâm để vẽ. Vẽ đạo bùa ấy mà trong tâm khởi một vọng niệm, đạo bùa ấy chẳng linh. Do đó, người vẽ bùa, lúc bình thường phải luyện tập, luyện rất nhuần nhuyễn. Khi đã rất thuần thục, sau khi một nét bút chấm xuống liền vẽ một mạch hoàn thành, trong tâm chẳng khởi một vọng tưởng, đạo bùa đó sẽ linh. Niệm chú cũng giống như vậy, nên chú càng dài càng khó niệm. Quý vị nói chú Lăng Nghiêm dài như vậy, [trong khi niệm] từ đầu đến cuối dấy lên bao nhiêu vọng niệm? Chú Lăng Nghiêm [niệm kiểu ấy] có còn linh hay chẳng? Chẳng linh! Chú Đại Bi rất dài, quý vị niệm một biến, trong khi đó có vọng tưởng nào hay không? Hễ có một vọng tưởng, chú ấy chẳng linh. Thành bèn linh, chẳng dễ dàng! Một câu A Di Đà Phật dễ niệm hơn, trong câu “A Di Đà Phật” ấy chẳng có vọng tưởng, sẽ linh. Do đó, cổ nhân nói: “*Niệm kinh chẳng bằng niệm chú*”. Vì sao? Kinh quá dài, trong một bộ kinh dài như vậy, chẳng có một vọng niệm xen vào, khó lắm, quá khó! Chẳng bằng niệm chú, chú ngắn hơn. Niệm chú chẳng bằng niệm Phật, Phật hiệu càng ngắn hơn, ngắn hơn chú ngữ rất nhiều, đạo lý ở ngay chỗ này. Do đó, hễ động một vọng niệm sẽ không linh. Đó là chân thành.

Thâm tâm là Tự Thụ Dụng, thâm tâm là thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, thuộc về Tự Thụ Dụng. Ham thiện, chuộng đức, thiện đức đến tột cùng là thanh tịnh, bình đẳng. Hồi hướng phát nguyện tâm là tâm đại từ bi, lợi ích chúng sanh. Do đó, tâm thứ ba là chân thành, là Tha Thụ Dụng, Tha Thụ Dụng là đại từ đại bi. Bản thân chúng ta hễ có mấy may điều thiện nào, chính chúng ta chẳng mong hưởng thụ, hy vọng nhường quả báo của điều thiện ấy cho hết thảy chúng sanh hưởng thụ. Hồi hướng phát nguyện, phát nguyện phổ độ hết thảy chúng sanh, trong Khởi Tín Luận gọi tâm này là đại bi tâm. Ba tâm trong Khởi Tín Luận là trực tâm, thâm tâm, và đại bi tâm. Trực tâm là chí thành tâm, thâm tâm [thì Quán Kinh và Khởi Tín Luận nói] giống nhau, đại bi tâm chính là hồi hướng phát

nguyện tâm được nói ở đây. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể không phát tâm. Không phát Bồ Đề tâm, chắc chắn không thể vãng sanh.

Phục hữu tam chủng chúng sanh, đương đắc vãng sanh, hà đẳng vi tam? Nhất giả, từ tâm bất sát, cụ chư giới hạnh. Nhị giả, độc tụng Đại Thừa, Phương Đẳng kinh điển. Tam giả, tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Cụ thử công đức, nhất nhật nãi chí thất nhật, tức đắc vãng sanh.

復有三種眾生。當得往生。何等為三。一者慈心不殺。具諸戒行。二者讀誦大乘方等經典。三者修行六念。迴向發願。願生彼國。具此功德。一日乃至七日。即得往生。

(Lại có ba loại chúng sanh sẽ được vãng sanh. Những gì là ba? Một là từ tâm chẳng giết, đủ các giới hạnh. Hai là độc tụng kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa. Ba là tu hành lục niệm⁶⁵, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy. Trọn đủ công đức ấy, từ một ngày cho đến bảy ngày liền được vãng sanh).

Nói thật ra, loại thứ hai là Tam Phước được nói trong phần trước, là chánh nhân tịnh nghiệp. Có thể thấy đoạn kinh văn này trong Quán Kinh vô cùng trọng yếu, nhất định phải nhớ kỹ. Tam Phước và Bồ Đề tâm được nói ở đây, Bồ Đề tâm thật sự chẳng dễ dàng. Trong Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư lão nhân gia đã bảo: Người thật sự phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, nguyện tâm ấy chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm. Cổ nhân chưa ai nói điều ấy, xét theo các sách vở xưa, chúng ta thấy quả thật Ngẫu Ích đại sư là người đầu tiên nói điều ấy. Hãy suy nghĩ xem Ngài nói lời ấy có đúng hay không? Thật đúng! Quý vị đối chiếu với văn tự trong đoạn kinh này, chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm, [sẽ thấy] chẳng sai tí nào! Thật sự muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ba tâm ấy liền trọn đủ. Đã phát [Bồ Đề tâm] mà chính mình chẳng biết, không biết là đã phát trọn vẹn ba tâm ấy. Do đó, lão nhân gia nói câu này hay lắm. Bản thân chúng ta phải chân tâm cầu sanh, chẳng phải là giả tâm, giả ý, mà là chân tâm cầu sanh, một niệm tâm ấy bèn trọn đủ viên mãn đại Bồ Đề tâm. Kinh này cũng nói từ một ngày cho đến bảy ngày, có cùng một cách nói với kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ. Do vậy có thể biết, pháp môn này là Đốn Giáo, là đốn siêu.

Chúng ta xem phần kinh văn kế tiếp trong trang hai trăm hai mươi.

Sanh bỉ quốc thời, thử nhân tinh tấn, dũng mãnh cố, A Di Đà Như Lai, dữ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số hóa Phật, bách thiên tỷ-kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên, thất bảo cung điện. Quán Thế Âm Bồ Tát chấp

⁶⁵ Lục niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Sớ Sao giảng: “Ba món đầu là niệm Tha, ba món sau là niệm Tự. Giới và Thí là cái nhân thuộc về Tự, sanh Thiên là quả thuộc về Tự. Giới là điều lành do ngưng dứt [những ác hạnh], Thí là hành thiện (điều lành do thực hiện những thiện nghiệp). Thiên có viên quả và cận quả. Viên là Đệ Nhất Nghĩa Thiên (Phật quả), [cận quả là các tầng trời trong tam giới]”.

kim cang đài, dữ Đại Thế Chí Bồ Tát, chí hành giả tiên. A Di Đà Phật phóng đại quang minh, chiếu hành giả thân, dữ chư Bồ Tát, thọ thủ nghênh tiếp. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dữ vô số Bồ Tát tán thán hành giả, khuyến tấn kỳ tâm.

生彼國時。此人精進勇猛故。阿彌陀如來。與觀世音大勢至。無數化佛。百千比丘聲聞大眾。無量諸天。七寶宮殿。觀世音菩薩。執金剛臺。與大勢至菩薩。至行者前。阿彌陀佛放大光明。照行者身。與諸菩薩。授手迎接。觀世音大勢至。與無數菩薩。讚歎行者。勸進其心。

(Khi sanh về cõi ấy, do người đó tinh tấn, dũng mãnh, A Di Đà Như Lai, và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số hóa Phật, trăm ngàn tỳ-kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên, cung điện bảy báu. Quán Thế Âm Bồ Tát cầm đài kim cang, cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát tới trước hành giả. A Di Đà Phật phóng đại quang minh chiếu thân hành giả, và các Bồ Tát xòe tay tiếp đón. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, và vô số Bồ Tát tán thán hành giả, khuyến tấn tâm người ấy).

Nói rõ trạng huống vãng sanh của người tu hành. Vì thế, chỉ cần nhất tâm nhất ý niệm, chớ nên phân biệt, đừng nên chấp trước, cũng chẳng nghĩ đến phẩm vị cao hay thấp. Vì sao? Tưởng những điều ấy đều là vọng tưởng. Thậm chí nhất tâm bất loạn cũng đừng nghĩ tới, chỉ có một câu Phật hiệu cứ niệm miết, đó gọi là “thật thà niệm Phật”. Quý vị chân tâm chân ý cầu sanh Tịnh Độ, thứ gì cũng đều viên mãn trọn đủ. Khi vãng sanh, cảnh giới rất thù thắng, A Di Đà Phật, Quán Âm Thế Chí, và vô số Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên đều đến đón tiếp quý vị. Thế giới Tây Phương ở chỗ nào, không cần biết! Các Ngài đến đón tiếp, ta cũng chẳng cần phải tìm đường, mà cũng chẳng phải tìm phương hướng, tự tại lắm! Vì thế, kinh nói Tây Phương thì Tây Phương rốt cuộc ở nơi đâu? Chớ nên sanh ý niệm ấy, đến lúc đó, Phật sẽ đến tiếp dẫn ta, chẳng thể sai sót được! Nay tôi đi khắp nơi ở ngoại quốc, chẳng biết phương hướng, mà cũng chẳng biết đường. Vì sao? Đến nơi nào cũng đều có người đến đón tiếp, tôi cần gì phải nhớ đường? Cần gì phải nhớ phương hướng? Chẳng cần! Đến chỗ nào cũng đều có người đón tiếp, nên căn bản là chẳng cần. Họ chuẩn bị cẩn thận mọi thứ cho tôi, đối với vé máy bay, người ta nói: “Pháp sư! Vé máy bay bao nhiêu tiền?” Không biết, không hiểu! Vì trước nay tôi chưa bao giờ hỏi tới, trước nay chưa hề nhìn vào vé máy bay.

Người niệm Phật vãng sanh rất tốt, Phật, Bồ Tát đều an bài tốt đẹp thay cho quý vị, thứ gì cũng chẳng cần phải bận lòng, chỉ cần thật thà niệm được rồi! Thật thà niệm là quan trọng! Bản thân chúng ta chỉ cần làm được “thật thà niệm” là tốt rồi, những chuyện khác Phật, Bồ Tát đều xếp đặt ổn thỏa, chẳng phải bận tâm tí nào, quý vị thấy có thù thắng lắm không? Quý vị làm chuyện tốt đẹp nào, tu pháp môn nào đi nữa, đều chẳng đạt được [sự thù thắng này]! Tu Thiên, tu Mật, tu thành tựu, thì A Di Đà Phật có đến đón tiếp quý vị hay không? Có chư Phật, Bồ Tát đông ngàn ấy đến đón hay chẳng? Chẳng có! Do vậy có thể biết,

pháp môn này xác thực là thù thắng khôn sánh. Hãy xem kinh văn trong trang hai trăm hai mươi mốt.

Hành giả kiến dĩ.

行者見已。

(Hành giả thấy rồi).

Người tu hành thấy cảnh giới ấy, Phật, Bồ Tát đến đón tiếp.

Hoan hỷ dũng đượ, tự kiến kỳ thân, thừa kim cang đài, tùy tùng Phật hậu, như đàn chỉ khoảnh, vãng sanh bỉ quốc.

歡喜踊躍。自見其身。乘金剛臺。隨從佛後。如彈指頃。

往生彼國。

(Hoan hỷ, hớn hở, tự thấy thân mình ngồi trên đài kim cang, theo sau đức Phật, như trong khoảnh khắc ngón tay, vãng sanh cõi kia).

Qua phần kinh văn này, chư vị hãy xem kỹ, đừng đọc lướt qua, [sẽ thấy rõ] vãng sanh là vãng sanh trong khi còn sống, đây là pháp môn bất tử. Người tu hành thấy cảnh giới này, thấy trong khi còn sống sờ sờ, chẳng phải là khi đã chết. Lúc đã chết sẽ chẳng thấy nữa, khi sống thì thấy. Phước báo to lớn, khi còn sống bèn trông thấy, rất rõ ràng, bảo các đồng tu trợ niệm: “Tôi đã thấy đức Phật đến tiếp dẫn tôi, nay tôi theo Ngài ra đi”. Có thể nói với quý vị, nói rõ ra, đó là phước báo to lớn. Phước báo kém hơn một chút, cũng trông thấy, muốn kể với quý vị, miệng mấp máy, nhưng chẳng thốt ra tiếng, vẫn hiểu rành mạch, rõ ràng, trông thấy, vãng sanh. Chúng ta thấy người lâm chung miệng mấp máy, có khi chúng ta cảm thấy họ đang niệm Phật theo [đại chúng], nhưng thật ra người ấy trông thấy cảnh giới này, muốn nói với chúng ta, nhưng chẳng thốt nên lời, chẳng có âm thanh, bèn vãng sanh. Chúng ta không biết, ngỡ người ấy mấp máy niệm Phật theo chúng ta. Thật ra, người ấy bảo chúng ta: Phật, Bồ Tát đến đón tiếp, người ấy trông thấy, rất hoan hỷ, theo Phật ra đi. Khi ấy, khí lực rất suy, miệng mấp máy động, nhưng chẳng có âm thanh. Điều này chỉ rõ: Vãng sanh là vãng sanh trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh. Do đó, pháp môn này là pháp môn bất tử, thành Phật trong một đời. Chúng ta vãng sanh chẳng phải là đã chết rồi mới vãng sanh, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật trong một đời. Tìm ở đâu ra pháp môn này? Tìm không thấy! Bỏ pháp môn này chẳng tu, đúng là ngu si, đúng là cuồng vọng. Thầy Lý nói [hạng người vứt bỏ không chịu tu pháp môn này là] “ngu si, cuồng vọng” chẳng sai! Lại xem đoạn kế tiếp.

Sanh bỉ quốc dĩ.

生彼國已。

(Đã sanh về cõi ấy).

Đây là nói [tình hình sau khi đã] tới Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Kiến Phật sắc thân, chúng tướng cụ túc. Kiến chư Bồ Tát, sắc tướng cụ túc, quang minh, bảo lâm, diễn thuyết diệu pháp.

見佛色身。眾相具足。見諸菩薩。色相具足。光明寶林。演說妙法。

(Thấy sắc thân của Phật các tướng trọn đủ. Thấy các Bồ Tát, sắc tướng trọn đủ. Quang minh, rừng báu, diễn nói diệu pháp).

Hoàn toàn giống như cảnh giới do đức Phật đã giảng trong kinh. Trước kia là nghe đức Phật nói, nay là đích thân trông thấy, tự mình trông thấy. Tĩnh và vô tình đều thuyết pháp, sau khi nghe Phật pháp, bèn khai ngộ.

Văn dĩ tức ngộ Vô Sanh Pháp Nhẫn.

聞已即悟無生法忍。

(Nghe xong liền ngộ Vô Sanh Pháp Nhẫn).

Vừa nghe liền khai ngộ, liền chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Kinh tu du gian.

經須臾間。

(Trong khoảnh khắc).

“Tu du” (須臾) là thời gian cực ngắn.

Lịch sự chư Phật biến thập phương giới.

歷事諸佛遍十方界。

(Trải qua phụng sự chư Phật trọn khắp các cõi trong mười phương).

Thần thông và đạo lực của người ấy ngay lập tức hiện tiền, có thể đến các cõi Phật trong mười phương để lễ Phật, đến nghe đức Phật thuyết pháp. Cũng có lẽ chúng ta thấy chỗ này bèn hoài nghi: Cớ sao vừa mới gặp gỡ A Di Đà Phật, liền ngay lập tức ra đi? Chư vị phải biết: Đến khi đó, năng lực của người ấy chẳng thể nghĩ bàn, thân người ấy đang ở chỗ A Di Đà Phật lễ bái, mà phân thân của người ấy đã trọn khắp các cõi Phật trong mười phương. Trước mỗi vị Phật, mỗi vị Bồ Tát, người ấy đều hiện diện, có năng lực to như vậy. Không như thế gian này, dẫu tu giỏi giang cách mấy, chẳng có cách nào phân thân! Người ấy có năng lực phân thân, có rời khỏi thế giới Cực Lạc hay không? Chẳng có! Chẳng rời khỏi thế giới Cực Lạc, nhưng hóa thân đã trọn khắp mười phương. Thành tựu nhanh chóng ngàn ấy, nên thường là những kẻ học Giáo chẳng tin tưởng. Pháp khó tin! Há có lẽ nào mau chóng dường ấy? Ở nơi đây mới vừa vãng sanh, bên kia đã hóa

thân trọn khắp hết thấy các cõi Phật, quá nhanh! Thật ra, chuyện này là thật, quyết định chẳng giả.

Ư chư Phật tiền, thứ đệ thọ ký, hoàn chí bản quốc, đắc vô lượng bách thiên Đà La Ni môn.

於諸佛前。次第授記。還至本國得無量百千陀羅尼門。

(Ở trước chư Phật, lần lượt được thọ ký. Trở về cõi mình, đắc vô lượng trăm ngàn môn Đà La Ni).

Đúng là trong một thời gian rất ngắn có thành tựu chẳng thể nghĩ bàn như vậy, đúng là chúng ta phải nên giác ngộ, phải nên tu học. Đoạn cuối cùng là:

Thị danh thượng phẩm thượng sanh giả.

是名上品上生者。

(Gọi là thượng phẩm thượng sanh).

Đoạn văn này ở trong trang hai trăm hai mươi hai. Chúng ta xem tiếp:

Thượng phẩm trung sanh giả.

上品中生者。

(Thượng phẩm trung sanh...).

Tu cái nhân hơi kém hơn hạng người trước một chút.

Bất tất thụ trì, độc tụng Phương Đẳng kinh điển, thiện giải nghĩa thú. Ư Đệ Nhất Nghĩa, tâm bất kinh động, thâm tín nhân quả, bất bán Đại Thừa. Dĩ thử công đức hồi hướng, nguyện cầu sanh Cực Lạc quốc.

不必受持讀誦方等經典。善解義趣。於第一義心不驚動。

深信因果。不謗大乘。以此功德迴向。願求生極樂國。

(Chẳng bắt buộc phải thọ trì, không cần⁶⁶ thọ trì độc tụng kinh điển Phương Đẳng, khéo hiểu nghĩa thú. Đối với Đệ Nhất Nghĩa, tâm chẳng kinh động, tin sâu nhân quả, chẳng bán Đại Thừa. Dùng công đức này hồi hướng, nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc).

Phần trước là nói người thượng phẩm thượng sanh có đọc tụng Đại Thừa, chỗ này không bắt buộc đọc tụng Đại Thừa, nhưng “tin sâu nhân quả”. Nhân quả là gì? Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, người ấy hoàn toàn chẳng hoài nghi điều này. Một câu Phật hiệu niệm đến tận cùng, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc

⁶⁶ Sớ Sao giảng: “Nói ‘không cần’ là người nghĩa trì (trì theo nghĩa), không thích đọc tụng. Chỉ lấy một câu hay một bài kệ trong kinh để nghiên cứu sâu xa chỉ thú. Đối với lý chẳng thể diễn nói, suy lường, tâm chẳng kinh hãi, dao động. Tâm lại an trụ nơi Trung Đạo, chẳng bị kinh động bởi Nhị Biên, thấu hiểu, thông đạt nhân quả, nên gọi là tin sâu”.

thế giới có thể đạt đến thượng phẩm trung sanh, địa vị này hết sức cao. Lấy đoạn kinh văn này để xem, người đố đệ niệm A Di Đà Phật của pháp sư Đế Nhân xưa kia, điều gì cũng chẳng hiểu, niệm một câu danh hiệu suốt ba năm. Lão pháp sư dạy ông ta: “Niệm một liền nghỉ ngơi, nghỉ ngơi khỏe khoắn rồi lại niệm”. Ông ta niệm ba năm bèn đứng vãng sanh, biết trước lúc mất. Nếu chúng ta dùng kinh này để phán đoán, người này rất có thể là thượng phẩm trung sanh, có địa vị vãng sanh cao ngàn ấy, do gặp duyên thù thắng, duyên gì vậy? Lão pháp sư dạy ông ta niệm Phật là duyên, ông ta thật sự có thể hoàn toàn tiếp nhận, tin sâu, chẳng ngờ, nên mới có quả báo thù thắng ngàn ấy. Ông ta vãng theo lời thầy răn dạy một trăm phần trăm, chẳng khấu trừ tí nào, trong ba năm thành tựu chẳng thể nghĩ bàn. Duyên thù thắng là do nhìn từ chỗ này!

Do vậy có thể biết, các đồng tu chúng ta gặp duyên chẳng thể nói là không thù thắng, [mà là] thù thắng bậc nhất. Đọc tụng Đại Thừa, đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ đã tốt đẹp rồi, có thể đọc tụng năm kinh một luận càng hay hơn. Nếu ngại năm kinh một luận quá nhiều, quá rườm rà, thì một bộ kinh là được rồi, y giáo phụng hành, lý luận và giáo huấn trong kinh thầy đều làm được, sẽ chẳng khác gì A Di Đà Phật, đương nhiên là thượng phẩm thượng sanh. Như vậy là đáng tin cậy, chẳng cần phải đọc trọn hết, một bộ kinh là được rồi. Một kinh thông, hết thầy các kinh đều thông. Do đó, tôi giới thiệu lần nữa: Kinh Vô Lượng Thọ là kinh Hoa Nghiêm cô đọng. Kinh Hoa Nghiêm là toàn thể Tam Tạng mười hai bộ rút gọn. Do vậy có thể biết, đọc bộ kinh này là đọc toàn bộ Đại Tạng Kinh, một chính là hết thầy, hết thầy chính là một. Quý vị phải hiểu: Công đức này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, lời này do cổ đại đức, các vị tổ sư đại đức từ xưa đã nói ra, chúng ta chẳng thể không tin tưởng. Chúng ta có thể nói: Các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong suốt một đời Ngài, đều chẳng ra khỏi bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Quý vị thấy những điều được giảng trong một bộ kinh Vô Lượng Thọ hoàn toàn nhằm giải thích bốn mươi tám nguyện, chẳng có câu nào mâu thuẫn với nguyện văn trong bốn mươi tám nguyện. Một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh trên thực tế là để giải thích, giảng giải tỉ mỉ, cặn kẽ kinh Vô Lượng Thọ. Một bộ Đại Tạng Kinh, toàn bộ Đại Tạng Kinh là kinh Hoa Nghiêm được nói cặn kẽ. Đến cuối cùng quy nạp lại, thật vậy, quy nạp thành một bộ kinh Vô Lượng Thọ. Kinh dạy chúng ta đọc tụng Đại Thừa, chúng ta hiểu sự thật ấy, niệm bộ kinh Vô Lượng Thọ chẳng có tí hoài nghi nào, nguyên lai, [do cả bộ Đại Tạng Kinh quy nạp thành kinh Vô Lượng Thọ nên niệm kinh Vô Lượng Thọ thì có nghĩa là] tất cả hết thầy các kinh Đại Thừa ta đều đọc cả rồi.

Người ấy tuy chẳng đọc kinh, nhưng chẳng hủy báng Đại Thừa, chỉ thật thà niệm Phật. Một câu Phật hiệu thành tựu công đức vô lượng, thượng phẩm trung sanh. Chúng ta gặp duyên thù thắng như vậy, trong một đời này chẳng thể thành tựu thượng phẩm thượng sanh hoặc thượng phẩm trung sanh, rất oan uổng! Chúng ta lại xem đoạn kinh văn kế tiếp từ hàng thứ nhất trong trang hai trăm hai mươi bốn.

Hành thử hạnh giả.

行此行者。

(Người hành theo hạnh này).

Người nương theo pháp môn này tu hành.

Mạng dục chung thời, A Di Đà Phật, dữ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng quyển thuộc vi nhiều, trì tử kim đài, chí hành giả tiền, tán ngôn: “Pháp tử! Nhữ hành Đại Thừa, giải Đệ Nhất Nghĩa. Thị cố, ngã kim lai nghênh tiếp nhữ”, dữ thiên hóa Phật, nhất thời thọ thủ.

命欲終時。阿彌陀佛。與觀世音大勢至。無量大眾眷屬圍繞。持紫金臺。至行者前。讚言法子。汝行大乘。解第一義。是故我今來迎接汝。與千化佛。一時授手。

(Lúc sắp mạng chung, A Di Đà Phật và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng quyển thuộc vây quanh, cầm đài vàng tía, đến trước hành giả, khen rằng: “Pháp tử! Người hành Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa. Do vậy, ta nay đến đón người”. Và một ngàn vị hóa Phật, đồng thời xòe tay [tiếp dẫn]).

Tây Phương Tam Thánh và chư Phật, Bồ Tát, “ngàn vị hóa Phật”, [nói chung là] chư Phật, Bồ Tát thấy đều đến đón tiếp⁶⁷. Lại xem phần kinh văn tiếp theo.

Hành giả tự kiến tọa tử kim đài, hợp chưởng xoa thủ, tán thán chư Phật, như nhất niệm khoảnh, tức sanh bỉ quốc thất bảo trì trung. Thủ tử kim đài, như đại bảo hoa, kinh tức tức khai.

行者自見坐紫金臺。合掌叉手。讚歎諸佛。如一念頃。即生彼國七寶池中。此紫金臺。如大寶華。經宿則開。

(Hành giả tự thấy ngồi trên đài vàng tía, chắp tay tán thán chư Phật, như trong khoảng một niệm, liền sanh trong ao bảy báu nơi cõi ấy. Đài vàng tía ấy như hoa sen báu lớn, qua một đêm liền nở).

“Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh”, thời gian [ngộ Vô Sanh] của người ấy lâu hơn thượng phẩm một chút. Thượng phẩm tới đó hoa lập tức nở ngay, ở đây là cách một ngày, ngày hôm sau, hoa nở thấy Phật. Hoa nở thấy Phật là hàng Bồ Tát từ Thất Địa trở lên. Khi chưa nở là sắp thành Thất Địa Bồ Tát, vừa nở bèn thật sự là hàng Thất Địa Bồ Tát trở lên, có thể thấy thành tựu thật sự quá nhanh. Phần kinh văn tiếp theo là nói đến lợi ích của người ấy.

⁶⁷ Sách Sớ Sao giảng: “Duyên trong phẩm vị này so với phẩm vị trước có chỗ khác biệt, kém xa phẩm trên. Phẩm trước thì Tam Thánh cùng vô lượng hóa Phật, tỳ-kheo, chư thiên, và cung điện cùng đến nghênh tiếp. Trong phẩm này, [chỉ có] một ngàn vị hóa Phật đến đón. Phẩm vị trước là đài kim cang, phẩm vị này là đài tử kim. Phẩm trước, Phật quang chiếu đến thân, phẩm này chỉ là ngôn ngữ tán thán. Xòe tay chính là tiếp dẫn vậy”.

Hành giả thân tác tử ma kim sắc, túc hạ diệc hữu thất bảo liên hoa. Phật cập Bồ Tát, câu thời phóng quang, chiếu hành giả thân, mục tức khai minh.

行者身作紫磨金色。足下亦有七寶蓮華。佛及菩薩。俱時放光。照行者身。目即開明。

(Hành giả thân có màu như vàng tía được giới mài, dưới chân cũng có hoa sen bảy báu. Phật và Bồ Tát đồng thời tỏa ánh sáng, chiếu vào thân hành giả, mắt liền mở sáng).

“Mục” ở đây là tâm mục.

Nhân tiền túc tập.

因前宿習。

(Do sự tu tập từ đời trước).

Do sự học tập trong đời quá khứ.

Phổ văn chúng thanh, thuần thuyết thâm thâm Đệ Nhất Nghĩa Đệ, tức hạ kim đài, lễ Phật hợp chưởng, tán thán Thế Tôn, kinh u thất nhật, ứng thời tức u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đắc bất thoái chuyển.

普聞眾聲。純說甚深第一義諦。即下金臺。禮佛合掌。讚歎世尊。經於七日。應時即於阿耨多羅三藐三菩提。得不退轉。

(Nghe khắp các âm thanh thuần nói Đệ Nhất Nghĩa Đệ rất sâu, liền bước xuống đài vàng, lễ Phật, chấp tay, tán thán Thế Tôn. Qua bảy ngày, ngay khi đó, đắc bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Bảy ngày chúng trọn vẹn ba món Bất Thoái⁶⁸.

Ứng thời tức năng phi hành, biến chí thập phương, lịch sự chư Phật.

應時即能飛行。遍至十方。歷事諸佛。

(Ngay khi đó, liền có thể phi hành, đến khắp mười phương, phụng sự chư Phật).

⁶⁸ Sách Sớ Sao giảng: “Đệ Nhất Nghĩa rất sâu là Thật Tướng của các pháp. Ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xú diệt, được gọi là tinh tấn sâu mâu, xưng tụng tốt cùng là Đệ Nhất. Chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề chính là Đạo Chung Bồ Đề, cũng thuộc về địa vị bất thoái nơi đạo chung. Hiện tiền thọ ký là một trong bốn loại thọ ký... Lời Sao như sau: Nói là tinh tấn sâu mâu, là do nghe các âm thanh nói Đệ Nhất Nghĩa, có thể thành tựu Lý Thủ Bất Tư Nghị Quán. Vì thế, tiến nhập nhanh chóng như gió. Bất Thoái có ba loại: Một là Vị Bất Thoái, phá Kiến Tư, vĩnh viễn chẳng đánh mất địa vị siêu phàm, thuộc về Tập Chung Tánh. Hai là Hạnh Bất Thoái, vĩnh viễn chẳng đánh mất hạnh Bồ Tát, thuộc về Tánh Chung Tánh và Đạo Chung Tánh. Ba là Niệm Bất Thoái, vĩnh viễn chẳng đánh mất chánh niệm Trung Đạo, thuộc về Thánh Chung Tánh. Người thượng phẩm trung sanh đã đắc Tánh Chung Bồ Đề trong cõi này, đến cõi kia, sau một kiếp, mới đắc hai thứ Vô Sanh và Thánh Chung Bất Thoái. Nay kinh nói là ‘bảy ngày’, hãy nên hiểu là đắc Đạo Chung Bất Thoái”.

Chẳng khác gì thượng phẩm thượng sanh. Thượng phẩm thượng sanh là trong một đời đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, lập tức có năng lực này. Người thượng phẩm trung sanh phải sau bảy ngày. Sau bảy ngày thì đạo lực, thần thông, trí huệ mới hoàn toàn giống như thượng phẩm.

Ư chư Phật sở, tu chư tam-muội, kinh nhất tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Nhân, hiện tiền thọ ký.

於諸佛所。修諸三昧。經一小劫。得無生忍。現前受記。

(Ở chỗ chư Phật, tu các tam-muội, qua một tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Nhân, được thọ ký trong hiện tiền).

Vô Sanh Nhân ở đây là chân thật Vô Sanh Pháp Nhân, là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, thuộc loại Viên Giáo. Ở đây, chúng ta thấy thượng phẩm thượng sanh là chứng đắc ngay lập tức, thượng phẩm trung sanh là sau một tiểu kiếp mới thật sự chứng đắc. Nguyên nhân chỗ nào? Từ kinh văn, chúng ta phải nên thấy rõ ràng, xác đáng, một đẳng là đọc tụng Đại Thừa, một đẳng chẳng đọc tụng Đại Thừa, nguyên nhân ở chỗ này. Đọc tụng Đại Thừa đã tu tập sâu dày trong đời quá khứ, vừa nghe Phật pháp bèn khai ngộ. Trong quá khứ chẳng hề đọc tụng Đại Thừa thì phải trải qua một thời gian khá dài nghe kinh mới khai ngộ. Hy vọng các đồng tu phải nhớ kỹ [điều này]. Chúng ta xem Lục Tổ Đàn Kinh, thiền sư Pháp Đạt niệm kinh Pháp Hoa ba ngàn lượt, Lục Tổ đại sư vừa giảng, Sư liền khai ngộ. Chúng ta chưa đọc kinh Pháp Hoa ba ngàn lượt, nói cách nào cũng chẳng thể khai ngộ, mới biết công đức đọc tụng có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Người hiện thời sợ niệm kinh; nhất là tôi lại còn bảo họ phải đọc thuộc lòng, càng sợ hãi hơn, kinh hoảng chẳng dám niệm, còn làm sao được nữa? Từ đoạn kinh văn này, chư vị biết đọc tụng và không đọc tụng sai biệt to lớn cỡ nào? Quay lại xem thế gian này, hãy xem cổ nhân, vừa nghe mấy câu kinh liền khai ngộ, căn bản đều là do đọc tụng. Nay chúng ta nghe kinh, nghe khai thị không thể khai ngộ là vì chẳng có đọc tụng. Đọc đến đoạn này, hãy nên hiểu rõ, tôi khuyên quý vị đọc tụng là đúng!

Thị danh thượng phẩm trung sanh giả.

是名上品中生者。

(Gọi là thượng phẩm trung sanh).

Được rồi, chúng ta học tới chỗ này!

Tập 27

Xin mở kinh bốn, trang hai trăm hai mươi bảy, xem phần Thượng Phẩm Hạ Sanh.

Thượng phẩm hạ sanh giả, diệc tín nhân quả, bất bán Đại Thừa, đản phát vô thượng đạo tâm, dĩ thử công đức hồi hướng, nguyện cầu sanh Cực Lạc quốc.

上品下生者。亦信因果。不謗大乘。但發無上道心。以此功德迴向。願求生極樂國。

(Thượng phẩm hạ sanh cũng tin nhân quả, chẳng bán Đại Thừa, chỉ phát đạo tâm vô thượng. Dem công đức ấy hồi hướng, nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc).

Kinh văn nói rất rõ rệt: Phải phát Bồ Đề tâm. “Vô thượng đạo tâm” là phát Bồ Đề tâm. Chúng ta lật qua xem phần kinh văn trong trang hai trăm hai mươi tám, từ dòng thứ hai đếm ngược lại.

Hành giả mạng dục chung thời, A Di Đà Phật, cập Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dĩ chư Bồ Tát, trì kim liên hoa, hóa tác ngũ bách Phật lai nghênh thử nhân. Ngũ bách hóa Phật nhất thời thọ thử, tán ngôn: “Pháp tử! Nhữ kim thanh tịnh, phát vô thượng đạo tâm, ngã lai nghênh nhữ”.

行者命欲終時。阿彌陀佛。及觀世音大勢至。與諸菩薩。持金蓮華。化作五百佛來迎此人。五百化佛一時授手。讚言法子。汝今清淨。發無上道心。我來迎汝。

(Khi hành giả sắp mạng chung, A Di Đà Phật, và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, cùng các vị Bồ Tát, cầm hoa sen vàng, hóa thành năm trăm vị Phật đến đón người ấy. Năm trăm vị hóa Phật đồng thời xòe tay, khen rằng: “Pháp tử! Nay ngươi thanh tịnh, phát vô thượng đạo tâm, ta đến đón ngươi”).

Đoạn này nói tới duyên. Trong phần Trung Phẩm trên đây, kinh nói có một ngàn vị Phật, A Di Đà Phật và một ngàn vị hóa Phật đến đón tiếp, chỗ này số lượng Phật ít hơn một nửa, hóa thành năm trăm vị Phật đến đón người ấy. Nếu ở đây, chúng ta hỏi: “Có phải là A Di Đà Phật cũng phân biệt, chấp trước hay không? Vì sao thượng phẩm hóa Phật nhiều, hạ phẩm hóa Phật ít hơn, có phải là Ngài cũng có phân biệt, chấp trước?” Ất cần phải biết: Khi vãng sanh, Phật, Bồ Tát đến đón tiếp là thật; nhưng số lượng Phật, Bồ Tát nhiều hay ít là do chính tâm chúng ta cảm, Phật, Bồ Tát bèn tự nhiên ứng. Chắc chắn là A Di Đà Phật chẳng có phân biệt, chấp trước. Thấy những vị Phật ấy, vẫn do tự tánh Di Đà của chúng ta biến hóa đến đón. Vì thế, hết thấy xác thực là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Nói chung, chẳng lìa khỏi sự cảm ứng từ nơi tâm tánh của chính mình! Phẩm vị càng thấp, số người đến đón càng ít. Phẩm vị càng cao, thấy cảnh giới

càng thù thắng, đó là lẽ tự nhiên. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, xác thực là có bốn cõi, chín phẩm sai biệt. Trong mỗi cõi đều có ba bậc, chín phẩm, có sự sai biệt ấy! Nhưng chúng ta đọc Đại Kinh, thấy nói đầu là hạ hạ phẩm vãng sanh, sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thần thông, đạo lực, các thứ thụ dụng chẳng sai khác [so với các phẩm khác]; sau khi đã tới Tây Phương, chẳng có sai biệt. Đó là do thần lực của Phật Di Đà gia trì, nên thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng. “*Bình đẳng*” nghĩa là bình đẳng về sự thụ dụng trong cuộc sống vật chất, chứ nội tâm đoạn phiền não, chứng Bồ Đề, chẳng có cách nào bình đẳng được! A Di Đà Phật chẳng thể giúp được, chính mình phải đổ công, dốc sức!

Đoạn kinh văn kế tiếp nói về sự vãng sanh.

Kiến thử sự thời, tức tự kiến thân tọa kim liên hoa, tọa dĩ hoa hợp, tùy Thế Tôn hậu, tức đắc vãng sanh thất bảo trì trung.

見此事時。即自見身坐金蓮華。坐已華合。隨世尊後。即得往生七寶池中。

(*Khi thấy việc ấy, liền tự thấy thân mình ngồi trên hoa sen vàng, ngồi xong, hoa khép lại, theo sau đức Thế Tôn, liền được vãng sanh trong ao bảy báu*).

Đây là hiện tượng vãng sanh.

Nhất nhật nhất dạ, liên hoa nãi khai. Thất nhật chi trung, nãi đắc kiến Phật. Tuy kiến Phật thân, v chúng tướng hảo, tâm bất minh liễu, v tam thất nhật hậu, nãi liễu liễu kiến, văn chúng âm thanh, giai diễn diệu pháp, du lịch thập phương, cúng dường chư Phật, v chư Phật tiền, văn thậm thâm pháp, kinh tam tiểu kiếp, đắc bách pháp minh môn, trụ Hoan Hỷ Địa.

一日一夜。蓮華乃開。七日之中。乃得見佛。雖見佛身。於眾相好。心不明了。於三七日後。乃了了見。聞眾音聲。皆演妙法。遊歷十方。供養諸佛。於諸佛前。聞甚深法。經三小劫。得百法明門。住歡喜地。

(*Qua một ngày, một đêm, hoa sen bèn nở, trong vòng bảy ngày bèn được thấy Phật. Tuy thấy thân Phật, nhưng đối với các tướng hảo, tâm chẳng hiểu rõ. Sau hai mươi một ngày, bèn thấy rõ ràng. Nghe các âm thanh, đều diễn diệu pháp, dạo khắp mười phương, cúng dường chư Phật. Đối trước chư Phật, nghe pháp rất sâu, qua ba tiểu kiếp, đắc bách pháp minh môn, trụ Hoan Hỷ Địa*).

Nói về người thượng phẩm hạ sanh, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau một ngày một đêm, hoa nở, thấy Phật. Tuy thấy Phật, nghe pháp, trọn chẳng thể lập tức khai ngộ, phải trải qua hai mươi một ngày, người ấy mới hiểu rõ. Sau ba tiểu kiếp mới minh tâm kiến tánh, thật sự chứng đắc quả vị Sơ Địa. Chúng ta thấy thời gian này cũng rất dài, phải trải qua ba tiểu kiếp; trên thực tế, người trong thế giới Tây Phương thọ mạng là vô lượng thọ. Từ vô lượng thọ mà

nhìn ba tiểu kiếp, sẽ giống như chúng ta trong cõi này thọ trăm tuổi nhìn ba giờ, thậm chí còn chưa đến! Chỉ sợ là chỉ được ba mươi phút. Do thọ mạng của họ dài lâu, họ thấy ba tiểu kiếp rất ngắn, thời gian quá ngắn. Pháp môn này xác thực là pháp môn thành tựu trong một đời.

Câu cuối cùng là tổng kết, hàng thứ nhất trong trang hai trăm ba mươi một.

Thị danh thượng phẩm hạ sanh giả, thị danh thượng bối sanh tướng, danh đệ thập tứ quán.

是名上品下生者。是名上輩生想。名第十四觀。

(Đó gọi là thượng phẩm hạ sanh, là phép quán tướng vãng sanh trong bậc thượng, gọi là phép Quán thứ mười bốn).

Phép Quán thứ mười bốn nói về ba bậc thượng. Tiếp theo là phép Quán thứ mười lăm, nói về trung phẩm vãng sanh, có trung phẩm thượng sanh, trung phẩm trung sanh, và trung phẩm hạ sanh.

Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Trung phẩm thượng sanh giả, nhược hữu chúng sanh, thọ trì Ngũ Giới, trì Bát Giới Trai, tu hành chư giới, bất tạo Ngũ Nghịch, vô chúng quá hoạn. Dĩ thử thiện căn hồi hướng, nguyện cầu sanh u Tây Phương Cực Lạc thế giới.

佛告阿難及韋提希。中品上生者。若有眾生。受持五戒。持八戒齋。修行諸戒。不造五逆。無眾過患。以此善根迴向。願求生於西方極樂世界。

(Phật cáo A Nan và Vi Đề Hy: - Trung phẩm thượng sanh là nếu có những chúng sanh thọ trì Ngũ Giới, trì Bát Quan Trai Giới, tu hành các giới, chẳng tạo Ngũ Nghịch, không phạm các lỗi lầm. Dùng thiện căn ấy hồi hướng, nguyện cầu sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới).

Đây là nói đến sự tu nhân. Do vậy có thể biết, thượng phẩm thiên về đọa tụng Đại Thừa; xét ra, trung phẩm tự hồ là hàng Nhị Thừa, tức người Tiểu Thừa hồi Tiểu hướng Đại, trì giới, niệm Phật thuộc loại này. Người ấy có thể thọ trì Ngũ Giới. Ngũ Giới là căn bản giới trong Phật pháp, bất luận xưa nay, tức là nói về thời gian, bất luận tại Ấn Độ xưa kia, hay tại Trung Hoa hiện thời, cho đến đối với những quốc gia, dân tộc khác, đây là quan niệm đạo đức cơ bản, đều ắt cần phải tuân thủ. Chẳng có chuyện coi sát sanh là thiện hạnh, chẳng có đạo lý ấy. Chẳng hề nói trộm cắp là chuyện tốt đẹp, xưa nay trong ngoài nước đều chẳng chấp nhận. Do đó, giết, trộm, dâm, dối, uống rượu chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Trên thế giới này, trong hiện tại tuy bán rượu, nhưng đối với loại rượu nhẹ, cũng đưa ra cảnh cáo “rượu chẳng phải là thứ tốt lành!” Có thể thấy năm điều trong ngũ giới xác thực là siêu việt thời gian và không gian, được hết thảy chúng sanh công nhận là thiện hạnh, ắt phải tuân thủ. Những quy phạm khác trong cuộc sống có thể nói là do thời điểm, do con người, do địa phương khác nhau, mà chế định

như vậy. Tinh thần cơ bản của chúng là “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”, đoạn ác tu thiện, là những quy định, khuôn phép nhằm kiềm chế bản thân và xử thế. “*Vô chúng quá hoạn*” nghĩa là trì giới rất thanh tịnh. Dùng thiện căn ấy để hồi hướng, cầu sanh Tây Phương. Đó là cái nhân của trung phẩm thượng sanh.

Lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật, dữ chư tỳ-kheo, quyền thuộc vì nhiều, phóng kim sắc quang, chí kỳ nhân sở, diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, tán thán xuất gia, đắc ly chúng khổ. Hành giả kiến dĩ, tâm đại hoan hỷ, tự kiến kỹ thân tọa liên hoa đài, trường quy, hợp chường, vị Phật tác lễ. Vị cử đầu khoảnh, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới, liên hoa tầm khai, đương hoa phu thời, vãn chúng âm thanh, tán thán Tứ Đế. Ứng thời, tức đắc A La Hán đạo, tam minh, lục thông, cụ bát giải thoát. Thị danh trung phẩm thượng sanh giả.

臨命終時。阿彌陀佛。與諸比丘眷屬圍繞。放金色光。至其所。演說苦空無常無我。讚歎出家。得離眾苦。行者見已。心大歡喜。自見己身坐蓮華臺。長跪合掌。為佛作禮。未舉頭頃。即得往生極樂世界。蓮華尋開。當華敷時。聞眾音聲。讚歎四諦。應時即得阿羅漢道。三明六通。具八解脫。是名中品上生者。

(Khi lâm chung, A Di Đà Phật và các tỳ-kheo, quyền thuộc vây quanh, phóng quang minh sắc vàng, chiếu tới chỗ người ấy, diễn nói Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, tán thán xuất gia được lìa các nỗi khổ. Hành giả thấy rồi, tâm đại hoan hỷ, tự thấy chính mình ngồi trên đài hoa sen, quỳ thẳng⁶⁹, chắp tay, làm lễ đức Phật. Trong khoảng chưa ngẩng đầu lên, liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Hoa sen vừa nở, đang trong lúc hoa nở, nghe các âm thanh, tán thán Tứ Đế. Ngay khi ấy, liền đắc A La Hán đạo. Tam minh, lục thông, trọn đủ tám món giải thoát⁷⁰, gọi là trung phẩm thượng sanh).

⁶⁹ Quỳ thẳng (trường quy) là đầu gối và bắp chân đặt sát đất, thẳng lưng, thân mình tạo thành chữ L so với hai bắp chân (tức là quỳ thẳng lưng, mông không đặt trên hai gót chân như cách quỳ thông thường). Cách quỳ này thể hiện ý nghĩa tột bậc cung kính.

⁷⁰ Lục Thông là Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Thần Túc, Túc Mạng và Lưu Tận. Tam Minh là Thiên Nhân Minh, Túc Mạng Minh và Lưu Tận Minh. Minh là nói thần thông đạt đến mức độ thấu triệt, rõ ráo, tức là ba thứ thần thông của hàng La Hán trở lên. Gọi là Minh nhằm nhấn mạnh thần thông thành tựu do tu chứng, do tâm thanh tịnh, chứ không phải là báo đắc (do quả báo mà có thần thông, như hàng quỳ thần). Bát Giải Thoát (Astau Vimoksāh) là do công năng của tám thứ Định mà xả trừ tham dục đối với các món sắc và vô sắc, bao gồm: Nội hữu sắc tướng quán chư sắc giải thoát, nội vô sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát, tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ, Không Vô Biên Xứ giải thoát, Thức Xứ giải thoát, Vô Sở Hữu Xứ giải thoát, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ giải thoát, Diệt Thọ Tướng Định Thân Tác Chứng Cụ Túc Trụ.

Nói rõ lợi ích vãng sanh. Xét theo đoạn kinh văn này, và xem phần sau, quả vị Tiểu Thừa hết sức rõ rệt. Người căn tánh Tiểu Thừa trì giới niệm Phật, hồi hướng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, đắc quả vị như vậy.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp trong trang hai trăm ba mươi bốn.

Trung phẩm trung sanh giả, nhược hữu chúng sanh, nhược nhất nhật nhất dạ, trì Bát Giới Trai, nhược nhất nhật nhất dạ, trì Sa Di Giới, nhược nhất nhật nhất dạ, trì Cụ Túc Giới.

中品中生者。若有眾生。若一日一夜。持八戒齋。若一日一夜。持沙彌戒。若一日一夜。持具足戒。

(Trung phẩm trung sanh là nếu có các chúng sanh, trong một ngày một đêm trì Bát Quan Trai Giới, hoặc một ngày một đêm trì Sa Di Giới, hoặc một ngày một đêm trì Cụ Túc Giới).

Cụ Túc Giới là giới tỳ-kheo.

Oai nghi vô khuyết, dĩ thử công đức hồi hướng, nguyện cầu sanh Cực Lạc quốc, giới hương huân tu.

威儀無缺。以此功德迴向。願求生極樂國。戒香熏修。

(Oai nghi chẳng khuyết, dùng công đức này hồi hướng, nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc, giới hương huân tu).

Đến chỗ này là nói về cái nhân vãng sanh. Mười giới là Sa Di Giới. Sa Di Giới và Bát Quan Trai Giới hết sức gần gũi. Bát Quan Trai Giới là tại gia cư sĩ tu giới xuất gia một ngày, một đêm. Thời gian của Bát Quan Trai Giới là hai mươi bốn giờ, nếu muốn thọ lại bèn thọ như mới, có thể thọ mỗi ngày. Nếu chẳng có pháp sư, có thể đối trước hình tượng Phật, Bồ Tát để tự thọ giới này. [Bát Quan Trai Giới] có tám giới điều giống Sa Di Giới, [nhưng còn kèm thêm] một điều là Trai. Trai (齋) là “*quá trung bất thực*” (sau giữa trưa không ăn), Trung (中) là giữa trưa. Giữa trưa mỗi ngày [xảy ra] vào thời điểm khác nhau, qua khỏi giữa trưa chẳng ăn. Nếu qua khỏi giữa trưa mà ăn thứ gì đó sẽ là phá trai, Bát Quan Trai Giới bị phá hỏng. Nói thật ra, trai giới này cũng chẳng dễ trì cho lắm. Buổi chiều chỉ có thể uống nước, ngay cả những thức uống khác cũng chẳng được dùng. Vì nói theo trai giới, trong thức uống chẳng thể có chất trầm lắng. Nếu để một lát, nó lắng xuống thì không được dùng. Sữa trầm lắng, sữa đậu nành cũng trầm lắng, nước trái cây cũng trầm lắng. Mật chẳng trầm lắng, mật hòa vào nước, sẽ chẳng trầm lắng, nên có thể dùng. Nước đường có thể dùng. Chú trọng trai, giữa trưa ăn một bữa, đó là Trai. Nếu sáng sớm ăn thêm một bữa cũng là phá trai, không được! Chắc chắn là giữa trưa ăn một bữa.

Do đó, có rất nhiều đồng tu trì ngũ. Nói thật ra, trì ngũ có tất yếu hay không? Chư vị phải hiểu trai giới là hình thức, mục đích là đặc tâm thanh tịnh, mục đích ở chỗ này! Trì trai giới rất nghiêm, nhưng tâm chẳng thanh tịnh, trai

giới bèn là phước báo hữu lậu trong thế gian, chẳng phải là cái nhân để vãng sanh. Nếu cái nhân vãng sanh mà nói như vậy thì Tây Phương Cực Lạc thế giới hoàn toàn nói theo bề ngoài, chắc chắn là nói chẳng suông, nói theo lý luận chẳng thể thông suốt được! Nhân Giới đấng Định, nhân Định khai Huệ. Buổi tối ăn ít chắc chắn có lợi cho bản thân. Cổ nhân chủ trương ẩm thực như thế này: Sáng sớm ăn ngon, buổi trưa ăn no, buổi tối ăn ít. Buổi tối có thể chẳng ăn, đích xác là hết sức tốt. Người hiện thời có thói quen khác hẳn, buổi tối đến nửa đêm còn phải có bữa ăn khuya. Nhất là người ngoại quốc, bữa ăn chánh trong ngày của người ngoại quốc là bữa tối. Bữa chánh của người Hoa là bữa trưa, bữa chánh của người ngoại quốc là cơm tối. Bữa tối ăn rất nhiều, ăn rất ngon, vì buổi trưa quá nửa là phải đi làm, tùy tiện ăn chút gì đó, đó là do thói quen ẩm thực và sinh hoạt khác nhau. Phải hiểu ẩm thực trong nhà Phật vẫn là nhằm giúp chúng ta tu Định, giúp cho tâm địa thanh tịnh, mục đích ở chỗ này. Đó là nói tới chuyện trì giới niệm Phật.

Như thử hành giả, mạng dục chung thời, kiến A Di Đà Phật, dữ chư quyền thuộc, phóng kim sắc quang, trì thất bảo liên hoa, chí hành giả tiền. Hành giả tự vẫn không trung hữu thanh, tán ngôn: “Thiện nam tử! Như như thiện nhân, tùy thuận tam thế chư Phật giáo, cô ngã lai nghênh như”.

如此行者。命欲終時。見阿彌陀佛。與諸眷屬。放金色光。持七寶蓮華。至行者前。行者自聞空中有聲。讚言善男子。如汝善人。隨順三世諸佛教。故我來迎汝。

(Hành giả như thế lúc sắp mạng chung, thấy A Di Đà Phật và các quyền thuộc phóng quang minh sắc vàng, cầm hoa sen bảy báu, đến trước hành giả. Hành giả tự nghe trong hư không có tiếng khen ngợi rằng: “Này thiện nam tử! Như ông là thiện nhân, tùy thuận lời dạy của tam thế chư Phật, nên ta đến đón ông”).

Ở đây, chúng ta lại thấy một câu kinh văn, “tùy thuận tam thế chư Phật giáo”. Trì giới niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quá khứ, hiện tại, vị lai hết thấy chư Phật đều giáo hóa chúng sanh như vậy, khuyên hết thấy chúng sanh trì giới niệm Phật, vãng sanh thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật, đó là lời dạy của tam thế chư Phật.

Hành giả tự kiến tọa liên hoa thượng, liên hoa tức hợp, sanh w Tây Phương Cực Lạc thế giới.

行者自見坐蓮華上。蓮華即合。生於西方極樂世界。

(Hành giả tự thấy ngồi trên hoa sen, hoa sen liền khép lại, sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới).

Đây là vãng sanh.

Tại bảo trì trung, kinh u thất nhật, liên hoa nãi phu. Hoa ký phu dĩ, khai mục, hợp chưởng, tán thân Thế Tôn, văn pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn. Kinh bán kiếp dĩ, thành A La Hán. Thị danh trung phẩm trung sanh giả.

在寶池中。經於七日。蓮華乃敷。華既敷已。開目合掌。讚歎世尊。聞法歡喜。得須陀洹。經半劫已。成阿羅漢。是名中品中生者。

(Ở trong ao báu, trải qua bảy ngày, hoa sen mới nở. Hoa đã nở, bèn mở mắt, chấp tay, tán thân đức Thế Tôn, nghe pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn. Trải qua nửa kiếp, thành A La Hán. Đây là trung phẩm trung sanh).

Phẩm vị này càng thấp hơn phẩm vị trước, tình hình tiếp dẫn cũng kém trước rất nhiều. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải qua nửa kiếp mới có thể chứng quả A La Hán. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có A La Hán, cũng chẳng có Tu Đà Hoàn, chúng ta đã đọc thấy điều này trong kinh Vô Lượng Thọ. Kinh nói những danh từ ấy đều là tỷ dụ quả vị của họ bằng với Tu Đà Hoàn và A La Hán trong các thế giới phương khác. Tu Đà Hoàn là đoạn hết Kiến Hoặc, A La Hán là đoạn hết Tư Hoặc. Xét theo quả vị của Đại Thừa Bồ Tát, Tu Đà Hoàn tương đương địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo, A La Hán tương đương địa vị Thất Tín Bồ Tát. Đạt đến Thất Tín, liền từ cõi Phạm Thánh Đồng Cư vượt lên cõi Phương Tiện, đạt đến cõi Phương Tiện Hữu Dư.

Lại xem đoạn kế tiếp, [xem từ] hàng cuối cùng trong trang hai trăm ba mươi lăm.

Trung phẩm hạ sanh giả, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, hiếu dưỡng phụ mẫu, hành thế nhân từ, thử nhân mạng dục chung thời, ngộ thiện tri thức, vị kỳ quảng thuyết A Di Đà Phật quốc độ lạc sự, diệc thuyết Pháp Tạng tỳ-kheo tứ thập bát nguyện. Văn thử sự dĩ, tầm tức mạng chung, thí như tráng sĩ khuất thân tỳ khoảnh, tức sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, kinh thất nhật dĩ, ngộ Quán Thế Âm, cập Đại Thế Chí, văn pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn, quá nhất tiểu kiếp, thành A La Hán. Thị danh trung phẩm hạ sanh giả, thị danh trung bối sanh tướng, danh đệ thập ngũ quán.

中品下生者。若有善男子善女人。孝養父母。行世仁慈。此人命欲終時。遇善知識。為其廣說阿彌陀佛國土樂事。亦說法藏比丘四十八願。聞此事已。尋即命終。譬如壯士屈伸臂頃。即生西方極樂世界。經七日已。遇觀世音。及大勢至。聞法歡喜。得須陀洹。過一小劫。成阿羅漢。是名中品下生者。是名中輩生想。名第十五觀。

(Trung phẩm hạ sanh là nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân hiếu dưỡng phụ mẫu, làm chuyện nhân từ trong cõi đời, khi người ấy mạng chung, gặp thiện tri thức, vì người ấy nói rộng rãi những sự vui thú trong cõi nước của A Di Đà

Phật, cũng nói bốn mươi tám nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng. Nghe chuyện ấy xong, ngay lập tức qua đời, ví như trong khoảng trống sẽ co duỗi cánh tay, liền sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Qua khỏi bảy ngày, gặp Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, nghe pháp hoan hỷ, đấng Tu Đà Hoàn. Qua khỏi một tiểu kiếp, thành A La Hán. Đây gọi là trung phẩm hạ sanh, là phép quán tưởng vãng sanh trong bậc trung, được gọi là phép Quán thứ mười lăm).

Đối với trung phẩm hạ sanh, ở đây kinh văn tinh lược, trọn chẳng nói căn cứ. Người vãng sanh là thiện nhân theo pháp thế gian, khi lâm chung bèn nghe thiện tri thức vì người ấy thuyết pháp, người ấy có thể tin tưởng. Kinh chẳng nói Phật đến tiếp dẫn. Chúng ta hãy nghĩ xem Phật có thể chẳng đến tiếp dẫn hay không? Chẳng tiếp dẫn thì làm sao người ấy có thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cho được? Đọc kinh này, nhất định phải tham chiếu gộp lại cả ba kinh để xem, chúng ta mới có thể thấy viên mãn sự thật này, mới có thể đoạn sạch hết thảy nghi hoặc. Trong bốn mươi tám nguyện, quý vị phải ghi nhớ điều này, căn cứ quan trọng nhất của Tây Phương Tịnh Độ là bốn mươi tám nguyện. Hết thảy chư Phật giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, nếu mâu thuẫn hoặc xung đột với bốn mươi tám nguyện, chúng ta chớ nên tin tưởng. Dầu là Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni Phật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, nhất định phải lấy bốn mươi tám nguyện làm căn cứ. Trong bốn mươi tám nguyện chẳng nói: “*Từ trung phẩm hạ sanh trở xuống, ta sẽ không đến tiếp dẫn*”, chẳng có câu ấy! Khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn chính là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, Ngài nhất định sẽ đến. Dầu là hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, đức Phật cũng đến tiếp dẫn.

Nhất là trong hiện tại, kể như năm kia, [đối với chuyện vãng sanh của] cư sĩ Châu Quảng Đại ở Washington DC, chúng ta thấy tình hình ấy giống tình hình ở đây. Ông ta thấy Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn. Ông ta chẳng nói có nhiều vị Phật, Bồ Tát, mà nói là Tây Phương Tam Thánh từ trên mây giáng xuống tiếp dẫn ông ta vãng sanh. Khi lâm chung, ông ta niệm Phật ba ngày ba đêm, suốt đời chưa từng gặp gỡ Phật pháp, lúc lâm chung gặp thiện tri thức, khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Niệm ba ngày ba đêm, cảm A Di Đà Phật hiện tới. Người này cách chúng ta không xa, cũng là trong vòng một hai năm mà thôi. Có một người vãng sanh như thế, đó là quyết định vãng sanh. Chính ông ta thấy Phật, kể với mọi người “Phật hiện đến”. Ông ta thấy Ngài từ trong mây giáng xuống, chẳng giả, quyết định là thật.

Những chuyện giống như vậy, chúng ta nhất định phải đọc Đại Kinh mới hiểu trong kinh điển có những chỗ tinh lược. Ở đây tinh lược, nhưng trong kinh kia thì có, giống như trong kinh Vô Lượng Thọ [có nhiều bản dịch], bản [dịch] này tinh lược, nhưng bản [dịch] khác thì có. Có khi bản khác tinh lược, mà bản này lại có. Do Thích Ca Mâu Ni Phật nhiều lần tuyên thuyết, nên quả thật, hội tập là chuyện tất yếu. Hội tập giống như tất cả các bản chúng ta đều xem. Do Thích Ca Mâu Ni Phật nhiều lần tuyên thuyết, nên chúng ta đều nghe toàn bộ thì ý nghĩa mới hoàn chỉnh, mới chẳng đến nỗi khuyết hãm! Cũng giống như vậy, gộp ba kinh lại để xem, lại còn phải xem gộp chung tất cả các bản [dịch khác nhau của

cùng một kinh]. Như kinh Di Đà, trong bản dịch của Huyền Trang đại sư có những câu mà bản dịch của La Thập đại sư chẳng có, đủ để bổ sung những chỗ chưa đầy đủ trong bản dịch của ngài La Thập. Xem như vậy thì mới có thể thấy hoàn toàn, khiến cho khá nhiều nghi vấn bị đoạn sạch, điều này rất trọng yếu!

Chương cuối cùng là phép Quán thứ mười sáu, Hạ Phẩm Sanh Quán. Hạ phẩm vãng sanh chú trọng trì danh. Chúng ta hãy xem kinh văn từ hàng cuối cùng trong trang hai trăm ba mươi tám.

Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Hạ phẩm thượng sanh giả, hoặc hữu chúng sanh, tác chúng ác nghiệp, tuy bất phỉ báng Phương Đẳng kinh điển, như thử ngu nhân, đa tạo ác pháp, vô hữu tâm quý, mạng dục chung thời, ngộ thiện tri thức, vị thuyết Đại Thừa thập nhị bộ kinh thủ đề danh tự, dĩ văn như thị chư kinh danh cổ, trừ khước thiên kiếp cực trọng ác nghiệp. Trí giả phục giáo hộ chương xoa thủ, xưng Nam-mô A Di Đà Phật. Xưng Phật danh cổ, trừ ngũ thập ức kiếp sanh tử chi tội.

佛告阿難及韋提希。下品上生者。或有眾生。作眾惡業。雖不誹謗方等經典。如此愚人。多造惡法。無有慚愧。命欲終時。遇善知識。為說大乘十二部經首題名字。以聞如是諸經名故。除卻千劫極重惡業。智者復教合掌叉手。稱南無阿彌陀佛。稱佛名故。除五十億劫生死之罪。

(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Hạ phẩm thượng sanh: Hoặc có chúng sanh làm các nghiệp ác, tuy chẳng phỉ báng kinh điển Phương Đẳng, nhưng kẻ ngu như thế tạo nhiều ác pháp, chẳng hề hổ thẹn. Lúc sắp mất, gặp thiện tri thức bảo cho biết tên gọi, tựa đề của mười hai thể loại kinh Đại Thừa. Do nghe tên các kinh như thế, trừ ác nghiệp cực nặng trong ngàn kiếp. Bậc trí lại dạy chấp tay, xưng niệm Nam-mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, trừ tội trong năm mươi ức kiếp sanh tử).

Từ đoạn này là nói về cái nhân vãng sanh. Do nhìn từ sự tu nhân, có thể nói là bậc thượng và bậc trung vãng sanh đều là tu phước, ba bậc vãng sanh trong hạ phẩm đều là chúng sanh tạo tác tội nghiệp. Hai bậc trước đều là tu phước, là thiện nhân quân tử, là người có đạo đức trên thế gian, ba loại hạ này là những kẻ tạo tội nghiệp cạn hay sâu khác nhau. Thượng phẩm thì tội nghiệp tương đối cạn, càng đi xuống, tội nghiệp càng nặng hơn. Đương nhiên là họ chẳng thể tu Quán, quán tưởng hay quán Phật đều chẳng làm được. Thiện hữu dạy kẻ ấy trì danh niệm Phật. Ở đây, chúng ta ắt cần phải biết một sự thật, những phương pháp quán tưởng và quán tượng, người nghiệp chướng rất nặng chẳng thể tu, chẳng có cách nào tu được, nhưng chấp trì danh hiệu có thể độ kẻ ấy. Quý vị hãy suy nghĩ: Giữa ba phương pháp niệm Phật ấy, tức là so giữa quán tưởng, quán tượng và trì danh, loại nào thù thắng? Hãy nên biết điều này! Hết thấy các phương pháp chẳng thể độ được, nhưng phương pháp này có thể độ, [chứng tỏ] phương pháp này thù thắng bậc nhất, phải biết điều này. Do đó, trong mười sáu phép Quán có nói đến

phương pháp này, pháp thù thắng khôn sánh là trì danh niệm Phật. Trì danh niệm Phật có thể độ chúng sanh khổ sở cùng cực trong địa ngục, những loại [chúng sanh] khác chẳng cần phải nói nữa! Do đều độ được, nên mười phương tam thế hết thầy chư Phật, Bồ Tát, chẳng có vị nào không đề xướng trì danh.

Kinh Vô Lượng Thọ đề xướng trì danh niệm Phật, kinh A Di Đà cũng đề xướng trì danh niệm Phật. Vì sao không đề xướng quán tưởng và quán tượng? Quý vị đã biết: Dùng các phương pháp ấy mà có thể vãng sanh, là để độ người nghiệp chướng tương đối nhẹ; còn kẻ nghiệp chướng sâu nặng, phải cậy vào phương pháp này, chứ hai phương pháp trước chẳng thể độ. Phương pháp này mới là pháp môn phương tiện thù thắng khôn sánh, thành tựu hết thầy chúng sanh.

Giáo pháp viên đôn chủ trương: Dẫu tội nghiệp nặng nề nhất, sám hối đều có thể diệt trừ; bởi lẽ, một niệm hồi tâm bền có thể cảm ứng đạo giao cùng Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng một người mà gặp được thiện tri thức trong một đời rất khó khăn. Nói thật ra là do thiện căn, phước đức, nhân duyên trong nhiều đời đã chín muồi. Thầy và trò cũng lại như thế: Một vị thầy tốt chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu, chúng ta đến đâu để tìm? Tìm chẳng thấy! Thầy muốn tìm học trò để truyền pháp cũng chẳng tìm được. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư suốt một đời chỉ truyền được một người là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, truyền có một người! [Thầy] có bao giờ chẳng mong truyền được nhiều người, nhưng tìm không ra, đây là cơ duyên, nên tìm không thấy. Thuở ấy, thầy Lý ở Đài Trung, mỗi lần tôi gặp thầy đều khuyên lão nhân gia truyền thêm cho mấy người. Vì chúng tôi ở ngoài giảng kinh rất vất vả, luôn cảm thấy quá cô đơn, sư huynh, sư đệ đông hơn một tí thì hay hơn, có thể giúp đỡ lẫn nhau. Tôi nói lời ấy nói chung là mười mấy lượt, hoặc hai mươi lượt. Mỗi lần nói xong, thầy đều gật gù: “Đúng lắm!” Lần cuối tôi nói với thầy, thầy bảo tôi: “Anh hãy tìm học trò giùm cho tôi!” Từ đấy trở đi, tôi không nói nữa, tôi đã biết rồi! Tìm không thấy! Đến nơi đâu để tìm? Học trò phải thỏa điều kiện gì? Phục tùng một trăm phần trăm, tôi tìm ở đâu ra? Tôi tìm không thấy. Trong xã hội hiện thời, tìm một học sinh nghe lời như vậy, xác thực là tìm chẳng thấy!

Các đồng tu theo tôi xuất gia, nói theo pháp sư Diễn Bồi đều là đồng tham đạo hữu, chẳng thể coi họ là đồ đệ, hoặc coi là học trò, không thể! Quý vị coi những người ấy là đồ đệ hoặc học trò thì sai mất rồi, sai lầm rất to. Đồng tham đạo hữu, là bạn bè, lấy đâu ra học trò? Học trò là phục tùng một trăm phần trăm, đó là học trò. Không thể phục tùng, mọi người ở chung một chỗ, đối xử hoan hỷ với nhau, là bè bạn, phải cung kính lẫn nhau, phải khách sáo. Chúng ta đều gọi nhau là pháp sư, [nếu là] đồ đệ thật sự sẽ chẳng có lối xưng hô khách sáo như thế. Sư phụ đối với trò giống như cha mẹ, gọi [học trò] bằng tên. Do đó, đối xử khách sáo với quý vị, liền biết trong xã hội hiện thời khác hẳn, đôi bên ở chung với nhau là đồng tham mà thôi!

Thầy trò đạo hợp từ xưa tới nay là chuyện khó khăn, khá khó khăn. Đạt Ma Tổ Sư là bậc thánh nhân như thế, tới chùa Thiếu Lâm mà còn phải nhìn vào vách suốt chín năm, chờ một học trò, truyền pháp cho một người. Từ Đạt Ma cho đến Ngũ Tổ, mỗi đời đều là truyền pháp cho một người. Huệ Năng đại sư nhân duyên

tụ hội, duyên đã chín muồi, nên truyền cho bốn mươi ba người. Trong lịch sử quá khứ của Thiên Tông tại Trung Hoa chẳng có chuyện này, mãi cho đến hiện thời cũng chẳng có, truyền được nhiều người như thế. Sau Lục Tổ, [có những vị] truyền được hai ba người, nhưng chẳng có ai thù thắng như Lục Tổ. Thiện tri thức thật sự khó gặp, bản thân chúng ta cầu pháp cũng thật sự chẳng dễ dàng! Do đó, phải thật sự giác ngộ, triệt để giác ngộ. Triệt để giác ngộ thực hiện từ chỗ nào? Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, quyết định chẳng dính mắc. Hễ dính mắc, toàn bộ đều bị hủy hoại. Xã hội hiện thời chỗ nào cũng đầy ắp dụ dỗ, mê hoặc, quý vị có thể chống đỡ hay không? Có thể chẳng bị dụ dỗ, mê hoặc hay không? Khó lắm! Vì thế, có người hỏi tôi: “Phải thỏa điều kiện gì thì mới có thể hoằng pháp lợi sanh?” Những điều kiện khác tôi đều chẳng bàn tới, tôi chỉ nói hai điều kiện: “Thứ nhất là nội tâm thanh tịnh, chẳng sanh phiền não; thứ hai là chẳng bị ngoại cảnh dụ dỗ, mê hoặc”. Quý vị có thể làm được hai điều ấy, chắc là cũng có thể [hoằng pháp lợi sanh]. Chẳng làm được hai điều ấy, hãy khéo niệm Phật, có thể vãng sanh thì khá lắm, chẳng dễ dàng đâu nhé! Hoàn cảnh bên ngoài có sức dụ dỗ, mê hoặc to lớn! Đây là nói rõ chuyện sám hối tội lỗi vãng sanh. Chúng ta lại xem phần kinh văn tiếp theo.

Nhĩ thời bỉ Phật tức hiển hóa Phật, hóa Quán Thế Âm, hóa Đại Thế Chí, chí hành giả tiền, tán ngôn: “Thiện nam tử! Dĩ nhữ xưng Phật danh cố, chư tội tiêu diệt, ngã lai nghênh nhữ”.

爾時彼佛即遣化佛。化觀世音。化大勢至。至行者前。讚言善男子。以汝稱佛名故。諸罪消滅。我來迎汝。

(Lúc bấy giờ, đức Phật ấy liền sai hóa Phật, hóa Quán Thế Âm, hóa Đại Thế Chí tới trước hành giả, khen rằng: “Thiện nam tử! Do ông xưng danh hiệu Phật, nên các tội tiêu diệt, ta đến đón ông”).

Quý vị thấy Tây Phương Tam Thánh xuất hiện. Phàm là đến nghênh đón, tất cả đều là hóa Phật. Trong phần thượng phẩm thượng sanh, tuy kinh chẳng nói đến hóa Phật, chúng ta nghĩ xem có phải là Phật đích thân đến ư? Người đồng thời vãng sanh trong mười phương thế giới quá đông, A Di Đà Phật đến đón như vậy, làm sao cho xuê, mệt chết luôn! Do đó, tất cả đều là hóa Phật. Bất quá hóa thành vị Phật nào sẽ tùy thuộc tâm chúng sanh. Phật chẳng nghĩ ta cần hóa ra hình dạng nào để đến tiếp dẫn, chẳng phải vậy! Biến hóa thuận theo tâm niệm của chúng sanh. Phật có tâm hay không? Phật chẳng có tâm, do tâm niệm của chính chúng ta mà hóa Phật. Vị Phật ấy lớn hay nhỏ, tướng hảo trang nghiêm, thù thắng khác nhau, tùy thuộc cảnh giới của chính mình mà biến hóa.

Giống như chúng ta gõ khánh, chúng ta vừa gõ, khánh liền ngân vang. Khánh ngân vang, nhưng nó chẳng có phân biệt, chấp trước: “Ta phải vang ra tiếng như thế nào? Ứng như thế nào?” Chẳng có! Quý vị gõ mạnh, nó sẽ kêu to. Quý vị gõ nhẹ, nó sẽ ngân nhẹ. Âm thanh lớn hay nhỏ, dài hay ngắn đúng như quý vị cảm, cảm ứng đạo giao là như vậy đó! Vì thế, dầu là hạ hạ phẩm vãng

sanh, đều là Phật đến tiếp dẫn, Phật hóa thân tận hư không khắp pháp giới. Đó là trạng huống thật sự trên thực tế, chúng ta phải hiểu! Hạ phẩm thượng sanh mà Tam Thánh đều đến tiếp dẫn, trung phẩm hạ sanh cao hơn loại này, lẽ nào Phật chẳng đến đón rước? Vì thế, nhìn vào phần kinh văn trước và sau, ta biết trong phần trước quyết định là có [Tam Thánh đến tiếp dẫn].

Tác thị ngữ dĩ, hành giả tức kiến hóa Phật quang minh, biến mãn kỳ thất.

作是語已。行者即見化佛光明。遍滿其室。

(Nói lời ấy xong, hành giả liền thấy quang minh của hóa Phật trọn khắp căn thất của chính mình).

Trước hết, thấy Phật quang.

Kiến dĩ hoan hỷ, tức tiệp mạng chung, thừa bảo liên hoa, tùy hóa Phật hậu, sanh bảo trì trung, kinh thất thất nhật, liên hoa nữ phu. Đương hoa phu thời.

見已歡喜。即便命終。乘寶蓮華。隨化佛後。生寶池中。

經七七日。蓮華乃敷。當華敷時。

(Đã thấy bèn hoan hỷ, liền mạng chung, ngồi trên hoa sen báu, theo sau hóa Phật, sanh trong ao báu, trải qua bốn mươi chín ngày, hoa sen mới nở. Ngay trong lúc hoa nở).

“Phu” (敷) là nở.

Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, cập Đại Thế Chí Bồ Tát, phóng đại quang minh, trụ kỳ nhân tiền, vị thuyết thậm thâm thập nhị bộ kinh. Văn dĩ tín giải, phát vô thượng đạo tâm, kinh thập tiểu kiếp, cụ bách pháp minh môn, đắc nhập Sơ Địa. Thị danh hạ phẩm thượng sanh giả.

大悲觀世音菩薩。及大勢至菩薩。放大光明。住其人前。

為說甚深十二部經。聞已信解。發無上道心。經十小劫。具百法
明門。得入初地。是名下品上生者。

(Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát, phóng quang minh to lớn, ở trước người ấy, vì người ấy nói mười hai bộ kinh rất sâu. Nghe rồi tin hiểu, phát vô thượng đạo tâm. Trải qua mười tiểu kiếp, trọn đủ bách pháp minh môn, được nhập Sơ Địa. Đó gọi là hạ phẩm thượng sanh).

Đây là người hạ phẩm thượng sanh. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, sau mười tiểu kiếp bèn chứng đắc quả vị Sơ Địa Bồ Tát. Sơ Địa là tầng cao tới cõi Thật Báo Trang Nghiêm, bậc Địa Thượng Bồ Tát sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đối với chú giải cho đoạn này, chúng ta hãy đọc lời chú giải trong trang hai trăm bốn mươi. Xin xem hàng thứ hai, từ câu thứ hai: “Viên Đốn giáo

thuyết, tội vô khinh trọng, hối giả giai diệt” (Nói theo giáo pháp Viên Đốn, tội chẳng có nặng hay nhẹ, hối sám hối đều tiêu diệt). Sám hối có sức mạnh vô cùng to tát. “*Như tiên dục sát chư bà-la-môn*” (Như có tiên nhân muốn giết các bà-la-môn), nêu ra một câu chuyện trong kinh điển, tức là một công án được kể trong kinh điển. “*Dục*” là mưu toan, ý nói tiên nhân mưu tính giết Bà-la-môn, “*địa ngục tam niệ, tri báng Phương Đăng, tâm sanh cải hối, tức sanh Phật quốc*” (ở trong địa ngục [trong khoảng thời gian chừng bằng] ba niệ, biết là đã báng bỗ kinh Phương Đăng, sanh lòng hối cải, liền sanh về cõi Phật). Nêu ra một thí dụ, kể tạo tội nghiệp cực nặng, nếu chẳng sám hối cầu sanh Tịnh Độ, nhất định đọa A Tỳ địa ngục, tội nặng như vậy, thật sự hối cải thì vẫn có thể vãng sanh. Tiếp đó là khai thị của pháp sư Đế Nhân lão nhân gia: “*Thiết vị, thử nhân pháp tuy bất báng*” (Trộm cho rằng người này tuy chẳng báng pháp), ý nói người hạ phẩm thượng sanh tuy chẳng báng pháp, “*kỳ dư nhất thiết ác nghiệp, vô bất cụ tạo*” (hết thảy các ác nghiệp khác, không gì chẳng tạo tác đầy đủ), mười ác nghiệp kể ấy đều tạo. “*Dĩ kỳ vô tâm quý cố, vô sở bất vi dã*” (Do kẻ ấy chẳng hồ thẹn, nên không điều gì chẳng làm). Chúng ta có thể thấy điều này phổ biến trong xã hội hiện tiền, thậm chí bản thân chúng ta cũng chẳng tránh khỏi thuộc về hạng người này. Chính mình ắt cần phải giác ngộ, phải quay đầu. “*Hảo tại lâm chung ngộ duyên, tự phi tức thiện sở truy, vạn bất năng hữu thử kiêu hãnh*” (Khéo sao lúc lâm chung gặp duyên, nếu chẳng phải do điều thiện từ xưa gây ra, muôn phần chẳng thể nào có chuyện may mắn như vậy). Do đó, nói thật ra, người ấy trong đời này có thể gặp duyên, có thể hối cải vãng sanh, vẫn là do thiện căn phước đức nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp hiện hành vào lúc đó, tuyệt đối chẳng có lẽ nào là may mắn!

“*Đản văn chư kinh thủ đề danh tự, tiên trừ thiên kiếp trọng tội, đại pháp bất khả tư nghị*” (Nhưng chỉ nghe tên gọi tựa đề của các kinh, liền trừ được trọng tội trong ngàn kiếp, đại pháp chẳng thể nghĩ bàn), ý nói nghe tên kinh có thể diệt tội. Vì lẽ đó, người Nhật [theo Nhật Liên Tông] chẳng niệm kinh, mà cũng chẳng niệm Phật hiệu, họ niệm Nam-mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh là từ chỗ này. Tên kinh Đại Thừa có thể diệt tội, đúng vậy, trong kinh quả thật có cách nói như vậy. Nhưng [cách hành trì của tín đồ Nhật Liên Tông] là một thứ thiên kiến, chấp trước, họ chẳng hiểu ý nghĩa bao hàm trong tựa đề kinh! Tôi đến thăm Nhật Bản, hỏi rất nhiều người, họ biết niệm, nhưng hỏi ý nghĩa là gì? Không biết! Như vậy thì rất khó! Nhất định phải hiểu ý nghĩa. Chẳng hiểu ý nghĩa, lợi ích hết sức ít ỏi. Chuyện này giống như trẻ nhỏ ca hát, đứa bé ba bốn tuổi có thể hát quốc ca Tam Dân Chủ Nghĩa⁷¹, nhưng Tam Dân Chủ Nghĩa là gì? Nó chẳng biết, chẳng có tác dụng!

⁷¹ Đây là bài quốc ca của Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), lời ca do Tôn Văn và các bạn hữu viết (thật ra là do các ông Hồ Hán Dân, Đới Quý Đào, Liêu Trọng Khải, Thiệu Nguyên Xung chấp bút), Trình Mậu Duân phổ nhạc. Bài này cũng là đảng ca của Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Bài này được chọn làm Quốc Ca chính thức từ năm 1928. Lời ca khá ngắn: “*Tam dân chủ nghĩa, ngô đảng sở tông, dĩ kiến dân quốc, dĩ tiến đại đồng, tư nhĩ đa sĩ, vị dân tiên phong, túc dạ phi giải, chủ nghĩa thị tùng, thị cần, thị dũng, tất tín, tất trung, nhất tâm, nhất đức, quán*”

Do vậy, niệm danh hiệu Phật cũng giống như thế. Niệm danh hiệu Phật, Danh (tên kinh) là tổng cương lĩnh của kinh. Nếu hiểu rõ danh nghĩa (ý nghĩa bao hàm trong tên gọi một bộ kinh), liền suy ra được quá nửa ý nghĩa của cả bài kinh. Như vậy thì mới có thể thọ trì, mới có thể đạt được lợi ích chân thật. Đâu có lẽ nào nghe tên kinh mà chẳng hiểu ý nghĩa, [cứ niệm suông mà vẫn đạt được lợi ích]! Chẳng thể nào có chuyện ấy, rất khó đạt được lợi ích chân thật. Ví như chúng ta nói đến bộ kinh này, giới thiệu đại lược như vậy, sẽ hữu ích rất lớn cho việc niệm Phật của chúng ta. Nếu chúng ta chẳng đọc, chẳng nghiên cứu, chẳng tìm tòi, sẽ thường là niệm danh hiệu mà tự cảm thấy chẳng đắc lực. Tuy niệm hằng ngày, nhưng chẳng có thụ dụng. Hiểu rõ điều này, đã hiểu danh hiệu, sẽ khởi tác dụng, giống như trong khi niệm, tâm dấy lên biến hóa. Khi chẳng hiểu rõ, tuy niệm, niệm rất siêng năng, nhưng trong tâm chẳng dấy lên biến hóa; có thể thấy là nhất định phải biết ý nghĩa của tựa đề kinh. Tựa đề của hết cả các kinh, nếu nói thực tại, ý nghĩa rõ rệt nhất, hoàn bị nhất, không gì hơn được Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh. Quả thật, tựa đề kinh ấy hết sức viên mãn, Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Vì thế, quả thật là phẩm vị vãng sanh cao hay thấp là do gặp duyên khác nhau. Chúng ta tan học!

triệt thi chung” (tạm dịch: “Tam Dân chủ nghĩa, đảng ta đề cao, tạo lập dân quốc, tiến tới đại đồng, hỡi các đồng chí, vì dân tiên phong, đêm ngày chẳng nghỉ, noi theo chủ nghĩa, siêng năng, dũng mãnh, tận hết tấc, trung, một lòng, một đức, quán triệt vẹn toàn”). Tam Dân Chủ Nghĩa là chủ thuyết và cương lĩnh do Tôn Văn đề xướng bao gồm Dân Tộc, Dân Quyền và Dân Sinh. Chủ thuyết này được ghi thành điều thứ nhất trong hiến pháp của Trung Hoa Dân Quốc.

Tập 28

Xin mở kinh bốn, hai trăm bốn mươi một, xem đoạn thứ hai, Hạ Phẩm Trung Sanh.

Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: Hạ phẩm trung sanh giả, hoặc hữu chúng sanh hủy phạm Ngũ Giới, Bát Giới, cập Cự Túc Giới. Như thử ngu nhân thâu Tăng Kỳ vật, đạo hiện tiền tăng vật, bất tịnh thuyết pháp. Vô hữu tâm quý, dĩ chư ác nghiệp, nhi tự trang nghiêm. Như thử tội nhân, dĩ ác nghiệp cố, ưng đọa địa ngục, mạng dục chung thời, địa ngục chúng hỏa, nhất thời câu chí, ngộ thiện tri thức, dĩ đại từ bi, tức vị tán thuyết A Di Đà Phật thập lực oai đức, quảng tán bĩ Phật quang minh thần lực, diệc tán Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến. Thử nhân văn dĩ, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội, địa ngục mãnh hỏa, hóa vi thanh lương phong, xuy chư thiên hoa, hoa thượng giai hữu hóa Phật, Bồ Tát, nghênh tiếp thử nhân, như nhất niệm khoảnh, tức đắc vãng sanh thất bảo trì trung liên hoa chi nội.

佛告阿難及韋提希。下品中生者。或有眾生。毀犯五戒八戒。及具足戒。如此愚人。偷僧祇物。盜現前僧物。不淨說法。無有慚愧。以諸惡業。而自莊嚴。如此罪人。以惡業故。應墮地獄。命欲終時。地獄眾火。一時俱至。遇善知識。以大慈悲。即為讚說阿彌陀佛十力威德。廣讚彼佛光明神力。亦讚戒定慧解脫解脫知見。此人聞已。除八十億劫生死之罪。地獄猛火。化為清涼風。吹諸天華。華上皆有化佛菩薩。迎接此人。如一念頃。即得往生七寶池中蓮華之內。

(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Hạ phẩm trung sanh, nếu có chúng sanh, hủy phạm Ngũ Giới, Bát Giới, và Cự Túc giới. Kẻ ngu như thế, trộm vật của Tăng Kỳ, ăn trộm vật của hiện tiền tăng, bất tịnh thuyết pháp, chẳng hề hổ thẹn. Dùng các ác nghiệp để tự trang nghiêm. Kẻ tội như thế, do vì ác nghiệp, đáng đọa địa ngục, lúc mạng sắp chấm dứt, các ngọn lửa địa ngục cùng lúc ủa tới, gặp thiện tri thức, do lòng đại từ bi, liền vì người đó khen nói oai đức thập lực của A Di Đà Phật, tán dương rộng rãi quang minh và thần lực của đức Phật ấy, cũng tán thán Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến. Người ấy nghe xong, trừ tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Lửa dữ trong địa ngục hóa thành gió trong mát, thổi các hoa trời. Trên hoa đều có hóa Phật, Bồ Tát nghênh đón người ấy. Như trong khoảng một niệm, liền được vãng sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu).

Trong đoạn này, phần trước nói đến cái nhân vãng sanh, phần sau nói về trạng huống vãng sanh, nói về cái nhân vãng sanh rất nhiều. Trong đoạn này, chúng ta thấy người vãng sanh khi còn sống đã phá giới, hủy phạm Ngũ Giới và Cự Túc Giới, đây là kẻ phá giới. Trong kinh, đặc biệt nêu ra hai chuyện, một là trộm cắp, hai là “bất tịnh thuyết pháp”. Bất tịnh thuyết pháp là thuyết pháp như

một thủ đoạn để đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian, những kiểu như vậy đều được gọi là bất tịnh thuyết pháp, được gọi là “buôn bán Như Lai”⁷², nhằm mục đích tự tư tự lợi, nên quả báo đều là địa ngục. Nếu lúc lâm chung, gặp gỡ thiện hữu vì kẻ ấy tán thán y báo và chánh báo trang nghiêm thù thắng trong cõi Tây Phương, khuyên kẻ ấy niệm Phật, người ấy một niệm hồi tâm thì cũng có thể vãng sanh. Nhưng chư vị phải hiểu: Trên thực tế, tuyệt đối chẳng đơn giản như thế, nguyên nhân vì đâu? Vẫn là một câu như kinh Di Đà đã dạy: “*Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy!*” Quý vị nói kẻ ấy suốt đời tạo tội nghiệp, lấy đâu ra thiện căn, phước đức, nhân duyên? Chư vị phải hiểu: Thiện căn, phước đức, nhân duyên đã tu trong đời quá khứ. Kẻ ấy đã tạo tội nghiệp vì đời này chẳng gặp thiện duyên, chẳng gặp gỡ thiện tri thức, giao du với bạn bè xấu xa, nên suốt một đời này tạo tội nghiệp, chẳng phải là đời trước kẻ ấy chẳng có thiện căn sâu dày. Chính vì đời trước thiện căn sâu dày, cũng giống như trong kinh đã nói, đời quá khứ từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, nên khi lâm chung, nhắc nhở kẻ ấy một câu, thiện căn của kẻ ấy bèn có thể hiện tiền. Nếu chẳng có thiện căn sâu dày dường ấy, khi lâm chung, quý vị khuyên kẻ ấy niệm Phật, kẻ ấy chẳng thích nghe! Chuyện này chúng tôi cũng đã từng thật sự trông thấy!

Lúc tôi mới xuất gia, tại chùa Lâm Tế ở Viên Sơn, chùa Lâm Tế có hội Niệm Phật, cho mãi đến hiện thời vẫn còn. Hội Niệm Phật ấy đã tồn tại hơn ba mươi năm. Phó hội trưởng của hội Niệm Phật là cư sĩ Lâm Đạo Kỳ. Thuở ấy, ông ta là Trương Lý⁷³ của Đài Loan Ngân Hàng, địa vị cũng rất cao, là đại hộ pháp của chùa Lâm Tế, làm phó hội trưởng hội Niệm Phật. Ông ta có thể đánh pháp khí, làm duy-na⁷⁴, gõ pháp khí rất khéo. Ông ta bị ung thư, qua đời. Khi lâm chung,

⁷² Nguyên văn là “*bại bán Như Lai*” (穉販如來). “*Bại bán*” có nghĩa là mua rẻ bán đắt hòng kiếm lợi.

⁷³ Trương Lý (襄理) là một chức vụ trong hệ thống xí nghiệp của Đài Loan, có thể hiểu gần giống như phó giám đốc, thường là trợ tá của Kinh Lý. Hệ thống quản trị ngân hàng hoặc đại xí nghiệp của Đài Loan theo quy cách sau đây, cao nhất là Đông Sự Trưởng (Tổng Giám Đốc), rồi đến Chấp Hành Trưởng (CEO), Tổng Kinh Lý (General Manager), Phó Tổng Kinh Lý, Hiệp Lý (Director), Kinh Lý (Manager), Phó Kinh Lý hoặc Trương Lý (Assistant Manager), rồi đến Khoa Trưởng (Khoa Trưởng, leader, Tech lead). Như vậy thì tùy theo quy mô của công ty mà Khoa Trưởng có thể là nhân viên quản lý một bộ phận, hoặc nhiều khi chỉ là tổ trưởng hoặc nhóm trưởng. Trương Lý là phó giám đốc điều hành nhiều bộ phận, hoặc chỉ đơn giản là trợ lý của giám đốc.

⁷⁴ Duy Na (維那) theo nghĩa gốc là một từ ngữ kết hợp tiếng Hán và Phạn. Duy là Cương Duy (綱維), có nghĩa là thống lãnh, duy trì, giữ vững giềng mối. Chử Na phát xuất từ chữ Yết Ma Đà Na (Karmadana), dịch nghĩa là Chấp Sự. Theo quy chế cổ, Duy Na là một trong ba chức vụ được coi là trọng yếu nhất trong một tự viện (Tam Cương). Vị này có trách nhiệm huấn luyện, kiểm tra, răn nhắc, thậm chí quả phạt những tăng sĩ nào không giữ đúng oai nghi, đồng thời còn kiêm nhiệm cả chức vụ giám sát các chấp sự khác. Vị này còn sắp xếp việc tu hành, nghi lễ, cũng như khóa tụng trong tự viện. Vị này phải là người thông hiểu lễ nghi, đức độ, oai nghi đáng làm gương mẫu khiến cho đại chúng nể phục. Dần dần về sau, ý nghĩa này bị mất đi, Duy Na chỉ còn là người có giọng tốt, vững nhịp, giữ vai trò bắt giọng, dẫn lễ trong các khóa tụng

chúng tôi đến niệm Phật giúp ông ta, nhưng ông ta chẳng nghe. Nghe Phật hiệu cảm thấy chán ghét, chửi mắng người ta! Lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, chúng tôi thấy ông ta suốt cả một đời chẳng tạo trọng tội mà lại như thế, mới biết chuyện vãng sanh nhất định phải là thiện căn, phước đức, nhân duyên đầy đủ, chẳng phải là chuyện đơn giản! Trong đời quá khứ chẳng có cơ sở sâu dày như vậy, nói là dựa vào một đời này bèn có thể vãng sanh, chẳng thể nào có chuyện ấy! Nếu trong một đời mà dễ vãng sanh như vậy, pháp môn này cũng chẳng cần phải gọi là “pháp khó tin”. Xác thực là phải có cơ sở sâu dày, hiện tiền được Tam Bảo gia trì, cho nên người ấy một niệm hồi tâm, có thể tiêu diệt các tội, vãng sanh là như vậy đó.

Chú giải cho đoạn này có nói: “*Thử phẩm hành nhân, hữu đạo tục nhị loại*” (Hành nhân thuộc phẩm này có hai loại là đạo và tục), có người tu hành và có tại gia cư sĩ. Tại gia cư sĩ thì “*tục nhân hoặc hủy Ngũ Giới, Bát Giới*” (người thế tục hoặc hủy năm giới, tám giới), đó là hàng tại gia, “*tỳ-kheo hoặc phạm Cụ Túc đại giới, như thử nhị loại, giai thị bất trí ngu nhân*” (tỳ-kheo hoặc phạm Cụ Túc đại giới. Hai loại người ngu, thiếu trí như thế). Nói đến trộm cắp, đặc biệt Thường Trụ, “*thâu thường trụ vật*” là trộm cắp những vật trong chùa chiền, tội ấy quá nặng, chư vị phải hiểu điều này. Vì kẻ ấy kết tội khác hẳn! Ví như chúng ta trộm cắp đồ vật của một người, đối tượng phạm tội của chúng ta là chỉ riêng người ấy, đối tượng ấy dễ giải quyết. Nếu chúng ta trộm cắp đồ vật của cơ quan chánh phủ, chẳng hạn như điện thoại công cộng do chánh phủ lắp đặt, [chi phí lắp đặt lầy] từ tiền thu thuế của dân chúng tại nơi ấy, họ đóng thuế để lắp đặt. Nếu quý vị trộm cắp vật ấy, sẽ kết tội với ai? Với dân chúng nơi ấy. Phàm là ai đóng thuế, [coi như] quý vị đều ăn trộm đồ vật của người ấy, phiền phức to lớn! Tội ấy quá nặng, do chẳng hiểu rõ chuyện này. Nếu những thứ lắp đặt công cộng do quốc gia tạo lập, quý vị ăn trộm nó, ăn trộm một đồng tức là quý vị đã mắc tội với dân chúng cả nước. Vì lẽ đó, kết tội khác nhau.

“*Tăng Kỳ vật*” (Samghika) là vật trong chùa miếu⁷⁵. Xưa kia, chùa miếu là thập phương thường trụ, phàm là người xuất gia đều có phần. Không chỉ là người

hoặc pháp hội. Riêng đối với người Việt, Duy Na chỉ còn là người giữ chuông trong một khóa lễ!

⁷⁵ Sách Sớ Sao giảng: “*Vật được ăn trộm chẳng ngoài bốn thứ thường trụ:*

1) Một là thường trụ thường vật, ý nói nhà kho của tăng chúng, các vật dụng, hoa quả, cây cối, vườn rừng, người làm công, những con vật được nuôi trong nhà chùa v.v... Do bản thể của những thứ ấy thông khắp mười phương, nên chẳng thể chia chác để sử dụng [riêng tư] được.

2) Hai là thập phương thường trụ, như các thức ăn thông thường cúng dường cho tăng chúng, tuy bản tánh thông khắp mười phương, chỉ hạn cuộc nơi người đang ở đó.

3) Ba là hiện tiền hiện tiền, tức là vật mà tăng chúng [đang thường trụ trong ngôi chùa ấy] có được.

4) Bốn là thập phương hiện tiền. Nếu làm mất vật chẳng đáng giá của tăng chúng, mà chẳng yết-ma [phát lộ tội lỗi], sẽ đắc tội với mười phương tăng chúng. Kẻ đã yết-ma, chỉ đắc tội với tăng chúng hiện tiền, thuộc về loại thứ ba là hiện tiền.

Hai loại trộm cắp đầu được gọi là ‘trộm cắp Tăng Kỳ vật’. Hai loại trộm cắp sau, được gọi là [ăn trộm] của hiện tiền tăng vật”.

xuất gia trong thế giới này có phần, mà tận hư không khắp pháp giới, người xuất gia thuộc các cõi Phật nơi phương khác cũng đều có phần. Vì chỉ cần là người xuất gia, chẳng có giới hạn. Cõi Phật chẳng có giới hạn, nên tội này vĩnh viễn chẳng thể trang trải xong. Vì thế, kinh luận đôi ba lượt khuyên lon chúng ta, quyết chẳng thể lấy trộm những thứ trong tự viện. Hễ lấy trộm, quyết định là tội nghiệp A Tỳ, chẳng giống như tội trộm đồ của một, hai người, khác hẳn! Mắc tội còn nặng hơn trộm đồ của quốc gia, vì phạm vi to lớn, số người đông đảo, phải hiểu mối quan hệ như vậy. Đương nhiên, hiện thời tự viện đã biến chất rất nhiều. [Trộm cắp] của thập phương thường trụ thật sự thì mới có tội nặng như thế. Nếu chẳng phải là thập phương thường trụ, sẽ chẳng có tội nặng như thế. Chùa miếu thập phương thường trụ là sở hữu của hết thầy người xuất gia thọ giới, khi họ đến đó, đều có thể quải đơn, đều có thể thụ dụng. Hiện thời có rất nhiều tự miếu được gọi là “tử tôn miếu”⁷⁶, phạm vi kết tội của tử tôn miếu rất nhỏ, rất ít. Chúng thường trụ trong các chùa miếu của họ nhiều nhất là hộ pháp, hoặc tín đồ của ngôi tự viện ấy, chẳng thể nào kết tội với người ngoài. Vì sao? Người ngoài đến quải đơn họ chẳng chấp thuận, như vậy thì chẳng phải là thập phương thường trụ.

Tại Trung Quốc đại lục, xưa kia từng lâm tự viện đều là thập phương thường trụ, về sau diễn biến thành tử tôn miếu. Trong thập phương thường trụ, Trụ Trì và Đương Gia được bầu ra, nhiệm kỳ một năm, ngày Ba Mươi tháng Chạp bèn từ chức, mùng Một tháng Giêng, các vị tân chấp sự sẽ đảm nhiệm. Đó là do bầu cử mà thành, chẳng phải là họ thích giao cho ai bèn giao cho người đó, chẳng phải như vậy. Đương nhiên, vị Trụ Trì cũ có thể đề cử, nhưng phải được đại chúng đồng ý thì mới được. Vì lẽ đó, trong Phật giáo, từ xưa tới nay, thực hành chế độ tuyển cử dân chủ, chẳng phải là chuyên chế. Tội ấy hết sức nặng nề. “*Bất tịnh thuyết pháp*” là trọng tội, vì phá hoại hình tượng của Phật pháp, tội này trọng đại, xấu ác tới tột cùng! Đoạn tiếp theo là nói về lợi ích.

Kinh u lục kiếp, liên hoa nữ phu. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dĩ phạm âm thanh, an ủy bỉ nhân, vị thuyết Đại Thừa thậm thâm kinh điển, văn thử pháp dĩ, ứng thời tức phát vô thượng đạo tâm. Thị danh hạ phẩm trung sanh giả.

經於六劫。蓮華乃敷。觀世音大勢至。以梵音聲。安慰彼人。為說大乘甚深經典。聞此法已。應時即發無上道心。是名下品中生者。

(*Trải qua sáu kiếp, hoa sen mới nở. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng tiếng phạm âm an ủi kẻ ấy, vì người ấy nói kinh điển Đại Thừa rất sâu. Nghe pháp ấy xong, ngay lập tức phát khởi vô thượng đạo tâm. Đó gọi là hạ phẩm trung sanh*).

⁷⁶ Từ ngữ “tử tôn miếu” có ý nghĩa châm biếm: Chùa chỉ dành riêng cho con cháu của chính mình. Tức là chỉ có đồ tử và đồ tôn của vị trụ trì hoặc vị thầy khai sơn là được ở đó, được hưởng quyền lợi tại đó.

Đoạn này nói về lợi ích. Cuối cùng, hãy xem hạ phẩm hạ sanh. Hạ phẩm hạ sanh là kẻ tạo tội cực nặng Ngũ Nghịch, Thập Ác.

Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Hạ phẩm hạ sanh giả, hoặc hữu chúng sanh, tác bất thiện nghiệp, Ngũ Nghịch, Thập Ác, cụ chư bất thiện. Như thử ngu nhân, dĩ ác nghiệp cố, ưng đọa ác đạo, kinh lịch đa kiếp, thọ khổ vô cùng. Như thử ngu nhân, lâm mạng chung thời, ngộ thiện tri thức, chủng chủng an ủi, vị thuyết diệu pháp, giáo linh niệm Phật. Thị nhân khổ bức, bất hoàng niệm Phật, thiện hữu cáo ngôn: “Nhữ nhược bất năng niệm bỉ Phật giả, ưng xưng Vô Lượng Thọ Phật”.

佛告阿難及韋提希。下品下生者。或有眾生。作不善業。五逆十惡。具諸不善。如此愚人。以惡業故。應墮惡道。經歷多劫。受苦無窮。如此愚人。臨命終時。遇善知識。種種安慰。為說妙法。教令念佛。彼人苦逼。不遑念佛。善友告言。汝若不能念彼佛者。應稱無量壽佛。

(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Hạ phẩm hạ sanh là hoặc có chúng sanh, tạo nghiệp chẳng lành, Ngũ Nghịch, Thập Ác, đầy đủ các điều chẳng lành. Kẻ ngu như thế, do ác nghiệp đáng đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp, chịu khổ vô cùng. Người ngu như thế, lúc lâm chung, gặp thiện tri thức an ủi mọi lẽ, vì người ấy nói pháp mầu, dạy kẻ ấy hãy niệm Phật. Kẻ ấy bị sự khổ bức bách, chẳng rảnh để niệm đức Phật ấy, bạn lành bảo rằng: “Nếu người chẳng thể niệm đức Phật ấy, hãy nên xưng niệm Vô Lượng Thọ Phật”).

“Xưng” (稱) là xưng niệm, còn chữ “niệm” trong câu trước là quán tưởng hoặc quán tượng. Quán tưởng và quán tượng đều chẳng kịp thì hãy nên xưng niệm Vô Lượng Thọ Phật.

Như thị chí tâm, linh thanh bất tuyệt, cụ túc thập niệm, xưng Nam-mô A Di Đà Phật. Xưng Phật danh cố, u niệm niệm trung, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội. Mạng chung chi thời, kiến kim liên hoa, do như nhật luân, trụ kỳ nhân tiền, như nhất niệm khoảnh, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới.

如是至心。令聲不絕。具足十念。稱南無阿彌陀佛。稱佛名故。於念念中。除八十億劫生死之罪。命終之時。見金蓮華。猶如日輪。住其人前。如一念頃。即得往生極樂世界。

(Chí tâm như thế khiến cho âm thanh chẳng dứt, đầy đủ mười niệm xưng Nam-mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm, trừ tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Khi mạng chung, thấy hoa sen vàng giống như vàng mặt trời ở trước người ấy. Như trong khoảng một niệm, liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc).

Đoạn kinh văn này hoàn toàn tương ứng với nguyện thứ mười tám của A Di Đà Phật, “*mười niệm ắt sanh*”. Đó là lâm chung mười niệm, mười niệm là mười câu, chẳng phải hết một hơi là một niệm, mà là mười câu Phật hiệu có thể diệt tội vãng sanh, lại còn là người tội nghiệp cực nặng. Nhưng chư vị vẫn phải nhớ, như tôi vừa mới chỉ ra, thiện căn, phước đức, nhân duyên trong nhiều đời, nhiều kiếp của người ấy đã chín muồi. Nếu không, trong khi lâm chung, nói thật ra, kẻ tạo tội nghiệp sâu nặng như vậy, lúc lâm chung đầu óc sáng suốt, vẫn chẳng điên đảo, rất khó có! Người bình phàm hề bị bệnh, khi bệnh nặng, người nhà quyến thuộc còn chẳng nhận ra được, há còn có thể niệm Phật ư? Vì vậy, người vãng sanh, điều kiện thứ nhất là đầu óc phải tỉnh táo, điều này hết sức khó đạt được! Vì thế, phàm kẻ tội nghiệp hối lỗi vãng sanh như vậy, nhất định phải trọn đủ ba điều kiện khẩn yếu:

- Thứ nhất là tỉnh táo.
- Thứ hai là gặp duyên, có thiện hữu khuyến nhủ.
- Điều kiện thứ ba: Vừa nghe liền lập tức tiếp nhận, chẳng có mảy may ngờ vực, lo âu, lập tức tiếp nhận, làm theo. Đó là được!

Nếu trong khi ấy có nỗi ngờ vực, suy đi xét lại, sẽ chẳng được! Quý vị nghĩ xem, ba điều kiện ấy khó lắm, chẳng có chuyện dễ dàng như vậy!

Vì lẽ đó, các đồng tu chúng ta chẳng vãng sanh thì thôi, nếu vãng sanh, tuyệt đối chẳng phải là hạ phẩm hạ sanh, xưa kia thầy Lý đã nói điều này, chẳng thể nào! Vì sao? Chúng ta chẳng trọn đủ điều kiện của hạ phẩm hạ sanh. Giống như chúng ta đã tiếp xúc pháp môn này rất lâu, bình thường niệm Phật, dẫu có tội nghiệp thì tội nghiệp chẳng nặng dường ấy! Người thật sự niệm Phật vãng sanh, phẩm vị luôn là hạ phẩm trung sanh trở lên, thậm chí còn có người là trung phẩm hạ sanh trở lên, hết sức có thể là như vậy! Đối với hạ phẩm vãng sanh thì người bình phàm như chúng ta cơ hội vãng sanh cũng chẳng quá lớn, hãy nên biết điều này. Tiếp theo đây là nói tới lợi ích do vãng sanh.

Ư liên hoa trung, mãn thập nhị đại kiếp, liên hoa phương khai. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dĩ đại bi âm thanh, vị kỳ quảng thuyết chư pháp Thật Tướng, trừ diệt tội pháp. Văn dĩ hoan hỷ, ứng thời tức phát Bồ Đề chi tâm.

於蓮華中。滿十二大劫。蓮華方開。觀世音大勢至。以大悲音聲。為其廣說諸法實相。除滅罪法。聞已歡喜。應時即發菩提之心。

(Ở trong hoa sen mãn mười hai đại kiếp, hoa sen mới nở. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng âm thanh đại bi, vì người ấy rộng nói Thật Tướng của các pháp và pháp trừ diệt tội. Nghe xong, hoan hỷ, ngay khi đó liền phát tâm Bồ Đề).

“*Phát Bồ Đề tâm*” là Viên Giáo Sơ Trụ, là Pháp Thân đại sĩ, sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Từ hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Thị danh hạ phẩm hạ sanh giả, thị danh hạ bối sanh tướng, danh đệ thập lục quán.

是名下品下生者。是名下輩生想。名第十六觀。

(Gọi là hạ phẩm hạ sanh, là phép quán tướng vãng sanh bậc hạ, gọi là phép Quán thứ mười sáu).

Trong chú giải có mấy câu, chúng ta hãy đọc một lượt. Xem từ dòng thứ nhất trong phần chú giải: “Ngôn Ngữ Nghịch, Thập Ác, cụ chư bất thiện giả” (Nói Ngữ Nghịch, Thập Ác, đủ các điều chẳng lành), người này tạo tác ác nghiệp, chẳng thành tựu điều thiện nào. “Tắc hủy hoại Tam Bảo, báng Đại Thừa kinh, đoạn học Bát Nhã, sát hại phụ mẫu đấng, vô sở bất vi, cố ngôn cụ dã” (Tức là hủy hoại Tam Bảo, báng kinh Đại Thừa, ngăn dứt sự học Bát Nhã, không điều gì chẳng làm, nên nói là “trọn đủ”), chính là một kẻ ngu si, tội nghiệp trong thế gian như vậy. “Ký hữu như thị cực trọng ác nhân, thế tất đọa u A Tỳ địa ngục, xuất khổ vô kỳ. Thử giới hoại thời, chuyên ký tha phương. Tha phương hoại thời, triển chuyển tương ký. Tùng địa ngục xuất, phục đọa ngạ quỷ. Ngạ quỷ tất dĩ, phục đầu súc sanh, cố vân kinh lịch ác đạo, thọ khổ vô cùng” (Đã có cái nhân cực nặng như thế, đương nhiên phải đọa trong địa ngục A Tỳ, chẳng có thuở thoát khổ. Khi cõi này đã hoại, bèn chuyển sang cõi thân trong phương khác. Khi phương khác đã hoại, lại lần lượt cõi thân nơi những phương khác nữa. Từ địa ngục thoát ra, lại đọa trong ngạ quỷ. Chịu khổ trong đường ngạ quỷ xong, lại đầu thai làm súc sanh, vì thế nói là “lần lượt trải qua các ác đạo, chịu khổ vô cùng”). Chuyện này được nói căn kẽ, tỉ mỉ trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, quả báo hết sức đáng sợ. Nhưng hiện thời có lắm kẻ, người chẳng học Phật không cần nói tới, chứ kẻ học Phật chẳng tin tưởng nhân quả, chẳng sợ báo ứng, hiện thời vẫn hành xử theo dục vọng, đúng là ngu si tới tột cùng. Hễ có đôi chút trí huệ, sẽ chẳng dám làm.

Nay chúng tôi khuyên dạy các đồng tu, vì sao đặc biệt chú trọng Liễu Phàm Tứ Huấn và Cảm Ứng Thiên? Tôi ấn định bảy môn học cho các đồng tu, trong ấy có hai môn này, nhằm dạy mọi người phải biết sự thật nhân quả báo ứng sâu xa. Không chỉ chớ nên làm chuyện xấu, chớ nên khởi ác niệm, mà nhất định phải biết “thiện có thiện báo, ác có ác báo”. Nhân duyên quả báo quyết định chẳng có cách nào tránh khỏi. Cảm Ứng Thiên là tiêu chuẩn thiện ác. Thiện là gì? Ác là gì? Chúng ta không dùng giới luật, giới luật nói sâu xa, cảnh giới rất rộng, chẳng thấy rõ lắm. Cảm Ứng Thiên đơn giản, rõ rệt, vừa xem liền hiểu ngay. Thuở Ân Quang đại sư tại thế, Ngài cả đời cực lực đề xướng [ấn hành Cảm Ứng Thiên và Liễu Phàm Tứ Huấn], tổ Ân Quang là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, chúng ta có thể tin tưởng được. Vì thế, hai loại sách này trọng yếu hơn bất cứ sách gì khác! Nay chúng ta chẳng đọc kinh Tiểu Thừa, cũng chẳng đọc sách Không Tử, nên dùng hai thứ ấy để thay thế. Dùng Liễu Phàm Tứ Huấn và Cảm Ứng Thiên để thay thế, bù đắp cơ sở bị thiếu hụt. Nhất định phải đọc thuộc lòng hai loại ấy, phải y giáo phụng hành, sửa lỗi đổi mới, tôi đề xướng [đọc tụng hai sách ấy] là nhằm mục

đích này. Có thiện căn, phước đức như vậy, trong tương lai mới là tư lương để chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Phần kế tiếp nói rất hay, chúng ta hãy xem tiếp: “*Bất liệu u vô lượng kiếp tiền, trị Phật văn pháp, chủng quá thiện căn*” (Nào dè trong vô lượng kiếp trước, đã gặp Phật, nghe pháp, gieo trồng thiện căn). Kẻ ác nghiệp ấy lâm chung gặp thiện tri thức khuyên bảo “*mười niệm có thể vãng sanh*” là do trong vô lượng kiếp đời quá khứ đã gieo thiện căn rất sâu dày, chỉ là đời này mê hoặc, điên đảo, chẳng phải là ngẫu nhiên [mà gặp gỡ thiện tri thức]. Chúng ta cũng học đời theo kiểu của người ấy, bảo đảm đọa địa ngục, quyết định chẳng vãng sanh! Học kiểu ấy không được đâu! Chớ nên làm chuyện cầu may, nhất định phải chú ý điều này.

“*Đản hữu Văn Tư, vị tăng tu tập, hậu vi phiền não phú chướng, cánh bị trầm mai, trực chí thùi chung, vị khổ bức xuất, đắc ngộ thiện tri thức, an ủy kỳ tâm, tiên vị thuyết pháp, khai kỳ tâm trí, hậu linh niệm Phật, giáo dĩ vãng sanh*” (Chỉ có Văn Huệ và Tư Huệ, chưa từng tu tập, về sau bị phiền não che lấp, ngăn trở, nên bị đắm chìm, mãi cho đến khi lâm chung, bị các nỗi khổ bức bách mà [thiện căn] phát hiện, gặp thiện tri thức, an ủi tâm tình. Trước hết bèn nói pháp cho người ấy, khơi mở tâm trí; sau đó, dạy người ấy niệm Phật, dạy cho vãng sanh). Đó là thiện căn trong vô lượng kiếp, trong một sát-na cuối cùng, bị các nỗi khổ bức bách mà xuất hiện.

Giống như ông Trương Thiện Hòa đời Đường, cả đời mổ trâu, khi lâm chung thấy nhiều kẻ đầu trâu đến đòi mạng. Khi ấy, ông ta lo sợ, lớn tiếng kêu gào cứu mạng. Duyên của ông ta tốt đẹp, khéo sao, một vị xuất gia đi ngang cửa, nghe ông ta kêu cứu mạng, liền bước vào hỏi han chuyện gì? Ông ta nói: “Rất nhiều gã đầu trâu đến đòi mạng”. Vị xuất gia ấy trong tâm hiểu ngay, vội vã đốt một nắm hương bảo ông ta cầm lấy, niệm A Di Đà Phật, cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Ông ta bèn lớn tiếng niệm, niệm chưa được mấy tiếng, bèn nói: “Những kẻ đầu trâu chẳng còn nữa”. Lại niệm mấy tiếng, bảo: “A Di Đà Phật đã đến”. Ông ta bèn vãng sanh. Chuyện này chẳng dễ dàng, khá là khó khăn, do thiện căn trong vô lượng kiếp đã chín muồi, chẳng phải là chuyện may mắn!

Vì thế, chính chúng ta phải hiểu, nay chúng ta có duyên gặp pháp môn này, gặp gỡ viên mãn như vậy, thù thắng như vậy, có thể thấy thiện căn, phước đức quyết định chẳng ít. Nếu ít thiện căn, ít phước đức, cả đời này chúng ta cũng chẳng gặp! Đối với giáo lý, ít nhiều gì cũng hiểu được vài phần, cũng hiểu phương pháp, thì nhất định phải nghiêm túc nỗ lực tu học, quyết định chớ nên bỏ lỡ! Một câu A Di Đà Phật có thể tiêu trừ hết thảy tội nghiệp cực nặng. Tiêu diệt tội nghiệp như thế nào? Chư vị phải biết: Trong niệm niệm, tâm quý vị có A Di Đà Phật, sẽ chẳng có tội nghiệp. Hình tướng của tội nghiệp là gì? Chính là vọng tưởng, phiền não, ưu lự, đó là tội tướng (hình tướng của tội nghiệp). Cần phải biết hình dạng của tội nghiệp. Vọng tưởng nhiều chính là tướng của tội nghiệp, tâm địa thanh tịnh là tướng tốt đẹp. Suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, quý vị là Phật tướng. Ngay cả kẻ xem tướng cũng nói “*tướng chuyển theo tâm*”, quý vị niệm Phật nhiều, trong tương lai, tướng mạo sẽ dần dần biến thành tướng Phật, tướng mạo tốt đẹp. Tướng chuyển theo tâm là thật, tướng có thể chuyển. Tiết cuối cùng là...

Thị danh hạ phẩm hạ sanh giả, thị danh hạ bối sanh tướng, danh đệ thập lục quán.

是名下品下生者。是名下輩生想。名第十六觀。

(Gọi là hạ phẩm hạ sanh, là phép quán tướng vãng sanh bậc hạ, gọi là phép Quán thứ mười sáu).

Đến đây là Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy phu nhân Vi Đề Hy phương pháp vãng sanh, dạy bà cách Chánh Thọ, đến đây đã nói xong xuôi.

Cuối cùng là tổng kết, chúng ta xem dòng thứ nhất trong trang hai trăm bốn mươi tám.

Thuyết thị ngữ thời, Vi Đề Hy dữ ngũ bách thị nữ, văn Phật sở thuyết, ứng thời tức kiến Cực Lạc thế giới, quảng trường chi tướng, đắc kiến Phật thân, cập nhị Bồ Tát, tâm sanh hoan hỷ, thán vị tăng hữu, hoát nhiên đại ngộ, đãi Vô Sanh Nhân.

說是語時。韋提希與五百侍女。聞佛所說。應時即見極樂世界廣長之相。得見佛身。及二菩薩。心生歡喜。歎未曾有。豁然大悟。逮無生忍。

(Khi nói lời ấy, bà Vi Đề Hy và năm trăm thị nữ, nghe lời Phật dạy, ngay khi đó thấy tướng rộng lớn của thế giới Cực Lạc, được thấy thân Phật và hai vị Bồ Tát, tâm sanh hoan hỷ, tán thán là chưa hề có, hoát nhiên đại ngộ, đắc Vô Sanh Nhân).

Chữ Đãi (逮) có nghĩa là đạt đến. Đắc Vô Sanh Nhân: Khi ấy, đức Phật giảng giải cho phu nhân Vi Đề Hy, bà ta nghe giảng, liền nương theo văn nhập quán; nghe xong bèn tu hành, khai giải. Đó là căn tánh Đại Thừa Bồ Tát, phu nhân là căn tánh Đại Thừa Bồ Tát, trọn đủ Tam Huệ. Tam Huệ là Văn, Tư, Tu. Văn là tiếp xúc, nghe Phật thuyết pháp là Văn, lắng nghe là tiếp xúc. Vừa nghe bèn hiểu rõ, khai ngộ, đó là Tư, tức Tư Huệ. Sau khi khai ngộ, chẳng mê, chẳng điên đảo. Nói theo phương diện chẳng mê, chẳng điên đảo là Tu Huệ. Nói cách khác, phiền não, tập khí, vọng tưởng, chấp trước thuận theo sự nghe mà đoạn trừ. Đức Phật giảng kinh xong xuôi, phiền não và tập khí của bà ta cũng đoạn hết. Ngay khi ấy liền chứng đắc Thất Địa Bồ Tát. Từ địa vị phàm phu, ngay lập tức chứng đến Thất Địa Bồ Tát. Pháp môn này là đại pháp Viên Đôn, chẳng trải qua thứ tự, ngay lập tức chứng đắc cảnh giới này. Lại xem đoạn tiếp theo.

Ngũ bách thị nữ, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, nguyện sanh bỉ quốc. Thế Tôn tất ký giai đương vãng sanh. Sanh bỉ quốc dĩ, hoạch đắc Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Vô lượng chư thiên, phát vô thượng đạo tâm.

五百侍女。發阿耨多羅三藐三菩提心。願生彼國。世尊悉記皆當往生。生彼國已。獲得諸佛現前三昧。無量諸天。發無上道心。

(Năm trăm thị nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nguyện sanh về cõi ấy. Đức Thế Tôn đều thọ ký họ sẽ vãng sanh. Đã sanh về cõi ấy, sẽ đắc Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Vô lượng chư thiên phát Vô Thượng đạo tâm).

Câu này cho biết các thị nữ của bà ta do nghe pháp mà đạt được lợi ích. Phu nhân chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, sanh vào Thất Địa. Các thị nữ cũng chẳng đơn giản, duyên cũng hết sức sâu, nghe đức Phật thuyết pháp, Bồ Đề tâm phát hiện. Tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề trong phần trước đã nói là “chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm”. Phát trọn vẹn ba tâm chính là quả vị Sơ Trụ trong Viên Giác. Đức Phật giảng kinh này trong cung, thính chúng chỉ có ngàn ấy, ai nấy đều đạt được lợi ích thù thắng khôn sánh. Phần kinh văn Chánh Tông đến đây đã giảng xong. Cuối cùng là phần Lưu Thông của kinh này, xin xem kinh văn nơi dòng thứ nhất của trang hai trăm năm mươi.

Nhĩ thời A Nan tức tùng tọa khởi, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh, thử pháp chi yếu, đương vân hà thọ trì?”

爾時阿難即從坐起。白佛言。世尊。當何名此經。此法之要。當云何受持。

(Lúc bấy giờ, ngài A Nan từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch đức Phật rằng: - Bạch đức Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên là gì? Nên thọ trì pháp yếu này như thế nào?)

Đức Phật dạy phu nhân Vi Đề Hy ức trì, [tức là] ức niệm, thọ trì, thấy đều dạy xong xuôi. Tôn giả A Nan vâng mệnh truyền trì Phật pháp, nên Ngài có trách nhiệm. Ở đây, Ngài thỉnh giáo đức Thế Tôn, kinh này nên có danh xưng là gì? “Hà danh thử kinh”, phải thọ trì như thế nào?

Phật cáo A Nan: - Thử kinh danh Quán Cực Lạc Quốc Độ Vô Lượng Thọ Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát.

佛告阿難。此經名觀極樂國土無量壽佛。觀世音菩薩。大勢至菩薩。

(Đức Phật bảo ngài A Nan: - Kinh này có tên là Quán Cực Lạc Quốc Độ Vô Lượng Thọ Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát).

Đức Phật nói ra tên kinh.

Diệc danh Tịnh Trì Nghiệp Chương Sanh Chư Phật Tiền. Nhữ đương thọ trì, vô linh vong thất.

亦名淨除業障。生諸佛前。汝當受持。無令忘失。

(*Cũng có tên là Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Sanh Chư Phật Tiền, ông nên thọ trì, chớ để quên mất*).

Đức Phật nói kinh này có hai danh xưng: Danh xưng thứ nhất kiến lập theo phương pháp tu học, quán Tây Phương Tam Thánh⁷⁷. Truyền đến Trung Quốc, do vị đại sư phiên dịch đã giản hóa đề mục, nên tên kinh được gọi là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Vì nói đến Vô Lượng Thọ Phật, đương nhiên thế giới Cực Lạc cũng được bao gồm trong ấy, Quán Âm, Thế Chí cũng bao gồm trong đó, nên giản hóa đề mục. Đề kinh tuy giản hóa, nhưng ý nghĩa trọn đủ. Tựa đề kia (danh xưng thứ hai của kinh này) được kiến lập theo công đức lợi ích của kinh; vì thế, kinh này có tên là Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Sanh Chư Phật Tiền, “*như đương thọ trì, vô linh vong thất*” (ông hãy nên thọ trì, đừng để quên mất). Lại xem phần kinh văn tiếp theo.

Hành thử tam-muội giả, hiện thân đắc kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập nhị đại sĩ.

行此三昧者。現身得見無量壽佛。及二大士。

(*Hành tam-muội ấy, thân hiện tại được thấy Vô Lượng Thọ Phật và hai vị đại sĩ*).

Thật sự nương theo phương pháp này để tu hành, thành tựu Niệm Phật tam-muội, hiện tiền nhất định có thể thấy Tây Phương Tam Thánh.

Nhược thiện nam tử cập thiện nữ nhân, đản văn Phật danh, nhị Bồ Tát danh, trừ vô lượng kiếp sanh tử chi tội, hà hướng ức niệm.

若善男子及善女人。但聞佛名。二菩薩名。除無量劫生死之罪。何況憶念。

(*Nếu thiện nam tử và thiện nữ nhân chỉ nghe tên Phật và tên hai vị Bồ Tát, sẽ trừ tội trong vô lượng kiếp sanh tử, hướng hồ ức niệm*).

Đây là nói danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Bất luận quý vị hữu tâm hay vô tâm, hiểu hay chẳng thể hiểu, trong một đời này, có duyên có thể nghe một câu Nam-mô A Di Đà Phật, hoặc là Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát, [Nam-mô] Đại Thế Chí Bồ Tát, “*vừa thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo*”, công đức lợi ích thù thắng, chẳng có gì sánh bằng! Hướng chi là chúng ta thường xuyên ức niệm? Công đức lợi ích ấy lại càng chẳng thể nghĩ bàn. Lại xem phần kinh văn tiếp theo, nơi trang hai trăm năm mươi hai.

⁷⁷ Phần Sao trong sách Quán Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa ghi: “*Một chữ Quán là tâm quán diệu tông. Cực Lạc Tam Thánh là Thể trọn vẹn của Thật Tướng. Đây là từ Thể và Tông mà đặt tên. Trừ sạch nghiệp chướng, cho đến tội cùng là tiêu trừ tội Ngũ Nghịch. Từ ngữ Sanh Chư Phật Tiền bao gồm cả chín phẩm. Danh xưng này nói theo Dụng. Gộp cả ba nghĩa ấy để giải thích tên kinh*”.

Nhược niệm Phật giả, đương tri thử nhân, tắc thị nhân trung Phân Đà Lợi hoa.

若念佛者。當知此人。則是人中分陀利華。

(Nếu là người niệm Phật, hãy nên biết người ấy là hoa Phân Đà Lợi trong loài người).

Phân Đà Lợi (Punḍarīka) là tiếng Phạn, [nghĩa là] hoa sen trắng. Trong hoa sen bốn màu, hoa sen trắng thù thắng nhất, đẹp nhất. Đây là đức Thế Tôn tán thán người niệm Phật.

Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, vi kỳ thắng hữu.

觀世音菩薩。大勢至菩薩。為其勝友。

(Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát là bạn thù thắng của người ấy).

Có những kẻ coi thường, khinh rẻ người niệm Phật. Nói thật ra, người niệm Phật cần gì kẻ khác coi trọng mình? Quý vị thấy Quán Âm, Thế Chí làm bạn tốt của quý vị. Có những kẻ rất cung kính, lễ bái Quán Thế Âm Bồ Tát, nhưng chẳng coi người niệm Phật ra gì. Đó là mê hoặc, điên đảo, chẳng nhận biết rõ ràng. Những lời này đều do đức Phật nói, tuyệt đối chẳng phải là vọng ngữ, tuyệt đối chẳng phải do người niệm Phật tự khoe khoang, khoác lác, mà là do đức Phật nói. Tiếp đó, đức Phật nói:

Đương tọa đạo tràng, sanh chư Phật gia.

當坐道場。生諸佛家。

(Sẽ ngồi nơi đạo tràng, sanh trong nhà chư Phật).

Đây là “*đắc quả siêu hạnh*”, người niệm Phật thật sự nhất định vãng sanh, vãng sanh thành Phật, nên nói “*tọa đạo tràng*” là hóa độ chúng sanh, “*sinh chư Phật gia*”, thấy một đức Phật A Di Đà là thấy hết thấy mười phương chư Phật, quả thật là sanh trong nhà chư Phật. Chúng ta chưa từng thấy công đức lợi ích ấy trong các kinh luận hay pháp môn khác.

Phật cáo A Nan: - Nhữ hảo trì thị ngữ.

佛告阿難。汝好持是語。

(Đức Phật bảo ngài A Nan: - Ông hãy khéo gìn giữ lời này).

Trong lời dặn dò có lời khích lệ. Ông hãy khéo thọ trì “*thị ngữ*”. Chữ “*thị ngữ*” chỉ những điều đức Phật đã nói trên đây.

Trì thị ngữ giả, tức thị trì Vô Lượng Thọ Phật danh.

持是語者。即是持無量壽佛名。

(Vâng giữ lời này chính là trì danh Vô Lượng Thọ Phật).

Câu này cũng do Thích Ca Mâu Ni Phật nói. Ý nghĩa rất rõ rệt: Niệm kinh này là niệm Vô Lượng Thọ Phật, công đức niệm Phật và niệm kinh như nhau. Quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm kinh A Di Đà và niệm kinh này đều là niệm A Di Đà Phật, chẳng khác gì nhau! Vì lẽ đó, chúng ta niệm kinh, có người nói: “Rốt cuộc tôi niệm kinh tốt hơn, hay là niệm danh hiệu A Di Đà Phật hay hơn?” Đều được cả! Niệm kinh hay niệm danh hiệu đều được, đều là ức Phật, niệm Phật. Tùy thuộc trạng huống tu học của chính mình! Nếu có thể nhiếp tâm, tâm địa thanh tịnh thì danh hiệu rất tốt. Nếu niệm danh hiệu mà vẫn chưa thể nhiếp tâm, vọng tưởng, tạp niệm rất nhiều, nhưng niệm kinh tương đối dễ dàng nhiếp tâm thì niệm kinh xong bèn niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Tán niệm xưng danh, công đức cũng chẳng thể nghĩ bàn, hy vọng trong mười hai thời có thể gìn giữ không gián đoạn là được rồi.

Phật thuyết thử ngữ thời, tôn giả Mục Kiền Liên, tôn giả A Nan, cập Vi Đề Hy đẳng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ.

佛說此語時。尊者目犍連。尊者阿難。及韋提希等。聞佛所說。皆大歡喜。

(Khi đức Phật nói lời ấy, tôn giả Mục Kiền Liên, tôn giả A Nan, và Vi Đề Hy v.v... nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ to lớn).

Kinh đến chỗ này là kết thúc, nhưng do giảng trong vương cung, các đại chúng tại núi Kỳ Xà Quạt còn chưa được nghe, nên sau đó còn phụ chú.

Nhĩ thời Thế Tôn, túc bộ hư không, hoàn Kỳ Xà Quạt sơn. Nhĩ thời, A Nan quảng vị đại chúng, thuyết như thượng sự. Vô lượng chư thiên, long, dạ-xoa, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, lễ Phật nhi thoái.

爾時世尊。足步虛空。還耆闍崛山。爾時阿難。廣為大眾。說如上事。無量諸天龍夜叉。聞佛所說。皆大歡喜。禮佛而退。

(Khi ấy, đức Thế Tôn bước lên hư không, trở về núi Kỳ Xà Quạt. Lúc bấy giờ, Ngài A Nan rộng vì đại chúng nói chuyện trên đây. Vô lượng chư thiên, long, dạ-xoa, nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ to lớn, lễ Phật lui ra).

Tôn giả A Nan sau khi theo Phật trở về Linh Sơn, liền đem những lời tuyên thuyết trong vương cung đối trước đại chúng nhắc lại một lượt. Do những điều ngài A Nan đã nói giống như lời Phật nói, nên mọi người sau khi xong đều cảm thấy là “văn Phật sở thuyết” (nghe lời Phật dạy), chẳng phải là do A Nan nói, thật ra là do A Nan tuyên thuyết. A Nan chẳng nói sai câu nào, nên giống như

nghe đức Phật nói, “giai đại hoan hỷ, lễ Phật nhi thoái”. Đối với những câu này, chúng tôi chẳng rườm lời vì phần lưu thông trong mỗi bộ kinh đều đã nói cặn kẽ. Tới đây, chúng tôi đã giảng viên mãn bộ kinh này.

Kinh đã viên mãn, hy vọng chư vị đồng tu có thể vãng theo những điều khai thị trọng yếu trong kinh, nhớ giữ không quên, y giáo phụng hành. Nếu chúng ta nhận biết Phật pháp đôi chút, liền biết trong hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có gì quý báu hơn Phật pháp. Nhất là pháp môn Tịnh Tông trong Phật pháp, thù thắng khôn sánh bậc nhất, cô nhân tán thán là “*một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”. Lời ấy là thật, chẳng giả. Hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay, nay chúng ta gặp gỡ. Đã gặp, nếu chẳng thể nắm thật chặt, lỡ làng một đời này như thế, rất đáng tiếc!

Quý vị nói xem: Lần sau gặp được, phải trải qua vô lượng kiếp, khá khó khăn! Quý vị phải nắm chắc, thật sự giác ngộ, buông xuống vạn duyên. Chúng ta được làm thân người trong đời này quá đáng quý, chỉ cần chúng ta ăn no, mặc ấm, có căn nhà nhỏ để đụt mưa, tránh gió là đủ rồi, cầu vãng sanh là khẩn yếu! Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đắc đại tự tại, nếu mong trở về thế giới này để giúp đỡ hết thấy chúng sanh, [sẽ là] Bồ Tát thừa nguyện tái lai, đến đi tự do, thù thắng lắm! Vì sao còn muốn tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo? Vẫn còn muốn chịu những nỗi khổ nạn ấy? Đó là ngu si. Chẳng gặp pháp môn này, sẽ chẳng có cách nào, muốn vượt thoát nhưng chẳng được, chẳng có điều kiện. Hễ gặp gỡ, tất cả điều kiện thấy đều trọn đủ, nếu quý vị vứt bỏ, đáng tiếc quá, chẳng có cách nào hết!

Do vậy, hy vọng các đồng tu phải thật sự phát tâm. Có thể phát tâm hoằng dương pháp môn này, đương nhiên là càng khó có. Hoằng dương pháp môn này, nói thật ra, phải xa lìa pháp thế gian, phải bỏ sạch sành sanh tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian, chẳng cần những thứ ấy. Hoằng pháp lợi sanh thì nếu gặp người duyên đã chín muồi, thấy người ấy thật sự chịu tiếp nhận, thật sự có thể nghe hiểu, thật sự có thể y giáo tu hành, dầu là một người thì ta cũng phải giảng cho người ấy. Giảng cho người ấy, đời này người ấy niệm Phật vãng sanh thành Phật, tuyệt diệu thay! Quyết định chớ nên nói ta phải lập một đạo tràng rất lớn, phải có mấy ngàn vạn người đến nghe, đó là gì? Đó là phô trương, biểu diễn, làm trò náo nhiệt, chúng ta chớ nên làm chuyện ấy, chẳng có ý nghĩa gì, hoàn toàn là làm chuyện bề ngoài, chớ nên làm!

Thật sự cộng tu, nói thật ra, quý ở chỗ tinh ròng, chẳng chuộng đông. Đông người là muốn làm chuyện náo nhiệt, chẳng có hiệu quả. Đạo tràng này của chúng ta thành lập đã nhiều năm như vậy, cũng có không ít đồng tu đến tìm tôi, [cho biết] đã tìm được giảng đường ở Hàng Châu Nam Lộ⁷⁸, muốn tặng đất cho tôi, tặng thứ này, tặng thứ nọ, tôi đều chẳng cần. Vì sao? Tìm đâu ra người? Cát chùa, xây dựng xong xuôi bèn tranh quyền đoạt lợi, [trở thành] đạo tràng đấu tranh, quả báo trong tam đồ, chúng ta chớ nên làm chuyện ấy. Vì thế, tôi nói với Quán Trưởng: “Chúng ta ở chỗ nhỏ nhoi này là đủ rồi. Thính chúng đông quá, không

⁷⁸ Hàng Châu Nam Lộ là một con đường thuộc khu Trung Chánh của thành phố Đài Bắc.

có chỗ ngồi! Chúng ta chẳng cần tuyên truyền, đủ rồi, không cần mở rộng thêm. Đạo tràng nhỏ, chi tiêu ít, chẳng cần cầu cạnh người khác, tâm an lý đắc. Chúng ta có thể vãng sanh trong một đời này thì hay lắm, quyết định chẳng ở trong thế giới này làm chuyện chơi trội. Phải thật thà, chết sạch tâm lòng mong ngóng, so đo, gánh vác trách nhiệm Phật pháp”. Thật sự có thể tiếp tục hồng pháp, nói thật ra, chẳng cần nhiều người. Dăm ba người là khá lắm rồi, có được mười người hay tám người, Tịnh Độ Tông có thể truyền khắp toàn thế giới. Vấn đề là ai chịu buông tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần xuống? Thật sự buông xuống, sống một cuộc đời quý vị nói là rất khổ, tôi nói là vui nhất, tiêu chuẩn khổ và vui của chúng ta khác nhau! Quý vị có tiền, có thể lực, bèn nói là vui; đối với chúng tôi, tâm địa thanh tịnh, chẳng vướng mắc, chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự, đó là vui. Thân tâm thanh tịnh liền tự tại, sung sướng, chẳng bị ràng buộc, thứ gì cũng chẳng có, nhưng như thế nào vẫn có thể sống được, chẳng có gì là thiếu thốn quá lớn, lẽ nào chẳng vui sướng? Đó là do tiêu chuẩn khổ, lạc khác nhau! Vì thế, thật sự triệt để buông xuống, sẽ có chân lạc, người thế gian chẳng thể tưởng tượng được đâu!

A! Khóa học này đến đây đã viên mãn. Cảm ơn quý vị.

Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”